

THÂN LOAN

親 鸞

GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG

教 行 信 證

Kyōgyōshinshō

QUẢNG MINH dịch chú

DẪN NHẬP

Tịnh độ Chân tông là một con đường đặc thù cho những phàm phu “ác nặng chướng nhiều” như chúng ta, dẫn đến cõi Niết-bàn của sự an lạc và thanh tịnh tối thắng, đó là Tịnh độ. Chính ở Tịnh độ An Lạc này, chúng ta nhận ra Phật trí và đại từ bi tâm cứu độ chúng sinh thông qua Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Những người đã sinh, đang sinh và sẽ sinh về Tịnh độ An Lạc có trách nhiệm truyền bá chánh pháp trong thế giới luân hồi. Các tiền nhân của Tịnh độ giáo ở Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản và các nơi khác, chẳng hạn như Long Thọ, Thiên Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Nguyên Tín, Pháp Nhiên, cũng không ngoại lệ. Thân Loan sinh ra ở Nhật Bản và đã đưa Tịnh độ giáo lên mức độ phát triển cao nhất với sự nhấn mạnh vào Tha lực.

Trong Lời Tựa của Giáo Hành Tín Chứng, Thân Loan viết:

“Giáo pháp Phật thuyết một đời, không sánh với biển đức như thế.”

Ở đây, Thân Loan đang ca ngợi Bản nguyện Niệm Phật là lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni mà những lời dạy khác của Ngài không sánh bằng và vượt trội. Những lời này cho thấy ý định giác ngộ sâu sắc của chính Thân Loan và cũng trình bày Phật Đạo chân chính trong giáo lý của Đức Thích Ca Mâu Ni mà những chúng sinh “ác nặng chướng nhiều” đạt được. Nói cách khác, đối với Thân Loan, tìm hiểu giáo lý của Đức Phật là làm sáng tỏ những lời dạy chân chính cho "phàm phu đầy đủ phiền não". Điều này có thể được nhìn thấy rõ ràng trong các từ theo sau những điều trên:

“[Những ai] bỏ uế ưa tịnh, hành tín sai lầm, tâm mê thức ít, ác nặng chướng nhiều, [thì] cậy nhờ Như Lai đưa đi, mong về đường thẳng tối thắng. Riêng kính vâng hành này, chỉ tôn trọng tín đây.”

Trong khi Thân Loan tìm cách đạt được Phật đạo trong con đường của Thiên Thai tông tại Enryakuji trên núi Tỷ Duệ cho đến năm hai mươi chín tuổi, cuối cùng, ông chỉ tiếp tục bối rối không biết đâu là cách thực hành và niềm tin thực sự hiệu quả vào Phật giáo. Điều này vượt xa kinh nghiệm cá nhân của ông theo cách khiến ông hiểu vấn đề sâu xa của việc “đầy đầy phiền não” mà loài người phải đương đầu. Trong khi toàn tâm toàn ý tìm kiếm những giáo lý mà những người như vậy có thể áp dụng vào thực hành, Thân Loan đã gặp những lời của Đức Phật về Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà và làm cho ý nghĩa của chúng trở nên rõ ràng.

Nói một cách cụ thể, làm thế nào Thân Loan hiểu được “Giáo pháp Phật thuyết một đời” và tại sao ông có thể nói rằng “không sánh với biển đức như thế”? Mặc dù câu hỏi này phải được hiểu từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng theo cách hiểu của Thân Loan, những lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được phân thành hai: Chân thật và Giả tạm.

Khi bị đày đến miền bắc Nhật Bản, Thân Loan đã tuyên bố rằng ông không phải là một tu sĩ hay một cư sĩ. Khi xuống núi Tỷ Duệ, ông đã rời bỏ Tăng đoàn Phật giáo một lần và mãi mãi, và trở thành đệ tử của Pháp Nhiên. Giống như Thầy mình, việc Thân Loan rời khỏi Giáo hội càng làm tăng thêm quyết tâm truyền bá thông điệp cứu độ của Đức Phật A Di Đà đến những người đàn ông và phụ nữ bình thường trên cánh đồng và trên đường phố.

Lời dạy Niệm Phật của Pháp Nhiên rất đơn giản và chân thật, dễ hiểu và dễ thực hành. Lập trường cơ bản về đức tin vào tha lực của Thân Loan cũng vậy. Khi sống ở vùng Kanto, ông đã tham gia vào việc truyền bá lời dạy về Đức tin Niệm Phật cho người dân địa phương. Họ quá hạnh phúc khi nhận được lời dạy và sống theo nó. Nhận thấy rằng thông điệp của mình đang tiếp cận một cách hiệu quả ngay cả với những người có trình độ học vấn thấp hoặc không có học vấn, Thân Loan đã củng cố niềm tin của mình vào giáo lý Tha lực và cảm nhận sự cần thiết phải thiết

lập hệ thống giáo lý Hoàn siêu và Hoàn xuất của sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà. Người ta tin rằng Thân Loan đã từng đến thư viện địa phương để thu thập tài liệu cho mục đích này.

Có một động cơ khác khiến Thân Loan viết tác phẩm toàn diện này về Bản nguyện Niệm Phật. Ký ức của ông vẫn còn rõ ràng khi Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập của Pháp Nhiên được công bố sau khi ông qua đời. Các tu sĩ uyên bác của các trường phái cũ ở núi Tỳ Duệ và Nại Lương đã tung ra những cuộc tấn công kịch liệt vào lời dạy của Pháp Nhiên. Các đệ tử của ông đã cố gắng hết sức để chống lại họ để bảo vệ giáo lý Niệm Phật của đạo sư. Thân Loan làm theo nhưng phải mất nhiều thời gian chuẩn bị, rất tỉ mỉ trong việc đưa ra một hệ thống Tịnh độ mới với quy mô và chiều sâu chưa từng có.

Giáo Hành Tín Chứng của Thân Loan không chỉ bảo vệ giáo lý Niệm Phật trước sự tấn công từ các trường phái truyền thống mà còn tuyên bố Đức tin và sự thực hành Tha lực là giáo lý Đại thừa tối thượng. Thân Loan bắt đầu sáng tác Giáo Hành Tín Chứng vào năm 1224, khi ông đang ở vùng Kanto. Ông vẫn tiếp tục sửa lại nó ngay cả khi đã trở lại Kyoto với tuổi tác đã ngoài sáu mươi.

Lý thuyết cứu độ của Thân Loan được xây dựng trong Giáo Hành Tín Chứng đại diện cho đỉnh cao tín ngưỡng Di Đà, không chỉ của Tịnh độ giáo mà còn của Phật giáo Đại thừa nói chung. Nó có vị thế cơ bản độc nhất, nhưng, như ông đã tuyên bố, ông chỉ đơn giản là một tín đồ của những người đi trước - Bảy bậc Thầy. Trong khi trích dẫn rất nhiều từ các tác phẩm của họ, Thân Loan đã phát triển hệ thống Giáo lý, Thực hành, Đức tin và Chứng ngộ của mình.

Tựa đề của kiệt tác này là Hiện Tịnh Độ Chân Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại (顯淨土眞實教行證文類, Kenjōdo Shinjitsu Kyōgyōshō Monrui), thường gọi tắt là Giáo Hành Tín Chứng (教行信證, Kyōgyōshinshō), thu tàng Đại Chánh Tạng, Tập 83, No. 2646. Tựa đề tiếng Anh thường được dịch là The True

Teaching, Practice, and Realization of the Pure Land Way. Nó mô tả hệ thống cứu độ trong Phật giáo Chân tông, trái ngược với những lời dạy về Tự lực mà thường tuân theo hệ thống ‘Giáo – Lý – Hành – Quả’. Theo tiến trình tu tập thông thường của Phật giáo, trước tiên chúng ta lắng nghe và tư duy lời dạy, rồi hiểu chân lý của sự thật. Sau đó, chúng ta thực hiện phương pháp thực hành đã quy định để chứng ngộ chân lý của sự thật. Khi thực hành thành công, chúng ta đạt được giác ngộ. Trong giáo lý về Tự lực, sự thực hành của một hành giả có tầm quan trọng hàng đầu; kết quả cuối cùng phụ thuộc vào mức độ hiệu quả mà người đó thực hiện sự thực hành đã quy định. Tuy nhiên, Giáo Hành Tín Chứng chứng minh rằng, “Quá trình giải thoát đến từ bên trên”, tức là từ Đức Phật A Di Đà. Đầu tiên, Đức Phật A Di Đà đến với chúng ta qua lời dạy của Kinh Vô Lượng Thọ. Tiếp theo, chúng ta nghe danh hiệu “A Di Đà Phật” mà được chư Phật ca ngợi, như trong Lời nguyện thứ 17, và qua đó, chúng ta nhận ra được năng lực cứu độ của Phật. Như vậy, khái niệm tu tập đã thay đổi hoàn toàn so với quan niệm tu tập thông thường. Sự tu tập Tha lực đòi hỏi sự đảo ngược lối tu tập Phật giáo thông thường. Trong Tịnh độ Chân tông, sự tu tập là năng lực của Đức Phật A Di Đà được truyền đến cho chúng ta qua danh hiệu. Khi danh hiệu của Phật đến với chúng ta và được chấp nhận trong tâm chúng ta, chúng ta trở thành một với Đức Phật A Di Đà trong sự tín lạc – như được thể hiện trong Lời nguyện thứ 18. Đức tin như vậy được thiết lập trong chúng ta là tâm quang của Đức Phật A Di Đà và Bồ-đề tâm, và vì vậy nó là nguyên nhân của sự giác ngộ.

Giáo Hành Tín Chứng thể hiện sự tổng hợp của nhiều kinh điển Phật giáo khác nhau trong văn học Đại thừa, bao gồm Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Niết Bàn, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Đại Bát Nhã. Bằng cách này, Thân Loan trình bày tư tưởng Tịnh độ Chân tông. Tác phẩm được chia thành sáu chương, không bao gồm Lời Tựa của Thân Loan, khéo léo kết hợp và dung hóa nhuần nhuyễn những dẫn

chứng từ các kinh điển, những luận giải, cùng những chiêm nghiệm nội quán của tác giả.

Chương 1 – Hiện Tịnh Độ Chân Thật Giáo Văn Loại

Chương 2 – Hiện Tịnh Độ Chân Thật Hành Văn Loại

Chương 3 – Hiện Tịnh Độ Chân Thật Tín Văn Loại, cùng với Tựa bổ sung

Chương 4 – Hiện Tịnh Độ Chân Thật Chứng Văn Loại

Chương 5 – Hiện Tịnh Độ Chân Phật Độ Văn Loại

Chương 6 – Hiện Tịnh Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại

Thân loan nhấn mạnh Tín tâm là gốc, cho rằng giáo pháp chân thật của Phật là Kinh Vô Lượng Thọ, bộ phận trọng yếu nhất là Bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A Di Đà, bản thể của những nguyện này là danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”, đồng thời lấy Tha lực vãng sinh làm đặc sắc. Cái gọi là Tha lực vãng sinh, tức là phàm phu nhờ vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà được lòng tin, về sau niệm Phật tức là niệm để báo ân cảm tạ. Lại nữa, người đã được lòng tin, thì ắt trụ nơi Chánh định tụ và cùng với Như Lai bình đẳng không hai.

Trong tất cả các giáo pháp của Phật giáo, mà theo truyền thống được liệt kê có 84.000 pháp uẩn, đâu là giáo pháp chân thật? Mỗi đạo sư Phật giáo ở mọi thời đại đã nỗ lực tìm kiếm giáo pháp chân thật. Thân Loan đã tìm thấy giáo pháp chân thật trong Kinh Vô Lượng Thọ. Đó là cuốn kinh mà vì nó Đức Thích Ca Mâu Ni đã xuất hiện thế gian. Kinh này trình bày đầy đủ những lời nguyện và công hạnh tu hành của Đức Phật A Di Đà, và trên hết, trình bày Danh hiệu và Tín tâm như con đường thực tế để cứu độ chúng ta. Lý do khiến Thân Loan khẳng định rằng Kinh Vô Lượng Thọ là giáo pháp chân thật xuất phát từ bằng chứng cụ thể rằng, trước khi kinh này được giảng dạy, Đức Thích Ca Mâu Ni đã biểu hiện một sắc diện vui vẻ sáng rỡ:

“Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn hôm nay, các căn vui đẹp, thân tướng thanh tịnh, nét mặt lộng lẫy, như gương sáng bóng tịnh thấu suốt trong ngoài, uy

dung rực rỡ, siêu tuyệt vô lượng, con chưa từng thấy sự thù diệu như thế. Kính bạch Đức Đại Thánh! Lòng con nghĩ rằng: Có lẽ hôm nay Đức Thế Tôn trụ nơi Pháp kỳ đặc, hôm nay Đức Thế Hùng trụ chỗ chư Phật trụ, hôm nay Đức Thế Nhân trụ nơi Hạnh của Đạo Sư, hôm nay Đức Thế Anh trụ nơi Đạo tối thắng, hôm nay Đức Thiên Tôn hành theo Đức của Như Lai. Chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại luôn nghĩ đến nhau. Phải chăng hôm nay Đức Như Lai đang nghĩ đến chư Phật? Vì sao có sự uy thần sáng chói như thế này?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài A-nan rằng: Có phải chư Thiên nhờ ông đến hỏi Phật hay ông dùng tuệ kiến mà hỏi về uy thần?

Ngài A-nan bạch Phật rằng: Không phải chư Thiên đến nhờ con, chính con thấy biết mà hỏi việc đó.

Phật dạy rằng: Lành thay, A-nan! Như Lai rất hoan hỷ với những gì ông hỏi. Ông phát trí tuệ sâu, biện tài chân diệu, thương nghĩ chúng sinh mà hỏi được việc đó. Như Lai đem lòng đại bi vô tận, thương xót chúng sinh trong ba cõi, nên mới xuất hiện thế gian, khai sáng đạo giáo, muốn cứu vớt quần sinh, trao cho họ những lợi ích chân thật. Vô lượng ức kiếp khó gặp, khó thấy Như Lai, giống như hoa Linh Thoại thỉnh thoảng mới xuất hiện một lần. Nay những điều ông hỏi có nhiều lợi ích, khai hóa cho tất cả chư Thiên, nhân loại. A-nan nên biết, Như Lai Chánh Giác, trí ấy khó lường, nhiều sự huân thị và chế ngự, tuệ kiến vô ngại, không thể ngăn dứt.”

Chân thật Giáo, đây là chương ngắn nhất trong sáu chương, chủ yếu trích dẫn từ Kinh Vô Lượng Thọ, để giải thích rằng việc gặp được một vị Phật là điều cực kỳ hiếm hoi và tốt lành cho tất cả chúng sinh, và rằng sự xuất hiện của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên thế giới rõ ràng là để truyền bá giáo lý Tịnh độ. Kinh Vô Lượng Thọ dạy về công đức nhân vị và quả vị của A Di Đà Như Lai, dạy về sự trang nghiêm y báo và chánh báo của Tịnh độ An Lạc. Mặc dù ba bộ kinh được liên kết với nhau nhưng Kinh Vô Lượng Thọ là căn bản. Đại Kinh nói về bốn mươi

tám nguyện của Đức Phật A Di Đà, trong đó nguyện thứ mười tám là chánh nhân vãng sinh, và cũng nói về biển cả trí tuệ sâu xa của Phật, trí tuệ mà chỉ có Phật mới hiểu được.

Chân thật Hành, Chương 2 này đi sâu vào chi tiết hơn về cơ sở của tư tưởng Tịnh độ giáo, cụ thể là: Đức Phật A Di Đà đã phát 48 lời nguyện cứu độ chúng sinh, nhưng lời nguyện quan trọng nhất và căn bản là lời nguyện thứ 18, dẫn chúng sinh về Tịnh độ nếu họ niệm danh hiệu Ngài. Đức Phật A Di Đà đã vượt trội hơn chư Phật bằng cách đưa ra con đường thoát khỏi đau khổ mà tất cả chúng sinh đều có thể thực hành. Ngay cả những người bình thường thiếu cả đạo đức lẫn năng lực tâm linh cũng có thể thực hành Tịnh Độ. Sau đó, chương này trích dẫn những đoạn văn dài từ các tác phẩm của Long Thọ, Thế Thân, Thiện Đạo và Nguyên Không cũng như các vị Tổ khác của Tịnh độ tông theo thứ tự thời gian. Trong Tịnh độ Chân tông, mọi công đức của Đức Phật A Di Đà đều được hồi hướng cho chúng sinh thành tựu dưới hình thức Danh hiệu A Di Đà. Do đó, “hồi hướng công đức” là điểm trọng tâm trong việc hiện thực hóa sự cứu độ. Trong số các chủ đề được thảo luận và trích dẫn có việc xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, Bồ-tát đạo và bản chất của Tịnh độ. Ở phần cuối, Thân Loan chuyển sang chủ đề “Tha lực”, và một lần nữa trích dẫn từ nhiều kinh điển và bình luận khác nhau để rút ra ý tưởng của mình, đó là, sự thực hành “Tự lực” phải được thay thế bằng sự thực hành “Tha lực”. Ở cuối Chương 2, Thân Loan viết “Chánh tín niệm Phật kệ”. Đây là kệ tụng bảy chữ và 120 dòng, nội dung mô tả đại cương yếu nghĩa của Chân tông và giải thích rằng Hành và Tín là hai pháp thiết yếu của một tông; trích dẫn các câu văn từ Kinh Lăng Già, Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, Vãng Sinh Luận, Vãng Sinh Luận Chú, An Lạc Tập, Quán Kinh Sớ, Vãng Sinh Yếu Tập, Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập; tiếp theo ca ngợi Đức Thích Ca Mâu Ni, Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Nguyên Tín, Nguyên Không. Dựa vào Thánh giáo mà có được Tín chân thật và đại hành chân thật, thì đó là “Tha lực Niệm Phật”,

cũng tức lấy tín tâm này làm chánh nhân, lấy “Xưng danh niệm Phật” làm chánh hành vì báo đáp ân đức của Đức Phật A Di Đà. Đặc biệt nhấn mạnh rằng, “Xưng danh niệm Phật” là giáo nghĩa của Tịnh độ Chân tông. Chánh Tín Kệ cùng với Tam Thiếp Hòa Tán (Tịnh Độ, Cao Tăng, Chánh Tượng Mạt) do Thân Loan biên soạn, đều được đọc tụng trong hai thời công phu tại các tự viện Tịnh độ Chân tông ở Nhật Bản. Xưng niệm “Nam mô A Di Đà Phật” chính là nguyện thứ mười bảy - thế nguyện trong đó chư Phật đề cao, khen ngợi danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Danh hiệu ấy nhiếp hết mọi thiện pháp, đủ cả các đức bản, nền tảng của muôn hạnh, tổng thể của vạn thiện. Người thực hành xưng niệm danh hiệu thì được vãng sinh Tây phương. Người tin tưởng hiệu năng của danh hiệu thì đạt được giác ngộ tối thượng. Tất cả giáo lý của Đức Phật, dù là Nhất thừa hay Tam thừa, đều bao gồm trong “Giáo lý Nhất thừa của Bản nguyện A Di Đà”.

Chân thật Tín là “chí tâm tín lạc” của nguyện thứ mười tám: đem cái chân thật mà tin rằng diệu hạnh của “Nam mô A Di Đà Phật” là nhân tố chân thật của Báo độ chân thật. *“Đại tín tâm, là phép thần trường sinh bất tử, là thuật diệu hân tịnh yểm uế, là chân tâm tuyền trạch hồi hướng, là tín lạc lợi tha sâu rộng, là chân tâm Kim cương bất hoại, là tịnh tín dễ sinh về mà có mấy ai, là nhất tâm tâm quang nhiếp hộ, là đại tín hy hữu tối thắng, là đường tắt thế gian khó tin, là thật nhân chứng Đại Niết-bàn, là bạch đạo mau chóng viên dung, là tín hải chân như nhất thật.”* Người quyết định đi đến Báo độ chân thật thì phải y theo Đại tín tâm này. Lời nói đầu của chương này là sự thảo luận của Thân Loan về niềm tin của ông vào Tín tâm, hay sự phó thác hoàn toàn cho Đức Phật A Di Đà, và việc chư vị Thánh đạo môn tập trung vào Tự lực cho thấy họ đang lúng túng trong nỗ lực của họ như thế nào. Trong Chương 3, Thân Loan thảo luận rất chi tiết về tín tâm và lý do tại sao nó là trọng tâm trong sự thực hành của Tịnh độ Chân tông: *“Tín tâm chân thật thì bao giờ cũng có [xưng niệm] ‘danh hiệu’. Nhưng [xưng niệm] danh hiệu không nhất thiết mang lại tín tâm vào nguyện lực.”* Đối với Thân Loan, việc

phó thác hoàn toàn cho Đức Phật A Di Đà là cách chắc chắn nhất để người bình thường được vãng sinh Tịnh độ, bởi vì sự vãng sinh sẽ xảy ra hoàn toàn thông qua lòng từ bi và trí tuệ của Đức Phật A Di Đà. Một lần nữa, Thân Loan trích dẫn luận giải từ Đàm Loan và Thiện Đạo để đề cao xưng niệm A Di Đà Phật và phó thác bản thân cho việc xưng danh. Thân Loan sau đó thảo luận về bản chất của Tín tâm và mô tả nó là “Sự tín lạc vào nguyện lực hồi hướng”, “Tâm nguyện làm Phật”, “Hoành Đại Bồ-đề tâm” và “Hoành siêu Kim cương tâm”. Ở đây Thân Loan nhắc lại quan điểm rằng, nếu một người từ bỏ “các tạp hành” và phó thác bản thân cho Đức Phật A Di Đà trong một niệm, họ sẽ đạt được trạng thái tín tâm và việc vãng sinh Tịnh Độ sẽ được đảm bảo. Thân Loan sau đó liệt kê những lợi ích của việc thực hành niệm danh hiệu A Di Đà Phật, bao gồm “đại khánh hỷ tâm”, “chư Phật hộ niệm và xưng tán” và trạng thái thực sự “an tâm”. Phần cuối cùng của Chương 3 tập trung vào những người tội ác sâu nặng không thể được cứu độ, những người được coi là trọng tâm chính của nguyện thứ mười tám của Đức Phật A Di Đà.

Chân thật Chứng là kết quả có được nhờ Hành và Tín, và sự chứng ngộ được khai mở. Đây là diệu ngộ có được khi thù đáp lời nguyện thứ mười một “Tất chí diệt độ”. Những từ ‘thường lạc’, ‘Niết-bàn’, ‘Pháp thân’, ‘thật tướng’, ‘pháp tánh’, ‘chân như’, ‘nhất như’, đều là tên gọi của sự giác ngộ này. Theo giáo nghĩa của chư Thánh đạo môn, cái thân do cha mẹ sinh ra này sẽ chứng ngộ chân lý sâu xa ở cõi này. Theo giáo lý của Tịnh độ môn, cái thân này nương Phật trí Di Đà thì sẽ đi đến cảnh giới Pháp tánh, tự nhiên kết hợp được sự chứng ngộ này. Đây không chỉ là mục tiêu cuối cùng của mọi sự theo đuổi của Phật giáo mà còn là nguồn gốc của mọi hoạt động vị tha. Những người chứng ngộ không thể chỉ tận hưởng niềm an lạc của Niết-bàn mà không hoạt động. Được thúc đẩy bởi lòng đại bi, họ thị hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như những vị Bồ-tát để cứu độ những người vẫn còn bị mắc kẹt trong luân hồi. Hoạt động này được gọi là “Hoành tướng hồi hướng”. Trong Chương 4 tương đối ngắn, Thân Loan nói về Pháp thân của Đức

Phật A Di Đà, và rằng những ai đạt được tín tâm đều được đảm bảo về Niết-bàn. Đáng chú ý là câu trích dẫn ở đầu chương:

“Trú Chánh định tự nên ‘ắt phải đến Diệt độ’. Ất phải đến Diệt độ tức là thường lạc. Thường lạc tức là rốt ráo Tịch diệt. Tịch diệt tức là Vô thượng Niết-bàn¹. Vô thượng Niết-bàn tức là Vô vi Pháp thân. Vô vi Pháp thân tức là Thật tướng. Thật tướng tức là Pháp tánh. Pháp tánh tức là Chân như. Chân như tức là Nhất như. Như vậy, A Di Đà Như Lai từ ‘Như’ mà đến, mà sinh, thị hiện các thứ thân: Báo thân, Ứng thân, Hóa thân.”

Sau phần giới thiệu, Thân Loan viết về ý định của Đức Phật A Di Đà là dẫn dắt tất cả chúng sinh đến Tịnh độ thông qua Chánh định tự, để họ có thể trở thành Bồ-tát. Những vị Bồ-tát này sau đó sẽ trở lại thế gian để dẫn dắt những chúng sinh khác đi theo con đường Tuệ giác. Dầu chư vị Bồ-tát đã hoàn toàn thoát khỏi mạng lưới rối rắm của nghiệp lực, nhưng các Ngài vẫn tự nguyện hiện thân giữa lòng thế gian khốn khổ, để giải thoát tất cả chúng sinh bởi lòng bi mẫn rộng lớn và trí vô phân biệt. Một lần nữa, Thân Loan mở rộng những ý tưởng này bằng cách trích dẫn luận giải của chư Tổ về tư tưởng Tịnh độ.

Chân Phật Độ là thân và độ chân thật, tức là Báo Phật và Báo độ. Đức Phật là Bất Khả Tư Nghị Quang Như Lai. Quốc độ là Vô Lượng Quang Minh Độ. Đây là thân và độ đáp ứng lời nguyện thứ mười hai và thứ mười ba về quang minh và thọ mạng. Quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng thì đồng nhất với tánh đức căn bản của Phật tánh và Niết-bàn. Khái niệm “Vô lượng quang” đồng nghĩa với ánh sáng chói lọi rực rỡ không thể nào bị ngăn che nổi (Vô ngại quang), còn có ý nghĩa trí tuệ không hạn định nổi (Trí tuệ quang). Khái niệm “Vô lượng thọ” phù hợp với một đời sống vĩnh cửu vô cùng tận, nghĩa là Đức Phật A Di Đà tự kéo dài tuổi thọ của mình để dẫn dắt chúng sinh. Điều này cho biết tại sao đời sống vô hạn

¹ Vô thượng Niết-bàn là quả sở chứng của Phật, phiền não hoàn toàn tiêu diệt, hoàn thành trí tuệ và từ bi, viên mãn chí đức tự lợi và lợi tha.

thì đồng nghĩa với Đại bi vô hạn. Chính vì sự thành tựu của hai lời thệ nguyện vĩ đại này mà Bồ-tát Pháp Tạng đã thành tựu địa vị Phật-đà với danh xưng “Vô Lượng Quang” và “Vô Lượng Thọ”. Cả hai danh xưng này được chứa đựng trong danh hiệu “A Di Đà”, nghĩa là “Vô Lượng”. Mặc dù về bản chất Tịnh độ là cõi Niết-bàn vượt trên các chiều kích tương đối, nhưng nó cũng là nguồn gốc của mọi hoạt động của Đức Phật khắp vũ trụ, qua đó Đức Phật A Di Đà tiếp xúc với chúng ta và chúng ta đáp lại sự cứu độ của Ngài. Theo nghĩa này, chúng ta xét Tịnh Độ trên mặt nhân quả và chấp nhận nó như là phạm vi của nghiệp hoàn thiện, được tạo ra bởi nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà. Do đó, Tịnh độ được gọi là Báo độ - quốc độ tưởng thưởng cho hạnh nguyện của Đức Phật A Di Đà. Nghiệp lực ấy, được biết đến rộng rãi là “Nguyện lực”, nó hoạt động vô cùng vô tận để thực hiện Bản nguyện. Bản nguyện, một mặt nó có tác dụng duy trì Tịnh Độ, mặt khác nó có tác dụng giải thoát chúng sinh khỏi luân hồi và đưa họ về Tịnh độ. Báo Phật và Báo độ cũng là gốc rễ của hai thứ hồi hướng: Vãng tướng và Hoàn tướng. Điều này bổ sung cho sự khẳng định của Chương 4 rằng, Kim cương tín tâm giống như Niết-bàn.

Phương tiện Hóa thân Độ là Hóa thân và Hóa độ. Khi quán tưởng, lấy cái thân Như Lai biến pháp giới bình đẳng làm đối tượng, gọi là Chân thân quán. Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho rằng, nếu quán tưởng chân thân Đức Phật A Di Đà thì lập tức thấy tất cả chư Phật mười phương, cho nên một pháp quán tưởng này còn gọi là Biến quán nhất thiết sắc thân tướng. Về Hóa độ, đó là Giải Mạn giới được mô tả trong Kinh Bồ Tát Xử Thai, và Nghi thành Thai cũng được trình bày trong Đại Kinh. Đây là Phương tiện Hóa độ của Đức Phật A Di Đà, theo lời nguyện thứ mười chín ‘Tu chư công đức’. Chương 6 là chương dài nhất của Giáo Hành Tín Chứng, đưa các tông phái và sự thực hành Phật giáo khác nhau vào bối cảnh Tịnh độ giáo như những hình thức khác nhau của phương tiện thiện xảo. Thân Loan tin rằng trong thời đại Mạt pháp, hầu hết các sự thực hành và giáo lý nguyên thủy đã lụi tàn

hoặc mất đi hiệu quả, và vì vậy con đường khả thi duy nhất còn lại là con đường Tịnh Độ. Thân Loan đưa ra ba lời nguyện của Đức Phật A Di Đà - thứ mười tám, thứ mười chín và thứ hai mươi - làm tiêu chuẩn cho các loại thực hành khác nhau: Lời nguyện thứ mười tám hiển thị giáo lý Tha lực chân thật như được nêu trong Kinh Vô Lượng Thọ, và hai lời nguyện còn lại tượng trưng cho giáo lý Tự lực của Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà. Tuy nhiên, Thân Loan đã không gạt bỏ giáo lý Tự lực vì hoàn toàn không có hiệu quả, mà ông coi chúng là con đường Tịnh độ “tạm thời” dẫn đến giáo lý Tha lực. Có lẽ dựa trên kinh nghiệm của chính mình, Thân Loan đã hình dung ra quá trình chuyển đổi sau đây: từ giáo lý Tự lực của nguyện thứ mười chín và thứ hai mươi đến giáo lý Tha lực của nguyện thứ mười tám.

Nửa sau của chương dài nhất này được dành để sửa chữa những quan điểm sai lầm phổ biến vào thời Thân Loan, bao gồm niềm tin phổ biến vào tâm linh, chiêm tinh học và tuyên bố của Đạo giáo về uy quyền tối cao của Đạo giáo so với Phật giáo. Thân Loan đã mất nhiều công sức để chứng minh sự vô ích của những niềm tin như vậy. Thiên văn học đã được hình thành từ lâu ở Nhật Bản dưới ảnh hưởng của khoa học Trung Quốc trong lĩnh vực này, trên cơ sở đó đã phát triển những mê tín về chiêm tinh. Để bác bỏ những niềm tin như vậy và hướng dẫn mọi người đến với Phật giáo chân chính, Thân Loan đã dựa rất nhiều vào Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, khẳng định rằng sự sắp xếp của các chòm sao và các vì sao được thực hiện đúng đắn thông qua năng lực và ảnh hưởng của Đức Phật. Mặc dù có đặc điểm sâu sắc là bí truyền, nhưng ông nghĩ rằng Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng sẽ có hiệu quả trong việc chuyển sự chú ý của mọi người khỏi niềm tin chiêm tinh và khuyến khích họ quy y Đức Phật. Con người vào thời của ông cũng khá dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng sâu sắc bởi quan niệm về các loại, quỷ thần và yêu mị. Thân Loan cẩn thận khuyến nhủ họ hãy cảnh giác trước những nỗi sợ hãi và mê tín như vậy bằng cách cung cấp cho họ những bằng chứng phản bác lại.

Tiếp theo, để bác bỏ những tuyên bố của Đạo giáo, Thân Loan đã trích dẫn một loạt đoạn văn trong tác phẩm Biện Chánh Luận của ngài Pháp Lâm (572-640) đời Đường. Mặc dù phần này có vẻ khá không liên quan, nhưng chúng ta có thể hiểu rằng Thân Loan, khi đương đầu với ảnh hưởng không lành mạnh của Đạo giáo lên các giai đoạn khác nhau của đời sống người Nhật, đã muốn loại bỏ nguyên nhân gốc rễ của nó bằng cách chỉ ra những sai lầm trong quan điểm Đạo giáo.

Phần cuối của Chương 6 là tự sự ngắn gọn, đặc biệt là trong và sau khi Thân Loan bị lưu đày khỏi Kyoto vào năm 1207. Thân Loan viết về việc ông ấy đã đến với lời dạy của Pháp Nhiên vào năm 1201 như thế nào và tự nhận mình là đệ tử của Pháp Nhiên kể từ đó, cũng như lòng biết ơn mà ông nhận được từ Thầy mình. Thân Loan giải thích rằng động lực của mình là chia sẻ niềm vui trong việc tìm thấy Tịnh độ và hy vọng rằng những người khác cũng sẽ quy mạng Đức Phật A Di Đà. Thân Loan kết thúc Giáo Hành Tín Chứng bằng một đoạn văn trong Kinh Hoa Nghiêm:

*“Nếu ai thấy Bồ-tát
Tu hành những công hạnh
Khởi tâm thiện, bất thiện
Bồ-tát đều nhiếp lấy.”*

Mỗi vị Phật đều có ba loại thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Đức Phật A Di Đà là Báo thân Phật, thị hiện vô số thân và cõi nước Hóa thân tùy theo nhu cầu của vô số chúng sinh được các Ngài cứu độ. Trong Đại Kinh đã dạy rằng có hai loại chúng sinh sinh về Tịnh độ: Hóa sinh và Thai sinh. Loại thứ nhất là những người nhiếp thọ Phật trí và sẽ được sinh ra ở Tịnh độ chân thật, và loại thứ hai là những người nghi ngờ Phật trí nhưng tin vào luật nhân quả và sẽ được sinh vào biên địa hay thai cung. Ngài Thân Loan cho rằng chín phẩm Tịnh độ là Phương tiện hóa độ, tuy vậy, không khác gì với Báo độ chân thật của Đức Phật A Di Đà.

Về phần Đức Phật Hóa thân, Ngài Thân Loan cho rằng Đức Phật ấy là đối tượng quán tưởng thứ chín của Quán Kinh, trong đó có nói:

“Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hi: - Kế lại, nên quán Phật Vô Lượng Thọ thân tướng quang minh. A Nan phải biết Phật Vô Lượng Thọ thân như trăm ngàn muôn ức sắc vàng Diêm Phù Đề trời Dạ Ma, thân Phật cao sáu mươi muôn ức na do tha hằng hà sa do tuần, bạch hào giữa hai mày xoay bên hữu, uyển chuyển như năm tòa núi Tu Di, mắt Phật như bốn đại hải xanh biếc và trắng phân minh. Các lỗ lông nơi thân Phật phóng ánh sáng ra như núi Tu Di. Viên quang của Phật ấy như trăm ức Đại Thiên thế giới. Trong viên quang ấy có trăm vạn ức na do tha hằng hà sa Hóa Phật. Mỗi mỗi Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số Hóa Bồ Tát làm thị giả. Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi mỗi tướng đều riêng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi mỗi hình hảo còn có tám vạn bốn ngàn quang minh, mỗi mỗi quang minh chiếu khắp thập phương thế giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ sót. Quang minh tướng hảo và Hóa Phật ấy chẳng thể nói đủ hết, chỉ nên nhớ tưởng khiến tâm nhãn được thấy. Thấy sự ấy, liền thấy thập phương chiếu khắp tất cả chư Phật. Vì thấy chư Phật nên gọi là Niệm Phật tam-muội.”

Nói một cách đơn giản, đối với Thân Loan, thân và độ của Đức Phật có kích thước hạn chế là thân và độ của Hóa Phật, trong khi đó, thân và độ của vô lượng Phật là Chân Phật và Chân độ, tức là Báo thân Phật A Di Đà và Tịnh độ An Lạc. Những người sinh ra ở các cõi Hóa độ có thể tận hưởng mọi loại lạc thú nhưng có nhiều thiếu sót khác nhau, chẳng hạn như không thể nhìn thấy một vị Phật chân thật hoặc nghe được Pháp từ Ngài. Những người sinh ra trong cung điện ngọc phải ở đó năm trăm năm, theo Thân Loan, thời gian này tương đương với nhiều kiếp, trước khi những nghi ngờ của họ được tha thứ và họ tiến tới Tịnh độ chân thật.

Hơn nữa, theo cách hiểu của Thân Loan, Hóa độ không tách rời khỏi Báo độ. Những người tu theo lời nguyện thứ mười chín và hai mươi thực sự được sinh

ra trong Tịnh độ chân thật, nhưng do nghi ngờ nên nhìn thấy những hình ảnh huyền hoặc do chính họ tạo ra.

Thân Loan đã lựa chọn sáu trong 48 lời nguyện vĩ đại của Bồ-tát Pháp Tạng như là phần thiết lập nòng cốt của bản kinh Vô Lượng Thọ. Thân Loan gọi nguyện thứ mười tám là nhân, và nguyện thứ mười một và thứ hai mươi hai là quả. Đối với ba nguyện mười tám, mười chín và hai mươi, trong Chương 6, Thân Loan đưa ra thuyết “Tam nguyện chuyển nhập”, nói rằng nguyện thứ mười chín là chí tâm phát nguyện, nguyện thứ hai mươi là chí tâm hồi hướng, và nguyện thứ mười tám là chí tâm tín lạc. Như thế, từ nguyện thứ mười chín xác định được nhân tố vãng sinh và nguyện thứ hai mươi xác định được kết quả của vãng sinh, nguyện thứ mười tám mới dần dần đưa vào. Nói cách khác, nguyện thứ mười chín là xả bỏ Thánh đạo giáo, nguyện sinh Tịnh độ; nguyện thứ hai mươi là xả bỏ các hạnh để chuyên tu niệm Phật; và nguyện thứ mười tám là quyết lìa bỏ tâm tự lực mà nương tựa vào nguyện tâm tha lực của Đức Phật A Di Đà.

Tóm lại, toàn bộ hệ thống giáo lý của Giáo Hành Tín Chứng liên quan đến Bản nguyện có thể được minh họa như sau:

Giáo Kinh Đại Vô Lượng Thọ.

Hành Nguyện thứ mười bảy.

Tín Nguyện thứ mười tám.

Chứng Nguyện thứ mười một.

Hoàn tướng hồi hướng Nguyện thứ hai mươi hai.

Chân Phật độ Nguyện thứ mười hai và thứ mười ba.

Hóa thân độ Nguyện thứ mười chín và thứ hai mươi.

Giáo Hành Tín Chứng là cốt tủy giáo thuyết của Thân Loan, nên đương nhiên nó được coi là cuốn sách lập giáo khai tông của Tịnh độ Chân tông.

Về Thân Loan (1173-1262), cha mẹ mất khi ông còn rất trẻ, đi tu năm 9 tuổi và tu tập ở trường phái Tendai trên núi Tỳ Duệ (Hiei) trong hai thập kỷ tiếp theo. Ở

tuổi 29, ông rời núi và đi tu trở thành đệ tử của Pháp Nhiên. Ông đã cống hiến hết mình cho việc thực hành Niệm Phật mà Pháp Nhiên khuyến khích, nhưng quan trọng hơn, ông nhận thấy rằng nguyên nhân thực sự của việc sinh về Tịnh độ là “Niềm tin vào Tha lực” – tức bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà. Do đó, ông đã thiết lập một hệ thống cứu độ tập trung vào đức tin, điều này được giải thích đầy đủ trong văn bản này, Giáo Hành Tín Chứng.

Khi việc giảng dạy Tuyền Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập bị cấm và Pháp Nhiên bị đày đến Shikoku vào năm 1207, Thân Loan bị trục xuất đến Kokubu ở miền bắc Nhật Bản, nơi ông kết hôn với Huệ Tín Ni (Eshin-ni). Bị tước bỏ chức tu sĩ và bị gán cho cái tên tội phạm, Thân Loan tự phong cho mình là “Ngu Ngốc Thích Thân Loan” (Gutoku Shaku Shinran) - “Kẻ ngu ngốc, Thân Loan, đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni”, với nhận thức sâu sắc rằng mình chẳng phải là một tu sĩ hay một cư sĩ. Không còn bất kỳ giới luật Phật giáo nào ràng buộc Ngài và do đó, không có quy tắc ứng xử nào được quy định để thực hiện giác ngộ.

Mặc dù được ân xá bốn năm sau đó, Thân Loan vẫn ở lại miền bắc Nhật Bản thêm ba năm sau đó rồi chuyển đến tỉnh Hitachi, phía đông bắc Tokyo, nơi ông bắt đầu truyền bá thông điệp về sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà đến những người dân quê trong vùng đó. Trong nhiều năm, ông đã nghiên cứu tất cả các kinh điển Phật giáo và phi Phật giáo có sẵn và biên soạn những đoạn văn trong đó mà ông thấy hữu ích cho hệ thống triết học tôn giáo vĩ đại về cứu độ, tập trung vào Lời nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Thân Loan trở lại Kyoto ở tuổi sáu mươi hai hoặc sáu mươi ba, có lẽ với ý định hoàn thành Giáo Hành Tín Chứng và viết những tác phẩm khác vì lợi ích cho chúng sinh. Ông có bốn con trai và ba con gái, nhưng ông sống phần lớn thời gian ở Kyoto với cô con gái út. Công việc văn chương của ông vẫn tiếp tục cho đến cuối đời ở tuổi chín mươi. Trong số hơn năm trăm bài Hòa Tán bằng tiếng Nhật do ông

sáng tác, tuyển tập lớn cuối cùng gồm một trăm mười lăm bài Hòa Tán được cho là được viết sau tuổi tám mươi lăm.

Không rõ năm chính xác Giáo Hành Tín Chứng được tuân thủ. Ngày tháng duy nhất có thể được coi là có liên quan được tìm thấy ở gần cuối chương cuối, trong đó Shinran nói: *“Từ năm Nhân Thân đó (thời điểm Đức Phật nhập Niết bàn) cho đến năm đầu tiên của thời đại Nguyên Nhân (Giáp Thân) của chúng ta là 2.173 năm.”* Nếu năm 1224 là năm ông hoàn thành tác phẩm này thì ông đã 52 tuổi. Tuy nhiên, nghiên cứu từ các nguồn khác dẫn đến kết luận rằng Thân Loan đã thực hiện bản thảo đầu tiên của tác phẩm này vào khoảng từ 40 đến 60 tuổi, khi ông vẫn còn ở vùng Kanto, và sau khi trở về Kyoto, ông tiếp tục sửa lại nó cho đến năm 75 đến 80 tuổi.

Quán Kinh có nói: *“Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà chiếu soi khắp mười phương thế giới, khiến chúng sanh tin vào bản nguyện mà niệm Phật trong quang minh ấy, được Phật nhiếp thủ không bỏ bất cứ một chúng sanh niệm Phật nào.”* Ngoài ra, trong Vãng Sinh Lễ Tán của Đại sư Thiện Đạo, có nói: *“Nhu Đức Phật A Di Đà, vốn đã phát thệ nguyện sâu nặng, dùng danh hiệu, quang minh, nhiếp thọ giáo hoá mười phương chúng sanh, hơn nữa, những người có lòng tin, niệm Phật cầu vãng sanh, hoặc hành trì trọn đời, hoặc ít nhất là xưng niệm mười danh hiệu, do nguyện lực của Phật, đều được vãng sanh dễ dàng.”*

Vì lý do này, không phải sức mạnh trí tuệ của chúng ta đã thiết lập niềm tin vãng sinh, mà theo Thân Loan Thánh nhân, chúng ta nuôi dưỡng thiện căn bằng quang minh của Đức Phật A Di Đà, phát triển Tín tâm chân thật để tin biết Bản nguyện và Danh hiệu là chánh nhân vãng sinh, và tin rằng chúng ta có thể đến được Báo độ chân thật.

Xin mượn lời Thân Loan Thánh nhân để chúc nguyện:

“Cầu mong những ai thấy và nghe tác phẩm này – hoặc tín thuận làm nhân, hoặc nghi báng làm duyên – hãy công bố tín lạc [của mình] nơi nguyện lực và hiển lộ diệu quả [của Phật] nơi An Dưỡng.”

Nam mô A Di Đà Phật.

San Francisco, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Phật lịch 2567 – 30/7/Quý Mão

Phật tử Quảng Minh kính ghi

Hiển Tịnh Độ Chân Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại

Lời Tựa

Trộm nghĩ, hoàng thệ không thể nghĩ bàn², là con thuyền vĩ đại vượt qua biển cả khó qua³; quang minh không gì chướng ngại, là mặt trời trí tuệ phá tan bóng tối vô minh.

Thế thì, duyên tịnh độ được thành tựu từ sự sinh khởi nghịch hại của tỳ-kheo Điều Đạt⁴ và thái tử A-xà-thế⁵, nhân tịnh nghiệp được thuyết từ sự tuyển chọn An dưỡng của Đức Phật Thích Ca và hoàng hậu Vi-đề-hi⁶.

² Đối với ngài Thân Loan, nguyện lớn (hoàng thệ) là 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, đặc biệt là lời nguyện thứ 18: “Nếu con được thành Phật, mà chúng sinh trong mười phương dốc lòng tin tưởng, muốn sinh về cõi nước con chỉ trong mười niệm, nếu không được toại nguyện, thì con chẳng trụ ở ngôi Chính giác, trừ kẻ phạm năm tội nghịch và gièm chê chính pháp.” Nan tư nghi vãng sinh là vãng sinh theo lời nguyện thứ 18, nghĩa là không có công đức riêng lẻ mà chính là từ năng lực của Đức Phật A Di Đà.

³ Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật A Di Đà khởi từ bi đối với chúng sinh nghèo khổ: “Ta ở vô lượng kiếp, Không làm đại thí chủ, Cứu khắp người nghèo khổ, Thề không thành Chánh giác.” Đức Phật Thích Ca dạy tôn giả A-nan: “Như Lai đem lòng đại bi vô tận, thương xót chúng sinh trong ba cõi, nên mới thị hiện ra đời, khai sáng đạo giáo, để cứu vớt quần sinh, khiến cho họ được nhiều lợi ích chân thật.” “Các vị Bồ-tát vì chúng sinh loại làm người bạn không mời, vì chúng sinh mà gánh vác trọng trách.” Nan độ hải (難度海): Biển cả khó qua là sự sinh tử lưu chuyển của chúng sinh.

⁴ Đề-bà-đạt-đa (sa. Devadatta) hoặc còn được phiên là Đề-bà-đạt-đâu, Địa-bà-đạt-đâu, Địa-bà-đạt-đâu, Đế-bà-đạt-đâu, còn được gọi gọn là Điều Đạt, dịch nghĩa là “Thiên Thọ” (trời trao). Ông là em họ của Thích-ca Mâu-ni Phật, từng gia nhập vào tăng đoàn của Phật, nhưng rồi về sau ông nảy sinh nhiều ý kiến mâu thuẫn, cuối cùng li khai khỏi tăng đoàn của Phật Thích Ca để thành lập tăng đoàn khác.

Ở trong kinh điển Phật giáo Nguyên thủy, Đề-bà-đạt-đa là kẻ đã phạm vào trọng tội Năm tội lớn (ngũ nghịch), phá hoại tăng đoàn, phản bội Phật giáo, một nhân vật phản diện tuyệt đối. Do quả báo của ác nghiệp, Đề-bà-đạt-đa đã chết do đất rút và bị tái sinh vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ hình rất lâu dài. Nhưng trước khi chết, Đề-bà-đạt-đa đã nói lời sám hối với Phật Thích Ca, và Phật Thích Ca đã tiên tri rằng sau 100.000 đại kiếp trái đất nữa, Đề-bà-đạt-đa sẽ trở thành một vị Phật Độc Giác.

Còn trong Diệu Pháp Liên Hoa kinh của Phật giáo Bắc Tông thì ghi rằng Đề-bà-đạt-đa cũng từng được các vị Phật quá khứ thụ ký cho, tương lai sẽ thành Phật. Theo kinh này thì thật ra Đề-bà-đạt-đa đến thị hiện vai nhân vật phản diện, để cho chúng sinh hiểu được toàn bộ quả báo đọa vào địa ngục do gây ra năm tội nghịch lớn. Tại Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân nói rằng mỗi vị Phật quá khứ đều có một nhân vật chống lại họ giống như Đề-bà-đạt-đa, mà Đề-bà-đạt-đa ở trong địa ngục A-tỳ như Tỳ-kheo nhập niềm vui Tam thiên.

⁵ A-xà-thế (阿闍世, sa. Ajātasattu, pi. Ajātasattu) là vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà 磨竭陀) – một vương quốc cổ ở phía bắc tiểu lục địa Ấn Độ. Ông đã trị vì Magadha trong 8 năm cuối cùng tại thế của Phật Thích Ca Mâu Ni và 22 năm kế tiếp (khoảng 491 - 461 trước Công nguyên). Ông là người giết hại vua cha Bimbisara (Tần-bà-sa-la) và cùng Đề-bà-đạt-đa (sa., pi. devadatta) định ám hại Đức Phật, nhưng không thành. Cuối cùng ông giác ngộ theo Phật và phụng sự Phật pháp. Dưới thời A-xa-thế, Magadha trở thành vương quốc cường thịnh nhất ở miền Bắc Ấn Độ.

Đây là, lòng nhân từ của sự quyền hóa⁷ nhằm cứu độ khắp chúng sinh khổ não, tâm bi mẫn của bậc Thế Hùng⁸ muốn thương tưởng cả xiển-đề nghịch báng⁹.

Bèn biết, gia hiệu¹⁰ viên dung¹¹ chí đức¹² là chánh trí có khả năng chuyển ác thành đức¹³, và Nan tín kim cương tín lạc¹⁴ có khả năng đoạn trừ hoài nghi¹⁵, hoạch chứng chân lý.

⁶ Kinh Quán Vô Lượng Thọ chỉ rõ quá trình phát sinh giáo pháp của Tịnh độ tông, đã được Đức Phật Thích Ca trình bày. Tương truyền rằng, hoàng hậu Vi-đề-hi (韋提希, sa. Vaidehī, pi. Vedehī), mẹ của vua A-xà-thế, bị con mình bắt hạ ngục cùng với chồng là vua Tần-bà-sa-la (sa., pi. Bimbisāra). Bà nhất tâm cầu nguyện Phật và khi Phật hiện đến, bà xin tái sinh nơi một cõi yên lành hạnh phúc. Phật dùng thần lực cho bà thấy mọi thế giới tịnh độ, cuối cùng bà chọn cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Phật dạy cho bà phép thiền định để được tái sinh nơi cõi đó. Phép thiền định này gồm 16 phép quán tưởng, và tùy theo nghiệp lực của chúng sinh, các phép quán này có thể giúp vãng sinh vào một trong chín cấp bậc của Tịnh độ.

⁷ Quyền Hóa (權化, sa. Avatāra): Hóa hiện, ứng hiện. Nghĩa là chư Phật và Bồ tát dùng sức thần thông tạm thời hóa hiện các loại thân hình, hoặc các loại vật thể, tùy theo nhu cầu, để cứu độ chúng sinh. Như bồ tát Quán thế âm hóa hiện 32 thân tướng để thu nhiếp chúng sinh, Đức Như Lai Đại Nhật của Mật giáo thì hóa hiện tướng Minh vương phẫn nộ để thức tỉnh những chúng sinh ương ngạnh, khó giáo hóa, cho đến biến hiện các vật như hóa thành, v.v. để làm lợi ích và dẫn dắt chúng sinh, như thí dụ Hóa thành trong kinh Pháp Hoa.

Sau khi Phật giáo Đại thừa hưng khởi, đã nảy sinh tín ngưỡng Pháp thân, là bản chất tuyệt đối, tin tưởng rằng Pháp thân dùng Phật, Bồ-tát hoặc các loại hình thái khác mà xuất hiện ra thế gian để cứu độ chúng sinh. Trường hợp nổi bật nhất là tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm. Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng và các nước Phật giáo Bắc truyền nói chung, đều tin rằng Bồ-tát Quán Thế Âm hóa hiện các loại hình tướng, như 32 thân ứng hóa, để cứu khổ chúng sinh. Đây là tín ngưỡng phổ cập nhất trong dân gian. Chẳng hạn như dân tộc Tây Tạng tin rằng đất nước Tây tạng là trú xứ của Bồ-tát Quán Thế Âm và các vị Đạt Lai Lạt Ma chính là hóa thân của Ngài. Ở Nhật Bản, quyền hóa được xem là đồng nghĩa với ứng hiện, quyền hiện, quyền giả, hóa hiện, thị hiện. Tư tưởng này là sự kết hợp giữa tín ngưỡng thần cách của dân tộc Nhật bản và đối tượng tín ngưỡng của Phật giáo, gọi là thuyết Bản địa thù tích, như Đại thần Thiên chiếu, Đại thần Bát phan chính là Thù tích của Như Lai Đại Nhật và Bồ-tát Quán Thế Âm.

⁸ Thế Hùng 世雄: Danh từ tôn xưng Đức Phật, vì Phật có sức đại định và hùng mạnh, chế phục và dứt trừ hết sạch tất cả phiền não. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 266c04) nói: “Ngày nay, bậc Thế Hùng trụ nơi Phật đã an trụ.” Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa (Đại 9, 5c15) nói: “Không thể suy lường được bậc Thế hùng.”

⁹ Nhất-xiển-đề (一闍底, sa. Icchāntika): Có khi được gọi là Nhất-xiển-để-kha (一闍底柯), có nghĩa là nhiều tham dục, cũng gọi là tham vui sinh tử, không cầu giải thoát nên không tín lạc với Chánh pháp. Những kẻ phỉ báng các giáo lý dành cho Bồ-tát, nói rằng các giáo lý này không phù hợp với kinh điển, giới luật, và giáo lý giải thoát, gọi là Nhất-xiển-đề. Bởi vì sự phỉ báng này mà họ gạt bỏ tất cả các thiện căn và không nhập Niết-bàn.

¹⁰ Gia hiệu (嘉號): Gia, là thiện, là mỹ. Danh hiệu mà tận thiện, tận mỹ, gọi là gia hiệu. Gia hiệu ở đây là “Nam mô A Di Đà Phật”.

¹¹ Danh hiệu A Di Đà Phật là danh hiệu của vạn hạnh ở nhân vị và vạn đức ở quả vị của Bồ-tát Pháp Tạng, bao gồm lục độ vạn hạnh, vô lượng vô biên thiện căn công đức. Đây là danh hiệu của vạn thiện, vạn đức, viên mãn vô khuyết, gọi đó là viên.

Bao nhiêu công đức ở trong Phật pháp đều là vạn thiện vạn đức. Như những viên đá nhỏ trong cái túi, không phải tất cả đều khác nhau, mà một là tất cả, tất cả là một, dung thông vô ngại thành một danh hiệu. Vì vậy, vạn đức ngay đó là một danh hiệu, và một danh hiệu ngay đó là vạn đức, một hoặc nhiều đều tự tại, vô ngại, gọi đó là dung.

Như vậy, phàm phu dễ tu chân giáo, ngu độn dễ qua đường tắt. Giáo pháp Phật thuyết một đời, không sánh với biển đức¹⁶ như thế. [Những ai] bỏ uế ưa tịnh¹⁷, hành tín sai lầm, tâm mê thức ít, ác nặng chướng nhiều, [thì] cậy nhờ Như Lai đưa

¹² Chí đức (至德): Nghĩa là công đức tột cùng. Đạt đến tột cùng của công đức, gọi là chí đức. Giống như đạt đến tột cùng của sự tôn quý, gọi là chí tôn.

¹³ Có hai mặt của cái ác: một là, có sự phân biệt giữa thiện và ác trong con người; hai là, sự tồn tại tội lỗi của con người do nghiệp lực thao túng, những ham muốn trần tục của con người, chúng được soi sáng bởi tuệ nhãn của Như Lai, tức con người được chiếu sáng bởi tấm gương của cõi Tịnh độ. Đức, là đức hải, đức bản, đức hiệu, v.v. Ác đối lập với đức, đó là thế giới hiện tượng riêng biệt (Ta Bà) đối lập với thế giới của bản chất chân thực (Cực Lạc).

¹⁴ Tam tín (三信): Cũng gọi Tam tâm, Tam tín tâm, là giáo nghĩa của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, chỉ cho Chí tâm, Tín lạc tâm, Dục sinh tâm do Đức Phật A Di Đà thệ nguyện trong điều nguyện thứ 18 của Ngài, được gọi là Đại kinh tam tâm (大經三心). Tịnh độ Chân tông Nhật bản chủ trương bản nguyện của Phật là cứu độ những người tội ác sâu nặng, cho nên nếu chúng ta bỏ tâm tự lực mà tin sâu sức cứu độ của Phật thì chắc chắn sẽ được cứu. Nếu người nghe ý nghĩa của bản nguyện này (nguyện thứ 18) mà tâm không sinh một mảy may nghi hoặc thì gọi là Tín lạc (tin ưa). Sự tín lạc này là do Chí tâm của Phật ban cho, do đó bản chất của niềm tin ưa ấy là chân thực không hư dối. Lòng tin này chính là Dục sinh tâm mà Đức Phật A Di Đà muốn cho chúng ta phát tâm sinh về cõi Tịnh độ của Ngài. Tổ của Tịnh độ Chân tông Nhật bản là ngài Thân Loan chủ trương Tam tín, tức là Tín tâm, biểu thị đức tánh mà Phật A Di Đà ban cho chúng ta, còn Nhất tâm (Chí tâm) thì biểu thị căn bản là chúng ta có thể được cứu độ. Tín tâm này chính là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, muốn cứu độ tất cả chúng sinh vãng sinh báo độ, chính là tâm tin vào pháp tha lực. Tuy nhiên, pháp này cao siêu, người ở "giai vị tu nhân" khó mà dùng lòng tin mà đi vào, phải lấy tha lực để mà tín phục, nên gọi là nan tín. Nếu từ lập trường tự lực thì tín tâm này khó có thể vào được, nhưng một khi đã vào được rồi thì nó trở nên cứng chắc như kim cương, không gì có thể phá hoại hay làm cho loạn động, cho nên gọi là Nan tín kim cương tín lạc (難信金剛信樂). Lòng tin ưa này là do sức cứu độ sâu rộng của Phật A Di Đà ban cho chúng ta nên cũng gọi là Lợi tha thâm quảng tín lạc (利他深廣信樂). Theo ngài Thân Loan, ba tâm này là một tâm, và tâm ấy là kim cương tâm.

¹⁵ Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao (淨土文類聚鈔), No. 2647, tr. 644a05, có ghi: "Vạn hạnh tròn đủ gia hiệu (Nam mô A Di Đà Phật) tiêu chướng, trừ nghi."

¹⁶ Hải đức (德海): Công đức sâu rộng như biển cả. Kinh Tối Thắng Vương, quyển 10, phẩm Bồ Tát Tát Dương: "Chúng con ước lược tán dương Phật đức chỉ là một giọt trong biển đức ấy".

¹⁷ Trong Hai Thời Công Phu, Hòa thượng Thích Trí Quang viết: "Cực lạc là tịnh độ của đức Di đà. Sự sinh tịnh độ ấy có 2 mặt. Thứ nhất, sinh Cực lạc là sinh quốc độ ấy, ở về hướng tây quốc độ Sa bà này. Thứ hai, sinh Cực lạc là sinh tịnh độ ấy ngay nơi quốc độ này. Riêng mặt thứ hai, Di đà đại bản nói, "Có người vốn nguyện độ sinh mau chóng, thì đem công đức của cái nguyện ấy mà tự trang bị, nhập vào thế giới sinh tử, tự tại thuyết pháp giáo hóa. A di đà phật dùng thần lực làm cho người này giáo hóa chúng sinh phát sinh chánh tín cho đến thành tựu bồ đề, nhưng từ đầu đến cuối, người này không bị cái khổ của các đường dữ ..., dẫu sống trong ngũ trược ác thế mà không khác gì sống trong thế giới của người ấy là Cực lạc quốc độ (Chính 12/337). Thông thường pháp môn Tịnh độ có 2 chữ hân yếm: chán Sa bà, thích Cực lạc. Nhưng chán chứ không phải bỏ. Nên người tu pháp môn tịnh độ Cực lạc thì hoặc sinh Cực lạc rồi trở lại hóa độ Sa bà trước hết, hoặc sinh Cực lạc ngay nơi Sa bà mà hóa độ trước, mặt nào cái nguyện sinh Cực lạc cũng là vì thế giới Sa bà này, nên tôn giả A nan đã nói "ngũ trược ác thế thế tiên nhập". Bản kinh Di đà này nói rõ, gọn, và khá độc đáo, về cả 2 mặt của sự sinh Cực lạc, dẫu rằng nghe như chỉ nói mặt thứ nhất mà thôi."

từ “Nhu” đi¹⁸, mong về đường thẳng tối thắng¹⁹. Riêng kính vâng hành này, chỉ tôn trọng tín đây.²⁰

Chao ôi! Cường duyên là hoàng thệ²¹, ngàn đời không gặp; tịnh tín mà chân thật, muôn kiếp khó được. Gặp hành được tín, mừng do túc duyên.

Vậy mà, luân hồi che lấp lưới nghi, lại còn trải qua nhiều kiếp.

Quả thật, chân ngôn “nhiếp lấy không bỏ”²², chánh pháp “siêu thế hy hữu”.²³ Đừng ngần ngại lắng nghe và suy xét.

Ngu ngốc Thích Thân Loan.²⁴

¹⁸ Thích Ca Như Lai ở uế độ Ta Bà khuyến phát chúng sinh cầu sinh về tịnh độ của Phật A Di Đà. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ (Đại 37, No. 1753, tr. 246b13) ghi: “Ngưỡng mong Đức Thích Ca ở phương này chỉ dạy (phát khiển), Đức Di Đà ở nước kia liền đến đón (lai nghinh), kia mời gọi, đây chỉ bảo, há không đi ư?”

¹⁹ Trực đạo (直道): đường thẳng, con đường không quanh co, thẳng đến Niết-bàn. Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 1, tr.465b14: “Nhị không (sanh không và pháp không) chính là trực đạo xuất thế.”

²⁰ Hành, là Nam mô A Di Đà Phật. Tín, là Kim cương tín tâm mà Như Lai hồi hướng. Hành và tín là chánh nhân của sự vãng sinh. Câu “Nam mô A Di Đà Phật” (hành) hồi chuyển lưu nhập trong tâm của chúng sinh, thì đó là đại tín. Cho nên nói, “hành tức là tín, tín tức là hành”.

²¹ Nguyên lực rộng lớn của Đức Phật A Di Đà là tăng thượng duyên mạnh mẽ cho tất cả chúng sinh có được tín tâm vãng sinh Cực Lạc, gọi là cường duyên.

²² Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ghi: “Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi mỗi tướng đều riêng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi mỗi hình hảo còn có tám vạn bốn ngàn quang minh, mỗi mỗi quang minh chiếu khắp thập phương thế giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ sót. Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi mỗi tướng đều riêng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi mỗi hình hảo còn có tám vạn bốn ngàn quang minh, mỗi mỗi quang minh chiếu khắp thập phương thế giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ sót.” Chân ngôn, là lời nói chắc thật của Đức Phật A Di Đà.

²³ Chánh pháp chỉ cho bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Thân Loan Thánh nhân trước đây luôn hoài nghi về bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, nhưng bây giờ nghi ngờ của ông đã được tiêu trừ. Chính như bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đã nói, Thân Loan Thánh nhân đã đạt được hạnh phúc tuyệt đối, nên lớn tiếng hô: “Lời hứa của Di Đà là thật!” Hơn nữa, Thân Loan Thánh nhân kêu gọi “Đừng ngần ngại lắng nghe và suy nghĩ về điều đó”, và hy vọng rằng mọi người sẽ được đưa lên con thuyền Đại bi nguyện của Đức Phật A Di Đà càng sớm càng tốt. Và bước lên con thuyền Đại bi nguyện chỉ có một con đường là lắng nghe.

²⁴ Ngu ngốc (愚禿): Biệt danh của Thân Loan, ông tự nhận mình là “phi Tăng phi tục”. Sau khi Thân Loan di chuyển về phía Bắc, ông ấy đã sử dụng cái tên “Ngu ngốc Thích Thân Loan” (愚禿釋親鸞). Ngu, là từ khiêm xưng; ngốc, nghĩa là cạo trọc. Trung A-hàm, Kinh Bệ-bà-lăng-kỳ, số 63: “Này anh Nan-đề-bà-la, tôi không muốn thấy sa-môn trọc đầu.” Ban đầu đây là một cái tên châm biếm vị sư cạo trọc đầu của những ngoại đạo Ấn Độ cổ đại; về sau, nó đã được sử dụng trong Phật giáo, các nhà sư phạm giới bị châm biếm là ngu ngốc, ngốc cư sĩ. Kinh Đại Niết-bàn, Bắc bản, quyển 3 (Đại 12, 383 hạ): “Những người phạm giới và không hộ pháp được gọi là cư sĩ trọc đầu.” Sau thời Trung cổ ở Nhật Bản, các nhà sư thường tự xưng là ngu ngốc, và nó trở thành một trong những khiêm xưng của Tăng lữ, giống như bần đạo, chuyết tăng.

Vui thay!

Thánh điển nơi Tây Phồn, Nguyệt Chi²⁵

Thầy giảng ở Đông Hạ, Nhật Thành²⁶

Khó gặp nay được gặp

Khó nghe đã được nghe.

Kính tín chân tông giáo hành chứng

Chỉ biết Như Lai công đức sâu.

Đây vui những gì nghe được

Và khen những gì có được.

Tiêu Đề

Kinh Đại Vô Lượng Thọ²⁷ là giáo nghĩa chân thật của Chân tông Tịnh độ.

²⁵ Nguyệt Chi là tên gọi dân tộc Trung Á, nhưng ở đây, Tây Phồn (西蕃) và Nguyệt Chi (月支) đều chỉ cho Ấn Độ.

²⁶ Đông Hạ (東夏) là Trung Quốc. Nhật Thành (日域) là Nhật Bản.

²⁷ Kinh Đại Vô Lượng Thọ là một trong những kinh điển Phật giáo Đại thừa, bộ kinh tinh túy của ba kinh Tịnh độ, gồm 2 quyển. Tên chính thức là Kinh Vô Lượng Thọ. Nội dung nói về nhân địa tu hành, quả địa thành Phật, cõi nước trang nghiêm, nhiếp thọ chúng sinh niệm Phật của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Có bản gốc tiếng Phạn, bản dịch Tạng ngữ và 5 bản dịch Hán ngữ. Có nhiều chú sớ, như Tịnh Độ Luận của Bồ-tát Thế Thân, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của Sa-môn Tuệ Viễn, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của Đại sư Cát Tạng, v.v.

Năm bản dịch Kinh Vô Lượng Thọ hiện còn là:

(1) Phật thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh (zh. 佛說無量清淨平等覺經; ký hiệu: T12 No. 361). Dịch giả được cho là Sa-môn Chi-lâu-cà-sấm người nước Nguyệt Thị đời Đông Hán dịch ở Lạc Dương. Nhưng Lữ Trùng ở trong “Tân biên Hán văn Đại Tạng Kinh mục lục” (Hán: 新編漢文大藏經目錄) khảo chứng xác định rằng dịch giả của Kinh này phải là Trúc Pháp Hộ thời Tây Tấn dịch.

(2) Phật thuyết A Di Đà Tam-Da Tam-Phật Tát-Lâu-Phật-Đàn Quá Độ Nhân Đạo Kinh (zh. 佛說阿彌陀三耶三佛薩樓佛檀過度人道經; ký hiệu: T12 No. 362 [Nos. 360, 361, 363, 364]), thông thường gọi tắt là Đại A Di Đà Kinh (zh. 大阿彌陀經). Tất cả các đề mục ghi chép Kinh điển đều thống nhất dịch giả là Ưu-bà-tắc Chi Khiêm người nước Nguyệt Thị đời nhà Ngô dịch. Tuy nhiên, các học giả Nhật Bản về sau khảo chứng và cho rằng dịch giả đích thật chính là pháp sư Chi-lâu-cà-sấm đời Đông Hán, còn Chi Khiêm chỉ là người cải định về sau.

(3) Phật thuyết Vô Lượng Thọ Kinh (zh. 佛說無量壽經; ký hiệu: T12 No. 360 [Nos. 361-364]). Kinh mục đề rằng dịch giả là Sa-môn Khang Tăng Khải người Ấn Độ đời Tào Ngụy, ông đã dịch Kinh này tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, vào năm Nhâm Dần tức là niên hiệu Vĩnh Gia thứ 4 (310). Tuy nhiên, nhiều học giả sau quá trình khảo chứng nghi

1. Hiển Chân Thật Giáo
2. Hiển Chân Thật Hành
3. Hiển Chân Thật Tín
4. Hiển Chân Thật Chứng
5. Hiển Chân Phật Độ
6. Hiển Hóa Thân Độ

ngờ rằng bản dịch này không phải của Khang Tăng Khải, cho rằng có sự liên quan đến Trúc Pháp Hộ thời Đông Tấn. Bản Kinh thứ ba này có lẽ được lưu hành rộng rãi nhất, bằng chứng là vị Tổ sư đời thứ 13 của Tịnh Độ Tông là hòa thượng Thích Ấn Quang (1862 – 1940) vào năm 1933 đã chỉ định cho giáo đồ Tịnh Độ đời sau rằng bản Kinh này là tiêu chuẩn nhất. Chắc cũng vì như vậy mà bản Kinh này được chọn dịch ra nhiều ngoại ngữ nhất trong năm bản.

(4) [Đại Bảo Tích Kinh] Vô Lượng Thọ Như Lai Hội (zh. “大寶積經”無量壽如來會; ký hiệu: T11 No.310 j. 17-18). Bản này do Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí (Bodhiruci 562-727) người Nam Ấn Độ đời Đường phụng chiếu dịch. Thật ra Vô Lượng Thọ Như Lai Hội chỉ là một phẩm nằm trong “Kinh Đạo Bảo Tích” mà thôi, trong chính văn Hán ngữ được xếp nằm ở quyển 17 và 18. Hòa thượng Ngẫu Ích trong Pháp Hải quan lan (zh. 法海觀瀾) cho rằng bản dịch của Bồ-đề-lưu-chí văn phong đẹp nhất. Thời cận đại, ở Nepal, các nhà khảo cổ đã phát hiện được nguyên bản Phạn văn có nội dung giống với Kinh này.

(5) Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh (zh. 佛說大乘無量壽莊嚴經; ký hiệu: T12 No. 363 [Nos. 360-362, 364]) do Minh Giáo đại sư Pháp Hiền đời nhà Triệu Tống phụng chiếu dịch.

(Trích Năm Dị Bản Kinh Vô Lượng Thọ, Nguyễn Thành Sang – Diệu Trai cư sĩ)

Chương 1: Hiện Tịnh Độ Chân Thật Giáo Văn Loại

Ngu ngốc Thích Thân Loan biên tập.

(1)

Kính xét, Tịnh độ Chân tông có hai thứ hồi hướng: 1. Vãng tướng hồi hướng; 2. Hoàn tướng hồi hướng.

Vãng tướng hồi hướng có: chân thật giáo, chân thật hành, chân thật tín và chân thật chứng.

(2)

Hiện bày “chân thật giáo” chính là Kinh Đại Vô Lượng Thọ.

Đại ý kinh này là, Di Đà phát khởi thế nguyện, mở rộng pháp tạng, thương xót phàm phu, trao cho trân bảo công đức; Thích Ca đản sinh thế gian, phát huy đạo giáo, muốn cứu quần sinh, ban cho lợi ích chân thật. Do vậy mà nói, “bản nguyện của Như Lai” là tông thú của Kinh, tức lấy “danh hiệu Phật” làm tự thể của Kinh vậy.

Làm sao biết được “đại sự xuất hiện thế gian”?

(3)

Kinh Đại Vô Lượng Thọ²⁸:

“Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn hôm nay, các căn vui đẹp, thân tướng thanh tịnh, nét mặt lộng lẫy, như gương sáng bóng tịnh thấu suốt trong ngoài, uy dung rực rỡ, siêu tuyệt vô lượng, con chưa từng thấy sự thù diệu như thế. Kính bạch Đức Đại Thánh! Lòng con nghĩ rằng: Có lẽ hôm nay Đức Thế Tôn trụ nơi

²⁸ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ (佛說無量壽經, No. 360), tr. 266b29-c17.

Pháp kỳ đặc, hôm nay Đức Thế Hùng trụ chỗ chư Phật trụ, hôm nay Đức Thế Nhân trụ nơi Hạnh của Đạo Sư, hôm nay Đức Thế Anh trụ nơi Đạo tối thắng, hôm nay Đức Thiên Tôn hành theo Đức của Như Lai. Chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại luôn nghĩ đến nhau. Phải chăng hôm nay Đức Như Lai đang nghĩ đến chư Phật? Vì sao có sự uy thần sáng chói như thế này?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài A-nan rằng: “Có phải chư Thiên nhờ ông đến hỏi Phật hay ông dùng tuệ kiến²⁹ mà hỏi về uy thần?”

Ngài A-nan bạch Phật rằng: “Không phải chư Thiên đến nhờ con, chính con thấy biết mà hỏi việc đó.”

Phật dạy rằng: “Lành thay, A-nan! Như Lai rất hoan hỷ với những gì ông hỏi. Ông phát trí tuệ sâu, biện tài chân diệu, thương nghĩ chúng sinh mà hỏi được việc đó. Như Lai đem lòng đại bi vô tận, thương xót chúng sinh trong ba cõi, nên mới xuất hiện thế gian, khai sáng đạo giáo, muốn cứu vớt quần sinh, trao cho họ những lợi ích chân thật. Vô lượng ức kiếp khó gặp, khó thấy Như Lai, giống như hoa Linh Thoại thỉnh thoảng mới xuất hiện một lần. Nay những điều ông hỏi có nhiều lợi ích, khai hóa cho tất cả chư Thiên, nhân loại. A-nan nên biết, Như Lai Chánh Giác, trí ấy khó lường, nhiều sự huân thị và chế ngự, tuệ kiến vô ngại, không thể ngăn dứt.”

(4)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai³⁰ nói:

“Ngài A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con thấy sắc diện của Như Lai rạng rỡ hiếm có, nên mới khởi ý niệm này, chẳng phải là do chư Thiên mách bảo.”

²⁹ Tuệ kiến (慧見, sa. Mīmāṃsā-jñāna): Kiến giải của trí tuệ, hay trí tuệ của Phật.

³⁰ Kinh Đại Bảo Tích (大寶積經, No. 310), Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 17, tr.92b21-25.

“Đức Phật dạy Ngài A-nan: “Lành thay, lành thay! Nay ông mau mắn hỏi, khéo léo quan sát, biện tài vi diệu, hỏi được Như Lai việc như thế. Ông vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác - những bậc Vĩ Đại xuất hiện thế gian, an trụ đại bi, lợi ích quần sinh, như hoa Ưu Đàm hiếm khi xuất hiện – mà hỏi việc đó. Ông còn vì thương xót và lợi lạc các hữu tình mà thưa hỏi Như Lai việc như thế.”

(5)

Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác³¹:

“Đức Phật bảo Ngài A-nan: Như ở thế gian có cây Ưu-đàm-bát, chỉ có trái không có hoa; khi thế gian có Phật, chính là lúc hoa xuất hiện vậy. Thế gian có Phật, rất khó được gặp; nay Ta làm Phật, xuất hiện trong thiên hạ. Ông có đức lớn, thiện tâm thông minh, vin biết ý Phật, và không quên ở bên Phật hầu Phật. Nay ông có điều hỏi thì hãy lắng nghe cho kỹ.”

(6)

Sư Cảnh Hưng³² viết: “Hôm nay Đức Thế Tôn trụ nơi pháp kỳ đặc: *Những tướng trạng xuất hiện bởi thần thông luân*³³, không những khác thường mà cũng không gì so sánh, nên gọi kỳ đặc.

³¹ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác (佛說無量清淨平等覺經), No. 361, Chi-lâu-ca-sấm dịch.

³² Cảnh Hưng (憬興): Danh tăng Tân La (nay thuộc Triều Tiên), người Hùng Xuyên, họ Thủy. Năm 18 tuổi Sư xuất gia, nghiên cứu Tam tạng, rất được mọi người kính trọng. Năm 681, vua Thần Văn Vương tôn Ngài làm Quốc sư, trụ ở chùa Tam Lang, chuyên việc sớ giải kinh sách. Có lần bị bệnh cả tháng, sau nghe một vị Hóa ni nói về gốc bệnh của thiện tri thức trong Kinh Hoa Nghiêm, Sư liền hết bệnh. Một hôm, Sư sắp lên ngựa vào Vương cung, thăm nghe lời răn của Bồ-tát Văn-thù, nên trọn đời không cỡi súc sanh. Sự tích về Sư có ghi đầy đủ trong bia đá chùa Tam Lang do ngài Huyền Bản soạn. Tác phẩm gồm hơn 30 loại như: Đại Niết-bàn Kinh Sớ 14 quyển (hoặc 7 quyển), Kim Quang Minh Kinh Thuật Tán 7 quyển, Dược Sư Kinh Sớ 1 quyển, Tứ Phần Luật Yết Ma Ký 1 quyển, Đại Thừa Khởi Tín Luận Vấn Đáp 1 quyển, v.v...

³³ Thần thông luân (神通輪), còn gọi Thần biến luân (神變輪), tức Phật lấy thân nghiệp hiện ra các thứ thần biến để dẫn đạo chúng sinh khởi đức tin về chánh giáo.

Hôm nay Đức Thế Hùng trụ chỗ chư Phật trụ: *Như Lai trụ tam muội Bình đẳng của chư Phật, có khả năng chế ngự chúng ma và chư thiên hùng mạnh, nên trụ chỗ Phật trụ là nhân của danh hiệu Thế Hùng.*

Hôm nay Đức Thế Nhân trụ nơi hạnh của Đạo Sư: *Ngũ nhân là hạnh của Đạo Sư. Phật trụ ngũ nhân, nên sự dẫn dắt chúng sinh thì không hạnh nào hơn được. Lấy hạnh của Đạo Sư để giải thích nghĩa Thế Nhân.*

Hôm nay Đức Thế Anh trụ nơi đạo tối thắng: *Phật trụ tứ trí, xuất chúng không ai bằng, nên lấy Đạo tối thắng mà lập tên Thế Anh.*

Hôm nay Đức Thiên Tôn hành theo đức của Như Lai: *Thiên Tôn là Đệ nhất nghĩa thiên³⁴, để giải thích nghĩa ‘Phật tánh bất không’.*

A-nan nên biết, Như Lai Chánh Giác: *Như Lai Chánh Giác, chính là ‘Pháp kỳ đặc’.*

Tuệ kiến vô ngại: *Là trình bày ‘Đạo tối thắng’.*

Không thể ngăn dứt: *Tức là ‘Đức của Như Lai’.*”³⁵

(7)

Như vậy là minh chứng của hiền bày “chân thật giáo”.

Quả thật, [Kinh Đại Vô Lượng Thọ] chánh thuyết về “Như Lai xuất hiện thế gian”³⁶, là diệu điển “kỳ đặc tối thắng”³⁷, là giáo nghĩa về “cứu cánh nhất thừa”³⁸,

³⁴ Đệ nhất nghĩa thiên (第一義淨天), còn gọi Nghĩa thiên (義天), Đệ nhất nghĩa tịnh thiên (第一義淨天), chỉ cho chư Phật, Bồ-tát trụ nơi đại Niết-bàn, hoặc chỉ cho các Bồ-tát giai vị Thập trụ. Bởi vì các Ngài khéo hiểu nghĩa của các pháp, cho nên dùng ví dụ “diệu lý của Đệ nhất nghĩa Không” làm Thiên (trời), tức nghĩa Thiên trong Tứ thiên.

³⁵ Trích đoạn từ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán (無量壽經連義述文贊), No. 1748, 3 quyển, Cảnh Hưng soạn.

³⁶ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện thế gian đầy năm thứ vẫn đực, thực hiện được Tuệ giác Vô thượng, khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến, đó là việc khó làm. Nhưng nói cho mọi người cái pháp mà thế gian khó tin là Tịnh độ Cực Lạc, thì là việc rất khó. Kinh Vô Lượng Thọ: “Nay ta vì chúng sanh mà nói kinh pháp này, làm cho họ được thấy đức Vô Lượng Thọ Phật, tất cả vạn vật ở nước An Lạc và Thánh chúng Bồ Tát, Thanh Văn ở nước ấy. Chớ nên sau khi ta diệt độ mà sanh lòng nghi hoặc. Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, ta dùng oai lực từ bi đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm, có chúng sanh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát. Nay Di Lạc! Đức Như Lai ra đời khó gặp khó thấy, kinh pháp của chư Phật khó được khó nghe. Các môn Ba-la-mật, các pháp thù thắng của Bồ-tát được nghe cũng khó. Gặp thiện tri thức nghe pháp mà làm được cũng là khó. Nếu nghe

là lời vàng cho sự “mau chóng viên dung”³⁹, là lời thành thật được “mười phương [Phật] xưng tán”⁴⁰, là chân giáo cho “thời cơ thuần thực”⁴¹, nên biết như vậy.⁴²

kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn. Vì thế nên pháp của Ta, làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin thuận như pháp tu hành.”

³⁷ Kỳ đặc, là quả đức của Đức Phật A Di Đà. Cho nên, Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nếu lúc tôi làm Phật, Cõi nước tôi đệ nhất, Rất nhiều thứ kỳ diệu, Đạo tràng rất siêu tuyệt.” Tối thắng, là nói về nhân tướng của Pháp Tạng, cho nên Kinh Vô Lượng Thọ ghi: “Tỳ-kheo Pháp Tạng phát khởi thệ nguyện thù thắng vô thượng.” Nhân quả của Đức Phật A Di Đà được nói rõ ràng từ đầu đến cuối, nên còn gọi là Kinh Cụ Túc Vãng Sinh. Nhân quả của Phật đã trọn đủ, thì chúng sinh nguyện sinh về cõi kia được thành. Phật thành Chánh giác để chúng sinh vãng sinh. Chúng sinh vãng sinh nhờ Phật thành Chánh giác.

³⁸ Kinh Vô Lượng Thọ: “Trong mỗi một bông hoa tỏa ra ba trăm sáu mươi ngàn ức ánh sáng. Trong mỗi một ánh sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Đức Phật, thân màu vàng tía, tướng đẹp khác thường. Tất cả các Đức Phật lại phóng ra trăm ngàn ánh sáng, vì chúng sinh cả mười phương mà nói pháp nhiệm màu, khiến tất cả trở về chánh đạo của Phật.” Đây là hoa sen chánh giác của Đức Phật A Di Đà, tức là tự thể của bi nguyện nhất thừa. Vô lượng trí tuệ trong mười phương ba đời đều nương “một Đức Như Lai thành Chánh giác” này, và Đức Thích Ca Mâu Ni cũng ở trong số đó. Ngài từ bi nguyện nhất thừa mà đến thế giới Ta Bà để khai thị pháp nhất thừa, khiến cho tất cả chúng sinh được cứu cánh nhất thừa, đến bờ bên kia. Đây có thể gọi là cùng tột của cứu cánh nhất thừa vậy.

³⁹ Kinh Vô Lượng Thọ: “Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu của Ngài mà tín tâm hoan hỷ, dốc lòng hồi hướng dù trong một niệm, nguyện sinh sang cõi nước ấy, liền được vãng sinh.” “Nếu có người được nghe danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ, sinh tâm vui mừng, chỉ trong một niệm, cũng biết người ấy, được lợi ích lớn, công đức tròn đầy.” Cụ phước phạm phu, kẻ bán thịt rượu trong một sát-na siêu việt thành Phật, và sở dĩ họ siêu việt thành Phật là vì Như Lai hồi hướng tín lạc, khai thị cho người biết ‘hồi hướng tín lạc’. Một niệm mà mau chóng đầy đủ công đức vô thượng viên mãn, và ý chỉ “mau chóng viên dung” không thể diễn tả thành lời.

⁴⁰ Kinh Vô Lượng Thọ: “Phật bảo A Nan: Đức Phật Vô Lượng Thọ uy thần vô cực. Trong mười phương thế giới, vô lượng, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Như Lai đều khen ngợi Ngài.”

⁴¹ Thời (時), là Đức Phật khai thị tri kiến, được cho là “thời điểm cây Ưu-đàm-bát xuất hiện”. Cơ (機), là Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Di Lặc, v.v. cùng đại chúng đến dự pháp hội, đều an trụ bi nguyện nhất thừa, hồng dương pháp ấy. Lại nữa, với lòng đại bi thương xót ba cõi, Đức Phật nói pháp đại tiểu quyền thật, bây giờ là lúc Ngài nói ra đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, và ở tương lai, chúng sinh cũng được khai thị khi kế thời. Người độn căn thì nhiều chướng, người lợi trí thì dễ hóa, kẻ vô trí thì khó độ, nay vì người nhiều chướng, kẻ khó độ mà chỉ ra bản hoài của Phật, đó là vì thời cơ chín muồi vậy.

⁴² Đoạn này được nhắc lại trong Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao (淨土文類聚鈔), No. 2647, Thân Loan tạo tác.

Chương 2: Hiển Tịnh Độ Chân Thật Hành Văn Loại

Ngu ngốc Thích Thân Loan biên tập.

(1)

Kính xét, vãng tướng hồi hướng có đại hành, có đại tín.

Đại hành, là xưng danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai. Hành này chính là nhiếp các thiện pháp, đủ cội công đức, mau chóng viên mãn. Chân như nhất thật⁴³, công đức bảo hải⁴⁴, nên gọi là đại hành. Nhưng hành ấy xuất sinh từ đại bi nguyện, chính là nguyện mà “chư Phật xưng dương”⁴⁵, là nguyện mà “chư Phật xưng danh”, là nguyện mà “chư Phật tư ta”⁴⁶, cũng gọi là nguyện của “vãng tướng hồi hướng”, cũng gọi là nguyện của “tuyển trạch xưng danh”⁴⁷.

(2)

⁴³ Nhất thật 一實: Chân như. Nhất, là nghĩa bình đẳng. Gọi thật tướng bình đẳng của các pháp là nhất thật. Tam Tạng Pháp Số, quyển 4: “Nhất thật đế, là lý ‘nhất thật tướng trung đạo’. Không có hư vọng, không có điên đảo, gọi là Nhất thật đế.” Tứ Giáo Nghi, quyển 1: “Sở chứng kiến của chư Phật, Bồ-tát thì chắc thật không hư dối, gọi đó là đế.” Ở đây, Chân như nhất thật là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

⁴⁴ Công đức bảo hải: biển đại bảo công đức. Danh hiệu Đức Phật A Di Đà là biển cả công đức.

⁴⁵ Kinh Vô Lượng Thọ: “Chư Phật Như Lai ở những quốc độ mười phương thường ca ngợi đức Vô Lượng Thọ Phật chẳng chướng ngại chẳng nhiễm trước.”

⁴⁶ Chư Phật tư ta nguyện (諸佛咨嗟願): Còn gọi là Chư Phật xưng tán nguyện (諸佛稱歎願), Chư Phật đồng tán danh tự nguyện (諸佛同讚名字願), Chư Phật xưng danh nguyện (諸佛稱名願), Chư Phật xưng dương nguyện (諸佛稱揚願). Là nguyện thứ 17 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, tức là thệ nguyện chư Phật đề cao, khen ngợi danh hiệu của Phật A Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, có chép lời thệ nguyện ấy như sau (Đại 12, 268 thượng): “Nếu tôi được thành Phật mà chư Phật trong mười phương vô lượng thế giới đều không tán thán danh hiệu của tôi, thì tôi sẽ không giữ lấy ngôi chánh giác.” Tư ta: tán thán, cảm thán.

⁴⁷ Nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà là “tuyển trạch bản nguyện”, cũng gọi là “chí tâm tín lạc nguyện”, “vãng tướng tín tâm nguyện”. Đây là một điều nguyện quan trọng nhất trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. Gọi là “tuyển trạch bản nguyện” là vì khi Đức Phật A Di Đà phát nguyện ở nhân địa, Ngài dùng “xưng danh nhất hạnh” để làm hành pháp cho chúng sinh vãng sinh. Đây không phải là một hành động ngẫu nhiên, mà là một sự lựa chọn đặc biệt của Đức Phật A Di Đà sau năm kiếp suy nghĩ sâu xa.

Về “chư Phật xưng danh nguyện”, Đại kinh nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” (Nguyện 17)

(3)

Lại nói:

“Tôi đến lúc thành Phật
Danh tiếng siêu mười phương
Trọn có người chẳng nghe
Thề chẳng thành Chánh giác.
Vì chúng khai pháp tạng,
Rộng ban báu công đức,
Thường ở trong đại chúng,
Thuyết pháp sư tử rống.”

(4)

Về “Nguyện thành tựu văn”⁴⁸, Đại kinh ghi:

“Hằng sa chư Phật Như Lai mười phương đồng khen ngợi oai thần công đức bất khả tư nghị của Đức Vô Lượng Thọ Phật.”

(5)

Lại nói:

⁴⁸ Nguyện thành tựu văn (願成就文): Gọi tắt là Thành tựu văn. Kinh văn nói về việc Đức Phật A Di Đà phát nguyện thành tựu Phật quả khi còn ở địa vị tu nhân. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, ghi lời nguyện thứ 11 của Ngài như sau (Đại 12, 268 thượng): “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trụ chánh định tụ, nhất định đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Cũng kinh trên, quyển hạ, thuật lại tướng thành tựu như sau (Đại 12, 272 trung): “Nếu có những chúng sinh được sinh về nước kia thì tất cả đều trụ nơi chánh định. Tại sao vậy? Vì trong nước Phật kia không có tà tụ và bất định tụ.”

“Đức Vô Lượng Thọ Phật oai thần vô cực. Vô lượng vô biên bất khả tư nghị chư Phật Như Lai ở các thế giới mười phương, không đức Phật nào chẳng khen ngợi Vô Lượng Thọ Phật.”

(6)

Lại nói:

*“Phật ấy có bản nguyện
Nghe danh muốn vãng sinh
Đều được sinh nước ấy
Ở bậc Bất thối chuyển.”*

(7)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

*“Tôi đối Như Lai phát hoằng nguyện
Khi tôi chứng Vô thượng bồ-đề
Nếu không đầy đủ các nguyện trên
Không lấy mười lực Đấng ai bằng
Tâm không chịu thường hành bố thí
Rộng cứu bản cùng lia các khổ
Lợi ích thế gian khiến an lạc
[Không thành Pháp vương vị cứu đời] ...
Tôi thẳng trượng phu tu hành rồi
Làm phục tàng cho kẻ bản cùng⁴⁹*

⁴⁹ Phục tàng (伏藏): Kho báu ẩn giấu trong lòng đất. Trong nhà cô gái nghèo có chôn giấu của báu, nhưng cô gái tội nghiệp không biết, và được bậc trí giả dạy để khám phá nó, dụ cho chúng sinh không biết ngay tự thân mình có Phật tánh, đợi đến lúc Phật thuyết pháp chỉ dạy mới giác ngộ. Kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Như Lai Tánh: "Này Thiện nam tử! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như-Lai chỉ bày

*Viên mãn thiện pháp không gì hơn
Ở trong đại chúng sư tử rống.”⁵⁰*

(8)

Lại nói:

*“Này A-nan! Do nghĩa lợi này, vô lượng vô số, bất khả tư nghị, không ai
đồng đẳng, chư Phật Như Lai ở vô biên thế giới đều cùng khen ngợi những công
đức của Vô Lượng Thọ Phật.”⁵¹*

(9)

Kinh Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đản
Quá Độ Nhân Đạo⁵² nói:

*“Nguyện thứ tư: Giả sử khi tôi thành Phật, danh hiệu tôi vang khắp tám
phương trên dưới vô số cõi Phật, khiến các thầy tỷ-kheo trong đại chúng của mỗi
Đức Phật đều nói về công đức và sự tốt đẹp của nước tôi. Chư thiên, nhân dân và
loài bò bay máy cựa nghe danh hiệu tôi đều khởi tâm từ, ai hoan hỷ phấn khởi đều
khiến sinh về nước tôi. Được nguyện này tôi mới thành Phật, không được nguyện
này tôi trọn không thành Phật.”*

kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh này lòng rất vui mừng quy
ngưỡng đức Như-Lai.”

⁵⁰ Kinh Đại Bảo Tích (大寶積經, No. 310), Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 17, tr. 94c29 và 95a14.

⁵¹ Kinh Đại Bảo Tích (大寶積經, No. 310), Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 17, tr. 98a17. Nghĩa lợi, là ba bậc
vãng sinh: thượng, trung và hạ. “Những chúng sinh ở cõi Phật phương khác nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai,
cho đến phát một niệm tịnh tín, hoan hỷ ưa thích, có bao nhiêu thiện căn đều hồi hướng nguyện sinh về quốc độ
của Vô Lượng Thọ Như Lai, thì tùy nguyện đều được vãng sinh, được bậc bất thối chuyển, hẳn đến Vô thượng
Chánh đẳng Bồ-đề, chỉ trừ kẻ phạm ngũ vô gián, kẻ phá hoại chánh pháp và phỉ báng bậc Thánh.” (tr. 97c22)

⁵² Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo Kinh (佛說諸佛阿彌陀三耶三佛
薩樓佛檀過度人道經), còn gọi là Đại A Di Đà Kinh (大阿彌陀經), A Di Đà Kinh (阿彌陀經), Vô Lượng Thọ Kinh (無
量壽經), Quá Độ Nhân Đạo Kinh (過度人道經), Nhị Thập Tứ Nguyện Kinh (二十四願經), Đại tạng kinh 12, Bảo tích
bộ, No. 362, Chi Khiêm dịch, ghi lại tiền thân của Đức Phật A Di Đà là Tỷ-kheo Pháp Tạng cùng với hai mươi bốn
nguyện, rồi tả quốc độ Tu-ma-đề của Đức Phật ấy với việc kể ngôi của Bồ-tát Quán Âm và Đại Thế Chí, cũng như
việc vãng sinh của ba hạng người về nước đó.

(10)

Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác ghi:

“[Nguyện thứ mười bảy:] Khi tôi thành Phật, danh hiệu tôi vang khắp tám phương trên dưới vô số cõi Phật. Chúng đệ tử của mỗi Đức Phật đều ca ngợi công đức và sự tốt đẹp của nước tôi. Chư thiên, nhân dân và loài máy động nghe danh hiệu tôi thấy đều phấn khởi sinh về nước tôi. Không được như vậy thì tôi không thành Phật.”⁵³

“[Nguyện thứ mười chín:] Khi tôi thành Phật, nhân dân ở cõi Phật phương khác mà đời trước có làm ác, nhưng nghe được danh hiệu tôi và chân chánh làm đạo, muốn sinh về nước tôi, khi thọ mạng hết sẽ không sinh trở lại ba đường ác, mà sinh về nước tôi theo sở nguyện nơi tâm. Không được như vậy thì tôi không thành Phật.”⁵⁴

“Thái tử A-xà-thế và năm trăm vị trưởng giả nghe hai mươi bốn lời nguyện của Vô Lượng Thanh Tịnh Phật đều rất hoan hỷ phấn khởi, thề nguyện trong tâm: Nguyện cho chúng con sau khi thành Phật đều được như Phật Vô Lượng Thanh Tịnh Phật.

Đức Phật biết ý nguyện của họ, bảo các thầy tỳ-kheo: Thái tử A-xà-thế và năm trăm vị trưởng giả này đến vô số kiếp sau sẽ được làm Phật, như Vô Lượng Thanh Tịnh Phật.

Đức Phật dạy: Thái tử A-xà-thế và năm trăm vị trưởng giả này tu Bồ-tát đạo đến nay trải qua vô số kiếp, mỗi người đều đã cúng dường bốn trăm ức Đức Phật,

⁵³ Phật thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh (佛說無量清淨平等覺經), No. 361, Chi Lô Ca Sám (支婁迦讖, 147-?) dịch, tr. 281b27.

⁵⁴ Kinh Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo: “Nguyện thứ năm: Giả sử khi tôi thành Phật, khiến cho tám phương trên dưới, vô số chư Thiên, nhân dân và loài bò bay máy cựa, nếu đời trước làm việc ác, nghe danh hiệu tôi, muốn sinh về nước tôi, liền cải đổi tự hối lỗi, làm đạo tác thiện, trì kinh giữ giới, nguyện muốn sinh nước tôi không ngừng nghỉ, thọ mạng hết đều không còn sinh vào nê lê, cầm thú, bệ lệ, liền sinh về nước tôi theo sở nguyện nơi tâm. Được như nguyện này tôi mới thành Phật, không được như nguyện này trọn không thành Phật.” (tr. 301b14)

nay lại đến cúng dường Ta. Thái tử A-xà-thế và năm trăm vị này, vào thời Ca Diếp Phật, họ là đệ tử của Ta, nay đều trở lại để gặp nhau.

Các thầy Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, ai cũng hoan hỷ phấn chấn.”⁵⁵

“Những ai nghe danh hiệu Phật
Mau được lợi lớn, yên ổn
Chúng ta được công đức này
Những tốt đẹp ở cõi kia.” (...)

“Đức Vô Lượng Giác giải thích:
Ta đời trước có bản nguyện
Mọi người đã nghe thuyết pháp
Đều mau sinh về nước Ta
Sở nguyện Ta đều đầy đủ
Người nước khác muốn sinh về
Thầy được sinh về cõi này
Một đời được bất thối chuyển.” (...)

“Họ có thể mau vượt đến
Thế giới tên An Lạc quốc
Cõi nước vô lượng ánh sáng
Cúng dường nơi vô số Phật.” (...)

“Người chưa có công đức ấy
Không được nghe tên kinh này

⁵⁵ Phật thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, tr. 282c17-28.

Chỉ người có giới thanh tịnh
Mới đến nghe chánh pháp này.” (...)

“Ác kiêu mạn, xấu giải đãi
Khó thể tin vào pháp này
Ai đòi trước từng thấy Phật
Ưa nghe lời dạy Thế Tôn.” (...)

“Thân người hiếm có khó được
Phật tại thế càng khó gặp
Có tín tuệ vẫn chưa đủ
Phải nghe thấy, tinh tiến cầu.
Nghe pháp ấy mà không quên
Tôn kính pháp được vui lớn
Là bạn thân Ta xưa kia
Vì vậy mà phát đạo ý⁵⁶.
Dầu thế giới đầy lửa cháy
Quyết vượt qua để nghe pháp
Nhất định sẽ thành Thế Tôn
Thoát tất cả sinh già chết.”⁵⁷

(11)

Kinh Bi Hoa, phẩm Bồ Tát Bản Thọ Ký⁵⁸ nói:

⁵⁶ Phát đạo ý (發道意): Phát Bồ-tát ý, phát khởi đạo tâm, phát Bồ-đề tâm, phát ý cầu đạo Vô thượng Chánh chân.

⁵⁷ Phật thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, tr. 288b10-289a02. Trên đây là một phần của chính cú được gọi Đông Phương Kệ (東方偈), cũng gọi Vãng Quán Kệ (往觀偈), cũng gọi Tán Trọng Kệ (讚重偈) ở trong các bản Kinh Vô Lượng Thọ.

“Nguyện khi con thành ngôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ở vô lượng vô biên a-tăng-kỳ thế giới Phật khác, có chúng sinh nào nghe danh hiệu của con mà tu các căn bản thiện⁵⁹, muốn sinh về thế giới của con, nguyện cho họ sau khi xả bỏ thân mạng, nhất định được sinh về, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch, hủy báng Thánh nhân, phé bỏ và phá hoại chánh pháp.”

(12)

Như vậy, xưng danh có thể phá trừ tất cả vô minh của chúng sinh, có thể thành mãn mọi chí nguyện của chúng sinh.⁶⁰ Xưng danh là chánh nghiệp chân diệu tối thắng⁶¹. Chánh nghiệp là niệm Phật. Niệm Phật thì là “Nam mô A Di Đà Phật”. “Nam mô A Di Đà Phật” chính là chánh niệm vậy.

(13)

Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói:

“Có người nói: Bát-chu tam-muội và đại bi là nhà của chư Phật. Từ hai pháp này sinh ra chư Như Lai, trong đó, bát-chu tam-muội là cha, đại bi là mẹ. Lại nữa, bát-chu tam-muội là cha, vô sinh pháp nhẫn là mẹ. Như trong Trụ Bồ-đề có nói:

⁵⁸ Kinh Bi Hoa (悲華經), No. 157, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch. Chánh văn ghi là ‘phẩm Đại Thí’ [thứ 3], nhưng đoạn trích dẫn ở phẩm Bồ-tát Bản Thọ Ký thứ 4, tr. 184b10.

⁵⁹ Tu chư thiện bản (修諸善本): Là tu phước đức và tri tuệ, là có đủ thiện căn. Căn bản của thiện căn là “niệm Phật”. Thực chư thiện bản (植諸善本): Đòi trước tu phước tuệ.

⁶⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819 [cf. No. 1524], Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 835b18: “Danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai kia có thể phá trừ tất cả vô minh của chúng sinh, có thể thành mãn tất cả chí nguyện của chúng sinh.” (彼無礙光如來名號能破衆生一切無明, 能滿衆生一切志願.) Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá, do Bồ-tát Thế Thân biên soạn, còn gọi là Vãng Sanh Tịnh Độ Luận, gọi đơn giản là Vãng Sinh Luận, hoặc gọi là Tịnh Độ Luận.

⁶¹ Xưng danh là ca ngợi, trì tụng, tin tưởng và thiền định về Thánh hiệu A Di Đà Phật. Xưng danh là chánh nghiệp chân diệu tối thắng vì nó bao gồm tất cả thiện pháp và tất cả thiện căn công đức, vì nó là chân lý tối thắng và chân như bất khả tư nghị, vì nó là kho tàng công đức vô lượng, diệu dụng vô biên và ánh sáng vô cùng của A Di Đà Như lai.

Cha bát-chu tam-muội
Mẹ đại bi vô sinh
Tất cả chư Như Lai
Từ hai pháp này sinh.

Nhà không có lỗi lầm là nhà thanh tịnh. Thanh tịnh nghĩa là sáu Ba-la-mật, bốn công đức xú⁶²; phương tiện và Bát-nhã Ba-la-mật; thiện pháp và trí tuệ; bát-chu tam-muội, đại bi và các nhĩn, đều là các pháp thanh tịnh, không có lỗi lầm, nên gọi là nhà thanh tịnh. Bồ-tát lấy các pháp này làm nhà cho nên không có lỗi lầm.

Chuyển thế gian đạo nhập xuất thế thượng đạo: Thế gian đạo, là đạo mà hàng phàm phu thực hành. Chuyển, là dừng lại. Phàm phu đạo thì không thể cứu cánh đến Niết-bàn. Thường qua lại trong sinh tử, đó là phàm phu đạo. Xuất thế gian, là do đạo ấy mà được thoát ly ba cõi, nên gọi là xuất thế gian đạo. Thượng, là diệu, nên gọi là thượng. Nhập, là chánh hành đạo, nên gọi là nhập. Dùng tâm này đi vào sơ địa, gọi là Hoan hỷ địa.

Hỏi: Sao gọi địa thứ nhất là địa Hoan hỷ?

Đáp: Như được nơi Sơ quả

Cứu cánh đến Niết-bàn

Bồ tát được địa này

Tâm thường nhiều hoan hỷ

Tự nhiên được tăng trưởng

Chư Phật Như Lai chủng

⁶² Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 1, phẩm Tựa, tr. 22b28: “Tôi nay tạo luận này, Để - xả và diệt - tuệ, Là bốn công đức xú, Tự nhiên mà tu tập” (我今造此論, 諦捨及滅慧, 是四功德處, 自然而修集.) “Lại nữa, bốn công đức xú: để, xả, diệt, tuệ, gọi là Như Lai.” (tr. 25b04) “Có người nói: Bốn công đức xú, đó là: để, xả, diệt, tuệ. Chư Như Lai từ trong đây sinh ra, cho nên gọi là nhà Như Lai.” (tr. 25b19)

Thế nên người như đây
Được gọi bậc Hiền thiện.

Như được nơi Sơ quả: là như người được Tu-đà-hoàn đạo, khéo đóng cửa “ba ác đạo”, thấy pháp, nhập pháp, đắc pháp, trú pháp kiên cố, không gì khuynh động, cứu cánh đến Niết-bàn. Đoạn pháp sở đoạn bởi kiến đế, nên tâm rất hoan hỷ. Giả sử còn thụy miên, giải đãi cũng không đi đến hai mươi chín hữu⁶³. Như lấy một sợi lông chia làm trăm phần, rồi lấy một phần lông đã chia nhúng vào nước biển cả, chỉ được vài giọt nước. Khổ đã diệt thì như nước biển cả, khổ chưa diệt thì như vài giọt nước. Tâm rất hoan hỷ, Bồ tát như vậy đắc Sơ địa rồi, gọi là sinh vào nhà Như Lai, được tất cả trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phạm vương, Thiên vương, Sa-môn, Bà-la-môn và hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật cùng nhau cúng dường cung kính. Vì sao? Vì nhà này không có lỗi lầm. Chuyển thế gian đạo nhập xuất thế gian đạo, chỉ ưa cung kính chư Phật, được bốn công đức xứ, được cảm thọ quả báo của sáu Ba-la-mật. Không đoạn chủng tử của chư Phật cho nên tâm rất hoan hỷ. Bồ tát này có cái khổ sót lại bằng hai ba giọt nước, tuy trải qua trăm ngàn ức kiếp đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng đối với cái khổ sinh tử từ vô thi, chỉ như vài giọt nước, những cái khổ đã diệt trừ thì giống như nước biển cả. Thế nên, địa này gọi là Hoan Hỷ.”⁶⁴ (...)

⁶³ Hữu, chỉ cho các cảnh giới còn trong vòng sinh tử luân hồi, không giải thoát. Vì vậy, tam giới cũng được gọi là tam hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô-sắc hữu. Tam giới chia thành 25 hữu (nhị thập ngũ hữu): Địa ngục, Ngạ quỷ, Bàn sinh, A-tu-la, Đông Thắng-thần châu, Nam Thiệm-bộ châu, Tây Ngưu-hóa châu, Bắc Câu-lô châu, Tứ thiên vương thiên, Đạo lợi thiên, Đâu suất thiên, Dạ ma thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, Sơ thiền thiên, Đại Phạm thiên, Nhị thiền thiên, Tam thiền thiên, Tứ thiền thiên, Vô tưởng thiên, Ngũ Tịnh cư thiên, Không vô biên xứ thiên, Thức vô biên xứ thiên, Vô sở hữu xứ thiên, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên. Chia nhỏ hơn nữa thì có 29 hữu (nhị thập cửu hữu): cũng 25 hữu trên, nhưng đem Ngũ Tịnh cư thiên chia ra thành 5 hữu: Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên, Sắc cứu cánh thiên. Những nghiệp nhân thiện, ác dẫn đến thọ các quả báo thiện ác ở các cảnh giới này, gọi là nhân hữu lậu và quả báo hữu lậu.

⁶⁴ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa (十住毘婆沙論), No. 1521, Bồ-tát Long Thọ tạo, quyển 1, phẩm Tựa, tr. 25c03-26a10.

“Hỏi: Bồ-tát Sơ Hoan Hỷ địa, ở trong địa này gọi là nhiều hoan hỷ, là vì có được các công đức nên hoan hỷ, hay là vì thích ứng địa pháp mà hoan hỷ? Lấy gì mà hoan hỷ?”

Đáp: Thường niệm về chư Phật

Về đại pháp chư Phật

Tất định, hành hiêm có

Cho nên nhiều hoan hỷ.

Đại loại những nhân duyên hoan hỷ như vậy, Bồ-tát ở Sơ địa có nhiều hoan hỷ trong tâm.⁶⁵

Niệm chư Phật: Là niệm chư Phật quá khứ như Nhiên Đăng Phật, v.v., chư Phật hiện tại như A Di Đà Phật, v.v., chư Phật tương lai như Di Lặc Phật. v.v. Thường niệm chư Phật Thế Tôn như vậy, như ở trước mắt. Phật là bậc Vô Năng Thắng, bậc đệ nhất trong tam giới, thế nên [niệm Phật thì] “nhiều hoan hỷ”.

Niệm đại pháp của chư Phật: Đại pháp là nói tắt cho bốn mươi pháp bất cộng của chư Phật, đó là: 1. Tự tại phi hành tùy ý; 2. Tự tại biến hóa vô biên; 3. Tự tại nghe biết vô ngại; 4. Tự tại dùng vô lượng chủng môn biết tâm của tất cả chúng sinh, v.v.⁶⁶ [Những pháp như vậy sau sẽ nói rộng.]

⁶⁵ Kinh Thập Trú, No. 286, Cưu-ma-la-thập dịch, quyển 1, tr. 500c01: “Các Phật Tử ! Các Bồ-tát trú Hoan Hỷ địa này, do niệm chư Phật mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm các pháp của Phật mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm các Đại Bồ-tát mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm sở hành của các Bồ-tát mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm tướng thanh tịnh của các Ba-la-mật mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm các Bồ-tát với những thù thắng mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm các Bồ-tát có cái lực không thể phá hoại mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm pháp giáo hóa của chư Như Lai mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm luôn vì lợi ích chúng sinh mà sinh tâm hoan hỷ, do niệm tất cả Phật, tất cả Bồ-tát đã nhập trí tuệ môn phương tiện mà sinh tâm hoan hỷ.”

⁶⁶ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 10, phẩm Bốn Mươi Pháp Bất Cộng, tr. 71c19: “Bốn mươi pháp bất cộng là: (1) Phi hành tự tại; (2) Biến hóa vô lượng; (3) Thánh như ý vô biên; (4) Văn thanh tự tại; (5) Trí lực vô lượng biết tâm người khác; (6) Tâm được tự tại; (7) Thường ở an tuệ xứ; (8) Thường không sai lầm; (9) Được sức mạnh của Kim cương Tam muội; (10) Khéo biết sự bất định; (11) Khéo biết sự Vô sắc định; (12) Thông hiểu đầy đủ các sự vĩnh diệt; (13) Khéo biết tâm bất tương ưng vô sắc pháp; (14) Đại thể Ba-la-mật; (15) Vô ngại Ba-la-mật; (16) Tất cả hỏi đáp và thọ ký đều trả lời đầy đủ bằng Ba-la-mật; (17) Đầy đủ tam chuyển pháp luân; (18) Pháp đã thuyết không trống rỗng; (19) Pháp đã thuyết không có sai lầm; (20) Không ai có thể làm hại; (21) Bậc Đại tướng giữa các Hiền

Niệm Tất định của Bồ-tát: Bồ-tát được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nhập Pháp vị, được Vô sinh pháp nhẫn, ngàn vạn ức số ma quân không thể quấy rối, phá hoại, được tâm đại bi, thành pháp đại nhân⁶⁷, không tiếc thân mạng vì được Bồ đề, cần hành tinh tiến. Đây gọi là niệm Tất định của Bồ tát.

Niệm hành hiếm có: Niệm hành hiếm có bậc nhất của Bồ-tát được Tất định mà tâm hoan hỷ. Đó là địa vị mà tất cả phàm phu không thể đạt được, là địa vị mà tất cả Thanh văn và Bích-chi Phật không thể thực hành, nó khai thị “pháp của Phật là vô ngại giải thoát bằng Tất-bà-nhã trí⁶⁸”. Lại niệm về các pháp sở hành của mười địa, gọi là “tâm nhiều hoan hỷ”. Thế nên, Bồ-tát được nhập Sơ địa gọi là Hoan Hỷ.

Hỏi: Có người phàm phu chưa phát tâm Vô thượng đạo, hoặc người có phát tâm mà chưa được Hoan Hỷ địa, người này niệm chư Phật và đại pháp của Chư Phật, niệm Tất định của Bồ tát và hành hiếm có, mà được hoan hỷ. Bồ tát Sơ địa được hoan hỷ cùng với người này [được hoan hỷ] có gì khác biệt?

Đáp: Bồ tát được Sơ địa

Trong tâm nhiều hoan hỷ

Chư Phật vô lượng đức

Tôi nhất định sẽ được.

Bồ-tát Tất định ở Sơ địa niệm chư Phật có vô lượng công đức, “Tôi ắt sẽ được sự như vậy.” Vì sao? “Tôi đã được Sơ địa này, nhập vào Tất định, người khác

Thánh; (22)-(25) Bốn bất thủ hộ (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp và tài sản); (26)-(29) Bốn vô sở úy; (30)-(39) Mười lực của Phật; (40) Vô ngại giải thoát.”

⁶⁷ Luận Đại Trí Độ, quyển 13, tr. 155c21: “Lại nữa, hành giả nên học pháp đại nhân. Trong hết thầy đại nhân, Phật là tối đại, vì cớ sao? Vì tất cả trí tuệ được thành tựu, mười trí lực đầy đủ, hay độ chúng sanh, thường hành từ mẫn, giữ giới sát sanh, tự được thành Phật, cũng dạy đệ tử thực hành tâm từ mẫn đó.” (H.T Thích Thiện Siêu dịch)

⁶⁸ Tất-bà-nhã trí (薩婆若智) = Nhất thiết trí: Tuệ giác biết toàn thể, biết về bản thể. Luận Đại Trí Độ, quyển 21, tr. 220c29-221a02: “Phật giải thoát khỏi các phiền não và tập khí, nhổ hết gốc rễ, giải thoát chân thật không thể hư hại, do thành tựu hết thầy trí tuệ nên gọi là vô ngại giải thoát.” (H.T Thích Thiện Siêu dịch)

không có tâm này”, vì vậy Bồ-tát ở Sơ địa tâm nhiều hoan hỷ, người khác không được vậy. Vì sao? Người khác dù niệm chư Phật, nhưng không thể khởi niệm này: “Tôi nhất định sẽ làm Phật.” Thí như Thánh tử Chuyển Luân sinh trong nhà của Chuyển Luân Vương, thành tựu tướng Chuyển Luân Vương, nghĩ đến công đức của Chuyển Luân Vương ở quá khứ, tôn kính khởi niệm: “Nay tôi cũng có tướng này, cũng sẽ được giàu có tôn quý như vậy”, trong tâm rất hoan hỷ. Người không có tướng Chuyển Luân Vương thì không có niềm vui như vậy. Bồ-tát Tất định niệm chư Phật và công đức lớn lao, oai nghi, tôn quý của chư Phật, [khởi niệm:] “Tôi có tướng này, ắt sẽ làm Phật”, ngay lúc ấy vô cùng hoan hỷ, người khác không có sự này. Định tâm, là thâm nhập pháp của Phật mà tâm không lay động.”⁶⁹
(...)

(14)

“Tín lực tăng thượng: Tín, là những gì thấy nghe thì nhất định tiếp nhận không nghi ngờ. Tăng thượng, là thù thắng.

Hỏi: Có hai loại tăng thượng: 1. Nhiều; 2. Thắng. Nay nói về loại nào?

Đáp: Ở đây nói đến cả hai loại. Bồ tát nhập Sơ địa thì có được mùi vị của các công đức, cho nên tín lực chuyển tăng thượng. Dùng tín lực này tính toán công đức vô lượng thâm diệu của chư Phật mà có thể tin nhận, thì tâm này vừa nhiều vừa thắng.

Thực hành sâu xa tâm Đại bi: Thương xót nghĩ nhớ chúng sinh đến tận cùng xương tủy, nên gọi là sâu xa. Vì tất cả chúng sinh mà cầu Phật đạo, nên gọi là Đại. Tâm từ, là thường cầu sự lợi ích và an ổn chúng sinh. Tâm từ có ba loại⁷⁰.⁷¹ (...)

⁶⁹ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 2, phẩm Địa Tướng, tr. 26b20-27a02.

⁷⁰ Từ có ba loại: (1) Chúng sinh duyên từ; (2) Pháp duyên từ; (3) Vô duyên từ.

⁷¹ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 2, phẩm Tịnh Địa, tr. 29a09-17.

(15)

“Pháp của Phật có vô lượng môn. Như ở thế gian, đường đi có khó có dễ, đường bộ đi bộ vất vả, đường thủy ngồi thuyền an vui. Bồ-tát đạo cũng như vậy, có pháp cần hành tinh tiến, cũng có pháp lấy đức tin làm phương tiện, dễ dàng thực hành, nhanh chóng đến A-duy-việt-trí địa.”⁷² (...)

“Có người mau muốn đến
Địa vị Bất thối chuyển
Phải đem tâm cung kính
Chấp trì xưng danh hiệu.”⁷³

“Nếu Bồ-tát muốn ngay thân này đến được A-duy-việt-trí địa, thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên nghĩ nhớ chư Phật mười phương và xưng niệm danh hiệu. Như trong phẩm A-duy-việt-trí của kinh Bảo Nguyệt Đồng Tử Sở Vấn, nói: (...)⁷⁴”

⁷² Trong Luận này, Bồ-tát Long Thọ nói về Di hành đạo, tức là đạo rất dễ tu hành. Đó là chỉ cần niệm danh hiệu A Di Đà Phật, tu thiện căn làm duyên, thì có thể sinh về Tây Phương. Pháp môn Tịnh Độ cậy vào tín tâm, nguyện sinh là cậy vào nguyện lực. Đã có tín tâm, đã có nguyện lực, nương theo sức mạnh của 48 đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, thì có thể sinh về cõi nước thanh tịnh. Nhờ có sức gia trì của Đức Phật A Di Đà mà được sinh về Tây Phương, nhập Chánh định tụ, chẳng còn thoái chuyển. Giống như chúng ta đi theo đường bộ sẽ rất chậm, nhưng ngồi thuyền theo đường thủy, chẳng tốn sức, đạt tới đích rất nhanh, tức là nương vào chiếc thuyền đại nguyện của Phật sinh về Tây Phương. Đây là pháp môn rất dễ tu hành.

⁷³ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 5, phẩm Di Hành, tr. 41b02-14. Luận ấy nêu lên câu hỏi: “Thực hành Đại thừa như đức Phật dạy, là phát nguyện cầu Phật đạo, sự kiện này còn nặng nề hơn cả việc nâng ba ngàn Đại thiên thế giới. Ông nói A-duy-việt-trí địa là pháp sâu xa khó đạt đến, và hỏi có con đường dễ đi nào để nhanh chóng đến A-duy-việt-trí địa hay không, thì đó là lời nói khiếp nhược thấp hèn, không phải là lời của bậc đại nhân có chí cao cả. Nhưng nếu ông muốn nghe con đường dễ đi ấy, thì tôi sẽ nói.” (tr. 41a27) Con đường dễ đi mà Bồ-tát Long Thọ (Nāgārjuna) hứa hẹn là sự xưng niệm danh hiệu các đức Phật trong mười phương. Sau khi liệt kê danh hiệu các đức Phật trong mười phương ấy, ngài Long Thọ giới thiệu thêm 107 vị Phật khác, mà đứng đầu là Đức Phật Vô Lượng Thọ. (tr. 42c14) Tiếp theo, ngài Long Thọ giới thiệu bản nguyện của Đức Phật A Di Đà: “Nếu người nào xưng niệm danh hiệu của ta và nương tựa vào đó, liền nhập Tất định, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” (tr. 43a11)

⁷⁴ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 5, phẩm Di Hành, tr. 41b18-c11: “Đức Phật dạy Bảo Nguyệt: Về phương Đông đi qua vô lượng vô biên Phật độ nhiều như cát sông hằng không thể nghĩ bàn được, có thế giới gọi là Vô Ưu, cõi ấy bằng phẳng do bảy báu hợp thành, dây vàng Tử ma đan xen giăng dọc mép đường đi, cây báu xếp hàng đều đặn để làm trang nghiêm, không có địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la đạo và các nạn xú, thanh tịnh không có dơ bẩn, không có cát sỏi, gạch đá, núi đồi, gò đồng, hố sâu, hang tối, trời thường mưa hoa để rải khắp mặt đất. Vào thời ấy có Đức Phật danh hiệu Thiện Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, chúng Đại Bồ-tát cung kính vây quanh, thân tướng sáng ngời như ngọn đại kim sơn rực rỡ, như khối châu báu to lớn, vì các Đại chúng rộng thuyết chánh pháp mà sơ

“Tây phương Thiện thế giới
Phật hiệu Vô Lượng Minh
Thân sáng trí tuệ ngời
Chiếu rọi không ngần mé
Có người nghe Phật danh
Liền được bất thối chuyển. (...)
Quá khứ vô số kiếp
Có Phật hiệu Hải Đức
Chư hiện tại Phật này
Đều từ kia phát nguyện
Thọ mạng vô số lượng
Ánh sáng chiếu vô cực
Quốc độ rất thanh tịnh
Nghe danh chắc làm Phật
Nay hiện tại mười phương
Đầy đủ thành mười lực
Cho nên cúi đầu lễ
Tối tôn trong người trời.”⁷⁵

thiện, trung thiện, hậu thiện, có từ có nghĩa. Pháp đã thuyết đầy đủ không tạp, thanh tịnh, như thật, không sai lầm. Sao gọi là không sai lầm? Đó là không sai lầm đối với đất, nước, lửa, gió; không sai lầm đối với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không sai lầm đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nay Bảo Nguyệt! Đức Phật ấy thành đạo đến nay trải qua sáu mươi ức kiếp. Lại nữa, cõi Phật ấy ngày đêm không khác nhau, chỉ dùng số lượng ngày tháng năm ở cõi Diêm-phù-đề này để nói đến kiếp thọ của cõi ấy. Ánh sáng của Đức Phật thường soi chiếu thế giới. Mỗi lần thuyết pháp khiến cho vô lượng vô biên ngàn vạn ức A-tăng-kỳ chúng sinh trú trong vô sinh pháp nhãn, gấp bội số người như vậy được trú trong Nhãn thứ nhất, Nhãn thứ hai, Nhãn thứ ba. Nay Bảo Nguyệt! Đức Phật ấy vốn có nguyện lực, nếu có chúng sinh ở phương khác, ở trước Phật mà gieo trồng các thiện căn, thì Phật chỉ dùng ánh sáng tiếp xúc trên thân, liền đạt được Vô sinh pháp nhãn. Nay Bảo Nguyệt! Nếu người thiện nam, người thiện nữ nào nghe danh hiệu Đức Phật này mà tự mình tin nhận, thì không lui sụt đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sự việc về chín Đức Phật còn lại cũng đều như vậy”.

⁷⁵ Ibid., tr. 42a28-c07.

“Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu mười Đức Phật này rồi chấp trì trong tâm, thì được bất thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hay là còn có danh hiệu Đức Phật khác, danh hiệu Bồ-tát khác đưa đến A-duy-việt-trí chăng?”

Đáp: A Di Đà chư Phật

Và các đại Bồ-tát

Xưng danh nhất tâm niệm

Cũng được bất thối chuyển.

Còn có chư Phật như A Di Đà Phật, v.v. cũng nên cung kính, lễ bái, xưng danh hiệu các Ngài.

Nay sẽ nói đầy đủ:

Vô Lượng Thọ Phật, Thế Tụ Tại Vương Phật, (...) ⁷⁶ Chư Phật Thế Tôn này, hiện tại an trú nơi các thế giới thanh tịnh khắp mười phương, đều xưng niệm danh hiệu và nhớ nghĩ đến bản nguyện của Đức Phật A Di Đà như vậy: “Nếu người nào xưng niệm danh hiệu của ta và nương tựa vào đó, liền nhập Tát định, chứng đắc

⁷⁶ Ibid., tr. 42c14-43a09: “Vô Lượng Thọ Phật, Thế Tụ Tại Vương Phật, Sư Tử Âm Phật, Pháp Ý Phật, Phạm Tướng Phật, Thế Tướng Phật, Thế Diệu Phật, Từ Bi Phật, Thế Vương Phật, Nhân Vương Phật, Nguyệt Đức Phật, Bảo Đức Phật, Tướng Đức Phật, Đại Tướng Phật, Châu Cái Phật, Sư Tử Man Phật, Pháp Vô Minh Phật, Trí Hoa Phật, Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật, Trì Đại Công Đức Phật, Vũ Thất Bảo Phật, Siêu Dũng Phật, Ly Sân Hận Phật, Đại Trang Nghiêm Phật, Vô Tướng Phật, Bảo Tạng Phật, Đức Đảnh Phật, Đa Già La Hương Phật, Chiên Đàn Hương Phật, Liên Hoa Hương Phật, Trang Nghiêm Đạo Lộ Phật, Long Cái Phật, Vũ Hoa Phật, Tán Hoa Phật, Hoa Quang Minh Phật, Nhật Âm Thanh Phật, Tế Nhật Nguyệt Phật, Lưu Ly Tạng Phật, Phạm Âm Phật, Tịnh Minh Phật, Kim Tạng Phật, Tu Di Đảnh Phật, Sơn Vương Phật, Âm Thanh Tự Tại Phật, Tịnh Nhãn Phật, Nguyệt Minh Phật, Như Tu Di Sơn Phật, Nhật Nguyệt Phật, Đắc Chúng Phật, Hoa Vương Phật, Phạm Âm Thuyết Phật, Thế Chủ Phật, Sư Tử Hành Phật, Diệu Pháp Ý Sư Tử Hống Phật, Châu Bảo Cái San Hô Sắc Phật, Pháp Sĩ Ái Âm Phật, Thủy Nguyệt Phật, Chúng Hoa Phật, Khai Trí Tuệ Phật, Trì Táp Bảo Phật, Bồ-Đề Phật, Hoa Siêu Xuất Phật, Chân Lưu Ly Minh Phật, Tế Nhật Minh Phật, Trì Đại Công Đức Phật, Đắc Chánh Tuệ Phật, Đồng Kiến Phật, Ly Siểm Khúc Phật, Trừ Ác Căn Tài Phật, Đại Hương Phật, Đạo Ánh Phật, Thủy Quang Phật, Hải Vân Tuệ Du Phật, Đức Đảnh Hoa Phật, Hoa Trang Nghiêm Phật, Nhật Âm Thanh Phật, Nguyệt Trắng Phật, Lưu Ly Phật, Phạm Thanh Phật, Quang Minh Phật, Kim Tạng Phật, Sơn Đảnh Phật, Sơn Vương Phật, Âm Vương Phật, Long Trắng Phật, Vô Nhiễm Phật, Tịnh Diện Phật, Nguyệt Diện Phật, Như Tu Di Phật, Chiên Đàn Hương Phật, Uy Thế Phật, Nhiên Đẳng Phật, Nan Trắng Phật, Bảo Đức Phật, Hỷ Âm Phật, Quang Minh Phật, Long Trắng Phật, Ly Cấu Minh Phật, Sư Tử Phật, Vương Vương Phật, Lực Trắng Phật, Hoa Xỉ Phật, Vô Úy Minh Phật, Hương Đảnh Phật, Phổ Hiền Phật, Phổ Hoa Phật, Bảo Tướng Phật.”

Vô thượng Chánh đấng Chánh giác.”⁷⁷ Vì vậy phải thường nghĩ nhớ, bằng kệ xưng tán:

Vô lượng quang minh tuệ
Thân như núi vàng ròng
Nay con thân miệng ý
Chấp tay cúi đầu lạy.⁷⁸ (...)
Người luôn niệm Phật này
Vô lượng lực oai đức
Tức thời nhập Tát đĩnh
Cho nên con thường niệm.⁷⁹ (...)
Nếu ai nguyện làm Phật
Tâm niệm A Di Đà
Hợp thời Ngài hiện thân
Cho nên con quy mạng.
Bản nguyện lực Phật kia
Các Bồ-tát mười phương
Đến cúng dường nghe pháp
Cho nên con cúi đầu.⁸⁰ (...)
Nếu người trồng thiện căn
Nghĩ thì hoa không nở
Người tín tâm thanh tịnh
Hoa nở thì thấy Phật.
Mười phương hiện tại Phật

⁷⁷ Đây chính là nguyện thứ 18 trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà.

⁷⁸ Ibid., tr. 43a13.

⁷⁹ Ibid., tr. 43a19.

⁸⁰ Ibid., tr. 43b10-13.

Dùng đủ loại nhân duyên
Khen công đức Phật kia
Con nay quy mạng lễ.⁸¹ (...)
Ngồi thuyền Bát chánh đạo
Vượt qua biển khó vượt
Tự độ cũng độ người
Con lễ lạy bậc Tự Tại⁸².
Chư Phật vô lượng kiếp
Ca ngợi công đức Phật
Hãy còn không thể hết
Quy mạng bậc Thanh Tịnh.
Nay con cũng như vậy
Xưng tán vô lượng đức
Nhờ nhân duyên phước này
Nguyện Phật thường nhớ con.⁸³ (...)

(16)

Tịnh Độ Luận⁸⁴ ghi:

“Con y Tu-đa-la
Tướng công đức chân thật

⁸¹ Ibid., tr. 43b18-21.

⁸² Bậc Tự Tại là Đức Phật A Di Đà, Ngài cứu độ chúng sinh một cách nhậm vận, tự tại, vô ngại.

⁸³ Ibid., 43c09-14.

⁸⁴ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá (無量壽經憂波提舍), No. 1524, 1 quyển, còn gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Luận, Vãng Sinh Tịnh Độ Luận, gọi đơn giản là Vãng Sinh Luận hay Tịnh Độ Luận, do Bồ-tát Thiên Thân tạo. Đời Nguyên Ngụy, Thiên Trúc Tam Tạng Bồ-đề Lưu Chi dịch. Đây là một bộ luận quan trọng của Tịnh độ tông, dựa theo Tịnh Độ Tam Kinh, nhất là kinh Vô Lượng Thọ, đề ra cương yếu và phương pháp tu hành là Ngũ niệm môn (Lễ bái, Tán thán, Tác nguyện, Quán sát, Hồi hướng) để tu tập cầu vãng sinh Cực lạc quốc của Đức Phật A Di Đà. Bản tiếng Phạn của bộ luận này đã bị thất lạc, hiện nay chỉ còn bản dịch tiếng Hán. Sau đời Đường, cuốn sách này được du nhập vào Nhật Bản, nhưng sau đó bị thất lạc ở Trung Quốc. Vào cuối thời nhà Thanh, nó được truyền lại từ Nhật Bản cho Trung Quốc.

Thuyết nguyện kệ tổng trì
Tương ưng lời Phật dạy.⁸⁵ (...)
Quán Phật bản nguyện lực
Người gặp không luống uổng
Khiến mau được đầy đủ
Biển đại bảo công đức.”⁸⁶

(17)

Lại nói:

“Bồ-tát nhập bốn chủng môn⁸⁷, hạnh tự lợi thành tựu, nên biết. Bồ-tát xuất môn thứ năm⁸⁸, hạnh lợi ích tha hồi hướng thành tựu, nên biết. Bồ-tát tu năm môn hành như vậy, tự lợi, lợi tha, mau chóng thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”⁸⁹

(18)

Tịnh Độ Luận Chú⁹⁰ nói:

“Thận trọng khảo xét, Thập Trụ Tỳ-bà-sa của Bồ-tát Long Thọ có nói: Bồ-tát cầu A-bì-bạt-trí thì có hai loại đạo: 1. Nan hành đạo; 2. Dị hành đạo.

⁸⁵ Ibid., tr. 230c19.

⁸⁶ Ibid., tr. 231a24.

⁸⁷ Bốn chủng môn là: (1) Lễ bái Đức Phật A Di Đà vì muốn sinh về thế giới Cực Lạc; (2) Tán thán Đức Phật A Di Đà, tùy thuận nghĩa của danh mà xưng danh Như Lai, nương theo quang minh trí tướng của Như Lai để tu hành, bèn được dự vào đại chúng trong đại hội; (3) Nhất tâm chuyên niệm, phát nguyện sinh về cõi ấy, tu Xa-ma-tha, tịch tĩnh tam-muội hành, được vào thế giới Liên Hoa Tạng; (4) Chuyên niệm, quan sát sự trang nghiêm vi diệu ở cõi Cực Lạc, tu Tỳ-bát-xá-na, đến được quốc độ ấy, thọ dụng hỷ lạc của các thứ pháp vị.

⁸⁸ Môn thứ năm là Bồ-tát đem tâm đại từ bi, quan sát hết thảy chúng sinh khổ não, thị hiện Ứng hóa thân, trở vào vườn sinh tử, rừng phiền não bằng du hý thần thông, đạt đến Giáo hóa địa, bởi vì sức bản nguyện hồi hướng.

⁸⁹ Ibid., tr. 233a22-25.

⁹⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Sa-môn Đàm Loan chú giải tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá, No. 1524, của Bồ-tát Thiên Thân. Đoạn trích dẫn này giải thích kệ tụng: “Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyên sinh An Lạc quốc, Con y Tu-đa-la, Tướng công đức chân thật, Nói nguyện kệ tổng trì, Tương ưng lời Phật dạy.”

Nan hành đạo: Ở trong thời kỳ đầy cả năm thứ vẫn đục, lúc không có Phật, cầu A-bì-bạt-trí là khó. Cái khó ở đây lại có nhiều mặt, nói sơ có năm ba mặt để biểu thị nghĩa ý: 1. Ngoại đạo tu tương tự thiện làm nhiều loạn pháp của Bồ-tát; 2. Hạnh tự lợi của Thanh văn làm chướng ngại đại từ bi; 3. Kẻ ác vô cớ phá hoại thắng đức của người khác; 4. Quả thiện điên đảo⁹¹ có thể hủy hoại Phạm hạnh; 5. Chỉ nhờ tự lực chứ không nương vào tha lực. Những sự thể ấy được nhìn thấy khắp nơi. Thí như đường bộ, đi bộ thì khổ.

Đị hành đạo: Chỉ lấy nhân duyên tín Phật để nguyện sinh Tịnh độ. Nương nguyện lực của Phật thì được vãng sinh cõi thanh tịnh kia, rồi nhờ Phật lực nắm giữ an trú liền nhập chánh định tụ của Đại thừa. Chánh định tức là A-bì-bạt-trí. Thí như đường thủy, đi thuyền thì vui.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá này là tột đỉnh của Đại thừa, là con thuyền xuôi gió nên không thoái lui. Vô Lượng Thọ là biệt hiệu của Như Lai ở Tịnh độ An Lạc. Thích Ca Mâu Ni Phật tại thành Vương Xá và nước Xá Vệ⁹², ở giữa đại chúng, ca ngợi công đức trang nghiêm của Vô Lượng Thọ Phật, tức lấy danh hiệu Phật làm thể của kinh. Bậc Thánh về sau là Bồ-tát Bà-tâu-bàn-đầu, ghi nhớ trong lòng lời dạy đại bi của Như Lai, viết ra ‘Kệ nguyện sinh’ phụ vào kinh.’⁹³

(19)

Lại nói:

“Sở nguyện không được xem nhẹ, nếu Như Lai chẳng thêm oai thần, thì lấy gì để đạt? Cầu xin thần lực gia trì của Như Lai, cho nên ‘Kính thưa’.

⁹¹ Hành giả tuy không gặp kẻ cực ác, nhưng sự tu hành đều là thiện pháp của nhân thiên, thiện pháp xen lẫn tính chất khổ và phiền não, chỉ có thể tái sinh vào thiện đạo nhân thiên, không phải sự tu hành thanh tịnh (Phạm hạnh), nó hủy hoại đại sự thành Phật, có lúc đưa hành giả đi lên rồi trở xuống, nên gọi là ‘quả thiện điên đảo’.

⁹² Đức Phật thuyết Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và Kinh Vô Lượng Thọ ở thành Vương Xá, thuyết Kinh A Di Đà ở nước Xá Vệ.

⁹³ Ibid., tr. 826a28-b16.

Con nhất tâm: Là lời ‘tự đốc’⁹⁴ của Bồ-tát Thiên Thân. Nhất tâm là xưng niệm Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sinh An Lạc, tâm tâm tương tục, không có ý tưởng nào khác xen tạp.⁹⁵ (...)

Quy mạng hết mười phương, Vô ngại Quang Như Lai: Quy mạng, tức là Lễ bái môn. Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai, tức là Tán thán môn. Làm sao biết ‘quy mạng’ là ‘lễ bái’? Bồ-tát Long Thọ tạo ‘A Di Đà Như Lai Tán’⁹⁶, trong đó hoặc nói ‘cúi đầu lạy’⁹⁷, hoặc nói ‘con quy mạng’⁹⁸, hoặc nói ‘quy mạng lễ’⁹⁹. Trong phần trường hàng của luận này, cũng nói về sự tu Năm niệm môn. Trong Năm niệm môn, lễ bái là một. Bồ-tát Thiên Thân đã nguyện vãng sinh, lễ nào không có ‘lễ bái’. Vì thế mà biết, ‘quy mạng’ tức là ‘lễ bái’. Song lễ bái chỉ là cung kính, chưa hẳn là quy mạng, còn quy mạng thì ắt là lễ bái. Nếu suy theo đó, thì quy mạng quan trọng hơn. Dùng kệ tụng để bày tỏ lòng mình, đương nhiên nói ‘quy mạng’. (Còn) Luận giải về nghĩa của kệ tụng, đại để nói là ‘lễ bái’. Quy mạng và lễ bái làm thành cho nhau, ý nghĩa càng trọn vẹn.

⁹⁴ Tự đốc (自督): Chỉ cho điều mà chính mình thể nhận được, hoặc thấu triệt được chánh pháp đã tin nhận. Đốc nghĩa là đốc suất, khuyến khích, chân thành. Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản lấy ‘tự đốc’ làm biệt danh cho ‘an tâm’.

⁹⁵ Ibid., tr. 827a11-a15.

⁹⁶ Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 5, phẩm Dị Hành, Kệ tụng tr. 43a13-c18.

⁹⁷ Khể thủ lễ (稽首禮): “Vô lượng quang minh tuệ, Thân như núi vàng ròng, Con nay thân miệng ý, Chắp tay cúi đầu lạy.” “Kim sắc ánh sáng màu, Lan khắp các thế giới, Theo vật thêm sắc màu, Cho nên cúi đầu lạy.” “Người sinh quốc độ kia, Vô ngã, vô ngã sở, Tâm không sinh kia đây, Cho nên cúi đầu lạy. Siêu xuất tam giới ngục, Mắt như lá hoa sen, Vô lượng chúng Thanh văn, Cho nên cúi đầu lạy.” “Các đại Bồ-tát kia, Hằng ngày trong ba thời, Cúng dường mười phương Phật, Cho nên cúi đầu lạy.” “Những lời dạy Phật kia, Phá trừ các tội căn, Lời đẹp nhiều lợi ích, Con nay cúi đầu lạy. Đem lời dạy đẹp này, Cứu các bệnh chấp lạc, Đã độ, nay còn độ, Cho nên cúi đầu lạy.”

⁹⁸ Ngã quy mạng (我歸命): “Nếu người khi mạng chung, Được sinh quốc độ kia, Liền đủ vô lượng đức, Cho nên con quy mạng.” “Nhờ thiện sinh ‘minh tịnh’, Vô lượng vô biên số, Bạc nhất trong loài người, Cho nên con quy mạng. Nếu ai nguyện làm Phật, Tâm niệm A Di Đà, Hợp thời vì hiện thân, Cho nên con quy mạng,” “Tối tôn trong nhân thiên, Chư thiên đầu mặt lễ, Mũ bảy báu, ma-ni, Cho nên con quy mạng.”

⁹⁹ Quy mạng lễ (歸命禮): “Người nước kia mạng chung, Nếu phải thọ các khổ, Chẳng đọa ác địa ngục, Cho nên quy mạng lễ. Nếu người sinh nước kia, Trọn không đọa ba đường, Cùng với A-tu-la, Con nay quy mạng lễ.” “Các chúng sinh nước ấy, Thần biến và tâm thông, Và đủ túc mạng trí, Cho nên quy mạng lễ.” “Các Bồ-tát cõi kia, Đầy đủ các tướng hảo, Để tự trang nghiêm thân, Con nay quy mạng lễ.”

Làm sao biết ‘[Quy mạng] hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai’ là Tán thán môn? Phần trường hàng ở sau có nói: ‘Thế nào là tán thán? Là khẩu nghiệp tán thán: xưng danh hiệu của Như Lai kia ngang qua ‘quang minh trí tướng’ của Như Lai kia, cùng ý nghĩa của danh hiệu ấy, muốn như thật tu hành tương ứng.’”¹⁰⁰ (...)

“Ở đây Bồ-tát Thiên Thân nói ‘[Quy mạng] hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai’, tức là y theo danh hiệu của Như Lai kia, ngang qua ‘quang minh trí tướng’ của Như Lai kia mà tán thán, vì vậy mà biết câu này là Tán thán môn.

Nguyện sinh nước An Lạc, một câu này là Tác nguyện môn, là ý ‘quy mạng’ của Bồ-tát Thiên Thân vậy.” [Nghĩa của ‘An Lạc’ sẽ được nói đầy đủ ở phần Quán sát môn.]

Hỏi: Trong các kinh luận Đại Thừa, chỗ nào cũng nói chúng sinh hoàn toàn vô sinh như hư không, tại sao Bồ-tát Thiên Thân lại nói ‘nguyện sinh’?

Đáp: Nói ‘chúng sinh vô sinh như hư không’, có hai loại: 1. Phàm phu được xem là ‘chúng sinh thật có’, và cái thấy của phàm phu là ‘sinh tử thật có’. Hai sự thể này hoàn toàn là ‘vô sở hữu’, như lông rùa, như hư không¹⁰¹; 2. Nói rằng ‘các pháp do nhân duyên sinh’, cho nên chúng là ‘bất sinh’, ‘vô sở hữu’, như hư không. Bồ-tát Thiên Thân đã ‘nguyện sinh’, đó là nghĩa ‘nhân duyên’. Do nghĩa ‘nhân duyên’, nên chỉ là ‘giả danh’ mà sinh, chẳng phải như phàm phu cho rằng ‘chúng sinh thật có’, ‘sinh tử thật có’.

Hỏi: Y theo nghĩa nào mà nói ‘vãng sinh’?

¹⁰⁰ Ibid., tr. 827a11-b02.

¹⁰¹ Những người bình thường như chúng ta chấp trước rằng có chúng sinh thực sự, và chúng sinh thực sự này có một vòng sinh tử thực sự trong Tam giới. Từ quan điểm Đại thừa, chúng sinh thực sự và sự sinh tử thực sự mà chúng ta nhận thức, đều là ảo ảnh, là những việc trong chiêm bao, giống như nói lông rùa (rùa không có lông) và hư không (một pháp không thể thiết lập). Đây là để tiêu diệt những tri thức và quan điểm sai lầm. làm đó.

Đáp: Ở thế gian này, con người giả danh tu Năm niệm môn, niệm trước làm nhân cho niệm sau. Người giả danh ở uế độ và người giả danh ở tịnh độ, không quyết định cả hai là một, không quyết định cả hai là khác. Tâm trước và tâm sau cũng y như vậy. Vì sao? Nếu là một thì không có nhân quả, nếu là khác thì chẳng có tương tục. Nghĩa này trong Luận [Thập Nhị Môn], chương Quán Nhất Dị Môn¹⁰² có giải thích uyển chuyển. Hàng thứ nhất [được giải thích] qua ba niệm môn xong.

Con y Tu-đa-la, Tướng công đức chân thật, Thuyết nguyện kệ tổng trì, Tương ưng lời Phật dạy: (...) Y vào đâu? Tại sao y? Y thế nào? Y vào đâu là y vào Tu-đa-la. Tại sao y là bởi vì Như Lai chính là tướng công đức chân thật. Y thế nào là tu tập tương ưng Năm niệm môn. (...)

Tu-đa-la: Phần trực thuyết trong mười hai bộ kinh gọi là Tu-đa-la, nghĩa là bốn bộ A-hàm, Tam tạng các thứ. Các kinh Đại thừa ngoài Tam tạng cũng gọi là Tu-đa-la. Ở đây nói, ‘y Tu-đa-la’ là [y theo] Tu-đa-la của Đại thừa ngoài Tam tạng, không phải các kinh A-hàm.

Tướng công đức chân thật: Có hai loại công đức: 1. Từ tâm hữu lậu mà sinh, không thuận pháp tánh, cái gọi là các thiện của phàm phu nhân thiên. Các quả báo của nhân thiên, mặt nhân mặt quả, đều là điên đảo, đều là hư dối, nên gọi là ‘công đức không thật’¹⁰³; 2. Từ trí tuệ của Bồ-tát mà nghiệp thanh tịnh hiện khởi để trang

¹⁰² Thập Nhị Môn Luận (十二門論), No. 1568, Long Thọ tạo, có 12 môn, trong đó, môn thứ 6 nói về “Quán Nhất Dị”, nội dung trừ bỏ cái chấp ‘hữu tướng và vô tướng là một pháp hay là hai pháp khác nhau’ bằng cánh cửa ‘bất nhất bất dị’.

¹⁰³ Phàm phu nhân thiên, chỉ cho nhân giới và thiên giới trong sáu cõi. Trong sáu cõi, chỉ có nhân giới và thiên giới là có thiện, nhưng thiện nhân mà họ tu được và thiện quả mà họ đạt được thì toàn là giả dối, điên đảo, không phải công đức thật sự. Ngũ giới là nhân, loài người là quả, và thập thiện là nhân, sinh cõi trời là quả. Theo quan điểm của Đức Phật, ở mặt thẳng nghĩa, nhân quả của ngũ giới và thập thiện là không có chân thật, mà là hư giả. Trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ (觀經四帖疏), Ngài Thiện Đạo dạy: “Chư Phật xuất thế, dùng mọi phương tiện khuyến hoá chúng sinh, không phải chỉ muốn họ dứt ác tu phước, hưởng phước báo trời người. Sự vui sướng của cõi trời người giống như điện chớp, phút chốc bèn xả, trở vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài. Vì lý do này, các ngài còn khuyên

nghiêm Phật sự, y theo pháp tánh mà thể nhập tướng thanh tịnh. Pháp này không điên đảo, không hư dối, gọi là ‘công đức chân thật’. Thế nào là không điên đảo? Là y theo pháp tánh, thuận theo hai đế. Thế nào là không hư dối? Là nhiếp hóa chúng sinh, nhập tất cánh tịnh¹⁰⁴.

Thuyết nguyện kệ tổng trì, Tương ưng lời Phật dạy: Trì, là không buông không mất. Tổng, là lấy ít nhiếp nhiều. Kệ, là số câu năm chữ. Nguyện, là ưa thích vắng sinh. Thuyết, là nói các kệ luận. Tựu chung lại, nói ra các kệ nguyện vắng sinh, tổng trì kinh Phật, tương ưng với lời dạy của Đức Phật. Tương ưng, là ví như hộp nắp tương xứng¹⁰⁵ vậy.”¹⁰⁶ (...)

“Thế nào là hồi hướng? Không bỏ tất cả chúng sinh khổ não, tác nguyện hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi: Hồi hướng có hai thứ tướng: 1. Vãng tướng; 2. Hoàn tướng. Vãng tướng, là đem công đức của mình hồi thí cho tất cả chúng sinh, phát nguyện cùng nhau vắng sinh tịnh độ An Lạc của A Di Đà Như Lai.”¹⁰⁷

(20)

An Lạc Tập nói:

chúng sinh cầu sinh Tịnh độ, hướng về Vô thượng Bồ-đề. Cho nên hôm nay, tôi khuyến khích những người hữu duyên, phát nguyện sinh Tịnh độ, tức là xứng với bản nguyện ý của chư Phật vậy.”

¹⁰⁴ Tất cánh tịnh (畢竟淨): Rất mực thanh tịnh. Tức chỉ cho Niết-bàn, Thật tướng. Vì Niết-bàn, Thật tướng xa lìa tất cả phiền não, nghiệp khổ nhiễm ô, rốt ráo thanh tịnh, vĩnh viễn bất biến. Thám Huyền Ký, quyển 12, giải thích Tất cánh tịnh nói trong kinh Hoa Nghiêm, quyển 25, là được quả Niết-bàn. Tất cánh an lạc đại thanh tịnh xứ, nói trong Vãng Sinh Luận Chú là sinh về thế giới An lạc chứng diệu quả Niết-bàn.

¹⁰⁵ Hàm cái tương xứng (函蓋相稱), cũng gọi Hàm cái tương ưng, Hàm cái hợp. Hàm là chiếc hộp, Cái là nắp đậy. Hộp và nắp ăn khớp nhau không trở ngại. Cứ theo luận Đại Trí Độ, quyển 2, thì các pháp vô lượng, trí tuệ cũng vô lượng, cả hai phối hợp với nhau thì vô lượng vô biên, giống như hộp lớn thì nắp đậy cũng lớn, hộp nhỏ thì nắp đậy cũng nhỏ. Lại nữa, từ ngữ này cũng biểu thị ý nghĩa trí năng chiếu và cảnh sở chiếu khế hợp nhau; hoặc pháp nói ra và căn cơ của chúng sinh phù hợp nhau; cơ duyên thầy trò truyền thụ khế hợp nhau; hoặc sự và lý khế hợp nhau.

¹⁰⁶ Ibid., tr. 827b14-c28.

¹⁰⁷ Ibid., tr. 836a20-27: “Hoàn tướng, là sinh về tịnh độ kia rồi, được thành tựu phương tiện lực là xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na, quay trở vào rừng rậm sinh tử, giáo hóa tất cả chúng sinh cùng hướng về Phật đạo. Dù là vãng tướng hay hoàn tướng, đều vì cứu chúng sinh qua khỏi biển sinh tử, thế nên nói ‘Hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi.’”

“Kinh Quán Phật Tam-muội¹⁰⁸ nói: Khuyên phụ vương thực hành niệm Phật tam-muội:

‘Phụ vương bạch Phật: Vì sao mà Phật chẳng dạy đệ tử thực hành Quả đức của Phật địa, Chân như thật tướng, Đệ nhất nghĩa Không?’

Phật bảo phụ vương: Quả đức của chư Phật có vô lượng cảnh giới thâm diệu, thần thông giải thoát, không phải là cảnh giới thực hành của người phàm, vì thế nên khuyên phụ vương thực hành niệm Phật tam-muội.

Phụ vương bạch Phật: Công năng niệm Phật trạng thái nó như thế nào?

Phật bảo: Nay Phụ vương! Trong rừng Y lan rộng lớn bốn mươi do tuần, có một gốc Ngưu đầu Chiên đàn, tuy có rễ chồi nhưng chưa mọc lên, thì rừng Y lan ấy chỉ hơi thối chẳng thơm. Nếu người ăn nhằm hoa quả của cây Y lan thì phát cuồng mà chết. Lúc sau, rễ chồi của cây Chiên đàn dần dần tăng trưởng, khi nó vừa sắp trở thành cây to thì mùi thơm đã nồng sực, có thể biến đổi cả khu rừng ấy trở thành thơm tho. Chúng sinh trông thấy đều sinh tâm hy hữu.

Phật bảo phụ vương: Tâm niệm Phật của tất cả chúng sinh trong sinh tử cũng giống như vậy. Chỉ cần buộc niệm chẳng dừng thì ắt được sinh trước Phật. Một khi được vãng sinh thì biến đổi được tất cả điều ác thành đại từ bi, giống như loại cây thơm tho kia biến đổi cả rừng Y lan.’

Rừng Y lan vừa nói dụ cho ba độc, ba chướng, vô biên trọng tội trong thân chúng sinh. Chiên đàn dụ cho tâm niệm Phật của chúng sinh. Sắp trở thành cây to, là nói tất cả chúng sinh chỉ cần tích góp niệm Phật không ngưng thì nghiệp đạo chắc được thành tựu.

¹⁰⁸ Quán Phật Tam Muội Kinh (觀佛三昧經, sa. Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra), cũng gọi Quán Phật Tam-muội Hải Kinh, 10 quyển, 15 phẩm, do ngài Phật-đà-bạt-đà-la (佛陀跋陀羅) dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chánh tạng, tập 15. Nội dung kinh này nói về việc Đức Phật thuyết pháp để độ cho Phụ vương là Duyệt-đầu-đàn và Di mẫu là Kiêu-đàm-di tại rừng Ni-câu-lâu-đà, thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài dạy trụ Quán Phật tam-muội, đồng thời cho rằng tam-muội này có công đức sâu rộng, có năng lực đưa đến giải thoát.

Hỏi: Nếu xét công niệm Phật của tất cả chúng sinh thì có thể hiểu hết được. Vì sao sức của một niệm lại có thể đoạn được tất cả các chướng, giống như một cây có mùi thơm lại biến đổi được cả khu rừng Y lan rộng đến bốn mươi do tuần trở thành thơm tho?

Đáp: Căn cứ theo các bộ kinh Đại thừa, niệm Phật có công năng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Ví như có người dùng gân sư tử làm dây đàn cầm, khi âm thanh vừa tấu lên thì các loại dây đàn khác đều bị lẳng xuống.*”¹⁰⁹ Nếu ai dùng tâm Bồ-đề hành Niệm Phật tam-muội thì hết thấy phiền não, hết thấy các chướng đều bị đoạn diệt.

“*Cũng như có người đem đồ lẫn hết thấy các loại sữa: bò, dê, lừa, ngựa trong một đồ đựng; nếu đem một giọt sữa sư tử nhỏ vào thì sữa sư tử sẽ xuyên suốt qua không bị ngăn trở, hết thấy các thứ sữa khác thấy đều bị hư nát, biến thành nước lã.*”¹¹⁰

Nếu ai dùng tâm Bồ-đề hành Niệm Phật tam muội thì sẽ vượt qua hết thấy ác ma, các chướng không bị trở ngại.

Kinh ấy lại còn dạy: “*Ví như có kẻ dùng thuốc ỉn thân du hành khắp nơi, hết thấy kẻ khác chẳng thấy được kẻ ấy.*”¹¹¹

Nếu ai có thể dùng tâm Bồ Đề hành Niệm Phật tam muội thì hết thấy ác thân, hết thấy các chướng chẳng thấy được người ấy. Người ấy muốn đến đâu cũng

¹⁰⁹ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, No. 278, do Phật-đà-bạt-đà-la dịch, quyển 59, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 778c07.

¹¹⁰ Ibid., tr. 778c10.

¹¹¹ Ibid., tr. 779a23.

không ai ngăn cản được, huống hồ là có thể gây chướng! Vì sao như vậy? Niệm Phật tam muội đây chính là vua của hết thảy các tam muội vậy.”¹¹² (...)

(21)

Lại nói:

“Như trong Ma-ha-diễn nói: “*Các tam muội khác chưa phải là tam muội. Vì sao? Là vì có tam muội chỉ trừ được tham, chẳng trừ được sân si. Hoặc có tam muội chỉ trừ được sân, chẳng trừ được tham si. Hoặc có tam muội chỉ trừ được si, chẳng trừ được tham sân. Hoặc có tam muội chỉ trừ được chướng hiện tại, chẳng trừ được quá khứ, vị lai hết thảy các chướng.*” Nếu hay thường tu niệm Phật tam muội thì chẳng luận là quá khứ, hiện tại hay vị lai, hết thảy các chướng đều trừ được cả.”¹¹³

(22)

Lại nói:

“Đại Kinh ca ngợi:

Nếu nghe A Di Đà đức hiệu

Hoan hỷ tán ngưỡng tâm quy y

Chỉ trong một niệm được lợi lớn

Là vì đầy đủ báu công đức.

Dù lửa khắp đại thiên thế giới

Cũng phải vượt qua nghe Phật danh

Nghe A Di Đà chẳng lui sụt

¹¹² An Lạc Tập (安樂集), No. 1958, Đạo Xước soạn, quyển thượng, tr. 5b10-c10.

¹¹³ An Lạc Tập, quyển hạ, tr. 16a01.

Cho nên chí tâm cúi đầu lạy.”¹¹⁴

(23)

Lại nói:

“Lại như kinh Mục Liên Sở Vấn chép: “*Phật bảo Mục Liên: Ví như ngàn sông chảy mạnh, có những cỏ cây nổi trôi, trước chẳng đoái sau, sau chẳng màng trước, mà đều hội tụ biển cả.*” Thế gian cũng vậy, dầu là kẻ quyền thế, sang cả, người giàu vui tự tại, nhưng đều chẳng thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Chỉ vì chẳng tin kinh Phật, đời sau làm người càng khốn khổ dữ dội, chẳng thể sinh về ngàn quốc độ Phật. Vì thế, tôi¹¹⁵ nói: cõi Phật Vô Lượng Thọ dễ qua, dễ đạt mà con người chẳng chịu tu hành vãng sinh, lại chạy theo chín mươi lăm thứ tà đạo. Tôi nói kẻ ấy là kẻ không mắt, là kẻ không tai. Kinh giáo đã như vậy, sao chẳng bỏ cái khó để nương theo cái đạo dễ hành!”¹¹⁶

(24)

Hòa thượng chùa Quang Minh¹¹⁷ dạy:

¹¹⁴ Kinh Vô Lượng Thọ, No. 360, quyển hạ, tr. 279a01: “Phật bảo Di Lặc: Nếu có người được nghe danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ, sinh tâm vui mừng, chỉ trong một niệm, cũng biết người ấy, được lợi ích lớn, công đức tròn đầy. Nay Di Lặc! Nếu có lửa dữ, đầy khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, gắng sức vượt qua, được nghe Kinh này, vui mừng tin ưa, chịu giữ đọc tụng, theo như Phật dạy mà tu hành, thì được lợi ích không thể kể xiết.” (H.T Thích Tuệ Đăng dịch) An Lạc Tập, quyển hạ, tr. 16c21.

¹¹⁵ Ngài Đạo Xước.

¹¹⁶ An Lạc Tập, quyển thượng, tr. 14a19.

¹¹⁷ Thiện Đạo (善導, 613-681), là vị thứ 2 trong 13 vị tổ Tịnh độ tông và là vị thứ 5 trong 7 vị tổ của Tịnh độ Chân tông. Sư xuất gia khi còn nhỏ tuổi và tu tập thiền quán tưởng A Di Đà và Tịnh độ. Khi nghe tiếng Đạo Xước (道綽), Thiện Đạo đến gặp và nhận giáo lý Tịnh độ từ vị này. Suốt đời Thiện Đạo hiến mình tu tập và hoằng truyền giáo lý này. Tương truyền Sư đã chép kinh A Di Đà hơn 100.000 lần và vẽ hơn 300 bức tranh về Tịnh độ. Ngoài việc tụng kinh và niệm Phật thường xuyên, Sư còn tiến hành các thời khoá thiền quán tưởng Phật A Di Đà và Cực Lạc quốc của ngài. Thiện Đạo còn viết 5 tác phẩm trong 9 cuốn, gồm những luận giải khác nhau về kinh Quán vô lượng thọ. Sư thường được gọi là Quang Minh tự Hoà thượng (光明寺和尚), Chung Nam Đại sư (終南大師). Đoạn trích dẫn, “Kinh Văn Thù Bát-nhã ... không chịu gắng chí”, lấy từ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, do ngài Thiện Đạo tập ký.

“Kinh Văn Thù Bát-nhã nói: *“Muốn rõ Nhất hành tam-muội, chỉ khuyên ở một mình nơi thanh vắng, xả bỏ ý tưởng tạp loạn, buộc tâm vào một vị Phật, không quán tưởng tướng mạo, chuyên tâm xưng niệm danh hiệu, thì trong một niệm thấy được Đức Phật A Di Đà, cùng tất cả Phật.”*

Hỏi: Tại sao không khuyên tu pháp quán tưởng, mà lại khuyên tu pháp xưng niệm danh hiệu, là có ý gì?

Đáp: Đây là do chúng sinh chướng nặng, cảnh tế tâm thô, thức nhảy thân bay, tu quán khó thành tựu. Vì vậy Đại Thánh [A Di Đà] từ bi thương xót, chỉ khuyên chuyên xưng danh hiệu, bởi vì xưng danh thì dễ, tương tục liền sinh.

Hỏi: Đã khuyên chuyên xưng một vị Phật, tại sao cảnh hiện thành nhiều? Đây phải chăng là tà chánh giao nhau, một nhiều xen hiện?

Đáp: Mỗi vị Phật chứng đắc như nhau, biểu hiện không khác nhau, cho dù niệm một Phật mà thấy nhiều Phật, cũng đâu có gì trái ngược với đại đạo lý! Hơn nữa, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: *“Phật khuyên khi tọa quán, lễ niệm, v.v. tốt nhất phải xoay mặt về hướng Tây, giống như cây nghiêng về hướng nào thì sẽ ngã về hướng đó. Trong trường hợp có trở ngại, không thể hướng về Tây, thì nên tác tưởng hướng Tây cũng được.”*

Hỏi: Tất cả chư Phật đồng chứng ba thân; quả bi trí viên mãn cũng nên không hai. Hành giả tùy lúc lễ niệm, thời khóa xưng danh một vị Phật đều được vãng sanh. Tại sao lại chỉ tán thán Tây phương, khuyên chuyên lễ niệm, xưng danh, là có nghĩa gì?

Đáp: Sở chứng của chư Phật đều bình đẳng như nhau. Xét theo nguyện và hành mà nói, chẳng phải không có nhân duyên. Như A Di Đà Thế Tôn vốn đã phát thệ nguyện sâu nặng, dùng quang minh và danh hiệu để nhiếp hoá mười phương,

chỉ muốn chúng sinh tín tâm, cầu sinh, xưng niệm. Niệm Phật một đời¹¹⁸, cho đến mười niệm, một niệm, do nguyện lực của Phật mà dễ được vãng sinh. Đó là lý do Đức Thích Ca và chư Phật đều khuyến hướng Tây phương, và đó là sự khác biệt. Đây chẳng phải là xưng niệm Đức Phật khác thì không thể trừ chướng, diệt tội. Nên biết như vậy.

Nếu như có thể hành trì như trên, niệm niệm tương tục, trọn hết một đời, thì chắc chắn mười người tu, mười người vãng sinh, trăm người tu, trăm người vãng sinh. Vì sao? Vì không có tạp duyên nào khác, cho nên được chánh niệm, được tương ưng với bản nguyện của Phật, không đi ngược với giáo lý, và tùy thuận lời dạy của Phật.”¹¹⁹

(25)

Lại nói:

“[Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng, chiếu soi khắp cả quốc độ mười phương, không bị chướng ngại,] chỉ quán sát chúng sinh niệm Phật, nhiếp lấy không bỏ, nên danh hiệu của Ngài là A Di Đà.”¹²⁰

(26)

Lại nói:

“Biển trí nguyện Di Đà
Rộng sâu không bờ đáy
Nghe tên muốn vãng sinh
Thấy đều đến nước kia. (...)
Dù lửa đầy Đại thiên

¹¹⁸ Thượng tận nhất hình (上盡一形): Là đa niệm, chính là một đời niệm Phật.

¹¹⁹ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, tr. 439a24-b19.

¹²⁰ Ibid., tr. 440a04.

Vượt qua nghe Phật danh
Nghe tên hoan hỷ khen
Đều được sinh Cực Lạc. (...)
Vạn năm Tam bảo diệt
Kinh này trụ trăm năm
Bấy giờ nghe một niệm
Đều được sinh Cực Lạc.”¹²¹

(27)

Lại nói:

“Hiện là phàm phu sinh tử, tội chướng sâu nặng, luân hồi sáu nẻo, khổ không thể tả, ngày nay gặp thiện tri thức, được nghe danh hiệu và bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sinh, nguyện Phật từ bi không quên lời thệ nguyện rộng lớn nhiếp thọ chúng sinh.”¹²²

(28)

Lại nói:

“Hỏi: Xưng niệm lễ quán A Di Đà Phật, hiện đời có những công đức lợi ích gì?”

Đáp: Xưng một câu A Di Đà Phật có thể diệt trừ được tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Lễ lạy và ức niệm Phật dưới đây cũng như vậy.

Kinh Thập Vãng Sinh¹²³ nói: “*Nếu có chúng sinh niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh Cực Lạc, Đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ-tát đến ủng hộ*

¹²¹ Ibid., tr. 441a17, 441c23 và 441c27.

¹²² Ibid., tr. 441c03.

¹²³ Phật Thuyết Thập Vãng Sinh A Di Đà Phật Quốc Kinh (佛說十往生阿彌陀佛國經), Vạn Tự Tục Tạng, Quyển 87, No. 738, không rõ dịch giả, còn được gọi là Quán A Di Đà Phật Sắc Thân Chánh Niệm Giải Thoát Tam Muội Kinh (觀阿彌陀佛色身正念解脫三昧經), Độ Chư Hữu Lưu Sinh Tử Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh Kinh (度諸有流生死八

hành giả, khi đi hay đứng, khi nằm hay ngồi, dù ngày hay đêm, trong mọi thời gian, ở khắp nơi chốn, chẳng cho ác quỷ, ác thần được thừa dịp làm hại.”

Lại như Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: *“Nếu xưng danh, lễ lạy, ức niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh thế giới Cực Lạc, Đức Phật ấy sẽ sai vô số hóa Phật, vô số hóa Bồ-tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đến hộ niệm hành giả.”*¹²⁴

Lại cùng với hai mươi lăm vị Bồ-tát nói trên, vây quanh hành giả, trăm vòng ngàn vòng, bất kể đi đứng nằm ngồi, mọi lúc mọi nơi, dù ngày hay đêm, các ngài thường không rời hành giả. Nay đã có sự lợi ích thù thắng này làm chỗ nương tựa, nguyện các hành giả, mỗi người phải chí tâm cầu vãng sinh.

Lại như Kinh Vô Lượng Thọ nói: *“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương xưng niệm danh hiệu của tôi, [muốn sinh về nước tôi] nhân đến mười niệm, mà không được vãng sinh, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*¹²⁵

Đức Phật ấy hiện nay tại thế thành Phật, nên biết rằng, lời thệ nguyện trọng đại và căn bản đó là không hư dối. Chúng sanh xưng niệm ắt được vãng sinh.

Lại như Kinh A Di Đà nói: *“Nếu có chúng sinh nào nghe nói đến Đức Phật A Di Đà, trì niệm danh hiệu của Ngài hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày mà nhất tâm bất loạn, thì người ấy lúc sắp chết, Đức Phật A Di Đà cùng với các vị Thánh giả*

難有緣眾生經) và Thập Vãng Sinh Kinh (十往生經). Nội dung giải thích mười cách hộ niệm để được vãng sinh Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Đoạn nổi tiếng nhất trong kinh này là: “Hai mươi lăm Bồ-tát ấy ủng hộ hành giả, khi đi hay đứng, khi nằm hay ngồi, dù ngày hay đêm, trong mọi thời gian, ở khắp nơi chốn, chẳng cho ác quỷ, ác thần được thừa dịp làm hại.” Nhiều nhà sư lỗi lạc và đại đức trong lịch sử thường trích dẫn kinh văn này, nhưng Đại Chu San Định Chúng Kinh Mục Lục (大周刊定眾經目錄), tập 15, và Khai Nguyên Thích Giáo Lục (開元釋教錄), tập 18, coi đây là kinh ngụy tạo. Ở phần sau của kinh này có đính kèm Thập Vãng Sinh Kinh Chân Ngụy Quyết Nghi (十往生經真偽決疑).

¹²⁴ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Lúc ấy Phật A Di Đà liền sai Hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí đến trước hành giả, khen rằng: ‘Này thiện nam tử! Vì ngươi xưng danh hiệu Phật, các tội tiêu diệt, ta đến rước ngươi’. Nghe lời nói ấy rồi, hành giả liền thấy quang minh của Hóa Phật chiếu sáng cả nhà. Thấy rồi hoan hỷ mạng chung, ngồi bửu liên hoa theo sau Hóa Phật, sanh trong ao báu Cực Lạc thế giới.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

¹²⁵ Nguyện thứ 18 trong 48 bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

hiện ra trước mắt. Người như thế khi chết tâm không thác loạn, và tức khắc được sinh quốc độ Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Xá-lợi-phất, Như lai thấy ích lợi như vậy, nên nói rằng ai nghe như vậy hãy nên phát nguyện nguyện sinh Cực Lạc.”

Phần dưới quyển kinh nói: “Phương Đông, hằng hà sa số các Đức Phật; phương Nam, Tây, Bắc, phương dưới, phương trên, hằng hà sa số các Đức Phật, mỗi vị đều ở nơi quốc độ của mình, đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp đại thiên quốc độ, nói lời thành thật như vậy: các người nên tin bản kinh Xưng Tán Công Đức Bất Khả Tư Nghị Hết Thủy Chư Phật Đều Hộ Niệm.”

Vì sao gọi là Hộ niệm? Nếu có chúng sinh xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc bảy ngày, hoặc một ngày, nhẫn đến một niệm, hoặc một tiếng hoặc mười tiếng, thì chắc chắn được vãng sinh. Chư Phật đều chứng thành sự thể này, nên gọi là Kinh Hết Thủy Chư Phật Đều Hộ Niệm.

Tiếp theo nói thêm, nếu xưng niệm danh hiệu Phật, cầu vãng sinh nước kia, thì thường được hằng hà sa số các Đức Phật ở sáu phương hộ niệm, cho nên gọi là Kinh Hết Thủy Chư Phật Đều Hộ Niệm.¹²⁶ Hiện nay có những thệ nguyện tăng thượng để nương tựa, các vị Phật tử tại không chịu gắng chí.”¹²⁷

(29)

Lại nói:

¹²⁶ Kinh A Di Đà: “Xá-lợi-phất, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe bản kinh này mà thọ trì, lại được nghe danh hiệu của các đức Phật, thì những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được tất cả các đức Phật hộ niệm, đều được sự không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vậy, Xá-lợi-phất, các người hãy tin nhận lời của Như Lai nói, của các Đức Phật nói.”

¹²⁷ Đoạn văn “Hiện là phàm phu sinh tử ... không chịu gắng chí” trong Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, là ngài Thiện Đạo trích dẫn từ Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi (集諸經禮懺儀), No. 1982, do Sa-môn Trí Thăng (智昇, 669–740) soạn.

“Nói ‘hoàng nguyện’, như trong Đại Kinh nói: Tất cả phàm phu thiện ác mà được vãng sinh thì đều nương vào đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên.”¹²⁸

(30)

Lại nói:

“Nói ‘Nam mô’, tức là quy mạng, cũng là nghĩa phát nguyện hồi hướng. Nói ‘A Di Đà Phật’, tức là hạnh của người ấy. Bởi nghĩa này mà nhất định được vãng sinh.”¹²⁹

(31)

Lại nói:

“Nói về Nhiếp sinh tăng thượng duyên, tức như Kinh Vô Lượng Thọ, trong 48 Nguyện có nói: “Đức Phật nói: *Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương nguyện sinh vào nước tôi, xưng danh hiệu tôi, khắp đến mười tiếng, nương nguyện lực của tôi, nếu như không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*” Đây chính là Nguyện vãng sinh. Người thực hành lúc sắp chết được nguyện lực nhiếp lấy mà vãng sinh, nên gọi là Nhiếp sinh tăng thượng duyên.”¹³⁰

¹²⁸ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 246b10. Đại nguyện nghiệp lực, chính là đại nguyện, đại nghiệp và đại lực.

¹²⁹ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ (còn gọi Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ), No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 250a27: “Nay trong Quán Kinh này nói xưng niệm danh hiệu Phật mười tiếng, tức là đầy đủ mười nguyện, mười hạnh. Vì sao đầy đủ? Nói Nam mô, tức là quy mạng, cũng có nghĩa là phát nguyện hồi hướng; nói A Di Đà Phật, tức là hạnh Phật. Dựa vào hai nghĩa trên mà khẳng định người đó sẽ được vãng sinh.” Bốn chữ “A Di Đà Phật” chính là chúng sinh quy mạng về Đức Phật A Di Đà. Bốn chữ “A Di Đà Phật” là chánh nghiệp, tư lương và công đức của sự vãng sinh thế giới Cực Lạc. Chỉ cần niệm sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật” thì đã cụ bị sự tu hành vãng sinh, công đức vãng sinh, cho nên Đại sư Thiện Đạo nói: “Bởi nghĩa này mà nhất định được vãng sinh.”

¹³⁰ Phật Thuyết A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn (觀念阿彌陀佛相海三昧功德法門), No. 1957, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 27a16.

Ngũ chủng tăng thượng duyên, còn gọi là Ngũ tăng thượng duyên, cũng gọi là Ngũ duyên: Lấy Phật làm tăng thượng duyên, người niệm Phật nhận được lợi ích, có 5 loại:

(32)

Lại nói:

“Muốn cho những kẻ phạm phu thiện ác hồi tâm, khởi hạnh, thấy đều được vãng sinh. Đây là Chứng sinh tăng thượng duyên.”¹³¹

(33)

Lại nói:

“Mỗi môn bất đồng tám vạn tư
Vì diệt vô minh quả nghiệp nhân
Kiếm bén chính là Di Đà hiệu
Một tiếng xưng niệm tội tiêu trừ. (...)
Vi trần nghiệp cũ theo trí diệt
Bất giác chuyển nhập chân như môn. (...)
Được thoát Ta-bà trường kiếp nạn

1. Diệt tội tăng thượng duyên: Còn gọi là Hiện sinh diệt tội tăng thượng duyên, lớp Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên, tiêu trừ mọi nghiệp chướng.

2. Hộ niệm đắc trường mạng tăng thượng duyên: Còn gọi là Hộ niệm tăng thượng duyên, Hiện sinh hộ niệm tăng thượng duyên, được Đức Phật A Di Đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí gia hộ.

3. Kiến Phật tăng thượng duyên: Còn gọi là Kiến Phật tam muội tăng thượng duyên, nhờ ba niệm nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà được thấy Phật.

4. Nhiếp sinh tăng thượng duyên: Chúng sinh nương nguyện lực của Đức Phật A Di Đà nhiếp lấy mà được vãng sinh.

5. Chứng sinh tăng thượng duyên: Sau khi Phật diệt độ, bảo chúng kẻ phạm phu nương Phật nguyện lực, đời vị lai nhất định sẽ vãng sinh.

Ba duyên đầu là Hiện ích, hai duyên sau là Đương ích.

¹³¹ Ibid., tr. 27b25: “Lại nói Chứng sinh tăng thượng duyên. Hỏi: Nay đã nói 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà nhiếp lấy tất cả chúng sinh được sinh về Tịnh độ, nhưng chưa biết hàng chúng sinh nào được sinh? Lại nữa, người nào được bảo chứng là sẽ được sinh? Đáp: Như Quán Kinh nói: Đức Phật bảo Vi Đà Hy: ‘Nay phu nhân có biết chăng? Đức Phật A Di Đà cách đây chẳng xa, bà nên nhiếp niệm quán kỹ cõi nước ấy thì tịnh nghiệp được thành. Nay ta sẽ vì bà mà nói rộng các pháp quán, cùng khiến đời vị lai tất cả hàng phạm phu, những người muốn tu tịnh nghiệp được thọ sinh Tây Phương Cực Lạc quốc độ.’ Nay dùng chứng cứ của Kinh này, chỉ là sau khi Đức Phật diệt độ, phạm phu nương nguyện lực của Phật thì quyết định được vãng sinh. Đây là Chứng sinh tăng thượng duyên.”

Chỉ nhờ ơn tri thức Thích Ca
Phương tiện thiện xảo những tư lương
Chọn được Di Đà hoàng thế môn.”¹³²

(34)

Như vậy, **Nam-mô**, nghĩa là **Quy mạng** (歸命).

Quy, nghĩa là Chí (至) vậy.

Lại nữa, Quy, là Thuyết (說) vậy.

Chữ Thuyết, [nên đọc là] âm Duyệt (悅).

Lại nữa, Quy, là Thuyết (說) vậy.

Chữ Thuyết, [nên đọc là] âm Duyệt (稅).

Hai âm Duyệt (悅) và Duyệt (稅) [cũng là một].

Thuyết, nghĩa là Cáo (告), là Thuật (述), là bày tỏ thêm ý vậy.¹³³

Mạng, nghĩa là Nghiệp (業), Chiêu dẫn (招引), Sử (使), Giáo (教), Đạo (道),
Tín (信), Kế (計), Triệu (召).

Cho nên, Quy mạng: là “Sắc mạng mà bản nguyện mời gọi”¹³⁴

Phát nguyện hồi hướng: Đức Như Lai đã phát nguyện và hồi thí đến tâm của chúng sinh tu hành.

Tức là hạnh của người ấy: Tức là “tuyên trách bản nguyện” vậy.

¹³² Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 448c23, tr. 449a21, và tr. 452b14.

¹³³ Sách Luận Ngũ, chương Học Nhi: Tử viết: Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? 學而時習之, 不亦說乎. (Khổng tử nói: Học thì phải luyện tập, chẳng vui lắm sao?)

¹³⁴ Bản nguyện chiêu hoán chi sắc mạng (本願招喚之救命). Sắc mạng là sắc lệnh, là mệnh lệnh. Quy mạng là mệnh lệnh của Đức Phật A Di Đà bằng bản nguyện. Quy mạng là mệnh lệnh ‘quy thuận’, ‘quy ý’. Quy mạng là quy thuận ‘sự mời gọi (chiêu hoán) của Đức Phật A Di Đà) thông qua niềm tin. Niềm tin “quy mạng” là phát sinh từ sự mời gọi của Đức Phật A Di Đà, nó thấm đẫm trong tâm chúng ta, chẳng phải do tâm chúng ta sinh ra. Do đó, hai chữ “quy mạng” thuộc về bản nguyện của Phật. Niềm tin là sự biểu hiện trạng thái giao phó trọn vẹn thân tâm chúng ta cho Phật vậy.

Nhất định được vãng sinh: Tuyên dương sự hoạch đắc địa vị Bất thối.¹³⁵

Kinh nói, “tức đắc” (即得)¹³⁶; [Bồ-tát Long Thọ] giải thích là “tất định”. (必定)¹³⁷.

Tức: Do nghe nguyện lực, Báo độ rục rĩ vĩ đại, nhân tố chân thật quyết định thời khắc cực nhanh.

Tất (必: là thẩm 審, nhiên 然, phân cực 分極.¹³⁸): Trạng thái của Kim cương tâm thành tựu.

(35)

Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lược Pháp Sự Nghi Tán:

“Đức Như Lai lập giáo rộng lược, tùy theo căn cơ, chung quy ở thật tướng. Bạc được chân vô sinh, thì ai có thể so với người này? Song niệm Phật tam-muội là pháp môn thâm diệu vô thượng chân thật. Dem danh hiệu và bốn mươi tám nguyện của Pháp vương Di Đà để làm Phật sự, nguyện lực độ chúng sinh.”¹³⁹ (...)

“Do đó Đức Như Lai thường ở trong biển Tam-muội, tay giơ lưới tơ, nói với Phụ vương rằng: Phụ vương ngày nay ngồi thiền, chỉ nên niệm Phật, có phải là

¹³⁵ Ngôn nam mô giả, tức thị quy mạng, diệt thị phát nguyện hồi hướng chi nghĩa; ngôn A Di Đà Phật giả, tức thị kỳ hạnh: dĩ kỳ nghĩa cố, tất đắc vãng sinh. (言南無者, 即是歸命, 亦是發愿回向之義; 言阿彌陀佛者, 即是其行: 以斯義故, 必得往生。)

¹³⁶ Kinh Vô Lượng Thọ: Chư hữu chúng sinh văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh bỉ quốc, tức đắc vãng sinh trụ bất thối chuyển. (Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu của Ngài mà tín tâm hoan hỷ, dốc lòng hồi hướng dù trong một niệm, nguyện sinh sang cõi nước ấy, liền được vãng sinh, trụ vào ngôi Bất thoái chuyển.) Kinh A Di Đà: “Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sinh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.” (Người như thế khi chết tâm không thác loạn, và tức khắc được sinh quốc độ Cực lạc của đức A Di Đà Phật.)

¹³⁷ Tất định (必定, sa. Avaivartikā): Dịch là Bất thối chuyển, cũng dịch là Tất định. Không thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề thì nhất định nhập giai vị Tất định. Luận Đại Trí Độ, quyển 93, tr. 713b15: “A-bệ-bạt-trí tức là Tất định.” (阿鞞跋致即是畢定). Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, phẩm Dị Hành, tr. 43a19: “Ai có thể niệm vô lượng [nguyện] lực và công đức của Đức Phật A Di Đà thì ngay lập tức nhập Tất định.”

¹³⁸ Thẩm: quả là, đúng. Nhiên: cho là đúng, tán đồng. Phân cực: sự tách riêng do cương giới.

¹³⁹ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lược Pháp Sự Nghi Tán (淨土五會念佛略法事儀讚), No. 1983, Sa-môn Pháp Chiếu (747-821) thuật, tr. 474c24. Đại sư Pháp Chiếu là vị Tổ thứ tư của Liên Tông vào đời nhà Đường, còn gọi là Ngũ Hội Pháp Sư (五會法師).

giống lia niệm cầu vô niệm, lia sinh cầu vô sinh, lia tướng hảo cầu pháp thân, lia văn tự cầu giải thoát?”¹⁴⁰ (...)

“Lớn lao thay, chí lý chân pháp, nhất như hóa vật lợi người. Vì hồng nguyện có sai khác, cho nên Đức Thích Ca ứng sinh ở đời trước, Đức Di Đà xuất hiện nơi cõi tịnh. Dù tịnh uế có sai biệt, nhưng lợi ích thì đồng nhất. Pháp dễ tu dễ chứng, thật chỉ có giáo môn Tịnh độ. Cõi Tây phương kia thù diệu, khó mà so sánh. Quốc độ ấy trang nghiêm hoa sen trăm báu, bày ra chín phẩm thu nhận người tu. Danh hiệu Phật có thể quét sạch ngàn họa, âm vang năm hội¹⁴¹ nhiếp hóa muôn vật.”¹⁴²

[Y theo Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Kinh - Thích Pháp Chiếu]

“Tôn hiệu Như Lai rất rõ ràng
Mười phương thế giới lưu hành khắp
Chỉ có xưng danh đều được sinh
Quán Âm, Thế Chí tự đến rước.¹⁴³ (...)
Bản nguyện Di Đà rất đặc thù

¹⁴⁰ Ibid., tr. 476b11: “Trong Quán Kinh chép: Nếu người niệm Phật, phải biết người này ở trong hoa Phân-đà-lợi, gọi là hiếm có. Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí là bạn thù thắng của người này, đang ngồi đạo tràng, sinh vào nhà Chư Phật. Do đó Đức Như Lai thường ở trong biển Tam-muội, tay giở lưới bông, thừa Phụ vương: Phụ vương ngày nay ngồi thiền, chỉ nên niệm Phật, có phải là giống lia niệm cầu vô niệm, lia sinh cầu vô sinh, lia tướng hảo cầu pháp thân, lia văn tự cầu giải thoát? Người như vậy thì trụ nơi đoạn diệt kiến, chê Phật hủy kinh, thành nghiệp chấp pháp, đọa vào Vô gián. Phàm tại tu đạo, há không cẩn thận, há không cung kính!”

¹⁴¹ Ngũ hội niệm Phật (五會念佛): Cũng gọi Ngũ hội chân thanh (五會真聲). Năm hội niệm Phật do ngài Pháp Chiếu đời Đường phỏng theo sự miêu tả gió thổi cây báu phát ra 5 thứ âm thanh trong kinh Vô Lượng Thọ mà sáng lập pháp môn ‘Năm hội niệm Phật’, làm cho kẻ tăng người tục ham thích cảnh Tịnh độ. Nghi thức này thường lựa chọn một số vị xuất gia, tại gia có giọng hay, tiếng tốt, họp tập lại, uy nghi tề chỉnh, chia làm 5 hội, dựa theo 5 âm điệu cao thấp, nhanh chậm mà niệm Phật. Hội thứ nhất niệm chậm rãi, âm điệu trầm bình; hội thứ 2 cũng niệm chậm rãi nhưng âm điệu cao hơn; hội thứ 3 niệm không chậm không nhanh; hội thứ 4 niệm nhanh dần; hội thứ 5 niệm nhanh hơn. Năm hội niệm Phật này có năng lực: trừ 5 khổ, dứt 5 cái, cắt đứt 5 đường, tịnh hóa 5 mắt, đầy đủ 5 căn, thành tựu 5 lực, được giác ngộ, đủ 5 giải thoát, mau chóng thành tựu 5 phần pháp thân. Hiện nay, tại Nhật bản, phái Bản Nguyện Tự (本願寺) thuộc Chân tông vẫn còn thực hành pháp môn niệm Phật này.

¹⁴² Ibid., tr. 475c12.

¹⁴³ Ibid., tr. 477c08.

Từ bi phương tiện dẫn phàm phu
Tất cả chúng sinh đều độ thoát
Xưng danh liền được tội tiêu trừ.¹⁴⁴ (...)
Phàm phu nếu được đến Tây phương
Nhiều kiếp trần sa tội diệt vong
Đủ sáu thần thông được tự tại
Trừ hẳn già bệnh, là vô thường.¹⁴⁵

[Y theo Kinh Phật Bản Hạnh – Pháp Chiếu]

“Cái gì gọi đó là Chánh pháp
Nếu cái đạo lý là Chân tông
Tốt xấu nay thời cần quyết trạch
Mỗi một tí mĩ chớ mơ hồ.
Chánh pháp là vượt thoát thế gian.
Trì giới, ngồi thiền, gọi Chánh pháp
Niệm Phật thành Phật là Chân tông!¹⁴⁶
Không giữ lời Phật là ngoại đạo
Bác vô nhân quả là Không kiến.
Chánh pháp là vượt thoát thế gian.
Thiền luật như nào là Chánh pháp

¹⁴⁴ Ibid., tr. 477c14.

¹⁴⁵ Ibid., tr. 478a01.

¹⁴⁶ Chân tông, có nghĩa là niệm Phật để thành Phật, là giáo pháp Nhất thừa cao tột và thâm sâu, cứu cánh để thành Phật, cũng là viên giáo trong viên giáo, đốn giáo trong đốn giáo. Chân tông khó gặp nhất, khó tin nhất, đây là điều khó nhất trong pháp giới, thế mà phàm phu có thể gặp, nghe, tin được Chân tông. Đây hoàn toàn là do Đức Phật A Di Đà, Đấng từ bi thương xót như cha như mẹ, đã dốc hết sức thu nạp tất cả chúng sinh bằng nguyện lực đại từ bi của Phật, khiến cho tất cả chúng sinh đều tin nhận. Ngược lại kẻ phàm phu phiền não không có khả năng nghe và tin được Chân tông. Đại sư Thiện Đạo nói rằng những người thực sự tin tưởng vào Đức Phật A Di Đà là "người tốt", "người tuyệt vời", "người cao thượng", "người hiếm có" và "người tối thắng" trong số những phàm phu. Sau khi được vãng sinh Tịnh Độ, người ấy tự nhiên sẽ chứng ngộ được niềm hỷ lạc vĩnh cửu của pháp tánh.

Niệm Phật tam-muội là Chân tông!
Thấy tánh rõ tâm bèn là Phật
Làm sao đạo lý không tương ưng?”¹⁴⁷

[Y theo Kinh A Di Đà]

“Tây phương tiến đạo hơn Ta-bà
Duyên không năm dục và tà ma
Thành Phật không nhọc các thiện nghiệp
Đài hoa ngời thắm niệm Di Đà.¹⁴⁸ (...)
Ngũ trước tu hành nhiều thói chuyển
Không bằng niệm Phật sinh Tây phương
Đến đó tự nhiên thành Chánh giác
Trở lại biển khổ làm bờ bến.¹⁴⁹ (...)
Ở trong muôn hạnh cấp thiết là
Mau chóng không qua Tịnh độ môn
Không chỉ Bỏn sư kim khẩu thuyết
Mười phương chư Phật cùng truyền chứng.¹⁵⁰ (...)
Cõi này một người niệm Phật danh
Tây phương liền sinh một hoa sen
Chỉ khiến một đời không lui sụt
Hoa đó về lại cõi này ghênh.¹⁵¹”

¹⁴⁷ Ibid., tr. 479c14-c21.

¹⁴⁸ Ibid., tr. 480a06.

¹⁴⁹ Ibid., tr. 480a09.

¹⁵⁰ Ibid., tr. 480c01.

¹⁵¹ Ibid., tr. 480c07.

[Y theo Kinh Bát Chu Tam-muội – Hòa thượng Từ Mẫn viết]

Đại chúng trong đạo tràng hôm nay
Hàng sa kiếp số đều trải qua
Mừng thân người này khó hẹn gặp
Nhu hoa Ưu đàm một lần nở
Gặp giáo lý Tịnh độ hiếm nghe
Gặp pháp môn niệm Phật khai mở
Gặp hoàng thệ Di Đà mời gọi
Gặp đại chúng tín tâm trở về
Gặp hôm nay y kinh khen ngợi
Gặp kết khế ấn trên đài hoa
Gặp đạo tràng không có ma sự
Gặp người không bệnh đều về được
Gặp bảy ngày công phu thành tựu
Bốn mươi tám nguyện Phật đất diu
Khấp khuyên hành giả cùng đạo tràng
Nỗ lực hồi tâm về đi thôi
Thử hỏi quê hương ở nơi nào
Trong ao Cự Lạc đài bảy báu
Nhân địa Phật kia lập hoàng thệ
Nghe danh niệm Phật đều rước về
Không lựa nghèo khổ hay giàu sang
Không chọn ngu si hay tài trí (...)
Bất luận đa văn tri tịnh giới
Hoặc kẻ phá giới tội sâu dày
Chỉ cần hồi tâm niệm Phật nhiều
Gạch ngói có thể biến thành vàng

Gửi lời đến đại chúng hiện tiền
Đồng duyên người đi sớm tìm nhau
Thử hỏi tìm nhau ở nơi nào?
Đáp rằng Tịnh độ Phật Di Đà
Thử hỏi duyên gì được vãng sinh?
Đáp rằng niệm Phật tự thành công
Thử hỏi đời nay nhiều tội chướng
Làm sao Tịnh độ chịu bao dung?
Đáp rằng xưng danh tội tiêu diệt
Dụ như đèn sáng vào phòng tối
Thử hỏi phạm phu được sinh không
Làm sao một niệm sáng trong tối?
Đáp rằng trừ nghi niệm Phật nhiều
Di Đà nhất định tự thân cận.”¹⁵²

[Y theo Kinh Tân Vô Lượng Thọ Quán¹⁵³ – Pháp Chiếu thuật]

“Mười ác, năm nghịch đến người ngu
Nhiều kiếp trầm luân ngập bụi trần
Một niệm xưng được Di Đà hiệu
Cõi ấy đồng về Pháp tánh thân.”¹⁵⁴

(36)

¹⁵² Ibid., tr. 481b13-482a05.

¹⁵³ Theo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Sớ, No. 1754, Nguyên Chiếu thuật, tr. 285b24: “Kinh này có hai bản dịch, bản trước kia đã mất, bản hiện nay chính là do ngài Cương Lương Da Xá dịch.” Lịch Đại Tam Bảo Ký, quyển 4, 7, thì ngoài bản dịch của ngài Cương Lương Da Xá ra, còn liệt kê hai bản không rõ dịch giả được dịch vào đời Đông Hán và Đông Tấn. Bản hiện nay so với bản trước kia nên gọi là “tân”.

¹⁵⁴ Ibid., tr. 487b11.

Sư Cảnh Hưng viết:

“Nhu Lai nói rộng, có hai: một là, nói rộng về nhân quả tịnh độ của Nhu Lai, tức là hạnh nguyện và những thành tựu; hai là, nói rộng về nhân quả vãng sinh của chúng sinh, tức là thu nhiếp và những lợi ích.”¹⁵⁵

(37)

Lại nói:

Kinh Bi Hoa, phẩm Chư Bồ-tát Bản Thọ Ký nói: “*Thiện nam tử! Bảy giờ Đức Bảo Tạng Nhu Lai khen ngợi Chuyển luân vương rằng: ‘Lành thay, lành thay! Đại vương, theo sở nguyện sâu xa của ông, nay là lúc thu nhận tịnh độ, và chúng sinh trong cõi ấy, tâm họ cũng thanh tịnh.*

Đại vương! Ông hãy nhìn về phương Tây, qua trăm ngàn muôn ức Phật độ, có thế giới tên là Tôn Thiện Vô Cấu. Thế giới ấy có Đức Phật hiệu là Tôn Âm Vương Nhu Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Sư, Phật Thế Tôn, hiện tại đang thuyết chánh pháp cho các vị Bồ-tát. Thế giới ấy không có tên gọi Thanh văn và Bích-chi Phật, cũng không có ai nói pháp Tiểu thừa, thuần nhất là pháp Đại thừa thanh tịnh, không xen gì khác. Chúng sinh trong thế giới ấy đều là tự nhiên hóa sinh, cũng không có người nữ, không có cả đến cái tên người nữ.

Thế giới Phật ấy có những công đức thanh tịnh trang nghiêm đúng như sở nguyện của Đại vương, y như vô lượng thế giới Phật với các thứ công đức trang nghiêm không khác gì cả, đều để nhiếp lấy vô lượng vô biên chúng sinh đã điều phục. Nay đổi tên ông là Vô Lượng Thanh Tịnh.”¹⁵⁶

¹⁵⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán (無量壽經連義述文贊), No. 1748, 3 quyển, Thích Cảnh Hưng soạn, quyển trung, tr. 147c12.

¹⁵⁶ Kinh Bi Hoa (悲華經), No. 157, Đàm Vô Sấm dịch, phẩm Chư Bồ-tát Bản Thọ Ký, tr. 184c16-c28.

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói: “[Tỳ-kheo Pháp Xứ] quảng phát thế nguyện rộng lớn như thế, đều đã thành tựu, thế gian hiếm có. Phát lời nguyện ấy rồi, Ngài như thật an trú các thứ công đức, đầy đủ trang nghiêm¹⁵⁷, oai đức quảng đại¹⁵⁸, Phật độ thanh tịnh.”

(38)

Lại nói:

“Hai thứ phước trí trang nghiêm đã được thành tựu, vì đầy đủ các Thánh hạnh: bố thí, v.v. vậy. Lấy sự tu tập của mình mà lợi ích chúng sinh, khiến công đức thành tựu.”¹⁵⁹

(39)

Lại nói:

“Nhờ nhân duyên lâu xa mà được gặp Phật, nghe pháp, nên rất đáng mừng vui.”¹⁶⁰

(40)

Lại nói:

¹⁵⁷ Đầy đủ trang nghiêm là có đủ hai thứ thanh tịnh: 1. Khí thế gian thanh tịnh; 2. Chúng sinh thế gian thanh tịnh.

¹⁵⁸ Danh hiệu Phật A Di Đà có đủ đức tính hội tụ quảng đại. Khắp mười phương chúng sinh đều được vãng sinh Cực Lạc, pháp hội rộng lớn, Thánh hiền vô lượng, toàn là nhờ oai đức của Đức Phật A Di Đà.

¹⁵⁹ Ibid., quyển trung, tr. 154b15: “Kinh nói: ‘Cung kính Tam bảo ... thành tựu công đức’. Thuật rằng: Phần thứ hai là tu cung kính. Cung kính Tam bảo, là phước phương tiện. Phụng thờ Sư trưởng là trí phương tiện. Đem đại trang nghiêm, tức là hai thứ phước trí trang nghiêm đã thành tựu, vì đầy đủ các Thánh hạnh: bố thí, v.v. vậy. Lấy sự tu tập của mình mà lợi ích chúng sinh, khiến công đức thành tựu.” Trong sáu độ, 5 độ đầu là phước đức trang nghiêm, và tuệ độ là trí tuệ trang nghiêm. Kinh Vô Lượng Thọ, tr. 269c16: “Cung kính Tam bảo, phụng thờ Sư trưởng, đem đại trang nghiêm để đầy đủ các hạnh, khiến các chúng sinh thành tựu công đức.”

¹⁶⁰ Ibid., quyển hạ, tr. 165c20: “Kinh nói: Nhẫn đến đời này ... Ta giúp ông được vui mừng. Thuật rằng: Đây là Như lai chính thức vui mừng. Nhờ nhân duyên lâu xa mà được gặp Phật, nghe pháp, nên rất đáng mừng vui.” Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 275c03: “Nhẫn đến đời này, sinh tử chưa dứt, cùng Phật gặp nhau, nghe nhận kinh pháp, lại được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, thật vui sướng lắm thay! Ta giúp ông được vui mừng.”

“Con người là bậc Thánh, cõi nước thì vi diệu, sao không gắng sức hành thiện mà nguyện sinh. (...) Do thiện đã thành, không tự gặt quả, gọi là ‘tự nhiên’. Không lựa sang hèn, đều được vãng sinh, gọi là ‘đến chỗ không trên dưới’.”¹⁶¹

(41)

Lại nữa:

“**Để sinh về mà có mấy ai. Cõi nước ấy không có trái nghịch mà tự nhiên bị trôi buộc:** Tu nhân chính là từ bỏ (dừng lại), nên ‘để vãng sinh’. Không ai chịu tu nhân, ít người vãng sinh, nên ‘có mấy ai’. Tu nhân cầu sinh, mình hoàn toàn không có nghịch trái, và cõi nước không có trái nghịch, chính là tiền đề cho sự vãng sinh.”¹⁶²

(42)

Lại nói:

“**Bản nguyện lực**, là sức thệ nguyện ‘tức khắc được sinh’¹⁶³.

Mãn túc nguyện, là nguyện không thiếu sót.

Minh liễu nguyện, là cầu mà không phải không có kết quả.

Kiên cố nguyện, là duyên không thể hoại.

Cứu cánh nguyện, là chắc chắn được thỏa nguyện.”¹⁶⁴

¹⁶¹ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 274b18: “Phật bảo Bồ-tát Di Lạc, chư thiên, nhân loại, v.v. rằng: Trong quốc độ Vô Lượng Thọ Phật, các Bồ-tát, Thanh văn có công đức, trí tuệ không thể kể xiết. Lại nữa, quốc độ ấy thật vi diệu, an lạc và thanh tịnh như thế, sao chẳng gắng sức hành thiện, niệm đạo là tự nhiên, đến chỗ không trên dưới, thấu triệt chỗ không biên tế. Thế nên, hãy chuyên cần tinh tiến, nỗ lực tự cầu, ắt được siêu tuyệt [sinh tử], vãng sinh An Lạc quốc, cắt ngang năm đường dữ. Đường dữ tự nhiên đóng lại, đường đi lên không có cùng cực, để sinh về mà có mấy ai.”

¹⁶² Ibid., quyển hạ, tr. 163c05.

¹⁶³ Ngài Tuệ Viễn (慧遠, 523 – 592) cho rằng, đối lại thần lực hiện tại gọi là ‘vãng tích bản nguyện lực’ (往昔本願力, bản nguyện lực trước kia). Ở Thuật Văn Tán, ngài Cảnh Hưng đổi là ‘tức vãng thệ nguyện chi lực’ (即往誓願之力).

¹⁶⁴ Ibid., quyển trung, tr. 156c14. Kinh Vô Lượng Thọ, tr. 271a13: “Này A Nan, trời và người ở cõi kia, nếu ai trông thấy cây ấy thì được ba Pháp nhẫn: Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sinh pháp nhẫn. Đó đều là uy thần lực,

(43)

Lại nói:

“Tóm lại, muốn cho kẻ phàm phu thêm ý muốn vãng sinh, nên nói ‘**quốc độ ấy thù thắng**’.”¹⁶⁵

(44)

Lại nói:

“Đã nói ‘ở **quốc độ này này tu hạnh Bồ-tát**’, tức là biết vua Vô Trách Niệm ở phương này, [Đại thần] Bảo Hải cũng vậy.”¹⁶⁶

(45)

Lại nói:

“Vì nghe Đức Phật A Di Đà thành tựu công đức quảng đại, mà được Bất thoái chuyển.”¹⁶⁷

(46)

Lạc Bang Văn Loại¹⁶⁸:

bản nguyện lực, mãn túc nguyện, minh liễu nguyện, kiên cố nguyện và cứu cánh nguyện của Đức Phật Vô Lượng Thọ.”

¹⁶⁵ Ibid., quyển hạ, tr. 159c17. Kinh Vô Lượng Thọ, tr. 272c12: “Vô lượng vô số các chúng Bồ-tát của hàng sa Phật độ ở phương Đông, đều đi tới chỗ Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường, và các Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng lắng nghe, nhận lãnh Kinh pháp, rồi tuyên bố đạo hóa. Các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, phương trên, phương dưới, cũng đều như thế cả.”

¹⁶⁶ Ibid., quyển hạ, tr. 161a05. Kinh Vô Lượng Thọ, tr. 273b24: “A Nan bạch Phật: Hai vị Bồ Tát ấy danh hiệu là gì? Đức Phật bảo: Vị thứ nhất tên là Quán Thế Âm, vị thứ hai tên là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ Tát đó đều ở quốc độ này tu hạnh Bồ Tát, khi mạng chung chuyển hóa sinh nơi Phật quốc kia.”

¹⁶⁷ Ibid., quyển hạ, tr. 170c27. Kinh Vô Lượng Thọ, tr. 279a22: “Bốn mươi ức Bồ-tát được Bất thoái chuyển, đem công đức thế nguyện rộng lớn mà trang nghiêm cho mình, đến đời sau này, thì thành Chánh Giác.”

¹⁶⁸ Lạc Bang Văn Loại (樂邦文類), Tập 47, No. 1969A, 5 quyển, do ngài Tông Hiếu (宗曉, 1151-1214) biên soạn vào đời Nam Tống, hoàn thành vào năm Khánh Nguyên thứ 6 (1200). Nội dung sách này là biên tập những bài văn trọng yếu trong các kinh luận có liên quan đến tông Tịnh độ cho đến các trước thuật, thi kệ, truyện ký, v.v. của các

[Kết Liên Xã Phổ Khuyến Văn] - Tổng quản Trương Luân nói: “Danh hiệu Phật rất dễ trì, Tịnh độ rất dễ sinh. Tám muôn bốn ngàn pháp môn, không có đường tắt nào như thế. Chỉ cần chút rảnh rang sớm chiều kính niệm mà làm tu lương chẳng hư hoại cho nhiều kiếp. Đó là dụng lực rất nhỏ mà thu công không cùng. Chúng sinh có nỗi khổ gì mà tự vứt bỏ, không chịu làm? Ôi, mộng huyễn chẳng thật, thọ yếu khó giữ, khoảnh khắc hơi thở đã qua đời sau. Một khi mất thân người thì muôn kiếp khó được lại. Lúc này mà không ngộ, Phật như chúng sinh sao? Xin nghĩ sâu về vô thường, chớ uổng phí [thời gian] để rồi ăn năn về sau.

Cư sĩ Tịnh Lạc - Trương Luân¹⁶⁹ khuyến duyên.”

(47)

Tổ sư Thai giáo là Pháp sư Sơn Âm Khánh Văn nói:

“Bởi vì danh hiệu Phật từ chân thật báo thân mà kiến lập, từ biển Từ bi mà kiến lập, từ biển Thệ nguyện mà kiến lập, từ biển Trí tuệ mà kiến lập, từ biển Pháp môn mà kiến lập. Nếu chỉ chuyên xưng một danh hiệu Phật, thì là xưng đủ danh hiệu của chư Phật, công đức vô lượng, có thể tiêu trừ tội chướng, có thể sinh Tịnh độ, sao phải sinh nghi ư?”

(48)

Tổ sư Luật tông là Ngài Nguyên Chiếu nói:

sur. Sách này chia làm 14 môn, gồm 220 thiên. Về sau, ngài Tông Hiếu còn soạn bộ Tục Biên Lạc Bang Di Cảo (續編樂邦遺稿), 2 quyển.

¹⁶⁹ Trương Luân (張掄): Cư sĩ Phật giáo Trung Quốc sống vào thời Nam Tống, tự là Tài Phủ (材甫). Nhờ có tài văn chương mà ông được vua Cao Tông sủng ái, cho làm Phòng Ngự sử ở Quân Châu, sau thăng đến Lưỡng Chiết Tây Lộ Phó đô Tổng quản, Tri các. Ông tinh cần niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Về già, ông xây dựng đạo tràng ở phía Đông nhà mình, đào ao trồng sen, phỏng theo di ý kết xã của ngài Tuệ Viễn, hướng dẫn người vợ hằng ngày niệm Phật một vạn biến. Trong hai mùa Xuân và Thu, ông chọn ngày đi đến tinh xá Phổ Tĩnh, cùng niệm Phật theo định kỳ với đại chúng. Năm 1166, vua Cao Tông đích thân viết hai chữ “Liên Xã” tặng ông. Tác phẩm: Cao Tông Hoàng Đế Ngự Thư Liên Xã Ký (高宗皇帝御書蓮社記), Kết Liên Xã Phổ Khuyến Văn (結蓮社普勸文, được xếp vào Lạc Bang Văn Loại), Thiệu Hưng Nội Phủ Cổ Khí Bình (紹興內府古器評).

“Huống chi Đức Phật đem tâm đại từ khai thị Tịnh độ, ân cần khuyên dạy trong các kinh Đại thừa. Chúng sinh mắt thấy tai nghe mà còn nghi ngờ hủy báng, tự cam chịu chìm đắm, không nghĩ cách vượt thoát. Như Lai gọi họ là những kẻ đáng thương. Bởi vì không biết pháp này là một pháp môn đặc biệt, nó không chọn hiền ngu, chẳng lựa Tăng tục, không luận tu hành mau chậm, chẳng hỏi tạo tội nặng nhẹ, chỉ cần lòng tin xác quyết, chính là nhân tố vãng sinh.”¹⁷⁰

(49)

Lại nói:

“Nay các kinh Tịnh độ đều không nói đến ma, tức biết rõ pháp này hoàn toàn không có ma. Pháp sư Sơn Âm Khánh Văn đối với ‘Pháp môn Chánh tín’ có sự trình bày rõ ràng, nay xin trích dẫn:

Hỏi rằng: Có người nói, lúc sắp chết thấy Phật và Bồ-tát phóng hào quang, bung đài, nhạc trời, hương lạ đến tiếp dẫn vãng sinh đều là việc ma. Lời này như thế nào?

Đáp: Có người y kinh Thủ Lăng Nghiêm tu tập tam-muội, có khi phát động ám ma. Có người y theo luận Ma-ha-diễn tu tập tam-muội, có khi phát động ngoại ma (gọi là Thiên ma). Có người nương theo luận Chỉ Quán tu tập tam-muội, có khi phát động thời mị¹⁷¹. Những sự thể này toàn là người tu thiên định, họ chỉ quan

¹⁷⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Sớ (觀無量壽佛經義疏), No. 1754, Nguyên Chiếu thuật, quyển thượng, tr. 285b11. Nguyên Chiếu (元照, 1048 - 1116): Cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Tống, người Dur Hàng (huyện Hàng, tỉnh Chiết Giang), tự Trạm Nhiên, hiệu An nhẫn tử. Sư xuất gia năm 18 tuổi, theo ngài Thần Ngộ Khiêm học Thiên Thai giáo quán, nhưng tâm chí sư chú trọng Luật học. Sau, sư lễ ngài Quảng Từ thọ giới Bồ-tát, nối pháp ngài Doãn Kham thuộc Luật tông Nam Sơn. Khoảng năm Nguyên Phong (1078 - 1085), sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật. Lúc về già, sư dời đến chùa Linh Chi, trụ 30 năm, người đương thời tôn xưng sư là Linh Chi tôn giả. Năm Chính Hòa thứ 6 (1116), sư thị tịch, thọ 69 tuổi, thụy hiệu Đại Trí Luật Sư. Sư để lại tác phẩm: Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký, Phật Chế Tỳ-kheo Lục Vật Đồ, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Sớ, A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ.

¹⁷¹ Thời mị (時魅): một trong ba thứ quỷ. Vào giờ Tý (nửa đêm), quỷ này hóa thành tinh linh con chuột hoặc hình dáng thiếu nam, thiếu nữ hoặc biến ra các tướng đáng sợ để dọa nạt hay mê hoặc người tọa thiền. Bấy giờ, người tọa thiền đều biết giờ ấy là giờ gì, nếu là giờ Tý, biết nó là loài chuột, kêu thẳng tên nó thì nó sẽ tự tan biến.

tâm đến tự lực, trước có hạt giống ma, nay bị kích phát bởi định, cho nên biểu hiện những việc này. Nếu có thể nhận biết rõ ràng [ma sự], dùng cách đối trị thì có thể trừ diệt. Nếu tự cho mình là một bậc Thánh, thì đều bị ma chướng (trên nói, ở phương này ai nhập đạo thì phát sinh ma sự). Ở đây cho rằng pháp tu Niệm Phật tam-muội chính là nương nhờ vào Phật lực, như gần bên nhà vua thì không có ai dám phạm. Bởi vì, Đức Phật A Di Đà có sức từ bi lớn, sức thệ nguyện lớn, sức trí tuệ lớn, sức tam-muội lớn, sức oai thần lớn, sức diệt tà lớn, sức dẹp ma lớn, sức thiên nhãn nhìn xa, sức thiên nhĩ nghe khắp, sức tha tâm thấu suốt, sức ánh sáng chiếu khắp nhiếp lấy chúng sinh, sức công đức không thể nghĩ bàn của những việc như thế, há chẳng thể hộ trì người niệm Phật khi sắp chết không bị chướng ngại được sao? Nếu không thể hộ trì được thì sức từ bi ở đâu? Nếu không trừ được ma chướng thì sức trí tuệ, sức tam-muội, sức oai thần, sức diệt tà, sức dẹp ma ở đâu? Nếu không quán sát, để người niệm Phật bị ma làm chướng ngại thì sức thiên nhãn nhìn xa, sức thiên nhĩ nghe khắp, sức tha tâm thấu suốt ở đâu? Kinh ghi: ‘Tướng hảo quang minh của Đức Phật A Di Đà chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp lấy không bỏ chúng sinh niệm Phật.’ Nếu cho rằng người niệm Phật lúc lâm chung vẫn bị ma chướng thì sức ánh sáng chiếu khắp nhiếp lấy chúng sinh ở đâu? Huống chi người niệm Phật lúc lâm chung cảm được những cảnh tốt, toàn là lời Phật dạy từ trong các kinh, đâu thể chế nhạo là ma chướng? Nay cần phải quyết phá trừ tà nghi để sinh chánh tín.”¹⁷²

(50)

Lại nói:

¹⁷² Ibid., tr. 283c18-284a13. Lạc Bang Di Cảo (樂邦遺稿), No. 1969B, 2 quyển, do ngài Tông Hiếu biên soạn, tr. 234b13, trích dẫn đoạn này, với đầu đề là “Người niệm Phật khi mạng chung tuyệt nhiên không có ma sự”.

“Nhất thừa cực lực đề xướng, rót ráo đều hướng về Lạc bang. Vạn hạnh viên mãn tu tập, tối thắng riêng tìm nơi Phật hiệu¹⁷³. Bởi vì, từ nhân vị lập thế nguyện, giữ chí nguyện chính mình hành, trải qua kiếp số chấm bụi, mang tình thương cứu giúp chúng sinh. Chỗ đất bằng hạt cải đâu không là nơi Bồ-tát xả bỏ thân mạng. Bi trí sáu độ, nhiếp hoá mà không sót; nội ngoại hai tài, tùy cầu sẽ được ứng. Thời cơ hưng khởi, nhân duyên chín muồi, các hạnh đầy đủ, công đức thành tựu. Một thời viên chứng với ba thân, muôn đức biểu lộ nơi bốn chữ.”¹⁷⁴

(51)

Lại nói:

“Huông chi, Đức Di Đà ta dùng danh tiếp vật. Do đó, tai nghe miệng tụng, vô biên Thánh đức ôm vào thức tâm, mãi làm giống Phật, đốn trừ ức kiếp trọng tội, hoạch chứng Vô thượng Bồ-đề. Tin biết rằng chẳng ít thiện căn, mà là rất nhiều công đức vậy.”¹⁷⁵

(52)

Lại nói:

“Về chánh niệm, người lúc sắp chết thì thức thân vô chủ, nghiệp chủng thiện ác đều biểu hiện ra, hoặc khởi niệm ác, hoặc khởi tà kiến, hoặc sinh lưu luyến, hoặc phát ngông cuồng, các tướng ác chẳng phải một, đều gọi là điên đảo. Nhân trước có trì niệm danh hiệu Phật mà tội diệt chướng trừ, tịnh nghiệp huân tập bên trong, từ quang nhiếp lấy ở ngoài, thoát khổ được vui chỉ một khoảnh sát na. Văn

¹⁷³ Chánh văn là quả hiệu 果號, chỉ cho danh hiệu Phật sau khi thành Chánh giác. Danh hiệu là kết quả của sự tích tập công đức ở nhân vị, nên gọi là quả.

¹⁷⁴ A Di Đà Kinh Nghĩa疏 (阿彌陀經義疏), No. 1761, do ngài Nguyên Chiếu thuật, tr. 356b13.

¹⁷⁵ Ibid., tr. 362a22.

dưới khuyên phát nguyện nguyện sinh Cực lạc, lợi ích của việc đó được nói ở đây.”¹⁷⁶

(53)

“Pháp sư Từ Vân¹⁷⁷ nói: ‘Chỉ có An dưỡng tịnh nghiệp là đường tắt đáng nên tu tập. Có ai trong bốn chúng mà muốn mau chóng phá trừ vô minh, vĩnh viễn diệt trừ tội năm nghịch, mười ác, các tội nặng nhẹ, thì nên tu theo pháp này. Người muốn đắc giới thể Đại thừa hay Tiểu thừa, muốn được thanh tịnh trở lại, muốn đạt niệam Phật tam-muội, thành tựu các Ba-la-mật của Bồ-tát, thì nên tu học pháp này. Người lúc sắp chết mà lia được nỗi sợ hãi, thân tâm an vui, được Thánh chúng hiện ra trước mắt, đưa tay tiếp dẫn, vừa rời trần lao, liền đạt bất thối, không trải nhiều kiếp, bèn được Vô sinh, thì nên tu học pháp này.’ Pháp ngữ của cổ hiền, há không nghe sao?

¹⁷⁶ Ibid., tr. 362b13. Kinh A Di Đà: “Xá-lợi phất, không thể chỉ đem thiện căn nhỏ làm yếu tố để được sinh Cực lạc. Xá-lợi phất, thiện nam hay thiện nữ nào nghe nói đến đức A Di Đà Phật, trì niệam danh hiệu của ngài hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày mà nhất tâm bất loạn, thì người ấy lúc sắp chết, Đức Phật A Di Đà cùng với Thánh chúng hiện ra trước mắt. Người như thế khi chết tâm không điên đảo, và tức khắc được sinh quốc độ Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Xá-lợi phất, Như Lai thấy lợi ích như vậy nên nói rằng ai nghe như vậy hãy nên phát nguyện nguyện sinh Cực lạc.”

¹⁷⁷ Từ Vân Tuân Thức (慈雲遵式, 964 - 1032): vị tăng dưới thời nhà Tống, xuất thân Lâm Hải (臨海), Đài Châu (台州), Ninh Hải, Triết Giang, họ Diệp (葉), tự là Tri Bạch (知白). Ông theo xuất gia với Thiên Thai Nghĩa Toàn (天台義全), năm 18 tuổi xuống tóc, đến năm 20 tuổi thọ Cụ Túc giới tại Thiên Lâm Tự (禪林寺) và năm sau trở về chùa cũ học Luật. Ông thường đốt lông tay mình trước tượng Phổ Hiền, thề nguyện sẽ truyền bá giáo pháp Thiên Thai. Vào năm đầu (984) niên hiệu Ung Hy (雍熙), ông theo Nghĩa Thông (義通) ở Bảo Vân Tự (寶雲寺) học các thư tịch của Thiên Thai Tông, thông hiểu tận cùng áo nghĩa và cùng với Tri Lễ (知禮) của Phái Sơn Gia (山家派) trở thành nhân vật trung tâm. Năm 28 tuổi, ông tuyên giảng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Niết Bàn, Kim Quang Minh, v.v., ở Bảo Vân Tự, rồi tập trung tăng tục chuyên tu Tịnh Độ. Sau đó, ông còn giảng kinh, tu tập sám hối ở các địa phương như Tô Châu (蘇州), Hàng Châu (杭州), v.v., học giả rất ngưỡng mộ. Vào năm đầu (1022) niên hiệu Càn Hưng (乾興) đời vua Chơn Tông (真宗), ông được ban hiệu là Từ Vân (慈雲). Đến năm thứ 2 (1024) niên hiệu Thiên Thánh (天聖), ông dâng sớ tâu xin biên nhập giáo học Thiên Thai vào Đại Tạng Kinh. Đến năm đầu niên hiệu Minh Đạo (明道) đời vua Nhân Tông, ông thị tịch, hưởng thọ 69 tuổi. Soạn thuật và trước tác của ông rất nhiều như Đại Di Đà Kinh Sám Nghi (大彌陀經懺儀), Tiểu Di Đà Sám Nghi (小彌陀經懺儀), Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nguyện Nghi (往生淨土懺願儀), Kim Quang Minh Tam Muội Nghi (金光明三昧儀), Đại Thừa Chỉ Quán Thích Yếu (大乘止觀釋要), Triệu Luận Sớ Khoa (肇論疏科), Kim Viên Tập (金園集), Thiên Trúc Biệt Tập (天竺別集), v.v. Vì ông là người đã soạn ra rất nhiều nghi thức sám hối, nên được gọi là Bách Bản Sám Chủ (百本懺主), Từ Vân Tôn Giả (慈雲尊者), Linh Ứng Tôn Giả (靈應尊者), Thiên Trúc Sám Chủ (天竺懺主). Sau này ông còn được truy tặng hiệu Pháp Bảo Đại Sư (法寶大師), Sám Chủ Thiên Tuệ Pháp Sư (懺主禪慧法師). Đệ tử kế thừa dòng pháp của ông có Diệu Quả Văn Xương (妙果文昌), Minh Trí Tổ Thiệu (明智祖詔), Pháp Hỷ Thanh Giám (法喜清鑑), v.v. [Phật Học Tinh Tuyển]

Năm môn trên¹⁷⁸ là lược nêu cương yếu, những điểm khác nói không hết, giao lại cho thích văn. Xem Khai Nguyên Tạng Lục thì kinh này có hai bản dịch. Bản dịch trước đã mất, bản này do ngài Cương-lương-da-xá dịch. Cao Tăng Truyện ghi: ‘Cương-lương-da-xá (疆良耶舍), phương này dịch là Thời Xứng (時稱). [Su là người ở Tây Vực, tánh tình cương trực, lòng ít ham muốn, tinh thông Tam tạng.] Năm Nguyên Gia thứ nhất (424) thời Lưu Tống, Sư đến Kinh Ấp. Vua Văn Đế [rất kính mộ, ra sắc chỉ mời Sư trụ trì tinh xá Đạo Lâm ở Chung Sơn. Ở đây, ngài Tăng Hàm (僧含) thỉnh Sư dịch kinh này và kinh Quán Dược Vương Dược Thượng¹⁷⁹, và Tăng Hàm làm người bút thọ. Về sau, Sư du hóa đến Môn Thục, không bao lâu Sư trở về và thị tịch ở Giang Lăng]’.”¹⁸⁰

(54)

Pháp sư Từ Vân ca ngợi:

“Liễu nghĩa trong liễu nghĩa¹⁸¹, viên đốn trong viên đốn.¹⁸²”

¹⁷⁸ Năm môn: 1. Trình bày phước quán; 2. Định thiện và tán thiện; 3. Trình bày địa vị; 4. Giải thích ma thuyết; 5. Nêu rõ sự lạ truyền.

¹⁷⁹ Phật Thuyết Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ-tát Kinh (佛說觀藥王藥上二菩薩經), No. 1161, Cương-lương-da-xá dịch.

¹⁸⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Sớ, quyển thượng, tr. 285b16.

¹⁸¹ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, quyển thượng, tr. 280a21: “Ngài Từ Vân nói: ‘Pháp của Phật có hai loại: Một là pháp Tiểu thừa bất liễu nghĩa; hai là pháp Đại thừa liễu nghĩa. Đại thừa lại có liễu và bất liễu nghĩa.’ Nay bàn luận, Tịnh độ chỉ là pháp Liễu nghĩa trong Đại thừa liễu nghĩa. Kinh ghi: ‘Tìm kỹ khắp mười phương, hoàn toàn không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa.’ Đó là nói nghĩa này vậy. Liễu nghĩa, là liễu Tịnh độ kia chính là tự tâm ta, chẳng phải ở đâu xa; ngộ Di Đà kia chính là tự tánh ta, đâu có Phật nào khác. Như thế thì, thần thức gá nghìn cõi nước, thật ở ngay tại tâm mình; thể chất nương chín phẩm sen, đâu vượt khỏi khoảng sát-na. Cho nên kinh ghi: ‘Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật’, chính là chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sinh. Đại thừa liễu nghĩa há lại vượt hơn giáo nghĩa này ư?”

¹⁸² Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, quyển thượng, tr. 280a16: “Căn cứ theo giáo quán trong một đời của Đức Phật thì kinh A Di Đà là pháp Viên đốn Nhất Phật thừa, hoàn toàn không thuộc thừa nào khác. Pháp sư Từ Vân nói: ‘Soát hết Kinh bộ Tiểu thừa hoàn toàn không có một chữ nói về Tịnh Độ, huống gì nói đến chuyện khuyên vãng sinh. Lại nữa, trong Tiểu thừa không hề bàn luận đến Đức Phật khác, cũng không hề có một chữ nói về Phật A Di Đà. Thế thì, Tịnh độ A Di Đà một khi lọt vào tai, là đã gieo hạt giống Đại thừa thành Phật.’ Như vậy người không nghe, không tin, há chẳng phải mất mát lớn ư?”

(55)

Ngài Đại Trí (Luật sư Nguyên Chiếu) đề xướng:

“Viên đốn Nhất thừa¹⁸³, thuần nhất không tạp¹⁸⁴.”

(56)

Luật tông, pháp sư Giới Độ (đệ tử của ngài Nguyên Chiếu) nói:

“Danh hiệu Phật chính là vô số kiếp huân tu, nắm giữ muôn đức, sáng tỏ bốn chữ. Thế nên, xưng danh hiệu Phật thì được lợi ích rất nhiều.”¹⁸⁵

(57)

Luật tông, Pháp sư Dụng Khâm¹⁸⁶ nói:

¹⁸³ A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ, 1 quyển, ngài Linh Chi Nguyên Chiếu đời Tống soạn, thu vào Đại chánh tạng tập 37, cũng là sách chú thích bản dịch kinh A Di Đà của ngài Cư-ma-la-thập. Trước phần chánh văn, soạn giả lập ra bốn môn: giáo, lý, hành, quả.

(1) Giáo, chia làm hai thứ: Giáo hưng và Giáo tướng. Giáo hưng, trình bày ý nghĩa đức Như Lai ra đời, mục đích là khiến chúng sinh chán nỗi khổ Ta bà, hâm mộ Tịnh độ Cực Lạc, chấp trì danh hiệu mà được vãng sinh. Giáo tướng, nói rõ giáo môn Tịnh độ là pháp Đại thừa viên đốn thành Phật.

(2) Lý, là thể của giáo. Nói về nghĩa chung, Đại thừa là lý được giải thích rõ ràng (lý sở thuyết). Nói về nghĩa riêng, lấy công đức y báo, chánh báo trang nghiêm không thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà tu nhân cảm quả làm lý sở thuyết.

(3) Hành, là tông chỉ của giáo. Nói theo nghĩa chung, thì chỉ cho sáu độ muôn hạnh; nói theo nghĩa riêng, thì chỉ cho tịnh nghiệp. Kinh này chuyên nêu rõ pháp trì danh, đó chính là tông chỉ của kinh.

(4) Quả, là dụng của giáo. Quả gần, được thân pháp tánh, ở Tịnh độ Đồng cư. Quả xa, được Vô thượng Bồ-đề không trở lui, chứng pháp thân trong sạch, ở cõi Pháp tánh, rốt ráo thành Phật.

¹⁸⁴ Kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa: “Ngài tuyên thuyết chánh pháp (một cách) mà phần đầu, phần giữa, phần cuối, ba phần đều tuyệt hảo, nghĩa lý sâu xa, lời tiếng tuyệt diệu, thuần nhất không tạp, đủ hết sắc thái phạn hạnh trắng trong.” (H.T Thích Trí Quang dịch) Tông Thiên Thai cho cái tinh diệu của Pháp Hoa so với cái thô diệu của các kinh Phật nói trước kinh Pháp Hoa là diệu vị đề hồ thuần nhất không tạp, cho nên gọi là Thuần viên độc diệu (純圓獨妙).

¹⁸⁵ Quán Kinh Nghĩa Sớ Chánh Quán Ký (觀經義疏正觀記), cũng gọi Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ Chánh Quán Ký, Linh Chi Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ Chánh Quán Ký, gọi tắt là Chánh Quán Ký. Tác phẩm gồm 3 quyển, do ngài ới độ soạn vào đời Nam Tống, được thu vào Vạn Tục tạng tập 33, No. 411. Nội dung sách này chú thích bộ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của ngài Nguyên Chiếu đời Tống, có nêu ra ý chỉ (Vạn tục 33, 10 hạ): “Gắng tu chánh quán, mau rõ tâm này là Phật”. Lúc đầu, ngài Giới Độ định bác bỏ thuyết sai lầm Phụ chánh giải (輔正解) của ngài Đạo Nhân (道因), nên soạn Quán Vô Lượng Thọ Kinh Phù Tân Luận (觀無量壽經扶新論), sau lại soạn bộ Ký này để bổ túc những điểm còn thiếu sót. Đoạn trích ở quyển hạ.

“Nay nếu ta dùng tâm và miệng xưng niệm gia hiệu một Đức Phật, thì từ nhân đến quả, vô lượng công đức không thể không đầy đủ.”

(58)

Lại nói:

“Tất cả chư Phật trải qua kiếp số bụi trần, chứng ngộ thật tướng. Vì không chứng đắc gì cả, cho nên phát đại nguyện vô tướng, tu điều hạnh vô trú, chứng Bồ-đề vô đắc, trú quốc độ phi trang nghiêm¹⁸⁷. Vì biểu hiện thần thông ‘không thần thông’, cho nên tướng lưỡi trùm khắp đại thiên. Vì hiển thị lời nói ‘không lời nói’, cho nên khuyên hãy tin nhận kinh này. Há cho phép tâm nghĩ, miệng bàn ư? Nói riêng, chư Phật đều có công đức không thể nghĩ bàn, nếu trong chốc lát tiếp nhận y báo và chánh báo trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, trì danh hành pháp, thì chư Phật ấy cũng phải được Đức Phật A Di Đà thu nhận.”

(59)

Tam luận tông, Tổ sư Gia Tường¹⁸⁸ nói:

¹⁸⁶ Dụng Khâm (用欽): Vị tăng đời Nam Tống. Lúc đầu theo ngài Nguyên Chiếu học Luật ở chùa Linh Chi, giữ gìn kính cẩn, được mọi người quý mến. Một hôm, Sư nghe lời ngài Nguyên Chiếu dạy chúng tăng: Sống truyền bá Tỳ-ni, chết sinh về An dưỡng, Sư liền theo lời dạy ấy mà nguyện vãng sinh Tịnh độ, một lòng kiên định, không lui sụt. Về sau, Sư mở đạo tràng, ở viện Thất Bảo tại Tiền Đường, mỗi ngày niệm Phật ba vạn câu. Một hôm, thần thức của Sư đến Tịnh độ, thấy các tướng lạ của Phật và Bồ-tát, mới bảo thị giả, ngày mai ta sẽ về Tây phương. Rồi Sư cho họp chúng niệm Phật, sáng hôm sau Sư ngồi xếp bằng chấp tay hướng về Tây mà tịch, không rõ tuổi thọ. Sư để lại các tác phẩm: A Di Đà Kinh Sớ Siêu Huyền Ký (阿彌陀經疏超玄記) 1 quyển, Quán Kinh Sớ Bạch Liên Ký (觀經疏白蓮記) 4 quyển.

¹⁸⁷ Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật: “Trang nghiêm Phật độ, là phi trang nghiêm, gọi đó là trang nghiêm.”

¹⁸⁸ Cát Tạng (吉藏, 549 - 623): Là một trong 25 đồ đệ xuất sắc của Pháp Lăng (道朗). Ông sống vào đời Tùy, quê ở Kim Lăng, họ An Thế, tổ tiên là người An Túc (dân tộc Hồ) nên gọi là An Cát Tạng hoặc Hồ Cát Tạng. Thuở nhỏ, ông theo cha học đạo với ngài Chân Đế (Paramārtha), được ban hiệu là Cát Tạng. Đến năm 13 tuổi (có thuyết nói 7 tuổi), ông theo học Tam luận với Pháp Lăng. Năm 19 tuổi bắt đầu đi thuyết giảng. Năm 32 tuổi, sau khi thầy tịch, Cát Tạng về hành đạo ở chùa Gia Tường, Cối Khê, tỉnh Chiết Giang. Vì mỗi pháp hội của Sư có hơn ngàn thính giả, nên được gọi là Gia Tường Đại sư (嘉祥大師). Về công trình nghiên cứu của Sư, gồm Tam Luận Huyền Nghĩa, Đại Thừa Huyền Luận, Nhị Đế Chương, 7 sớ giải về kinh Pháp Hoa, 2 tác phẩm sớ giải về kinh Niết Bàn, Đại Bát Nhã, và 120 quyển sớ giải về kinh Hoa Nghiêm, Thắng Man, Tịnh Danh, Đại Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ. Sư đã từng biện luận với Tam quốc luận sư Tăng Xán. Năm 618, Sư là một trong 10 vị thầy được vua Cao Tổ tuyển làm Quán tăng. Tháng 5 năm 623, trước khi viên tịch, tầm gọi xong, sư viết bài Tử Bất Bố Luận (死不怖論) rồi tịch.

“Hỏi: Nhân gì mà niệm Phật tam-muội diệt trừ được nhiều tội như thế? Giải rằng: Đức Phật có vô lượng công đức, niệm Phật cũng được vô lượng công đức, cho nên diệt trừ được vô lượng tội.”¹⁸⁹

(60)

Pháp tướng tông, Tổ sư Pháp Vị nói:

“Chư Phật đều có tên là Đức Thích. Xưng danh tức là xưng đức. Đức có thể diệt tội sinh phước, danh cũng như thế. Nếu tin danh hiệu Phật, thì có thể sinh thiện diệt tội, quyết định không nghi. Xưng danh được vãng sinh, điều này còn nghi ngờ gì nữa!”¹⁹⁰

(61)

Thiền Tông, ngài Phi Tích¹⁹¹ nói:

“Niệm Phật Tam-muội là điều thiện tối thượng, là hạnh đầu trong muôn hạnh, nên gọi là vua Tam-muội vậy.”¹⁹²

¹⁸⁹ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ (觀無量壽經義疏), No. 1752, Cát Tạng soạn, tr. 242c19.

¹⁹⁰ Pháp Vị (法位): Nhà sư nước Tân La (Cao Ly), ngày sinh và mất không rõ, khoảng thế kỷ thứ 7. Huyền Nhất (玄一) và Cảnh Hưng (憬興) trích dẫn tác phẩm của Pháp Vị, và được coi là lớn tuổi hơn họ. Pháp Vị là tác giả của Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ (無量壽經義疏) và Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ (觀無量壽經義疏), nhưng chúng đã bị thất lạc. Tuy nhiên, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ đã được trích dẫn trong nhiều chú sớ khác, bao gồm cả An Lạc Tập (安養集), và hầu hết nó đã được khôi phục dựa trên những trích dẫn này. Từ bản phục chế, có thể suy ra rằng tư tưởng Tịnh độ của Pháp Vị dựa trên lý thuyết của ngài Tịnh Ảnh Tuệ Viễn.

¹⁹¹ Phi Tích (飛錫): Nhà sư đời Đường. Nơi sinh, ngày sinh và ngày mất của ông là không rõ. Khí phách hiên ngang, lượng kiến thức uyên bác, thông thạo Nho giáo và Mặc gia, rất giỏi viết lách. Từng nghiên cứu Luật nghi, sau đó thực hành Mật giáo, và thân chứng nhiều chỗ. Vào năm Vĩnh Thái thứ nhất (765), phụng chiếu vua Đường Đại Tông (唐代宗), Sư cùng Lương Bí (良贇) và mười sáu người, tham gia dịch trường của nhà đại dịch kinh Bất Không (不空) người Bắc Thiên Trúc, ở trong cung Đại Minh. Tác phẩm dịch thuật có Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Kinh (仁王護國般若經) 2 quyển, Mật Nghiêm Kinh (密嚴經) 3 quyển, v.v. Sư cũng đã viết Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận (念佛三昧寶王論) 3 quyển, để tuyên dương Tịnh độ. Ngoài ra, còn có bộ Vô Thượng Thâm Diệu Thiền Môn Truyền Tập Pháp Bảo (無上深妙禪門傳集法寶) 1 quyển, và Thệ Vãng Sinh Tịnh Độ Văn (誓往生淨土文) 1 quyển.

¹⁹² Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận (念佛三昧寶王論), No. 1967, ngài Phi Tích soạn, quyển thượng, tr. 136c23.

(62)

Vãng Sinh Yếu Tập nói:

“(2) Kinh Song Quyển¹⁹³ nói, nghiệp của ba hạng người [vãng sinh] tuy có cạn sâu, nhưng cả ba đều “*nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật*”. (3) Trong bốn mươi tám nguyện, đối với pháp môn niệm Phật, [Đức Phật A Di Đà] riêng phát một nguyện rằng, “*Nhẫn đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*” (4) Quán Kinh nói: Người ác cực trọng, không cách nào khác, chỉ xưng Di Đà, được sinh Cực Lạc.^{194,195}

(63)

Lại nói:

“Nên y theo sáu thứ công đức [vi diệu] được thuyết trong kinh Tâm Địa Quán: (1) *Bậc vô thượng có ruộng công đức lớn lao; (2) Bậc vô thượng có ân đức lớn lao; (3) Bậc tôn cao trong chúng sinh không chân, hai chân và nhiều chân; (4)*

¹⁹³ Song Quyển Kinh (雙卷經): dị danh của Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh. Bản kinh này là kinh nói về Tịnh độ quán hạnh, nên gọi là Quán kinh. Có hai quyển, nên gọi là Song, để phân biệt với Quán Vô Lượng Thọ Kinh, 1 quyển. Sách Vãng Sinh Thập Nhân (往生十因), do ngài Vĩnh Quán (永觀, 1033 - 1111) soạn, ban đầu ghi là “Song Quán Kinh” (雙觀經), sau ghi là “Song Quyển Kinh”. Vãng Sinh Thập Nhân nêu 10 lý do quyết định vãng sinh: (1) Quảng đại thiện căn; (2) Chúng tội tiêu diệt; (3) Túc duyên sâu dày; (4) Quang minh nhiếp thủ; (5) Thánh chúng hộ trì; (6) Cực Lạc hóa chủ; (7) Tam nghiệp tương ưng; (8) Tam-muội chứng đắc; (9) Pháp thân đồng thể; (10) Tùy thuận bản nguyện.

¹⁹⁴ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Người này lúc lâm chung, gặp thiện tri thức vì họ mà nói mười hai bộ Kinh Đại Thừa danh tự đầu đề. Do nghe tên các kinh như vậy, dứt trừ ngàn kiếp ác nghiệp cực trọng. Trí giả lại bảo chấp tay xếp cánh, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật nên trừ năm mươi ức kiếp tội sanh tử. Lúc ấy Phật A Di Đà liền sai Hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí đến trước hành giả, khen rằng: ‘Này thiện nam tử! Vì ngươi xưng danh hiệu Phật, các tội tiêu diệt, ta đến rước ngươi’. Nghe lời nói ấy rồi, hành giả liền thấy quang minh của Hóa Phật chiếu sáng cả nhà. Thấy rồi hoan hỉ mạng chung, ngồi bửu liên hoa theo sau Hóa Phật, sanh trong ao báu Cực Lạc thế giới.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

¹⁹⁵ Vãng Sinh Yếu Tập (往生要集), No. 2682, 3 quyển, quyển hạ, tr. 77a16, do Nguyên Tín (源信, 942 - 1017) soạn, Tổ của dòng Huệ Tâm, thường gọi là Huệ Tâm Tăng Đô (惠心僧都). Nội dung sách gom tập những yếu nghĩa vãng sinh trong hơn 160 bộ kinh, luận, chú sớ để trình bày tư tưởng Tịnh độ. Ngài Nguyên Tín được Tịnh độ Chân tông Nhật Bản tôn xưng là Đệ nhất Tổ. Tuy rằng thời gian kế tiếp cả hơn 200 năm sau mới có Đệ nhị Tổ là Ngài Pháp Nhiên ra đời. Tịnh độ tông Nhật bản có sự truyền thừa mạch lạc như sau: Đệ nhất Tổ là ngài Long Thọ (Ấn Độ), Đệ nhị Tổ là ngài Thế Thân (Ấn Độ), Đệ tam Tổ là ngài Đàm Loan (Trung Quốc), Đệ tứ Tổ là ngài Đạo Xước (Trung Quốc), Đệ ngũ Tổ là ngài Thiện Đạo (Trung Quốc), Đệ lục Tổ và cũng là Sơ Tổ của Tịnh độ tông Nhật Bản là ngài Nguyên Tín (Nhật Bản), Đệ thất Tổ và cũng là Đệ nhị Tổ của Tịnh độ tông Nhật Bản là ngài Pháp Nhiên (Nhật Bản), Đệ bát Tổ và cũng là Sơ Tổ của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản là ngài Thân Loan (Nhật Bản).

*Bạc rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm; (5) Bạc độc nhất xuất hiện trong Tam thiên đại thiên thế giới; (6) Bạc viên mãn tất cả công đức mà thế gian và xuất thế gian đều y theo để làm thành mọi sự nghĩa. Do đầy đủ sáu thứ công đức như thế và thường đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh, [gọi đó là ‘bất tư nghị ân của Phật bảo.’]*¹⁹⁶

(64)

Y theo sáu công đức này, Hòa thượng Tín nói:

“Một nên niệm: ‘*Một xưng Nam mô Phật, đều đã thành Phật đạo*’¹⁹⁷, nên con quy mạng lễ, ‘*Ruộng công đức vô thượng*’. Hai nên niệm: ‘*Mắt thương nhìn chúng sinh, bình đẳng như con một*’¹⁹⁸, nên con quy mạng lễ, ‘*Mẹ từ bi cực đại*’. Ba nên niệm: Mười phương chư Đại sĩ, cung kính Di Đà tôn, nên con quy mạng lễ, ‘*Bạc phước trí toàn hảo*’¹⁹⁹. Bốn nên niệm: Một phen nghe Phật danh, Hơn cả hoa Ưu-đàm, nên con quy mạng lễ, ‘*Bạc rất khó gặp gỡ*’. Năm nên niệm: Một trăm câu-chi giới²⁰⁰, Hai Phật không cùng hiện, nên con quy mạng lễ, ‘*Đại pháp vương hy hữu*’. Sáu nên niệm: Phật pháp: biến chúng đức, Ba đời đồng một thể, nên con quy mạng lễ, ‘*Đấng viên dung vạn đức*’.”²⁰¹

(65)

¹⁹⁶ Ibid., tr. 48a08. Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán Kinh (大乘本生心地觀經), No. 159, do ngài Bát-nhã (般若, 734-?) dịch, phẩm Báo Ân, tr. 299b05.

¹⁹⁷ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, tr. 9a25: Nhất xưng nam mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo. (一稱南無佛, 皆已成佛道).

¹⁹⁸ Thắng Quân Bất Động Minh Vương Tứ Thập Bát Sử Giả Bí Mật Thành Tựu Nghi Quỹ (勝軍不動明王四十八使者秘密成就儀軌), No. 1205, Biện Trí và Bất Không biên tập, tr. 35b22: Từ nhãn thị chúng sinh, bình đẳng như nhất tử (慈眼視衆生, 平等如一子).

¹⁹⁹ Vô thượng lưỡng túc tôn (無上兩足尊). Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện: “Đấng vô thượng Lưỡng túc, Xin nói pháp đệ nhất, Con là trưởng tử Phật, Xin thương phân biệt nói.”

²⁰⁰ Câu-chi (俱胝, sa. Koṭi): đơn vị chỉ số lượng của Ấn Độ, là số nghìn vạn hoặc ức của Trung Quốc. Trăm câu-chi giới tương đương Tam thiên đại thiên thế giới.

²⁰¹ Ibid., quyển thượng, tr. 48a14.

Lại nói:

“Hoa của cây Ba-lợi-chất-đa xông thơm y phục trong một ngày; hoa Chiêm-bạc và hoa Bà-sur-ca đầu ngàn năm xông thơm cũng không thể sánh bằng.”²⁰²

(66)

Lại nói:

“Một cân thạch châm có thể biến ngàn cân đồng thành vàng.²⁰³ Núi tuyết có thứ cỏ tên là Nhãn nhục, trâu ăn vào thì cho ra đề hồ.²⁰⁴ Cây Thi-lợi-sa²⁰⁵ khi gặp sao Mão thì cho ra quả thực sự.”²⁰⁶

²⁰² Ibid., quyển thượng, tr. 51b14. “Hoa của cây Ba-lợi chất-đa (...) Hoa Bồ-đề tâm cũng lại như vậy, một ngày được xông bằng hương công đức, thì thơm thấu mười phương quốc độ chư Phật. Hàng Thanh văn, Duyên giác đem trí vô lậu để xông hương các công đức [được thực hiện bằng Bồ-đề tâm] suốt trăm ngàn kiếp cũng không sánh bằng.”

²⁰³ Arthur Waley, một nhà Hán học người Anh, lần đầu tiên chú ý đến những ghi chép Phật giáo về thuật giả kim, ông đã tìm thấy 7 ghi chép từ bốn bản dịch kinh Phật bằng tiếng Trung. Theo luận án của mình, tác giả hiện đã tìm ra nguồn gốc và văn bản gốc của những ghi chép này, và liệt kê chúng như sau:

1. Kinh Hoa Nghiêm, No. 279, Thật-xoa-nan-đà dịch năm 695-699: “Như có một loại nước thuốc tên là Ha-trạch-ca, người ta có được nó, dùng một lượng nước thuốc ấy có thể biến ngàn lượng đồng thành vàng thật. Không phải ngàn lượng đồng có thể biến nước thuốc này [thành vàng]. (quyển 78, tr. 432b23)

2. Luận Đại Trí Độ, No. 1509, Cư-u-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần năm 402-405:

(1) “Chú thuật dược thảo có thể biến đồng thành vàng.” (quyển 16, tr. 178a27)

(2) “Ví dụ, một người biết công nghệ có khả năng biến bạc thành vàng và vàng thành bạc, nhờ sức mạnh của thuốc.” (quyển 18, tr. 195c07)

(3) “Ví dụ, một người có thần thông có khả năng biến ngói và đá thành vàng.” (quyển 32, tr. 298b24)

(4) Ví dụ, một cân thạch châm có thể biến một nghìn cân đồng thành vàng. (quyển 47, 401a27)

3. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích của Thế Thân, No. 1597, Huyền Trang dịch khoảng năm 650: “Nếu bạn muốn biến đất thành vàng và các bảo vật khác, bạn có thể tùy ý làm.” (quyển 7, tr. 358b21)

4. Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, No. 1545, Huyền Trang dịch năm 656 – 659: “Vả lại, sự việc bên ngoài là như Già-lặc-ca cùng với bề tôi Hoài Nguyệt, đã học phương pháp chế tạo vàng trong mười hai năm. Ban đầu họ làm được một hạt vàng to bằng hạt lúa mạch, nên thầy trò liền hét lên: Bây giờ chúng ta có thể làm ra núi vàng.” (quyển 80, tr. 414c22)

Thời gian biên soạn chính xác các văn bản gốc tiếng Phạn của bốn bản kinh do Trung Quốc dịch ở trên là không chắc chắn, nhưng về cơ bản chúng sớm hơn nhiều so với thời nhà Đường. Waley đã lầm tưởng rằng những ghi chép trong bản dịch Kinh Hoa Nghiêm của Thật-xoa-nan-đà không được tìm thấy trong bản dịch của Phật-đà-bạt-đà-la thời Đông Tấn (No. 278, dịch vào năm 418 & 421), và do đó tin rằng phần nội dung này phải muộn hơn bản Tấn. Thật ra, trong quyển 59 của bản dịch Phật-đà-bạt-đà-la cũng có ghi chép tương tự: “Ví như một lạng thuốc A-la-sa có thể biến ngàn lạng đồng thành vàng thật, và phần thuốc ấy cũng không mất mát gì.” (tr. 778b16) Bản dịch Hoa Nghiêm của Bát-nhã (dịch vào năm 759 & 798) quyển 36, cũng nói: “Như có một loại nước thuốc tên là Ha-trích-ca, người ta có được nó, dùng một lượng nước thuốc ấy có thể biến ngàn lượng đồng thành vàng thật. Không

(67)

Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập²⁰⁷ nói:

phải ngàn lượng đồng có thể biến nước thuốc này [thành vàng]." (tr. 828b07) Trong Hoa Nghiêm Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao (華嚴經隨疏演義鈔, No. 1736) ngài Trùng Quán đã so sánh loại dược châm được nói trong kinh Hoa Nghiêm với 'cửu chuyển hoàn đan' của Đạo giáo: "Dược châm tên là Ha-trạch-ca, đây gọi là loại nước màu vàng kim, thậm chí còn mạnh hơn cửu chuyển hoàn đan." (quyển 89, tr. 694c15) Trên thực tế, nội dung liên quan đến thuật giả kim xuất hiện trong một số kinh điển Phật giáo trước đó không phải là hiếm, và còn có những ví dụ khác. Ví dụ, quyển 16 của luận Đại Trí Độ nói: "Xuống dưới biển cả tìm các loại bảo vật; leo núi cao vót tìm diệu dược; vào hang đá sâu tìm các loại dị vật, thạch chấp, trân bảo, để bố thí cho chúng sinh. ... Dược thảo, chú thuật, khiến đồng biến thành vàng, như vậy các thứ biến hóa, trao các tài vật và vật vô chủ bốn phương, để chu cấp cho chúng sinh." (tr. 178a23) Quyển 28 ghi: "Thạch châm (nhựa đá) làm ra vàng, vàng hư rồi thành đồng, hoặc trở lại thành đá." (tr. 264c13) Lại nữa: "Hãy biến vàng thành đá vụn, đá vụn thành vàng, những vật đó có thể chuyển hóa cho nhau." (tr. 264b24)

²⁰⁴ Kinh Đại Bát Niết-bàn, No. 374, do Đàm Vô Sấm dịch, phẩm Bồ-tát Sư Tử Hống, tr. 525c25: "Này thiện nam tử! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục, trâu ăn vào thì cho ra đề hồ. Ở đó lại có thứ cỏ khác, trâu nếu ăn thì không có đề hồ. Tuy không đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng, trong núi Tuyết không có cỏ Nhẫn Nhục. Phật tính cũng vậy, núi Tuyết là gọi Như Lai, cỏ Nhẫn Nhục là gọi Đại Niết Bàn, cỏ khác là mười hai bộ Kinh. Chúng sinh nếu có thể thính thọ, hỏi han, gợi mở Đại Bát Niết Bàn thì thấy Phật tính. Trong mười hai bộ Kinh, tuy chẳng nghe nói có nhưng chẳng thể nói rằng, không Phật tính vậy." (Cư sĩ Tuệ Khai dịch)

²⁰⁵ Kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 573a21: "Bốn đại cũng lại như vậy. Nếu nói từ bốn đại bên ngoài tầng trường bốn đại bên trong, chẳng thấy từ bốn đại bên trong tầng trường bốn đại bên ngoài. Như trái cây Thi lợi sa, trước không hình chất nhưng khi có sao Mão thì trái sinh ra lớn đủ năm tấc. Quả (trái) như vậy thì thật chẳng nhân vào bốn đại bên ngoài mà lớn." (Cư sĩ Tuệ Khai dịch)

²⁰⁶ Ibid., quyển thượng, tr. 48a02-07. Nhựa Thạch châm dụ cho tác dụng diệt tội. Cỏ Nhẫn nhục và cây Nguyệt-lợi-sa (尸利沙) dụ cho tác dụng sinh thiện.

²⁰⁷ Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập (選擇本願念佛集), No. 2608, tông điển căn bản của Tịnh độ tông Nhật Bản, thuật về yếu chỉ sâu xa của bản nguyện do đức Phật A Di Đà tuyển chọn, và thuyết về việc pháp môn Niệm Phật là giáo lý tương ứng với thời mạt pháp; do Nguyên Không (源空), tức Pháp Nhiên (法然, 1133 - 1212) soạn, 1 quyển; được soạn thuật vào năm Kiến Cửu (建久) thứ 9 (1198) thể theo lời thỉnh cầu của Cửu Điều Kiên Thật (九條兼實, Kujō Kanezane). Thông thường, tác phẩm này được gọi tắt là Tuyển Trạch Tập (選擇集). Cơ sở soạn thuật Tuyển Trạch Tập được xem như có trong tác phẩm Nghịch Tu Thuyết Pháp (逆修說法) cũng như Tam Bộ Kinh Thích (三部經釋), cho nên nó được hình thành trước khi đem ra giảng thuyết ở Đông Đại Tự (東大寺) vào năm đầu niên hiệu Kiến Cửu (1190). Bản thảo hiện tồn ở Lô Sơn Tự (盧山寺), Kyoto. Đầu đề hàng chữ "Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập (選擇本願念佛集)", "Nam Mô A Di Đà Phật, Vãng Sanh Chi Nghiệp Niệm Phật Vi Tiên (南無阿彌陀佛、往生之業念佛為先)" tương truyền do chính tay Nguyên Không viết. Nội dung của thư tịch này được chia làm 16 chương: (1) Hai Môn (二門), (2) Hai Hạnh (二行), (3) Bản Nguyện (本願), (4) Ba Hạng Người (三輩), (5) Niệm Phật Lợi Ích (念佛利益), (6) Đặc Lưu (特留), (7) Nhiếp Thủ (攝取), (8) Ba Tâm (三心), (9) Bốn Tu (四修章), (10) Hòa Tán (和讚), (11) Ước Đối (約對), (12) Phó Chúc (付囑), (13) Đa Thiện (多善), (14) Chứng Thành (証誠), (15) Hộ Niệm (護念), (16) Ân Cần (慇懃). Hầu hết các chương đều có trích dẫn văn trong 3 bộ kinh của Tịnh Độ, thuật rõ ý kinh theo giải thích của Đại Sư Thiện Đạo, nêu rõ yếu chỉ đức Phật A Di Đà tuyển chọn chỉ một hạnh Niệm Phật trong muôn vàn pháp môn của Phật đạo, và chính đó là pháp môn duy nhất có thể giúp chúng sinh vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Căn cứ của chủ trương này thông qua quá trình chọn lựa ba tầng, được thể hiện mang tính lý luận, tức làm sáng tỏ vấn đề chính một hạnh Xưng Danh là Chánh định nghiệp. Nhờ chuyên tu Chánh định nghiệp này mà được an tâm, như trong đoạn văn khai tông của Quán Kinh Sớ (觀經疏) có giải thích lập trường căn bản là: "Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Di Đà, chẳng kể xa gần, thời gian khi đi đứng nằm ngồi, người không xả từng

“**Nam mô A Di Đà Phật** – Chánh nghiệp vãng sinh lấy niệm Phật làm căn bản.”

(68)

Lại nói:

“Muốn mau thoát sinh tử
Trong hai thứ thắng pháp
Nên bỏ môn Thánh đạo²⁰⁸
Mà chọn môn Tịnh độ.
Muốn vào môn Tịnh độ
Trong hai hạnh chánh tạp
Hãy bỏ các tạp hạnh
Chọn về đúng chánh hạnh.²⁰⁹
Nếu muốn tu chánh hạnh

niệm, đây gọi là Nghiệp chánh định; vì lẽ thuận theo nguyện của đức Phật kia.” Tuyển Trạch Tập có thể được xem như là thư tịch làm sáng tỏ một cách có hệ thống nội dung khai tông của Tịnh độ tông. Sau khi Nguyên Không qua đời, sách này được khai bản, nhưng gặp phải khá nhiều phản ứng mạnh, như Cao Biện (高辨) ở Mẫu Vĩ (姆尾, Tsugao), Định Chiếu (定照) ở Tinh Hạ (并榎, Namie), v.v., bị phía Thánh Đạo Môn công kích mãnh liệt. Tuy nhiên, chính tác phẩm này đã mang lại ảnh hưởng vô cùng to lớn cho Phật Giáo Liêm Thương. Tuyển Trạch Tập được truyền thừa như là điển tịch trọng yếu của chư Tổ; nhưng chung quanh việc giải thích của môn hạ Nguyên Không về thư tịch, lại nảy sinh đối lập, và cuối cùng phát triển thành nhiều dòng phái khác nhau. Chính sự đối lập này càng tăng lên thì nhiều sách chú thích về thư tịch này càng xuất hiện, thậm chí lên đến 521 bộ. Riêng trong Chân Tông đã có 266 bộ. Nguyên bản hiện được bảo tồn tại Lô Sơn Tự. Tuyển Trạch Tập được thu tập vào trong Pháp Nhiên Thượng Nhân Toàn Tập (法然上人全集) của Thạch Tỉnh Giáo Đạo (石井教道, Ishi Kyōdō), Tịnh Độ Tông Toàn Thư (淨土宗全書). [Phật Học Tinh Tuyển]

²⁰⁸ Tuyển Trạch Tập, phẩm Hai Môn: “Pháp tu Thánh đạo, hiện nay rất khó chứng đắc, một là vì thời đại đã cách Phật rất lâu xa, hai là do nghĩa lý Đại thừa sâu xa khó hiểu. Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng có nói: “*Trong thời mạt pháp, có ước ước chúng sinh phát tâm tu hành, nhưng có rất ít người đắc đạo.*” (tr. 1b11) Theo ngài Nguyên Không, Thánh đạo là giáo pháp Đại thừa và Tiểu thừa. Đại thừa giáo có Hiển, Mật, Quyền, Thật, chi tiết thì có 8 tông phái: Chân Ngôn, Thiền, Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, Địa Luận, Nhiếp Luận. Tiểu thừa giáo. Tiểu thừa giáo bao gồm các tông phái như Luật tông, Câu-xá tông và Thành Thật tông.

²⁰⁹ Năm chánh hạnh (五正行) do tông Tịnh độ lập ra cho người tu hành pháp môn niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ. Đó là: 1. Chánh hạnh đọc tụng; 2. Chánh hạnh quán xét; 3. Chánh hạnh lễ bái; 4. Chánh hạnh xưng danh; 5. Chánh hạnh tán thán cúng dường. Năm hạnh này căn cứ vào 3 bộ kinh Tịnh độ, chỉ thực hành những hạnh hướng về Đức Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc phương Tây, cho nên gọi là Chánh hạnh. Trái lại, làm 5 việc trên đối với các Đức Phật khác, Bồ-tát khác thì gọi là Tạp hạnh.

Trong hai nghiệp chánh trợ
Gạt một bên trợ nghiệp
Chọn chuyên tu chánh định.²¹⁰
Và nghiệp của chánh định
Tức là xưng danh Phật
Xưng danh ắt vãng sinh
Vì nương bản nguyện Phật.’²¹¹

(69)

Biết rõ, đó chẳng phải là hạnh tự lực của phàm Thánh, nên gọi là hạnh Bất hồi hướng.²¹² Bậc Thánh lớn nhỏ, kẻ ác nặng nhẹ²¹³, đều cùng nhau trở về biển cả ‘tuyển trạch đại bảo’²¹⁴, niệm Phật thành Phật.

²¹⁰ Bốn trong năm chánh hạnh là phụ trợ, và chánh hạnh còn lại là quan trọng nhất. Sau đó, hãy tạm gác bốn hạnh đó sang một bên và tập trung vào hạnh cơ bản và quan trọng nhất, đó là xưng danh.

²¹¹ Ibid., chương Ân Cần Phó Chúc, tr. 18c19.

²¹² Bất hồi hướng (不回向): Tiếng dùng của Phật giáo Nhật bản. Môn Tịnh độ lập ra hai thứ hồi hướng: (1) Vãng tướng hồi hướng (nguyện đem công đức đã tu hồi hướng đạo Bồ đề để được sinh về Tịnh độ); (2) Hoàn tướng hồi hướng (nguyện sau khi thành Phật trở lại đường sinh tử, giáo hóa hết thảy chúng sinh). Nhưng, Tịnh độ Chân tông thì chủ trương, chỉ cần một niềm tin chí thành, tha thiết là hai thứ hồi hướng trên đều do Đức Phật A Di Đà hồi hướng cho người tu hành, chứ người tu hành thì không cần phải hồi hướng, nên gọi là Bất hồi hướng. Bất hồi hướng là pháp tha lực, hiển bày chỗ cùng tốt của tha lực. Thế nên, niệm Phật tha lực (tuyệt đối tin tưởng vào sự cứu vớt của Phật A Di Đà) gọi là hạnh Bất hồi hướng.

²¹³ Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà là cứu độ những kẻ ác tội lỗi, và những kẻ ác đó là những người có khả năng và phẩm chất nghe lời Phật dạy và đạt được giác ngộ, đáng được vãng sinh. Đây là nền tảng tư tưởng của Thân Loan.

²¹⁴ Sau pháp nạn Thừa Nguyên (承元), Thân Loan rời Kinh đô (Kyoto) ở tuổi 35 và bị đày đến Việt Hậu (越後, Etsugo). Trong 7 năm cho đến khi Ngài rời đi Quan Đông (關東, Kanto) vào năm 42 tuổi. Trong khi ngắm nhìn biển Nhật Bản yên lặng và sôi động vào mỗi mùa, Ngài đã bày tỏ thế giới của lòng từ bi sâu xa và không thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà là "biển", và Thân Loan cũng dùng từ "biển" để mô tả thế giới của những ham muốn trần tục, mê muội không đáy của chúng ta. Pháp ngữ "biển" trong Giáo Hành Tín Chứng như sau: (1) Căn cơ: nan độ hải (難度海), quần sinh hải (群生海), Nhất thiết quần sinh hải (一切群生海), vô minh hải (無明海), ngu si hải (愚癡海), phiền não hải (煩惱海), sinh tử hải (生死海), chư hữu hải (諸有海), chư hữu quần sinh hải (諸有群生海), Nhất thiết khổ não chúng sinh hải (一切苦惱衆生海), ái dục quảng hải (愛欲廣海), sinh tử đại hải (生死大海), khổ hải (苦海), Nhất thiết phiền não ác nghiệp tà trí quần sinh hải (一切煩惱惡業邪智群生海). (2) Giáo pháp: đức hải (德海), bảo hải (寶海), công đức bảo hải (功德寶海), công đức đại bảo hải (功德大寶海), tuyển trạch đại bảo hải (選擇大寶海), vạn đức đại bảo hải (萬德大寶海), từ bi hải (慈悲海), trí tuệ hải (智慧海), pháp môn hải (法門海), chúng đức hải (衆德海), chân như hải

(70)

Thế nên, Luận Chú viết:

“Quốc độ An Lạc kia, ai cũng được hóa sinh trong hoa sen thanh tịnh chánh giác của A Di Đà Như Lai, vì cùng niệm một Phật, không có con đường riêng.”²¹⁵

(71)

Như vậy, người có được hành tín chân thật, thì tâm nhiều hoan hỷ, đó gọi là Hoan hỷ địa. Đây là dụ cho Sơ quả. “*Thánh giả Sơ quả giả sử còn thụy miên, giải đãi, thì không đến được hai mươi chín hữu.*”²¹⁶ Huống chi biển cả ‘quần sinh mười phương’ đều quy mạng Đức Phật, và Ngài nhiếp thủ không bỏ người hành tín chân thật ấy, nên gọi là Đức Phật A Di Đà. Đó gọi là tha lực. Vì thế, Đại sĩ Long Thọ nói là “*tức thời nhập Tát đĩnh*”²¹⁷, Đại sư Đàm Loan gọi là “*số người nhập chánh đĩnh tự*”²¹⁸. Kính mộ thì nên nương tựa đây, chuyên tâm thì nên thực hành đây.

(真如海), quang minh quảng hải (光明廣海), thanh tịnh trí hải (清淨智海), nguyện hải (願海), đại bi nguyện hải (大悲願海), tuyển trạch nguyện hải (選擇願海), đại trí nguyện hải (大智願海), nhất thừa hải (一乘海), bản nguyện nhất thừa hải (本願一乘海), hoằng thệ nhất thừa hải (弘誓一乘海), tín hải (信海), tín tâm hải (信心海), đại tín hải (大信海), đại tín tâm hải (大信心海), vô ngại đại tín tâm hải (無礙大信心海), đại trí hải (大智海), nan tư pháp hải (難思法海), bất khả tư nghị nguyện hải (不可思議願海), bất khả tư nghị đức hải (不可思議德海).

²¹⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 838b02, giải thích câu kệ: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh giác hoa hóa sinh” (如來淨華眾, 正覺華化生). Thánh chúng của A Di Đà Như Lai đều hóa sinh trong hoa sen thanh tịnh, nên nói ‘Như Lai tịnh hoa chúng’. Hoa sen ấy là kết quả của sự hoàn thành bản nguyện của Như Lai mà thành ngôi Chánh giác, nên nói ‘Chánh giác hoa’. Bất luận căn cơ người niệm Phật như nào, không phân biệt trí ngu, thiện ác, già trẻ, chỉ cần phải thành tâm niệm Phật, thì có được công đức đồng nhất. Tọa sinh về các thế giới bằng thai, noãn, thấp hay hóa, quyển thuộc bao nhiêu, khổ sướng vạn kiểu, đó là do tạp nghiệp. Chánh nhân sinh về Cực Lạc là một hạnh niệm Phật, cho nên thuần một hóa sinh. Tịnh và uế là nhân quả tương đối, cho nên nói “không có con đường riêng”.

²¹⁶ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 1, tr. 25c27. Thánh giả Sơ quả lấy 28 hữu làm cực độ, không có 29 hữu.

²¹⁷ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 5, tr. 43a20.

²¹⁸ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838a14: “Kinh nói: Nếu người nào chỉ nghe về sự thanh tịnh an lạc của cõi nước kia, khắc niệm nguyện sinh, cũng được vãng sinh, liền nhập chánh đĩnh tự.” Chánh đĩnh tự, tức là A-bệ-bạt-trí, là Bất thối chuyển.

(72)

Thật biết, không có đức hiệu của Từ phụ thì thiếu sót nhân năng sinh; không có quang minh của Bi mẫu thì trái ngược duyên sở sinh. Nhân duyên năng sở tuy có thể hòa hợp, nhưng không có tín tâm và nghiệp thức thì không đến được cõi quang minh. Chân thật tín tâm và nghiệp thức, đây là nội nhân; danh hiệu của cha và quang minh của mẹ, đây là ngoại duyên. Nhân duyên nội ngoại hòa hợp, thì đắc chứng báo độ, chân thân. Cho nên Tông sư nói: “*Dùng quang minh và danh hiệu để nhiếp hoá mười phương, chỉ muốn chúng sinh tín tâm, cầu sinh, xưng niệm.*”²¹⁹ Lại nói: “*Niệm Phật thành Phật là Chân tông.*”²²⁰ Lại nói: “*Chân tông khó gặp.*”²²¹ Đáng biết.

(73)

Nói về hành và tín của Vãng tướng hồi hương: hành có một niệm, và tín có một niệm. Một niệm của hành là “con số biến xưng danh”, là chỉ bày và lựa chọn sự “dị hành chí cực”²²².

(74)

Cho nên kinh Đại Bản nói:

“*Phật bảo Di Lặc: Có ai được nghe danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ mà hoan hỷ phấn chấn, dù chỉ một niệm, phải biết người ấy đã được lợi lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.*”²²³

²¹⁹ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 439b12.

²²⁰ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lược Pháp Sự Nghi Tán (淨土五會念佛略法事儀讚), No. 1983, Sa-môn Pháp Chiếu thuật, tr. 479c17.

²²¹ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 4, phần Tán thiện nghĩa, tr. 278b13.

²²² Dị hành chí cực (易行至極): Dễ làm tốt cùng. Bất kể ai, khi nào, ở đâu, lý do là gì, mọi người có thể xưng danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Việc dễ làm trong những việc dễ làm không gì bằng “bản nguyện xưng danh”.

²²³ Phật thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, No. 360, Pháp sư Khương Tăng Khải dịch, quyển hạ, tr. 279a01.

(75)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Tối thiểu một niệm”.

Lại nói: “Một tiếng một niệm”.

Lại nói: “Chuyên tâm, chuyên niệm”.²²⁴

(76)

Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, quyển hạ, Sa-môn Trí Thăng nói:

“Thâm tâm tức là tín tâm chân thật. Tin biết tự thân là phàm phu có đủ phiền não, thiện căn ít ỏi, bị lưu chuyển trong ba cõi, không ra khỏi nhà lửa. Nay tin biết bản hoằng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu mười tiếng một tiếng, thì nhất định được vãng sinh, và dù chỉ một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.”²²⁵

(77)

Kinh nói “nãi chí” (乃至: thậm chí, nhân đến, dù chỉ). Thích kinh ghi “hạ chí” (下至: tối thiểu). Nãi chí và hạ chí đều có khác, nhưng ý nghĩa như nhau. Lại nữa, “nãi chí” mang ý nghĩa bao hàm một và nhiều.²²⁶

²²⁴ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký: “Nay tin biết bản hoằng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu (: hạ chí 下至) mười tiếng một tiếng, thì chắc chắn được vãng sinh, và dù chỉ (乃至 nãi chí) một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.” (tr. 438c08) “Thế nào gọi là Hộ niệm? Nếu có chúng sinh xưng niệm A Di Đà Phật, hoặc bảy ngày và một ngày, hoặc tối thiểu là mười tiếng, tối thiểu một tiếng một niệm, thì tất được vãng sinh. Chư Phật đều chứng thành sự kiện này, nên gọi là Hộ Niệm Kinh.” (tr. 448a07)

²²⁵ Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi (集諸經禮懺儀), No. 1982, quyển hạ, tr. 466a28.

²²⁶ Cứ theo Vãng Sinh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo thì từ ngữ “nhấn đến mười niệm” (nãi chí thập niệm) trong văn nguyện, có hàm ý là “tối thiểu mười tiếng” (hạ chí thập thanh), tức chỉ niệm mười lần câu “Nam mô A Di Đà Phật” cũng được sinh về Tịnh độ. Vì đức Phật A Di Đà đã thành Phật rồi và hiện đang ở cõi Tịnh độ, nên lời thệ nguyện của Ngài không hề hư dối. Về từ ngữ “nhấn đến mười niệm”, có nhiều thuyết: Ngài Đàm Loan chủ trương “nhấn đến mười niệm” là niệm liên tục không gián đoạn. Các ngài Nguyên Hiểu, Pháp Vị, Huyền Nhất thì cho đó là “mười

Nói “lợi lớn” là đối “lợi nhỏ”. Nói “vô thượng” là đối “hữu thượng”.

Tin biết, “lợi lớn” và “[công đức] vô thượng”, là lợi ích của Nhất thừa chân thật. “Lợi nhỏ” và “[công đức] hữu thượng”, là tám vạn bốn ngàn giả môn.

Chuyên tâm, tức là nhất tâm, sắc thái không hai tâm.

Chuyên niệm, tức là nhất hạnh, sắc thái không hai hạnh.

Đức Phật phó chúc Bồ-tát Di Lặc: “Một niệm”, tức là “một tiếng”. “Một tiếng” tức là “một niệm”. “Một niệm” tức là một hạnh. Một hạnh tức là chánh hạnh. Chánh hạnh tức là chánh nghiệp. Chánh nghiệp tức là niệm Phật, đó là “Nam mô A Di Đà Phật” vậy.²²⁷

(78)

Như vậy, nương thuyền đại bi nguyện, xuôi biển rộng quang minh²²⁸, chí đức là gió lặng, các họa là sóng chuyển, liền phá vô minh che lấp, mau đến quốc độ Vô Lượng Quang Minh, chứng Đại Bát-niết-bàn (Mahāparinirvāṇa), thuận theo đức hạnh của Phổ Hiền. Đáng biết.

(79)

An Lạc Tập nói:

“Kinh ghi: ‘Mười niệm tương tục là một mạch danh hiệu của Đức Phật vậy.’

Chỉ có thể dồn niệm dừng nghĩ, không duyên việc gì khác, miễn đạo nghiệp hoàn

pháp mười niệm”: từ tâm, bi tâm, hộ pháp tâm, quyết định tâm, thâm tâm, nhất thiết chủng trí tâm, tôn trọng tâm, bất vị trước tâm, viễn ly tán loạn tâm, chánh niệm quán Phật tâm, được nói trong kinh Di Lặc Phát Vấn. Ngài Nghĩa Tịch thì cho niệm tức hàm ý thời gian, xưng niệm sáu chữ danh hiệu một lần là một niệm, mười lần tức thành mười niệm, trong mỗi niệm ấy tự nhiên đầy đủ mười pháp mười niệm: từ, bi, v.v. Trong Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, ngài Nguyên Không, người Nhật Bản, cho rằng giữ giới, tụng kinh, thực hành sáu độ, công đức tuy rất lớn, có thể hồi hướng vãng sinh, nhưng đều không thù thắng bằng công đức xưng danh niệm Phật, cho nên chỉ lấy một hạnh niệm Phật làm bản nguyện vãng sinh mà thôi.

²²⁷ Đoạn này giải thích cho đoạn (74): Đại Kinh nói: “Phật bảo Di Lặc: Có ai được nghe danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ mà hoan hỷ phấn chấn, dù chỉ một niệm, phải biết người ấy đã được lợi lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.”

²²⁸ Quang minh quảng hải (光明廣海).

thành mới thôi, cũng không nhọc ghi nhớ đếm số. Lại nói: ‘Người niệm Phật đã lâu, phần nhiều y theo đây. Người bắt đầu niệm Phật thì ghi nhớ đếm số cũng tốt.’ Đây cũng y theo lời Phật dạy.’²²⁹

(80)

Đây là minh chứng cho “Hiển chân thật hành”. Thật biết, bản nguyện “tuyên trách nhiếp thủ” là thắng hạnh siêu thế hy hữu, chánh pháp “viên dung chân diệu” là đại hạnh chí cực vô ngại. Đáng biết.

(81)

Tha lực là bản nguyện lực của Như Lai.

(82)

Luận nói:

“**Bản nguyện lực**: là đại Bồ-tát thường an trú tam-muội ở trong Pháp thân, mà hiện đủ loại thân, đủ loại thần thông, đủ loại thuyết pháp, đều sinh khởi từ bản nguyện lực. Ví như cây đàn của A-tu-la, tuy không người đánh mà âm khúc tự nhiên phát. Đó gọi là tướng công đức thứ năm của Giáo hóa địa.”

“**Bồ-tát nhập bốn chủng môn, hạnh tự lợi thành tựu, nên biết**:

Thành tựu, là tự lợi đầy đủ.

Nên biết, là nên biết do tự lợi mà có thể lợi tha, chẳng phải không thể tự lợi mà có thể lợi tha.”

“**Bồ-tát xuất môn thứ năm, hạnh lợi ích tha hồi hướng thành tựu, nên biết**:

²²⁹ An Lạc Tập (安樂集), No. 1958, Đạo Xước soạn, quyển thượng, tr. 11a23.

Thành tựu, là đem nhân hồi hướng mà chứng quả Giáo hóa địa. Hoặc nhân, hoặc quả, không có một sự nào mà không lợi người.

Nên biết, là nên biết do lợi tha mà có thể tự lợi, chẳng phải không thể lợi tha mà có thể tự lợi.”

“Bồ-tát tu năm môn²³⁰ như vậy, hành tự lợi, lợi tha, mau được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề:

Pháp của Phật chứng đắc gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì được Bồ-đề này, nên gọi là Phật. Nay nói *mau đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, là được sớm thành Phật.

A, là vô. *Nậu-đa-la*, là thượng. *Tam-miệu*, là chánh. *Tam*, là biến. *Bồ-đề*, là đạo. Dịch chung lại là Vô thượng Chánh biến đạo.

Vô thượng, là nói đạo này cùng lý tận tánh, không còn gì hơn nữa. Vì sao nói vậy? Bởi vì là chánh. *Chánh*, là Thánh trí. Như pháp tướng mà biết, nên gọi là Chánh trí. Pháp tánh vô tướng, nên Thánh trí vô tri. *Biến*, có hai thứ: một là, Thánh tâm biến tri tất cả pháp; hai là, Pháp thân biến mãn pháp giới. Hoặc thân, hoặc tâm, không gì không cùng khắp. *Đạo*, là vô ngại đạo.

Kinh nói: “*Mười phương người vô ngại, Một đạo thoát sinh tử.*”²³¹ Một đạo, là một đạo vô ngại. Vô ngại, là biết sinh tử tức Niết-bàn. Đại loại như vậy, nhập ‘vô ngại tướng’ của ‘pháp môn Bất nhị’.

Hỏi: Có nhân duyên gì mà nói *mau đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?

²³⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 843a-b01: “Những gì là năm môn? (1) Cận môn; (2) Đại hội chúng môn; (3) Trạch môn; (4) Ốc môn; (5) Viên lâm du hý địa môn. Năm môn này chỉ rõ tướng xuất nhập theo thứ tự. Tướng của nhập môn là: mới đến Tịnh độ là cận tướng, tức là dựa vào Chánh định tự của Đại thừa, gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đã vào trong Tịnh độ, bèn dựa vào đại chúng trong pháp hội của Như Lai; đã dựa vào hàng đại chúng, sẽ đến được căn nhà “an tâm tu hành”; đã vào nhà rồi, sẽ đến phòng ốc dành cho tu hành. Khi đã tu hành thành tựu, sẽ đạt đến Giáo hóa địa. Giáo hóa địa chính là tự hỷ lạc địa của Bồ-tát. Vì thế, tướng của xuất môn (từ Cực Lạc trở lại giáo hóa chúng sinh) được gọi là viên lâm du hý địa môn.”

²³¹ Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, Phật-đà-bạt-đà-la dịch, quyển 5, tr. 429b19: Nhất thiết vô ngại nhân, nhất đạo xuất sinh tử. (一切無礙人, 一道出生死.)

Đáp: Luận nói, tu năm môn hạnh để tự lợi, lợi tha thành tự. Nhưng xét gốc rễ, thì A Di Đà Như Lai là tăng thượng duyên.

Tha lợi cùng với lợi tha, luận ra có hai mặt: từ Phật mà nói, thì nói là lợi tha; từ chúng sinh mà nói, thì nói là tha lợi.

Nay sẽ bàn về Phật lực, cho nên lấy lợi tha để nói, phải biết ý này. Sự sinh Tịnh độ kia, và Bồ-tát, người, trời cõi kia phát khởi các hạnh, đều vin nơi bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai. Vì sao nói vậy? Nếu chẳng phải Phật lực thì bốn mươi tám nguyện bèn là không tác dụng.

Nay lấy ba nguyện để chứng minh nghĩa ý:

Nguyện rằng: *“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sinh về nước tôi, dù chỉ mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, trừ kẻ phạm năm tội nghịch và gièm chê chánh pháp.”*²³²

Do duyên nguyện lực của Phật mà mười niệm niệm Phật sẽ được vãng sinh. Do được vãng sinh, tức khỏi bị các sự luân chuyển Tam giới. Do không luân chuyển, cho nên “mau được”. Đây là chứng cứ thứ nhất.

Nguyện rằng: *“Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ định tụ, quyết đến diệt độ thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*²³³

Do duyên nguyện lực của Phật nên trụ chánh định tụ. Do trụ mà quyết đến diệt độ. Không bị cái nạn lưu chuyển trở lại, cho nên “mau được”. Đây là chứng cứ thứ hai.

Nguyện rằng: *“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước khác sinh về nước tôi, rốt ráo quyết đến bậc Nhất sinh bất tử. Trừ người có bản nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hoàng thế, đôn chứa công đức, độ thoát tất cả, đi qua các nước Phật, tu hạnh Bồ-tát, cúng dường chư Phật Như Lai mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh, khiến họ đứng nơi đạo chánh chân*

²³² Nguyện thứ 18.

²³³ Nguyện thứ 11.

*vô thượng, vượt hơn công hạnh thông thường ở các địa, hiện tiền tu tập đức hạnh của Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*²³⁴

Do duyên nguyện lực của Phật mà vượt hơn công hạnh thông thường ở các địa, hiện tiền tu tập đức hạnh của Phổ Hiền. Do vượt hơn công hạnh thông thường ở các địa, cho nên “mau được”. Đây là chứng cứ thứ ba.

Theo đây mà suy, tha lực là tăng thượng duyên, chẳng phải vậy hay sao? Lại dẫn thí dụ để nói sắc thái tự lực và tha lực: Như có người lo sợ ba đường dữ bèn thọ trì cấm giới. Do thọ trì cấm giới mà có thể tu thiền định. Do tu thiền định mà tu tập thần thông. Do thần thông mà có thể dạo chơi bốn thiên hạ. Những sự như thế gọi là tự lực. Lại như kẻ yếu ớt, trèo lên lưng lừa không nổi, theo Chuyển Luân Vương du hành, bèn bay lên hư không, dạo chơi bốn thiên hạ chẳng bị chướng ngại. Những sự như thế gọi là tha lực. Ngu thay! Người học đời sau, nghe tha lực có thể nương cậy, hãy sinh tín tâm, đừng tự hạn cuộc vậy.”²³⁵

(83)

Luật sư Nguyên Chiếu nói:

“Hoặc đối với việc phá mê chứng thật ở cõi này, cần phải vận dụng tự lực, cho nên diễn thuyết các kinh Đại thừa, Tiểu thừa; hoặc sinh về phương khác nghe pháp ngộ đạo, cần phải nương vào tha lực, cho nên trình bày về vãng sinh Tịnh độ. Đây kia tuy khác nhưng tất cả đều là phương tiện khiến ngộ được tự tâm.”²³⁶

(84)

²³⁴ Nguyên thứ 22.

²³⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 843b27-844a27.

²³⁶ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Sớ (觀無量壽佛經義疏), No. 1754, Nguyên Chiếu thuật, quyển thượng, tr. 279b21.

Nhất thừa hải (一乘海): Nhất thừa là Đại thừa. Đại thừa là Phật thừa. “*Đặc Nhất thừa, tức đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tức là cảnh giới Niết-bàn. Cảnh giới Niết-bàn tức là pháp thân Như Lai. Đặc cứu cánh Pháp thân chính là đặc cứu cánh Nhất thừa. Như Lai và Pháp thân không khác. Như Lai tức Pháp thân. Đặc cứu cánh Pháp thân cũng là đặc cứu cánh Nhất thừa. Cứu cánh nghĩa là vô biên bất đoạn.*”²³⁷ Đại thừa không có Nhị thừa, Tam thừa. Nhị thừa, Tam thừa cũng là để đưa về Nhất thừa. Nhất thừa tức là đệ nhất nghĩa thừa, chỉ là thế nguyện Nhất Phật thừa vậy.

(85)

Kinh Niết-bàn nói:

“*Thiện nam tử ! Thật đế thì gọi là Đại thừa. Chẳng phải Đại thừa thì không gọi là Thật đế. Thiện nam tử ! Thật đế là lời của Phật nói, chẳng phải là lời của ma nói. Nếu là lời của ma nói, chẳng phải là lời của Phật nói, thì không gọi là Thật đế. Thiện nam tử ! Thật đế là một đạo thanh tịnh, không có hai vậy.*”²³⁸

(86)

Lại nói:

“*Sao gọi là Bồ-tát tin thuận một thật ? Bồ-tát biết rõ tất cả chúng sinh đều về một đạo. Một đạo là gọi Đại thừa vậy. Các Đức Phật, Bồ-tát vì chúng sinh nên phân thừa đó làm ba. Thế nên Bồ-tát tin thuận chẳng trái nghịch.*”²³⁹

(87)

²³⁷ Kinh Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Quảng (勝鬘師子吼一乘大方便方廣經), No. 353, Cầu-na Bạt-đà-la (394 – 468) dịch, phẩm Nhất thừa, tr. 220c21.

²³⁸ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Đàm Vô Sấm dịch, quyển 13, phẩm Thánh Hạnh, tr. 443b23.

²³⁹ Ibid., quyển 25, phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát, tr. 515b10.

Lại nói:

“Thiện nam tử ! Tất cánh có hai thứ, một là trang nghiêm tất cánh, hai là cứu cánh tất cánh. Một là thế gian tất cánh, hai là xuất thế gian tất cánh. Trang nghiêm tất cánh là sáu Ba-la-mật. Cứu cánh tất cánh là tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa. Nhất Thừa đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa, nhưng vì vô minh che lấp nên chẳng thấy được.”²⁴⁰

Lại nói:

“Sao gọi là nhất? Tất cả chúng sinh đều là Nhất thừa. Sao gọi là phi nhất? Là nói về Ba thừa. Sao gọi là phi nhất phi phi nhất? Là vô số pháp.”²⁴¹

(88)

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Văn Thù ! Pháp thường vậy
Pháp vương chỉ một pháp
Tất cả người vô ngại
Một đạo thoát sinh tử
Tất cả thân chư Phật
Chỉ là một Pháp thân
Một tâm, một trí tuệ
Lực vô úy cũng vậy.”²⁴²

(89)

²⁴⁰ Ibid., quyển 27, phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát, tr. 524c11.

²⁴¹ Ibid., quyển 27, phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát, tr. 526a11.

²⁴² Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, Phật-đà Bạt-đà-la dịch, quyển 5, phẩm Như Lai Quang Minh Giác, tr. 429b18.

Như vậy, sự giác ngộ toàn hảo đều lấy đại lợi của tịnh độ An Dưỡng và chí đức của Phật nguyện khó nghĩ.²⁴³

(90)

Hải (海): Từ lâu xa đến nay, chuyển nước sông “tạp tu, tạp thiện”²⁴⁴ của phàm Thánh” và chuyển nước biển “nghịch báng, xiển-đề, hằng sa vô minh” thành nước đại bảo hải của “bản nguyện, đại bi, trí tuệ, chân thật, hằng sa vạn đức,” dù đó như biển. Bởi vì, như Kinh nói rằng: “Băng phiến nào tan thành nước công đức.”²⁴⁵

Nguyện hải (願海): Không thể giữ lại thân chết “tạp thiện trung hạ của Nhị thừa”, hưởng chi giữ thiện nghiệp “hư giả, tà ngụy”²⁴⁶ của nhân thiên, giữ thân chết “tạp độc, tạp tâm”²⁴⁷ ư!

²⁴³ Bản nguyện là Nhất thừa vô ngại. Đại lợi là cứu cánh Nhất thừa.

²⁴⁴ Tạp tu là đối với chuyên tu; chuyên tu là trì danh niệm Phật. Tạp thiện là “thiếu thiện căn”, thế nên ngài Thiện Đạo nói: “Cực Lạc vô vi, Niết-bàn giới, Tùy duyên tạp thiện e khó sinh, Bởi thế Như Lai tuyển yếu pháp, Dạy niệm Di Đà chuyên càng chuyên.” (Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, tr. 17a27) Kinh Di Đà tiểu bản nói: “không thể chỉ đem thiện căn nhỏ (thiếu thiện căn) làm yếu tố để được sinh Cực Lạc.” Thiện căn nhỏ là những việc thiện ngoài sự trì danh niệm Phật. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Muốn sinh Cực Lạc thì phải làm ba phước: một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, làm mười thiện nghiệp; hai là thọ trì tam quy, giữ đủ tịnh giới, không phạm uy nghi; ba là phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tiến người tu.” Chỉ có ba phước phải và nên làm, vậy mà người tu bỏ cả một đời vẫn không làm nổi! Thiện căn như vậy mà nói là nhỏ, là chỉ vì có yếu tố và cảnh ngộ mới có làm có giữ, không thì làm và giữ gián đoạn.

²⁴⁵ Không rõ kinh nào. Vãng Sinh Yếu Tập, No. 2682, có ghi: “Như tánh nước và tánh băng chẳng khác nhau. Thế nên kinh nói: ‘Phiền não, Bồ-đề thể không hai, Sinh tử, Niết-bàn chẳng khác xứ.’ Chúng ta ngày nay chưa có lửa trí thì không thể tan băng phiền não. Xin Phật thương xót chúng ta. Như pháp sở đắc của Ngài, định tuệ lực trang nghiêm, do đây khiến giải thoát. Nghĩ như vậy rồi, học nghe, niệm Phật mà thỉnh cầu cứu hộ.” (tr. 65a15)

²⁴⁶ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sinh Kệ Chú nói: “Tất cả các loại thiện nghiệp của trời người, cho đến những quả báo nhận được, bất luận là nhân hay quả, đều là điên đảo, đều là hư ngụy, cho nên nói là công đức không thật.” (tr. 827c18) Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn giải thích: “Đời có kẻ tu hành mà chỉ tu hành một chiều, không cứu xét tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài, hoặc vụ lợi, hoặc háo danh, hoặc ham cái thú hiện tại, hoặc cầu cái vui mai sau: phát tâm như vậy gọi là tà.” “Có tội không sám hối, có lỗi không trừ bỏ, trong bản ngoài sạch, trước siêng sau nhác, tâm tốt dầu có cũng phần lớn bị danh lợi xen lẫn, thiện pháp dầu tu cũng phần nhiều bị vọng nghiệp nhuộm bẩn: phát tâm như vậy gọi là ngụy.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

²⁴⁷ Tạp độc (雜毒): là kết (結), còn gọi là kết sử (結使). Kết là các phiền não trói buộc chúng sinh, khiến không ra khỏi được sinh tử. Sử là các phiền não sai khiến làm não loạn chúng sinh. Kết có 9 thứ, Sử có 10 thứ, gọi là 9 kết 10 sử. Luận Đại trí độ quyển 1 (Đại 25, 58 hạ), nói: “Tất cả chúng sinh bị bệnh kết sử làm cho phiền não, từ vô thủy

(92)

Cho nên kinh Đại Bản nói:

*“Thanh Văn hoặc Bồ-tát
Chẳng xét được tâm Phật
Vi như kẻ mù lòa
Muốn làm người dẫn đạo.
Biển trí tuệ Như Lai
Sâu rộng không bờ bến
Nhị thừa chẳng lường được
Chỉ riêng Phật tỏ rõ.”²⁴⁸*

(93)

Tịnh Độ Luận nói:

“Thế nào là thành tựu công đức Bất hư tác trụ trì trang nghiêm?”

Kệ rằng:

**Quán Phật Bản nguyện lực
Ai gặp không luống qua
Khiến được mau đầy đủ
Biển báu lớn công đức.²⁴⁹**

sinh tử đến nay, không ai có thể chữa được bệnh này.” Tạp tâm (雜心): là định tán, tâm loạn. (Giáo Hành Tín Chứng, 6).

²⁴⁸ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ, No. 360, quyển hạ, tr. 273b05.

²⁴⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá, No. 1524, Bồ-tát Thế Thân tạo, tr. 232a15: “Quán sát công đức thành tựu trang nghiêm của Đức Phật kia như thế nào? Quán sát công đức thành tựu trang nghiêm của Đức Phật kia có tám thứ cần nên biết. Những gì là tám? (1) Tòa sen trang nghiêm; (2) Thân tướng trang nghiêm; (3) Lời nói trang nghiêm; (4) Tâm ý trang nghiêm; (5) Thánh chúng trang nghiêm; (6) Thượng thủ trang nghiêm; (7) Pháp Chủ trang nghiêm; (8) Bất hư tác trụ trì trang nghiêm.

[1] Tòa sen trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Vô lượng Đại Bảo Vương, Đài hoa sạch vi diệu". [2] Thân tướng trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Tướng hảo chiếu một tầm, Sắc tướng vượt quần sinh". [3] Lời nói trang

Sự thành tựu công đức ‘Bất hư tác trụ trì trang nghiêm’: Đó là bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai. Nay lược nói tướng ‘hư tác’ không thể trụ trì, để nêu rõ nghĩa ‘bất hư tác trụ trì’. (...) ²⁵⁰ Nói ‘Bất hư tác trụ trì’, là y theo bốn mươi tám bản nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng, ngày nay là thần lực tự tại của A Di Đà Như Lai. Nguyện để thành lực, lực để tựu nguyện. Nguyện chẳng luống không, lực chẳng dối bày. Lực nguyện hợp nhau, rốt cuộc không sai, nên gọi là thành tựu.”²⁵¹

(94)

“Hải (海): Chỉ cho Nhất thiết chủng trí của Phật, nó sâu rộng vô bờ, không chứa các thân chết “tạp thiện trung hạ của Nhị thừa”, dụ đó như biển. Cho nên nói, **“Trời người chúng bất động, Biển trí thanh tịnh sinh.”** Bất động, là nói trời người cõi kia thành tựu căn tánh Đại thừa, không thể khuynh động.”²⁵²

(95)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Tôi y Bồ-tát tạng
Biển Nhất thừa Đốn giáo.”²⁵³

nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Tiến Như Lai vi diệu, Phạm âm vang mười phương". [4] Tâm ý trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Đồng đất nước gió lửa, Hư không vô phân biệt" Do không có phân biệt cho nên không có tâm phân biệt. [5] Thánh chúng trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Trời người chúng bất động, Biển trí thanh tịnh sinh". [6] Thượng thủ trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Như vua núi Tu Di, Thắng diệu không ai bằng". [7] Pháp Chủ trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Trời người chúng trượng phu, Cung kính quanh chiêm ngưỡng". [8] Bất hư tác trụ trì trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: "Quán Phật bản nguyện lực, Ai gặp không luống qua, Sẽ Khiến được mau đầy đủ, Biển báu lớn công đức"."

²⁵⁰ (...): "Có kẻ nhịn ăn nuôi người, mà lại gây sự trên thuyền; trữ vàng đầy kho, mà chẳng khỏi chết đói. Những sự như vậy, thấy ở khắp nơi. Có được mà chẳng làm để có được; yên ở mà chẳng giữ để yên ở, tất cả đều do hư vọng nghiệp gây ra, nên không có khả năng trụ trì."

²⁵¹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 840a04-16.

²⁵² Ibid., quyển thượng, tr. 832b24.

²⁵³ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 278b13. Đốn giáo Nhất thừa: chỉ cho pháp môn Tịnh độ. Thời Hậu Đường, Đại sư Thiện Đạo phán giáo: lấy sự mau chóng thành Phật của pháp môn Tịnh độ, nên gọi là Đốn giáo, và lấy tất cả chúng sinh đều được nương thừa này, nên gọi là Nhất thừa.

(96)

Lại nói:

“Trong kinh An Lạc nói Tiệm giáo
Vạn kiếp tu công chứng Bất thối.
Quán Kinh, Di Đà Kinh đều nói
Chính là Bồ-tát tạng Đốn giáo.”²⁵⁴

(97)

Lạc Bang Văn Loại, Thiền sư Tông Hiểu nói:

“Một viên hoàn đan, biến sắt thành vàng; một lời chân lý, chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện.”²⁵⁵

(98)

Xét về Giáo, giữa niệm Phật và các điều thiện, so sánh đôi luận có: khó dễ đôi, đốn tiệm đôi, ngang dọc đôi, cao thấp đôi, thuận nghịch đôi, lớn nhỏ đôi, nhiều ít đôi, hơn kém đôi, thân sơ đôi, gần xa đôi, sâu cạn đôi, mạnh yếu đôi, trọng khinh đôi, rộng hẹp đôi, thuận tạp đôi, thẳng quanh đôi, nhanh chậm đôi, thông biệt đôi, bất thối thối đôi, trực biện nhân minh đôi, danh hiệu định tán đôi, lý tận phi lý tận đôi, khuyến vô khuyến đôi, vô gián gián đôi, đoạn bất đoạn đôi, tương tục bất tương tục đôi, vô thượng hữu thượng đôi, thượng thượng hạ hạ đôi, tư nghị bất tư nghị đôi, nhân hành quả đức đôi, tự thuyết tha thuyết đôi, hồi hướng bất hồi hướng

²⁵⁴ Y Quán Kinh Đẳng Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, 1 quyển, Đại sư Thiện Đạo soạn, tr 448c03. “Quán Kinh, Di Đà Kinh đều nói, Chính là Bồ-tát tạng Đốn giáo, Một ngày bảy ngày chuyên xưng Phật, Mạng tận chốc lát sinh An Lạc.”

²⁵⁵ Chánh văn là Tông Thích (宗釋), e là làm, phải là Tông Hiểu (宗曉). Lạc Bang Văn Loại (樂邦文類), No. 1969A, quyển 4, tr. 213b26: “Một viên hoàn đan điểm sắt thành vàng, một lời chân lý đổi phàm thành Thánh. Di Đà giáo quán thật là diệu dược điểm sắt thành vàng.” (還丹一粒, 點鐵成金. 真理一言, 革凡成聖. 彌陀教觀, 真點鐵成金之妙藥也.)

đổi, hộ bất hộ đổi, chúng bất chúng đổi, tán bất tán đổi, phó chúc bất phó chúc đổi, liễu giáo bất liễu giáo đổi, căn cơ đảm đương không đảm đương đổi, tuyền bất tuyền đổi, chân giả đổi, Phật diệt bất diệt đổi, Pháp diệt bất diệt đổi, lợi bất lợi đổi, tự lực tha lực đổi, hữu nguyện vô nguyện đổi, nhiếp bất nhiếp đổi, nhập định tự bất nhập định tự đổi, báo hóa đổi.²⁵⁶ Nghĩa đây như thế, nhưng xét giáo pháp của Nhất thừa Bản nguyện hải, đó là giáo pháp viên dung mãn túc, cực tốc vô ngại, tuyệt đối bất nhị vậy.²⁵⁷

(99)

Và xét về Cơ, đổi luận có: tín nghi đổi, thiện ác đổi, chánh tà đổi, đúng sai đổi, thật giả đổi, chân ngụy đổi, sạch dơ đổi, lợi độn đổi, chậm gấp đổi, sang hèn đổi, sáng tối đổi.²⁵⁸ Nghĩa đây như thế, nhưng xét căn cơ của Nhất thừa hải, đó là căn cơ Kim cương tín tâm, tuyệt đối bất nhị vậy. Đáng biết.

(100)

Kính bạch tất cả những người vãng sinh: Hoàng thệ Nhất thừa hải, là thành tựu ‘chí đức’ vô ngại, vô biên, tối thắng, thâm diệu, bất khả thuyết, bất khả xưng, bất khả tư nghị. Vì sao? Vì thệ nguyện thì không thể nghĩ bàn. Bi nguyện dụ như hư không rộng lớn, công đức vi diệu thì rộng lớn vô biên. Giống như một cỗ xe vĩ đại, có thể chuyên chở tất cả các phàm Thánh. Giống như đóa hoa sen màu, không bị các pháp thế gian làm ô nhiễm. Giống như đực vương Thiện Kiến, có thể trừ

²⁵⁶ Về Giáo pháp, có 48 đổi.

²⁵⁷ Tuyệt đối bất nhị (絕對不二), còn gọi tuyệt đãi bất nhị (絶待不二): Không có so sánh với cái khác. Trái ngược với tuyệt đối là tương đối, tương đãi. Bất nhị (không hai) là giúp chỉ rõ nghĩa tuyệt đối. Chân tông của Nhật Bản lấy niệm Phật làm pháp Nhất thừa Bản nguyện, còn các pháp khác là phương tiện quyền giả.

²⁵⁸ Về Căn cơ, có 11 đổi.

diệt mọi bệnh phiền não.²⁵⁹ Giống như con dao bén, có thể cắt đứt mọi áo giáp kiêu mạn. Giống như ngọn cờ của dũng tướng, có thể khuất phục được tất cả ma quân. Giống như cái cưa bén, nó có thể đốn hạ tất cả cây vô minh. Như lưỡi rìu sắc, có thể chặt những cây khổ đau. Giống như một thiện tri thức, có thể tháo gỡ mọi trói buộc của sinh tử. Giống như một đạo sư, khéo cho biết yếu đạo để phàm phu xuất ly [sinh tử]. Giống như con suối ngầm, chảy ra nguồn nước trí tuệ vô cùng tận. Giống như hoa sen, không nhiễm tất cả những tội cấu. Giống như cơn gió mạnh, có thể xua tan sương mù ‘tất cả chướng’. Giống như mật ngon ngọt, đầy đủ mùi vị ‘tất cả công đức’. Giống như con đường chân chánh, khiến các quần sinh đi vào thành trí tuệ. Giống như thổi nam châm, thu hút nhân tố ‘bản nguyên’. Giống như khối vàng diêm-phù-đàn, che chói sáng tất cả pháp lành hữu vi. Giống như phục tạng, có thể thu nhiếp tất cả Phật pháp. Cũng như đại địa, nơi ba đời mười phương tất cả Như Lai xuất hiện. Như ánh sáng mặt trời, phá tan mọi ngu si che lấp phàm phu, sinh ra tín lạc. Giống như đấng quân vương, vượt trội hơn tất cả bậc thượng thừa. Giống như người cha nghiêm, dạy bảo tất cả phàm Thánh. Giống như người mẹ hiền, sinh trưởng nhân chân thật²⁶⁰ cho báo độ của tất cả phàm Thánh. Giống như một nữ mẫu, nuôi dưỡng và gìn giữ tất cả người thiện ác vãng sinh. Giống như đất rộng, có thể nắm giữ mọi sự vãng sinh. Giống như nước lũ, có thể cuốn trôi mọi bụi bần phiền não. Giống như lửa lớn, có thể thiêu rụi củi kiến chấp. Giống như gió mạnh, du hành khắp thế gian không chướng ngại.²⁶¹

²⁵⁹ Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, quyển 36, phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi, tr. 629b27: “Ví như núi Tuyết có đại được vương gọi Thiện Hiện. Nếu có người nhìn thấy, mắt được thanh tịnh. Nếu có người nghe thấy, tai được thanh tịnh. Nếu có người ngửi mùi thơm, mũi được thanh tịnh. Nếu người nếm mùi vị, lưỡi được thanh tịnh. Nếu có người chạm vào, thân được thanh tịnh. Nếu cầm lấy đất của nó, đều có thể trừ diệt vô lượng các bệnh, yên ổn vui sướng.”

²⁶⁰ Nhân chân thật là nhất niệm, nhất tâm, Kim cương tín tâm.

²⁶¹ Đoạn này, ngài Thân Loan có tham khảo những định nghĩa Bồ-đề tâm trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, No. 279, tr. 429b25-430c23. Có 28 ví dụ để biểu thị công đức không thể nghĩ bàn của bản nguyện Phật.

[Những công đức của bi nguyện có thể đưa chúng sinh] ra ngoài tường thành ‘ba cõi trời buộc’, đóng sập cánh cửa ‘hai mươi lăm hữu’, được sống nơi Báo độ chân thật, nhận rõ đường đi tà chánh, không cạn biển ngu si, chảy vào biển thệ nguyện. Nương thuyền Nhất thiết trí, trôi trong biển cả quần sinh, viên mãn khỏi phước trí, mở bày tạng phương tiện. Tốt thay được vãng giữ, đặc biệt đem đỉnh đầu đội lên.

(101)

Nói đến thệ nguyện, có chân thật hành tín, cũng có phương tiện hành tín. Nguyện của chân thật hành là *Chư Phật xưng danh nguyện*²⁶². Nguyện của chân thật tín là *Chí tâm tín lạc nguyện*²⁶³. Đây chính là hành tín của *Tuyển trạch bản nguyện*²⁶⁴.

Căn cơ, là tất cả phàm ngu lớn nhỏ thiện ác. Vãng sinh, là *nan tư nghị vãng sinh*²⁶⁵. Phật độ, là báo độ của Báo Phật²⁶⁶. Đây chính là *Thệ nguyện bất tư nghị*

²⁶² Nguyện thứ mười bảy: “Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác”, được gọi là “Chư Phật xưng danh nguyện”, là “Chư Phật xưng danh nguyện”, là “Chư Phật tự ta nguyện”, là “Vãng tướng hồi hướng nguyện”, cũng là “Tuyển trạch xưng danh nguyện”.

²⁶³ Nguyện thứ mười tám: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi, nhần đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác”, được gọi là “Chí tâm tín lạc nguyện”, là “Niệm Phật vãng sinh nguyện”, cũng là “Thập niệm tất sinh nguyện”.

²⁶⁴ Tuyển trạch bản nguyện, hiểu rộng là cả 48 nguyện, hiểu hẹp là nguyện thứ 18. Gọi là Tuyển trạch bản nguyện vì A Di Đà Phật khi tu nhân đã chọn lấy những thệ nguyện thù thắng nhất của chư Phật để kết thành 48 nguyện, và Niệm Phật Vãng Sinh là tinh túy, là cốt lõi của cả 48 lời nguyện. Đây là quan điểm đặc sắc của sư Pháp Nhiên, khai tổ Tịnh độ tông Nhật Bản.

²⁶⁵ Nan tư nghị vãng sinh (難思議往生): Chỉ cho sự vãng sinh khó nghĩ bàn, tức nhờ lòng tin vào hồng nguyện tha lực của Đức Phật A Di Đà mà được vãng sinh, là 1 trong 3 thuyết vãng sinh của Tịnh độ chân tông Nhật bản. Do lòng tin vào tha lực hồi hướng được sinh về cõi Thật báo trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, đó chẳng phải là việc mà phàm phu nói bàn, suy nghĩ có thể biết được, cho nên gọi là Nan tư nghị vãng sinh. Tông này còn lập ra 2 thuyết vãng sinh khác: (1) Nan tư vãng sinh: Nhờ nhân tự lực niệm Phật mà được sinh vào Nghi thành Thai cung (疑城胎宮) ở chỗ biên giới cõi Tịnh độ, tức là Hóa độ của đức Phật A Di Đà, được hưởng vô lượng sự an lạc chẳng thể nghĩ bàn, theo như lời nguyện thứ 20 của Ngài. Vì loại tự lực vãng sinh này không thù thắng bằng tha lực vãng sinh đã nói ở trên, cho nên gọi là Nan tư. (2) Song thọ lâm hạ vãng sinh: Lấy việc hóa thân của đức Thích Ca nhập diệt ở rừng Sa la song thọ để ví dụ sự vãng sinh về cõi Phương tiện hóa độ của Đức Phật A Di Đà, theo lời nguyện thứ 19 của Ngài. [X. Chuyển kinh hành đạo nguyện vãng sinh Tịnh độ pháp sự tán, quyển thượng; Giáo hành tín chứng, quyển 6].

*Nhất thật chân như hải*²⁶⁷, là tông giáo của kinh Đại Vô Lượng Thọ, là chánh ý của *Tha lực chân tông*²⁶⁸.

Lấy đó để “tri ân báo đức”, lật xem lời giải thích của Tông sư: “Bồ Tát quy hướng Phật, như con hiếu hướng về cha mẹ, như tôi trung hướng về quân vương, động tĩnh chẳng tự ý, ra vào phải lý do. Tri ân báo đức, theo lý phải thừa trước. Lại nữa, sở nguyện không hề nhẹ, nếu Như Lai không tiếp thêm oai thần, làm sao thành tựu được? Cầu xin ban thần lực, nên ngẩng đầu thừa bạch.”²⁶⁹

Như vậy, quy hướng lời dạy chân thật của Phật, vui mừng lời giải thích của chư Tổ, tin nhận ân đức sâu xa của Phật, mà làm *Chánh tín niệm Phật kệ*, rằng:

(102)

Quy mạng Vô Lượng Thọ Như Lai

Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang

Bồ-tát Pháp Tạng lúc nhân vị

Đến chỗ Phật Thế TỰ Tại Vương

²⁶⁶ Ở Hóa độ thành Phật là Hóa Phật. Ở Báo độ thành Phật là Báo Phật. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật là “Ta-bà Hóa chủ”, bởi vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành Phật ở Ta-bà Hóa độ, tức là Hóa Phật. Tây phương An Lạc quốc là Báo độ, và Đức Phật A Di Đà là Báo Phật.

²⁶⁷ Thệ nguyện bất khả tư nghị Nhất thật chân như hải (誓願不可思議一實真如海).

²⁶⁸ Thân Loan kế thừa Tịnh độ Chân tông của Pháp Nhiên, biểu hiện bằng Tha lực Chân tông (他力真宗) hay Bản nguyện Tha lực Chân tông (本願他力真宗). Quan điểm của Thân Loan về con đường thành Phật được thành lập dựa trên sự hồi hướng bản nguyện lực của Bồ-tát Pháp Tạng (Đức Phật A Di Đà), như được thuyết trong kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ. Học giả D. T. Suzuki phân loại những lời dạy của ông thuộc trường phái Tha lực tông (他力宗). Thuật ngữ Tha lực đã khiến nhiều người coi Đức Phật A Di Đà là yếu tố trung tâm của con đường thành Phật này. Trên thực tế, sự hiểu biết của Thân Loan về Tịnh độ tập trung vào những chúng sinh nhận được năng lực cứu độ từ bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Thân Loan rời bỏ trường phái Tự lực và lý tưởng Đại thừa vốn “làm lợi ích cho người khác thông qua sự quên mình”, chấp nhận đường lối thực hành niệm Phật của Pháp Nhiên như một phương tiện để tự cứu mình. Tuy nhiên, từ một quan điểm khác, chính sự tự cứu này chỉ ra sự tương đồng giữa niệm Phật và con đường thực hành Đại thừa. Nhiều người đã chỉ ra những điểm tương đồng giữa sự nhấn mạnh của trường phái này vào sự tin cậy vào năng lực cứu rỗi của Đức Phật A Di Đà và thần học Kitô giáo. Tuy nhiên, đối với Thân Loan, giáo lý Tịnh độ đã hình thành một cách diễn đạt tự nhiên và trực quan của Phật giáo Đại thừa, dựa trên sự gặp gỡ của những chúng sinh bình thường với năng lực hồi hướng bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

²⁶⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển thượng, tr. 827a09. Đoạn chú này giải thích câu kệ trong luận bản: “Thế Tôn con nhất tâm” (世尊我一心). Tông sư là Đại sư Đàm Loan.

Thấy nhân tố tịnh độ chư Phật
Thiện ác nhân thiên cùng quốc độ
Kiến lập nguyện thù thắng vô thượng
Khởi phát thế rộng lớn hiêm có
Năm kiếp suy xét để nhiếp lấy
Nguyện rằng danh tiếng vang mười phương
Vô Lượng, Vô Biên Quang tỏa khắp
Vô ngại, Vô Đối Quang, Viêm Vương
Thanh Tịnh, Hoan Hỷ, Trí Tuệ Quang
Bất Đoạn, Nan Tư, Vô Xứng Quang
Siêu Nhật Nguyệt Quang chiếu cõi bụi
Tất cả quần sinh mong sáng soi
Bản nguyện danh hiệu²⁷⁰ chánh định nghiệp²⁷¹
Chí tâm tín lạc nguyện²⁷² làm nhân
Thành Đẳng giác, chứng Đại Niết-bàn
Tất chí diệt độ nguyện²⁷³ thành tựu
Như lai sở dĩ hiện ở đời
Chỉ nói Di Đà bản nguyện hải
Thời ác năm trước biển quần sinh
Phải tin lời thật của Như Lai
Phát khởi một niệm tâm hỷ ái²⁷⁴

²⁷⁰ Bản nguyện danh hiệu là nguyện 17.

²⁷¹ Chánh định nghiệp là xưng danh niệm Phật, vì thuận và hành theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, cho nên cho nên người tu nương vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, ắt sẽ vãng sinh Cực Lạc.

²⁷² Chí tâm tín lạc nguyện (至心信樂願) là nguyện 18.

²⁷³ Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願) là nguyện 11: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ định tụ, quyết đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

²⁷⁴ Một niệm tín tâm chân thật. Hỷ là hoan hỷ. Ái là ái lạc. Hỷ ái là tín lạc.

Chẳng đoạn phiền não được Niết-bàn
Phàm Thánh, nghịch báng cùng hồi nhập
Các sông vào biển một mùi vị
Nhiếp thủ tâm quang thường soi giữ²⁷⁵
Bóng tối vô minh bị phá vỡ
Tham ái giận ghét làm mây mù
Che bầu trời tín tâm chân thật²⁷⁶
Khi mặt nhật bị mây mù che
Dưới mây mù vẫn sáng không tối
Được tín, thấy kính rất mừng vui²⁷⁷
Liên vượt ngang²⁷⁸ cắt năm đường ác
Tất cả thiện ác kẻ phàm phu
Nghe tin Như Lai hoằng thệ nguyện

²⁷⁵ Tâm quang nhiếp hộ (心光攝護): Ánh sáng từ tâm đức Phật A Di Đà phát ra chiếu soi và hộ trì hành giả niệm Phật. Quán niệm Pháp môn (Đại 47, 25 trung) nói: “Tâm quang của đức Phật kia thường chiếu soi người ấy, nhiếp hộ không bỏ, lại chiếu soi nhiếp hộ cả các hành giả tu những tạp nghiệp khác, đây cũng là tặng thưởng duyên hộ niệm đời hiện tại.”

²⁷⁶ Thực ra, bóng tối “vô minh” lẽ ra đã bị ánh sáng đại bi của Đức Phật A Di Đà tiêu diệt rồi. Tuy nhiên, một đám mây mù tham ái, giận ghét luôn bao phủ bầu trời của “tín tâm chân thật”. Tín tâm chân thật là niềm tin hướng về Đức Phật A Di Đà, đó không phải là niềm tin do chính mình tạo ra, mà là niềm tin nhận được từ bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà.

²⁷⁷ Kinh Vô Lượng Thọ: “Người có tín tuệ khó, Nếu nghe siêng năng cầu, Nghe pháp được chẳng quên, Thấy kính rất mừng vui.” Kiến kính (見敬): gặp mặt, thể hiện sự kính lễ.

²⁷⁸ Hoành siêu (橫超): Vượt ngang. Chỉ cho pháp môn không cần phải trải qua thứ tự các giai vị mà hành giả có thể đạt được Vô thượng Niết bàn một cách nhanh chóng. Một trong Nhị song tứ trùng giáo phán (二雙四重教判) của Tịnh độ Chân tông Nhật bản. Pháp môn này tức là ý nghĩa chân thực của bản nguyện Di Đà. Ngài Thiện Đạo, Tổ sư của tông Tịnh độ Trung quốc, đã căn cứ vào ý nghĩa của câu: Hoành tiệt ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế (橫截五惡趣, 惡趣自然閉. Cắt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên dứt) trong kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ (Đại 12, 274 trung) mà lập thuyết Hoành siêu đoạn tứ lưu (橫超斷四流. Vượt ngang dứt bốn dòng), tức có hàm nghĩa Nhất thừa đốn giáo trong đó. Ngài Thân Loan, Tổ khai sáng của Tịnh độ Chân tông Nhật bản, noi theo thuyết của ngài Thiện Đạo, cho rằng Hoành siêu tức là ý nghĩa chọn Báo độ chân thực của bản nguyện thì liền được vãng sinh. Cũng tức là đối với bản nguyện của Phật Di Đà một lòng tin sâu, không hoài nghi, theo nguyện lực của Ngài mà tu hành, tâm không tán loạn, thì sau khi mạng chung sẽ trực tiếp được sinh về Báo độ chân thực. Vì Hoành siêu là nhờ vào bản nguyện tha lực của Phật nên bản nguyện của Ngài cũng được gọi là Hoành siêu đại thệ nguyện (橫超大誓願). Ngoài ra, do sự hồi hướng bản nguyện lực của Tín tâm kim cương có khả năng cắt ngang 5 đường ác, siêu chứng Đại niết bàn, cho nên cũng gọi là Hoành siêu kim cương tâm (橫超金剛心).

Phật nói bậc thắng giải rộng lớn
Người ấy là hoa phân-đà-lợi²⁷⁹
Phật Di Đà, bản nguyện niệm Phật
Chúng sinh ác, tà kiến kiêu mạn
Tín lạc thọ trì rất là khó²⁸⁰
Khó trong khó không gì qua đây.²⁸¹

Những Luận sư Ấn Độ Tây thiên
Cùng cao Tăng Trung Hạ, Nhật Bản
Nói ý thú Đức Phật xuất thế
Bày Như Lai bản nguyện ứng cơ²⁸²

Thích Ca Như Lai núi Lăng Già
Vì chúng huyền ký Nam Thiên Trúc
Đại sĩ Long Thọ hiện ra đời
Phá vỡ mọi kiến chấp hữu vô
Tuyên thuyết pháp Đại thừa vô thượng
Chúng Hoan hỷ địa, sinh An Lạc²⁸³
Bày tỏ nan hành đi bộ khổ

²⁷⁹ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó là hoa Phân đà lợi trong loài người, các vị Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là bạn thù thắng của người đó, người đó sẽ ngồi đạo tràng, sinh vào nhà Phật.”

²⁸⁰ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ: “Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn. Vì thế nên pháp của Ta, làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin thuận y theo tu hành.”

²⁸¹ Quy mạng ... gì qua đây: là lấy ý của kinh Vô Lượng Thọ, có 44 câu.

²⁸² Tổng nêu Tổ sư ba nước cùng nói nghĩa lý Tịnh độ, có 4 câu.

²⁸³ Trong kinh Nhập Lăng Già, No. 671, tr. 569a24, Đức Phật đã huyền ký: “Đại quốc ở phương Nam, Có Đại đức Tỳ-kheo, Tên Long Thọ Bồ-tát, Phá kiến chấp hữu vô, Vì người nói pháp Ta, Pháp Đại thừa vô thượng, Chứng được Hoan Hỷ địa, Vãng sinh An Lạc quốc.” Kinh Đại Thừa Nhập Lăng Già, No. 672, tr. 627c19: “Trong nước Nam Thiên Trúc, Tỳ-kheo danh đức lớn, Danh hiệu là Long Thọ, Phá hai tông hữu vô, Thế gian nói pháp Ta, Pháp Đại thừa vô thượng, Được Sơ Hoan Hỷ địa, Vãng sinh An Lạc quốc.”

Tin ưa dị hành đường thủy vui
Nhớ nghĩ Di Đà bản nguyện Phật
Tự nhiên tức thời nhập Tất định
Chỉ phải thường xưng Như Lai hiệu
Đề báo ơn hoàng thế đại bi.²⁸⁴

Bồ-tát Thiên Thân tạo luận thuyết
Quy mạng Vô Ngại Quang Như Lai
Y tu-đa-la bày chân thật
Khai sáng Hoàn siêu đại thế nguyện
Noi theo bản nguyện lực hồi hướng²⁸⁵
Vì độ quần sinh nói nhất tâm
Trở về biển đại bảo công đức²⁸⁶
Mong được vào số Đại chúng hội
Được đến thế giới Liên Hoa Tạng
Liên chúng Chân như Pháp tánh thân
Dạo rừng phiền não, hiện thân thông
Vào vườn sinh tử, thị Ứng hóa.²⁸⁷

Bốn sư Đàm Loan: Lương thiên tử²⁸⁸

²⁸⁴ Tán thán Bồ-tát Long Thọ, có 12 câu: 4 câu đầu y theo kinh Lăng già, và 8 câu sau y theo luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa.

²⁸⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 833c16: "Hồi hướng là hồi công đức của mình để thí khắp cho chúng sinh, cùng được gặp A Di Đà Như Lai, cùng sinh về nước An Lạc."

²⁸⁶ Công đức đại bảo hải (功德大寶海). Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá: "Quán Phật bản nguyện lực, Người gặp không luống uổng, Khiến mau được đầy đủ, Biển đại bảo công đức."

²⁸⁷ Tán thán Bồ-tát Thiên Thân, có 12 câu, y theo Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ (còn gọi Tịnh Độ Luận).

²⁸⁸ Tịnh Độ Luận (淨土論), No. 1963, Ca Tài soạn, quyển hạ, tr. 97c09: "Pháp sư Đàm Loan người Vấn Thủy, châu Tinh, sống vào cuối đời Ngụy, đầu đời Cao Tề. Sư có tâm trí cao xa, vang danh ở ba nước (Lương, Đông Ngụy và Tây Ngụy), thông hiểu các kinh, kiến thức hơn người. Tiêu Vương, vua nước Lương, thường quay mặt về phía bắc lễ và

Thường hướng lễ Đàm Loan Bồ-tát
Tam tạng Lưu Chi trao tịnh giáo
Đốt bỏ Tiên Kinh quy Lạc bang²⁸⁹
Chú giải Thiên Thân Bồ-tát luận
Báo độ nhân quả bày thế nguyện
Vãng hoàn hồi hướng do tha lực
Nhân của chánh định là tín tâm
Phàm phu hoặc nhiễm tín tâm phát
Chúng biết sinh tử tức Niết-bàn²⁹⁰
Ắt đến cõi Vô Lượng Quang Minh²⁹¹
Chúng sinh các hữu đều phổ hóa.²⁹²

Đạo Xước dạy Thánh đạo khó chứng
Chỉ có Tịnh độ dễ thông nhập
Vạn thiện tự lực gièm siêng tu
Viên mãn đức hiệu khuyên chuyên xung
Tam bất tam tín²⁹³ dạy ân cần

tôn xưng Sư là Bồ-tát Đàm Loan. Sư soạn bản chú giải luận Vãng Sinh của Bồ-tát Thiên Thân gồm 2 quyển, và soạn tập Vô Lượng Thọ Kinh 1 quyển có kèm theo 195 hàng kệ thất ngôn và những câu vấn đáp, cho lưu hành ở đời để khuyến người xuất gia lẫn tại gia quyết định cầu vãng sinh được thấy Phật A Di Đà.”

²⁸⁹ Đại sư Đàm Loan thuở nhỏ dạo chơi non Ngũ Đài, cảm diễm linh dị mà xuất gia. Ngài ưa thuật trường sanh, từng theo Đào Ẩn Cư thọ mười quyển Tiên Kinh. Sau gặp ngài Bồ Đề Lưu Chi, đại sư hỏi: “Đạo Phật có thuật trường sinh chăng?” Ngài Lưu Chi trao cho kinh Thập Lục Quán và bảo: “Đây là phép trường sinh của Phật giáo”. Đại sư cả mừng, liền đốt Tiên Kinh, chuyên tu tịnh nghiệp, dù đau yếu cũng không tạm nghỉ. (Quê Hương Cực Lạc – H.T Thích Thiên Tâm dịch)

²⁹⁰ Đối với sinh tử và Niết-bàn mà khởi Bình đẳng trí, bấy giờ do sự chứng ngộ đây mà biết “sinh tử tức Niết-bàn”, gọi là Vô trú Niết-bàn. Vô trú Niết-bàn là bỏ tạp nhiễm (phiền não) mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử, mà cũng không trú nơi Niết-bàn. Vô trú Niết-bàn được đại bi, đại trí vĩnh viễn phụ lực nên không ở sinh tử, không trú Niết-bàn, lợi lạc chúng sinh, tận cùng vị lai hoạt dụng mà thường tịch.

²⁹¹ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, No. 361, Chi Lôu-ca-sấm dịch, quyển 2, tr. 288c06: “Nhanh chóng vượt ngay để đến, Thế giới của An Lạc quốc, Đến cõi Vô Lượng Quang Minh, Cúng dường nơi vô số Phật.”

²⁹² Tán thán Đại sư Đàm Loan, có 12 câu, y theo Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú.

Tượng, mặt, pháp diệt đồng bi dẫn
Một đời tạo ác gặp hoàng thê
Đến cõi An Dưỡng chứng diệu quả.²⁹⁴

Thiện Đạo sáng tỏ ý chỉ Phật
Thương xót định tán và nghịch ác
Ánh sáng, danh hiệu bày nhân duyên²⁹⁵
Đi vào Bản nguyện đại trí hải
Hành giả tiếp nhận Kim cương tâm
Rồi vui mừng nhất niệm tương ưng²⁹⁶
Vi Đề, chúng sinh được ba nhãn²⁹⁷
Liên chứng thường lạc Pháp tánh thân.²⁹⁸

²⁹³ Tam tín tam bất (三信三不): Cũng gọi Tam bất tam tín (三不三信). Chỉ cho 3 thứ tâm tin và 3 thứ tâm không tin do ngài Đàm Loan thuộc tông Tịnh độ của Phật giáo Trung quốc nêu ra. Tam tín tâm là: 1. Thuần tâm: Tâm có niềm tin bền vững; 2. Nhất tâm: Tâm chỉ tin không nghi; 3. Tương tục tâm: Tâm liên tục không gián đoạn. Trái lại, tín tâm không thuần, tín tâm bất nhất, tín tâm không tương tục thì gọi là Tam bất tín. Nếu phối hợp Tam tín này với các Tam tâm thì Thuần tâm là hư giả không thật, hợp với Chí tâm; Nhất tâm thì chuyên nhất không hai, phối với Tín lạc; còn Tương tục tâm thì không bị dị học, dị kiến làm tổn hại, phối với Dục sinh tâm.

²⁹⁴ Tán thán Đại sư Đạo Xức, có 8 câu, y theo An Lạc Tập.

²⁹⁵ Đức Phật A Di Đà cứu độ tất cả chúng sinh bằng nhân duyên của ánh sáng và danh hiệu. Tất cả chúng sinh đều có thể vãng sinh về báo độ Cực Lạc là do danh hiệu. Danh hiệu là nhân năng sinh, giống như một người cha. Ánh sáng là duyên sở sinh, giống như một người mẹ. Hồng danh và ánh sáng là nhân duyên để tất cả chúng sinh được vãng sinh Cực Lạc. Tín tâm là nhân bên trong, ánh sáng và danh hiệu là duyên bên ngoài. Tín tâm là nhân chân thật của Niết-bàn phát sinh từ nội tâm của tất cả chúng sinh, và ánh sáng và danh hiệu là nhân duyên của tín tâm phát sinh từ Như Lai khiến có sự suy lường bên ngoài.

²⁹⁶ Hành giả nhất tâm niệm Phật là một niệm vui mừng có được Kim cương tín tâm.

²⁹⁷ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy rằng: Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ nhớ kỹ. Nay Như Lai vì tất cả chúng sinh đời vị lai, những kẻ bị giặc phiền não nhiều hại mà nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay cho Vi Đề Hy khéo hỏi được việc ấy. Nay A Nan! Ông nên thọ trì, rộng vì đại chúng mà tuyên nói lời Phật. Hôm nay Như Lai vì Vi Đề Hy và tất cả chúng sinh đời vị lai, quán sát thế giới Cực Lạc ở phương Tây, do oai lực của Phật nên sẽ thấy được quốc độ thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy hình tượng mặt mình. Thấy những sự vui cùng cực vi diệu của quốc độ ấy, nên tâm vui mừng, ứng thời liền được Vô sinh Pháp nhãn.” Kinh Vô Lượng Thọ: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng liền được đệ nhất nhãn, đệ nhị nhãn và đệ tam pháp nhãn, nơi các Phật pháp chẳng liền được bậc bất thối chuyển thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác.” (Nguyện 48) “Này A Nan! Nếu hàng thiên nhơn ở nước An Lạc thấy cây đạo tràng ấy thì được ba pháp nhãn: một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là vô sinh pháp nhãn.” Âm hưởng nhãn: do âm hưởng mà ngộ giải chân lý. Nhu thuận nhãn: tuệ tâm như nhuyễn, có khả năng tùy thuận chân lý. Vô sinh pháp nhãn: chứng thật tánh vô sinh mà ly các tướng.

Nguyên Tín rộng mở Giáo một đời
Nghiêng về An Dưỡng khuyên tất cả
Chuyên tạp chấp tâm rõ cạn sâu
Báo hóa hai độ kiến tạo xong
Người ác cực trọng chỉ niệm Phật²⁹⁹
Phật đã nhiếp lấy người ấy rồi
Phiền não chướng, mắt dù không thấy
Đại bi không mệt chiếu thân ta^{300 301}.

Bổn sư Nguyên Không hiểu lời Phật
Thương xót kẻ phạm phu thiện ác
Phiến Châu³⁰² hưng Chân tông Giáo chứng
Tuyển Trạch Bản Nguyên hoằng đời ác
Trở lại sinh tử, luân chuyển nhà
Bối lấy nghi tình làm chỗ dựa
Mau nhập vắng lặng vui vô vi
Phải dùng tín tâm để đi vào^{303 304}.

²⁹⁸ Tán thán Đại sư Thiện Đạo, có 8 câu, y theo Vãng Sinh Lễ Tán.

²⁹⁹ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hi: Người Hạ Phẩm Thượng Sanh ấy: Hoặc có chúng sanh tạo những nghiệp ác. Người ngu như vậy, đầu chẳng hủy báng Kinh điển Phương Đăng Đại Thừa, mà tạo nhiều việc ác, không có tâm quý. Người này lúc lâm chung, gặp thiện tri thức vì họ mà nói mười hai bộ Kinh Đại Thừa danh tự đầu đề. Do nghe tên các kinh như vậy, dứt trừ ngàn kiếp ác nghiệp cực trọng. Trí giả lại bảo chấp tay xếp cánh, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật nên trừ năm mươi ức kiếp tội sanh tử.” (H.T Trí Tịnh dịch) Thương nhân Nguyên Tín nói: “Người ác cực trọng không có phương tiện nào khác, chỉ xưng niệm A Di Đà Phật mà được sinh Cực Lạc.” (Cực trọng ác nhân, vô tha phương tiện; duy xưng Di Đà, đắc sinh Cực Lạc. 極重惡人，無他方便；唯稱彌陀，得生極樂.)

³⁰⁰ Phạm phu chúng ta bị phiền não ngăn che, mắt không thấy ánh sáng của Phật, mà ánh sáng “đại bi” của Phật chiếu soi chúng ta không biết mỗi một.

³⁰¹ Tán thán Thượng nhân Nguyên Tín, có 8 câu, y theo Vãng Sinh Yếu Tập.

³⁰² Phiến Châu (片州) chỉ cho Nhật Bản.

Đại sĩ hoàng Kinh, chư Tông sư
Cứu giúp vô biên dữ vắn đực
Mọi người đạo tục chung một lòng
Chỉ tin những gì cao Tăng nói.³⁰⁵

[60 dòng đã xong, 120 câu.]

³⁰³ Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập, No. 2608, Nguyên Không soạn, tr. 12b15: “Thâm tâm, là lòng tin sâu xa. Nên biết, nhà sinh tử lấy nghi ngờ làm chỗ dựa; thành Niết-bàn lấy lòng tin để đi vào.”

³⁰⁴ Tán thán Thượng nhân Nguyên Không – Pháp Nhiên, có 8 câu, y theo Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập.

³⁰⁵ Tổng kết công đức cứu giúp của chư Tổ. Những lời dạy của các cao tăng lỗi lạc ở Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản đã truyền lại chính xác công đức vĩ đại của “Nam mô A Di Đà Phật” do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng dạy.

Chương 3: Hiện Tịnh Độ Chân Thật Tín Văn Loại

Ngu ngốc Thích Thân Loan biên tập.

Lời Tựa

Đạt được tín lạc, là khởi phát từ nguyện tâm tuyền trạch của Như Lai.

Khai tỏ chân tâm, là biểu hiện từ phương tiện từ bi của Đức Phật.

Tuy nhiên, thời cuối đạo tục, đời gần Tông sư, say đắm Tự tánh duy tâm, chê bai Tịnh độ chân chứng; ham thích định tán tự tâm, mơ hồ Kim cương chân tín.

Do vậy, Ngu ngốc Thích Thân Loan, tín thuận thật ngữ chư Phật Như Lai, lật xem tông nghĩa chư Sư luận thích³⁰⁶.

Rộng bày ân đức, rục rờ tam kinh [Tịnh độ]; mở mang văn tự, lộng lẫy nhất tâm [quy mạng]³⁰⁷.

Vừa đến nghi vấn, bèn đưa minh chứng.

Thành tâm nhớ Phật ân sâu nặng, không thẹn người đời chế nhạo tôi.

Đồ chúng thích Tịnh bang, muôn người chán Uế độ, dù thủ xả gì, chớ sinh hủy báng.

³⁰⁶ Luận sư giảng giải như Long Thọ, Thế Thân. Cao Tăng chú thích như Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Nguyên Tín, Nguyên Không.

³⁰⁷ Nhất tâm hoa văn: Văn tự hoa lệ, hiển thị nghĩa “nhất tâm”, tán thán lời thệ nguyện “nhất tâm” vãng sinh trong Tịnh Độ Luận của Bồ-tát Thế Thân: “Thế Tôn! Con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyện sinh An Lạc quốc.”

(1)

Kính xét, vãng tướng hồi hương có đại tín.

Đại tín tâm, là phép thần “trường sinh bất tử”, là thuật diệu “hân tịnh yểm uế”, là chân tâm “tuyển trạch hồi hương”, là tín lạc “lợi tha sâu rộng”, là chân tâm “Kim cương bất hoại”, là tịnh tín “dễ sinh về mà có mấy ai”, là nhất tâm “tâm quang nhiếp hộ”, là đại tín “hy hữu tối thắng”, là đường tắt “thế gian khó tin”, là thật nhân “chứng Đại Niết-bàn”, là bạch đạo³⁰⁸ “mau chóng viên dung”, là tín hải “chân như nhất thật”.

Tâm ấy chính là từ “niệm Phật vãng sinh nguyện”³⁰⁹ mà sinh ra.

Đại nguyện ấy gọi là “tuyển trạch bản nguyện”, còn gọi là “bản nguyện tam tâm nguyện”³¹⁰, cũng gọi “chí tâm tín lạc nguyện”, và còn gọi là “vãng tướng tín tâm nguyện”.

Nhưng với quần sinh lưu chuyển, thường chìm đắm trong ngu tối, thì vô thượng diệu quả chẳng khó thành, chân thật tín lạc thực khó được.³¹¹ Vì sao? Chính nhờ thêm cái lực cứu độ [bất khả tư nghị] của Như Lai và nhờ cái lực đại bi quảng tuệ làm nhân tố mà có được tín tâm thanh tịnh chân thật. Tâm ấy không điên đảo, tâm ấy không hư ngụy, là vì chúng sinh cực ác sâu nặng có được đại khánh hỷ tâm³¹², lại được chư Thánh tôn trọng và yêu thương.

³⁰⁸ Bạch đạo: con đường trắng. Xem thí dụ ‘Hai sông nước lửa’ ở mục (13).

³⁰⁹ Nguyện thứ 18.

³¹⁰ Bản nguyện tam tâm nguyện (本願三心願): là Niệm Phật vãng sinh nguyện. Tam tâm: (1) Chí thành tâm, tâm chân thật nguyện sinh Tịnh độ; (2) Thâm tâm, tâm tin sâu Tịnh độ; (3) Hồi hương phát nguyện tâm, hồi hương công đức đã tu tập, nguyện được vãng sanh Tịnh độ. Ai có ba tâm này chắc chắn sẽ được vãng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hương phát nguyện tâm, ai có đủ ba tâm thì chắc sinh về nước ấy.”

³¹¹ Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán, quyển 3, phẩm Báo Ân, tr. 305a16: “Bồ-đề diệu quả chẳng khó thành, Chân thiện tri thức thực khó gặp.”

³¹² Đại khánh hỷ tâm (大慶喜心): Tâm vui mừng lớn lao của người tu Tịnh độ được đức Phật A Di Đà từ bi nhiếp thụ mà nầy sinh. Tức là hành giả tin một cách sâu sắc rằng đức Phật A Di Đà thu nhận tất cả chúng sinh, phàm người phát nguyện vãng sinh, cho dù sự nghiệp chưa thành, cũng mong được Phật tiếp dẫn. Niềm tin chân thực ấy tương tục không dứt, khiến sinh tâm vui mừng rất lớn, cho nên gọi là Đại khánh hỷ tâm. Mục (66): “Chân thật nhất tâm tức là Đại khánh hỷ tâm.”

(2)

Về bản nguyện “chí tâm tín lạc”, Đại Kinh nói:

*“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương mà chí tâm tín lạc, muốn sinh về nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp.”*³¹³

(3)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

*“Giả sử khi tôi chứng đắc Vô thượng giác, ở các cõi Phật khác có hữu tình loại nghe danh hiệu tôi, được bao thiện căn, dốc lòng hồi hướng, nguyện sinh nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ tạo nghiệp ác vô gián, phỉ báng chánh pháp và các bậc Thánh.”*³¹⁴

(4)

Bản nguyện thành tựu văn, Kinh Vô Lượng Thọ nói:

“Có những chúng sinh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy, thì liền được vãng sinh ở bậc Bất thoái chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.”

(5)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai [Bồ-đề-lưu-chi dịch] nói:

“Nơi Phật độ phương khác, có những hữu tình nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, mà có thể phát một niệm tịnh tín hoan hỷ ái lạc, được bao thiện căn, hồi hướng nguyện sinh về quốc độ của Vô Lượng Thọ Như Lai, tùy

³¹³ Nguyện thứ 18.

³¹⁴ Nguyện thứ 18.

nguyện đều được sinh, được Bất thối chuyển, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chỉ trừ kẻ [tạo nghiệp] ngũ vô gián, phỉ báng chánh pháp và các bậc Thánh.”

(6)

Lại nói:

“Nghe pháp được chẳng quên

Thấy kính rất mừng vui

Là bạn lành của ta

Vì vậy phải phát tâm.”³¹⁵

(7)

Lại nói:

“Đại loại như vậy, các bậc đại oai đức được sinh từ pháp môn đặc biệt trong giáo pháp quảng đại của Phật.”³¹⁶

³¹⁵ Kinh Vô Lượng Thọ, tr. 273b15.

³¹⁶ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, tr. 101a25. Nguyên văn trong Đại Bảo Tích là: A dật đa! Như thị đẳng loại đại uy đức giả năng sinh quảng đại Phật pháp dị môn. Do ư thử pháp bất thính văn cố, hữu nhất ức bồ tát thối chuyển A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. (阿逸多! 如是等類大威德者能生廣大佛法異門。由於此法不聽聞故, 有一億菩薩退轉阿耨多羅三藐三菩提。 Nghĩa là: Này A-dật-đa! Đại loại như vật các bậc đại oai đức được sinh từ pháp môn đặc biệt trong giáo pháp quảng đại của Phật. Do chưa nghe pháp môn [Tịnh độ] này, cho nên một trăm triệu vị Bồ-tát thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.) Đoạn kinh này không có trong bản dịch của Linh Sơn Pháp Bảo. Pháp môn Tịnh Độ là một “dị môn” của “Phật pháp quảng đại”. Quảng đại là chỉ 84.000 pháp môn của Đại thừa Phật pháp, của vô lượng pháp môn, và Tịnh độ là một pháp môn đặc biệt trong vô lượng pháp môn Đại thừa. Ai thực sự “ưa mến tu tập, cho đến trải qua một ngày đêm thọ trì, đọc tụng, sinh lòng hiếm có, ở trong đại chúng, vì người khác khai thị, khiến viết chép, giữ gìn kinh [Vô Lượng Thọ] này, đối với kinh này sinh tưởng như Đạo sư, “ thì người này là bậc đại oai đức. Đây là lời khen ngợi của Đức Thế Tôn. “Một trăm triệu vị Bồ tát” được đề cập ở đây phải là những vị Bồ-tát ở trước địa thứ bảy; điều này không bao gồm những vị Bồ-tát ở địa thứ tám, những vị sẽ không thoái chuyển. Từ đó có thể thấy rằng, chúng ta đối với pháp môn này mà có thể tin thọ phụng hành, có đức tin vững chắc, nguyện sinh mạnh mẽ và nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, điều đó tốt hơn rất nhiều so với các vị Bồ tát này. Nhưng làm sao vượt qua được? Thứ nhất là thiện căn, phước đức mà chúng ta tích lũy được từ nhiều đời kiếp đến cả đời này, đây là một nhân tố. Yếu tố thứ hai là hiện nay chúng ta được tất cả chư Phật Như Lai mười phương hộ niệm, đặc biệt là bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, nên “được sinh từ pháp môn đặc biệt trong giáo pháp quảng đại của Phật”, tức được gặp pháp môn Tịnh độ, được thọ trì, đọc tụng, sống tương ứng với kinh Vô Lượng Thọ vậy.

(8)

Lại nói:

“*Như Lai công đức Phật tự biết
Chỉ có Thế Tôn khai thị được
Trời, rồng, dạ-xoa chẳng bắt kịp
Nhi thừa tự tuyệt nơi danh ngôn
Nếu các hữu tình sẽ thành Phật
Tu vượt Phổ Hiền lên bờ kia
Diễn nói công đức của một Phật
Trải qua nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn
Trung gian khi ấy thân diệt độ
Thắng tuệ của Phật không lường được
Vì thế tin nghe phải đầy đủ
Và các bạn lành thường nhiếp thọ
Được nghe diệu pháp sâu như thế
Sẽ được chư Thánh tôn ái trọng
Như Lai thắng trí khắp hư không
Ngữ nghĩa nói ra chỉ Phật ngộ
Thế nên những trí sĩ bác văn
Phải tin Ta dạy lời như thật
Được thân loài người là rất khó
Gặp Phật ra đời lại khó hơn
Tin tuệ nhiều đời mới đạt được
Vì thế người tu nên tinh tiến
Diệu pháp như thế đã lắng nghe*

Thường nhớ chư Phật lòng mừng vui.”³¹⁷

(9)

Luận Chú nói:

“Xưng danh Như Lai kia, như quang minh trí tướng của Như Lai kia, như danh nghĩa kia, muốn như thật tu hành tương ứng.

Xưng danh Như Lai kia: Là xưng danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai vậy.

Như quang minh trí tướng của Như Lai kia: Quang minh của Phật là tướng của trí tuệ vậy. Quang minh này soi chiếu các thế giới ở mười phương mà không có gì chướng ngại, trừ được bóng tối vô minh của chúng sinh mười phương. Chẳng phải như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay châu ngọc, chỉ phá được bóng tối trong hang trống.

Như danh nghĩa kia, muốn như thật tu hành tương ứng: danh hiệu của Vô Ngại Quang Như Lai kia có thể phá hủy tất cả vô minh của chúng sinh, có thể thỏa mãn tất cả chí nguyện của chúng sinh. Tuy nhiên, có người xưng danh và nhớ nghĩ mà vô minh vẫn còn, các nguyện không thỏa mãn, đó là sao vậy? Do vì không như thật tu hành, không tương ứng với danh nghĩa. Thế nào là không như thật tu hành, không tương ứng với danh nghĩa? Là vì không biết Như Lai là Thật tướng thân, là Vị vật thân.³¹⁸ Lại nữa, có ba loại không tương ứng: một là, tín tâm không thuần, vì khi còn khi mất; hai là, tín tâm bất nhất, vì không quyết định; ba là, tín

³¹⁷ Ibid., tr. 101b19-c01.

³¹⁸ Vị vật thân (為物身): đối lại là Thật tướng thân (實相身). Chân thật công đức tướng của Phật, gọi là Thật tướng thân. Cái thân ứng hiện vì tế độ chúng sinh, gọi là Vị vật thân. Thuyết này có lẽ đã y cứ theo thuyết Phật có 2 loại thân: Pháp tánh sinh thân và Tùy thể gian thân, hay Pháp tánh sinh thân Phật và Tùy chúng sinh ưu liệt hiện hóa Phật, lần lượt được nêu trong luận Đại Trí Độ quyển 33 và 34 mà ra. Còn chỗ y cứ của danh từ Thật tướng thân thì Đại Thừa Đại Nghĩa Chương, quyển thượng (Đại 45, 123 thượng) nói: “Pháp thân thật tướng không đi, không đến, giống như nê-hoàn. Chú Duy Ma Cật Kinh, quyển 3 (Đại 38, 359 hạ) nói: Thật tướng các pháp hòa hợp là Phật, vì thể thật tướng cũng gọi là Pháp thân. Tịnh độ Chân tông của Nhật bản thì lấy ánh sáng của Phật A Di Đà làm Thật tướng thân, lấy danh hiệu của Ngài làm Vị vật thân; có thuyết thì lấy pháp thân Pháp tánh làm Thật tướng thân, pháp thân Phương tiện làm Vị vật thân. Đại sư Đàm Loan ở đây muốn nói: Nếu không biết Như Lai là Thật tướng thân, là Vị vật thân, thì dù niệm “Nam mô A Di Đà Phật” cũng không tương ứng với danh hiệu.

tâm không tương tục, vì các niệm khác xen vào. Ba câu này triển chuyển làm thành cho nhau. Vì tín tâm không thuần, nên không quyết định; không quyết định, nên niệm không tương tục. Cũng có thể là, vì niệm không tương tục, nên không có được quyết định tín; không có được quyết định tín, nên tâm không thuần. Ngược lại với điều này, gọi là như thật tu hành tương ưng. Thế nên luận chủ [Thế Thân] mới thốt lên: **Con nhất tâm.**”³¹⁹

(10)

Tán A Di Đà Phật Kệ, Hòa thượng Đàm Loan tạo, có ghi:

“Ai nghe danh hiệu Phật A Di Đà
Nghe xong hoan hỷ khởi đức tin
Cho đến một niệm mà chí tâm
Tâm nguyện hồi hướng đều được sinh
Chỉ trừ ngũ nghịch, chê chánh pháp
Nên con đánh lễ nguyện vãng sinh.”³²⁰

(11)

Quán Kinh [Định Thiện] Nghĩa, Hòa thượng chùa Quang Minh viết:

“Nhu ý có hai thứ: (1) Nhu ý của chúng sinh, là tùy theo tâm niệm chúng sinh mà thích ứng hóa độ. (2) Nhu ý của Đức Phật A Di Đà, là nắm mắt viên chiếu, sáu thông tự tại. Quán căn cơ có thể hóa độ, nghĩa là trong một niệm, không trước

³¹⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 835b13-c02. Giải thích kệ tụng: “Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyễn sinh An Lạc quốc, Con y Tu-đa-la, Tướng công đức chân thật, Nói nguyện kệ tổng trì, Tương ưng lời Phật dạy.”

³²⁰ Tán A Di Đà Phật Kệ (讚阿彌陀佛偈), No. 1978, Đại sư Đàm Loan soạn, tr. 422a29.

không sau, thân tâm cùng hướng đến, ba luân³²¹ để khai ngộ, lợi ích mỗi khác nhau.”³²²

(12)

Lại nói:

“Các chúng sinh trong sáu đường đều nhận chịu năm trước, năm khổ và tám khổ này. Chưa có ai không bị các khổ bức nã. Ai không nhận chịu các khổ này thì người đó chẳng thuộc số phàm phu.”³²³

(13)

Lại nói:

“Từ ‘**Những gì là ba tâm**’, cho đến ‘**ắt sinh nước kia**’³²⁴, là xác định ba tâm để làm chánh nhân, đoạn này cũng có hai:

- (a) Đức Thế tôn tùy căn cơ mà nói sự lợi ích, ý thú sâu xa khó hiểu, nếu không nhờ Đức Phật tự hỏi, tự bày thì không cách nào hiểu được.
- (b) Đức Như lai còn tự đáp về ba tâm ở trên.

³²¹ Tam Luân (三輪): Dùng bánh xe báu của vua Chuyển luân thánh vương để ví dụ tác dụng thù thắng của 3 nghiệp thân, khẩu, ý của Như lai. Đó là: 1. Thần biến luân (cũng gọi Thần thông luân, Thân luân): Hiển hiện thần thông, biến hóa ra những cảnh thù thắng, khác lạ để khiến chúng sinh phát tín tâm. 2. Giáo giới luân (cũng gọi Thuyết pháp luân, Khẩu luân): Phật diễn nói giáo pháp khiến chúng sinh phát tín tâm bỏ tà về chính. 3. Ký tâm luân (cũng gọi Ưc niệm luân, Ý luân): Khi đức Phật nói pháp, trước hết Ngài dùng ý luân để xét biết căn cơ lợi độn của chúng sinh hầu tùy nghi diễn giảng, không phạm sai lầm. Tam luân trên đây có ý nghĩa giống với Tam thị hiện (三示現), Tam chủng thị đạo (三種示導).

³²² Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Thiện Đạo tập ký, quyển 3, Phần Chánh tông của Quán Kinh: Nghĩa của Định thiện (觀經正宗分定善義), tr. 269c29. Định thiện là ngưng dứt cái tư lự để tâm an trụ vào một cảnh. Tán thiện là bỏ ác tu thiện, mặc dù tâm tán loạn. Tóm lại là đều đem hai hạnh ấy hồi hướng nguyện sanh về Tịnh độ. Đời Đường, ngài Thiện Đạo đem 16 pháp quán của một bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phân làm định thiện và tán thiện, trong đó, 13 quán trước, dùng cái tâm thiền định, để quán tướng Y báo, Chánh báo của Tịnh độ, nên gọi là Định thiện, và 3 quán sau, dùng cái tâm tán loạn để tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm nên gọi là tán thiện.

³²³ Ibid., quyển 2, tr. 261a20.

³²⁴ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Nếu có chúng sinh nguyện sinh quốc độ kia mà phát ba thứ tâm liền được vãng sinh. Những gì là ba tâm? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm và ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Người đủ ba tâm này ắt sinh quốc độ kia.”

Kinh nói: **“Một là, chí thành tâm.”**

Chí, là chân. Thành, là thật. Điều này cho thấy, sự hiểu biết và tu hành của tất cả chúng sinh ngang qua ba nghiệp thân, khẩu, ý, phải được thực hiện bằng cái tâm chân thật, không được bên ngoài bày tướng tinh tấn hiền thiện, mà bên trong có cái tâm giả dối, tràn đầy tham sân, gian xảo, dối trá, tánh tình hung dữ khó gần, việc làm như rắn độc, bò cạp. Tuy khởi ba nghiệp, nhưng gọi là Thiện tạp độc³²⁵, cũng gọi là Hành giả dối, không thể gọi là Nghiệp chân thật.

Thực hiện sự an tâm và khởi hành³²⁶ như thế, dù cho thân tâm khổ nhọc gắng sức, ngày đêm mười hai thời, gấp chạy gấp làm, như lửa cháy đầu, vẫn gọi là Thiện tạp độc. Muốn hồi hướng sự hành [thiện] tạp độc này để cầu sinh Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà thì chắc chắn không thể được.

³²⁵ Tạp độc thiện 雜毒善: Phiền não được so sánh như chất độc. Tu hành thiện mà vẫn bị phiền não xen tạp, gọi là Thiện tạp độc. Ngay cả khi một người được Đức Phật cứu độ, thực tế là 108 phiền não không thay đổi, không giảm bớt, cũng không biến mất. Dù cho chúng ta được chở trên con thuyền đại bi của Phật thì tâm phiền não tham, sân, si, tật đố cũng không dứt dù chỉ trong chốc lát. Dưới con mắt của Đức Phật, việc thiện con người làm chẳng qua chỉ là những độc dược giả dối linh tinh, không có một việc thiện nào có ích cho sự vãng sinh, quả báo sẽ tùy theo chủng tử thiện ác mà hiện ra. Đương nhiên là nếu chúng ta sống một cuộc sống phóng túng, thì chúng ta sẽ có kết thúc bi thảm. Tất cả điều thiện đối với Đức Phật A Di Đà chính nằm trong lời nguyện thứ 19: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát tâm Bồ đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

³²⁶ An tâm khởi hành tác nghiệp (安心起行作業): Nói tắt là Tâm hành nghiệp. Là tiếng dùng trong môn Tịnh độ, bao quát tâm, hành và tu tướng. Có xuất xứ từ Vãng Sinh Lễ Tán (Đại 47, 438 hạ) của ngài Thiện Đạo: Nay muốn khuyên người ta vãng sinh, thì nên biết, nếu làm được an tâm, khởi hành, tác nghiệp thì nhất định sẽ được vãng sinh sang nước ấy. (1) An tâm: chỉ chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, hoặc chí tâm, tín lạc, dục sinh, ba tâm nói trong kinh Vô Lượng Thọ, hoặc chỉ nhất tâm trong kinh A Di Đà. (2) Khởi hành: tức do đã an tâm mà phát khởi tu hành ba nghiệp thân, khẩu, ý, như tu năm niệm môn là lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát, hồi hướng, và tu năm chính hành là tụng đọc, quán sát, lễ bái, xưng danh và tán thán cúng dường. (3) Tác nghiệp: là nghĩa tạo tác, chỉ việc xúc tiến tu hành các pháp môn ba tâm, năm niệm, cũng tức là siêng năng chăm chỉ làm bốn pháp tu, là Cung kính tu, Vô dư tu, Vô gián tu và Trường thời tu. Bởi vì an tâm là chính nhân của sự vãng sinh Tịnh độ, nên đã do an tâm mà khởi hành rồi, lại thêm trường thời vô gián (tức tu liên tục, tu lâu dài, không ngừng nghỉ, không gián đoạn) nữa, thì chắc chắn sẽ được vãng sinh thế giới Cực Lạc.

Vì sao? Nguyên do là Đức Phật A Di Đà kia, khi tu nhân hạnh Bồ-tát, cho dù một niệm một sát-na, sự tu tập ba nghiệp [của Ngài] đều làm bằng cái tâm chân thật. Hễ thực thi những gì để thú cầu³²⁷ cũng phải làm bằng cái tâm chân thật.

Lại nữa, chân thật có hai thứ: (a) Tự lợi chân thật. (b) Lợi tha chân thật. (...)³²⁸

Chân thật trong tâm thì ba nghiệp bất thiện đều phải xả bỏ.

Lại nữa, nếu khởi ba nghiệp thiện, thì phải được thực hiện bằng cái tâm chân thật, bất kể trong ngoài, sáng tối, đều phải chân thật, đó gọi là Chí thành tâm.

Kinh nói: **“Hai là, thâm tâm.”**

Thâm tâm, tức là tâm thâm tín, cũng có hai thứ:

(a) Thâm tín là xác quyết rằng, tự thân hiện là phạm phu tội ác ở trong sinh tử, nhiều kiếp đến nay thường chìm đắm, thường lưu chuyển, không có nhân duyên xuất ly.

³²⁷ Thú cầu bằng hiệp thiện (mang theo điều thiện) hay trực nhĩ (trực tiếp). Hiệp thiện thú cầu (挾善趣求): Đối lại với Trực nhĩ thú cầu (直爾趣求). Từ ngữ được dùng để giải thích ý nghĩa của sự hồi hướng. Phát nguyện và hồi hướng khác nhau. Phát nguyện là người chưa có căn lành, chỉ cầu vãng sinh thành Phật, nên gọi là Trực nhĩ thú cầu. Còn hồi hướng là chỉ cho người đã có căn lành và nhờ đó mà cầu được quả lành mang theo, nên gọi là Hiệp thiện thú cầu. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, quyển cuối của ngài Tuệ Viễn (Đại 37, 183 trung), nói: “Trực nhĩ thú cầu là nguyện, Hiệp thiện thú cầu là hồi hướng.”

³²⁸ (...): “Tự lợi chân thật cũng có hai loại: (a) Chân thật trong tâm, chế ngự và xả bỏ các điều ác của mình và người, và cả cõi nước uế trược, v.v.; trong lúc đi đứng ngồi nằm tưởng đồng với tất cả Bồ-tát đang xả bỏ các điều ác, ta cũng như thế. (b) Chân thật trong tâm, siêng tu các điều thiện của mình người phạm Thánh; chân thật trong tâm, khẩu nghiệp thì khen ngợi Đức Phật A Di Đà và hai báo y chánh. Lại nữa, chân thật trong tâm, khẩu nghiệp thì chán ghét ba cõi sáu đường, những sự khổ đau xấu ác của hai báo y chánh của mình người; và cũng khen ngợi tất cả chúng sinh thực thi điều thiện bằng ba nghiệp. Đối với người không có nghiệp thiện, thì kính họ mà xa lánh họ và cũng không vui theo. Lại nữa, chân thật trong tâm, thân nghiệp thì chấp tay lễ kính, cúng dường bốn thứ cần dùng lên Đức Phật A Di Đà và hai báo Y Chánh. Lại nữa, thân nghiệp thì coi nhẹ, chán bỏ ba cõi sinh tử này và cả hai báo Y Chánh của mình người. Lại nữa, chân thật trong tâm, ý nghiệp thì suy tưởng, quán sát, nhớ nghĩ Đức Phật A Di Đà và hai báo y chánh, như hiện ở trước mắt. Lại nữa, chân thật trong tâm, ý nghiệp thì coi nhẹ, chán bỏ ba cõi sinh tử này và cả hai báo y chánh của mình người.” (tr. 271a10-a24)

(b) Thâm tín là xác quyết rằng, bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A Di Đà là để nhiếp thọ chúng sinh, không nghi không lo, nương nguyện lực của Ngài thì chắc chắn được vãng sinh.

Lại nữa, thâm tín là xác quyết rằng, Đức Phật Thích Ca đã thuyết Quán kinh này qua ba phước chín phẩm³²⁹, định thiện tán thiện³³⁰, để chứng thật và khen ngợi y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà, khiến người ưa thích, ngưỡng mộ.

Lại nữa, thâm tín là xác quyết rằng, kinh A Di Đà có nói, hằng hà sa số các Đức Phật ở mười phương đã chứng thật và khuyến khích tất cả phàm phu quyết định được sinh.

Lại nữa, thâm tín là ngưỡng nguyện tất cả hành giả một lòng tin tưởng vào lời Phật dạy, không màng thân mạng, quyết định y theo tu hành, xả những gì Phật dạy xả, hành những gì Phật dạy hành, sinh về chỗ Phật dạy sinh về, đó gọi là tùy thuận lời Phật dạy. Tùy thuận ý Phật, đó gọi là tùy thuận bản nguyện của Phật, đó gọi là đệ tử Phật chân thật.

Lại nữa, tất cả hành giả nếu y theo [Quán] kinh này, thâm tín vào pháp hành, thì chính là những chúng sinh không lầm lỗi. Vì sao? Vì Đức Phật là người tràn đầy tâm đại bi, và vì lời dạy của Ngài trong kinh là chân thật.

Ngoài Đức Phật ra, những người mà trí hành chưa đủ, còn ở học địa, là do có hai chướng chánh tập³³¹ chưa trừ, quả nguyện chưa tròn. Những phàm phu và

³²⁹ Cứ theo đại sư Thiện đạo nói trong Quán Kinh Sớ, phần Tán thiện nghĩa, thì sự vãng sinh Tịnh độ lấy ba phước làm chánh nhân, lấy chín phẩm làm chánh hành. Ba phước là: (1) Thế phước, là những việc làm đạo đức phước thiện, như hiếu đễ, trung tín, từ bi không giết hại, v.v... (2) Giới phước, là những giới luật của Phật chế như ba quy y, năm giới, Cụ túc giới, v.v... (3) Hành phước, là sự tu hành Đại thừa, như tâm bồ-đề, tự tu hành và hóa độ người, phát nguyện vãng sinh, v.v... Chín phẩm là: dựa theo trình độ của hành nghiệp vãng sinh thực tiễn, có thể chia làm chín giai đoạn: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ; Trung thượng, Trung trung, Trung hạ; Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ.

³³⁰ Định là đình chỉ cái tư lự để tâm ngưng trụ vào một cảnh; Tán là bỏ ác để tu lành, mặc dù tâm tán loạn. Tóm lại, là đều đem hai hạnh ấy hồi hướng nguyện sinh về Tịnh độ. Đại sư Thiện Đạo đem 16 pháp quán của một bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phân làm định thiện, tán thiện: với 13 quán trước, dùng cái tâm thiền định, để quán tưởng y báo, chánh báo của Tịnh Độ, nên gọi là Định thiện. Với 3 quán sau, dùng cái tâm tán loạn để tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm nên gọi là tán thiện.

Thánh nhân như vậy, dù có suy đoán về ý thú của lời Phật dạy, chưa thể hiểu rõ tường tận, hay dù có bàn luận, cũng cần phải thỉnh cầu sự chứng thật của Phật mới có thể xác quyết. Nếu phù hợp với ý Phật, thì Ngài ấn khả, “Nhu vậy, như vậy!” Nếu không phù hợp với ý Phật, thì Ngài sẽ nói, “Những gì các ông nói, nghĩa ấy không như vậy.” Những gì không được ấn chứng, giống như lời nói vô ký, vô lợi, vô ích. Những gì Đức Phật ấn khả, thì tùy thuận chánh giáo của Phật.

Những lời dạy của Đức Phật chính là chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí. Là nhiều hay ít, làm sao những chúng sinh – dù là Bồ tát, người hay chư thiên – có thể xác định những lời dạy ấy là đúng hay sai? Những gì Đức Phật thuyết, chính là lời dạy liễu nghĩa³³². Những gì Bồ-tát thuyết, toàn là lời dạy bất liễu nghĩa. Nên biết như vậy.

Vì lý do này, giờ đây kính khuyên tất cả những người hữu duyên với sự vãng sinh, chỉ có thể thâm tín vào lời Phật dạy, chuyên chú phụng hành. Chớ nên tin theo lời dạy bất tương ưng của Bồ-tát, từ đó sinh ra nghi ngại, tự mình mê hoặc, đánh mất lợi lớn của sự vãng sinh.³³³ (...)

Giả sử hôm nay Đức Thích Ca dạy khuyên: “Tất cả các phàm phu, trọn một đời này, chuyên niệm chuyên tu, sau khi xả mạng, chắc sinh nước kia”, thì chư Phật mười phương cũng đồng khen ngợi, đồng khuyến khích, đồng chứng thật. Vì sao? Vì là đồng thể đại bi. Một Phật giáo hóa tức là tất cả Phật giáo hóa. Tất cả Phật giáo hóa tức là một Phật giáo hóa. Ngay trong kinh A Di Đà có nói: ‘Đức

³³¹ Chánh tập (正習): Chánh sử (正使) và tập khí (習氣). Chánh sử đối lại với tập khí. Chánh sử, nói tắt là sử, chỉ phiền não chánh thể (chủ thể) hiện khởi. Sử, có nghĩa là các phiền não có khả năng sai khiến chúng sinh trôi lăn trong ba cõi. Cái thói quen của phiền não còn sót lại thì gọi là Tập khí. A-la-hán là người đã dứt hết chính sử, nhưng tập khí thì vẫn còn. Cứ theo Đại thừa nghĩa chương, quyển 5, phần đầu chép, thì phiền não chương có hai thứ, mỗi thứ đều có chính sử và tập khí: (1) Tử kết phiền não chương (子結煩惱障): chánh sử thì Nhị thừa và Bồ tát tập chúng tánh dứt hết, còn tập khí thì Bồ tát chúng tánh trở lên cho đến Sơ địa mới dứt hết. 2. Quả phược sở tri chương (果縛所知障): chánh sử thì Bồ tát từ Sơ địa trở lên cho đến Thất địa dứt hết, tập khí thì Bồ tát từ Bát địa trở lên cho đến Thập địa mới dứt hết.

³³² Liễu nghĩa: nghĩa lý đã hoàn hảo. Bất liễu nghĩa: nghĩa lý chưa hoàn hảo.

³³³ Ibid., quyển 4, tr. 271a24 – 272b23.

Phật Thích Ca khen ngợi các thứ trang nghiêm ở quốc độ Cực Lạc, lại khuyên tất cả phàm phu, một ngày hoặc bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, thì chắc được vãng sinh.’ Đoạn văn tiếp theo nói: ‘Hằng hà sa số chư Phật ở mười phương đều khen ngợi Đức Thích Ca ở trong thời kỳ đầy cả năm thứ ác trước: thế giới độc ác, chúng sinh độc ác, kiến thức độc ác, phiền não độc ác, thời kỳ thịnh hành tà ác và không có đức tin,³³⁴ lại có thể chỉ dạy và khen ngợi danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyến khích chúng sinh xưng niệm thì nhất định được vãng sinh.’ Đây là lời chứng thật của chư Phật mười phương.

Lại nữa, chư Phật mười phương sợ rằng chúng sinh không tin lời Đức Phật Thích Ca nói, nên các Ngài cùng đồng tâm, đồng thời, đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp Đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: “Chúng sinh các vị, nên tin tưởng những lời Đức Thích Ca đã nói, khen ngợi và chứng thật: ‘Tất cả phàm phu, không kể tội phước nhiều ít, thời gian xa gần, có thể suốt một trăm năm, thậm chí một ngày hoặc bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, thì chắc được vãng sinh, quyết không nghi ngờ.’” Thế nên, một Đức Phật nói

³³⁴ Lục ác (六惡): Chỉ cho sáu cái ác: Ác thời, Ác thế giới, Ác chúng sinh, Ác kiến, Ác phiền não, Ác tà vô tín thịnh thời. 1. Ác thời (惡時): Thời kỳ ác độc, chỉ cho ngũ trước ác thế (五濁惡世), và ở đây được hiểu là kiếp trước, tức thời kỳ vẫn đục đầy năm thứ ác độc sau đây. 2. Ác thế giới (惡世界): Thế giới độc ác, tức thế giới Ta-bà. 3. Ác chúng sinh (惡眾生): Chúng sinh độc ác, tức chúng sinh trước trong ngũ ác trước, nghĩa là do cái thấy vẫn đục (kiến trước), phiền não vẫn đục (phiền não trước) mà sinh ra tâm lý độc ác, tư tưởng độc ác, phiền não độc ác. 4. Ác kiến (惡見): Tức là kiến trước, tức kiến thức sai lầm, lấy năm lợi sử như thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến làm thế. 5. Ác phiền não (惡煩惱): Phiền não vẫn đục, là tâm lý độc ác, tức do duyên theo cảnh ngũ dục mà khởi các phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, v.v... 6. Ác tà vô tín thịnh thời (惡邪無信盛時): Thời kỳ trong đó những điều gian tà, độc ác, vô cảm, không có đức tin thịnh hành - từ gọi chung khi cường độ của năm trước tăng lên kịch liệt.

Tạp A-hàm, kinh Pháp Tướng Hoại, số 906: "Phật bảo: Đúng vậy, Ca-diếp, vì mạng trước, phiền não trước, kiếp trước, chúng sanh trước, kiến trước và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập." (Thích Đức Thắng dịch)

Kinh A Di Đà: "Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể làm được việc rất khó và hiếm có, ấy là ở trong quốc độ Ta-bà, vào thời kỳ đầy dẫy năm thứ uế trước là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước và mạng trước mà Ngài có thể chứng đắc được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại nói cho cả thế giới cái pháp rất khó tin này thì đó là việc rất khó."

ra thì tất cả Đức Phật đồng làm chứng cho lời thành thật ấy. Đây gọi là ‘tự nhân lập tín’³³⁵.³³⁶ (...) ³³⁷

Lại nữa, trong phần chánh hành này cũng có hai thứ:

(a) Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không kể thời gian lâu mau, niệm niệm bất xả, đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

(b) Nếu nương vào sự lễ bái, đọc tụng, v.v. thì gọi là Trợ nghiệp.

Ngoài hai hành chánh trợ này, các thiện hành khác của mình, đều gọi là Tạp hành.

[Nếu tu cả hai hành chánh trợ, thì tâm thường gần gũi, nhớ nghĩ không ngừng, gọi là Vô gián hành. Nếu tu tạp hành, thì tâm thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng được sinh,] nhưng được gọi là Sơ tạp hành.

Đó gọi là thâm tâm.

Kinh nói: “Ba là, **hồi hướng phát nguyện tâm.**”

(...) ³³⁸ Lại nữa, hồi hướng phát nguyện sinh [Cực Lạc] thì cần phải hồi hướng nguyện bằng cái tâm chân thật quyết định, khởi ý tưởng ‘được sinh’.

³³⁵ Tịnh độ tông nhấn mạnh rằng phàm phu phải thiết lập tín tâm nếu muốn vãng sinh về Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Thiết lập tín tâm theo lời nói của người, gọi là ‘Tự nhân lập tín’ (就人立信), như tin vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, lời khuyến khích của Đức Phật Thích Ca, lời thành thật của chư Phật. Ngoài ra, chánh định nghiệp ‘xưng danh’ là hành thuận theo nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, và qua đó thiết lập tín tâm quyết định vãng sinh, đây gọi là ‘Tự hành lập tín’ (就行立信).

³³⁶ Ibid., quyển 4, tr. 272a11 – 272a28.

³³⁷ (...): “Tiếp theo là y cứ vào hành mà lập tín. Nhưng hành có hai thứ: (1) Chánh hành; (2) Tạp hành. Chánh hành: là hành giả chuyên y theo các kinh về vãng sinh để thực hành, gọi là chánh hành. Vì sao? Vì người nhất tâm chuyên đọc tụng Quán kinh, kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, thì nhất tâm chuyên chú, tư tưởng, quán sát, nhớ nghĩ y báo, chánh báo trang nghiêm của quốc độ Cực Lạc. Nếu lễ bái thì nhất tâm chuyên lễ Đức Phật A Di Đà. Nếu xưng niệm thì nhất tâm chuyên xưng danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Nếu khen ngợi cúng dường thì nhất tâm khen ngợi cúng dường Đức Phật A Di Đà. Đó gọi là chánh.”

Chánh hành có 5 thứ, gọi là Năm chánh hành: đọc tụng, quán sát, lễ bái, xưng danh và tán thán cúng dường. Trong đó, xưng danh là Chánh định nghiệp, các hành còn lại là Trợ nghiệp.

³³⁸ (...): “Hồi hướng phát nguyện tâm là từ quá khứ đến đời nay, thân khẩu ý nghiệp của mình tu tập thiện căn thế gian và xuất thế gian, và tùy thuận thân khẩu ý nghiệp của người - tất cả phàm Thánh - tu tập thiện căn thế gian và

Cái tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, thì có tiến thoái, tâm sinh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sinh.

Hỏi: Nếu có những người tà tạp, giải hành bất đồng, mang đến mê loạn, hoặc nói các thứ nghi nạn, hoặc nói [phàm phu] không được vãng sinh, rằng là: “Chúng sinh các vị, nhiều kiếp đến đời nay, thân khẩu ý nghiệp, đối với trên thân tất cả phàm Thánh, tạo đủ mười ác, năm nghịch, bốn trọng, báng pháp, xiển-đề, phá giới, phá kiến, v.v. chưa thể trừ hết. Những tội như thế đã ràng buộc các vị trong tam giới ác đạo, làm sao chỉ một đời tu phước, niệm Phật mà được đi vào quốc độ vô lậu vô sinh kia, được chứng ngộ địa vị bất thối ư?”

Đáp: Giáo và hành của chư Phật nhiều hơn cát bụi. Cơ duyên của chúng sinh thì khác nhau, tùy thuộc tình thức của họ. Ví như người thế gian có đôi mắt để thấy, để tin, như: ánh sáng xua tan bóng tối, không gian bao trùm vạn vật, đất chuyên chở và nuôi dưỡng, nước sinh trưởng và thấm ướt, lửa sinh thành và hủy hoại. Các việc như thế đều gọi là pháp đối đãi. Con mắt thấy được ngàn muôn sai khác, hướng chi Phật pháp có năng lực bất tư nghị, há không có các thứ lợi ích?

Theo ra một cửa, tức là ra cửa phiền não; theo vào một cửa, tức là vào cửa giải thoát trí tuệ. Theo cách này, mỗi người tìm cầu giải thoát và khởi hành tùy theo duyên. Tại sao ông chướng ngại tôi bằng những yếu hành mà chẳng hữu duyên với tôi? Những gì tôi yêu thích chính là các hành mà hữu duyên với tôi, đó không phải những gì ông mong cầu. Những gì ông yêu thích chính là các hành mà hữu duyên với ông, đó không phải những gì tôi mong cầu. Do đó, mỗi người tu tập các hành phù hợp với nguyện vọng của mình, thì chắc chắn mau được giải thoát.

xuất thế gian. Bằng cái tâm chân thật và thâm tín, đem thiện căn tu tập của mình và người thầy đều hồi hướng nguyện sinh quốc độ Cực Lạc, đó gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.”

Hành giả nên biết: Nếu muốn giải học³³⁹, từ phàm đến Thánh, cho đến quả Phật, thì thầy đều học được mà không gì trở ngại. Nếu muốn hành học³⁴⁰, thì phải nhờ vào pháp hữu duyên, nỗ lực dụng công thì ít mà thu được lợi ích rất nhiều.

Lại nữa, tôi nói với những ai nguyện sinh Tịnh độ: Bây giờ tôi sẽ nói một thí dụ cho các hành giả, để gìn giữ tín tâm, ngăn ngừa các nạn ngoại tà, dị kiến. Thí dụ đó là gì?

Giả sử có một người lữ hành đi một trăm ngàn dặm về hướng Tây, dọc đường bỗng gặp hai con sông [trong một dòng sông], một là sông lửa chảy về hướng Nam, hai là sông nước chảy về hướng Bắc. Hai con sông rộng một trăm thước, sâu không thấy đáy, Nam Bắc dài vô tận. Ngăn cách lửa và nước là một con đường màu trắng rộng bốn năm tấc. Có một con đường [bắc ngang qua hai con sông], từ bờ Đông sang bờ Tây rộng hơn một trăm thước. Những con sóng nước trào lên làm ướt con đường và những ngọn lửa bốc lên đốt nóng con đường. Nước và lửa cứ thế luân phiên nhau không ngừng nghỉ.

Bây giờ, người lữ hành đã đi sâu vào vùng hoang dã rộng lớn, không có một bóng người hay vật gì. Có những tên cướp ẩn nấp và thú dữ rình rập ở đó, và khi thấy người này đơn độc, chúng tranh nhau chạy đến muốn giết hại. Người này sợ chết, chạy thẳng về hướng Tây, bỗng thấy con sông lớn kia, liền tự nghĩ rằng: “Con sông này từ Nam chí Bắc không thấy bờ mé, giữa sông thấy một con đường trắng, rất là nhỏ hẹp, hai bờ cách nhau tuy gần nhưng làm sao đi được? Hôm nay tôi chắc chắn sẽ chết. Nếu tôi quay trở lại, những tên cướp và thú dữ đang từ từ áp sát. Nếu tôi chạy về phía Bắc hay phía Nam, thú dữ và trùng độc đang tranh nhau chạy về phía tôi. Nếu tôi muốn đi về phía Tây, tìm đường thoát, lại sợ rơi vào hai con sông nước và lửa.”

³³⁹ Giải học (解學): Đối xứng với Hành học. Chỉ cho trí giải thông suốt, học rộng nội điển và ngoại điển.

³⁴⁰ Hành học (行學): Đối xứng với Giải học. Chỉ cho sự tu hành và học hiểu. Trong Chư pháp thực tướng sao, ngài Nhật Liên, vị tăng thuộc tông Nhật Liên của Nhật bản, nói rằng hành giả phải siêng năng tu hành và học hiểu, đó là con đường chuyển mê khai ngộ; nếu lìa con đường này (hành học) thì không có Phật pháp.

Không có từ nào để diễn tả nỗi kinh hoàng và tuyệt vọng vào thời điểm đó, người lữ hành tự suy nghĩ: “Bây giờ tôi quay lại cũng chết, đứng đây cũng chết, đi tiếp cũng chết, không có cách nào để tôi thoát khỏi cái chết. Vì vậy, tôi nên tìm kiếm con đường này, hướng về phía trước mà đi. Đã có con đường này thì có thể vượt qua sông.”

Lúc nghĩ như thế, chợt nghe giọng nói khích lệ của ai đó ở bờ Đông: “Nhân giả! Nếu quyết định tìm con đường này mà đi, thì sẽ thoát được cái chết. Nhưng nếu ở lại thì sẽ chết.”

Thêm nữa, bên bờ Tây cũng có người kêu rằng: “Người nên nhất tâm chánh niệm mà đi thẳng đến đây, ta sẽ che chở cho người, không sợ rơi vào nạn nước lửa.”

Người này nghe được lời kêu gọi đó, thì liền tự trấn tĩnh thân tâm, quyết tâm tìm đường mà thẳng tiến, không sinh tâm khiếp sợ lui sụt.

Đi được một bước, hai bước, thì bên bờ Đông các tên cướp lại réo gọi: “Nhân giả, hãy quay lại! Con đường đó nguy hiểm, không thể đi qua được, chắc chắn sẽ bị chết ngay. Chúng tôi không có ác tâm đối với nhân giả.”

Người lữ hành tuy nghe tiếng kêu mà không ngoảnh lại, chỉ nhất tâm thẳng tiến, nhớ đường mà đi. Chốc lát liền đến bờ Tây, thoát khỏi các nạn, gặp gỡ bạn lành, vui mừng không ngớt.

Đây là thí dụ.

Giờ hãy áp dụng thí dụ:

‘Bờ Đông’ là dụ cho nhà lửa Ta-bà.

‘Bờ Tây’ là dụ cho nước báu Cực Lạc.

‘Bọn cướp nguy trang, thú dữ tiếp cận’ là chỉ cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, năm âm, bốn đại.

‘Nơi hoang dã đầm lầy không có bóng người’ là dụ cho thường theo bạn ác, không gặp được thiện tri thức chân chánh.

‘Hai sông nước lửa’ là dụ cho chúng sinh có những tham lam, luyến ái như nước và những sân si, ganh ghét như lửa.

‘Con đường trắng ở giữa, rộng bốn năm tấc’ là dụ giữa tham sân phiền não của chúng sinh có thể khởi một tâm thanh tịnh nguyện sinh Cực Lạc.³⁴¹ Vì lòng tham sân mãnh liệt mà dụ cho ‘nước và lửa’, vì tâm thiện lành ít ỏi mà dụ cho ‘con đường trắng’.

‘Sóng nước thường làm ướt con đường’ là dụ cho tâm luyến ái thường khởi làm cho nhiễm ô tâm thiện lành.

‘Ngọn lửa thường đốt nóng con đường’ là dụ cho tâm sân hận, ganh ghét, có công năng thiêu đốt các pháp tài công đức.

‘Người lữ hành trên đường đi về hướng Tây’ là dụ cho các hành nghiệp được hồi hướng về Tây phương.

‘Bờ Đông nghe tiếng người khuyên bảo, hãy tìm con đường, tiến thẳng về hướng Tây’ là dụ cho Đức Thích Ca đã diệt độ, người đời sau không thể gặp Phật, nhưng giáo pháp của Ngài vẫn tồn tại, có thể tìm gặp, và giáo pháp ấy giống như giọng nói.

‘Đi được một bước, hai bước, thì các tên cướp réo gọi’ là dụ cho những người có biệt giải, biệt hành, ác kiến v.v. họ nói ra những kiến giải sai lầm, luân phiên làm cho mê hoặc, rối loạn, khiến tự tạo tội mà lui sụt.

‘Bờ Tây có người kêu gọi’ là dụ cho ý nguyện của Đức Phật A Di Đà.

‘Chốc lát liền đến bờ Tây, gặp gỡ bạn lành, vui mừng không ngớt’ là dụ cho chúng sinh lâu xa chìm đắm sinh tử, nhiều kiếp luân hồi, mê đảo tự trói, vô phương giải thoát, cậy nhờ Đức Phật Thích Ca khuyến khích, dạy hướng về Tây, lại nương tựa vào tâm từ bi của Đức Phật A Di Đà mời gọi. Hôm nay đã tin tưởng và tùy thuận ý nguyện của hai Đức Phật, không quay đầu lại nhìn ‘hai sông nước lửa’,

³⁴¹ Tham sân phiền não và tâm thanh tịnh cùng hiện hữu. Tham sân không chướng ngại thanh tịnh, thậm chí có năng tánh sinh thanh tịnh.

niệm niệm không đòi đổi, nương vào ‘con đường’ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sau khi qua đời, được sinh về Cực lạc, nhìn thấy Đức Phật, vui thích nào bằng.

Lại nữa, tất cả hành giả, khi đi đứng ngồi nằm, tu tập ba nghiệp, bất kể thời gian, dù ngày hay đêm, thường nhận thức như thế, thường nghĩ tưởng như thế, đó gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.

Lại nói về hồi hướng: Sau khi sinh về quốc độ ấy, phát khởi tâm đại bi, trở vào cõi sinh tử để giáo hóa chúng sinh, cũng gọi là hồi hướng.

Ba tâm đã đầy đủ, chẳng hành nào không thành. Nguyện và hành đã thành, mà không được sinh về, rõ ràng không việc đó.

Lại nữa, ba tâm này cũng nhiếp chung ý nghĩa định thiện, nên biết như thế.”³⁴²

(14)

“Kính bạch tất cả thiện tri thức cầu vãng sinh, phải hết sức xấu hổ. Đức Thích Ca Như Lai thật là cha mẹ Từ bi, dùng các thứ phương tiện để phát khởi vô thượng tín tâm³⁴³ nơi chúng ta.”³⁴⁴

(15)

Trình Nguyên Tân Định Thích Giáo Mục Lục³⁴⁵, quyển 11³⁴⁶, ghi:

³⁴² Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 4, tr. 270c23-273b14.

³⁴³ Vô thượng tín tâm (無上信心): Chỉ cho tam tín về Tha lực. Tam tín là Chí tâm, Tín lạc tâm và Dục sinh tâm.

³⁴⁴ Y Quán Kinh Đẳng Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo soạn, tr. 448a22.

³⁴⁵ Trình Nguyên Tân Định Thích Giáo Mục Lục (貞元新定釋教目錄), No. 2157, 30 quyển, Đời Đường, do Tam tạng Sa-môn Viên Chiếu soạn.

³⁴⁶ Chính xác là quyển 23.

“Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, 2 quyển, Đại Đường, Tây Sùng Phúc Tự³⁴⁷, Sa-môn Trí Thăng soạn.”³⁴⁸ Ngày 23 tháng 10 năm Trinh Nguyên thứ 15 (799), sách này được hiệu đính và đưa vào Đại tạng.

Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, quyển thượng, Ngài Trí Thăng y cứ chư kinh mà biên soạn, và phần sám nghi có dẫn Lễ sám giờ Ngọ của Đại sư Thiện Đạo, vốn y cứ [Thập lục quán] trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Ở quyển hạ, mở đầu ghi, “Tỳ kheo Thiện Đạo tập ký. Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, một quyển. Khuyến tất cả chúng sinh nguyện sinh Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật quốc ở phương Tây”, đây là sao chép sám nghi văn thiết yếu.³⁴⁹

“Hai là, thâm tâm, tức là chân thật tín tâm. Tin biết tự thân là phàm phu có đủ các phiền não, thiện căn mỏng ít, lưu chuyển ba cõi, chưa ra khỏi nhà lửa. Ngày nay tin biết bản thể nguyện rộng lớn của Đức Phật A Di Đà và xưng danh hiệu [của

³⁴⁷ Sùng Phúc Tự (崇福寺): Chùa ở Trường An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Lúc đầu, Hoàng thất nhà Đường tự nghĩ đã dựng nghiệp ở Thái Nguyên, để báo đền ơn đất, mới xây 5 ngôi chùa ở Dương Châu, Kinh Nam, Thái Nguyên, Tây Kinh và Đông Kinh, đều đặt tên chùa là Thái Nguyên. Thời Vũ Hậu, 5 ngôi chùa được trùng tu và đổi tên chùa Thái Nguyên ở Tây kinh là Ngụy quốc Tây tự, chùa ở Đông Kinh là Đại phúc tiên tự, lại đổi Ngụy quốc Tây tự là Sùng phúc tự. Pháp sư Thần Khải từng hoằng truyền luận Nhiếp đại thừa, luận Câu xá... ở chùa này, do đó mà chùa trở thành đạo tràng của tông Pháp tướng. Về sau, chùa Thái Nguyên ở Thái Nguyên cũng đổi tên là Sùng Phúc tự, người đời bèn gọi chùa Sùng Phúc này là Tây Sùng Phúc tự (西崇福寺) để phân biệt với chùa Sùng Phúc ở Thái Nguyên. Trong năm Khai Nguyên, pháp sư Trí Thăng (智昇) trụ ở chùa này soạn Khai Nguyên Thích Giáo Lục (開元釋教錄), nổi tiếng ở đời.

³⁴⁸ Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi (集諸經禮懺儀), Tập 47, No. 1982, 2 quyển, Sa-môn Trí Thăng soạn, tập hợp và sao chép Lễ tán của các kinh luận mà thành. Quyển thượng, nội dung gồm: Kinh lễ thường trú Tam bảo, Thập Phương Phật Danh Kinh, Đại Tập Kinh chú, Văn Thù Sư Lợi lễ Pháp thân Phật văn, Hoa Nghiêm Kinh Thập đại nguyện, Lễ tán kệ buổi trưa của Ngài Thiện Đạo, Năm mươi ba Phật danh, Hoa Nghiêm kệ, Bồ tát giới pháp kệ, Giới hương thang pháp, Pháp giới Trí Độ Luận kệ, A Di Đà Phật chú, Pháp Hợp hương, Tỳ Ni Kinh ba mươi lăm Phật danh, Phật Danh Kinh hai mươi lăm Phật, Trú dạ lục thời phát nguyện văn, Phật Thuyết Tam Trù Kinh. Quyển hạ: đăng tải toàn văn Vãng Sinh Lễ Tán Kệ của Đại sư Thiện Đạo, cũng gọi Lục Thời Lễ Tán Kệ (六時禮讚偈).

³⁴⁹ Trong Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, No. 1521, phẩm Dị Hành, tr. 43a10, Bồ-tát Long Thọ giới thiệu bản nguyện của đức Phật A Di Đà: “Nếu người nào xưng niệm danh hiệu của ta và nương tựa vào đó, chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”, rồi ca ngợi Đức Phật A Di Đà bằng 32 kệ tụng, mà sau này Đại sư Thiện Đạo đã rút lại thành 16 kệ tụng và gọi là Long Thọ Bồ tát nguyện vãng sinh lễ tán kệ. Mười sáu kệ tụng này nằm trong Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, Trung dạ thời lễ (Thời lạy nửa đêm), tr. 442a24 (Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, quyển hạ, tr. 469c09).

Ngài] tối thiểu mười tiếng, thì chắc chắn được vãng sinh, dù chỉ một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.”³⁵⁰

“Ai nghe được danh hiệu

Đức Phật A Di Đà

Hoan hỷ đến nhất tâm.

Sẽ được sinh nước kia.”³⁵¹

(16)

Vãng Sinh Yếu Tập chép:

“Phẩm Nhập Pháp Giới³⁵² nói:

‘Thí như có người sở hữu loại thuốc ‘không thể hoại’ thì tất cả oán địch không thể tùy tiện hại được. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, có được Bồ-đề tâm – pháp được ‘không thể hoại’, thì tất cả phiền não, các ma oán địch đều không thể phá hoại.’

‘Thí như có người dùng bảo châu ‘đứng nước’ làm chuỗi ngọc đeo thân, vào trong nước sâu mà không bị chìm đắm. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, có được Bồ-đề tâm – bảo châu ‘đứng nước’, thì vào trong biển sinh tử mà không bị chìm đắm.’

³⁵⁰ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, 1 quyển, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 438c06. Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, quyển hạ, tr. 466a28.

³⁵¹ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, tr. 441c19: Kỳ hữu đắc văn bỉ, Di Đà Phật danh hiệu, Hoan hỷ chí nhất niệm, Giai đương đắc sinh bỉ. (其有得聞彼, 彌陀佛名號, 歡喜至一念, 皆當得生彼.) Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, quyển hạ, tr. 469b13, trích dẫn nhưng thay đổi “Hoan hỷ chí nhất niệm” thành “Hoan hỷ chí nhất tâm” (歡喜至一心, Hoan hỷ đến nhất tâm). Đại sư Thiện Đạo viết “Hoan hỷ chí nhất niệm”, được hiểu là ‘Hoan hỷ nãi chí nhất niệm’ (歡喜乃至一念, Hoan hỷ dù chỉ một niệm), cho thấy: Một người khi nghe danh hiệu của Đức Phật A Di Đà mà hoan hỷ, dù chỉ một niệm xưng danh, thì đã hữu duyên với Phật, và được Ngài chiếu ánh sáng đến thân. Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện: “Nhược nhân tán loạn tâm, Nhập ư tháp miếu trung, Nhất xưng Nam mô Phật, Giai dĩ thành Phật đạo.” (Hoặc người tâm tán loạn, Đi vào trong tháp Phật, Một xưng Nam mô Phật, Đều đã thành Phật đạo.) Ở đây, Đức Phật nói những người gieo duyên với Phật pháp nhỏ nhặt như xưng Nam mô Phật chỉ một lần thôi, đều do nhân duyên ấy thành Phật hết rồi.

³⁵² Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (大方廣佛華嚴經), No, 278, 60 quyển, còn gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm hay Tấn Kinh, Phật-đà-bạt-đà-la (佛陀跋陀羅, Buddhahadra, 359-429) dịch, quyển 59, tr. 777a11, 77b19 và 780a22.

‘Thí như kim cương ở yên trong nước qua trăm ngàn kiếp mà không hư hoại, cũng không biến đổi. Bồ-đề tâm cũng như vậy, ở trong sinh tử trải vô lượng kiếp, mà các phiền não và nghiệp không thể đoạn diệt, cũng không tổn giảm.’”³⁵³

(17)

Lại nói:

“Con cũng ở trong sự nhiếp thủ [bất xả] của Đức Phật A Di Đà, mặc dù con mất ‘phiền não chướng’ của con không nhìn thấy [ánh sáng của Phật], nhưng tâm đại bi ‘không mệt mỏi’ của Phật thường chiếu thân con.”³⁵⁴

(18)

Như vậy, dù là hành hay tín, không có một sự nào [của chúng ta] được thành tựu mà chẳng phải là sự hồi hướng của nguyện tâm thanh tịnh của A Di Đà Như Lai. Chẳng phải không có nguyên nhân, hay do nhân nào khác, mà có được. Nên biết như vậy.³⁵⁵

(19)

Hỏi: Bản nguyện mà Như Lai đã phát có lời thệ: “Chí tâm, tín lạc, dục sinh”³⁵⁶, vì sao Bồ-tát Thế Thân, tác giả luận Vãng Sinh, chỉ nói đến “Nhất tâm”³⁵⁷?

³⁵³ Vãng Sinh Yếu Tập (往生要集), No. 2682, 3 quyển, Sa-môn Nguyên Tín soạn, quyển thượng, tr. 51a27.

³⁵⁴ Ibid., quyển trung, tr. 56a23.

³⁵⁵ Dù là hành hay tín của chúng ta, dù là y báo trang nghiêm, chánh báo trang nghiêm và Bồ-tát trang nghiêm ở quốc độ Cực Lạc, tất cả đều từ nguyện tâm thanh tịnh, tức 48 đại nguyện, của Đức Phật A Di Đà mà được thành tựu và trang nghiêm.

³⁵⁶ Nguyện thứ 18: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm tin ưa, muốn sinh về nước tôi, hẳn đến mười niêm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

³⁵⁷ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá (無量壽經憂波提舍), No. 1524, của Bồ-tát Thiên Thân, còn gọi Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Luận, Vãng Sinh Tịnh Độ Luận, Tịnh Độ Luận, Vãng Sinh Luận: “Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyện sinh An Lạc quốc.” (tr. 230c17) “Thế nào là Tác nguyện?”

Đáp: Vấn đề trở nên dễ hiểu đối với những chúng sinh ngu độn rằng, A Di Đà Như Lai đầu phát ba tâm – nhân tố chân thật đưa đến Niết-bàn (: Báo độ), nhưng chỉ quan trọng tín tâm. Vì lý do này mà luận chủ gộp ba tâm làm một tâm.

(20)

Riêng xem tự huấn³⁵⁸ của ba tâm, ba hợp lại thành một. Ý ấy thế nào?

Chí tâm: Chí, là chân, là thật, là thành. Tâm, là chủng, là thật.³⁵⁹

Tín lạc: Tín, là chân, là thật, là thành, là mãn, là cực, là thành, là dụng, là trọng, là thâm, là nghiêm, là tuyên, là trung. Lạc, là dục, là nguyện, là ái, là duyệt, là hoan, là hỷ, là hạ, là khánh.³⁶⁰

Dục sinh: Dục, là nguyện, là lạc, là giác, là tri. Sinh, là thành, là tác, là vi, là hung.³⁶¹

Là tâm thường tác nguyện, nhất tâm chuyên niệm, chắc chắn vĩnh sinh An Lạc quốc độ.” (tr. 231b17) “Do nhất tâm chuyên niệm, tác nguyện sinh về cõi ấy, tu Xa-ma-tha Tịch Tĩnh Tam Muội Hành, mà đi vào thế giới Liên Hoa Tạng.”

³⁵⁸ Tự huấn (字訓): Huấn đọc Hán tự/Hán văn. Với người Nhật xưa, giải pháp là sử dụng “Huấn đọc Hán văn” (漢文訓読, Kanbun Kundoku), tức là sử dụng nguyên vẹn một văn bản Hán văn, nhưng đọc theo âm tiếng Nhật (chữ không phải tiếng Hán), có bổ sung một số ký hiệu “huấn điểm” và chữ cái (Katakana, Hiragana) ghi các trợ từ tiếng Nhật vào bên cạnh cột chữ Hán để hướng dẫn cách đọc và hiểu văn bản. Trong trường hợp đó, người Nhật không cần phải thay đổi trật tự từ trong văn bản Hán văn để phù hợp với trật tự từ trong tiếng Nhật. Về bản chất, huấn đọc Hán văn là một phương pháp bổ sung các ký hiệu văn tự học bản địa vào một văn bản ngoại ngữ để điều chỉnh cách đọc và hiểu văn bản ngoại ngữ ấy thành một văn bản tiếng mẹ đẻ dựa trên một sự hiểu biết khá cao của người đọc văn bản ấy về ngoại ngữ ấy. Phương pháp huấn đọc có mấy điều lợi sau: 1) Không làm đảo lộn trật tự nguyên bản Hán văn. 2) Chỉ cần bổ sung một số lượng hữu hạn các ký hiệu huấn điểm và trợ từ bằng chữ Katakana. Như vậy là với phương pháp huấn đọc Hán văn, người Nhật xưa chưa cần “dịch” (translate) một văn bản Hán văn ra tiếng Nhật thì cũng đã có thể đọc hiểu được văn bản ấy. Người Nhật bắt đầu dùng Huấn đọc Hán văn khi tiến hành đọc các Phật điển ở các tự viện chùa chiền của Lục tông Nam đô (Hoa Nghiêm, Pháp Tướng, Tam Luận, Câu xá, Thành Thực, Luật) với trung tâm là chùa Đông Đại (東大寺). Như vậy có thể thấy hiện tượng Huấn đọc Hán văn được nảy sinh từ trong các chùa chiền tự viện Phật giáo và sau này phương pháp Huấn đọc Hán văn còn được áp dụng khi đọc Hán tịch ngoài Phật điển.

³⁵⁹ Chí giả tức thị chân dã, thật dã, thành dã. (至者即是真也, 實也, 誠也.): Chí là chân, thật, thành thực. Tâm giả tức thị chủng dã, thật dã. (心者即是種也, 實也.): Tâm là chủng tử (hạt giống), thật quả (kết quả).

³⁶⁰ Tín giả tức thị chân dã, thật dã, thành dã, mãn dã, cực dã, thành dã, dụng dã, thâm dã, nghiêm dã, tuyên dã, trung dã. (信者即是真也, 實也, 誠也, 滿也, 極也, 成也, 用也, 重也, 審也, 驗也, 宣也, 忠也.): Tín là chân, thật, thành thực, viên mãn, tối cực, thành tựu, tác dụng, cứu xét, kính nghiêm, tuyên dương, trung thành. Lạc giả tức thị dục dã, nguyện dã, ái dã, duyệt dã, hoan dã, hỷ dã, hạ dã, khánh dã. (樂者即是欲也, 願也, 愛也, 悅也, 歡也, 喜也, 賀也, 慶也.): Lạc là ưa muốn, mong cầu, yêu mến, ưa thích, vui sướng, hân hoan, hoan hỷ, chúc mừng, vui mừng.

Biết rõ:

Chí tâm chính là cái tâm của chân, thật, thành, chủng, cho nên không xen tạp triền cái nghi ngờ³⁶².

Tín lạc chính là cái tâm của chân, thật, thành, mãn; là cái tâm của cực, thành, dụng, trọng; là cái tâm của dục, nguyện, ái, duyệt; là cái tâm của hoan, hỷ, hạ, khánh, cho nên không xen tạp triền cái nghi ngờ.

Dục sinh chính là cái tâm của nguyện, dục, giác, tri; là cái tâm của thành, tác, vi, hưng; là cái tâm của đại bi hồi hướng, cho nên không xen tạp triền cái nghi ngờ.

Nay xét tự huân của ba tâm: tâm chân thật nên không xen tạp hư giả, tâm chánh chân nên không xen tạp tà ngụy.

Thật biết:

Vì triền cái nghi ngờ không xen vô giữa, nên gọi là Tín lạc. Đó là lý do luận chủ Thế Thân thiết lập “Nhất tâm”. Nên biết điều này.

(21)

Hỏi: Theo tự huân của ba tâm, và ý của luận chủ về nghĩa ‘lấy ba làm một’, lý ấy có thể đúng, nhưng vì chúng sinh ngu độn và tà ác, A Di Đà Như Lai đã phát lời nguyện ‘ba tâm’, làm thế nào tư niệm?

Đáp: Ý Phật khó suy lường. Tuy nhiên, trộm suy đoán ba tâm, thấy rằng, biên cả ‘tất cả quần sinh’³⁶³, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay, ngay hôm nay và

³⁶¹ Dục giả tức thị nguyện dã, lạc dã, giác dã, tri dã. (欲者即是願也, 樂也, 覺也, 知也.): Dục là mong cầu, ưa thích, hiểu, biết. Sinh giả tức thị thành dã, tác dã, vi dã, hưng dã. (生者即是成也, 作也, 為也, 興也.): Sinh là làm thành, tạo dựng, làm ra, khởi lên.

³⁶² Năm triền cái (pañcanivarana) là tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử và nghi ngờ. Chúng mang tên “triền cái” là vì chúng bao phủ tâm, ngăn cản sự phát triển hành thiền ở cả hai lĩnh vực tịnh chỉ và tuệ giác. Vì lý do đó mà đức Phật gọi năm triền cái là những “chướng ngại, ngăn che, làm uế nhiễm tâm, làm yếu trí tuệ”. Hơn nữa, Ngài còn nói: “Năm triền cái, này chur tỳ kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn”.

³⁶³ Nhất thiết quần sinh hải (一切群生海).

giây phút này, đều là ô nhiễm và xấu ác, không có tâm thanh tịnh; hư giả và dối trá, không có tâm chân thật.

Vì vậy, Đức Như Lai từ bi thương xót biển cả ‘tất cả chúng sinh khổ não’³⁶⁴, trong thời gian bất khả tư nghị triệu năm số kiếp lâu xa, đã thực hành Bồ-tát hạnh và tu tập ba nghiệp, nhưng không có một niệm, một sát-na nào mà không là cái tâm thanh tịnh, không là cái tâm chân thật.

Như Lai đem cái tâm thanh tịnh và chân thật này mà thành tựu ‘chí đức’ viên dung vô ngại, bất khả tư nghị, bất khả xưng, bất khả thuyết.

Như Lai [đem cái tâm thanh tịnh và chân thật này] ‘chí tâm’ hồi hướng cho biển cả ‘tất cả quần sinh phiền não, ác nghiệp, tà trí’³⁶⁵ ở trong chư hữu³⁶⁶, đó toàn là biểu lộ cái tâm chân thật lợi tha, cho nên triền cái nghi ngờ không xen tạp. Chí tâm ấy lấy chí đức và tôn hiệu làm bản thể.

(22)

Thế nên Đại Kinh nói:

“[Trong thời gian bất khả tư nghị triệu năm số kiếp lâu xa, Như Lai tích chứa vô lượng đức hạnh Bồ-tát,] chẳng sinh dục giác, sân giác, hại giác; chẳng khởi dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng; chẳng trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; thành tựu nhãn lực, chẳng nài gian khổ, ít muốn biết đủ, không có tham sân si, chánh định thường vắng lặng, trí tuệ vô ngại, không có tâm dối trá bợ đỡ quanh co, sắc mặt hiền hòa, lời nói thân thương, biết trước ý người, sẵn lòng giải đáp, dững mãnh tinh tiến, chí nguyện không mệt mỏi, chuyên cầu pháp thanh bạch, đem tình

³⁶⁴ Nhất thiết khổ não chúng sinh hải (一切苦惱衆生海).

³⁶⁵ Nhất thiết phiền não ác nghiệp tà trí quần sinh hải (一切煩惱惡業邪智群生海).

³⁶⁶ Chư hữu (諸有): Quả báo dị thực của chúng sinh. Có nhân có quả mà có (hữu), nên gọi là hữu. Có ba hữu, bốn hữu, bảy hữu, chín hữu, hai mươi lăm hữu. Về ba hữu, tức tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tam giới mà nói là hữu, là vì: (1) Sắc giới và Vô sắc giới vẫn còn sinh tử liên tục chưa phải giải thoát; (2) Cả ba cõi đều là cảnh giới sinh tử, có nhân có quả mà có, tức nói quả báo dị thực.

thương lợi ích quần sanh, biết cung kính Tam bảo, phụng thờ Sư trưởng, dùng đại trang nghiêm đầy đủ các hành, khiến các chúng sinh thành tựu công đức.”³⁶⁷

(23)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Phật bảo tôn giả A-nan: Tỳ kheo Pháp Xứ ấy đối trước Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai và chư thiên, nhân, ma phạm³⁶⁸, sa-môn, bà-la-môn, v.v. mà quảng phát đại hoàng thệ nguyện như thế, đều đã thành tựu sự hy hữu ở thế gian. Phát nguyện ấy rồi, như thật an trú các thứ công đức, đầy đủ trang nghiêm uy đức quảng đại thanh tịnh Phật độ. Khi tu tập Bồ-tát hạnh như thế, trải qua vô lượng vô số bất khả tư nghị, không có toán số, trăm triệu na-do-tha trăm ngàn kiếp, mà chưa từng khởi tham, sân, si; không khởi dục tướng, hại tướng, khuể tướng; không khởi các tướng về sắc, thanh, hương, vị, xúc; đối với chúng sinh thường thể hiện sự yêu thương và tôn trọng giống như người thân thuộc, tánh tình ôn hòa, dễ dàng thích nghi mọi chỗ, có người đến thỉnh cầu chẳng nghịch ý họ, khéo nói khuyên dụ bằng cả lòng thành, nuôi dưỡng thân mạng để mà hành đạo, ít muốn biết đủ, thường ưa thanh vắng, tâm trí thông minh không có giả tạo, tánh tình hòa thuận không có hung dữ, đối với hữu tình luôn ôm lòng thương và sự nhẫn nhịn, tâm không đối trá, thân không giải đãi, khéo nói sách tiến cầu các bạch pháp, khắp vì quần sanh dừng mãnh không thoái lui, lợi ích thế gian mới viên mãn đại nguyện.”³⁶⁹

(24)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

³⁶⁷ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, tr. 269c11.

³⁶⁸ Ma phạm (魔梵): chỉ cho thiên ma ở cõi trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại của Dục giới và Phạm thiên vương của Sắc giới.

³⁶⁹ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, No. 310, Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi dịch, quyển 17, tr. 95a24.

“Muốn hồi hướng sự hành [thiện] tập độc này để cầu sinh Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà thì chắc chắn không thể được.

Vì sao? Nguyên do là Đức Phật A Di Đà kia, khi tu nhân hạnh Bồ-tát, cho dù một niệm một sát-na, sự tu tập ba nghiệp [của Ngài] đều làm bằng cái tâm chân thật. Hễ thực thi những gì để thú cầu cũng phải làm bằng cái tâm chân thật.

Lại nữa, chân thật có hai thứ: (a) Tự lợi chân thật. (b) Lợi tha chân thật. (...)

Chân thật trong tâm thì ba nghiệp bất thiện đều phải xả bỏ.

Lại nữa, nếu khởi ba nghiệp thiện, thì phải được thực hiện bằng cái tâm chân thật, bất kể trong ngoài sáng tối đều phải chân thật, đó gọi là Chí thành tâm.”³⁷⁰

(25)

Như vậy, qua lời chân thật của Đức Phật và nghĩa giải thích của Tông sư, chúng con tin biết rằng, tâm ấy là cái tâm chân thật hồi hướng lợi ích cho người khác, nó bắt nguồn từ biển cả ‘Nhất thừa đại trí nguyện bất khả tư nghị, bất khả xung, bất khả thuyết’³⁷¹, và đó gọi là Chí tâm.

(26)

Đã nói ‘Chân thật’. Chân thật là:

Kinh Niết-bàn nói: “*Thật để là một đạo thanh tịnh, không có hai vậy.*”³⁷²

“*Nói chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là chân thật. Chân thật tức là hư không. Hư không tức là chân thật. Chân thật tức là Phật tánh. Phật tánh tức là chân thật.*”³⁷³

³⁷⁰ Đoạn này lập lại, xem mục (13) ở trên.

³⁷¹ Bất khả tư nghị bất khả xung bất khả thuyết nhất thừa đại trí nguyện hải (不可思議不可稱不可說一乘大智願海).

³⁷² Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, quyển 12, phẩm Thánh Hành, tr. 443b25.

³⁷³ Ibid., quyển 12, phẩm Thánh Hành, tr. 443c19.

(27)

Giải thích câu, “Bất kể trong ngoài, sáng tối.”³⁷⁴

Trong ngoài: Trong, là xuất thế gian. Ngoài, là thế gian.

Sáng tối: Sáng, là xuất thế gian. Tối, là thế gian.

Kinh Niết-bàn nói: “*Tối tức là thế gian, sáng tức là xuất thế gian. Tối tức là vô minh, sáng tức là trí minh.*”³⁷⁵

(28)

Kể đến, nói về **Tín lạc**:

Đó là biển cả ‘tín tâm mãn túc đại bi, viên dung vô ngại’ của Như Lai. Do đó, triền cái nghi ngờ không xen vô giữa, nên gọi là Tín lạc. Bản chất của tín lạc là ‘chí tâm’ làm lợi ích người khác và hồi hướng.

Tuy nhiên, từ vô thủy đến nay, biển cả ‘tất cả quần sinh’³⁷⁶ lưu chuyển trong biển cả ‘vô minh’³⁷⁷, chìm đắm trong bánh xe chư hữu, trôi buộc trong luân hồi khổ đau, cho nên họ không có tín lạc nào thanh tịnh, và theo cách tồn tại của họ³⁷⁸, họ cũng không có tín lạc nào chân thật.

Do đó, với công đức vô thượng, họ khó mà gặp gỡ; với tịnh tín tối thắng, họ khó mà đạt được. Tất cả phàm phu nhỏ bé ở mọi thời gian, tâm tham ái³⁷⁹ thường

³⁷⁴ Xem mục (13) ở trên.

³⁷⁵ Ibid., quyển 34, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 589c02.

³⁷⁶ Nhất thiết quần sinh hải (一切群生海).

³⁷⁷ Vô minh hải (無明海).

³⁷⁸ Pháp nhĩ (法爾): Vốn là từ dùng để chỉ các pháp trong trạng thái tự nhiên không qua tạo tác nào, nói cách khác, Pháp nhĩ là tướng trạng tự nhiên vốn sẵn có của bất cứ sự vật nào. Theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, quyển 3 giải thích: (1) Xét trong hình thức tồn tại của các pháp thì hết thấy không gì chẳng do nhân duyên hòa hợp thành, như nước luôn chảy xuống, lửa luôn bốc lên đều là những sự hoàn toàn tự nhiên như thế. (2) Nếu nói trên phương diện Chân như, vạn pháp tự nhiên tùy duyên, tự nhiên quy về tánh, đều vốn sẵn bình đẳng. Du Già Sư Địa Luận cho rằng “Pháp Nhĩ đạo lý” chính là đạo lý tự nhiên sẵn có của bất cứ sự vật nào, như tánh của lửa là nóng, tánh của nước là thấm ướt. Tịnh Độ Chân Tông của Nhật còn đưa ra khái niệm “Pháp Nhĩ vãng sanh”, tức là nương vào nguyện lực của Phật A Di Đà tự nhiên vãng sanh về Báo Độ.

³⁷⁹ Tham ái nên tịnh tín thanh tịnh khó được.

xuyên nhuốm bản thiện tâm, tâm sân tắng (giận ghét)³⁸⁰ thường xuyên thiêu đốt pháp tài³⁸¹. Ngay cả khi họ gấp tu, gấp hành, như lửa cháy đầu, thì sự tu hành đó được gọi là ‘Thiện tạp độc, tạp tu’³⁸², cũng gọi ‘Hành hư giả, dối trá’³⁸³, không thể gọi là ‘Nghệp chân thật’. Đem cái hành hư giả và thiện tạp độc này mà muốn sinh về quốc độ Vô lượng ánh sáng, thì chắc chắn không thể được.

Vì sao? Nguyên do là A Di Đà Như Lai, khi thực hành Bồ-tát hạnh, tu tập ba nghiệp, cho dù một niệm một sát-na, triền cái nghi ngờ không có xen tạp.

Tâm [tín lạc] ấy, chính là do tâm đại bi của Như Lai mà quyết định thành tựu chánh nhân của Báo độ và chánh định [tụ].³⁸⁴

Như Lai thương xót biển cả ‘quần sinh khổ não’³⁸⁵, đã đem Tịnh tín quảng đại vô ngại³⁸⁶ mà hồi hướng và hiến tặng cho biển cả ‘chư hữu’³⁸⁷. Đây gọi là Tín tâm chân thật lợi tha.

(29)

Về ‘Bản nguyện tín tâm nguyện thành tựu văn’, Đại Kinh nói:

*“Chúng sinh trong chư hữu nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm.”*³⁸⁸

³⁸⁰ Sân tắng nên công đức tối thượng khó gặp.

³⁸¹ Pháp tài (法財): tài sản Chánh pháp, tức lấy giáo pháp làm tài sản. Giáo pháp có khả năng nuôi dưỡng chúng sinh, sinh trưởng tuệ mạng.

³⁸² Thiện tạp độc vì không có tâm thanh tịnh.

³⁸³ Hành hư giả vì không có tâm chân thật.

³⁸⁴ Chánh nhân vãng sinh chỉ là đại bi tâm của Như Lai, là Phật trí vô ngại. Chúng ta đem đỉnh đầu mà đội “tâm đại bi của Như Lai” trong tín tâm của mình, không phải tự chúng ta có được, để có thể chuyển hóa tự thân thành “thiện nhân” và “an tâm” (chí tâm, tín lạc, dục sinh) mà vãng sinh.

³⁸⁵ Khổ não quần sinh hải (苦惱群生海).

³⁸⁶ Quảng đại vô ngại là Nhất tâm. Luận chủ Thế Thân nói: “Con nhất tâm quy mạng hết mười phương Vô Ngại Quang Như Lai.”

³⁸⁷ Chư hữu hải (諸有海): Phàm phu chìm đắm trong biển sinh tử, nên gọi là Chư hữu hải. Kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa: “Diệt hết sự trói buộc trong các hữu, tâm được tự tại.” (盡諸有結, 心得自在.)

(30)

Lại nói:

*“Phật độ ở phương khác, có chúng sinh nào nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, cho đến phát khởi một niệm tịnh tín hoan hỷ.”*³⁸⁹

(31)

Kinh Đại Niết-bàn nói:

“Này thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ-tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ được đại từ đại bi, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh’. Đại từ đại bi, gọi là Phật tánh. Phật tánh, gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả, gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nếu chẳng thể xả bỏ hai mươi lăm hữu thì không thể đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì các chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được [Vô thượng Bồ-đề], cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh’. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh, gọi là đại tín tâm. Vì sao? Vì do tín tâm nên Đại Bồ-tát có thể đầy đủ Đàn ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được đại tín tâm, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh’. Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật

³⁸⁸ Bản nguyên văn là nguyện thứ 18, và đây thường gọi là Đệ thập bát nguyện thành tựu văn (第十八願成就文): “Chư hữu chúng sinh, nghe danh hiệu ấy, tín tâm hoan hỷ, cho dù một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh nước kia, liền được vãng sinh, trú Bất thối chuyển, chỉ trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp.” (諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念, 至心迴向, 願生彼國, 即得往生, 住不退轉, 唯除五逆, 誹謗正法。) [Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 272b11] “Tín tâm hoan hỷ, cho dù một niệm”: Tín tâm là nghe Bản nguyện của Như Lai mà không chút nghi ngờ. Hoan hỷ là niềm vui tràn ngập thân tâm. Một niệm là thời gian cực ngắn. Tín tâm hoan hỷ dù chỉ một niệm là biểu hiện an tâm hoàn toàn vào tha lực của Đức Phật A Di Đà.

³⁸⁹ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, tr. 97c22: “Phật độ ở phương khác, có chúng sinh nào nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, cho đến phát khởi một niệm tịnh tín ưa thích vui mừng, có thiện căn gì đều hồi hướng nguyện sinh quốc độ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, tùy nguyện được sinh về, chứng đắc Bất thối chuyển, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trừ năm tội vô gián, hủy báng chánh pháp và chê bai bậc Thánh.”

tánh tức là Như Lai. Phật tánh, gọi là Nhất tử địa³⁹⁰. Vì sao? Vì do nhân duyên Nhất tử địa nên Bồ-tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được Nhất tử địa, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh’. Nhất tử địa tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai.’³⁹¹

(32)

Lại nói:

“Hoặc nói quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lấy tín tâm làm nhân. Nhân của Bồ-đề này tuy có vô lượng, nhưng nếu nói tín tâm thì đã nhiếp hết thảy.”³⁹²

(33)

Lại nói:

“Tín lại có hai thứ: một là, tín sinh từ nghe; hai là, tín sinh từ tư duy. Tín tâm của người này từ nghe mà sinh, không từ tư duy mà sinh, đó gọi là Tín không đầy đủ.

Lại có hai thứ: một là, tín có đạo; hai làm tín có người đắc đạo. Tín tâm của người này tuy tin có đạo nhưng hoàn toàn không tin có người đắc đạo, đó gọi là Tín không đầy đủ.”³⁹³

³⁹⁰ Nhất tử địa (一子地): Gọi đủ là Cực ái nhất tử địa (極愛一子地). Giai vị Bồ-tát chứng được quả hóa tha. Bồ-tát ở giai vị này, đem tâm từ bi, bình đẳng thương xót tất cả chúng sinh cũng như thương con mình, thấy con an ổn, tu thiện thì sinh tâm vui mừng; thấy con phiền não, bệnh khổ thì tâm sinh lo buồn. Kinh Niết bàn, No. 374, quyển 16, tr. 459a06: “Thấy các chúng sinh pháp thân chưa tăng, hoặc thân, khẩu, ý tạo nghiệp bất thiện, Bồ-tát dùng tay trí tuệ cứu vớt, không để chúng sinh trôi giạt trong dòng sinh tử, chịu mọi khổ não (...). Thấy Nhất xiển đề rơi vào địa ngục, Bồ-tát cũng nguyện cùng họ sinh trong địa ngục. Vì sao? Vì nếu khi Nhất xiển đề chịu khổ mà sinh tâm ăn năn hối cải, thì Bồ-tát tức thời dùng mọi cách thuyết pháp khiến họ sinh một niệm thiện căn, cho nên Bồ tát ở địa vị này cũng gọi là Nhất tử.” Nghĩa là Bồ tát trụ ở Nhất tử địa, tâm luôn nghĩ đến chúng sinh, tìm mọi cách để cứu giúp, không nề rời bỏ.

³⁹¹ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, quyển 32, phẩm Bồ-tát Sư Tử Hống, tr. 556c14-557a02.

³⁹² Ibid., quyển 35, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 573c28.

(34)

Kinh Hoa Nghiêm nói:

*“Nghe pháp này hoan hỷ
Người tín tâm không nghi
Mau thành đạo Vô thượng
Ngang bằng chư Như Lai.”*³⁹⁴

(35)

Lại nói:

*“Như Lai dứt trừ hết
Nghi hoặc của chúng sinh
Tùy tâm họ ưa thích
Thảy đều khiến đầy đủ.”*³⁹⁵

(36)

Lại nói:

*“Tin là nguồn đạo, mẹ công đức
Nuôi lớn tất cả pháp thiện lành
Dứt trừ lưới nghi, thoát dòng ái
Khai thị Niết-bàn, đạo Vô thượng.
Tin không vẩn đục, tâm thanh tịnh*

³⁹³ Ibid., quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575b28. Đại Kinh nói: “Nghe danh hiệu ấy, tín tâm hoan hỷ.” Ai nghe “Niệm Phật nhất niệm” của Tịnh độ Chân tông mà không hoài nghi, tức là tín tâm đầy đủ văn và tư. Khi chánh nhân là nhất niệm tín tâm được xác định, thì sự vãng sinh của phàm phu được xác định ngay lập tức. Sau đó, đa niệm là hành động tri ân Đức Phật A Di Đà, để tiếp tục ca ngợi Bản nguyện và Danh hiệu suốt cuộc đời mình.

³⁹⁴ Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 788a29.

³⁹⁵ Kinh Hoa Nghiêm, No. 279, 80 quyển, Thật-xoa-nan-đà dịch, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 326c13.

Là gốc cung kính, trừ kiêu mạn
Là tài sản đứng đầu Pháp tạng
Là tay thanh tịnh nhận các hành.
Tin là ban cho, không bòn-sẻn
Tin là hoan hỷ vào Phật pháp
Tin là thêm lớn trí, phước đức
Tin ắt đến được Như Lai địa.
Tin khiến các căn sạch, sáng, lạ
Sức tin kiên cố không hư hoại
Tin là dứt hẳn cội phiền não
Tin là chuyển hướng công đức Phật.
Tin là không chấp vào cảnh giới
Rời xa các nạn, được vô nạn
Tin là vượt thoát các đường ma
Thị hiện đạo giải thoát vô thượng.
Tin không làm hỏng giống công đức
Tin là sinh trưởng cây bồ-đề
Tin là thêm lớn trí tối thắng
Tin là thị hiện tất cả Phật.
Thế nên theo hạnh nói thứ đệ
Tin lạc tối thắng, rất khó được.
[Ví như trong tất cả thế gian
Mà có diệu bảo châu tùy ý.]
Nếu thường tín phụng nơi chư Phật
Thì trì giới và tu học xứ.
Nếu thường trì giới, tu học xứ
Thì đầy đủ được các công đức.

*Giới hay khai phát gốc bồ-đề
Học là siêng tu công đức địa,
Nơi giới và học thường thuận hành
Thì được chư Phật luôn khen ngợi.
Nếu thường tín phụng nơi chư Phật
Thì ưa phát khởi cúng dường lớn
Nếu ưa phát khởi cúng dường lớn
Người này tin Phật bất tư nghị.
Nếu thường tín phụng nơi tôn Pháp
Thì nghe Phật pháp không nhàm đủ
Nếu nghe Phật pháp không nhàm đủ
Người này tin Pháp bất tư nghị.
Nếu thường tín phụng thanh tịnh Tăng
Thì được tín tâm bất thoái chuyển
Nếu được tín tâm bất thoái chuyển
Người này tín lực không dao động.
Nếu được tín lực không dao động
Thì được các căn sạch, sáng, lạ
Nếu được các căn sạch, sáng, lạ
Thì rời xa được ác tri thức.
Nếu rời xa được ác tri thức
Thì được gần gũi thiện tri thức
Nếu được gần gũi thiện tri thức
Thì tu tập được quảng đại thiện.
Nếu hay tu tập quảng đại thiện
Người này thành tựu sức nhân lớn
Nếu người thành tựu sức nhân lớn*

*Thì được quyết định giải thù thắng.
Nếu được quyết định giải thù thắng
Thì được chư Phật thường hộ niệm
Nếu được chư Phật thường hộ niệm
Thì phát khởi được tâm bồ-đề
Nếu phát khởi được tâm bồ-đề
Thì hay siêng tu công đức Phật
Nếu hay siêng tu công đức Phật
Thì được sinh vào nhà của Phật.
Nếu được sinh ở nhà chư Phật
Thì khéo tu hành xảo phương tiện
Nếu khéo tu hành xảo phương tiện
Thì được tín lạc, tâm thanh tịnh.
Nếu được tín lạc, tâm thanh tịnh
Thì được tâm tang thượng tối thắng
Nếu được tâm tang thượng tối thắng
Thì thường tu tập ba-la-mật
Nếu thường tu tập ba-la-mật
Thì được trọn đủ pháp đại thừa
Nếu được trọn đủ pháp đại thừa
Thì đúng như pháp cúng dường Phật.
Nếu đúng như pháp cúng dường Phật
Thì siêng niệm Phật tâm bất động
Nếu siêng niệm Phật tâm bất động
Thì thường nhìn thấy vô lượng Phật.
Nếu thường nhìn thấy vô lượng Phật
Thì thấy Như Lai thể thường trú*

*Nếu thấy Như Lai thể thường trú
Thì biết được pháp mãi bất diệt.
Nếu biết được pháp mãi bất diệt
Thời được biện tài không chướng ngại
Nếu được biện tài không chướng ngại
Thì hay khai diễn vô biên pháp.
Nếu hay khai diễn vô biên pháp
Thời thường từ mãn độ chúng sinh
Nếu thường từ mãn độ chúng sinh
Thì được tâm đại bi kiên cố.
Nếu được tâm đại bi kiên cố
Thì rất vui ưa pháp sâu xa
Nếu rất vui ưa pháp sâu xa
Thì lià bỏ được lỗi hữu vi.
Nếu lià bỏ được lỗi hữu vi
Thời rời kiêu mạn và phóng dật
Nếu rời kiêu mạn và phóng dật
Thì hay kiêm lợi tất cả chúng.
Nếu hay kiêm lợi tất cả chúng
Thì ở sinh tử không nhàm chán.”³⁹⁶*

(37)

Luận Chú nói:

“Gọi là **như thật tu hành tương ưng**. Thế nên luận chủ [Thế Thân] mới thốt lên: **Con nhất tâm.**”³⁹⁷

³⁹⁶ Kinh Hoa Nghiêm, No. 279, quyển 14, phẩm Hiền Thủ, 72b18-73a12.

(38)

Lại nói:

“Mở đầu Kinh bằng câu nói “Như thị [ngã văn]”, nó cho thấy “niềm tin” là căn bản để đi vào [nội dung Kinh].”³⁹⁸

(39)

Kế đến, nói về **Dục sinh**:

Đó là sắc mạng của Như Lai mời gọi quần sinh trong chư hữu, tức là lấy Tín lạc chân thật làm bản thể của Dục sinh.

Thật vậy, [dục sinh] chẳng phải là sự hồi hướng ngang qua định tán tự lực³⁹⁹ của Đại, Tiểu, phàm, Thánh, cho nên gọi là Bất hồi hướng.

Tuy nhiên, hữu tình trong vô lượng thế giới, trôi nổi trong biển cả ‘phiền não’⁴⁰⁰, chìm đắm trong biển cả ‘sinh tử’⁴⁰¹, là vì không có tâm hồi hướng chân thật, không có tâm hồi hướng thanh tịnh. Cho nên, Như Lai thương xót biển cả ‘tất cả quần sinh khổ não’⁴⁰², khi hành Bồ-tát hạnh, tu tập ba nghiệp, dù chỉ một niệm một sát-na, đều lấy ‘tâm hồi hướng’ làm đầu, vì thành tựu được tâm đại bi. Đem

³⁹⁷ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 835c01. Giải thích kệ tụng: “Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyên sinh An Lạc quốc, Con y Tu-đa-la, Tướng công đức chân thật, Nói nguyện kệ tổng trì, Tương ưng lời Phật dạy.” Xem mục (9).

³⁹⁸ Ibid., quyển hạ, tr. 844a29.

³⁹⁹ Định tán tự lực (定散自力): đối lại là hoằng nguyện tha lực (弘願他力). Tha lực là tha lực bản nguyện, tức nương bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, niệm Phật vãng sinh Tịnh độ. Trái lại, không nhờ bản nguyện gọi là Tự lực. Định tán tự lực là những hành nghiệp của định thiện và tán thiện làm tự lực hồi hướng. Tịnh độ Chân tông chủ trương lấy yếu môn (muốn đem chư hành định tán để vãng sinh), chân môn (tự lực niệm Phật) thuộc tự lực trong tha lực, và hoằng nguyện (tín bản nguyện) thì là tha lực trong tha lực.

⁴⁰⁰ Phiền não hải (煩惱海).

⁴⁰¹ Sinh tử hải (生死海).

⁴⁰² Nhất thiết khổ não quần sinh hải (一切苦惱群生海).

cái tâm ‘dục sinh chân thật lợi tha’ mà hồi hướng và hiến tặng cho biển cả ‘chư hữu’.

Dục sinh tức là tâm hồi hướng, và nó là tâm đại bi, nên không bị triền cái nghi ngờ xen tạp.

(40)

Ở đây, về ‘Bản nguyện dục sinh tâm thành tựu văn’, Đại Kinh nói:

“Chỉ tâm hồi hướng, nguyện sinh nước kia, liền được vãng sinh, trừ Bất thối chuyển, chỉ trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp.”

(41)

Lại nói:

*“[Phát khởi một niệm tịnh tín] ưa thích vui mừng, bao nhiêu thiện căn đều hồi hướng nguyện sinh quốc độ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, tùy nguyện được sinh về, chứng đắc Bất thối chuyển, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trừ năm tội vô gián, hủy báng chánh pháp và chê bai bậc Thánh.”*⁴⁰³

(42)

Tịnh Độ Luận Chú nói:

“Thế nào là Hồi hướng? Là không bỏ tất cả chúng sinh khổ não, tâm thường tác nguyện, hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi.

Hồi hướng có hai loại tướng: một là, vãng tướng; hai là, hoàn tướng. Vãng tướng là đem công đức của mình hồi thí cho tất cả chúng sinh, tác nguyện cùng họ vãng sinh về tịnh độ An Lạc của A Di Đà Như Lai. Hoàn tướng là sinh vào cõi kia rồi, có được Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na, phương tiện lực thành tựu, trở vào rừng

⁴⁰³ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 18, tr. 97c23.

rậm sinh tử, giáo hóa tất cả chúng sinh cùng hướng về Phật đạo. Hoặc vãng hoặc hoàn, đều vì kéo chúng sinh qua khỏi biển sinh tử, thế nên nói ‘**Hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi**’.”⁴⁰⁴

(43)

“Tịnh nhập nguyện tâm⁴⁰⁵: **Lại nói về Quán sát: (a) Công đức thành tựu trang nghiêm Phật độ, (b) Công đức thành tựu trang nghiêm Phật thành tựu, (c) Công đức thành tựu trang nghiêm Bồ-tát.**⁴⁰⁶ Đây là ba thứ thành tựu do nguyện tâm trang nghiêm. Nên biết.

⁴⁰⁴ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 836a20.

Theo Tịnh độ Chân tông, Vãng tướng hồi hướng là Hành nghiệp chân thật, Tín tâm chân thật và Chứng quả chân thật. Hành nghiệp chân thật là bi nguyện của chư Phật xưng danh, tức là bi nguyện xưng danh của nguyện thứ 17: “Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Tín tâm chân thật là bi nguyện của niệm Phật vãng sinh, tức là bi nguyện tín lạc của nguyện thứ 18: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm, tin ưa, muốn sinh về nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sinh, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Chứng quả chân thật là bi nguyện của quyết đến diệt độ, tức là nguyện thứ 11: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ chánh định tụ, quyết đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” (Pháp Hội Vô Lượng Thọ Phật, nguyện thứ 11: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, nếu chẳng nhất định thành Phật, chứng Đại niết-bàn, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”) Những bi nguyện của Bản thể này còn được gọi là Tuyển trạch bản nguyện. Hoàn tướng hồi hướng là như Tịnh Độ Luận nói: “Dem bản nguyện lực mà hồi hướng, đó gọi là Xuất môn thứ năm.” Về đại nguyện ‘Nhất sinh bổ xứ’, tức là nguyện thứ 22, đó là thế nguyện của đại từ đại bi. Đại Kinh ghi: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước khác sinh về nước tôi, rớt ráo tất cả đến bậc Nhất sinh bổ xứ. Trừ người có bản nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hồng thế chứa công đức độ tất cả, đi qua các nước Phật tu hạnh Bồ-tát, cúng dường chư Phật mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh khiến họ đứng nơi đạo chánh chân vô thượng, vượt hơn công hạnh của hạng tầm thường, hiện tiền tu công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁴⁰⁵ Tịnh nhập nguyện tâm (淨入願心): Ba thứ trang nghiêm của Tịnh độ cực lạc được thành tựu bởi 48 tâm nguyện thanh tịnh mà Đức Phật A Di Đà phát khởi khi Ngài còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Từ ngữ trên có xuất xứ từ bộ Tịnh Độ Luận Chú của ngài Đàm Loan. Quyển hạ của sách này chia làm 10 khoa để giải thích văn nghĩa: (1) Nguyện kệ đại ý, (2) Khởi quán sinh tín, (3) Quán hành thể tướng, (4) Nhập tịnh nguyện tâm, (5) Thiện xảo nhiếp hóa, (6) Ly Bồ-đề chướng, (7) Thuận Bồ-đề môn, (8) Danh nghĩa nhiếp đối, (9) Nguyện sự thành tựu, (10) Lợi hành mãn túc. Tịnh nhập nguyện tâm, có nhiều cách giải thích: Có chỗ cho rằng Tịnh là ba thứ thanh tịnh trang nghiêm, nguyện tâm là 48 nguyện tâm thanh tịnh của tỳ kheo Pháp Tạng; Nhập là thù nhập, nghĩa là đền đáp ba thứ trang nghiêm, 48 nguyện tâm mà thành.

⁴⁰⁶ Quán sát môn, chia làm 3: (a) Công đức thành tựu trang nghiêm Phật độ, có 17 phần trang nghiêm: thanh tịnh, lượng, tánh, hình tướng, chủng chủng sự, diệu sắc, xúc, tam chủng: thủy, địa và hư không; vũ, quang minh, diệu thanh, chủ, quyến thuộc, thọ dụng, vô chur nạn, đại nghĩa môn, nhất thiết sở cầu mãn túc; (b) Công đức thành tựu trang nghiêm Phật thành tựu, có 8 phần trang nghiêm: tọa, thân, khẩu, tâm, đại chúng, thượng thủ, chủ, bất hư tác

Nên biết: Nên biết rằng ba thứ trang nghiêm thành tựu là do được trang nghiêm bằng nguyện tâm thanh tịnh biểu lộ qua bốn mươi tám bản nguyện. Nhân thanh tịnh nên quả thanh tịnh. Chẳng phải không có nguyên nhân, hay do nhân nào khác, mà có được.”⁴⁰⁷

(44)

Lại nữa, Luận nói:

“Xuất đệ ngũ môn là dùng tâm đại từ bi mà quán sát tất cả chúng sinh khổ não, thị hiện Ứng hóa thân, trở vào trong vườn sinh tử, rừng phiền não, thân thông du hý, đạt đến Giáo hóa địa⁴⁰⁸, đem bản nguyện lực mà hồi hướng. Đó là Xuất đệ ngũ môn.”⁴⁰⁹

(45)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Lại nữa, hồi hướng phát nguyện nguyện sinh [Cực Lạc] thì cần phải hồi hướng nguyện bằng cái tâm chân thật quyết định, khởi ý tưởng ‘được sinh’.

trụ trì; (c) Công đức thành tựu trang nghiêm Bồ-tát chánh tu hành, có 4 phần trang nghiêm: vô tu nhi tu, đồng thời lợi sinh, bình đẳng cúng dường, kiến lập Phật pháp.

⁴⁰⁷ Ibid., quyển hạ, tr. 841b04.

⁴⁰⁸ Giáo hóa địa (教化地): Là địa vị có khả năng giáo hóa chúng sinh, tức Bồ-tát ở địa thứ tám trở lên, đã đoạn Phần đoạn sinh tử (分段生死), được vô lậu tương tục nên định tuệ tự tại, vì vậy nhiệm vụ giáo hóa chúng sinh mười phương.

⁴⁰⁹ Ibid., quyển hạ, tr. 841b04. Ngũ công đức môn (五功德門): Cũng gọi Công đức ngũ niệm môn, Ngũ quả môn. Năm thứ quả tướng mà người vãng sinh Tịnh độ Cực Lạc đạt được. Theo luận Tịnh Độ của ngài Thế Thân thì 5 quả tướng ấy là: 1. Cận môn: Mới sinh về Tịnh độ, vào Đại thừa chánh định tụ, gần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. 2. Đại hội chúng môn: Sinh về Tịnh độ rồi liền được dự vào số chúng của Đại hội Như lai. 3. Trạch môn: Dự vào số đại chúng tức đã đến được cảnh giới an tâm tu hành. 4. Ốc môn: Đã vào được chỗ an tâm tu hành thì đến được cảnh giới người tu hành an trụ. 5. Viên lâm du hý địa môn: Sau khi việc tu hành đã thành tựu liền đến chỗ giáo hóa chúng sinh. Trong đó, 4 môn trước nói về thành tựu công đức đi vào (Nhập 入), còn môn thứ 5 thì nói về thành tựu công đức đi ra (Xuất 出). Theo quan điểm của Tịnh độ Chân tông, hai môn đầu là lợi ích của Hiện sinh chánh định tụ. Hiện sinh chánh định tụ (現生正定聚), cũng gọi Hiện sinh bất thối, là ngay trong đời này đạt được quả vị không trở lui. Nếu hành giả có lòng tin chân thật, vững chắc, thì nhất định vào được địa vị Chánh định tụ.

Cái tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, thì có tiến thoái, tâm sinh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sinh.”⁴¹⁰

(46)

Thật biết:

Trong thí dụ ‘Hai sông’, có nói ‘Con đường trắng ở giữa, rộng bốn năm tấc’.

Con đường trắng (bạch đạo 白道): Trắng là đối với đen mà nói. Trắng tức là bạch nghiệp của ‘tuyển trạch nhiếp thủ’⁴¹¹, là tịnh nghiệp của ‘vãng tướng hồi hướng’. Đen tức là hắc nghiệp của ‘vô minh phiền não’, là tạp thiện của Nhị thừa, thiên nhân.

Đạo là đối với lộ (路) mà nói.

Đạo, đó là con đường thẳng ‘bản nguyện nhất thật’, là con đường lớn ‘Đại bát Niết-bàn vô thượng’.

Lộ, đó là con đường nhỏ ‘vạn thiện chư hành của nhị thừa, tam thừa’.

Bốn năm tấc, dụ cho bốn đại, năm ấm của chúng sinh.

Năng sinh ‘nguyện tâm thanh tịnh’: Là có được Kim cương chân tâm⁴¹².

Bản nguyện lực [của Đức Phật A Di Đà] hồi hướng cho biên cả ‘đại tín tâm’⁴¹³ [của chúng sinh] thì không thể phá hoại, dụ như kim cương.

⁴¹⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 4, tr. 272b18. Lập lại đoạn trong mục (13).

⁴¹¹ Tuyển trạch nhiếp thủ (選擇攝取): Quang minh của Đức Phật A Di Đà đặc biệt nhiếp thủ bất xả người niệm Phật. Thiện nghiệp thì gọi là bạch nghiệp, vì thiện là pháp thanh bạch.

⁴¹² Tam tâm (Chí tâm, Tín lạc tâm, Dục sinh tâm) tức là Nhất tâm. Nhất tâm tức là Kim cương chân tâm. Kim cương chân tâm, còn gọi là Kim cương tâm, là niềm tin tuyệt đối vào Nguyện tâm thanh tịnh của Đức Phật A Di Đà. Nguyện tâm thanh tịnh của A Di Đà Như Lai, chính là sự thành tựu ba thứ trang nghiêm: Phật độ, Phật và Bồ-tát, ngang qua 48 lời nguyện.

⁴¹³ Đại tín tâm hải (大信心海). Xem định nghĩa Đại tín tâm ở mục (1).

(47)

Quán Kinh Sớ, phần Huyền Nghĩa:

“Chúng xuất gia, tại gia
Đều phát Vô thượng tâm
Sinh tử rất khó chán
Pháp Phật lại khó thích
Cùng phát chí Kim cương
Hoành siêu đoạn tứ lưu. (...)
Chánh thọ Kim cương tâm
Tương ưng nhất niệm rồi
Là quả đức Niết-bàn.”⁴¹⁴

(48)

Lại nói:

“Chân tâm thấu suốt, chán khổ Ta-bà, thích vui Vô vi, vĩnh quy Thường lạc. Thế nhưng, cảnh giới Vô vi không thể tùy tiện bước vào, Ta-bà khổ não không phải bỗng nhiên rời đi. Tự mình nếu chẳng phát ý chí kim cương, đoạn tuyệt hẳn cội gốc sinh tử, không tin cậy và đi theo Đức Từ Tôn, thì làm sao thoát cái khổ triền miên này.”⁴¹⁵

(49)

Lại nói:

“Kim cương tức là thể tánh vô lậu.”⁴¹⁶

⁴¹⁴ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, No. 1753, quyển 1, phần Huyền Nghĩa, tr. 245c12.

⁴¹⁵ Ibid., quyển 2, tr. 258a11.

⁴¹⁶ Ibid., quyển 3, tr. 265a23.

(50)

Tin biết rằng, Chí tâm, Tín lạc và Dục sinh, lời tuy khác nhưng nghĩa chỉ một.

Vì sao? Bởi vì ba tâm này không bị triền cái nghi ngờ xen tạp, do đó chúng là Nhất tâm chân thật. Đây gọi là Kim cương chân tâm.

Kim cương chân tâm gọi là Tín tâm chân thật.

Tín tâm chân thật thì bao giờ cũng có [xưng niệm] ‘danh hiệu’. Nhưng [xưng niệm] danh hiệu không nhất thiết mang lại tín tâm vào nguyện lực.⁴¹⁷

Thế nên, Luận chủ [Thế Thân] mở đầu bằng câu, “**Con nhất tâm**”. Lại nói, “**Như danh nghĩa kia, muốn như thật tu hành tương ưng.**”⁴¹⁸

(51)

Khi suy ngẫm về biển cả ‘đại tín’⁴¹⁹, thì không xét sang hèn tăng tục, không nói nam nữ già trẻ; không hỏi tạo tội nhiều ít, không kể tu hành lâu mới, chẳng hành chẳng thiện, chẳng đốn chẳng tiệm, chẳng định chẳng tán, chẳng chánh quán chẳng tà quán, chẳng hữu niệm chẳng vô niệm, chẳng tầm thường, chẳng lâm chung, chẳng đa niệm chẳng nhất niệm, chỉ là ‘tín lạc’ bất khả tư nghị, bất khả xưng, bất khả thuyết vậy.⁴²⁰

⁴¹⁷ Xưng niệm danh hiệu mà không có Kim cương tín tâm thì sẽ sinh ra những tranh luận về ‘tầm thường’, ‘lâm chung’, ‘đa niệm’, ‘nhất niệm’, v.v., và sẽ chìm trong sự phân biệt đối đãi.

⁴¹⁸ Xem mục (9).

⁴¹⁹ Đại tín hải (大信海).

⁴²⁰ Đây là Tứ bất thập tứ phi (四不十非), dụng ngữ của Tịnh độ Chân tông, ca ngợi công đức của tín tâm vào tha lực của Đức Phật A Di Đà..

Giống như thuốc A-già-đà⁴²¹ diệt trừ mọi chất độc, thuốc ‘Nhu Lai thể nguyện’ diệt trừ cái độc hại của trí ngu.

(52)

Hơn nữa, Bồ-đề tâm có hai loại: 1. Thụ (chiều dọc); 2. Hoàn (chiều ngang).⁴²²

Thụ lại có hai loại: 1. Thụ siêu; 2. Thụ xuất.

Thụ siêu và Thụ xuất là nói về giáo lý quyền thật và hiển mật của Đại thừa và Tiểu thừa. Đó là Bồ-đề tâm trải qua vô số kiếp đi vòng, là Kim cương tâm của Tự lực và Đại tâm của Bồ-tát.

Hoàn cũng có hai loại: 1. Hoàn siêu; 2. Hoàn xuất.

Hoàn xuất là chánh tu và tạp tu, là định thiện và tán thiện, là Bồ-đề tâm của tự lực trong tha lực.

Hoàn siêu, đây là sự tín lạc vào nguyện lực hồi hướng. Đó là Tâm nguyện làm Phật⁴²³.

⁴²¹ A-già-đà (阿伽陀, Agada) là tên một thứ thuốc phòng ngừa và trị mọi thứ bệnh, mọi thứ độc, dịch là kiện khang, trường sinh bất tử, phổ khứ, vô giá, vô bệnh, bất tử dược. Kinh Niết-Bàn có nói: “Bồ tát nguyện cho chúng sinh được món thuốc A-già-đà, nhờ sức thuốc ấy họ trừ được vô số thứ độc hại”.

⁴²² Nhị song tứ trùng (二雙四重): Hai đôi bốn lớp: Thụ siêu, Thụ xuất, Hoàn siêu, Hoàn xuất. Đây là phán giáo của tông Chân ngôn Nhật Bản. Theo Ngu Ngốc Sao (愚禿鈔), quyển thượng, giáo pháp của Đức Phật được phân thành: Nan hành đạo và Dị hành đạo.

(1) Nan hành đạo: có hai lớp: a. Thụ xuất: Tu hành theo Tiệm giáo như pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Duy thức tông, Tam luận tông, tức giáo pháp trải qua số kiếp tu hành. b. Thụ siêu: Tu hành theo Đốn giáo của các tông như Chân ngôn, Hoa Nghiêm, giáo pháp ‘tức tâm thị Phật, tức thân thành Phật’.

(2) Dị hành đạo: có hai lớp: a. Hoàn xuất: Tự lực hành pháp bằng 3 phước, 9 phẩm để sinh về Hóa độ, mà Kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói rõ, tức tu Tịnh độ theo Tiệm giáo. b. Hoàn siêu: Thật đại bằng tuyền trạch bản nguyện để sinh về Báo độ, mà Kinh Vô Lượng Thọ có nói rõ, tức tu Tịnh độ theo Đốn giáo.

Nan hành đạo có 1 đôi 2 lớp, Dị hành đạo có 1 đôi 2 lớp, gộp lại thành 2 đôi 4 lớp. Trong đó, Thụ tức là Nan hành đạo, Hoàn tức là Dị hành đạo, Xuất là Tiệm giáo, Siêu là Đốn giáo, cũng là dị danh của Quyền giáo và Thật giáo.

⁴²³ Nguyện tác Phật tâm (願作佛心): Tâm mong cầu làm Phật, cũng tức là tâm thượng cầu Bồ-đề. Cứ theo Vãng Sinh Luận Chú, quyển hạ, thì trong kinh Vô Lượng Thọ, do Đức Phật nói ở thành Vương Xá, có ghi rằng: Đối với 3 hạng chúng sinh thượng, trung, hạ, tuy hành nghiệp có hơn kém khác nhau, nhưng đối với việc phát nguyện vãng sinh Tịnh độ thì mọi người đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tâm Vô thượng Bồ-đề này tức là tâm nguyện làm Phật;

Tâm nguyện làm Phật tức là Hoàn đại Bồ-đề tâm⁴²⁴. Đó là Hoàn siêu Kim cương tâm⁴²⁵.

Hoàn Bồ-đề tâm và Thụ Bồ-đề tâm, cùng một danh từ [Bồ-đề tâm], nhưng khác nhau về ý nghĩa [giữa Hoàn và Thụ]. Tuy nhiên, cả hai đều lấy sự thể nhập chân như làm chánh yếu, lấy chân tâm làm căn bản, lấy tà tạp làm lỗi lầm, lấy nghi ngờ làm sai trái.

Người xuất gia và người tại gia thích cầu Tịnh độ phải hiểu biết sâu lời dạy quý báu về ‘Tín không đầy đủ’⁴²⁶, và phải rời xa hẳn tâm ý sai lầm về ‘Văn không đầy đủ’⁴²⁷.

(53)

Luận Chú nói:

“Dựa theo kinh Vô Lượng Thọ được nói tại thành Vương Xá, trong ba hạng người cầu sinh nước An Lạc, tuy hành nghiệp có hơn kém, nhưng không ai không phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tâm Vô thượng Bồ-đề này tức là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật tức là tâm độ chúng sinh. Tâm độ chúng sinh tức là tâm nhiếp thủ chúng sinh sinh về quốc độ có Phật. Thế nên, nguyện sinh tịnh độ An Lạc kia, thì phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Nếu người nào không phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chỉ nghe quốc độ kia hưởng lạc không gián đoạn, vì lạc mà nguyện sinh, thì sẽ không được vãng sinh. Cho nên luận nói, **“Không tìm cầu an lạc trụ**

tâm nguyện làm Phật tức là tâm độ chúng sinh; tâm độ chúng sinh tức là tâm nhiếp thủ chúng sinh sinh về Phật độ. Xem mục (66).

⁴²⁴ Hoàn đại bồ-đề tâm (橫大菩提心).

⁴²⁵ Hoàn siêu kim cương tâm (橫超金剛心).

⁴²⁶ Xem mục (33).

⁴²⁷ Xem mục (63). Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575c24-557a02: “Sao gọi là Nghe không đầy đủ? Mười hai bộ kinh do Như Lai thuyết, chỉ tin sáu bộ loại, không tin sáu bộ, đó gọi là Nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy có thọ trì sáu bộ kinh này, nhưng không thể đọc tụng, vì người khác giảng nói, chẳng làm được lợi ích, đó gọi là Nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy thọ trì sáu bộ kinh này rồi, nhưng vì luận nghị, vì thắng tha, vì lợi dưỡng, vì chư hữu, mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói, đó gọi là Nghe không đầy đủ.”

trì cho bản thân, muốn cứu vớt khổ đau cho tất cả chúng sinh". ‘An Lạc trụ trì’, là nói tịnh độ An Lạc kia được trụ trì bởi bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai⁴²⁸, nên hưởng lạc không gián đoạn vậy.

Giải thích về danh nghĩa ‘hồi hướng’, là đem tất cả công đức mà mình tích tập được thí cho tất cả chúng sinh, cùng hướng về Phật đạo.”⁴²⁹

(54)

Luật sư Nguyên Chiếu nói:

“Người khác không thể làm được, nên nói ‘rất khó’. Cả thế giới không thấy, nên nói ‘hiếm có’.”⁴³⁰

(55)

Lại nói:

“Pháp môn niệm Phật không kén ngu trí, không chọn sang hèn, không tính lâu gần, không kể thiện ác. Chỉ đem tâm nguyện vững chắc, tin tưởng mãnh liệt, lúc sắp chết tướng ác hiện ra, mười niệm liền được vãng sinh. Đây chính là giáo pháp dành cho hạng phàm ngu cụ phược, loại người giết mổ bán rượu, trong sát-na siêu việt thành Phật. Cái gọi là tất cả thế gian rất khó tin.”⁴³¹

(56)

“Ở thế giới xấu ác này mà tu hành thành Phật là việc khó thứ nhất. Vì các chúng sinh mà nói pháp môn [khó tin] này là việc khó thứ hai. (...)

⁴²⁸ Bất hư tác trụ trì trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà.

⁴²⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 842a15.

⁴³⁰ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ (佛說阿彌陀經義疏), No. 1761, Nguyên Chiếu thuật, tr. 363b17.

⁴³¹ Ibid., tr. 363c01.

Nương hai việc khó trước, cho thấy sự tán dương của chư Phật là không hư dối, ý nói khiến chúng sinh nghe mà tin nhận [lời nói của Như lai và của mười phương chư Phật Thế Tôn].”⁴³²

(57)

Luật tông, Pháp sư Dụng Khâm nói:

“Khi nói về cái pháp khó [tin nhận], quả thực là lấy pháp này chuyển phàm thành Thánh, giống như trở bàn tay. Bởi vì điều này có vẻ quá dễ dàng nên nhiều chúng sinh tầm thường và nông cạn đã nhiều đời hoài nghi. Do đó, Đại Kinh nói, ‘Dễ sinh về mà có mấy ai.’ Thế nên, ‘khó tin nhận’ vậy.”

(58)

[A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ Văn Trì Ký⁴³³ nói:

“**Không kén ngu trí:** căn tánh có lợi độn.

Không chọn sang hèn: nghiệp báo có mạnh yếu.

Không tính lâu gần: công phu có cạn sâu.

Không kể thiện ác: hành nghiệp có tốt xấu.

Chỉ đem tâm nguyện vững chắc, tin tưởng mãnh liệt, lúc sắp chết tướng ác hiện ra, mười niệm liền được vãng sinh: Trong Quán Kinh nói đến Hạ phẩm Trung sinh, các lửa địa ngục, nhất thời cùng đến, v.v.⁴³⁴

⁴³² Ibid., tr. 363b18 và 363c05.

⁴³³ A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ Văn Trì Ký (阿彌陀經義疏聞持記), Tục tạng kinh, No.420, 3 quyển, quyển 3.

⁴³⁴ Quán Vô Lượng Thọ Kinh: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đà Hy: Người Hạ phẩm Trung Sinh ấy: hoặc có chúng sinh hủy phạm ngũ giới, bát giới và Cụ túc giới. Người ngu này trộm của vật Tăng-kỳ, trộm của vật hiện tiền Tăng, bất tịnh thuyết pháp, không có tâm quý, dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Người tội như đây do nghiệp ác phải đọa địa ngục; lúc lâm chung, các lửa địa ngục đồng thời hiện đến. Gặp thiện tri thức, vì lòng đại từ bi, vì người ấy mà khen nói Thập lực oai đức của Đức Phật A Di Đà, rộng khen quang minh thần lực của Đức Phật A Di Đà, cũng tán dương Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Người ấy nghe rồi trừ tám mươi ức kiếp tội sinh tử. Lửa mạnh địa ngục biến thành gió mát, thổi các thiên hoa bay đến. Trên hoa đều có Hóa Phật, Hóa Bồ-tát tiếp rước người ấy. Trong khoảng một niệm liền sinh trong hoa sen nơi ao báu Cực Lạc thế giới. Qua sáu kiếp hoa sen mới nở. Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát dùng Phạm âm thanh an úy người ấy, vì người ấy mà nói kinh điển

Hạng phàm ngu cụ phược: Hai hoặc⁴³⁵ hoàn toàn tồn tại.

Loại người giết mổ bán rượu, trong sát-na siêu việt thành Phật. Cái gọi là tất cả thế gian rất khó tin: đồ (屠) là giết mổ, cô (沽) là bán rượu. Những người ác như này, chỉ do mười niệm liền được siêu vãng, đâu không khó tin.”

Danh hiệu và ánh sáng của A Di Đà Như Lai là Chân thật minh⁴³⁶, Bình đẳng giác⁴³⁷, Tất cánh y⁴³⁸, Đại ứng cúng⁴³⁹, Đại an ủi⁴⁴⁰, Vô đẳng đẳng⁴⁴¹, Bất khả tư nghị⁴⁴².

Đại thừa thậm thâm. Nghe pháp rồi, người ấy liền phát tâm Vô thượng đạo. Đây gọi là người Hạ phẩm Trung Sinh vậy.”

⁴³⁵ Nhị hoặc (二惑): Hoặc là mê lầm. Chúng sinh đối tất cả pháp, không hiểu rõ tự tánh vốn không, mê mờ sinh ra chấp trước. Đối với chánh đạo là làm lạc, trôi lẩn trong sinh tử; nên gọi là hoặc. Còn gọi là phược, vì từ hai hoặc nghiệp này trói buộc, dính chặt trong tam giới, không thể xa lìa, giải thoát, lại gọi là hai kết. Kết có nghĩa là trói.

- (1) Kiến hoặc: Phân biệt gọi là kiến. Ý căn đối với pháp trần, tính toán, so đo sai lầm, khởi lên các tà kiến. Như ngoại đạo cho là đoạn, cho là thường, cho đến phân biệt có, không v.v... Đó gọi là kiến hoặc.
- (2) Tư hoặc: Tham ái là tư. Năm căn nhãn, tỷ, nhĩ, thiệt, thân đối với năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc tham ái, nhiễm trước, mê lầm mà không biết. Đó gọi là tư hoặc.

⁴³⁶ Chân thật minh (眞實明): Tán A Di Đà Phật Kệ, No. 1978, Đàm Loan soạn:

“Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật.
Trí tuệ sáng suốt chẳng thể lường
Nên Phật lại hiệu Vô Lượng Quang
Hữu lượng các tướng đều sáng tỏ
Thế nên kính lạy bậc Chân thật minh
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴³⁷ Bình đẳng giác (平等覺):

“Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật.
Giải thoát sáng trưng không hạn lượng
Nên Phật lại hiệu Vô Biên Quang
Được quang chạm đến lìa vô, hữu
Thế nên con kính lạy bậc Bình Đẳng giác
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴³⁸ Tất cánh y (畢竟依):

“Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật.

Thanh tịnh sáng suốt không có đối
Nên Phật lại hiệu Vô Đối Quang
Người gặp sáng này nghiệp hệ dứt
Thế nên con kính lạy bậc Tất cánh y
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴³⁹ Đại ứng cúng (大應供):

“Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật.
Ánh sáng Phật chiếu vào bậc nhất
Nên Phật lại hiệu Quang Viêm Vương
Tam đồ đen tối mong được sáng
Thế nên con kính lạy bậc Đại ứng cúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴⁴⁰ Đại an ủi (大安慰):

“Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật
Ánh từ quang khắp thí an lạc
Nên Phật lại hiệu Hoan Hỷ Quang
Sáng chiếu đến nơi được pháp hỷ
Thế nên con kính lạy bậc Đại an ủi
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴⁴¹ Vô đẳng đẳng (無等等):

“Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật
Ánh sáng chói lòa hơn nhật nguyệt
Nên Phật hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang
Phật Thích Ca khen còn chẳng hết
Thế nên con kính lạy bậc Vô đẳng đẳng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴⁴² Bất khả tư nghị (不可思議):

Nam mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A Di Đà Phật.
Thế giới sáng ngời báu tuyệt trần
Yên vui hòa thích không bốn mùa
Tự lợi, lợi tha sức viên mãn

(59)

Lạc Bang Văn Loại, Bài tựa sau, nói:

“Người tu Tịnh độ phần nhiều thường được pháp môn ấy, nhưng người đi đường tắt thì không bao nhiêu. Người luận Tịnh độ phần nhiều thường được pháp yếu ấy, nhưng người chỉ thẳng thì rất ít ỏi. Không hề nghe ai đem cái tự ngăn, cái tự che mà nói ra.

Do nắm bắt được nên tôi nói ra: Vì cái tự ngăn không gì bằng ái, cái tự che không gì bằng nghi. Chỉ cần dứt hẳn hai tâm ái và nghi, không còn chướng ngại, thì một môn Tịnh độ không hề có khoảng cách, nguyện lớn Di Đà thường tự nhiếp trì. Lý tất nhiên⁴⁴³ vậy.”⁴⁴⁴

(60)

Phàm xét “Chân thật tín lạc”, thì đó là “Tín lạc có nhất niệm”.

Nhất niệm ở đây biểu hiện khoảnh khắc cực điểm khi sự tín lạc được khai mở, phát sinh, và biểu lộ cái tâm hoan hỷ rộng lớn, khó nghĩ bàn.⁴⁴⁵

Quy mạng phương tiện khéo trang nghiêm

Đất báu bằng yên như bàn tay

Không có núi sông gò hang hóc

Nhờ thần lực Phật mà thấy hết

Thế nên con kính lạy bậc Bất khả tư nghị

Nguyện cùng các chúng sinh

Vãng sinh nước An Lạc.”

⁴⁴³ Lý tất nhiên, là y theo pháp tắc của bản nguyện thì nhất định được vãng sinh Cực Lạc. Vãng Sinh Luận Chú nói: “Tánh, là nghĩa ‘tất nhiên’, là nghĩa ‘không thay đổi’, như tánh biển chỉ một vị, các sông nhập vào đều thành một vị, vị của biển không vì các sông mà thay đổi.” [Hiển Chân Phật Độ, quyển 5]

⁴⁴⁴ Lạc Bang Văn Loại, quyển 5, tr. 228c05.

⁴⁴⁵ Tịnh độ Chân tông Nhật bản cho rằng, ‘Nhất niệm là tín tâm, Đa niệm là xưng danh’, tức nhân vãng sinh quyết định ở một niệm tín tâm, còn nhiều niệm xưng danh sau đó thì là biểu hiện sự báo ân đức Phật.

(61)

Thế nên Đại Kinh nói:

“Chúng sinh trong chư hữu nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh nước kia, liền được vãng sinh, trú Bất thối chuyển.”

(62)

Lại nói:

“Nơi Phật độ phương khác, có những hữu tình nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, mà có thể phát một niệm tịnh tín hoan hỷ.”⁴⁴⁶

Lại nói:

*“Phật ấy bản nguyện lực
Nghe danh muốn vãng sinh.”⁴⁴⁷*

Lại nói:

“Nghe danh Phật thắng đức.”⁴⁴⁸

(63)

Kinh Niết Bàn nói:

“Sao gọi là Nghe không đầy đủ? Mười hai bộ kinh do Như Lai thuyết, chỉ tin sáu bộ loại, không tin sáu bộ, đó gọi là Nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy có thọ trì sáu bộ kinh này, nhưng không thể đọc tụng, vì người khác giảng nói, chẳng làm được lợi ích, đó gọi là Nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy thọ trì sáu bộ kinh này rồi,

⁴⁴⁶ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 17, tr. 97c22.

⁴⁴⁷ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ.

⁴⁴⁸ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 17, tr. 98b17.

nhưng vì luận nghị, vì thắng tha, vì lợi dưỡng, vì chư hữu, mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói, đó gọi là Nghe không đầy đủ.”⁴⁴⁹

(64)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Nhất tâm chuyên niệm.”⁴⁵⁰

Lại nói: “Chuyên tâm, chuyên niệm.”⁴⁵¹

(65)

Chữ “nghe” trong [Đại] Kinh⁴⁵² có nghĩa là, chúng sinh nghe gốc ngọn của sự sinh khởi Bản nguyện của Đức Phật⁴⁵³ mà không có tâm nghi ngờ. Đây là “nghe”.

Tín tâm: là tín tâm bởi sự hồi hướng của bản nguyện lực.

Hoan hỷ: là sự vui mừng biểu hiện nơi thân thể và tâm trí.

Nãi chí: bao gồm cả nhiều và ít.

Nhất niệm: tín tâm thì không có hai tâm, nên gọi là Nhất niệm. Đó gọi là “Nhất tâm”.

Nhất tâm là nhân tố chân thật của Báo độ thanh tịnh.

⁴⁴⁹ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575c24-557a02.

⁴⁵⁰ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 4, Tán thiện nghĩa, tr. 272a15.

⁴⁵¹ Xem Hành Văn Loại, mục (77).

⁴⁵² Kinh Vô lượng Thọ, Đệ thập bát nguyện thành tựu văn: "Chúng sinh trong chư hữu nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm." (Chư hữu chúng sinh văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm. 諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念.)

⁴⁵³ Phật nguyện sinh khởi bản mạng (佛願生起本末): Phật nguyện, là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Sinh khởi bản mạng, là nguyên nhân căn bản và kết quả diễn thành của sự vật sinh khởi. Bản, là bản nguyện tu hành ở nhân vị. Mạng, danh hiệu ở quả chứng. Bản, là nguyện thứ 18. Mạng, là 47 nguyện còn lại. Bản, là chân thật, tức nguyện thứ 18. Mạng, là phương tiện, tức các nguyện 19 và 20.

Có được Kim cương chân tâm thì vượt ngang (: hoành siêu) con đường ‘ngũ thú’ và ‘bát nạn’, chắc chắn có được mười thứ lợi ích trong đời hiện tại. Những gì là mười?

Một là, lợi ích được minh chúng hộ trì.

Hai là, lợi ích chí đức đầy đủ.

Ba là, lợi ích chuyển ác thành thiện.

Bốn là, lợi ích được chư Phật hộ niệm.

Năm là, lợi ích được chư Phật xưng tán.

Sáu là, lợi ích tâm quang thường hộ.

Bảy là, lợi ích tâm nhiều hoan hỷ.

Tám là, lợi ích tri ân báo đức.

Chín là, lợi ích thường thực hành tâm đại bi.

Mười là, lợi ích nhập Chánh định tự.⁴⁵⁴

⁴⁵⁴ Hiện sinh thập chủng ích (現生十種益): (1) Lợi ích được minh chúng hộ trì: Phạm thiên, Đế Thích, Tứ thiên vương và Bát bộ Long thần cũng bảo vệ và hỗ trợ các hành giả.

(2) Lợi ích chí đức đầy đủ: một niệm tín phát huy được chí đức của danh hiệu, cùng tận công đức của danh hiệu, viên mãn tràn đầy nơi thân ta. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Có ai được nghe danh hiệu đức Vô Thượng Thọ Phật mà hớn hở vui mừng cho đến chừng một niệm, phải biết người ấy đã được lợi ích rất lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.” Tịnh Độ Luận nói: “Quán Phật Bản nguyện lực, Ai gặp không luống qua, Khiến được mau đầy đủ, Biển báu lớn công đức.”

(3) Lợi ích chuyển ác thành thiện: khi có được một niệm tín là đã đầy đủ chí đức, thì chuyển được ác nặng ba đời, khiến thành tận thiện là Bồ-đề.

(4) Lợi ích được chư Phật hộ niệm: hằng sa chư Phật mười phương hộ niệm hành giả. Tuyền Trạch Tập nói: “Chư Phật mười phương hộ niệm hành giả niệm Phật.”

(5) Lợi ích được chư Phật xưng tán: chư Phật khen ngợi hành giả. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nghe pháp được chẳng quên, Cung kính rất vui mừng, Là bạn lành của ta.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Nếu là người niệm Phật, nên biết người ấy là hoa phân đà lợi trong loài người.” Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói: “Bậc thắng giải rộng lớn.”

(6) Lợi ích tâm quang thường hộ: ánh sáng đại từ bi tâm của Phật chiếu chạm hành giả niệm Phật, gọi là tâm quang. Hành giả niệm Phật được tâm quang ấy chiếu hộ. Quán Niệm Pháp Môn nói: “Tâm quang của Đức Phật kia thường chiếu người ấy, nhiếp hộ không bỏ.”

(7) Lợi ích tâm nhiều hoan hỷ: hành giả niệm Phật, như Bồ-tát Hoan Hỷ Địa ở vị lai thành Phật, quyết định không sai lầm, tâm thường hoan hỷ.

(8) Lợi ích tri ân báo đức: hành giả niệm Phật lập tức đầy đủ chí đức, hoạch đắc đại lợi, nay có thể đem thân đền đáp ân Phật.

(66)

Tông sư [Thiền Đạo] nói:

“Chuyên niệm tức là nhất hạnh.”

“Chuyên tâm tức là nhất tâm.”

Như vậy, thuật ngữ “Nhất niệm” trong Nguyện thành tựu văn⁴⁵⁵ là “Nhất tâm”.

Chuyên tâm tức là Thâm tâm.

Thâm tâm tức là Thâm tín.

Thâm tín tức là Kiên cố thâm tín.

Kiên cố thâm tín tức là Quyết định tâm.

Quyết định tâm tức là Vô thượng thượng tâm.

Vô thượng thượng tâm tức là Chân tâm.

Chân tâm tức là Tương tục tâm.

Tương tục tâm tức là Thuần tâm.

Thuần tâm tức là Ưc niệm.

Ưc niệm tức là Chân thật nhất tâm.

Chân thật nhất tâm tức là Đại khánh hỷ tâm.

Đại khánh hỷ tâm tức là Chân thật tín tâm.

(9) Lợi ích thường thực hành tâm đại bi: hành giả ‘tín tâm tha lực’ đem tự tín mà khuyên người, làm thân tự hành đại bi của Phật. An Lạc Tập nói: “Kinh Đại Bi nói: Thế nào gọi là Đại bi? Nếu người chuyên niệm Phật tương tục, không gián đoạn, người ấy khi mạng chung chắc chắn sinh về cõi An Lạc. Nếu có thể triển chuyển khuyên nhau thực hành niệm Phật, hết thấy đây gọi là người thực hành đại bi.”

(10) Lợi ích nhập Chánh định tụ: địa vị quyết định thành Phật, gọi là Chánh định tụ, còn gọi là địa vị Bất thối. Hành giả niệm Phật, một niệm tín thì đi vào địa vị này, nên vị lai chắc chắn thành Phật. Tịnh Độ Luận Chú nói: “Dị hành đạo: Chỉ lấy nhân duyên tín Phật để nguyện sinh Tịnh độ. Nương nguyện lực của Phật thì được vãng sinh cõi thanh tịnh kia, rồi nhờ Phật lực nắm giữ an trú liền nhập chánh định tụ của Đại thừa.”

⁴⁵⁵ Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Có những chúng sinh nghe danh hiệu đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước ấy, thì liền được vãng sinh ở bậc Bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.”

Chân thật tín tâm tức là Kim cương tâm.
Kim cương tâm tức là Nguyện tác Phật tâm.
Nguyện tác Phật tâm tức là Độ chúng sinh tâm.
Độ chúng sinh tâm tức là Tâm nhiếp thủ chúng sinh sinh Tịnh độ An Lạc.
Tâm ấy tức là Đại Bồ-đề tâm.
Tâm ấy Đại từ bi tâm.
Tâm ấy được sinh ra từ Vô lượng quang minh tuệ.
Vì Nguyện hải bình đẳng nên Phát tâm bình đẳng.
Vì Phát tâm bình đẳng nên Đạo⁴⁵⁶ bình đẳng.
Vì Đạo bình đẳng nên Đại từ bi bình đẳng.
Đại từ bi là chánh nhân của Phật đạo.

(67)

Luận Chú nói:

“Nguyện sinh tịnh độ An Lạc kia, thì phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề.”⁴⁵⁷

(68)

Lại nói:

“**Tâm ấy làm Phật**, là nói tâm có năng tánh làm Phật. **Tâm ấy là Phật**, là nói ngoài tâm không có Phật. Ví như lửa từ gỗ sinh ra, lửa không thể rời gỗ. Vì không rời gỗ, nên lửa có thể đốt gỗ. Gỗ bị lửa đốt, gỗ tức là lửa vậy.”⁴⁵⁸

⁴⁵⁶ Đạo là con đường, suy diễn là đức lý, tức là Bồ-đề. Bồ-đề (Bodhi) là giác ngộ, là Vô thượng trí tuệ, là tuệ giác siêu việt, là Vô thượng Bồ-đề (sự giác ngộ tối thượng).

⁴⁵⁷ Xem mục (53).

⁴⁵⁸ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Đàm Loan chú giải, quyển thượng, tr. 832a24. Vô Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Thấy hoa tòa rồi, kể nên tưởng Phật. Tại sao vậy? Vì chư Phật Như Lai là pháp giới thân, đi vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh, cho nên lúc các người tâm tưởng Phật, thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biện ‘Chánh biến tri’ của chư Phật từ tâm tưởng sinh, vì vậy nên nhất tâm buộc niệm, quán kỹ Đức Phật ấy, Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri.”

(69)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật, là ngoài tâm không có Phật nào khác.”⁴⁵⁹

(70)

Nên biết, ‘nhất tâm’ thì gọi là **Như thật tu hành tương ưng**⁴⁶⁰, tức là chánh giáo, là chánh nghĩa, là chánh hành, là chánh giải, là chánh nghiệp, là chánh trí.⁴⁶¹

(71)

Ba tâm⁴⁶² tức là Nhất tâm. Nhất tâm tức là nghĩa Kim cương chân tâm.

Đã trả lời xong. Nên biết như vậy.

(72)

Ma-ha Chỉ Quán, quyển một, nói:

“Bồ-đề (菩提) là âm Thiên Trúc (Bodhi), phương này dịch là Đạo. Chất-đa (質多) là âm Thiên Trúc (Citta), phương này dịch là Tâm. Tâm, là lự tri (慮知, lo nghĩ nhận biết).”⁴⁶³

(73)

⁴⁵⁹ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 3, tr. 267a27: "Nói 'Tâm ấy làm Phật' tức là phải nương vào tín tâm của mình để quán tưởng Phật. Nói 'Tâm ấy là Phật' tức là tâm có khả năng tưởng Phật, nương theo tưởng mà thân Phật hiện ra, tức là tâm Phật. Liạ tâm ấy ra thì không có Phật nào khác."

⁴⁶⁰ Xem mục (37).

⁴⁶¹ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, quyển 4, Tán thiện nghĩa, tr. 271b18: "Nếu Phật dạy lời gì, thì đó là chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí, dầu nhiều hay ít, chúng sinh không cần phải hỏi các vị Bồ-tát, trời, người,... để quyết định là đúng hay sai."

⁴⁶² Ba tâm: Chí tâm, Tín Lạc và Dục sinh.

⁴⁶³ Ma-ha Chỉ Quán, No. 1911, 10 quyển, Đại sư Trí Khải thuyết, quyển 1, tr. 4a19.

Hoành siêu đoạn tứ lưu⁴⁶⁴:

Hoành siêu: Hoành là ngược lại với Thụ siêu, Thụ xuất. Siêu là ngược lại với ngoằn ngoèo, quanh co.

Thụ siêu: giáo lý chân thật của Đại thừa.

Thụ xuất: giáo lý quyền phương tiện của Đại thừa. Nhị thừa và Tam thừa là giáo lý ‘đi vòng’.

Hoành siêu là giáo lý chân thật dựa trên sự viên mãn của Bản nguyện thành tựu và Chân như nhất thật⁴⁶⁵, đó là Chân tông.

Còn có Hoành xuất: đó là giáo lý định tán của tam bối, cứu phẩm⁴⁶⁶, là thiện pháp vu hồi (迂迴, đi vòng) của Hóa độ⁴⁶⁷, cỡi của tâm giải đãi và tâm kiêu mạn.

Báo độ của Đại nguyện thanh tịnh thì không có phẩm vị, thứ bậc. Trong khoảnh khắc một niệm nhanh chóng siêu chứng Vô thượng Chánh chơn đạo⁴⁶⁸.

(74)

Đại Bản nói:

“*Siêu phát thệ nguyện thù thắng vô thượng.*”⁴⁶⁹

(75)

Lại nói:

“*Tôi lập nguyện siêu thế*”

⁴⁶⁴ Xem mục (47).

⁴⁶⁵ Nguyện thành tựu nhất thật viên mãn chi chân giáo (願成就一實圓滿之真教).

⁴⁶⁶ Kinh Vô Lượng Thọ nói “tam bối”. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói “cứu phẩm”.

⁴⁶⁷ Hóa độ của đức Phật A Di Đà, tức là Nghi thành Thai cung (疑城胎宮), ở biên giới của Báo độ.

⁴⁶⁸ Vô Thượng Chánh Chơn Đạo (無上正真道): Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, Vô thượng Chánh đẳng giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Chánh đẳng Bồ-đề.

⁴⁶⁹ Kinh Vô Lượng Thọ: “Nghe và thấy các quốc độ nghiêm tịnh, Tỳ kheo Pháp Tạng siêu phát thệ nguyện thù thắng vô thượng, tâm Ngài tịch tịnh, trí Ngài rõ ràng, tất cả thế gian không có ai bằng. Trọn đủ năm kiếp, Ngài suy xét nhiếp thủ công hạnh trang nghiêm thanh tịnh Phật độ.”

*Quyết đến Vô thượng đạo (...)
Danh tiếng siêu mười phương
Nếu không ai nghe danh
Thề chẳng thành Chánh giác.”*

(76)

Lại nói:

“Nhất định được siêu vượt tuyệt hẳn [sinh tử], vãng sinh An Dưỡng quốc, cắt ngang năm đường dữ. Đường dữ tự nhiên đóng lại, đường đi lên không cùng cực, dễ sinh về mà có mấy ai. Nước ấy chẳng gì trái ngược, có sức dắt dẫn tự nhiên.”

(77)

Kinh Đại A Di Đà (Tam tạng Chi Khiêm dịch)⁴⁷⁰ nói:

“Có thể được siêu vượt tuyệt hẳn [sinh tử], vãng sinh A Di Đà Phật quốc, cắt ngang năm đường ác, tự nhiên bị ngăn đóng, đường đi lên không cùng cực, dễ sinh về mà có mấy ai. Quốc độ ấy chẳng gì trái ngược, có sức dắt dẫn tự nhiên.”

(78)

Đoạn: là phát khởi ‘Nhất tâm’ của Vãng tướng, vô sinh mà sẽ thọ sinh, không quốc độ mà càng nên về đến quốc độ. Vì sáu đường, bốn loài: nhân mất, quả diệt, cho nên tức khắc đoạn tuyệt ba cõi sinh tử, được gọi là Đoạn.

Tứ lưu: là bốn bậc lưu⁴⁷¹, còn là sinh, già, bệnh, chết vậy.

⁴⁷⁰ Phật Thuyết A Di Đà Tam Đa Tam Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo Kinh (佛說阿彌陀三耶三佛薩樓佛壇過度人道經), No. 362, 2 quyển, Chi Khiêm dịch, quyển hạ, tr. 311c27.

⁴⁷¹ Tứ lưu (四流), còn gọi Tứ bậc lưu (四瀑流), Tứ đại bậc hà (四大暴河), Tứ bậc hà (四暴河): Bốn thứ phiền não mạnh như dòng thác lũ, cuốn trôi các thiện căn loài hữu tình. Bậc lưu là tên khác của phiền não.

(79)

Đại Bản nói:

*“Biết sẽ thành Phật đạo
Rộng độ sinh tử lưu.”*

(80)

Lại nói:

*“Biết sẽ làm bậc Thế Tôn
Để độ mọi sinh, già, chết.”⁴⁷²*

(81)

Kinh Niết Bàn nói:

“Lại nữa, Niết-bàn được gọi là cù lao. Vì sao? Vì bốn dòng sông lớn chảy xiết không thể xô đẩy nó. Những gì là bốn? Một là Dục bực [lưu], hai là Hữu bực [lưu], ba là Kiến bực [lưu], bốn là Vô minh bực [lưu]. Thế nên, Niết-bàn gọi là cù lao.”

1. Dục bực lưu: thức tưởng khởi lên do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tương ứng với sắc, thanh, hương, vị, xúc tức là Ngũ dục mà ta thường gọi.

2. Hữu bực lưu: tham, mạn, si trong cõi Sắc, cõi Vô sắc.

3. Kiến bực lưu: tư tưởng kiến giải lầm lẫn, thiên lệch. Chẳng hạn như các tà kiến cho thế giới là hữu biên hoặc vô biên, rằng thế gian là thường hoặc vô thường, đoán chừng sau khi Như Lai Niết-bàn là còn hoặc không còn, đều thuộc về loại Kiến bực lưu.

4. Vô minh bực lưu: phiền não tương ứng với si. Ba cõi mỗi cõi đều có năm vô minh bực lưu, cộng chung thành 15 vô minh bực lưu.

Theo luận Câu-xá 20, 29 hoặc như tham, sân, mạn, nghi, triền của cõi Dục là Dục bực lưu; 28 hoặc như tham, mạn, nghi của cõi Sắc, cõi Vô sắc là Hữu bực lưu; 36 kiến chấp trong ba cõi là Kiến bực lưu; 15 vô minh trong ba cõi là Vô minh bực lưu.

⁴⁷² Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh (佛說無量清淨平等覺經), No. 361, 4 quyển, Chi Lôu-ca-sấm dịch, quyển 2, tr. 289a02.

(82)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Kính thưa các hành giả! Phàm phu sinh tử chẳng thể tham mà không chán, Tịnh độ Di Đà chẳng thể khinh mà chẳng thích. Chán thì Ta-bà xa hẳn, thích thì Tịnh độ thường cư. Cách xa thì nhân sáu đường tiêu mất, quả luân hồi tự diệt. Nhân quả đã mất, thì hình thể và danh xưng đoạn tuyệt tức khắc.”⁴⁷³

(83)

Lại nói:

“Ngưỡng mong tất cả người tu vãng sinh, phải khéo léo tự suy nghĩ. Nay bản thân đã nguyện sinh Cực Lạc, thì đi đứng nằm ngồi đều nên nỗ lực khác kỳ, ngày đêm chớ phể bỏ, trọn đời làm hạn kỳ. Trên thân thể dường như có chút khổ, nhưng niệm trước mạng chung, niệm sau liền sinh về cõi kia. Trường thời vĩnh kiếp, thường thọ pháp lạc vô vi, cho đến khi thành Phật, không còn chịu khổ sinh tử, há chẳng vui sướng sao? Nên biết.”⁴⁷⁴

(84)

Đệ tử Phật chân thật⁴⁷⁵: Chân thật, là đối lại đối trá và giả tạm. Đệ tử, là đệ tử của Đức Phật Thích Ca và chư Phật, là người hành Kim cương tâm. Thông qua tín và hành này, người ấy chắc chắn sẽ siêu thoát [sinh tử] và chứng ngộ Đại niết-bàn, và được gọi là đệ tử Phật chân thật.

(85)

⁴⁷³ Y Quán Kinh Đẳng Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, 1 quyển, Đại sư Thiện Đạo soạn, tr 456a09.

⁴⁷⁴ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 439c03.

⁴⁷⁵ Chân Phật đệ tử (真佛弟子). Có thể hiểu là: Thật là đệ tử Phật, chân thật là đệ tử Phật. Xem mục (13).

Đại Bản nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất tư nghị thế giới chư Phật ở mười phương, nhờ quang minh của tôi chạm đến thân họ, khiến thân nhu nhuyễn hơn hẳn hàng thiên nhân. Nếu không được như vậy, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”⁴⁷⁶

Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, nghe danh hiệu tôi mà chẳng được Vô sanh pháp nhẫn và các tổng trì sâu xa của Bồ-tát, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”⁴⁷⁷

(86)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, những loài hữu tình trong vô lượng, vô biên, bất tư nghị, vô đẳng thế giới chư Phật khắp cả mười phương, nhờ uy quang của Phật chiếu chạm đến thân họ, khiến thân tâm an lạc hơn hẳn hàng thiên nhân. Nếu không được như vậy, thì tôi chẳng lấy quả Bồ-đề.”⁴⁷⁸

(87)

Lại nói:

*“Nghe pháp được chẳng quên
Thấy kính rất mừng vui
Là bạn lành của ta.”⁴⁷⁹*

(88)

⁴⁷⁶ Nguyễn thứ 33.

⁴⁷⁷ Nguyễn thứ 34.

⁴⁷⁸ Kinh Đại Bảo Tích, quyển 17, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, Nguyễn thứ 33, tr. 94b08.

⁴⁷⁹ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 273b15.

Lại nói:

*“Người nào có chí tâm mà nguyện sinh về quốc độ An Lạc thì được trí tuệ sáng suốt, công đức thù thắng.”*⁴⁸⁰

(89)

Lại nói:

*“Người thắng giải quảng đại.”*⁴⁸¹

(90)

Lại nói:

*“Đại loại như vậy, những bậc đại uy đức được sinh ra trong pháp môn quảng đại đặc biệt [của Phật pháp].”*⁴⁸²

(91)

Lại nói:

*“Nếu là người niệm Phật, nên biết người ấy là hoa phân-đà-lợi trong loài người.”*⁴⁸³

(92)

An Lạc Tập nói:

⁴⁸⁰ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 275b06.

⁴⁸¹ Kinh Đại Bảo Tích, quyển 18, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, tr. 101a17: “Hoặc có thiện nam tử, thiện nữ nhân, đối với pháp kia, người mà thắng giải quảng đại, hãy nên lắng nghe, được đại hoan hỷ, thọ trì, đọc tụng, rộng vì người khác nói, thường ưa tu hành.”

⁴⁸² Kinh Đại Bảo Tích, quyển 18, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, tr. 101a26: “Này A-dật-đa! Đại loại như vậy, những bậc đại uy đức được sinh ra trong pháp môn quảng đại đặc biệt của Phật pháp. Do đối với pháp môn này không biết lắng nghe mà có một ức Bồ-tát thối chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Pháp môn Tịnh độ là ‘Quảng đại dị môn’ (廣大異門). Những ai đối với pháp môn này mà thâm tín, thắng giải và tu học không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, gọi là bậc đại uy đức.

⁴⁸³ Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

“Y cứ các bộ kinh Đại thừa nói về thuyết thính song đôi:

Kinh Đại Tập nói: Với người thuyết pháp, nghĩ tưởng y vương, nghĩ tưởng cứu khổ. Với pháp được thuyết, nghĩ tưởng cam lộ, nghĩ tưởng đề hồ. Người nghe pháp ấy nghĩ tưởng thắng giải tăng trưởng, nghĩ tưởng khỏi bệnh. Nếu người thuyết pháp và người nghe pháp nghĩ tưởng như thế, thì có thể tiếp nối rạn rở giáo pháp của Phật, thường sinh trước mặt Phật.”⁴⁸⁴

“Y cứ kinh Niết Bàn: Phật dạy rằng, nếu người nào chỉ có thể chí tâm thường tu niệm Phật Tam-muội, thì chư Phật mười phương luôn thấy người ấy, như ở trước mặt. Thế nên, kinh Niết Bàn nói: ‘Phật bảo Bồ-tát Ca Diếp: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thường xuyên chí tâm chuyên niệm Phật, người ấy hoặc ở núi rừng, hoặc ở tụ lạc, hoặc ngày hoặc đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, chư Phật Thế Tôn thường thấy người ấy như ở trước mắt, luôn cùng người ấy mà thọ nhận sự bố thí.’”⁴⁸⁵

“Luận Đại Trí Độ nói: Có ba lý do giải thích vì sao hành giả phải niệm Phật.

(a) Phật là Pháp vương Vô thượng, Bồ Tát là Pháp thân, nhưng được tôn được trọng, chỉ có Phật Thế Tôn, thế nên phải thường niệm Phật.

(b) Có vị Bồ-tát tự nghĩ: Ta từ khoáng kiếp đến nay, được nhờ Đức Thế Tôn nuôi lớn Pháp thân, Trí thân và Đại từ bi thân của ta. Thiên định, trí tuệ, vô lượng

⁴⁸⁴ An Lạc Tập, No. 1958, Đại sư Đạo Xức soạn, tr. 4c03.

⁴⁸⁵ Ibid., tr. 14c29. Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Đàm Vô Sấm dịch, quyển 22, Phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, tr. 496c21: “Này thiện nam tử! Kinh Đại Niết Bàn này có vô lượng công đức như vậy. Này thiện nam tử! Nếu có người có thể sao chép Kinh này, đọc tụng, giải nói, vì người khác trình bày và suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của ta, giỏi chịu lời dạy bảo của ta. Đó là sở kiến của ta, sở niệm của ta. Người đó biết chắc chắn là ta chẳng Niết Bàn. Tùy theo chỗ sở trụ của người như vậy, hoặc thành ấp, tụ lạc, núi rừng, đồng hoang, nhà cửa, ruộng đất, lâu các, điện đường, ta cũng thường trụ ở trong những chỗ đó, chẳng di dời. Ta đối với người này thường làm người thọ thí, hoặc làm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, Bà la môn, Phạm chí, người đi xin nghèo cùng, thì làm sao phải khiến cho người đó được biết Như Lai nhận đồ vật bố thí ấy? Này thiện nam tử! Người đó, ở trong đêm ngủ nằm mơ, mơ thấy hình dáng đức Phật, hoặc thấy hình dáng trời, hình dáng Sa môn, hình dáng quốc chủ, Thánh Vương, vua Sư Tử, hình dáng hoa sen, hình dáng hoa ưu đàm, hoặc thấy núi lớn hay nước biển cả, hoặc thấy mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy hình dáng voi trắng và hình dáng ngựa trắng, hoặc thấy cha mẹ, hoặc thấy được hoa, được trái, được vàng, bạc, lưu ly, pha lê, các thứ báu, được năm thứ vị của trâu. Bấy giờ thì phải biết là Như Lai đã nhận sự bố thí của người ấy. Người đó tỉnh dậy rồi, liền được đủ thứ vật cần dùng, lòng chẳng nghĩ ác, ưa tu thiện pháp.” (Cư sĩ Tuệ Khai dịch)

hạnh nguyện nhờ Phật mà được thành. Vì để báo đáp nên thường nguyện gần Phật, cũng như đại thần, nhờ ân sủng vua nên thường nghĩ tới vua.

(c) Có vị Bồ-tát còn nghĩ rằng: Ta ở nhân địa, gặp ác tri thức, vì phỉ báng Bát-nhã mà đọa vào đường dữ, trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh khác chưa thể giải thoát. Sau vào một thời, nương gần thiện tri thức, dạy ta hành niệm Phật Tam-muội, bấy giờ dẹp trừ được các chướng, mới được giải thoát. Vì có lợi ích lớn như thế nên nguyện không rời Phật.”⁴⁸⁶

“Trong Đại Kinh có nói: Phạm muốn vắng sinh Tịnh độ cần phải lấy việc phát khởi tâm Bồ-đề làm gốc⁴⁸⁷. Vì sao? Vì Bồ-đề là tên gọi của Phật đạo Vô thượng. Muốn phát tâm làm Phật: tâm này quảng đại trùm khắp pháp giới, [tâm này cứu cánh bằng như hư không], tâm này dài xa tận biên tế vị lai, tâm này khắp đủ lia chướng Nhị thừa. Nếu một phen phát tâm này, thì có thể nghiêng đổ bánh xe chur hữu sinh tử từ vô thủy.”⁴⁸⁸

“Kinh Đại Bi nói: Vì sao gọi là đại bi? Nếu người chuyên niệm Phật tương tục, không gián đoạn, người ấy khi mạng chung chắc chắc sinh về cõi An Lạc. Nếu có thể triển chuyển khuyên nhau thực hành niệm Phật, hết thấy đây gọi là người thực hành đại bi.”⁴⁸⁹

(93)

Đại sư chùa Quang Minh nói:

“Chỉ hận chúng sinh nghi chẳng nghi
Tịnh độ đôi mặt chẳng nghịch nhau
Chớ luận Di Đà nhiếp chẳng nhiếp

⁴⁸⁶ Ibid., tr. 15a26.

⁴⁸⁷ Kinh Vô Lượng Thọ: “Này A Nan! Có ai muốn hiện đời được thấy Đức Vô Lượng Thọ Phật thì phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu những công đức nguyện sinh về nước An Lạc.”

⁴⁸⁸ Ibid., tr. 7b15.

⁴⁸⁹ Ibid., tr. 17a19.

Ý tại chuyên tâm hồi bất hồi [hướng].”⁴⁹⁰

“Hoặc nói từ nay đến Phật quả

Nhiều kiếp khen Phật báo Từ ân

Chẳng nhờ sức hoàng thệ Di Đà

Khi nào kiếp nào thoát Ta-bà.”⁴⁹¹

“Mong gì ngày nay đến nước báu

Thật là sức Bỏn sư Ta-bà

Nếu không Bỏn sư tri thức khuyên

Di Đà Tịnh độ làm sao nhập?”⁴⁹²

(94)

Lại nói:

“Đời Phật rất khó gặp

Người có tín tuệ khó

Gặp nghe pháp hiếm có

Đây lại là khó nhất.

Mình tin, dạy người tin

Trong khó lại càng khó

Đại bi hóa rộng khắp

Mới thật báo Phật ân.”⁴⁹³

(95)

Lại nói:

⁴⁹⁰ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 450a14.

⁴⁹¹ Ibid., tr. 451a20.

⁴⁹² Ibid., tr. 451a24.

⁴⁹³ Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi (集諸經禮懺儀), No. 1982, 2 quyển, Sa-môn Trí Thăng soạn, quyển hạ, tr. 469b22.

“Thân sắc Di Đà như núi vàng
Tướng tốt ánh sáng chiếu mười phương
Chỉ có niệm Phật mong sáng nhiếp
Nên biết bản nguyện rất là vững
Mười phương Như Lai đưa lưỡi chứng
Chuyên xưng danh hiệu sinh Tây phương
Đến hoa kia nở nghe diệu pháp
Thập địa nguyện hạnh tự nhiên hiện.”⁴⁹⁴

(96)

Lại nói:

“Chỉ có chúng sinh chuyên niệm A Di Đà Phật, tâm quang của Đức Phật thường chiếu soi người ấy, nhiếp hộ không bỏ; hoàn toàn chẳng chiếu nhiếp những người hành tạp nghiệp khác.⁴⁹⁵ Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm đời sống hiện tại.”⁴⁹⁶

(97)

Lại nói:

⁴⁹⁴ Ibid., quyển hạ, tr. 473a13.

⁴⁹⁵ ‘Chỉ có chuyên niệm’: Bất luận người nào, chỉ cần ‘chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà’ thì tâm quang của Đức Phật A Di Đà sẽ ‘luôn chiếu soi người ấy’. Ánh sáng có ‘tâm quang’ và ‘thân quang’, và ánh sáng ‘nhiếp thủ bất xả’, đó là Tâm quang. Vì chúng ta niệm Phật là phù hợp với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, cho nên ‘tâm quang nhiếp hộ bất xả’. Còn như niệm Phật khác, trì chú khác, học pháp khác, thì ánh sáng của Đức Phật A Di Đà sẽ không chiếu nhiếp. Tại sao? Vì danh hiệu là ánh sáng. Chỉ cần khởi niệm danh hiệu, tự nhiên sẽ tiếp xúc với ánh sáng của Đức Phật A Di Đà. Nhưng nếu không niệm danh hiệu thì không có ánh sáng này, bởi vì không tiếp xúc với danh hiệu đó. Đạo lý thật rõ ràng.

⁴⁹⁶ Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn (觀念阿彌陀佛相海三昧功德法門), gọi tắt là Quán Niệm Pháp Môn, No. 1959, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 25b01.

“Nói ‘tâm hoan hỷ đặc nhãn’⁴⁹⁷: đoạn này nói quốc độ thanh tịnh và ánh sáng của Đức Phật A Di Đà bỗng hiện ra trước mắt, không gì phần chân hơn, nhân đây vui mừng, liền được Vô sinh Pháp nhãn, cũng gọi là Hỷ nhãn, cũng gọi là Ngô nhãn, cũng gọi là Tín nhãn. Đây là huyền đàm, chưa nêu đặc xứ, muốn cho phu nhân và chúng sinh, tâm mong cầu lợi ích này, tâm tưởng dững mãnh và chuyên tinh khi nhìn thấy, mới nên Ngô nhãn. Đây phần nhiều là nhãn trong Thập Tín, chứ không phải nhãn của Giải hành trở lên.”⁴⁹⁸

(98)

Lại nói:

“Đoạn từ ‘Nếu là người niệm Phật’ cho đến ‘sinh vào nhà của chư Phật’⁴⁹⁹ là nói về công năng siêu tuyệt của Niệm Phật Tam-muội; tạp thiện thực sự chẳng thể sánh được với nó, có năm điểm được làm rõ:

(a) Chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà.

(b) Chỉ ra và khen ngợi người xưng niệm.

(c) Người nào có thể tương tục niệm Phật, thì người đó thật là hiếm có, không biết lấy gì để so sánh, do đó dẫn hoa phân-đà-lợi làm ví dụ. Hoa phân-đà-lợi là một loài hoa đẹp trong loài người, cũng gọi là loài hoa hiếm có, cũng gọi là loài hoa thượng thượng trong loài người, cũng gọi là loài hoa tốt đẹp trong loài người.

⁴⁹⁷ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy rằng: Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ nhớ kỹ. Nay Như Lai vì tất cả chúng sinh đời vị lai, những kẻ bị giặc phiền não nhiều hại mà nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay cho Vi Đề Hy khéo hỏi được việc ấy. Nay A Nan! Ông nên thọ trì, rộng vì đại chúng mà tuyên nói lời Phật. Hôm nay Như Lai vì Vi Đề Hy và tất cả chúng sinh đời vị lai, quán sát thế giới Cực Lạc ở phương Tây, do oai lực của Phật nên sẽ thấy được quốc độ thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy hình tượng mặt mình. Thấy những sự vui cùng cực vi diệu của quốc độ ấy, nên tâm vui mừng, ứng thời liền được Vô sinh Pháp nhãn.”

⁴⁹⁸ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 2, Phần Tự nghĩa, tr. 260c05.

⁴⁹⁹ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Nếu là người niệm Phật, nên biết người ấy là hoa phân-đà-lợi trong loài người. Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí là thắng hữu của người ấy. Người ấy sẽ ngồi đạo tràng, sinh vào nhà của chư Phật.”

Tương truyền hoa này được gọi là Thái hoa⁵⁰⁰. ‘Nếu là người niệm Phật’, tức là người tốt trong loài người, là người tốt đẹp trong loài người, là người thượng thượng trong loài người, là người hiếm có trong loài người, là người tối thắng trong loài người.

(d) Người chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà sẽ được Bồ-tát Quán Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí thường theo ủng hộ, cũng làm thân hữu tri thức.

(e) Đòi này đã được lợi ích này, xả mạng liền sinh vào nhà của chư Phật, tức là Tịnh độ. Đến được Tịnh độ thì lúc nào cũng nghe pháp, phụng sự cúng dường, nhân tròn quả đầy, ngòi đạo tràng không xa.”⁵⁰¹

(99)

Vương Nhật Hưu nói:

“Tôi nghe kinh Vô Lượng Thọ nói: *Chúng sinh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, nguyện sinh nước ấy, liền được vãng sinh, trú Bất thoái chuyển.*

Bất thoái chuyển: Phạm ngữ là A-duy-việt-trí. Kinh Pháp Hoa cho rằng đó là Báo địa mà Bồ-tát Di Lặc đạt được.

Một niệm vãng sinh **liền ngang hàng với Bồ-tát Di Lặc**⁵⁰². Lời Phật không hư dối. Kinh này là đường tắt vãng sinh, là phép thần thoát khổ, chúng ta nên tin tưởng và tiếp nhận.”⁵⁰³

⁵⁰⁰ Thái hoa 蔡華: Còn gọi là Bạch liên hoa, tên gọi khác của hoa sen. Có hai thuyết: (1) Y cứ vào con linh quy một ngàn tuổi dạo chơi trên hoa sen, vì linh quy xuất thân từ đất Thái nên gọi liên hoa là Thái hoa. Sử Ký Quy Sách Truyện (史記龜策傳) ghi: “Rùa một ngàn tuổi dạo chơi trên hoa sen.” Quán Kinh Tán Thiện Nghĩa Giai Định Ký (觀經散善義楷定記) có ghi: “Khi Minh vương sắp ra đời sẽ có con rùa trắng cỡ hoa sen trắng ngàn cánh hiện ra”, do đó mà có tên là Thái hoa. Nhưng Giáo Hành Tín Chứng Lược Tán (教行信證略讚) của ngài Đạo Ấn lại không dùng thuyết này, cho rằng hoa này trực tiếp gọi là Thái hoa, đó là vì sự hiếm có của nó, giống như sự hiếm có của linh quy, nên gọi là Thái hoa. (2) Để nói lên hoa sen này thù thắng hơn hoa sen bình thường nên đặc biệt gọi là phân-đà-lợi hoa, như ở đây đề cập. Thái 蔡, là con rùa lớn.

⁵⁰¹ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 4, tr. 278a09.

⁵⁰² Nhất niệm vãng sinh tiện đồng Di Lặc (一念往生便同彌勒).

(100)

Đại Kinh nói:

“Phật bảo Di Lặc: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bồ-tát Bất thối vãng sinh nước ấy. Mỗi một vị Bồ-tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, theo thứ tự như Bồ-tát Di Lặc [đều sẽ làm Phật].”⁵⁰⁴

(101)

Lại nói:

“Phật bảo Di Lặc: Trong Phật độ này có bảy mươi hai ức Bồ-tát, các vị này ở chỗ vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn Đức Phật, đã trồng các căn lành, thành bất thối chuyển, sẽ sinh nước kia.”⁵⁰⁵

(102)

Luật tông, Pháp sư Dụng Khâm nói:

“Đến như Hoa Nghiêm tận lực đề xướng, Pháp Hoa đàm thoại thù diệu, còn chưa thấy có sự thọ ký cùng khắp trong những kinh ấy. Chúng sinh một đời đều

⁵⁰³ Long Thư Tăng Quảng Tịnh Độ Văn (), gọi tắt là Long Thư Tịnh Độ Văn, No. 1970, 12 quyển, Quốc học Tiến sĩ Vương Nhật Hưu soạn, quyển 10, tr. 283a20. Cư sĩ Vương Nhật Hưu (王日休, 110?-1173), hiệu Hư Trung đời Tống, người huyện Long Thư. Được cử vào chức Quốc học Tiến sĩ nhưng ông từ bỏ quan chức chẳng nhận. Ông lâu thông kinh sử, nhưng một bữa kia buông bỏ hết, tự bảo: "Đó đều là những thứ tạo thêm nghiệp, chẳng phải là pháp rốt ráo. Ta lấy cõi Tịnh làm chỗ quay về!" Từ đấy, ông tinh tấn niệm Phật. Năm sáu mươi tuổi, ông mặc áo vải, ăn rau, mỗi ngày lễ một ngàn lạy đến nửa đêm mới nghỉ. Trong tác phẩm Long Thư Tịnh Độ Văn, từ hạng vua, quan cho đến những kẻ đồ tể, nấu rượu, người tạo tội, ông đều khuyên trì danh niệm Phật, khuyến khích họ tu trì. Ba ngày trước khi mất, ông từ biệt tất cả thân hữu, khuyên họ nên tinh tấn Tịnh nghiệp, bảo mình sắp có việc phải đi, không gặp lại nhau nữa. Đến kỳ, ông giảng sách cho học trò xong, lễ niệm như thường, chợt cao giọng niệm Phật mấy tiếng, bảo: "Phật đã đến đón ta," rồi đứng yên đó mà ra đi.

⁵⁰⁴ Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Đà Quán Độ Nhân Đạo Kinh (佛說諸佛阿彌陀三耶三佛薩樓佛檀過度人道經), tr. 317a08: “Đức Phật dạy: Trong cõi nước của Ta sẽ có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát A-duy-việt-trí đều sẽ vãng sinh quốc độ Phật A Di Đà. Mỗi vị Bồ-tát A-duy-việt-trí trước sau cúng dường vô lượng số chư Phật, theo thứ tự như Di Lặc đều sẽ làm Phật.”

⁵⁰⁵ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, quyển 18, tr. 100c01.

được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quả thật là được lợi ích của công đức bất khả tư nghị [trong kinh Vô Lượng Thọ] vậy.”

(103)

Quả thật biết rằng: Đại sĩ Di Lặc nhận thức toàn hảo Đẳng giác Kim cương tâm, nên cùng tột Vô thượng Chánh giác ở ba hội Long Hoa vào buổi sớm. Chúng sinh niệm Phật nhận thức toàn hảo Hoàn siêu Kim cương tâm, nên siêu chứng Đại Bát-niết-bàn ở một niệm lâm chung vào buổi chiều.

Siêu chứng Đại Bát-niết-bàn, cho nên nói là **‘liền ngang hàng với Bồ-tát Di Lặc’**.

Hơn nữa, những người có được Kim cương tâm thì ngang hàng với Vi Đà Hy và chúng sinh vị lai, tức có được ba thứ nhẫn (chấp nhận): hỷ, ngộ và tín⁵⁰⁶. Đó là vì ‘chân tâm thấu suốt’⁵⁰⁷ của Vãng tướng hồi hướng, và vì phù hợp với bản thể bất khả tư nghị.

(104)

Thiền tông, Thiền sư Trí Giác khen ngợi hành giả niệm Phật rằng:
“Lạ thay! Phật lực khó bàn, xưa nay chưa có.”⁵⁰⁸

(105)

Luật tông, Sư Nguyên Chiếu nói:

⁵⁰⁶ Ba nhẫn hỷ, ngộ, tín: quán Đức Phật A Di Đà, hoặc tin vào bản nguyện của Phật mà được lợi ích là Vô sinh Pháp nhẫn. Thấy tịnh độ của Đức Phật A Di Đà mà sinh tâm hoan hỷ: đây là do khi quán tưởng dững mãnh chuyên tinh, thấy tịnh độ trang nghiêm, tâm sinh hoan hỷ, được Vô sinh nhẫn. Xét ba thứ hỷ, ngộ, tín khi được Vô sinh nhẫn, chúng hoàn toàn liên hệ đến quán Phật mà được, hoặc do tín tâm mà được.

⁵⁰⁷ Chân tâm triệt đáo (真心徹到). Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 2, tr. 258a11: “Chân tâm thấu suốt, chán khổ Ta-bà, thích vui Vô vi, vĩnh quy Thường lạc.”

⁵⁰⁸ Lạc Bang Văn Loại, No. 1969A, quyển 5, tr. 215a16. Bài phú Thần Thê An Dưỡng (神棲安養賦) của Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ Trí Giác (永明延壽智覺, 904-976).

“Than ôi, biết rõ giáo quán ai bằng Trí Giả, lâm chung đọc Quán Kinh, khen Tịnh độ mà hóa. Thấu suốt pháp giới ai bằng Đỗ Thuận, khuyên bốn chúng niệm Phật-đà, cảm thắng tướng rồi về Tây. Tham thiền thấy tánh ai bằng Cao Ngọc, Trí Giác, đều kết xã niệm Phật mà cùng lên Thượng phẩm. Nghiệp Nho có tài hoa ai bằng Lưu, Lôi, Liễu Tử Hậu, Bạch Lạc Thiên, song đều cầm bút viết lời thành thật mà nguyện sinh về cõi ấy.”⁵⁰⁹

(106)

Giả tạm (giả 假), tức là chur cơ của Thánh đạo⁵¹⁰, là định cơ và tán cơ của Tịnh độ.⁵¹¹

(107)

Cho nên Sư chùa Quang Minh nói:

⁵⁰⁹ Lạc Bang Văn Loại, quyển 3, tr. 187a27. Bài Ký về tạo tượng Đức Phật A Di Đà ở Viện Vô Lượng của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu. Đỗ Thuận (杜順, 557-640), Sơ Tổ của Hoa Nghiêm tông. Trí Giả (智者, 538-597), Tổ khai sáng Thiên Thai tông. Cao Ngọc (高玉, ?-742), người đề xướng nhật khóa niệm Phật 5 vạn biến, tụng Kinh A Di Đà 30 vạn quyển. Thiền sư Trí Giác (904-975) ở chùa Vĩnh Minh Diên Thọ. Lưu Trình (劉程, 352-410), người thông thạo Lão Trang và Chư Tử Bách Gia (諸子百家). Lôi Thứ Tông (386-448), cùng với Lưu Trình niệm Phật kết xã Bạch liên xã, chuyên niệm để nhập Niệm Phật tam-muội. Liễu Tông Nguyên (Liễu, 772-819), tự Tử Hậu (子厚), học giả đời Đường, tín giả Phật giáo, làm quan, chủ trương cải cách chế độ, chống tham ô nên bị đày đi xa như ở Vĩnh Châu. Bạch Cư Dị (白居易, 772-846), biểu tự Lạc Thiên (樂天), hiệu Hương Sơn cư sĩ (香山居士), Túy ngâm tiên sinh (醉吟先生) hay Quảng Đại giáo hóa chủ (廣大教化主), là nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng thời nhà Đường. Ông là một trong những nhà thơ hàng đầu của lịch sử thi ca Trung Quốc. Đối với một số người yêu thơ văn thì người ta chỉ xếp ông sau Lý Bạch và Đỗ Phủ.

⁵¹⁰ Tịnh độ giáo chia Phật đạo làm hai môn: (1) Thánh đạo môn (聖道門): Người ở thế giới này nhờ vào tự lực tu hành mà ngộ đạo thành Thánh, gọi là Thử độ thành Thánh (此土入聖), đó là Thánh đạo môn. (2) Tịnh độ môn (淨土門): Người nương nhờ nguyện lực của đức Phật A Di Đà, sinh về Tịnh độ mà ngộ đạo, gọi là Bỉ độ nhập chứng (彼土入證), đó là Tịnh độ môn. Sự phân chia này là căn cứ vào thuyết của ngài Đạo Xức đời Đường được nói trong An Lạc Tập.

⁵¹¹ Mục (84): “Đệ tử Phật chân thật: Chân thật, là đối lại đối trá (偽) và giả tạm (假).” Định tán nhị thiện (定散二善): Định thiện và Tán thiện, gọi tắt là Định tán. Định thiện là lắng tâm dứt trừ các ý niệm tạp nhạp, Tán thiện là đoạn diệt điều ác tu các hạnh lành. Đây là hai loại thiện do ngài Thiện Đạo chủ trương để cầu vãng sinh Tịnh độ. Trong 16 pháp quán như Thủy quán, Bảo thọ quán, Tượng quán, Phổ quán, Tạp tưởng quán v.v... nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì ngài Thiện Đạo cho rằng 13 pháp quán trước là dùng định tâm quán tưởng về y báo, chánh báo của cõi Tịnh độ, cho nên gọi là Định thiện. Còn ba pháp quán sau là dùng tán tâm tu tập các hạnh 3 phúc, 9 phẩm, cho nên gọi là Tán thiện. Định thiện và Tán thiện là nhân của sự vãng sinh, thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là thắng duyên của sự vãng sinh; khi nhân và duyên hòa hợp thì được quả vãng sinh. Ngoài ra, căn cơ có thể tu định thiện gọi là Định cơ; căn cơ không có khả năng tu định thiện mà chỉ có thể tu tập các hạnh tán thiện, thì gọi là Tán cơ. Định cơ, Tán cơ bao nhiếp hết thủy chúng sanh. [X. Quán Kinh, Huyền nghĩa phần].

“Phật giáo nhiều môn tám vạn tu
Chính vì chúng sinh cơ chẳng đồng.”⁵¹²

(108)

Lại nói:

“Phương tiện giả môn bằng chẳng khác.”⁵¹³

(109)

Lại nói:

“Môn môn chẳng đồng gọi Tiệm giáo
Muôn kiếp khổ hành chứng Vô sinh.”⁵¹⁴

(110)

Đôi trá (ngụy 偽), là 62 kiến chấp⁵¹⁵, là 95 thứ tà đạo⁵¹⁶.

⁵¹² Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 449a09.

⁵¹³ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 430c21: “Chư Phật đại bi tâm không hai, Phương tiện hóa môn bằng chẳng khác.”

⁵¹⁴ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán, tr. 449a09.

⁵¹⁵ Các kiến chấp là các tà kiến khiến nghiệp lực lôi kéo kẻ dính mắc phải trôi lăn mãi trong luân hồi. Có tất cả 62 kiến chấp: 18 kiến chấp liên quan về quá-khứ và 44 kiến chấp liên quan về tương-lai. Trong 44 kiến chấp về tương lai bao gồm 5 luận chấp về Hiện tại Niết-bàn luận.

Năm luận chấp về Hiện tại Niết-bàn luận này do các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng, trong hiện tại bản ngã của chúng sinh có thể đạt tới cõi Niết-bàn tối thượng: (1) khi bản ngã tận hưởng năm món dục lạc (thú vui vật chất) do các giác quan mang đến; (2) khi bản ngã ấy biết lìa xa các dục lạc, đạt đến cõi Sơ thiên; (3) khi bản ngã ấy ... đạt đến cõi Nhị thiên; (4) khi bản ngã ấy ... đạt đến cõi Tam thiên; (5) khi bản ngã ấy ... đạt đến cõi Tứ thiên.

⁵¹⁶ Cửu thập lục chủng ngoại đạo (九十六種外道) Chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Cũng gọi Cửu thập lục thuật, Cửu thập lục kính, Cửu thập lục đạo, Cửu thập lục chủng dị đạo. Đây là 96 thứ đạo giáo đã có mặt ở Ấn độ khoảng trước và sau đức Phật ra đời. Về số ngoại đạo tuy có nhiều thuyết khác nhau, nhưng hai thuyết cho là có 96 thứ, 95 thứ là phổ thông hơn cả. Tuy nhiên, hai con số này trong các kinh luận cũng có mấy thuyết: (1) Lục sư ngoại đạo: Phú-lan-na ca-diếp (富蘭那迦葉, purāṇa-kassapa), Mạt-già-lê câu-xa-lê (末伽梨拘舍梨, makkhali-gosāla), San-xà-dạ-ti-la-chi-tử (珊闍耶毘羅胝子, sañjaya-velatthiputta), A-kì-đa-sí-xá-khâm-bà-la (阿耆多翅舍欽婆羅, ajita-kesakambarin), Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên (迦羅鳩駄迦旃延, pakudha-kaccāyana) và Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử (尼乾陀若提子, nigantha-nātaputta), mỗi nhà có 15 đệ tử, cộng chung là 96 người. Lục sư ngoại đạo đều có 16 pháp phải học, trong đó, một pháp thầy tự học, 15 pháp còn lại mỗi pháp dạy cho một đệ tử, thầy trò cộng lại là 96

(111)

Kinh Niết Bàn nói:

“Thế Tôn thường nói, tất cả 95 học phái ngoại đạo đều hướng đến đường ác.”⁵¹⁷

(112)

Sư chùa Quang Minh nói:

“Chín mươi lăm thứ đều bản đời
Chỉ Phật một đạo riêng thanh nhàn.”⁵¹⁸

(113)

Thực sự biết rằng:

Buồn thay, Ngu Ngốc Loan tôi, chìm đắm trong biển rộng ái dục, mê hoặc nơi núi cao danh lợi, không vui khi vào số định tự⁵¹⁹, chẳng thích lúc gần chứng chân chứng, đáng thẹn, đáng thương!

(114)

Đôi với những căn cơ khó đối trị, Đức Phật đã dạy như sau:

pháp. (2) Năm ngoại đạo lớn: Số luận, Thắng luận, Ly hệ, Thú xuất và Biến xuất. Mỗi phái có 18 bộ, tổng cộng là 95 thứ. Ngoài ra, sự quan hệ giữa 95 và 96 có một số thuyết như sau: (a) Chín mươi sáu phái đều là ngoại đạo. (b) Trong 96 phái có một phái gia nhập Phật giáo là Độc tử bộ, còn lại 95 phái ngoại đạo. (c) Trong 96 phái ngoại đạo, giáo nghĩa của ngoại đạo Ni kiền tử gần giống Phật giáo nên trừ ra, còn lại 95 phái. (d) Trong 96 phái có một phái là Tiểu thừa, thực ra không phải ngoại đạo, nhưng vì Đại thừa chê nên trừ ra, còn lại 95 phái. (e) Trong 96 phái ngoại đạo có một phái thông Phật giáo, được coi là nội giáo nên trừ ra mà còn 95 ngoại đạo.[X. luật Tát bà đa Q.5 - Hoa nghiêm kinh số Q.28 - Nghĩa lâm chương toàn chú (Phổ Tịch) - Bách luận số (Cát Tạng) - Chân ngôn giáo giới nghĩa Q.trung].

⁵¹⁷ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 10, phẩm Nhất thiết đại chúng sở vấn, tr. 426c04.

⁵¹⁸ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyễn Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sư Tán, tr. 435b02.

⁵¹⁹ Theo Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, nếu hành giả đã hoàn toàn tín tâm thì nhất định sẽ vào “Chính định tự” ở hiện đời, gọi là Hiện sinh chánh định tự, lợi ích thứ mười trong Hiện sinh thập chủng ích.

Kinh Niết Bàn nói:

“Này Ca Diếp! Trên thế gian có ba hạng người mang bệnh khó trị: một là phỉ báng Đại thừa, hai là ngu nghịch tội, ba là nhất-xiển-đề. Trên thế gian, ba căn bệnh như vậy rất nặng, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát có thể trị liệu được.

Này thiện nam tử! Ví như có người mang bệnh, nhất định chết, không thể cứu chữa, hoặc có xem bệnh tùy ý thuốc men, hoặc không xem bệnh tùy ý thuốc men. Bệnh như vậy nhất định chẳng thể cứu chữa. Ông phải biết, người đó nhất định chết, chẳng nghi ngờ gì. Này thiện nam tử! Ba hạng người này cũng lại như vậy. [Nếu có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, hoặc có thuyết pháp, hoặc không thuyết pháp, thì cũng chẳng thể khiến cho ba hạng người này phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Ca Diếp! Ví như người bệnh, nếu có xem bệnh tùy ý thuốc men, thì có thể khiến hết bệnh, còn nếu không thì người này chẳng thể hết bệnh. Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy,] từ Phật, Bồ-tát được nghe pháp ‘chữa trị’ rồi liền có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. [Nếu họ chẳng nghe pháp thì chẳng thể phát tâm vậy.

Này Ca Diếp! Ví như người bệnh, nếu có xem bệnh tùy ý thuốc men, hoặc không xem bệnh tùy ý thuốc men, đều có thể hết bệnh.] Có một hạng người cũng lại như vậy, hoặc gặp Thanh văn hay chẳng gặp Thanh văn, hoặc gặp Duyên giác hay chẳng gặp Duyên giác, hoặc gặp Bồ-tát hay chẳng gặp Bồ-tát, hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, hoặc được nghe pháp hay chẳng được nghe pháp, mà tự nhiên được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”⁵²⁰

(115)

⁵²⁰ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 11, phẩm Hiện Bệnh, tr. 431b21-c11.

Lại nói:

“Bấy giờ, vua A-xà-thế của đại thành Vương Xá, tính tình tệ ác, ưa hành giết hại, miệng đủ bốn ác, tâm lý hừng hực tham, sân, ngu si; chỉ thấy hiện tại, chẳng thấy vị lai, thuận dùng người ác mà làm quyến thuộc, tham trước năm dục lạc ở hiện đời. Phụ vương không tội, bạo ngược giết hại. Giết hại cha rồi, tâm sinh cău nóng, cỡi bỏ chuỗi ngọc, không xem kỹ nhạc. Vì tâm cău nóng, khắp thân sinh mụn nhọt. Mụn nhọt ấy hôi thối, chẳng thể đến gần, ông lại tự nghĩ: - Hôm nay thân ta đã chịu hoa báo, quả báo địa ngục đến gần không xa.

Bấy giờ, mẹ vua tên Vi Đề Hy, dùng đủ loại thuốc bôi lên mụn nhọt. Mụn nhọt càng sưng thêm, không có giảm bớt.

Vua liền thưa mẹ: - Mụn nhọt như vậy từ tâm sinh ra, chẳng do bốn đại khởi. Nếu nói chúng sinh, có người trị được thì không có điều đó.

Khi ấy có vị đại thần tên là Nguyệt Xứng, đi đến chỗ vua, đứng ở một bên, râu rắng: - Thưa đại vương! Vì sao buồn gầy, dung nhan chẳng vui? Vì thân đau hay vì tâm đau?

Nhà vua liền đáp: - Ta nay thân tâm đau được không đau. Cha ta vô tội mà ta bạo ngược giết hại. Ta từng nghe nghĩa ấy từ người trí. Đời có năm hạng người chẳng thoát địa ngục, gọi là ngũ nghịch tội. Ta nay đã có vô lượng vô biên vô số tội thì làm sao thân tâm không đau cho được? Lại không có lương y nào trị được bệnh thân tâm của ta.

Vị đại thần râu: - Thưa đại vương! Xin chớ quá sầu khổ. Rồi nói kệ rằng:

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền lớn lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm.

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như thế.

Như lời đại vương nói, đời có năm hạng người chẳng thoát địa ngục, ai đến đó thấy về nói với vua vậy? Người nói địa ngục chính là người đa trí ở thế gian nói. Như lời đại vương nói, đời không có lương y trị bệnh thân tâm, hôm nay có vị đại lương y tên là Phú-lan-na, có tất cả tri kiến, được tự tại định, rớt ráo tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thường vì vô lượng vô biên chúng sinh mà diễn thuyết con đường đưa đến Vô thượng Niết-bàn, vì các đệ tử thuyết pháp như vậy: Không có hắc nghiệp, không hắc nghiệp báo, không có bạch nghiệp, không bạch nghiệp báo, không có hắc bạch nghiệp, không hắc bạch nghiệp báo, không có thượng nghiệp, và cả hạ nghiệp. Vị thầy này đang ở trong thành Vương Xá, xin đại vương hạ mình đến đó, có thể nhờ vị thầy này trị liệu thân tâm cho ngài.

Lúc ấy, nhà vua đáp: - Quả đúng như thế, có thể trừ diệt tội của ta thì ta sẽ qui y.

Lại có một vị đại thần tên là Tạng Đức, lại đến chỗ vua, mà nói lời rằng: - Thưa đại vương! Vì sao diện mạo ngài tiều tụy, môi miệng khô cháy, âm thanh nhỏ nhẹ, giống như người khiếp sợ nhìn thấy kẻ thù lớn. Nhan sắc ngài tái nhợt là vì nỗi khổ gì đây? Vì thân đau hay vì tâm đau?

Nhà vua liền đáp: - Ta nay thân tâm đâu được không đau? Ta đã si mù, không có mắt tuệ, gần các bạn ác mà làm thân thiện, theo lời kẻ ác Điều-bà-đạt, người ngang ngược tổn hại vị vua Chánh pháp. Ta xưa từng nghe người trí nói kệ:

Đôi với cha mẹ
Phật và đệ tử
Sinh bất thiện tâm
Khởi lên ác nghiệp
Như vậy quả báo
Tại A-tỳ ngục.

Bởi vì việc này khiến ta khiếp sợ, sinh khổ não lớn, lại không có lương y để gặp cứu chữa.

Vị đại thần lại thưa: - Nguyện xin đại vương hãy chớ buồn sợ! Pháp có hai thứ, một là xuất gia, hai là vương pháp. Theo vương pháp thì việc giết hại cha mình để làm vua một đất nước, tuy gọi là nghịch nhưng thật không có tội, như con tròng ca-la-la cần phải cắn lủng bụng mẹ, rồi sau mới sinh ra. Phép sinh như vậy, tuy phá thân mẹ nhưng thật cũng không tội. Con la mang thai, v.v.⁵²¹ cũng lại như vậy. Phép trị nước, phép nên như vậy, tuy giết cha anh nhưng thật không có tội. Pháp của người xuất gia, dù chỉ con muỗi, con kiến, giết cũng có tội. Nguyện xin đại vương, nghĩ thoáng chớ buồn. Vì sao?

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền lớn lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm.

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như thế.

Như lời đại vương nói, đời không có lương y trị bệnh thân tâm, hôm nay có vị đại lương y tên là Mạt-già-lê Câu-xá-ly-tử (Makkhali Gosāla), có tất cả tri kiến, thương xót chúng sinh giống như con đò, đã lia phiến nã, có thể nhổ mũi tên nhọn ba độc cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh đối với tất cả pháp không tri kiến giác, chỉ một người này có tri kiến giác. Đại sư như vậy, thường vì đệ tử thuyết pháp như vậy: Thân của tất cả chúng sinh có bảy phần. Những gì là bảy? Đó là đất, nước, lửa, gió, khô, lạc, thọ mạng. Bảy pháp như vậy, chẳng phải hóa, chẳng phải tác, không thể hủy hại, như cỏ y-su-ca, an trụ không động như núi Tu-di, không xả, không tác, giống như sữa, lạc, mỗi thứ không tranh tụng, hoặc khô, hoặc lạc, hoặc

⁵²¹ Hoài thai dụ (懷胎喻): Ví dụ con la mang thai (la là con vật lai giống giữa lừa và ngựa). Cứ theo phẩm Lợi dưỡng trong kinh Xuất diệu quyển 15, thì tỳ kheo Địch Đạt ham đắm danh lợi thế gian, nhận sự cúng dường của thái tử A-xà-thế, đức Thế Tôn đem việc này để răn dạy các vị tỳ kheo, Ngài dùng cây chuối, cây trúc, cây lau và con la để ví dụ kẻ vì lòng tham mà phải mất mạng. Chuối, trúc, lau vốn là vật mong manh, nếu chúng đơm hoa, kết trái thì sẽ chết khô; còn con la nếu mang thai thì mẹ con đều chết. Đức Phật dùng thí dụ Hoài thai này để chỉ thân người vô thường, nếu kẻ nào chạy theo danh lợi thì sẽ rơi vào hố tội lỗi, đồng thời cũng hại cho người khác.

thiện, hoặc bất thiện, dùng dao bén cắt mà không bị tổn thương. Vì sao? Vì bảy phần này rỗng không, không có trở ngại. Mạng cũng không hại. Vì sao? Vì không có người hại và người chết. Không tác và không thọ, không thuyết và không thính. Vì sao? Vì không có người niệm và cả người giáo. [Đại sư như vậy] thường thuyết pháp này, có thể làm cho chúng sinh diệt trừ tất cả vô lượng trọng tội. Vị Đại sư này đang ở trong đại thành Vương Xá, nguyện xin đại vương đi đến nơi ấy. Đại vương nếu gặp vị ấy thì mọi tội tiêu trừ.

Lúc ấy, nhà vua đáp: - Quả đúng như thế, có thể trừ diệt tội của ta thì ta sẽ qui y.

Lại có vị đại thần tên là Thật Đắc, lại đến chỗ vua, liền nói kệ rằng:

Đại vương vì sao
Thân cõi chuỗi ngọc
Đầu tóc rối tung
Đến nổi như vậy?
Thân vua vì sao
Run sợ chẳng yên
Giống như gió mạnh
Thổi động cây, hoa?

Đại vương hôm nay vì sao dung sắc ưu sầu tiều tụy, giống như nông phu sau khi xuống giống mà trời chẳng tuông mưa? Ngài sầu khổ như vậy là vì tâm đau hay là thân đau?

Nhà vua liền đáp: - Ta nay thân tâm đau được không đau? Tiên vương cha ta, từ ái độ lượng, đặc biệt chăm sóc ta, không có lỗi lầm. Vua cha có lần đến hỏi thầy tướng, thầy tướng đáp rằng, ‘Đứa bé này sinh ra, chắc chắn sẽ hại cha’. Tuy nghe lời ấy, nhưng cha ta vẫn nâng niu nuôi dưỡng. Ta từng nghe người nói rằng, ‘Nếu người gian dâm với mẹ và tỳ kheo ni, trộm đồ vật của tăng-kỳ, giết người

phát tâm Vô thượng Bồ-đề và giết hại cha của mình; người như vậy nhất định sẽ đọa địa ngục A-tỳ'. Ta nay thân tâm đâu được không đau?

Vị đại thần lại nói: - Nguyện xin đại vương hãy chớ sầu khổ! Như phụ vương của ngài tu giải thoát mà giết hại thì có tội. Nếu theo phép trị nước mà giết thì không tội. Thưa đại vương! Phi pháp thì gọi là phi pháp, vô pháp thì gọi là vô pháp. Ví như không con thì gọi là không con, cũng như đứa con xấu ác cũng gọi là không con. Tuy nói rằng, không con nhưng thật chẳng phải không con. Như ăn không muối gọi là không muối, nếu ăn ít muối cũng gọi là không muối. Như dòng sông không nước gọi là không nước, nếu có ít nước cũng gọi là không nước. Như niệm niệm diệt gọi là vô thường, tuy trụ một kiếp cũng gọi là vô thường. Như người chịu khổ gọi là không vui, tuy nhận ít vui cũng gọi là không vui. Như không tự tại gọi là vô ngã, tuy ít tự tại cũng gọi là vô ngã. Như khi đêm tối gọi là không mặt trời, khi mây mù cũng nói rằng không mặt trời. Thưa đại vương! Tuy nói rằng ít pháp gọi là vô pháp, nhưng thật chẳng phải vô pháp. Nguyện xin đại vương lưu tâm nghe lời nói của thần, tất cả chúng sinh đều có dư nghiệp. Do nghiệp duyên nên nhiều lần thọ sinh tử. Giả sử tiên vương có dư nghiệp, mà nay đại vương hại cha, thì có tội gì? Nguyện xin đại vương nghĩ thoáng chớ buồn. Vì sao?

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền lớn lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm.

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như thế.

Có vị đại sư tên San-đà-da Tỳ-la-chi Tử. (...)

Lại có vị đại thần tên là Tất Tri Nghĩa, lại đến chỗ vua, mà nói lời rằng: - Đại vương hôm nay vì sao hình dung chẳng đoan nghiêm như người mất đất nước,

như sỏi khô, ao cạn không hoa sen, cây không hoa lá, như tỳ kheo phá giới thân không uy đức, vì thân đau hay vì tâm đau?

Nhà vua liền đáp: - Ta nay thân tâm đâu được chẳng đau? Tiên vương cha ta, nhân từ độ lượng, thế mà ta bất hiếu, chẳng biết báo ơn. Ngài thường đem an lạc để an lạc cho ta, mà ta bội ân, phản nghịch cắt đứt niềm an lạc ấy. Tiên vương cha ta không tội mà ta bạo ngược giết hại. Ta cũng từng nghe người trí nói rằng, ‘Nếu có ai hại cha thì sẽ ở trong vô lượng vô số kiếp chịu đại khổ não’. Ta nay không lâu chắc chắn đọa địa ngục, lại không có lương y cứu vớt tội của ta.

Vị đại thần liền nói: - Nguyện xin đại vương buông bỏ sầu khổ! Đại vương không nghe sao? Thuở xưa có một vị vua tên là La-ma, giết hại cha mình để nối ngôi vua. Đại vương Bạt-đề, vua Tỳ-lâu-chân, vua Na-hầu-sa, vua Ca-đế-ca, vua Tỳ-xá-khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái, vua Trì Đa Nhân, v.v., những vị vua như vậy đều hại cha của mình để nối ngôi vua, nhưng không có một vị vua nào vào địa ngục cả. Hiện nay, vua Tỳ-lưu-ly, vua Ưu-đà-na, vua Ác Tánh, vua Thử, vua Liên Hoa, v.v., những vị vua như vậy đều hại cha mình mà không một vị vua nào sầu khổ cả. Tuy nói có địa ngục, ngạ quỷ, cõi trời nhưng có ai thấy? Thưa đại vương! Chỉ có hai hữu: một là, nhân đạo; hai là, súc sinh. Tuy có hai hữu ấy nhưng chẳng phải nhân duyên sinh, chẳng phải nhân duyên diệt. Nếu chẳng phải nhân duyên thì làm gì có thiện ác. Nguyện xin đại vương chớ ôm lòng buồn sợ. Vì sao?

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền lớn lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm.

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như thế.

Có vị đại sư tên A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la (Ajita Keśa-kambala). (...)

Lại có vị đại thần tên là Cát Đức, đi đến chỗ vua mà nói lời rằng: - Đại vương hôm nay vì sao mặt không ngời sáng, như đèn giữa trưa, như trăng ban ngày, như vua mất nước, như đất bỏ hoang. Thưa đại vương! Ngày nay bốn phương thanh bình, không có những oán địch mà sao đại vương sầu khổ như vậy? Vì thân khổ hay vì tâm khổ? Có các vương tử thường khởi ý niệm này, ‘Ta nay khi nào được tự tại?’ Thưa đại vương! Nay ngài đã được sở nguyện tự tại, đại vương thống lãnh nước Ma-già-đà, đã được đầy đủ bảo tạng của tiên vương, thì chỉ nên khoái ý, mặc tình thọ lạc. Ngài ôm mãi sầu khổ như vậy để làm gì?

Nhà vua liền đáp: - Ta nay làm sao không được sầu khổ? Nay đại thần! Ví như người ngu chỉ tham vị ngon mà không thấy dao bén, như ăn tạp độc mà không thấy tai hại. Ta cũng như vậy, như con hươu thấy cỏ mà không thấy hổ sâu, như con chuột tham ăn mà chẳng thấy mèo chồn. Ta cũng như vậy, thấy lạc thú hiện tại mà không thấy quả khổ bất thiện vị lai. Ta từng từ người trí giả nghe lời nói như vậy: ‘Thà trọn ngày chịu ba trăm lần giáo đâm, chứ không sinh một niệm ác đối với cha mẹ’. Ta nay đã gần với lửa dữ địa ngục thì làm sao không được sầu não?

Vị đại thần lại thưa: - Ai đến dối gạt đại vương rằng có địa ngục? Như đầu gai nhọn ai làm ra? Chim bay khác màu ai làm ra? Tánh nước thấm nhuần, tánh đá cứng chắc, tánh gió chuyển động, tánh lửa nóng bức, tất cả muôn vật tự chết tự sinh, ai làm ra? Nói về địa ngục, nó là sự tạo tác văn từ của người trí. Địa ngục có ý nghĩa gì? Thần sẽ giải nói: địa, chỉ cho đất; ngục, chỉ cho phá. Phá là không có tội báo ở địa ngục, đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa, chỉ cho người; ngục, chỉ cho trời. Do giết hại cha mình nên đi đến cõi người, trời. Do nghĩa này nên tiên nhân Bà-tâu nói, ‘Giết dê được niềm vui người trời, đó gọi là địa ngục’. Lại nữa, địa, chỉ cho mạng; ngục, chỉ cho trường. Do giết sự sống nên được thọ mạng dài lâu, gọi là địa ngục. Thưa đại vương! Vì vậy nên biết, thật không có địa ngục. Thưa đại vương! Như trồng lúa mì được lúa mì, trồng lúa nước được lúa nước, giết địa ngục thì trở lại địa ngục, giết hại người thì trở lại làm người. Thưa đại vương! Nay ngài

phải nghe lời thần nói, là thật không có sự giết hại. Nếu có ngã thì thật không có hại. Nếu vô ngã thì không có cái bị hại. Vì sao? Vì nếu có ngã thì thường trụ, không biến dị. Do thường trụ nên không thể giết hại, không phá, không hoại, không ràng, không buộc, không giận, không mừng, giống như hư không, thì làm sao phải có tội giết hại? Nếu vô ngã thì các pháp vô thường. Do vô thường nên niệm niệm hoại diệt. Vì niệm niệm diệt, nên người giết và người chết đều là niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thì ai nên có tội? Thừa đại vương! Như lửa đốt cây, lửa thì không tội; như búa chặt cây, búa cũng không tội; như liềm cắt cỏ, liềm thật không tội; như dao giết người, dao thật chẳng phải người, mà dao đã không tội thì người làm sao có tội? Như thuốc độc giết người, thuốc độc thật chẳng phải người, mà thuốc độc không tội thì người làm sao có tội? Tất cả muôn vật đều cũng như vậy, thật không giết hại thì làm sao có tội? Nguyên xin đại vương chớ sinh sầu khổ. Vì sao?

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền lớn lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm.

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như thế.

Nay có đại sư tên là Gia-la-cưu-đà Ca-chiên-diên (Krakuda Kātyāyana). (...)

Lại có vị đại thần tên là Vô Sở Úy. (...)

Nay có đại sư tên là Ni-càn-đà Nhã-kiền-tử (Nirgrantha Jñātiputra). (...)

Bấy giờ có đại lương y tên là Kỳ-bà, đi đến chỗ vua, thưa rằng: - Đại vương, ngài có ngủ yên giấc không?

Vua dùng kệ đáp: (...) ⁵²² - Nay Kỳ-bà, Nay ta bị bệnh nặng, đối với Chánh pháp vương dấy lên ác nghịch hại. Tất cả lương y, diệu dược, chú thuật, thiện xảo, khám bệnh, đều chẳng thể chữa trị liệu được. Vì sao? Vì pháp vương cha ta, đứng như pháp trị nước, thật không tội lỗi mà ta bạo ngược giết hại. Ta như cá mắc cạn, nào có vui gì? Như nai bị bẫy tâm rất buồn rầu, như người tự biết mạng sống không quá một ngày, như vị vua mất nước chạy trốn sang nước khác, như người nghe bệnh không thể trị liệu, như người phá giới nghe nói tội lỗi. Ta thuở trước từng nghe người trí nói rằng, ‘Nghịch thân, miệng, ý nếu không thanh tịnh thì nên biết người này nhất định đọa địa ngục’. Ta cũng như vậy thì làm sao có giấc ngủ yên ổn? Nay ta lại không có bậc đại y vô thượng, diễn thuyết pháp dược, trừ bệnh khổ của ta.

Kỳ-bà đáp rằng: - Hay thay, hay thay! Tuy đại vương tạo tội nhưng tâm rất hối hận, ôm lòng hối hận. Thưa đại vương! Chư Phật Thế Tôn thường nói lời này, ‘Có hai bạch pháp có thể cứu chúng sinh: một là tâm, hai là quý. Tâm là tự mình không tạo tội. Quý là không xúi người khác làm tội. Tâm là trong lòng tự xấu hổ. Quý là hướng về người mà phát lộ. Tâm là hối hận với người. Quý là hối hận với trời. Đó gọi là tâm quý. Không tâm quý thì không gọi là người, mà gọi là súc sinh.

⁵²² “Nếu có thể dứt sạch, Tất cả các não phiền, Không tham nhiễm ba cõi, Thì mới được ngủ yên. Đại Niết Bàn nếu được, Diễn nói nghĩa thậm thâm, Gọi chân Bà la môn, Thì mới được ngủ yên. Thân không các nghiệp ác, Miệng lia bốn lưỡi lầm, Tâm không có lưới nghi, Thì mới được ngủ yên. Thân tâm không nhiệt não, An trú nơi vắng lặng, Có được vô thượng lạc, Thì mới được ngủ yên. Tâm không có thủ trước, Rời xa các oán thù, Thường hòa không tranh cãi, Thì mới được ngủ yên. Nếu không tạo nghiệp ác, Tâm luôn biết hối hận, Tin ác có quả báo, Thì mới được ngủ yên. Kính dưỡng với cha mẹ, không hại một chúng sinh, Không trộm của người khác, Thì mới được ngủ yên. Với các căn điều phục, Thân cận với bạn lành, Phá hoại bốn ma chúng, Thì mới được ngủ yên. Không thấy tốt không tốt, Cùng với các khổ vui, Vì tất cả chúng sinh, Xoay vần trong sinh tử, Nếu có thể như vậy, Thì mới được ngủ yên. Ai được ngủ yên ổn, Đó là Phật Thế Tôn, Thâm quán Không tam muội, Bất động an thân tâm. Ai được ngủ yên ổn, Đó là đấng Từ Bi, Thường tu không phóng dật, Xem chúng sinh như con. Chúng sinh vô minh tối, Chẳng thấy quả phiền não, Thường tạo các nghiệp ác, Chẳng được giấc ngủ yên. Nếu vì thân mạng mình, Và thân của người khác, Tạo tác mười ác nghiệp, Thì chẳng được ngủ yên. Nếu nói rằng vì lạc, Hại cha không lỗi lầm, Thuận theo ác tri thức, Thì chẳng được ngủ yên. Nếu ăn quá tiết độ, Uống chất lạnh quá nhiều, Như vậy thì bệnh khổ, Thì chẳng được ngủ yên. Nếu có lỗi với vua, Tà niệm với vợ người, Và đi trên đường vắng, Thì chẳng được ngủ yên. Trì giới chưa thành thực, Thái tử chưa nối ngôi, Kẻ trộm chưa được của, Thì chẳng được ngủ yên.”

Có tầm quý thì có thể cung kính cha mẹ, sư trưởng. Có tầm quý nên nói có cha mẹ, anh em, chị em. Hay thay đại vương! Ngài có đầy đủ tầm quý. (...)

Như lời đại vương nói, không ai có thể chữa trị. Đại vương nên biết, tại thành Ca-tỳ-la có vương tử của vua Tịnh Phạn, dòng họ Cù-đàm, tên là Tất-đạt-đa, vô sư giác ngộ, tự nhiên mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. (...) Chính là Phật Thế Tôn có Kim cương trí, có thể phá tất cả ác tội của chúng sinh. Nếu nói không thể làm được, thì không có trường hợp ấy. (...) Thưa đại vương! Đức Như Lai có người em họ là Đề-bà-đạt-đa, phạm ba tội nghịch: phá hoại chúng tăng, làm thân Phật chảy máu, giết hại tỳ kheo ni Liên Hoa. Đức Như Lai vì Đề-bà-đạt-đa thuyết các thứ pháp yếu, khiến cho trọng tội ấy liền được giảm nhẹ. Thế nên Như Lai là vị Đại lương y, chẳng phải Lục sư vậy. (...)

Thưa đại vương! Người tạo một nghịch thì liền thọ đủ một tội như vậy, nếu tạo hai nghịch thì liền chịu gấp đôi, người đủ năm nghịch cũng chịu gấp năm lần. Thưa đại vương! Tôi nay biết chắc, ác nghiệp của đại vương ắt chẳng được miễn. Nguyên xin đại vương mau đi đến chỗ Đức Phật. Ngoại trừ Đức Phật Thế Tôn thì không còn ai khác có thể cứu ngài. Tôi nay thương xót ngài nên khuyên như vậy.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nghe lời nói đó rồi, trong lòng kinh sợ, toàn thân run rẩy, năm vóc lắc động, mềm như cây chuối, ngược mắt lên mà hỏi: - Người là ai đó, sao chỉ nghe tiếng mà chẳng hiện thân hình?

- Ta là Tần-bà-sa-la, cha của đại vương đây. Nay đại vương phải nghe theo lời của ông Kỳ-bà, chớ theo lời sai trái của sáu vị đại thần kia.

Khi nghe lời nói ấy xong, vua ngất xỉu trên đất, mụn nhọt trên thân vua tăng thêm mùi hôi thối hơn trước. Tuy dùng thuốc mát bôi lên để chữa trị, nhưng mụn nhọt ấy càng sưng thêm, không có giảm bớt.”⁵²³

⁵²³ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 19, phẩm Phạm Hạnh.

1. Vị đại thần tên là Nguyệt Xứng - tên là Phú-lan-na (Purnaka).
2. Tạng Đức - tên là Mạt-già-lê Câu-xá-ly-tử (Makkhali Gosāla).
3. Có vị đại thần tên là Bảo Đức - tên là Na-xiễn-tà Tỳ-la-quảng-tử (Sañjaya Velaṭṭhiputta).
4. Có vị đại thần tên là Tất Tri Nghĩa - tên là A-thị-đa Sí-kim Khâm-bà-la (Ajita Keśa-kambala).
5. Có vị đại thần tên là Cát Đức - tên là Bà-tô-tiên (Gia-la-curu-đà Ca-chiên-diên, Krakuda Kātyāyana).
6. Vô Sở Úy - tên là Ni-càn-đà Nhã-kiền-tử (Nirgrantha Jñātiputra).

(116)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Như Lai đã nói, vì vua A-xà-thế mà Ta không nhập Niết-bàn. Mật nghĩa như vậy Ca-diếp ông chưa có thể hiểu được. Vì sao? Ta nói ‘vì’ là vì tất cả phàm phu. Ta nói ‘vua A-xà-thế’ là chỉ khắp tất cả người tạo ngũ nghịch tội. Lại nữa, ‘vì’ tức là vì tất cả chúng sinh hữu vi. Ta không bao giờ vì chúng sinh vô vi mà trụ ở đời. Vì sao? Hễ là vô vi thì không phải là chúng sinh. Vua A-xà-thế là người đầy đủ phiền não. Lại nữa, ‘vì’ tức là chúng sinh không thấy Phật tánh. Nếu chúng sinh thấy Phật tánh thì Ta trọn chẳng vì họ trụ lậu ở đời. Vì sao? Vì người thấy Phật tánh không phải là chúng sinh. ‘A-xà-thế’, tức là tất cả những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. (...)

Lại nữa, ‘vì’, gọi là Phật tánh. ‘A-xà-thế’, gọi là bất sinh. ‘Thế’, gọi là oán. Phật tánh bất sinh nên phiền não oán sinh. Phiền não oán sinh nên không thấy Phật tánh. Phiền não bất sinh nên thấy Phật tánh. Vì thấy Phật tánh mà được an trú Đại Bát-niết-bàn. Đó gọi là bất sinh. Thế nên gọi là A-xà-thế.

Này thiện nam tử! ‘A-xà’, gọi là bất sinh. Bất sinh, gọi là Niết-bàn. ‘Thế’, gọi là pháp thế gian. ‘Vì’, gọi là không ô nhiễm. Vì không ô nhiễm bởi tám pháp

thế gian nên vô lượng vô biên vô số kiếp không nhập Niết-bàn. Thế nên Ta nói rằng, vì A-xà-thế mà vô lượng ức kiếp Như Lai không nhập Niết-bàn.

Này thiện nam tử! Mật ngữ của Như Lai thì bất tư nghị. Phật, Pháp, chúng Tăng cũng bất khả tư nghị. Đại Bồ-tát cũng bất khả tư nghị. Kinh Đại Niết-bàn cũng bất tư nghị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bậc Đạo sư Đại Bi, vì vua A-xà-thế mà nhập tam-muội Nguyệt Ái. Nhập tam-muội rồi, ngài phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy mát dịu, chiếu đến thân vua, thì mụn nhọt trên thân liền lành lặn, hôi thối trừ diệt. (...)

Nhà vua nói: - Này Kỳ-bà! Đấng Thiên Trung Thiên đó vì nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng ấy?

Ông Kỳ Bà đáp: - Tướng tốt lành này hôm nay là vì đại vương. Do đại vương trước nói, ‘đời không có lương y trị liệu thân tâm’, nên Đức Phật phóng ra ánh sáng này để trước chữa thân bệnh, sau trị đến tâm bệnh của đại vương.

Nhà vua nói: - Này Kỳ-bà! Đức Như Lai Thế Tôn cũng thấy được ý niệm sao?

Ông Kỳ-bà đáp: - Ví như một người có bảy đứa con. Một đứa con trong bảy đứa bị bệnh. Lòng cha mẹ chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với đứa con bệnh thì chăm sóc nhiều hơn. Thưa đại vương! Đức Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với người có tội thì quan tâm hơn. Với người phóng dật thì Phật thương tưởng, với người không phóng dật thì Phật buông bỏ. Những ai gọi là người không phóng dật? Đó là Bồ-tát Tâm trú thứ sáu [trong Thập trú]. Thưa đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với các chúng sinh, chẳng quán sát chủng tánh, già trẻ, trung niên, giàu, nghèo, thời tiết, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, nghề nghiệp, hạ tiện, đầy tớ, nô tỳ, mà chỉ quán sát chúng sinh người có thiện tâm. Ai có thiện tâm thì Phật thương tưởng. Đại vương nên biết, tướng tốt lành này chính là Đức Như Lai nhập tam-muội Nguyệt Ái mà phóng ra ánh sáng.

Nhà vua liền hỏi: - Sao gọi là tam-muội Nguyệt Ái?

Ông Kỳ Bà đáp rằng: - Ví như ánh sáng của mặt trăng có thể khiến cho tất cả hoa Ưu-bát-la hé nở tươi sáng. Tam-muội Nguyệt Ái cũng lại như vậy, có thể khiến cho thiện tâm của chúng sinh mở bày. Vì thế gọi là tam-muội Nguyệt Ái. Thưa đại vương! Ví như ánh sáng của mặt trăng có thể khiến cho tất cả người đi đường tâm sinh hoan hỷ. Tam-muội Nguyệt Ái cũng lại như vậy, có thể khiến cho người tu tập đạo Niết-bàn tâm sinh hoan hỷ. Vì thế gọi là tam-muội Nguyệt Ái. (...)

Thưa đại vương! Ví như mặt trăng tròn đầy là vua trong mọi tinh tú, là vị cam lộ được yêu thích của tất cả chúng sinh. Tam-muội Nguyệt Ái cũng lại như vậy, là vua trong các điều thiện, là vị cam lộ được yêu thích của tất cả chúng sinh. Vì thế gọi là tam-muội Nguyệt Ái. (...)

Đức Phật bảo các đại chúng: - Cận nhân duyên của tất cả chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trước hết là bạn lành. Vì sao? Vì vua A-xà-thế nếu không nghe theo lời nói của ông Kỳ-bà thì mừng bảy tháng tới nhất định mạng chung, đọa địa ngục A-tỳ. Thế nên cận nhân duyên không gì bằng bạn lành.

Trên đường đi, vua A-xà-thế nghe chuyện vua Tỳ-lưu-ly nước Xá-bà-đề (Xá-vệ) cưỡi thuyền vào biển gặp lửa mà chết. Tỳ kheo Cù-già-ly còn sống, thân đi vào lòng đất, đến ngục A-tỳ. Tu-na-sát-đa làm đủ các tội ác, đi đến gặp Đức Phật thì mọi tội được tiêu diệt.

Vua nghe xong những chuyện này, liền nói với Kỳ-bà: - Ta nay tuy nghe hai chuyện như vậy nhưng vẫn chưa thâm định được. Nay ông Kỳ-bà! Hãy đến đây, ta muốn cùng ông cùng ngồi chung một thớt voi. Giả sử ta phải vào địa ngục A-tỳ thì nhờ ông nắm lấy ta đừng để rơi xuống. Vì sao? Vì ta trước đây từng nghe, người đắc đạo không vào địa ngục. (...)

[Phật dạy:] Vì sao nói rằng, ‘Nhất định vào địa ngục’? Nay đại vương! Những tội nghiệp mà tất cả chúng sinh tạo tác thường có hai thứ: một là, tội nhẹ; hai là, tội nặng. Nếu tâm, miệng làm, thì gọi là tội nhẹ. Nếu thân, miệng, tâm cùng

làm, thì gọi là tội nặng. Nay đại vương! Tâm nghĩ, miệng nói, thân không làm, thì có quả báo nhẹ.

Này đại vương! Ngày trước miệng ngài không ra lệnh giết mà chỉ nói chặt chân. Nay đại vương! Nếu ngài ra lệnh cho thị thần chém đầu vua và cả khi ngồi xem chém mà còn chẳng bị tội, huống là vua chẳng ra lệnh thì sao gọi là bị tội? Nhà vua nếu có tội thì các Đức Phật Thế Tôn cũng nên có tội. Vì sao? Vì cha ngài, tiên vương Tần-bà-sa-la, đã từng ở chỗ các đức Phật gieo trồng các căn lành nên ngày nay được làm vua. Nếu các Đức Phật chẳng thọ sự cúng dường của tiên vương, thì ông ấy đâu có làm vua. Nếu tiên vương không làm vua, thì đại vương đâu có vì muốn được nước mà giết hại. Vậy nếu đại vương giết cha mà có tội, chư Phật chúng tôi cũng nên có tội. Nếu các Đức Phật Thế Tôn không có tội, thì làm sao một mình ngài có tội được?

Này đại vương! Vua Tần-bà-sa-la, thuở trước có ác tâm, du hành săn nai ở núi Tỳ-phú-la. Khắp vùng đồng rộng mà không săn bắt được gì, chỉ thấy một vị tiên nhân đầy đủ năm thông. Thấy rồi, ông liền sinh ác tâm giận dữ: ‘Ta nay đi săn, sở dĩ chẳng được gì chính là do người này, phải xua đuổi hẳn đi khỏi’. Ông liền ra lệnh cho tả hữu giết người đó. Người ấy lâm chung, sinh ác tâm giận dữ, mất hết thần thông, thề rằng: ‘Ta thật vô tội, người dùng tâm, miệng, ngang ngược giết hại ta. Vào đời vị lai, ta cũng sẽ trở lại dùng tâm, miệng mà giết hại người như vậy’. Vị vua nghe rồi liền sinh lòng hối hận, cúng dường tử thi. Vị vua này như vậy còn được khinh tội, chẳng bị đọa địa ngục, huống là vua chẳng vậy mà phải thọ báo đọa địa ngục sao? Đức tiên vương đã tự tạo ra, thì trở lại tự nhận lấy, sao bảo đại vương bị tội giết hại?

Như lời đại vương nói, ‘Phụ vương không tội’. Này đại vương! Tại sao nói ‘Không tội’? Này đại vương! Phạm người có tội thì có tội báo, người không ác nghiệp thì không tội báo. Tiên vương cha ngài, nếu không tội thì sao có quả báo? Vua Tần-bà-sa-la, ở trong hiện thế cũng được thiện quả và cả ác quả. Vậy nên, tiên

vương cũng lại bất định. Bởi vì bất định, nên giết cũng bất định. Vì giết bất định, thì làm sao nói rằng, ‘Nhất định vào địa ngục’.

Này đại vương! Sự cuồng hoặc của chúng sinh có bốn thứ: một là, tham cuồng; hai là, dục cuồng; ba là, chú cuồng; bốn là, bản nghiệp duyên cuồng. Này đại vương! Trong hàng đệ tử của Như Lai có bốn thứ cuồng ấy, tuy có người làm nhiều điều ác, nhưng Ta trọn không ghi nhận người ấy phạm giới. Việc làm của người ấy không đưa đến ba đường ác. Nếu tâm trở lại thiện lành thì cũng không nói là phạm. Đại vương vốn tham nắm đất nước, nghịch hại phụ vương, do tâm tham cuồng làm ra, vì sao có tội?

Này đại vương! Như người say rượu, nghịch hại mẹ mình, khi tỉnh dậy rồi, lòng sinh hối hận. Nên biết, nghiệp ấy cũng không bị quả báo. Đại vương nay tham say, không phải bản tâm làm ra. Nếu không phải bản tâm, vì sao có tội?

Này đại vương! Ví như vị huyễn sư, ở giữa ngã tư đường, huyễn tác đủ thứ: trai, gái, voi, ngựa, anh lạc, y phục. Người ngu si cho là chân thật, người có trí biết đó chẳng phải chân. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết đó chẳng phải chân.

Này đại vương! Ví như tiếng vang giữa núi, người ngu si cho là tiếng thật, kẻ có trí biết tiếng ấy chẳng phải chân. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết đó chẳng phải chân.

Này đại vương! Như người có oán thù, giả bộ đến thân gần, người ngu si cho là người thân thực sự, người trí liễu đạt liền biết là dối trá. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết đó chẳng phải chân.

Này đại vương! Như người cầm gương soi, tự thấy vẻ mặt, người ngu si cho là mặt thật, kẻ trí liễu đạt biết mặt ấy chẳng phải chân. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết đó chẳng phải chân.

Này đại vương! Như sóng nắng khi trời nóng bức, người ngu si cho đó là nước, kẻ trí liễu đạt biết sóng nắng ấy chẳng phải nước. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết đó chẳng phải chân.

Này đại vương! Như thành Càn-thát-bà, người ngu si cho là chân thật, kẻ trí liễu đạt biết thành ấy chẳng phải chân. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết đó chẳng phải chân.

Này đại vương! Như người trong mơ thấy hưởng thụ năm dục lạc, người ngu si cho đó là thật, kẻ trí liễu đạt biết dục lạc ấy chẳng phải chân. Giết cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân.

Này đại vương! Cách thức giết, hành động giết, người giết, hậu quả giết, cho đến sự giải thoát, Như Lai biết rõ hết thảy, chúng là không có tội. Đại vương tuy biết ‘giết’, vì sao có tội?

Này đại vương! Ví như có người coi giữ và hiểu biết về rượu, nhưng không uống rượu thì cũng chẳng say; tuy lại biết lửa, nhưng cũng chẳng đốt cháy. Đại vương cũng như vậy, tuy lại biết ‘giết’, vì sao có tội?

Này đại vương! Có các chúng sinh, lúc mặt trời mọc làm đủ thứ tội; lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp; mặt trời, mặt trăng chẳng mọc thì không tạo tội. Tuy nguyên nhân mặt trời, mặt trăng khiến họ tạo tội, nhưng mặt trời, mặt trăng thật không có tội. Giết cũng như vậy, tuy nguyên nhân nơi đại vương, nhưng đại vương thật không có tội. (...)

Này đại vương! Ví như Niết-Bàn chẳng phải có, chẳng phải không, mà cũng là có. Giết cũng như vậy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không, mà cũng là có. Người tầm quý thì là chẳng phải có; người không tầm quý thì là chẳng phải không. Người thọ quả báo thì gọi đó là có. Người Không kiến thì chẳng phải có. Người Hữu kiến thì chẳng phải không. Người có Hữu kiến cũng gọi là có. Vì sao? Vì người có Hữu kiến có được quả báo; người không có Hữu kiến thì không có quả báo. Người Thường kiến thì là chẳng phải không. Người không có Thường kiến thì

là chẳng phải có. Người thường Thường kiến thì không được là không. Vì sao? Vì người thường Thường kiến có quả của ác nghiệp. Thế nên người thường Thường kiến thì không được là không. Bởi vì nghĩa này, tuy chẳng phải có, chẳng phải không, mà cũng là có.

Này đại vương! Chúng sinh thì gọi là hơi thở ra vào. Đoạn dứt hơi thở ra vào nên gọi là giết. Chư Phật theo thế tục cũng nói là giết.

Này đại vương! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường. Từ nhân vô thường sinh ra, sắc làm sao thường? Cho đến thức là vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường. Từ nhân vô thường sinh ra, thức làm sao thường? Do vô thường nên khổ, do khổ nên Không, do Không nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, Không, vô ngã, thì sao bị giết hại? Giết vô thường thì được thường Niết-bàn, giết khổ được lạc, giết Không được thật, giết vô ngã mà được chân ngã. Này đại vương! Nếu giết vô thường, khổ, Không, vô ngã thì cùng với ngã đồng. Như Lai cũng giết vô thường, khổ, Không, vô ngã mà không vào địa ngục, vậy đại vương vào địa ngục cách nào? (...)

Nhà vua thưa: - Bạch Đức Thế Tôn! Ở thế gian này con thấy từ hạt y-lan sinh ra cây y-lan, không thấy hạt y-lan sinh ra cây chiên-đàn. Hôm nay con mới thấy từ hạt y-lan sinh ra cây chiên-đàn. Hạt y-lan chính là thân con. Cây chiên-đàn chính là lòng in vô căn nơi tâm con. Vô căn là từ ban đầu con không biết cung kính Đức Như Lai, không tin Pháp và Tăng, đó gọi là vô căn.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu con không gặp được Như Lai Thế Tôn thì phải chịu vô lượng khổ ở đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp. Con nay được gặp Phật. Do sự gặp Phật mà có được công đức, phá hoại được tất cả phiền não, ác tâm sẵn có của chúng sinh.

Đức Phật dạy: - Này đại vương! Lành thay, lành thay! Ta nay biết ông nhất định phá hoại được ác tâm của chúng sinh.

- Thưa Đức Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá hoại được các ác tâm của chúng sinh, thì cho con thường ở tại địa ngục A-tỳ trong vô lượng kiếp, vì các chúng sinh chịu thay khổ não mà không lấy làm khổ.

Bấy giờ, vô lượng nhân dân của nước Ma-già-đà đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vô lượng nhân dân phát đại tâm như vậy, nên trọng tội sẵn có của vua A Xà Thế liền được nhẹ bớt. Nhà vua và phu nhân, hậu cung thế nữ đều đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nói với ông Kỳ-bà: - Kỳ-bà! Ta nay chưa chết đã được thân trời, bỏ đoản mạng mà được trường mạng, bỏ thân vô thường mà được thân thường hằng, khiến cho những chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thân trời, trường mạng, thân thường hằng, tức là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói lời này xong, vua liền dùng đủ thứ bảo tràng, phan cái, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc vi diệu mà cúng dường Đức Phật. Ông lại dùng kệ tụng mà khen ngợi rằng:

Lời thật rất vi diệu
Thiện xảo nơi cú nghĩa
Thậm thâm bí mật tạng
Vì chúng mà hiển thị.
Bao nhiêu lời quảng bác
Vì chúng mà lược thuyết
Đầy đủ lời như vậy
Khéo chữa trị chúng sinh.
Nếu có các chúng sinh
Được nghe lời như thế
Hoặc tin hoặc không tin
Biết chắc là Phật thuyết.

Lời Phật thường êm dịu
Vì chúng nên nói thô
Lời thô và lời dịu
Đều về Đệ nhất nghĩa.
Cho nên con hôm nay
Quy y với Thế Tôn.
Lời Như Lai một vị
Giống như nước biển cả
Đó gọi Đệ nhất đế
Không có lời vô nghĩa.
Như Lai nay vừa thuyết
Đủ thứ vô lượng pháp
Nam nữ lớn nhỏ nghe
Cùng được Đệ nhất nghĩa.
Không nhân cũng không quả
Không sinh và không diệt
Đó gọi Đại Niết-bàn
Người nghe phá mọi kết.
Như Lai vì tất cả
Thường làm cha mẹ từ
Phải biết các chúng sinh
Đều là con Như Lai.
Thế Tôn đại từ bi
Vì chúng mà khổ hạnh
Như người dính quỉ mị
Cuồng loạn nhiều tạo tác.
Con nay được gặp Phật

Đã được ba nghiệp thiện
Nguyện đem công đức này
Hồi hướng Vô thượng đạo.
Con nay xin cúng dường
Phật, Pháp và chúng Tăng
Nguyện đem công đức này
Tam Bảo thường tại thế.
Con nay đã sẽ được
Đủ thứ các công đức
Nguyện đem đây phá hoại
Bốn ma của chúng sinh.
Con gặp ác tri thức
Tạo tác tội ba đời
Nay trước Phật sám hối
Nguyện sau không làm nữa.
Nguyện cho mọi chúng sinh
Đều phát Bồ-đề tâm
Buộc tâm thường suy nghĩ
Mười phương tất cả Phật
Lại nguyện các chúng sinh
Phá hết các phiền não
Hiểu rõ thấy Phật tánh
Giống như ngài Diệu Đức (Văn Thù).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen vua A-xà-thế: - Lành thay, lành thay! Nếu có người có thể phát Bồ-đề tâm thì nên biết người này đang trang nghiêm đại chúng của chư Phật. Nay đại vương! Ông thuở xưa đã ở chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi, đầu tiên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ đó cho đến khi Ta xuất thế, trong

thời gian này, đại vương chưa từng chịu khổ nơi địa ngục. Đại vương nên biết, tâm Bồ-đề mới có vô lượng quả báo như vậy. Nay đại vương ! Từ nay về sau thường phải siêng tu tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì từ nhân duyên này mà được tiêu diệt vô lượng ác nghiệp vậy.

Bấy giờ, vua A-xà-thế và nhân dân nước Ma-già-đà, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Đức Phật ba vòng, bái biệt lui ra, trở về hoàng cung.”⁵²⁴

(117)

“Này thiện nam tử! Vua nước La-duyệt-kỳ là Tần-bà-sa-la. Thái tử của vua ấy tên là Thiện Kiến, do nhân duyên của nghiệp nên sinh tâm nghịch ác, muốn hại cha mình mà chưa có cơ hội. Bấy giờ, người ác Đề-bà-đạt-đa cũng do nhân duyên của nghiệp quá khứ, lại ở chỗ Ta, sinh tâm bất thiện, muốn hại Như Lai, liền tu ngũ thông, không bao lâu chứng đắc, có quan hệ thân mật với thái tử Thiện Kiến. Ông vì thái tử mà hiện tác các việc thần thông như: đi ra từ chỗ không cửa, rồi từ cửa mà vào; từ cửa mà vào, rồi đi ra từ chỗ không cửa; hoặc có khi thị hiện thân voi, ngựa, trâu, dê, trai, gái. Thái tử Thiện Kiến thấy rồi, liền sinh tâm yêu mến, tâm hoan hỷ, tâm kính tín. Vì những việc ấy, thái tử sắp bày đủ thứ đồ cúng dường mà cúng dường Đề-bà-đạt-đa.

Thái tử lại thưa: - Thưa Đại sư Thánh nhân! Nay tôi muốn thấy hoa Mạn-đà-la.

Đề-bà-đạt-đa liền lên cung trời Ba mươi ba (Đao-lợi), đến chỗ chư thiên mà cầu xin hoa. Vì phước của ông ấy hết nên không có ai cho hoa. Đề-bà-đạt-đa không xin được hoa, liền suy nghĩ: - Cây Mạn-đà-la không có ngã và ngã sở, nếu ta tự lấy hoa thì có tội gì?

⁵²⁴ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 20, phẩm Phạm Hạnh.

Khi vừa muốn lấy hoa thì liền mất hết thần thông, lại thấy mình đang ở thành Vương-xá, sinh tâm hổ thẹn, không dám đến gặp thái tử Thiện Kiến. Đè-bà-đạt-đa lại nghĩ: - Nay ta nên đi đến chỗ Như Lai, cầu xin đại chúng. Nếu Đức Phật cho phép thì ta sẽ tùy ý dạy, mời, sai bảo ông Xá-lợi-phất, v.v.

Bấy giờ, Đè-bà-đạt-đa liền đến chỗ ta, nói như vậy: - Nguyên xin Đức Thế Tôn, đem đại chúng này giao phó cho con. Con sẽ giáo hóa họ bằng các thứ thuyết pháp, khiến họ điều phục.

Ta nói với người ngu: - Ông Xá-lợi-phất, v.v. là bậc thông minh đại trí, được người đời tín phục mà ta còn không đem đại chúng giao phó, huống ông là người ngu si, kẻ ăn nước bọt ư?

Lúc đó, Đè-bà-đạt-đa lại sinh ác tâm hơn nữa đối với Ta, và nói như vậy: - Nay Cù-đàm! Nay ông tuy điều phục được đại chúng nhưng thế lực chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt.

Nói lời đó rồi thì đại địa tức thời chấn động sáu lần, Đè-bà-đạt-đa liền ngã ra đất. Bên thân ông ấy, một cơn gió rất mạnh nổi lên, thổi bụi đất làm lấm lem cả thân.

Đè-bà-đạt-đa thấy ác tướng rồi, lại nói rằng: - Nếu hiện thể thân này của ta ắt vào địa ngục A-tỳ, thì ta cần phải báo oán lớn như vậy.

Đè-bà-đạt-đa liền đứng dậy đi đến chỗ của thái tử Thiện Kiến. Thái tử Thiện Kiến thấy rồi liền hỏi: - Thánh nhân! Vì sao dung nhan ngài tiều tụy, có vẻ lo âu vậy?

Đè-bà-đạt-đa nói: - Ta thường như vậy, ngài không biết ư?

Thiện Kiến đáp: - Xin nói ý ấy, vì nhân duyên gì vậy?

Đè-bà-đạt-đa nói: - Nay ta với thái tử rất thân mến nhau, ngoại nhân mắng ngài rất là phi lý, ta nghe việc này, há chẳng lo ư?

Thái tử Thiện Kiến lại nói - Người trong nước vì sao mà nhục mạ ta?

Đè Bà Đạt Đa nói: - Người trong nước mắng ngài là ‘Oán chưa sinh’.

Thiện Kiến lại nói: - Vì sao gọi ta là ‘Oán chưa sinh’? Ai đặt tên này?

Đề-bà-đạt-đa nói: - Khi ngài chưa sinh ra, tất cả thầy tướng đều nói, ‘Đứa trẻ này sinh ra sẽ giết cha của nó’, thế nên ngoại nhân đều gọi ngài là ‘Oán chưa sinh’. Tất cả nội nhân một lòng ủng hộ, gọi ngài là Thiện Kiến. Phu nhân Vi-đề nghe lời nói này, sinh thân ngài rồi, ở trên lầu cao ném ngài xuống đất, làm gãy một ngón tay của ngài. Do nhân duyên này mà mọi người gọi ngài là Ba-la-luu-chỉ. Ta nghe việc đó, tâm sinh lo buồn, mà lại không thể nói ra.

Đề-bà-đạt-đa đem những việc ác như vậy xúi giục thái tử giết vua cha, ‘Nếu ngài giết cha thì ta cũng có thể giết Sa-môn Cù-đàm’. Thái tử Thiện Kiến hỏi một vị đại thần tên là Vũ Hành: - Đại vương vì sao đặt tên ta là ‘Oán chưa sinh’?

Vị đại thần kể hết đầu đuôi chuyện ấy cho thái tử, đúng như lời của Đề-bà-đạt-đa không khác. Thái tử Thiện Kiến nghe rồi, liền cùng với đại thần bắt giam vua cha, nhốt ở ngoại thành, sai bốn đội binh canh giữ. Phu nhân Vi-đề nghe được việc này, liền đi đến thăm vua thì bị người canh giữ vua ngăn cản không cho vào. Bấy giờ, phu nhân rất giận dữ, trách mắng họ. Những người canh giữ liền báo cho thái tử: - Thưa đại vương! Phu nhân muốn vào thăm tiên vương, không rõ có được phép?

Thiện Kiến nghe xong, giận dữ đi đến chỗ mẹ, nắm tóc, vung gươm muốn chém. Bấy giờ, ông Kỳ-bà thưa: - Đại vương đã nắm được đất nước, dù tội rất nặng cũng không xử nữ nhân, huống là mẹ đẻ.

Thái tử Thiện Kiến nghe lời nói đó rồi, vì Kỳ Bà nên liền buông tha phu nhân, nhưng cấm cung cấp các thứ quần áo, đồ nằm, thức ăn uống, thuốc men cho vua cha. Qua bảy ngày thì vua cha mất mạng. Thái tử Thiện Kiến thấy cha chết rồi mới sinh lòng hối hận.

Đại thần Vũ Hành lại nói với vua bằng những pháp tà ác: - Thưa đại vương! Tất cả nghiệp hành đều không có tội, vì sao nay ngài sinh lòng hối hận?

Kỳ-bà lại nói: - Thừa đại vương! Ngài nên biết nghiệp như vậy là gồm hai tội: một là, giết vua cha; hai là, giết Tu-đà-hoàn. Tội như vậy thì ngoại trừ Đức Phật, không ai có thể trừ diệt được.

Vua Thiện Kiến nói: - Đức Như Lai thanh tịnh không có uế trược, tội nhân như chúng ta thì làm sao được gặp?

- Nay thiện nam tử! Ta biết việc như vậy nên bảo A-nan, ‘Sau ba tháng nữa, Ta sẽ nhập Niết-bàn’.

Vua Thiện Kiến nghe tin này liền đến chỗ Ta. Như Lai vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, nhờ đó tội nặng được nhẹ, thu hoạch được niềm tin vô căn. Nay thiện nam tử! Những đệ tử của Ta nghe lời nói này rồi, không hiểu ý Ta, nên nói rằng, ‘Như Lai chắc chắn thuyết rằng, rốt ráo có nhập Niết-bàn’.

Nay thiện nam tử! Bồ-tát có hai hạng: một là, thật nghĩa; hai là, giả danh. Bồ-tát giả danh nghe Ta ba tháng sẽ nhập Niết-bàn thì đều sinh tâm thoái lui mà nói: ‘Như Đức Như Lai còn vô thường, không trú ở, tại sao chúng ta vì sự vô thường ấy mà phải thọ khổ não lớn trong vô lượng đời? Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà không hủy hoại được ma chét như vậy, huống là bọn chúng ta có thể hủy hoại được?’ Nay thiện nam tử! Thế nên Ta vì những Bồ-tát như vậy mà nói rằng, ‘Như Lai thường trụ, không có biến dịch’. Nay thiện nam tử! Những đệ tử của Ta nghe lời này rồi, không hiểu ý Ta, nên quyết định nói rằng, ‘Như Lai trọn không rốt ráo có nhập Niết-bàn’.”⁵²⁵

(118)

Do đó, nay y cứ lời dạy chân thật của Đức Phật, ‘Khó giáo hóa ba hạng người, khó chữa trị ba căn bệnh’, hãy cậy nhờ Đại bi hoằng thệ và quay về biển cả

⁵²⁵ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 34, phẩm Bồ-tát Ca Diếp.

‘lợi tha tín tâm’⁵²⁶. Đức Phật bi mẫn mà sửa chữa người, thương xót mà trị liệu bệnh, ví như diệu dược đề-hồ chữa trị mọi bệnh tật. Muôn loài thời kỳ vẫn đục, quần sinh ác độc dơ bẩn, hãy tìm kiếm và suy nghĩ về chân tâm ‘Kim cương bất hoại’, nên chấp trì Bản nguyện, vì là diệu dược đề hồ.⁵²⁷ Nên biết điều này.

(119)

Trong các kinh điển Đại thừa, có nói đến căn cơ khó hóa độ.

Đại Kinh nói: “*Trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.*”

Và [Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai] nói: “*Chỉ trừ kẻ [tạo nghiệp] ngũ vô gián, phỉ báng chánh pháp và các bậc Thánh.*”

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói kẻ phạm ngũ nghịch được vãng sinh⁵²⁸, không nói kẻ phỉ báng chánh pháp.

Kinh Niết Bàn nói về căn cơ và bệnh khó chữa trị.

Những giáo lý chân chính này được hiểu như thế nào?

(120)

Giải đáp như sau:

Luận Chú nói:

⁵²⁶ Lợi tha tín hải (利他信海).

⁵²⁷ Nương tựa bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, không kể kẻ ác như thế nào đều được cứu độ, được ví như diệu dược đề-hồ của Đức Phật.

⁵²⁸ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Hạ phẩm hạ sinh: Hoặc có chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu như vậy, lúc sắp mạng chung, gặp được thiện tri thức an ủi nhiều lời, vì nói diệu pháp, dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không kịp niệm Phật. Thiện hữu bảo rằng, ‘Người nếu không thể niệm Phật kia được, thì người xưng quy mạng Vô Lượng Thọ Phật, như vậy chí tâm, khiến tiếng xưng chẳng dứt, đầy đủ mười niệm, nên xưng: Nam mô A Di Đà Phật’. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sinh tử. Lúc mạng chung, thấy hoa sen vàng giống như vàng mặt trời dừng ở trước mặt người ấy. Trong khoảnh khắc một niệm, liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc, ở trong hoa sen suốt mười hai đại kiếp thì hoa sen ấy mới nở.”

“Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ có nói, ‘Người nguyện sinh về nước ấy đều được vãng sinh, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp’. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói, ‘Ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện, cũng được vãng sinh’. Hai kinh này, phải được hiểu như thế nào?”

Đáp: Một kinh nói đủ hai thứ trọng tội: một là, ngũ nghịch; hai là, phỉ báng chánh pháp; bởi vì hai thứ tội này mà không được vãng sinh. Một kinh chỉ nói tạo các tội thập ác, ngũ nghịch, không nói phỉ báng chánh pháp; bởi vì không phỉ báng chánh pháp cho nên được sinh.

Hỏi: Giả sử một người có đủ năm tội nghịch, mà không phỉ báng chánh pháp, kinh chấp thuận ‘được sinh’. Lại có một người chỉ phỉ báng chánh pháp, không có năm tội nghịch, mà nguyện vãng sinh thì có được sinh hay không?

Đáp: Nếu mà phỉ báng chánh pháp, dù không có tội khác, chắc chắn không được sinh. Tại sao nói như vậy? Kinh nói: người ngũ nghịch tội thì đọa đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ một kiếp trọng tội. Người phỉ báng chánh pháp thì đọa đại địa ngục A-tỳ, hết kiếp này lại chuyển đến đại địa ngục A-tỳ ở phương khác, cứ thế triển chuyển qua trăm ngàn đại địa ngục A-tỳ. Phật không xác nhận khi nào được thoát ra, bởi vì phỉ báng chánh pháp là tội cực trọng. Lại nữa, chánh pháp tức là Phật pháp. Người ngu si này đã sinh phỉ báng, thì đâu có lý nào nguyện sinh cõi Phật. Giả sử chỉ tham sự an lạc cõi kia mà nguyện sinh, thì cũng như mong băng không phải nước, mong lửa không có khói, đâu có lý ấy.

Hỏi: Những tướng gì là phỉ báng chánh pháp?

Đáp: Nếu nói không Phật, không pháp Phật, không Bồ-tát, không pháp Bồ-tát, những cái thấy như vậy, hoặc tâm tự hiểu, hoặc nghe lời người khác, tâm ấy quyết định, đều gọi là phỉ báng chánh pháp.

Hỏi: Những suy nghĩ như thế chỉ là việc riêng, đối với chúng sinh có khổ não gì mà hơn cả ngũ nghịch trọng tội?

Đáp: Nếu không có chư Phật, Bồ-tát thuyết thiện đạo thế gian và xuất thế gian để giáo hóa chúng sinh, thì đâu biết có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín? Như vậy, tất cả thiện pháp thế gian đều đoạn, tất cả hiền thánh xuất thế gian đều diệt. Ông chỉ biết ngũ nghịch tội là nặng, mà không biết ngũ nghịch tội do không có chánh pháp mà sinh ra. Cho nên kẻ phỉ báng chánh pháp, tội ấy nặng nhất.

Hỏi: Kinh Nghiệp Đạo nói, ‘Nghiệp đạo như cái cân, bên nào nặng kéo trước’. Như kinh Vô Lượng Thọ nói, ‘Có chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Khi sắp mạng chung, gặp được thiện tri thức dạy xưng Nam mô Vô Lượng Thọ Phật, như vậy chí tâm, khiến tiếng không dứt, đầy đủ mười niệm, liền được vãng sinh tịnh độ An Lạc’, tức nhập chánh định tụ của Đại thừa, rốt ráo không thoái chuyển, xa hẳn các khổ của ba đường. Nghĩa ‘Kéo trước’, theo lý là thế nào? Lại nữa, nhiều kiếp đến nay, tạo đủ các pháp hữu lậu của chư hành, hệ thuộc ba cõi, chỉ lấy việc niệm A Di Đà Phật được mười niệm, liền ra khỏi ba cõi, vậy nghĩa ‘hệ nghiệp’, lại muốn thế nào?

Đáp: Ông cho ngũ nghịch, thập ác, hệ nghiệp, v.v. là nặng, cho mười niệm của người hạ hạ phẩm là nhẹ, nên phải là tội bị kéo trước, đọa địa ngục hệ thuộc ba cõi. Nay xin lấy nghĩa để xét lường. Nghĩa ‘nặng’ hay ‘nhẹ’ là tại tâm, tại duyên, tại quyết định, không tại thời gian, lâu, gần, nhiều, ít vậy.

Thế nào là tại tâm? Người tạo tội kia tự y chỉ cái thấy điên đảo hư vọng mà sinh. Người được mười niệm nương phương tiện an ủi của thiện tri thức, nghe được các pháp thật tướng mà sinh. Một thật một hư, đâu được sánh nhau. Ví như căn phòng ngàn năm tối tăm, khi ánh sáng tạm đến thì liền sáng sủa. Đâu được nói rằng, bóng tối ở trong căn phòng được ngàn năm rồi nên không chịu đi? Đó gọi là tại tâm.

Thế nào là tại duyên? Người tạo tội kia tự y chỉ tâm vọng tưởng, dựa vào phiền não, quả báo hư vọng và chúng sinh mà sinh. Người được mười niệm y chỉ

tín tâm vô thượng, nương theo danh hiệu phương tiện trang nghiêm, chân thật thanh tịnh, vô lượng công đức của A Di Đà Như Lai mà sinh. Ví như có người bị trúng tên độc, đứt gân gãy xương, vừa nghe tiếng trống thuốc Diệt trừ, thì mũi tên liền rơi ra.⁵²⁹ Đâu được nói rằng, tên sâu độc dữ kia, nghe tiếng trống nổi mà không nhỏ được tên, trừ được độc? Đó gọi là tại duyên.

Thế nào là tại quyết định? Người tạo tội kia y chỉ tâm có sau, tâm có cách hờ mà sinh. Người được mười niệm y chỉ nơi tâm không có sau, tâm không cách hờ mà sinh. Đó gọi là tại nơi quyết định.

So lường ba nghĩa, người được mười niệm là nặng, nặng thì được kéo trước, có thể ra khỏi ba hữu. Hai kinh một nghĩa vậy.

Hỏi: Bao nhiêu thời gian gọi là một niệm?

Đáp: Một trăm lẻ một sinh diệt, gọi là một sát-na. Sáu mươi sát-na, gọi là một niệm. Ở đây nói ‘niệm’, là không dựa theo thời gian, chỉ nói là ức niệm Đức Phật A Di Đà, hoặc tổng tướng, hoặc biệt tướng, theo duyên mà quán, tâm không tướng gì khác. Mười niệm tương tục, gọi là mười niệm. Chỉ xưng danh hiệu thì cũng lại như vậy.

Hỏi: Tâm nếu duyên theo gì khác, phải gom nhiếp nó trở về, thì có thể biết là bao nhiêu niệm. Đã biết được nhiều ít thì không phải không cách hờ. Nếu ngưng dứt tâm, chuyên chú tướng, thì nương đâu để ghi nhớ niệm được nhiều ít?

Đáp: Kinh nói ‘mười niệm’, nghĩa là nói nghiệp sự đã thành rồi, không cần phải biết con số. Như nói ‘Ve sầu không biết Xuân Thu, con sâu đó đâu hay tiết mùa Hạ’. ‘Mười niệm nghiệp thành’, là bậc thông thần⁵³⁰ nói vậy. Chỉ tích niệm tương tục, không duyên sự gì khác là xong rồi, không cần phải biết số lượng của

⁵²⁹ Kinh Phật Thuyết Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội (佛說首楞嚴三昧經), No. 642, 2 quyển, Cựu-ma-la-thập dịch, quyển thượng, tr. 633b05: “Như đại dược vương tên là Diệt trừ, nếu khi chiến đấu dùng thuốc ấy bôi lên trống thì những người bị tên bắn, đao, mâu làm tổn thương, được nghe tiếng trống, thì mũi tên xuất, chất độc trừ. Như vậy, này Kiên Ý! Bồ-tát trụ ở tam-muội Thủ Lăng Nghiêm, có người nghe danh thì mũi tên tham sân si tự nhiên bật ra, chất độc tà kiến đều bị diệt trừ hết, tất cả phiền não không động phát nữa.”

⁵³⁰ Bậc thông thần chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

niệm. Nếu cần biết thì cũng có phương tiện, phải khẩu truyền, không được dùng ngòi bút để diễn đạt.”⁵³¹

(121)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Hỏi: Như trong bốn mươi tám lời nguyện, ‘*Chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp*’⁵³² thì không được vãng sinh, nay trong Quán Kinh, phần Hạ phẩm hạ sinh, lược bỏ ‘phi báng’, nhiếp lấy ‘ngũ nghịch’⁵³³, đó là ý thế nào?

Đáp: Nghĩa này được hiểu theo Ưc chỉ môn⁵³⁴. Như trong bốn mươi tám lời nguyện, trừ những người phi báng chánh pháp và phạm tội ngũ nghịch, vì hai nghiệp này là tội chướng cực nặng; nếu chúng sinh phạm phải thì vào thẳng địa ngục A-tỳ, nhiều kiếp kinh sợ, không cách thoát ra. Đức Như Lai sợ chúng sinh gây tạo hai tội lỗi này, nên phương tiện nói lời ngăn chặn, ‘không được vãng sinh’, nhưng không phải không nhiếp thọ. Lại trong Hạ phẩm hạ sinh, lấy ‘ngũ nghịch’, bỏ ‘báng pháp’. Người đã phạm tội ngũ nghịch thì Phật không thể bỏ họ khiến lưu chuyển, càng phát đại bi tâm mà nhiếp thủ họ vãng sinh. Nhưng với tội phi báng chánh pháp mà chưa làm, lại nói lời ngăn chặn, ‘Nếu khởi báng pháp, liền không

⁵³¹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Đàm Loan chú giải, quyển thượng, tr. 834a14-c26.

⁵³² Nguyện thứ 18.

⁵³³ Quán Kinh: “Hoặc có chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng.”

⁵³⁴ Ưc chỉ môn (抑止門): Ưc chỉ, là áp chế, ngăn chặn, ngưng dứt. Môn, là pháp môn, giáo pháp. Tức chỉ Phật vì ức chỉ chúng sanh làm ác, nên tạm đem tâm từ bi của Ngài ẩn giấu không lộ, mà nói hể người làm ác thì không được vãng sinh. Theo Kinh Vô Lượng Thọ, quyển Thượng, nguyện thứ 18 trong 48 nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng cho rằng, người phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp không được vãng sinh. Nhưng Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì nói, nếu chúng sinh phạm tội ngũ nghịch, thập ác mà niệm Phật thì vẫn được vãng sinh. Để giải thích điều này, trong Quán Kinh Sớ, phần Tán Thiện Nghĩa, Ngài Thiện Đạo có chia ra hai môn là Ưc chỉ và Nhiếp thủ, cho rằng, Kinh Vô Lượng Thọ là nói theo lập trường chưa tạo nghiệp, thuộc về Ưc chỉ môn, cho nên nói người phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp không được vãng sinh; còn Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì nói theo lập trường đã tạo nghiệp, thuộc về Nhiếp thủ môn, cho nên nói chúng sinh phạm tội ngũ nghịch, thập ác mà niệm Phật thì vẫn được vãng sinh.

được vãng sinh'. Đây được hiểu là người chưa tạo nghiệp. Nếu đã tạo nghiệp, Phật vẫn nhiếp thủ để được sinh. Tuy được sinh về nước kia, nhưng hoa búp trải qua nhiều kiếp. Các người tội này lúc ở trong hoa cũng có ba thứ chướng: 1. Không được thấy Phật và các Thánh chúng; 2. Không được lắng nghe chánh pháp; 3. Không được phụng sự cúng dường. Ngoài ba chướng này, không có các khổ. Kinh chép: 'Như Tỳ-kheo đã thể nhập cái vui của cõi trời Tam thiên'⁵³⁵, nên biết. Tuy ở trong hoa nhiều kiếp không nở, nhưng cũng còn hơn ở trong địa ngục A-tỳ trường thời vĩnh kiếp chịu các thống khổ.

Nghĩa này được hiểu theo Ưc chỉ môn, đã xong."⁵³⁶

(122)

Lại nói:

“[Nước ấy thanh tịnh đủ bốn đức trang nghiêm,] dứt hẳn cơ hiểm không còn ưu não. Người trời thiện ác đều được sinh về, đến đó không còn khác biệt, đều đồng địa vị bất thối. Là ý gì vậy? Chính vì nhân địa của Đức Phật A Di Đà, từ chỗ Đức Phật Thế Nhiêu Vương⁵³⁷, bỏ ngôi xuất gia, liền khởi tâm bi và trí, quảng

⁵³⁵ Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, No. 156, quyển 4, phẩm Ác Hữu: “Bấy giờ A Bàn vào báo cho Đề-bà-đạt-đa biết có A Nan đứng ngoài, hiện muốn được gặp. Đề-bà-đạt-đa liền ra và nói với A Nan: - Mời A Nan hãy vào. Như Lai vẫn còn thương nhớ đến tôi ư? - Như Lai cho tôi đến hỏi thăm ông có thể chịu được những nỗi thống khổ ở đây không? -Tôi ở trong địa ngục A-tỳ này, cũng như một vị Tỳ kheo đã thể nhập được cái thú vui ở cõi trời Tam thiên. Phật nói: - Các bậc đại Bồ Tát, tu các phép Phương tiện để tiếp dắt chúng sinh, thì dù có phải chịu sinh tử và các nỗi thống khổ, cũng không lấy thế làm lo. Nếu ai bảo Đề Bà Đạt Đa thực là kẻ ác nhân, phải đọa địa ngục A Tỳ, thì người đó không hiểu.” (Thích Chính Tiến & Thích Quảng Độ dịch)

⁵³⁶ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký, quyển 4, tr. 277a22-b11.

⁵³⁷ Thế Tự Tại Vương Phật (世自在王佛): Phạm: Lokesvararāja hoặc Lokesvara, Hán âm: Lâu-di-cảng-la Phật (樓夷亶羅佛), cũng gọi Thế Nhiêu Vương Phật (世饒王佛), Nhiêu Vương Phật, Thế Gian Tự Tại Vương. Danh hiệu của Đức Phật đã ra đời kể sau 53 đức Phật từ Phật Đỉnh Quang (錠光佛) đến Phật Xử Thế (處世佛) ở quá khứ, là Thầy của tỳ kheo Pháp Tạng (tiền thân Đức Phật A Di Đà) khi còn ở địa vị tu nhân, từng vì tỳ kheo Pháp Tạng tuyên thuyết về tướng trạng của 210 ức cõi nước chư Phật, do đó mà tỳ kheo Pháp Tạng đã phát khởi 48 điều thệ nguyện. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, nói: “Bấy giờ, có đức Phật hiệu là Thế Tự Tại Vương Như Lai, (...) khi ấy có vị quốc vương nghe Phật nói pháp, lòng thấy vui mừng, liền phát đạo ý chánh chân vô thượng, nhường ngôi bỏ nước, xuất gia làm sa-môn, hiệu là Pháp Tạng.”

hoàng bốn mươi tám nguyện. Do nguyện lực của Phật, ngũ nghịch và thập ác, tội diệt được sinh; báng pháp và xiển-đề, hồi tâm đều vắng.”⁵³⁸

(123)

“**Ngũ nghịch:** Nếu y theo ngài Tri Châu⁵³⁹, ngũ nghịch có hai:

Một là, ngũ nghịch của ba thừa:

1. Cố ý giết cha; 2. Cố ý giết mẹ; 3. Cố ý giết một vị A-la-hán; 4. Phá hòa hợp Tăng bởi điên đảo kiến; 5. Làm thân Phật chảy máu bởi ác tâm.

Bởi vì bội ân điền, nghịch phước điền, gọi đó là Nghịch. Người phạm năm tội nghịch này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn bị đọa vào địa ngục Vô Gián. Trong một đại kiếp họ phải chịu khổ đau không gián đoạn, nên gọi là Vô gián nghiệp.

Lại nữa, trong Luận Câu-xá có nói đến Ngũ vô gián đồng loại nghiệp:

Làm nhục mẹ, Vô học ni

⁵³⁸ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyện Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sư Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển thượng, tr. 426a01.

⁵³⁹ Tuệ Chiếu (慧沼, 650-714), hoặc là Huệ Chiếu (惠沼), Huệ Chiếu (惠照), họ Lưu tên Huyền, quê quán Bành Thành (彭城), sau dời về Tri Châu (淄州), do đó người ta còn gọi là Tri Châu Chiếu (淄州沼). Khi 15 tuổi, vua Đường Cao Tông vì đứa con mới sinh (Duệ Tông) mà cầu phước độ Tăng, ngay dịp đó mà được thế độ xuất gia. Thích Tuệ Chiếu, tuổi nhỏ đã lanh lợi, bắt đầu vào trường học, tụng tập đều thông suốt, đến khi nhập pháp tu thân thì không trái phạm giới luật, được thời ấy gọi là “Chiếu-xà-lê”, kể là chuyên học kinh luận, có tài phiên dịch truyện. Từ khi Tam Tạng Huyền Trang về kinh, Sư thường hay để ý những chỗ sâu xa, sau này được gần gũi Đại thừa Cơ, lại càng hăng hái. Đến khi Bồ-Đề-Lưu-Chí ở chùa Sùng Đức dịch kinh Đại Bảo Tích, Chiếu được chọn làm người chứng nghĩa, do pháp sư Thắng Trang người Tân La ghi chép. Các Sa-môn có đại nguyện ngoài trần đều là những người tài ba một thời. Lúc ấy, Vũ Bình Nhất được sung làm sứ. Lư Tạng cùng Lục Cảnh Sở làm tổng quản. Trung thư Thị Lang Thôi Thị Nhân hành hương đến Phiên Kinh Viện, than rằng: ‘Các Thanh lưu đều ở đây cả, đâu nên cách ngại nhau’, vì vậy tấu thỉnh cùng tham gia nhuận sắc tân kinh. Lúc ban đầu Sư chứng nghĩa tại dịch trường Nghĩa Tịnh, phần nhiều là dính chính sai lời, lệch nghĩa, đều vâng theo chỉ định, không được vượt mức, sau này tự biên soạn các nghĩa sớ, hiệu là Tri Châu Chiếu. Năm Khai Nguyên thứ hai (714), ngày 11 tháng 12, Pháp sư viên tịch, thọ 64 tuổi. Các trước tác của sư hiện tồn có 11 loại, cộng lại 40 quyển: Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh Sớ (10 quyển), Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Sớ (1 quyển), Pháp Hoa Huyền Tán Nghĩa Quyết (1 quyển), Thành Duy Thức Luận Liễu Nghĩa Đăng (14 quyển), Thành Duy Thức Luận Diễn Bí (7 quyển), Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Nghĩa Toàn Yếu (1 quyển), Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Nghĩa Đoạn (2 quyển), Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Tục Sớ (1 quyển), Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương Bồ Khuyết (8 quyển, hiện còn quyển 4, 7, 8 và 9), Năng Hiện Trung Biên Tuệ Nhật Luận (4 quyển), Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Tập (3 quyển), và hai trước tác đã thất lạc là Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ và Phát Bồ Đề Tâm Luận Sớ.

Giết một Bồ-tát trụ định
Giết một Thánh giả hữu học
Đoạt điều kiện Tăng hòa hợp
Phá hoại tháp tốt-đổ-ba
Là tội vô gián đồng loại.⁵⁴⁰

Hai là, ngũ nghịch của Đại thừa:

Như Kinh Đại Tát-già Ni-kiền-tử có nói: 1. Phá hoại tháp, thiêu đốt kinh tượng, hoặc lấy dùng tài vật của Tam bảo; 2. Phỉ báng giáo pháp của Ba thừa, nói không phải Thánh giáo, bằng cách chướng phá, lưu nạn, ngăn cản, che giấu; 3. Tát cả người xuất gia – trì giới, không trì giới, phá giới - mà bị đánh đập, chửi mắng, sai khiến làm việc, moi móc lỗi lầm, giam cầm, bắt buộc hoàn tục, lao dịch khổ sai, chặt tay chân, đoạt mạng sống; 4. Giết cha, hại mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng và giết A-la-hán; 5. Phỉ báng không có nhân quả, trường thời thường hành mười nghiệp bất thiện.⁵⁴¹

Kinh [Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân] cũng nói: [Lại có bốn ác nghiệp căn bản tội gần với năm đại tội vô gián. Những gì là bốn?] 1. Sinh tâm bất thiện, sát hại Độc giác, là đại tội giết hại sinh mạng; 2. Dâm với A-la-hán bí-sô-ni tăng, là đại tội muốn tà hạnh; 3. Xâm tổn tài vật cúng dường Tam bảo, là đại tội không cho mà lấy; 4. Phá hòa hợp Tăng chúng bởi điên đảo kiến, là đại tội lời nói hư dối.^{542,543}

⁵⁴⁰ Luận Câu-xá, quyển 18, phẩm Phân Biệt Nghiệp (phần 6), tr. 94b23. Các tội tương tự với tội vô gián (vô gián đồng loại, *ānantaryasabhāga*) cũng khiến cho người ta phải đọa địa ngục. Năm tội này, theo thứ tự trên, đều tương tự với các tội vô gián: 1. Làm ô nhục mẹ mình, làm ô nhục một tỷ kheo ni A-la-hán (đồng loại tội giết mẹ); 2. Giết chết một Bồ-tát sẽ thành tựu trụ định (đồng loại tội giết cha); 3. Giết chết Thánh giả Hữu học (đồng loại tội giết A-la-hán); 4. Cướp đoạt các phương tiện sinh sống của chúng Tăng (đồng loại tội phá hòa hợp Tăng); 5. Hủy hoại một bảo tháp (tốt-đổ-ba 率都婆; *stūpa*) (đồng loại tội làm thân Phật chảy máu).

⁵⁴¹ Kinh Đại Tát-già Ni-kiền-tử sở thuyết (大薩遮尼乾子所說經), No. 272, 10 quyển, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi dịch, quyển 4 (phần 2), phẩm Vương Luận, tr. 336a29 (lược nói). Năm tội này là Căn bản tội.

⁵⁴² Kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân (大乘大集地藏十輪經), No. 411, 10 quyển, Pháp sư Huyền Trang dịch, quyển 3, phẩm Vô Y Hành, tr. 737a25.

Chương 4: Hiển Tịnh Độ Chân Thật Chứng Văn Loại

Ngu ngôn Thích Thân Loan biên tập.

(1)

Kính nói về sự chứng chân thật, đó là diệu vị ‘Lợi tha viên mãn’, cực quả của ‘Vô thượng Niết-bàn’. Nó xuất sinh từ nguyện ‘Tất chí diệt độ’⁵⁴⁴, cũng gọi là nguyện ‘Chứng đại Niết-bàn’.

Tuy nhiên, những phàm phu mà phiền não thành tựu⁵⁴⁵, những quần manh⁵⁴⁶ mà sinh tử tội uế⁵⁴⁷, có được tâm hành Vãng tướng hồi hướng⁵⁴⁸, ngay lúc ấy nhập vào số Chánh định tụ của Đại thừa.

⁵⁴³ Trích dẫn Vãng Sinh Thập Nhân (往生拾因), No. 2683, Vĩnh Quán soạn tập, tr. 94a20. Vĩnh Quán (永觀, Eikan hay Yōkan, 1033-1111): Vị Tăng kiêm học của Tam luận tông và Tịnh độ giáo, cha là Tiến sĩ Văn chương Nguyên Quốc Kinh (源國經). Năm lên 11 tuổi, ông theo hầu Thân Quán (深觀) ở Thiền Lâm Tự (禪林寺), năm sau thì thọ Cụ Túc Giới ở Đông Đại Tự (東大寺, Tōdai-ji), rồi ông học thêm Tam Luận với Hữu Khánh (有慶) và Hiển Chân (顯真), cũng như giáo học các Tông phái khác. Ông đã sớm tu theo hạnh Niệm Phật, đến độ tuổi 30 thì đến ẩn cư ở Quang Minh Sơn (光明山). Vào năm 1072, lúc 40 tuổi, ông trở về sống ở Thiền Lâm Tự. Từ năm 1100 trở đi trong vòng 3 năm trường, ông làm chức Biệt Đương của Đông Đại Tự; ngoài ra thông qua những hoạt động từ thiện giáo hóa chúng sanh, xưng danh niệm Phật, ông đã nỗ lực hết mình để lưu bố Tịnh độ giáo. Trước tác chủ yếu của ông là bộ Vãng Sanh Thập Nhân (往生拾因) 1 quyển, Vãng Sanh Giảng Thức (往生講式) 1 quyển. [Phật Học Tinh Tuyển, Thích Nguyên Tâm soạn]

⁵⁴⁴ Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願): Cũng gọi Vãng tướng chứng quả nguyện (往相證果願), Trụ chánh định tụ tất chí Bồ-đề nguyện (住正定聚必至菩提願), Lưu tận vị nguyện (漏盡位願), Vô thượng Niết-bàn nguyện (無上涅槃願), Chứng đại niết-bàn nguyện (證大涅槃願), Trụ chánh định tụ nguyện (住正定聚願), Linh trụ chính định tụ nguyện (令住正定聚願). Nguyện ắt phải đến diệt độ, là lời nguyện thứ 11 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà khi còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Tức Đức Phật A Di Đà nguyện rằng, tất cả người, trời trong cõi nước của Ngài đều trụ trong Chánh định tụ, cho đến diệt độ, đạt được đại quả Niết-bàn, nếu không như thế thì Ngài không thành Chánh giác. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 268 thượng), nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁵⁴⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 836c19, ngài Đàm Loan giải thích về công đức thành tựu của sự thanh tịnh trang nghiêm của tịnh độ: “Có người phàm phu mà phiền não thành tựu cũng được sinh về tịnh độ kia. Những nghiệp trói buộc của Tam giới hoàn toàn không lôi kéo họ được, đó là không đoạn phiền não mà được phần Niết-bàn.”

⁵⁴⁶ Quần manh (群萌): Phạm: Bahu-jana. Cũng gọi Quần sinh. Dị danh của chúng sinh. Manh là cái mầm của cây cỏ mới nhú ra, hãy còn lờ mờ chưa rõ, hoặc cái tướng của hạt giống chưa nứt. Đạo tâm của chúng sinh mới phát, nhưng còn bị vô minh che khuất, giống như cái mầm của cỏ cây, thế nên dùng từ quần manh để ví dụ cho chúng sinh. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 266 hạ), nói: “Đức Như lai đem tâm đại bi vô lượng, thương xót

Trú Chánh định tụ nên ‘ắt phải đến Diệt độ’. Ất phải đến Diệt độ tức là thường lạc. Thường lạc tức là rốt ráo Tịch diệt. Tịch diệt tức là Vô thượng Niết-bàn⁵⁴⁹. Vô thượng Niết-bàn tức là Vô vi Pháp thân. Vô vi Pháp thân tức là Thật tướng. Thật tướng tức là Pháp tánh. Pháp tánh tức là Chân như. Chân như tức là Nhất như.

Như vậy, A Di Đà Như Lai từ ‘Như’ mà đến, mà sinh, thị hiện các thứ thân: Báo thân, Ứng thân, Hóa thân.

(2)

‘Tất chí diệt độ nguyện’ được ghi trong Đại Kinh là:

“Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

(3)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng nhất định thành Đẳng chánh giác, chứng Đại Niết-bàn, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

khấp 3 cõi, Như Lai đem lòng đại bi vô tận, thương xót chúng sinh trong ba cõi, nên mới thị hiện ra đời, khai sáng đạo giáo, khiến tất cả quần sanh thật sự được lợi ích chánh pháp.” Phẩm Hóa Thành Dụ, kinh Pháp hoa (Đại 9, 24 hạ) nói: “Thiên nhân tôn trí khắp, Thương xót loài quần sanh, Hay mở cửa cam lộ, Rộng độ hết tất cả.”

⁵⁴⁷ An Lạc Tập, quyển thượng, tr. 11c19: “Ví như Tịnh ma-ni châu đặt ở nước dơ, nhờ oai lực của châu mà nước đục thành trong. Người nào dẫu có vô lượng sinh tử tội uế, nếu được nghe danh hiệu bảo châu thanh tịnh chí cực vô sinh của A Di Đà Như Lai, rót vào tâm uế trước, trong mỗi niệm, tội diệt tâm tịnh, liền được vãng sinh.”

⁵⁴⁸ Tâm hành là tín tâm và xưng danh. Thành tựu văn của ‘Niệm Phật vãng sinh nguyện’ là, ‘Tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm’. (Kinh Vô Lượng Thọ). Khẩu Truyền Sao, Giác Như Thượng nhân viết: “Trọng yếu của Chân tông là lấy ‘Nhất niệm vãng sinh’ làm nguồn cội.” Trong Cao Tăng Hòa Tán, ngài Thân Loan viết: “Hồi hướng thành tựu của Di Đà, Hai thứ Vãng tướng và Hoàn tướng. Vì nương hai thứ hồi hướng này, Mà tâm hành đều được thành tựu.” (彌陀之回向成就, 往相還相二種也. 依此等回向之故, 心行皆得成就也.)

⁵⁴⁹ Vô thượng Niết-bàn là quả sở chứng của Phật, phiền não hoàn toàn tiêu diệt, hoàn thành trí tuệ và từ bi, viên mãn chí đức tự lợi và lợi tha.

(4)

Đoạn văn ‘Nguyện thành tựu’ trong Đại Kinh nói:

“Nếu có chúng sinh nào sinh về nước kia thì thấy đều trú Chánh định tụ. Vì sao? Vì trong nước Phật kia không có những tà tụ và bất định tụ.”

(5)

Lại nói:

“Cõi nước của Đức Phật ấy thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, gần với vô vi và đạo Niết-bàn. Các Thanh văn, Bồ-tát, thiên nhân ở đó đều có trí tuệ cao minh, thần thông tự tại. Tất cả đều đồng một loại thân, không có tướng khác biệt. Chỉ vì thuận theo phương khác mà có tên là trời, người. Hình dáng đoan chánh, hiếm có siêu việt thế gian, diện mạo vi diệu, chẳng phải trời, chẳng phải người; đều bẩm thọ tự nhiên cái thân hư vô, cái thể vô cực.”⁵⁵⁰

(6)

Lại nói:

“Chúng sinh nước kia, hoặc người sẽ sinh, tất cả đều là rốt ráo Vô thượng Bồ-đề, đến Niết-bàn xứ. Vì sao? Nếu là người tà định tụ và bất định tụ, thì không thể biết rõ được nhân tố kiến lập kia.”⁵⁵¹

(7)

Tịnh Độ Luận nói:

*“Công đức thành tựu về Diệu thanh trang nghiêm: Kệ tụng: ‘**Phạm thanh ngộ sâu xa, Vi diệu nghe mười phương.**’ Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Kinh nói: ‘Nếu người nào chỉ nghe quốc độ kia thanh tịnh an lạc,*

⁵⁵⁰ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, tr. 271c04.

⁵⁵¹ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, tr. 97c16.

khắc niệm nguyện sinh, cũng được vãng sinh, liền nhập chánh định tụ. Đây là tên gọi quốc độ⁵⁵² làm Phật sự, sao có thể nghĩ bàn được?

Công đức thành tựu về Chủ trang nghiêm: Kệ tụng: ‘**Chánh giác A Di Đà, Pháp vương thiện [lực] trụ trì.**’ Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Chánh giác A Di Đà thì không thể nghĩ bàn. Tịnh độ An Lạc kia được trụ trì bởi thiện lực của Chánh giác A Di Đà, thì làm sao có thể nghĩ bàn được. Trụ, là không biến đổi, không hủy diệt. Trì, là không phân tán, không mất đi. Như dùng thuốc ‘không hủy hoại’ bôi lên hạt giống, thì hạt giống đó không thối rữa trong nước, không bị cháy trong lửa, và gặp nhân duyên liền sinh trưởng. Vì sao? Vì năng lực của thuốc ‘không hủy hoại’. Nếu người nào sinh về tịnh độ An Lạc, ý nguyện sau đó là sinh vào ba cõi để giáo hóa chúng sinh. Người ấy bỏ mạng Tịnh độ, tùy nguyện được sinh. Tuy sinh vào ba cõi, sinh tạp nhiễm nơi [nhà] lửa, hạt giống Vô thượng Bồ-đề vô thượng hoàn toàn không hủy hoại. Vì sao? Vì được trực tiếp trụ trì bởi thiện lực của Chánh giác A Di Đà.

Công đức thành tựu về Trang nghiêm quyền thuộc: Kệ tụng: ‘**Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh giác hoa hóa sinh**’⁵⁵³. Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Hễ là sinh tạp nhiễm⁵⁵⁴ nơi các thế giới: thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hay hóa sinh, quyền thuộc bao nhiêu, khổ vui vụn vặt, đều vì nghiệp tạp nhiễm [và phiền não tạp nhiễm]. Ở quốc độ An Lạc kia, không ai không phải là chánh giác tịnh hoa hóa sinh của A Di Đà Như Lai, đồng một câu niệm Phật, không con đường nào khác. Nó kéo dài suốt cả thế giới này, để tất cả người tu

⁵⁵² Kinh A Di Đà nói: “Này Xá Lợi Phất, quốc độ ấy vì sao tên là Cực Lạc? Bởi vì dân chúng trong nước ấy không có mọi sự khổ não, chỉ hưởng yên vui, cho nên cõi ấy được gọi là Cực Lạc.”

⁵⁵³ Như Lai là Đức Phật A Di Đà. Thanh chúng vãng sinh quốc độ Cực Lạc đều là hóa sinh trong hoa sen, thanh tịnh trang nghiêm, nên gọi là Tịnh hoa chúng. Tịnh hoa và Chánh giác hoa là cùng một ý.

⁵⁵⁴ Sinh tạp nhiễm: Cũng gọi Khổ tạp nhiễm. Do phiền não tạp nhiễm và nghiệp tạp nhiễm mà có sinh, do có sinh nên có khổ, lại thêm các cái khổ như già, bệnh, chết, khổ vì yêu thương mà chia lìa, khổ vì mong cầu mà không được, khổ vì oán ghét nhau mà cứ phải gặp gỡ, v.v. tất cả đều làm cho chân tánh ô nhiễm, mất hết sự thanh tịnh.

niệm trong bốn biển đều là anh em một nhà. Quyển thuộc nhiều vô số, sao có thể nghĩ bàn được?”⁵⁵⁵

(8)

Lại nói:

“Người nguyện vãng sinh vốn là phẩm vị ba ba, nay không có một hai sai khác, cũng như sông Tri và sông Hằng [mỗi sông] một vị⁵⁵⁶, sao có thể nghĩ bàn được?”⁵⁵⁷

(9)

Lại nữa, Luận nói:

“Công đức thành tựu Trang nghiêm thanh tịnh: Kệ tụng: **‘Quán tướng thế giới kia, Thắng hơn Tam giới đạo.’** Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Có người phàm phu mà phiền não thành tựu, cũng được sinh về tịnh độ kia. Những nghiệp trói buộc của Tam giới hoàn toàn không lôi kéo họ được, đó là không đoạn phiền não mà được phần Niết-bàn, sao có thể nghĩ bàn được?”

(10)

An Lạc Tập nói:

⁵⁵⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838a13-b05.

⁵⁵⁶ Sông Tri và sông Hằng đều nằm ở tỉnh Sơn Đông, tương truyền mùi vị nước của hai con sông này khác nhau, hỗn hợp lại thì khó phân biệt. Đó là một phép ẩn dụ cho hai điều rất khác nhau về bản chất.

⁵⁵⁷ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838b22. Chư hành vạn sai, công đức không đồng, tùy công đức lớn nhỏ mà có phẩm vị cao thấp. Niệm Phật là bình đẳng nhất như, đồng xưng danh hiệu A Di Đà, đồng nương nguyện lực A Di Đà, nhân đã không khác thì quả cũng không khác. Tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo là, ‘ngũ thừa tề nhập’ (五乘齊入) và ‘Đồng nhân, đồng hành chí Bồ-đề’ (同因同行至菩提). Trong Tịnh độ tam kinh, khi chánh thuyết ‘niệm Phật’ thì đều không có phẩm vị. Ngang qua Nguyên thứ 18, Nguyên thứ 18 thành tựu văn, Phó chúc Di Lạc văn của Kinh Vô Lượng Thọ; Phó chúc văn của Quán Kinh, và văn kinh của Kinh A Di Đà, đều nói về các hành xứ, mới nói đến bối phẩm. Các hành có bối phẩm, còn niệm Phật không có bối phẩm. Nếu không nói niệm Phật vãng sinh có phẩm vị, thì rõ ràng nó không có phẩm vị. Và mục (5) và mục (6) chứng minh cho điều này.

“Thần thông của hai Phật thì ngang nhau, chỉ là Thích Ca Như Lai không nói năng lực của mình, mà nói sự trường thọ của Đức Phật A Di Đà, để mong tất cả chúng sinh đều quy mạng. Do đó, trong nhiều kinh điển, Đức Thích Ca Mâu Ni ca ngợi sự quy mạng Đức Phật A Di Đà, phải biết ý này. Thế nên, Pháp sư Đàm Loan gợi ý quy hướng Tây phương, dựa theo Đại Kinh mà phụng tán:

An Lạc Thanh văn, Bồ-tát chúng
Thiên nhân trí tuệ đều thấu triệt
Thân tướng trang nghiêm không sai khác
Thuận theo phương khác mà lập tên
Dung nhan đoan chánh không thể sánh
Thân tướng vi diệu chẳng trờ người
Thân hư vô và thể vô cực
Nên con đánh lễ Bình đẳng lực.”⁵⁵⁸

(11)

Quán Kinh Sớ của Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Nói về hoằng nguyện, như trong Đại Kinh nói: Tất cả phàm phu thiện ác mà được vãng sinh thì đều nương vào đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên.

Lại nữa, mật ý của Phật sâu rộng, giáo môn khó hiểu, các bậc Tam hiền, Thập thánh chẳng thể thấy biết, huống chi niềm tin của chúng ta dao động, bồng bềnh như một chiếc lông vũ,⁵⁵⁹ thì sao biết được chỉ thú. Ngưỡng mong Đức Thích Ca ở phương này chỉ dạy (phát khiến), Đức Di Đà ở nước kia liền đến đón (lai nghinh), kia mời gọi, đây chỉ bảo, há không đi ư? Cách duy nhất là ân cần công

⁵⁵⁸ An Lạc Tập, No. 1958, So sánh Đức Phật Thích Ca với Đức Phật A Di Đà, tr. 19b06.

⁵⁵⁹ Tín ngoại khinh mao (信外輕毛).

hiển cuộc đời mình cho giáo pháp, khi từ bỏ cái thân nơ nhóp này liền chứng ngộ sự thường lạc của pháp tánh kia.”⁵⁶⁰

(12)

Lại nói:

“Tây phương tịch tĩnh, vô vi lạc
Rốt ráo tiêu điều là hữu vô
Đại bi huân tâm đạo pháp giới
Phân thân lợi vật đẳng không khác
Hoặc hiện thân thông mà nói pháp
Hoặc hiện tướng tốt nhập vô dư
Biến hiện trang nghiêm tùy ý xuất
Chúng sinh trông thấy tội đều trừ.

Lại ca tụng:

Về đi thôi, cõi ma không thể dừng
Nhiều kiếp nay trôi lã
Sáu đường đều trải qua
Đến chỗ hoàn toàn vui
Chỉ nghe tiếng sầu than
Sau khi bỏ thân này
Nhập thành Niết-bàn kia.”⁵⁶¹

(13)

⁵⁶⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 246b09.

⁵⁶¹ Ibid., quyển 3, tr. 263a17.

[Thứ nhất,] Suy ngẫm về Giáo, Hành, Tín, Chứng của Chân tông, tôi thấy đó là lợi ích mà Như Lai hồi hướng đến chúng ta bằng tâm đại bi. Cho nên, dù là nhân hay quả, không có một sự nào [của chúng ta] được thành tựu mà chẳng phải là sự hồi hướng của nguyện tâm thanh tịnh của A Di Đà Như Lai. Nhân thanh tịnh nên quả cũng thanh tịnh. Nên biết như vậy.

(14)

Thứ hai, nói về Hoàn tướng hồi hướng, đó là sự lợi ích ‘Lợi tha’ của Giáo hóa địa, và sự lợi ích ấy xuất sinh từ ‘Tất chí Bồ xứ nguyện’⁵⁶², còn được gọi là ‘Nhất sinh bổ xứ nguyện’, cũng có thể gọi là ‘Hoàn tướng hồi hướng nguyện’.

Xuất hiện trong chú thích của luận, nên tôi không trích dẫn nguyện văn. Có thể lật sách Luận Chú.

(15)

Tịnh Độ Luận nói:

“Xuất đệ ngũ môn: Với tâm đại từ bi, Bồ-tát quán sát tất cả chúng sinh khổ não, thị hiện Ứng hóa thân, trở vào trong vườn sinh tử, rừng phiền não, thân thông du hý, đạt đến Giáo hóa địa, đem bản nguyện lực mà hồi hướng. Đó là Xuất đệ ngũ môn.”⁵⁶³

(16)

⁵⁶² Tất chí bổ xứ nguyện (必至補處願): Đức Phật A Di Đà khi ở nhân địa là tỳ kheo Pháp Tạng, từng phát 48 nguyện. Tất chí bổ xứ nguyện là nguyện thứ 22 trong 48 nguyện. Cũng gọi là Linh chí bổ xứ nguyện (令至補處願), Nhiếp tha quốc Bồ-tát nguyện (攝他國菩薩願), Bồ-tát cứu cánh nhất sinh bổ xứ nguyện (菩薩究竟一生補處願), Nhất sinh bổ xứ nguyện (一生補處願), Hoàn tướng hồi hướng nguyện (還相迴向願). Bồ xứ, gọi tắt cho Nhất sinh bổ xứ, ý là Bồ-tát trải qua đời này, đời vị lai quyết định có thể thành Phật ở thế gian. Thế nên, Bồ xứ chỉ cho địa vị tối cao của Bồ-tát, tức Đẳng giác Bồ-tát. Đức Phật A Di Đà tự thệ rằng, Bồ-tát ở quốc độ phương khác muốn vãng sinh Tịnh độ, ắt phải đến địa vị Nhất sinh bổ xứ.

⁵⁶³ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá, No. 1524, tr.233a19. Tín Văn Loại, mục (44).

“Hoàn tướng, là sinh về tịnh độ kia rồi, được thành tựu phương tiện lực là xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na, quay trở vào rừng rậm sinh tử, giáo hóa tất cả chúng sinh cùng hướng về Phật đạo. Dù là vãng tướng hay hoàn tướng, đều vì cứu chúng sinh qua khỏi biển sinh tử, thế nên nói ‘**Hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi**’.”⁵⁶⁴

(17)

“**Liên thấy Đức Phật A Di Đà, các Bồ-tát chưa chứng ‘tịnh tâm’ rất ráo được chứng Pháp thân bình đẳng, cùng với Bồ-tát Tịnh tâm⁵⁶⁵ và các Bồ Tát ở thượng địa, rất ráo đồng đắc Tịch diệt bình đẳng.**

Pháp thân bình đẳng, là Bồ-tát Pháp tánh sinh thân⁵⁶⁶, từ địa thứ tám sắp lên. Tịch diệt bình đẳng, là ngay pháp thân này, Bồ-tát chứng Pháp tịch diệt bình đẳng. Vì có được pháp tịch diệt bình đẳng này, nên gọi là Pháp thân bình đẳng. Pháp thân bình đẳng mà Bồ Tát có được, nên gọi là Pháp tịch diệt bình đẳng vậy.

⁵⁶⁴ Ibid., tr. 836a24.

⁵⁶⁵ Tịnh tâm Bồ-tát (淨心菩薩): Bồ-tát trụ nơi tâm địa thanh tịnh. Về địa vị Bồ-tát, có các thuyết khác nhau: (1) Theo Luận Địa Trì, quyển 10, từ nhân vị đến quả vị có lập bảy Trụ, trong đó, Tịnh tâm thứ 3 tương đương với Bồ-tát Địa thứ nhất. (2) Theo Luận Kim Cương Bát-nhã, quyển thượng, ngài Vô Trước soạn, có lập ba Địa là: Tín tâm, Tịnh tâm và Như Lai, trong đó, Tịnh tâm trụ là Địa thứ nhất trở lên đến Địa thứ mười. Hai thuyết trên đây đều cho rằng từ Địa thứ nhất trở lên chứng được một phần lý chân như, cho nên gọi là Tịnh tâm. (3) Theo Vãng Sinh Luận Chú, quyển hạ, từ Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy trở xuống là hàng Bồ-tát chưa chứng được Tịnh tâm, từ Địa thứ tám trở lên mới là hàng Bồ-tát tịnh tâm. Đó là vì, từ Địa thứ bảy trở xuống thuộc về địa vị Hữu công dụng, còn Địa thứ tám trở lên thì thuộc về địa vị Vô công dụng, được tự nhiên không làm mà làm, nên gọi là Bồ-tát Tịnh tâm. Theo Luận Đại Trí Độ, quyển 50, 74, thì từ Địa thứ bảy trở xuống thuộc thân Phần đoạn của nhục thân, còn từ Địa thứ tám trở lên thì thuộc thân Biến dịch của Pháp tánh sinh thân. Theo thuyết này thì Pháp tánh sinh thân chính là Bồ-tát Tịnh tâm an trụ nơi lý pháp tánh bình đẳng.

⁵⁶⁶ Pháp Thân có 5 thứ: (1) Pháp tánh sinh thân, (2) Công đức Pháp thân, (3) Biến hóa Pháp thân, (4) Hư không Pháp thân, (5) Thật tướng Pháp thân. Đức Phật có cả 5 thứ Pháp thân ấy. Theo Đại Trí Độ Luận, No. 1509, quyển 33, nêu ra hai loại thân là Pháp tánh sinh thân (法性生身) và Tùy thế gian thân (隨世間身). Pháp tánh sinh thân thường có vô lượng vô số không thể tính đếm các vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ theo hầu. Thông thường thân này chỉ cho Thật Báo thân của Phật. Cũng Luận này, quyển 28 nói: "Bồ-tát vào pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, hết nhục thân cuối cùng, được Pháp tánh sinh thân; tuy đã dứt các phiền não, mà còn nhân duyên của tập khí phiền não, nên thọ Pháp tánh sinh thân, chứ chẳng phải sinh ở ba cõi." Theo Kinh Bồ Tát Anh Lạc, Pháp tánh sinh thân là thân Phật có tướng hảo nghiêm trang vô lượng ánh sáng, âm thanh vi diệu, còn Phụ mẫu sinh thân là thân Phật vì sự hóa độ các loại chúng sinh mà thị hiện thân với phàm phu, chịu các tội báo.

Bồ Tát này được tam-muội Báo sinh. Do thần lực của tam muội, Bồ-tát này có thể một xứ, một niệm, một thời, biến khắp các thế giới mười phương, đem các thứ cúng dường tất cả chư Phật và biến cả đại hội chúng của chư Phật; có thể ở những nơi không có Phật Pháp Tăng trong vô lượng thế giới, thị hiện đủ thứ, giáo hóa đủ loại, độ thoát tất cả chúng sinh; thường làm Phật sự. Ban đầu không có tướng vãng lai, tướng cúng dường, tướng độ thoát, cho nên thân này gọi là Pháp thân bình đẳng, pháp này gọi là Pháp tịch diệt bình đẳng. Bồ Tát chưa chứng Tịnh tâm là các Bồ-tát từ địa thứ nhất sắp lên, địa thứ bảy trở xuống. Các Bồ-tát này cũng có thể hiện thân hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, hoặc ức, hoặc trăm ngàn vạn ức, ở quốc độ không có Phật mà thực thi Phật sự. Điều quan trọng là phải tác tâm để nhập cho được tam-muội, chẳng phải không tác tâm. Bởi vì tác tâm, nên gọi là Chưa chứng Tịnh tâm.

Bồ-tát này nguyện sinh tịnh độ An Lạc, liền thấy Đức Phật A Di Đà. Khi thấy Đức Phật A Di Đà, thì có thân và pháp rốt ráo ngang bằng với các Bồ-tát ở thượng địa. Bồ-tát Long Thọ, Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đầu nguyện sinh cõi kia, sẽ được như vậy.

Hỏi: Xét kinh Thập Địa, Bồ-tát bước tới thêm bậc, dần có vô lượng công đức, trải qua nhiều kiếp số, rồi sau mới đạt được như vậy. Vì sao khi thấy Đức Phật A Di Đà, thì có thân và pháp rốt ráo bình đẳng với các Bồ-tát ở thượng địa?

Đáp: Rốt ráo là chưa nói ý ‘tức khắc ngang bằng’. Rốt ráo không mất [thân và pháp] ngang bằng này, nên nói ‘bình đẳng’.

Hỏi: Nếu không ‘tức khắc ngang bằng’, thì nói làm chi? Bồ-tát chỉ bước lên địa đầu tiên, từ từ tăng tiến, tự nhiên sẽ ngang bằng với Phật, sao phải nói là ngang bằng với các Bồ-tát ở thượng địa?

Đáp: Bồ-tát ở địa thứ bảy được đại tịch diệt, trên không thấy chư Phật để cầu, dưới không thấy chúng sinh để độ, muốn bỏ Phật đạo, chứng ở Thật tế. Bây giờ, nếu không được thần lực của mười phương chư Phật khuyến tấn, thì Bồ-tát sẽ

diệt độ, cùng với Nhị thừa chẳng khác. Bồ-tát nếu vãng sinh An Lạc, thấy Đức Phật A Di Đà, thì sẽ không có nạn ấy. Thế nên phải nói là ‘Rốt ráo ngang bằng’.

Lại nữa, trong kinh Vô Lượng Thọ, bản nguyện của A Di Đà Như Lai có nói: *‘Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ-tát ở Phật độ phương khác sinh về nước tôi, rốt ráo ắt phải đến bậc Nhất sinh bất tử, trừ người có bản nguyện tự tại, vì chúng sinh mà mặc giáp hoàng thế, tích lũy tội đức, độ thoát tất cả, đi qua các Phật quốc tu Bồ-tát hạnh, cúng dường mười phương chư Phật Như Lai, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sinh, khiến họ đứng nơi đạo Vô thượng Chánh chân, siêu xuất công hạnh của các địa thông thường, hiện tiền tu tập công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.’*

Xét đoạn kinh này có thể suy luận rằng, Bồ-tát trong nước kia có thể không từ một địa lên đến một địa. Cái gọi là thứ bậc của Thập địa, đó là một đạo ứng hóa của Thích Ca Như Lai ở Diêm-phù-đề, chứ Tịnh độ phương khác chắc gì là như vậy. Trong năm thứ bất khả tư nghị⁵⁶⁷, Phật pháp là điều bất khả tư nghị nhất. Nếu nói Bồ-tát phải từ một địa lên đến một địa, không có nguyên lý ‘siêu việt’, thì là chưa dám tường tận. Thí như có loại cây tên là Hảo kiên (vững chắc tuyệt vời). Cây này đâm chồi từ mặt đất, phải trăm năm mới đủ lớn. Cây đó một ngày cao lớn một trăm trượng, ngày nào cũng vậy. Tính sự tăng trưởng một trăm năm, có giống như cây tùng cao không? Thấy cây tùng sinh trưởng, một ngày không quá một tấc, nghe đến cây Hảo kiên kia, làm sao chẳng nghi ngờ? Cũng như có người nghe rằng: Đức Thích Ca Như Lai thuyết pháp, chúng La-hán trong một lần nghe, đạt Vô sinh trong buổi sáng sớm, bèn bảo đó là kiểu nói dẫn dụ, chẳng đúng theo sự thật. Nghe sự việc trong luận này, họ sẽ không tin. Phàm là lời phi thường sẽ

⁵⁶⁷ Theo Trí Độ Luận, quyển 26 và 30, năm thứ bất khả tư nghị: (1) Chúng sinh nhiều ít bất khả tư nghị; (2) Nghiệp lực quả báo bất khả tư nghị; (3) Sức người thiên định bất khả tư nghị; (4) Sức loài rồng bất khả tư nghị; (5) Sức của Phật pháp bất khả tư nghị.

không lọt tai kẻ tầm thường. Khi họ nói ‘không đúng’, vì nó hợp với nhận thức của họ vậy.

Lược nói tám câu⁵⁶⁸, hiển thị tự lợi lợi tha, công đức trang nghiêm, thứ tự thành tựu của Như Lai, hãy nên biết.

Thứ tự của tám câu này như thế nào? Mười bảy câu trước đó chính là trang nghiêm quốc độ công đức thành tựu⁵⁶⁹. Đã biết tướng quốc độ, nên biết vị chủ của quốc độ. Vì thế, kẻ quán công đức trang nghiêm của Phật. Đức Phật ấy nếu là trang nghiêm, thì ngồi ở đâu? Vì thế, trước hết quán tòa. Đã biết tòa rồi, nên biết chủ của tòa. Vì thế, kẻ quán thân nghiệp trang nghiêm của Phật. Đã biết thân nghiệp, nên biết có danh tiếng gì? Vì thế, kẻ quán khẩu nghiệp trang nghiêm của Phật. Đã biết danh tiếng, nên biết được danh tiếng do đâu? Vì thế, kẻ quán trang nghiêm tâm nghiệp. Đã biết ba nghiệp đầy đủ, đáng làm bậc Đại sư của trời người, thì người chịu tiếp nhận giáo hóa là ai? Vì vậy, kẻ quán công đức của đại chúng. Đã biết đại chúng có vô lượng công đức, nên biết thượng thủ là ai? Vì thế, kẻ quán thượng thủ. Thượng thủ là Phật. Đã biết thượng thủ, sợ lớn nhỏ đồng nhau. Vì thế, kẻ quán chủ. Đã biết là chủ, chủ có tặng thượng gì? Vì thế, kẻ quán bất hư tác trụ trì trang nghiêm. Thứ tự của tám câu đã thành.

Quán Bồ Tát:

Hỏi: Thế nào là quán sát công đức thành tựu Bồ-tát trang nghiêm?

⁵⁶⁸ Tám câu: (1) Tòa sen trang nghiêm; (2) Thân tướng trang nghiêm; (3) Lời nói trang nghiêm; (4) Tâm ý trang nghiêm; (5) Thánh chúng trang nghiêm; (6) Thượng thủ trang nghiêm; (7) Pháp Chủ trang nghiêm; (8) Bất hư tác trụ trì trang nghiêm.

⁵⁶⁹ Trang nghiêm quốc độ công đức thành tựu, có 17 loại sự: (1) Công đức thành tựu thanh tịnh; (2) Công đức thành tựu vô lượng; (3) Công đức thành tựu tánh; (4) Công đức thành tựu hình tướng; (5) Công đức thành tựu các thứ sự; (6) Công đức thành tựu diệu sắc; (7) Công đức thành tựu xúc; (8) Công đức thành tựu trang nghiêm; (9) Công đức thành tựu mưa; (10) Công đức thành tựu ánh sáng; (11) Công đức thành tựu âm thanh; (12) Công đức thành tựu chủ; (13) Công đức thành tựu quyến thuộc; (14) Công đức thành tựu thọ dụng; (15) Công đức thành tựu không các nạn; (16) Công đức thành tựu đại nghĩa môn; (17) Công đức thành tựu sở cầu.

Đáp: Quán sát công đức thành tựu Bồ-tát trang nghiêm là quán Bồ Tát ấy có bốn thứ chánh tu hành công đức thành tựu, nên biết.

Chân như là bản thể của các pháp. Bản thể Chân như mà hành thì là chẳng hành. Chẳng hành mà hành, thì gọi là Như thật tu hành. Bản thể chỉ là ‘Nhất như’, nhưng nghĩa chia làm bốn. Vì thế, bốn hạnh được tổng hợp thành một.

Những gì là bốn? Một là, nơi một Phật độ, thân không dao động mà biến khắp mười phương đủ thứ ứng hóa, như thật tu hành, thường làm Phật sự.

Kệ rằng:

An Lạc quốc thanh tịnh

Thường chuyển vô cấu luân

Trời Hóa Phật, Bồ-tát

Như Tu-di trụ trì.

Vì hoa nở từ bùn lầy các chúng sinh.

Bồ Tát từ địa thứ tám sắp lên thường an trú tam-muội. Do sức tam-muội, thân bất động ở bản xứ mà có thể đi đến khắp mười phương, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh. **Vô cấu luân**, là công đức của Phật địa. Công đức của Phật địa thì không có tập khí phiền não cấu. Phật vì các Bồ-tát thường chuyển pháp luân này. Các đại Bồ-tát cũng có thể dùng pháp luân này để khai mở dẫn đạo tất cả, không tạm thời ngưng nghỉ, cho nên nói là **Thường chuyển**. Pháp thân như mặt trời, mà ánh sáng Ứng hóa thân chiếu khắp các thế giới. **Mặt trời** chưa đủ nói rõ sự bất động, nên nói thêm **Như Tu-di trụ trì**. **Hoa nở từ bùn lầy**, như kinh nói: ‘Ví như cao nguyên đất liền không sinh hoa sen, trong bùn lầy thấp ướt mới sinh

hoa sen.⁵⁷⁰ Đây dụ cho phàm phu ở trong bùn phiền não, được Bồ-tát khai mở dẫn đạo, có thể sinh hoa Chánh giác của Phật. Tôi cho rằng, tiếp nối rạng rỡ Tam bảo, thường khiến chẳng dứt mắt.

Hai là, Ứng hóa thân ấy trong tất cả thời, không trước không sau, nhất tâm, nhất niệm, phóng đại quang minh, đều có thể đi đến khắp mười phương thế giới, giáo hóa chúng sinh, bằng mọi phương tiện, tu hành làm việc diệt trừ khổ đau của tất cả chúng sinh.

Kệ rằng:

Vô cấu trang nghiêm quang

Một niệm và một thời

Chiếu khắp các Phật hội

Lợi ích chư quần sinh.

Phần trên nói ‘bất động mà đi đến’, có thể hiểu là đi đến có trước và sau. Cho nên ở đây nói, **Một niệm và một thời**, là không có trước hay sau.

Ba là, các Bồ Tát ấy ở trong tất cả thế giới, chiếu khắp đại chúng hội của chư Phật không sót, cúng dường vô lượng quảng đại không sót, cung kính tán thán công đức của chư Phật Như Lai.

Kệ rằng:

Mưa thiên nhạc, áo hoa

Diệu hương để cúng dường

Khen công đức chư Phật

Không có tâm phân biệt.

⁵⁷⁰ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Phổ Minh Bồ Tát, tr. 634b17: “Ví như cao nguyên đất liền không sinh hoa sen, cũng vậy Bồ-tát ở trong vô vi không sinh Phật pháp. Ví như trong bùn lầy thấp ướt mới sinh hoa sen, cũng vậy Bồ-tát ở trong bùn lầy sinh tử và chúng sinh tà định, có thể sinh Phật pháp.”

Không sót, là đến khắp tất cả thế giới, tất cả đại hội của chư Phật, không có thế giới nào, không Phật hội nào chẳng đến. Ngài Tăng Triệu⁵⁷¹ viết: ‘Pháp thân vốn vô tướng, nhưng lại ứng hiện theo từng hình tướng đặc thù. Vần điệu chí cao thì vẫn không lời, mà thư tịch huyền vi khắp nơi quảng bá. Thiện quyền bí ẩn thì không toan tính, mà động tĩnh thủy tương ưng sự thể’⁵⁷², chính là ý này.

Bốn là, ở trong tất cả thế giới mười phương, xứ sở không có Tam bảo, các Bồ-tát ấy trụ trì trang nghiêm biến cả công đức của Phật Pháp Tăng bảo, dạy khắp để hiểu mà như thật tu hành.

Kệ rằng:

**Thế giới nào không có
Phật pháp công đức bảo
Tôi nguyện đều vãng sinh
Dạy Phật pháp như Phật.**

Ba câu trước tuy nói là ‘đến khắp’ nhưng đều là đến những quốc độ có Phật. Nếu không có câu này thì Pháp thân có chỗ vô pháp, thượng thiện có chỗ bất thiện.

Phản Quán hành thể tướng⁵⁷³ đã xong.

Từ đây trở đi là mục thứ tư trong phần Giải Nghĩa⁵⁷⁴, được gọi là Tịnh nhập nguyện tâm.

⁵⁷¹ Tăng Triệu (僧肇, 374 hoặc 378-414), là một Cao tăng của Tam luận tông, một dạng Trung quán tông truyền từ Ấn Độ qua Trung Quốc. Có thể nói rằng, Sư là luận sư xuất sắc nhất của Trung Quốc ở đầu thế kỉ thứ năm và cũng là người đầu tiên trong Phật giáo Trung Quốc nắm vững và trình bày hoàn hảo giáo lý tính Không của Long Thụ. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Sư là Triệu luận (肇論) và Bảo tạng luận (寶藏論). Sư cũng soạn những bài Tựa cho kinh Duy-ma-cật sở thuyết, kinh Trường A-hàm và Bách luận.

⁵⁷² Bài Tựa của Kinh Duy-ma-cật Sở Thuyết, viết bởi Tăng Triệu.

⁵⁷³ Quán hành thể tướng, chia làm 2: (1) Khí thể, chia 3: (a) Quốc độ thể tướng, (b) Thị hiện tự lợi lợi tha, (c) Nhập Đệ nhất nghĩa đế. (2) Chúng sinh thể, chia 2: (a) Quán Phật, (b) Quán Bồ-tát.

Tịnh nhập nguyện tâm:

Lại nói về Quán sát: (a) Trang nghiêm công đức của Phật độ thành tựu, (b) Trang nghiêm công đức của Phật thành tựu, (c) Trang nghiêm công đức của Bồ-tát thành tựu. Ba thứ thành tựu này đều do nguyện tâm trang nghiêm. Nên biết.

Nên biết: Nên biết rằng ba thứ trang nghiêm thành tựu là do được trang nghiêm bằng nguyện tâm thanh tịnh biểu lộ qua bốn mươi tám bản nguyện. Nhân thanh tịnh nên quả thanh tịnh. Chẳng phải không có nguyên nhân, hay do nhân nào khác, mà có được.⁵⁷⁵

Lược thuyết là đi vào một pháp cú. Một pháp cú là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật.⁵⁷⁶

Mười bảy câu về Quốc độ trang nghiêm, tám câu về Như Lai trang nghiêm của và bốn câu về Bồ-tát trang nghiêm ở trên là quảng thuyết. **Đi vào một pháp cú** là lược thuyết. Vì sao biểu thị quảng lược tương nhập? Chư Phật, Bồ-tát có hai thứ Pháp thân: Một là, Pháp tánh Pháp Thân; hai là, Phương tiện Pháp thân. Do Pháp tánh Pháp thân mà sinh Phương tiện Pháp thân. Do Phương tiện Pháp thân mà xuất Pháp tánh Pháp thân. Hai thứ Pháp thân này, tuy khác mà không thể phân tách,

⁵⁷⁴ Phần Giải nghĩa, chia làm 10: (1) Đại ý Nguyên kệ, (2) Khởi quán sinh tín, (3) Quán hành thể tướng, (4) Tịnh nhập nguyện tâm, (5) Thiên xảo nhiếp hóa, (6) Ly Bồ-đề chướng, (7) Thuận Bồ-đề môn, (8) Danh nghĩa nhiếp đội, (9) Nguyên sự thành tựu, (10) Lợi hành mãn túc.

⁵⁷⁵ Tín Văn Loại, mục (43).

⁵⁷⁶ Nhất pháp cú (一法句) Câu diễn đạt chân lý. Nhất pháp là nghĩa triệt ngộ Pháp thân; Cú là câu giải thích rõ lý nghĩa. Câu nêu tỏ được Nhất pháp, gọi là Nhất pháp cú. Chư Phật và Bồ-tát do sức bản nguyện của các ngài, hiện thân trong tất cả cõi Phật và dưới mọi hình thức, diễn nói Nhất pháp cú khắp hết thảy pháp giới. Kinh Đại pháp cự đà la ni, quyển 1 (Đại 21, 662 hạ), nói: 'Trong Đà la ni nhất pháp cú này, chứa đựng vô lượng ức số tu-đa-la (kinh); đó là nghĩa quyết định. Nên biết tất cả giáo pháp do Như Lai nói, không có ngần mé, các ông cũng được nhiều loại pháp môn.' Luận Thập trụ tỷ-bà-sa, quyển 11 (Đại 26, 78 thượng), nói: 'Phật pháp quý ở chỗ tu hành như lời Phật dạy, chứ không quý đọc tụng nhiều. Đức Phật dạy, tu hành Nhất pháp cú, được lợi ích cho mình, gọi là Đa văn; Trí tuệ cũng như thế.' Ngoài ra, Tịnh độ tông căn cứ vào câu 'Nhất pháp cú tức là Thanh tịnh cú' của Bồ-tát Thế Thân mà chủ trương Thanh tịnh cú là chỉ cho Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật. Trong Luận Tịnh độ, ngài Thế Thân nói rằng những cảnh giới thù thắng như: Phật, Bồ-tát, thế giới Cực Lạc, gồm 29 câu, và tất cả công đức trang nghiêm của 29 câu này được thu gọn vào Nhất cú thanh tịnh. Vì thế, 29 câu là Nhất pháp cú quảng thuyết, còn 29 câu thu gọn vào 1 câu là Nhất pháp cú lược thuyết. Vì quảng và lược hòa nhập vào nhau, cho nên nói cảnh giới Tịnh độ tức là Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật. [X. kinh Độ thế phẩm Q.3; luận Vãng sinh; Vãng sinh luận chú Q.hạ].

tuy một mà không thể đồng nhất. Vì thế, quảng lược tương nhập, gọi chung là Pháp. Nếu Bồ-tát không biết quảng lược tương nhập, thì không thể tự lợi và lợi tha.

Một pháp cú là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật.

Ba câu này triển chuyển tương nhập. Theo nghĩa gì gọi đó là pháp? Bởi vì thanh tịnh. Theo nghĩa gì gọi là thanh tịnh? Bởi vì là Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật.

Trí huệ chân thật là trí tuệ thật tướng. Thật tướng thì vô tướng, nên là Chân trí vô tri. Pháp thân vô vi là Pháp tánh thân. Pháp tánh thì tịch diệt, nên là Pháp thân vô tướng. Vì vô tướng, nên có khả năng ‘không gì không là tướng’. Vì thế, tướng hảo trang nghiêm chính là Pháp thân. Vì vô tri, nên có khả năng ‘không gì không biết’. Vì thế, Nhất như chủng trí chính là trí tuệ chân thật. Dùng chân thật để thấy trí tuệ, rõ ràng trí tuệ là phi tác, phi phi tác. Dùng vô vi để kiến lập Pháp thân, rõ ràng Pháp thân là phi sắc, phi phi sắc. Phi đi với phi, đâu phải là phủ định của phủ định, bởi vì không phủ định đó gọi là khẳng định. Tự thân sự khẳng định không đợi trở thành phủ định của khẳng định. Phủ định của khẳng định (非是), phủ định của phủ định (非非), và bách phi (百非)⁵⁷⁷ đều không thể ví dụ, vì vậy nói là Thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là ‘**Pháp thân vô vi của trí tuệ chân thật**’ vậy.

Sự thanh tịnh này có hai thứ, nên biết.

Trong phần chuyển nhập cú ở trên, gồm một pháp đi vào thanh tịnh, gồm thanh tịnh đi vào pháp thân. Nay vì đem sự thanh tịnh riêng nêu ra hai thứ mà nói ‘**nên biết**’.

⁵⁷⁷ Hý luận là ngôn ngữ của tư tưởng, là tư tưởng được diễn dịch, đối chiếu bằng tứ cú: có – không – cũng có cũng không – không phải có không phải không (hoặc: một – khác – cũng một cũng khác – không phải một không phải khác). Từ căn bản tứ cú này mà cứ diễn dịch đối chiếu thêm mãi, nên có từ ngữ ‘tứ cú bách phi’ (四句百非). Bách (百), chỉ cho số nhiều. Phi (非), chỉ cho sự phủ định, như: phi hữu, phi vô, v.v... Bách phi là 100 sự phủ định, chỉ chung cho tất cả các mối nghi, tất cả các lý lẽ, tư tưởng. Tư tưởng như vậy và ngôn ngữ diễn đạt tư tưởng như vậy gọi là hý luận. Trí tuệ thuộc lãnh vực này gọi là trí tứ cú, gọi là phân biệt, là tà kiến, không thể gọi là trí tuệ. Không hý luận thì đặc ‘như thật trí’, cái trí không có tác ý, tầm tư và thọ tưởng.

Những gì là hai thứ? Một là, khí thể gian thanh tịnh; hai là, chúng sinh thể gian thanh tịnh. Khí thể gian thanh tịnh là như mười bảy thứ trang nghiêm công đức của Phật độ thành tựu, đó gọi là khí thể gian thanh tịnh. Chúng sinh thể gian thanh tịnh là tám thứ trang nghiêm công đức của Phật thành tựu và bốn thứ trang nghiêm công đức của Bồ-tát thành tựu, đó gọi là chúng sinh thể gian thanh tịnh. Như vậy, một pháp cú bao gồm nghĩa của hai thứ thanh tịnh, nên biết.

Chúng sinh là thể của biệt báo, quốc độ là dụng của cộng báo. Thể và dụng chẳng một, là lý do nên biết. Nhưng các pháp từ tâm sinh thành, không có cảnh giới nào khác. Chúng sinh và khí thể gian cũng không khác. ‘Chẳng một’ thì nghĩa phân, ‘không khác’ thì đồng thanh tịnh.

Khí: là dụng vậy. Nghĩa là tịnh độ kia là sở thọ dụng của chúng sinh thanh tịnh kia, nên gọi là Khí. Như thức ăn sạch mà dùng đồ đựng bất tịnh, do đồ đựng bất tịnh, thức ăn cũng bất tịnh. Thức ăn bất tịnh dùng đồ đựng sạch sẽ, do thức ăn bất tịnh, đồ đựng cũng bất tịnh. Cả hai phải sạch sẽ mới được gọi là tịnh. Do vậy, chỉ một sự thanh tịnh ắt nhiếp cả hai thứ.

Hỏi: Nói ‘chúng sanh thanh tịnh’ thì là Phật và Bồ-tát, còn hàng thiên nhân quốc độ kia có được vào số thanh tịnh này không?

Đáp: Được gọi là thanh tịnh, chẳng phải thanh tịnh thật sự. Ví như Thánh nhân xuất gia, do giết giặc phiền não nên gọi là tỳ kheo; phàm phu xuất gia đều gọi là tỳ kheo. Lại như quán đánh vương tử, lúc mới sanh ra đã có đủ ba mươi hai tướng, lập tức sở hữu bảy món báu, tuy chưa thể làm sự Chuyển luân vương, vẫn gọi là Chuyển luân vương, vì vương tử ấy sẽ làm Chuyển luân vương. Các hàng thiên nhân ấy cũng giống như thế, đều thuộc vào Chánh định tụ của Đại thừa, rốt ráo sẽ được Pháp thân thanh tịnh. Vì sẽ được Pháp thân thanh tịnh, nên được gọi là thanh tịnh.

Thiện xảo nhiếp hóa:

Như vậy Bồ Tát đối với xa-ma-tha và tỳ-bà-xá-na tu hành quảng lược, thành tựu nhu nhuyễn tâm.

Nhu nhuyễn tâm: là chỉ quán quảng lược, tu hành thuận nhau, thành tựu tâm không hai. Thí như dùng nước lấy bóng, do trong và lắng giúp nhau mà thành tựu.

Như thật biết chư pháp quảng lược.

Như thật biết: là như thật tướng mà biết. Quảng thuyết có hai mươi chín câu, lược thuyết có một câu,⁵⁷⁸ toàn là thật tướng.

Như vậy thành tựu xảo phương tiện hồi hướng.

Như vậy: như trước sau quảng thuyết và lược thuyết toàn là thật tướng. Biết thật tướng thì biết chúng sinh trong tam giới là tướng hư vọng. Biết chúng sinh là hư vọng, thì phát sinh từ bi chân thật. Biết Pháp thân chân thật, thì khởi sự quy y chân thật. Xảo phương tiện về từ bi và quy y sẽ nói dưới đây.

Xảo phương tiện hồi hướng của Bồ-tát là gì? Xảo phương tiện hồi hướng của Bồ-tát là nói về năm thứ tu hành: lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát và hồi hướng, tất cả công đức thiện căn đã tích tập, Không tìm cầu an lạc trụ trì cho bản thân, muốn cứu vớt khổ đau cho tất cả chúng sinh, cho nên phát nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sinh cùng nhau sinh về Phật độ An Lạc kia. Đó gọi là thành tựu xảo phương tiện hồi hướng của Bồ-tát.

Dựa theo kinh Vô Lượng Thọ được nói tại thành Vương Xá, trong ba hạng người cầu sinh nước An Lạc, tuy hành nghiệp có hơn kém, nhưng không ai không phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tâm Vô thượng Bồ-đề này tức là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật tức là tâm độ chúng sinh. Tâm độ chúng sinh tức là tâm nhiếp thủ chúng sinh sinh về quốc độ có Phật. Thế nên, nguyện sinh tịnh độ An Lạc kia, thì phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Nếu người nào không phát tâm Vô

⁵⁷⁸ Hai mươi chín câu là 17 quán sát Phật độ, 8 quán sát Phật và 4 quán sát Bồ-tát. Một câu là thanh tịnh cú.

thượng Bồ-đề, chỉ nghe quốc độ kia hưởng lạc không gián đoạn, vì lạc mà nguyện sinh, thì sẽ không được vãng sinh. Cho nên luận nói, “**Không tìm cầu an lạc trụ trì cho bản thân, muốn cứu vớt khổ đau cho tất cả chúng sinh**”. ‘An Lạc trụ trì’, là nói tịnh độ An Lạc kia được trụ trì bởi bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai⁵⁷⁹, nên hưởng lạc không gián đoạn vậy.

Giải thích về danh nghĩa ‘hồi hướng’, là đem tất cả công đức mà mình tích tập được thí cho tất cả chúng sinh, cùng hướng về Phật đạo.⁵⁸⁰

Xảo phương tiện: là Bồ-tát nguyện dùng lửa trí tuệ của mình đốt cỏ cây phiền não của tất cả chúng sinh. Nếu có một chúng sinh không thành Phật, tôi không làm Phật. Nhưng chúng sinh chưa thành Phật hết cả, mà Bồ-tát đã tự thành Phật. Thí như que củi nhóm lửa, muốn dùng để đốt sạch tất cả cỏ cây, cỏ cây chưa cháy hết mà que củi nhóm lửa đã cháy sạch. Đặt mình đằng sau mà mình lại ở trước⁵⁸¹, nên gọi là phương tiện.

Phương tiện được nói ở đây là ‘**nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sinh cùng nhau sinh về Phật độ An Lạc kia**’. Phật độ kia chính là phương tiện vô thượng của đạo lộ rốt ráo thành Phật.

Chưong Bồ-đề môn:

Bồ-tát như vậy khéo biết hồi hướng thành tựu, tức có thể rời xa ba pháp trái nghịch Bồ-đề môn. Những gì là ba pháp?

Một là, nương theo Trí tuệ môn, không cầu an lạc riêng mình, rời xa cái tâm ngã mạn, tham đắm tự thân.

⁵⁷⁹ Bất hư tác trụ trì trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà.

⁵⁸⁰ Tín Văn Loại, mục (53).

⁵⁸¹ Bồ-tát độ chúng sinh thành Phật cũng giống như thế, tuy phát nguyện độ hết chúng sinh rồi mới thành Phật, kết quả là chính mình đã thành Phật trước, cho nên ‘đặt mình đằng sau mà mình lại ở trước’ (後其身而身先). Đạo Đức Kinh, Thiên 7: “Vi vậy thánh nhân đặt thân mình ở sau mà thân lại được ở trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mới còn được.” (Thị dĩ thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn. 是以聖人後其身而身先, 外其身而身存.)

Biết tiến phòng lùi⁵⁸² là Trí; biết tánh Không, Vô ngã là Tuệ. Vì nương theo Trí nên ‘không cầu an lạc riêng mình’. Vì nương theo Tuệ nên ‘rời xa chấp ngã, tham đắm tự thân’.

Hai là, nương theo Từ bi môn, cứu khổ đau của tất cả chúng sinh, rời xa cái tâm không làm cho chúng sinh an lạc.

Cứu khổ đau là Từ; trao an lạc là Bi. Vì nương theo Từ, nên ‘cứu khổ đau của tất cả chúng sinh’. Vì nương theo Bi, nên ‘rời xa cái tâm không làm cho chúng sinh an lạc’.

Ba là, nương theo Phương tiện môn, sinh tâm thương xót tất cả chúng sinh, rời xa cái tâm cung kính, cúng dường bản thân.

Chánh trực gọi là Phương; đặt mình sang một bên gọi là Tiện. Vì nương theo tâm chánh trực, nên ‘sinh tâm thương xót tất cả chúng sinh’. Vì nương theo sự đặt mình sang một bên, nên ‘rời xa cái tâm cung kính cúng dường bản thân’.

Đó gọi là rời xa ba pháp trái nghịch Bồ-đề môn.

Thuận Bồ-đề môn:

Bồ-tát rời xa ba pháp trái nghịch Bồ-đề môn như thế, sẽ được đầy đủ ba pháp tùy thuận Bồ-đề môn. Những gì là ba pháp?

Một là, tâm thanh tịnh vô nhiễm, là không vì bản thân mà cầu an lạc.

Bồ-đề là thanh tịnh xứ vô nhiễm. Nếu vì bản thân mà cầu an lạc, tức là trái nghịch Bồ-đề. Vì vậy, tâm thanh tịnh vô nhiễm là thuận Bồ-đề môn.

Hai là, tâm thanh tịnh an, là cứu khổ đau cho tất cả chúng sinh.

Bồ-đề là thanh tịnh xứ an ổn tất cả chúng sinh. Nếu không khởi tâm cứu chúng sinh lìa khổ đau sinh tử, thì là trái nghịch Bồ-đề. Vì vậy, cứu tất cả chúng sinh khổ đau là tùy thuận Bồ-đề môn.

⁵⁸² Tri tiến thủ thoái (知進守退): Biết khi nào tiến để giúp đỡ chúng sinh, đề phòng không lùi vào tự lợi của Tiểu thừa.

Ba là, tâm thanh tịnh lạc, là làm cho tất cả chúng sinh đắc đại Bồ-đề, nhiếp thủ chúng sinh sinh về quốc độ kia.

Bồ-đề là rốt ráo thường lạc xứ. Nếu chẳng làm cho tất cả chúng sinh đắc rốt ráo thường lạc xứ thì là trái nghịch Bồ-đề. Rốt ráo thường lạc xứ này y theo gì mà được? Y theo Đại nghĩa (thừa) môn. Đại nghĩa (thừa) môn chính là Phật quốc độ An Lạc vậy. Vì vậy mà nói ‘vì nhiếp thủ chúng sinh sinh về quốc độ kia’.

Đó gọi là đầy đủ ba pháp tùy thuận Bồ-đề môn, nên biết.

Danh nghĩa nhiếp đối:

Trên nói ba loại môn trí huệ, từ bi, phương tiện nhiếp thủ Bát-nhã. Bát-nhã nhiếp thủ phương tiện, nên biết.

Bát-nhã, là thuật ngữ chỉ cái tuệ đạt Như. Phương tiện, là thuật ngữ chỉ cái trí thông Quyền. Đạt Như thì tâm hành tịch diệt. Thông Quyền thì biết hết các căn cơ. Cái trí biết hết mà vô tri. Cái tuệ tịch diệt cũng vô tri, mà biết hết. Tuy vậy, trí tuệ và phương tiện vin nhau mà động, vin nhau mà tĩnh. Động không mất tĩnh, là công năng của trí tuệ. Tĩnh không bỏ động, là sức mạnh của phương tiện. Vì thế, trí tuệ, từ bi và phương tiện cùng nhiếp thủ Bát-nhã. Bát-nhã nhiếp thủ phương tiện.

Nên biết: là nên biết trí tuệ và phương tiện là cha mẹ của Bồ-tát. Nếu không y theo trí tuệ và phương tiện, thì Bồ-tát pháp sẽ không thành tựu. Vì sao? Nếu không có trí tuệ, thì khi độ chúng sinh sẽ rơi vào điên đảo⁵⁸³. Nếu không có phương tiện, thì khi quán Pháp tánh sẽ chứng Thật tế⁵⁸⁴. Vì vậy, ‘nên biết’.

⁵⁸³ Tứ điên đảo (四顛倒): Bốn thứ vọng kiến điên đảo, có hai loại: 1. Đối với sinh tử: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, mà lại chấp thường, lạc, ngã, tịnh. Đây là bốn thứ vọng kiến điên đảo của hạng phàm phu, thuộc hữu vi. 2. Đối với Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh, mà lại chấp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đây là bốn thứ vọng kiến điên đảo của hàng Nhị thừa, thuộc vô vi. Đoạn trừ tám thứ điên đảo hữu vi và vô vi là Bồ-tát.

⁵⁸⁴ Chứng Thật tế là hoạch đắc Niết-bàn. Bồ-tát biết tất cả các pháp bất sinh bất diệt nên không chứng Niết-bàn. Niết-bàn ấy là Vô trú Niết-bàn: vì có đại bi nên không ham Niết-bàn, vì có đại trí nên không bị sinh tử – đại nguyện tự tại ở trong sinh tử mà hóa độ chúng sinh.

Trên nói rời xa cái tâm ngã mạn, tham đắm tự thân; rời xa cái tâm không làm cho chúng sinh an lạc; rời xa cái tâm cung kính cúng dường bản thân. Ba pháp này giúp rời xa các chướng ngại cho Bồ-đề tâm, nên biết.

Mỗi pháp đều có tướng chướng ngại. Như gió có thể chướng tĩnh, đất có thể chướng nước, ướt có thể chướng lửa, ngũ nghịch thập ác chướng nhân thiên, bốn điên đảo chướng Thanh văn quả. Không rời xa ba pháp này thì chướng ngại Bồ-đề tâm. Nên biết: Nếu muốn không có chướng ngại, hãy rời xa ba thứ chướng ngại này.

Trên nói tâm thanh tịnh vô nhiễm, tâm thanh tịnh an và tâm thanh tịnh lạc. Ba loại tâm này thành tựu một chỗ, nói gọn là tâm chân thắng diệu lạc, nên biết.

Lạc có ba loại: Một là, ngoại lạc, tức lạc được sinh từ năm thức; hai là, nội lạc, tức lạc được sinh từ ý thức của Sơ thiên, Nhị thiên và Tam thiên; ba là, là lạc của pháp lạc, tức lạc được sinh từ trí tuệ. Lạc được sinh từ trí tuệ ấy là do ưa thích công đức Phật [nguyện sinh Tịnh độ] mà sinh khởi, chính là ‘rời xa cái tâm chấp ngã, tham đắm tự thân; rời xa cái tâm không làm cho chúng sinh an lạc; rời xa cái tâm cung kính cúng dường bản thân’. Ba loại tâm ấy thanh tịnh tăng tiến, nói gọn là tâm chân thắng diệu lạc. Diệu là tốt đẹp, do lạc này duyên Phật mà sinh. Thắng là thắng xuất các thứ lạc trong tam giới. Chân là không hư ngụy, không điên đảo.

Nguyện sự thành tựu:

Như vậy, Bồ-tát do trí tuệ tâm, phương tiện tâm, vô chướng tâm và thắng chân tâm, mà có khả năng sinh về Phật quốc độ thanh tịnh, nên biết.

Nên biết: là nên biết bốn loại công đức thanh tịnh này có khả năng sinh về Phật quốc độ thanh tịnh kia, không phải do duyên khác mà sinh.

Đó gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tùy thuận năm loại pháp môn, việc làm tùy ý, tự tại thành tựu. Như trên đã nói, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp đều tùy thuận pháp môn.

Tùy ý tự tại: là nói sức mạnh của năm thứ công đức này có thể sinh trong Phật độ thanh tịnh, tự tại xuất hiện hay ẩn mất. Thân nghiệp là Lễ bái. Khẩu nghiệp là Tán thán. Ý nghiệp là Tác nguyện. Trí nghiệp là Quán sát. Phương tiện trí nghiệp là Hồi hướng. Có nghĩa là năm thứ nghiệp ấy hòa hợp, thì là tùy thuận pháp môn Vãng sinh Tịnh độ, tự tại nghiệp thành tựu.

Lợi hành mãn túc:

Lại có năm loại môn, lần lượt thành tựu năm loại công đức, nên biết.

Những gì là năm môn? Một là, cận môn; hai là, đại hội chúng môn; ba là, trạch môn; bốn là, ốc môn; năm là, viên lâm du hý địa môn.

Năm môn này chỉ rõ tướng xuất nhập theo thứ tự. Tướng của nhập môn là: mới đến Tịnh độ là cận tướng, tức là dựa vào Chánh định tự của Đại thừa, gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đã vào trong Tịnh độ, bèn dựa vào đại chúng trong pháp hội của Như Lai; đã dựa vào hàng đại chúng, sẽ đến được căn nhà “an tâm tu hành”; đã vào nhà rồi, sẽ đến phòng ốc dành cho tu hành. Khi đã tu hành thành tựu, sẽ đạt đến Giáo hóa địa. Giáo hóa địa chính là tự ngu lạc địa⁵⁸⁵ của Bồ-tát. Vì thế, tướng của xuất môn được gọi là viên lâm du hý địa môn.

Năm loại môn này, bốn loại môn đầu là thành tựu nhập công đức, môn thứ năm là thành tựu xuất công đức.

Các môn công đức xuất nhập này như thế nào?

Giải thích như sau:

⁵⁸⁵ Tự ngu lạc địa (自娛樂地): địa vị tự vui sướng.

Nhập đệ nhất môn là dùng sự lễ bái A Di Đà Phật để sinh về quốc độ kia, được sinh thế giới An Lạc. Đó gọi là Nhập đệ nhất môn.

Lễ Phật, nguyện sinh Phật quốc, là tướng công đức đầu tiên.

Nhập đệ nhị môn là dùng sự tán thán A Di Đà Phật, tùy thuận danh nghĩa mà xưng danh Như Lai, nương quang minh trí tướng của Như Lai mà tu hành, được dự vào số đại hội chúng. Đó gọi là Nhập đệ nhị môn.

Y theo danh nghĩa của Như Lai để tán thán, là tướng công đức thứ hai.

Nhập đệ tam môn là dùng sự nhất tâm chuyên niệm, tác nguyện sinh cõi kia, vì tu Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội hạnh mà được vào thế giới Liên Hoa Tạng. Đó gọi là Nhập đệ tam môn.

Vì tu ‘tịch tĩnh chi’ nên nhất tâm nguyện sinh về quốc độ kia, là tướng công đức thứ ba.

Nhập đệ tứ môn là dùng sự chuyên niệm mà quán sát sự điều trang nghiêm của cõi kia, vì tu Tỳ-bà-xá-na mà được đến cõi ấy, thọ dụng đủ loại lạc của pháp vị. Đó gọi là Nhập đệ tứ môn.

Đủ loại lạc của pháp vị: trong Tỳ-bà-xá-na, có quán Phật quốc độ thanh tịnh vị, nhiếp thọ chúng sinh Đại thừa vị, rốt ráo trụ trì bất hư tác vị, loại sự khởi hạnh nguyện thủ Phật độ vị, có vô lượng trang nghiêm Phật đạo vị như thế, cho nên nói ‘đủ loại’. Đó là tướng công đức thứ tư.

Xuất đệ ngũ môn là dùng tâm đại từ bi mà quán sát tất cả chúng sinh khổ não, thị hiện Ứng hóa thân, trở vào trong vườn sinh tử, rừng phiền não, thân thông du hý, đạt đến Giáo hóa địa, đem bản nguyện lực mà hồi hướng. Đó là Xuất đệ ngũ môn.

Thị hiện Ứng hóa thân: Là các thứ thị hiện như trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có nói.

Du hý: Có hai nghĩa: (a) Nghĩa tự tại: Bồ-tát độ chúng sanh ví như sư tử bắt nai, chẳng khó khăn gì, giống như vui chơi. (b) Nghĩa ‘độ vô sở độ’: Bồ-tát quán

chúng sinh, rốt ráo vô sở hữu, dù độ vô lượng chúng sinh mà thật sự không có một chúng sinh được diệt độ, thị hiện độ chúng sinh giống như vui chơi.

Bản nguyện lực: Là nói ở trong Pháp thân, các đại Bồ-tát thường tại tam-muội mà hiện đủ loại thân, các thứ thần thông, các thứ thuyết pháp, đều từ bản nguyện lực sinh khởi. Thí như cây đàn của A-tu-la, tuy không có ai khảy mà tự nhiên phát ra âm khúc. Đó gọi là Giáo hóa địa, tướng công đức thứ năm.”⁵⁸⁶

(18)

Như vậy, chúng ta thực sự biết lời dạy chân thật của Đức Phật rằng, sự chứng ngộ Đại Niết-bàn là nhờ nguyện lực hồi hướng. Hoàn tướng lợi ích, là nói chánh ý của ‘Lợi tha’.

Theo đó, luận chủ [Thế Thân] tuyên bố **“Quảng đại vô ngại nhất tâm”**⁵⁸⁷, khai hóa rộng khắp cho tất cả quần sanh kham nhẫn và tạp nhiễm⁵⁸⁸.

Tông sư [Đàm Loan] hiển thị **“Đại bi Vãng Hoàn hồi hướng”**, ân cần giảng rộng thâm nghĩa ‘Lợi tha, tha lợi’⁵⁸⁹.

⁵⁸⁶ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 836a12-843c01.

⁵⁸⁷ Quảng đại vô ngại là Nhất tâm. Luận chủ Thế Thân nói: “Con nhất tâm quy mạng hết mười phương Vô Ngại Quang Như Lai.” Nhất tâm quy mạng, là Nam mô. Hết mười phương Vô Ngại Quang Như Lai, là A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật chính là “tướng công đức chân thật” (真實功德相), cũng là “công đức trụ trì bất hư tác” (不虛住持功德). Vãng Sinh Luận Chú: “Tướng công đức chân thật: Có hai loại công đức. Một là, từ tâm hữu lậu mà sinh, không thuận theo pháp tánh, được gọi là các thiện của phàm phu nhân thiên, quả báo của nhân thiên, hoặc nhân hoặc quả, đều là điên đảo, đều là hư dối, cho nên gọi là công đức không chân thật. Hai là, từ nghiệp thanh tịnh trí tuệ của Bồ-tát mà khởi, Phật sự trang nghiêm, y pháp tánh nhập thanh tịnh tướng, pháp này không điên đảo, không hư ngụy, gọi là công đức chân thật.” “Công đức trụ trì bất hư tác: y theo 48 bản nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng, ngày nay là thần lực tự tại của A Di Đà Như Lai.” Chánh tín niệm Phật kệ: “Vì độ quần sinh nói nhất tâm.”

⁵⁸⁸ Tạp nhiễm (雜染) Phạm: Sajkleśa. Hán âm: Tăng cát lệ thước (僧吉隸爍). Đối lại: Thanh tịnh. Chỉ cho các pháp hữu lậu. Tạp nghĩa là xen lẫn, trộn lẫn; Nhiễm nghĩa là pháp như nhớp, tức chỉ cho pháp bất thiện và hữu phú vô ký. Thông thường, tạp nhiễm và ô nhiễm là đồng nghĩa, có thể được dùng thay cho nhau. Nhưng cứ theo Thành duy thức luận, quyển 2, phần cuối, khi chỉ nói nhiễm, nhiễm ô thì tức chỉ cho phiền não; còn khi nói tạp nhiễm thì chung cả 3 tính thiện, ác và vô ký, là gọi chung tất cả các pháp hữu lậu. Tạp nhiễm được chia làm 3 loại, gọi là Tam tạp nhiễm. Đó là: 1. Phiền não tạp nhiễm (cũng gọi Hoặc tạp nhiễm): Tức gọi chung tất cả phiền não và tùy phiền não, lại chia ra 2 thứ: Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn; hoặc 3 thứ: Dục giới hệ, Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ; hoặc 10 thứ như: Căn bản phiền não... 2. Nghiệp tạp nhiễm: Chỉ cho nghiệp từ phiền não sinh ra, hoặc trợ giúp phiền não để tạo tác 3 nghiệp thân, khẩu, ý. 3. Sinh tạp nhiễm (cũng gọi Khổ tạp nhiễm): Nỗ khổ thọ sinh trong 3 cõi vì nương vào phiền não và nghiệp. Ba loại tạp nhiễm trên đây, theo thứ tự, tương đương với hoặc, nghiệp, khổ. Cũng có chỗ cho rằng 3 tạp nhiễm thêm Chương tạp nhiễm thành 4 tạp nhiễm.

Ngưỡng mong đại chúng hãy vâng giữ, đặc biệt hãy đem đỉnh đầu đội lên.

⁵⁸⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 843c24: “Luận nói, tu năm môn hạnh để tự lợi, lợi tha thành tựu. Nhưng xét gốc rễ, thì A Di Đà Như Lai là tăng thượng duyên.

Tha lợi cùng với lợi tha, luận ra có hai mặt: từ Phật mà nói, thì nói là lợi tha; từ chúng sinh mà nói, thì nói là tha lợi.

Nay sẽ bàn về Phật lực, cho nên lấy lợi tha để nói, phải biết ý này. Sự sinh Tịnh độ kia, và Bồ-tát, người, trời cõi kia phát khởi các hạnh, đều vin nơi bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai. Vì sao nói vậy? Nếu chẳng phải Phật lực thì bốn mươi tám nguyện bèn là không tác dụng.

Nay lấy ba nguyện để chứng minh nghĩa ý:

Nguyện rằng: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sinh về nước tôi, dù chỉ mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, trừ kẻ phạm năm tội nghịch và gièm chê chánh pháp.” Do duyên nguyện lực của Phật mà mười niệm niệm Phật sẽ được vãng sinh. Do được vãng sinh, tức khỏi bị các sự luân chuyển Tam giới. Do không luân chuyển, cho nên “mau được”. Đây là chứng cứ thứ nhất.

Nguyện rằng: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ định tụ, quyết đến diệt độ thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Do duyên nguyện lực của Phật nên trụ chánh định tụ. Do trụ mà quyết đến diệt độ. Không bị cái nạn lưu chuyển trở lại, cho nên “mau được”. Đây là chứng cứ thứ hai.

Nguyện rằng: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước khác sinh về nước tôi, rất ráo quyết đến bậc Nhất sinh bổ xứ. Trừ người có bản nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hoằng thệ, đôn chứa công đức, độ thoát tất cả, đi qua các nước Phật, tu hạnh Bồ-tát, cúng dường chư Phật Như Lai mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh, khiến họ đứng nơi đạo chánh chân vô thượng, vượt hơn công hạnh thông thường ở các địa, hiện tiền tu tập đức hạnh của Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Do duyên nguyện lực của Phật mà vượt hơn công hạnh thông thường ở các địa, hiện tiền tu tập đức hạnh của Phổ Hiền. Do vượt hơn công hạnh thông thường ở các địa, cho nên “mau được”. Đây là chứng cứ thứ ba.

Theo đây mà suy, tha lực là tăng thượng duyên, chẳng phải vậy hay sao? Lại dẫn thí dụ để nói sắc thái tự lực và tha lực: Như có người lo sợ ba đường dữ bèn thọ trì cấm giới. Do thọ trì cấm giới mà có thể tu thiền định. Do tu thiền định mà tu tập thần thông. Do thần thông mà có thể dạo chơi bốn thiên hạ. Những sự như thế gọi là tự lực. Lại như kẻ yếu ớt, trèo lên lưng lừa không nổi, theo Chuyển Luân Vương du hành, bèn bay lên hư không, dạo chơi bốn thiên hạ chẳng bị chướng ngại. Những sự như thế gọi là tha lực. Ngu thay! Người học đời sau, nghe tha lực có thể nương cậy, hãy sinh tín tâm, đừng tự hạn cuộc vậy.”

Chương 5: Hiện Tịch Độ Chân Phật Độ Văn Loại

Ngu ngôn Thích Thân Loan biên tập.

(1)

Cung kính quán sát Đức Phật chân thật và quốc độ chân thật: Đức Phật là Bất Khả Tư Nghị Quang Như Lai và quốc độ cũng là Vô Lượng Quang Minh Độ. Bởi vì là ‘thệ nguyện đại bi’ được đền đáp, nên gọi là Báo Phật chân thật và Báo độ chân thật. Có những thệ nguyện đã được lập: nguyện Quang minh và nguyện Thọ mạng.

(2)

Đại Kinh nói:

*“Giả sử khi tôi thành Phật, quang minh có hạn lượng, tối thiểu chẳng chiếu đến trăm ngàn ức na do tha cõi nước chư Phật thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*⁵⁹⁰

(3)

Lại nói:

*“Giả sử khi tôi thành Phật, thọ mạng có hạn lượng, tối thiểu là trăm ngàn ức na do tha kiếp thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*⁵⁹¹

(4)

Nguyện Thành Tựu Văn nói:

⁵⁹⁰ Nguyện thứ 12.

⁵⁹¹ Nguyện thứ 13.

“Đức Phật dạy: Này A-nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ oai thần quang minh tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật chẳng bằng. [Quang minh của Ngài hoặc chiếu trăm thế giới, ngàn thế giới, nghìn chiếu đến chiếu suốt hàng sa thế giới chư Phật ở phương Đông, chín phương kia cũng vậy. Còn chư Phật khác, hoặc có Phật quang chiếu bảy thước, hoặc chiếu một do tuần, hai ba bốn năm do tuần, gặp bội như vậy cho đến hoặc có Phật quang chiếu một cõi nước Phật.]

Vì thế nên đức Phật Vô Lượng Thọ hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Ngại Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Tuệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xung Quang Phật và Siêu Nhứt Nguyệt Quang Phật.

Có chúng sinh nào gặp được quang minh ấy thì ba cõi (tham sân si) tiêu trừ, thân ý nhu nhuyễn, hớn hở vui mừng, tâm lành phát sinh.

Nếu là kẻ ở tam đồ, chỗ vô cùng khổ, thấy được quang minh ấy thì khổ sở thôi dứt không còn, sau khi mạng chung đều được giải thoát.

Quang minh của đức Phật Vô Lượng Thọ sáng rõ chiếu đến quốc độ của chư Phật mười phương, không cõi nước nào chẳng chiếu thấu. Chẳng riêng gì Ta hôm nay khen quang minh của Ngài, mà tất cả chư Phật, chúng Bồ-tát, Thanh văn và Duyên giác đều cũng ca ngợi như vậy.

Nếu có chúng sinh nào nghe oai thần công đức của quang minh Đức Phật Vô Lượng Thọ, rồi ngày đêm khen nói, chí tâm chẳng ngớt, thì tùy ý sở nguyện của họ mà được sinh về quốc độ của Đức Phật ấy, được đại chúng Bồ-tát, Thanh văn đồng khen ngợi công đức của họ. Đến lúc tối hậu, khi họ thành Phật, khắp được mười phương chư Phật, Bồ-tát khen ngợi quang minh của họ cũng như hiện nay [khen ngợi quang minh của Đức Phật Vô Lượng Thọ].

Đức Phật dạy: Ta nói oai thần quang minh vòi vọi kỳ diệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ cả ngày đêm, suốt một kiếp, cũng chưa hết được.

Lại này A-nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ thọ mạng dài lâu không thể tính kể. Ông có biết không, giả sử vô lượng chúng sinh ở trong thế giới mười phương đều được thân người, và làm cho hết thảy thành tựu Thanh văn, Duyên giác, họ cùng nhau hội họp, thiên tư nhất tâm, dồn mọi trí lực, trải trăm ngàn muôn kiếp cùng suy tính, đếm số hạn lượng thọ mạng dài lâu của Đức Phật ấy cũng chẳng biết cùng tận được.”

(5)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Này A-nan! Bởi vì nghĩa ấy mà Đức Phật Vô Lượng Thọ còn có tên khác là Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Trước Quang, Vô Ngại Quang, Quang Chiếu Vương Đao Nghiêm Quang, Ái Quang, Hỷ Quang, Khả Quán Quang, Bát Tư Nghị Quang, Vô Đẳng Quang, Bất Khả Xung Lượng Quang, Ánh Tể Nhật Quang, Ánh Tể Nguyệt Quang, Yểm Đoạt Nhật Nguyệt Quang. Quang minh của Đức Phật ấy thanh tịnh quảng đại, khiến khắp cả chúng sinh thân tâm an lạc, lại khiến tất cả thiên, long, dạ-xoa, a-tu-la, v.v. trong các cõi Phật khác thấy đều vui mừng.”

(6)

Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói:

“Nhanh chóng vượt lên đến
Thế giới tên An Lạc quốc
Cõi có vô lượng ánh sáng
Cúng dường nơi vô số Phật.”

(7)

Kinh Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Đà Tam Phật Tát Lâu Phật Đản
Quá Độ Nhân Đạo nói:

“Đức Phật dạy: Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà tối thượng bậc nhất, mà ánh sáng của chư Phật không thể nào sánh kịp. Vô số chư Phật trong mười phương, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 2 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 5 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 10 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 20 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 40 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 80 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 160 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 320 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 640 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 1 ngàn 300 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 2 ngàn 600 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 5 ngàn 200 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 1 vạn 400 dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 2 vạn 1 ngàn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 4 vạn 2 ngàn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 8 vạn 4 ngàn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 17 vạn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 35 vạn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 70 vạn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 150 vạn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 300 vạn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 600 vạn dặm, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 1 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 2 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 4 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 8 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 15 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 30 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 60 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 120 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 240 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 500 cõi nước, có Phật trên đảnh ánh sáng tỏa chiếu đến 1 ngàn cõi nước, có

Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 2 ngàn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 4 ngàn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 8 ngàn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 1 vạn 6 ngàn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 3 vạn 2 ngàn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 6 vạn 4 ngàn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 13 vạn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 26 vạn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 50 vạn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 100 vạn cõi nước, có Phật trên đánh ánh sáng tỏa chiếu đến 200 vạn cõi nước.

Đức Phật dạy: Khắp mười phương vô số chư Phật đều có ánh sáng tỏa chiếu ở trên đánh như vậy. Ánh sáng trên đánh của Đức Phật A Di Đà tỏa chiếu đến ngàn vạn cõi nước. Vì sao ánh sáng của các Đức Phật tỏa chiếu có gần có xa? Bởi vì thuở xưa, khi các Đức Phật ấy còn là Bồ-tát, sở nguyện và công đức của mỗi vị có lớn có nhỏ, nên đến khi thành Phật mỗi vị tự đạt phước báo khác nhau, và vì thế làm cho ánh sáng ấy tỏa chiếu không bằng nhau. Oai thần của các Đức Phật bằng nhau, cho nên các Ngài tự tại hành động theo ý muốn, chứ không có dự tính. Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà tỏa chiếu rộng lớn mênh mông đến tận cùng, mà ánh sáng của các Đức Phật khác đều không thể sánh kịp.

Đức Phật ca ngợi ánh sáng cực kỳ tốt đẹp của Phật A Di Đà:

Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà vô cùng tốt đẹp, ánh sáng tốt đẹp nhất trong mọi sự tốt đẹp, thật là khả ái không thể so sánh được, vì nó tuyệt diệu vô cùng tận.

Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà trong suốt, không gợn một vết nhơ hay giảm thiểu.

Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà thù thắng hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng gấp trăm ngàn vạn ức lần, là ánh sáng tuyệt diệu nhất trong ánh sáng của các đức Phật, là tốt đẹp nhất trong các ánh sáng, hùng vĩ nhất trong các ánh sáng, khả

ái nhất trong các ánh sáng, là vua trong các đức Phật vì nó cao tột nhất trong các ánh sáng, là ánh sáng vô cùng tối thượng trong các ánh sáng.

Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà tỏa chiếu khắp vô số cõi nước, kể cả chốn tối tăm cũng đều được rực rỡ sáng soi. Chư thiên, nhân dân hay loài côn trùng sinh vật, không ai mà không trông thấy ánh sáng của Đức Phật A Di Đà. Những ai trông thấy ánh sáng đó đều phát khởi từ tâm hoan hỷ, không còn ba nghiệp sân hận, dâm dục, ngu si của thế gian. Những ai được trông thấy ánh sáng của Đức Phật A Di Đà đều sẽ làm việc thiện. Những chúng sanh nào đang bị tra khảo, bị đau khổ đọa đày nơi chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ mà được thấy ánh sáng của Đức Phật A Di Đà chiếu đến thì những hình phạt ấy sẽ đình chỉ ngay và không còn bị tra khảo nữa. Sau khi chết, những chúng sanh ấy sẽ được giải thoát khỏi sự lo buồn, khổ đau về hình phạt chốn địa ngục trước kia.

Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà vang khắp mười phương, nơi vô cùng vô tận, vô số các cõi nước, chư thiên, loài người, không ai mà không nghe biết. Và đã nghe biết rồi, tất cả đều được độ thoát.

Đức Phật dạy: Không những chỉ riêng Ta ca ngợi ánh sáng của Đức Phật A Di Đà, mà vô số chư Phật, Bích-chi Phật, Bồ-tát, A-la-hán ở khắp mười phương cũng đều ca ngợi như vậy.

Đức Phật dạy: Có người dân hay người thiện nam, thiện nữ nào được nghe tiếng ngợi khen về ánh sáng của Đức Phật A Di Đà, và từ sáng đến chiều thường ca ngợi ánh sáng tốt đẹp đó, lòng chí thành không gián đoạn, sở nguyện tại tâm, những người ấy sẽ được vãng sinh về quốc độ của Đức Phật A Di Đà.”⁵⁹²

(8)

Kinh Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn nói:

⁵⁹² Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Đàn Quá Độ Nhân Đạo Kinh (佛說諸佛阿彌陀三耶三佛薩樓佛檀過度人道經), No. 362, Chi Khiêm dịch, quyển thượng, tr. 302b20-303a24.

“Nơi người sẽ sinh ra là Báo độ thanh tịnh của Đức Phật A Di Đà, hóa sinh trong hoa sen, thường thấy chư Phật, chứng các Pháp nhẫn, thọ mạng vô lượng trăm ngàn kiếp số, thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn thối chuyển, và Ta (Quán Thế Âm Bồ-tát) thường bảo hộ.”⁵⁹³

(9)

Kinh Niết Bàn nói:

“Lại nữa, giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát. Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là hư vô, không tạo tác và không có đối tượng tạo tác. Phàm là cái tạo tác như là thành quách, đài quan sát phòng ngự. Chân giải thoát thì không như vậy. Thế nên, giải thoát tức là Như Lai.

Lại nữa, giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như người thợ gốm tạo tác [đủ thứ đồ dùng], rồi bị phá hoại. Giải thoát không phải như vậy. Chân giải thoát là không sinh không diệt. Thế nên, giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cũng vậy, không sinh, không diệt, không già, không chết, không phá, không hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do nghĩa này nên gọi là Như Lai nhập Đại Niết-bàn. (...)

Lại nữa, giải thoát gọi là trên cả tột bậc. Ví như phương Bắc đối với phương Đông là trên cả tột bậc. Giải thoát cũng vậy, không còn có bậc nào trên nữa. Trên cả tột bậc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. (...)

Lại nữa, giải thoát gọi là lìa tham ái. Ví như người có tâm tham ái, mong cầu làm Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm thiên vương, Tụ Tại thiên vương. Giải thoát không phải như vậy. Khi thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì không có ái, không nghi. Không ái, không nghi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Nếu nói ‘giải thoát có ái, có nghi’, thì không có điều đó. (...)

⁵⁹³ Kinh Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn (不空羅索神變真言經), No. 1092, 30 quyển, Bồ-đề-lưu-chí dịch, quyển 21, phẩm 46: Vô Cấu Quang Thần Thông Giải Thoát Đàn Tam Muội Gia Tượng, tr. 343c10.

Như Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Ca Diếp thưa Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Niết-bàn, Phật tánh, quyết định, Như Lai là một nghĩa danh thì sao nói rằng có Tam quy y?

Đức Phật dạy ngài Ca Diếp:

Này thiện nam tử! Tất cả chúng sinh kinh sợ sinh tử nên cầu Tam quy. Nhờ Tam quy nên biết Phật tánh, quyết định, Niết-bàn. Này thiện nam tử! Có pháp thì danh một nghĩa khác, có pháp thì danh nghĩa đều khác. Danh một nghĩa khác, là Phật thường, Pháp thường, Tỳ kheo Tăng thường, Niết-bàn, hư không cũng đều là thường. Đó gọi là danh một nghĩa khác. Danh nghĩa đều khác, là Phật gọi là giác, pháp gọi là bất giác, Tăng gọi là hòa hợp, Niết-bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi thiện, cũng gọi là vô ngại. Đó là danh nghĩa đều khác.

Này thiện nam tử! Tam quy y cũng lại như vậy, danh nghĩa đều khác.”⁵⁹⁴

(10)

Lại nói:

“Quang minh thì gọi là không yếu đuối. Không yếu đuối thì gọi là Như Lai. Lại nữa, quang minh thì gọi là trí tuệ.”⁵⁹⁵

(11)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Tất cả hữu vi đều là vô thường. Hư không vô vi, thế nên là thường. Phật tánh vô vi, thế nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh

⁵⁹⁴ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 5 và 6, phẩm Như Lai Tánh, phần 2 và 3, tr.392a22-29, 393c03, 395c02, 395c15.

⁵⁹⁵ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 6, phẩm Như Lai Tánh, phần 3, tr. 402a28.

tức là Như Lai, Như Lai tức là vô vi, vô vi tức là thường. Thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là vô vi, vô vi tức là thường. (...) ⁵⁹⁶

Này thiện nam tử! Ví như từ con bò có ra sữa, từ sữa ra lạc (váng sữa), từ lạc ra váng sinh tô (bơ), từ sinh tô ra thực tô (kem), từ thực tô ra đề hồ (sữa chua). Đề hồ là tối thượng, nếu có người uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, các thuốc sẵn có đều vào trong đề hồ ấy. Này thiện nam tử! Phật cũng như vậy, từ Phật có ra mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh ra Tu-đà-la, từ Tu-đà-la ra kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng ra Bát-nhã Ba-la-mật, từ Bát-nhã Ba-la-mật ra Đại Niết-bàn, giống như đề hồ. Nói đề hồ là dụ cho Phật tánh, mà Phật tánh thì tức là Như Lai. Này thiện nam tử! Do nghĩa này nên nói rằng, công đức mà Như Lai sở hữu nhiều vô lượng vô biên không thể xưng kể. ⁵⁹⁷

(12)

Lại nói:

“Này thiện nam tử ! Đạo có hai thứ: một là, thường; hai là, vô thường. Tướng Bồ-đề cũng có hai thứ: một là, thường; hai là, vô thường. Niết-bàn cũng vậy. Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường. Đạo của nội đạo gọi là thường. Thanh văn, Duyên giác sở hữu Bồ-đề thì gọi là vô thường. Bồ-tát, chư Phật sở hữu Bồ-đề thì gọi là thường. Giải thoát bên ngoài gọi là vô thường. Giải thoát bên trong gọi là thường.

Này thiện nam tử! Đạo cùng với Bồ-đề và Niết-bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sinh thường bị che phủ bởi vô lượng phiền não, không có tuệ nhãn nên chẳng thể thấy được. Nhưng các chúng sinh vì muốn thấy nên tu giới, định, tuệ. Do tu hành nên họ thấy Đạo, Bồ-đề và Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát được Đạo, Bồ-đề và

⁵⁹⁶ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 14, phẩm Thánh Hạnh, tr. 445c12.

⁵⁹⁷ Ibid., tr. 449a06.

Niết-bàn. Tánh tướng của Đạo thật không sinh diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể cầm nắm.

Này thiện nam tử! Đạo tuy không sắc tượng để có thể thấy, xung lường, có thể biết mà thật có tác dụng. Này thiện nam tử! Như tâm chúng sinh tuy chẳng phải là sắc, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng thô, chẳng tế, chẳng buộc, chẳng mở, là pháp chẳng thấy, mà cũng là có.”⁵⁹⁸

(13)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Có đại lạc nên gọi là Đại Niết-bàn. Niết-bàn thì không có lạc. Do bốn thứ lạc nên gọi là Đại Niết-bàn. Những gì là bốn?

Một là, đoạn chư lạc. Không đoạn được lạc thì gọi là khổ, mà nếu có khổ thì không gọi là đại lạc. Vì đoạn được lạc thì không có khổ, mà không khổ, không lạc mới gọi là đại lạc. Tánh của Niết-bàn không khổ, không lạc. Thế nên, Niết-bàn gọi là đại lạc. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam tử! Lạc có hai thứ: một là, lạc của phàm phu; hai là, lạc của chư Phật. Lạc của phàm phu thì vô thường, bại hoại, thế nên không có lạc. Chư Phật thì thường lạc, không có biến dị, nên gọi là đại lạc.

Lại nữa, này thiện nam tử! Có ba thứ thọ: một là, khổ thọ; hai là, lạc thọ; ba là, bất khổ bất lạc thọ. Bất khổ bất lạc cũng là khổ. Niết-bàn tuy đồng bất khổ bất lạc, nhưng gọi là đại lạc. Do đại lạc nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hai là, đại tịch tịnh nên gọi là đại lạc. Tánh Niết-bàn là đại tịch tịnh. Vì sao? Vì xa lìa tất cả pháp rối loạn, ồn ào. Do đại tịch tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

⁵⁹⁸ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 17, phẩm Phạm Hạnh, tr. 465c11-24.

Ba là, nhất thiết trí nên gọi là đại lạc. Chẳng phải nhất thiết trí thì không gọi là đại lạc. Nhất thiết trí của chư Phật Như Lai nên gọi là đại lạc. Do đại lạc nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bốn là, thân bất hoại nên gọi là đại lạc. Thân nếu có thể hoại thì không gọi là lạc. Thân của Như Lai là thân Kim cương bất hoại, chẳng phải thân phiền não, thân vô thường nên gọi là đại lạc. Do đại lạc nên gọi là Đại Niết-bàn.”⁵⁹⁹

(14)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Ví như có pháp không thể xưng lường, không thể nghĩ bàn, nên gọi là đại. Niết-bàn cũng vậy, không thể xưng lường, không thể nghĩ bàn, nên được gọi là Đại Bát Niết-bàn. Vì thuần tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Sao gọi là thuần tịnh? Tịnh có bốn thứ. Những gì là bốn?

Một là, hai mươi lăm hữu, gọi là bất tịnh, mà có thể vĩnh viễn đoạn dứt, được gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết-bàn. Niết-bàn như vậy cũng được gọi là hữu. Nhưng Niết-bàn ấy thật chẳng phải là hữu. Chư Phật Như Lai theo thế tục nên nói Niết-bàn là hữu. Ví như người đời, chẳng phải cha mà nói là cha, chẳng phải mẹ mà nói là mẹ. Thật chẳng phải là cha mẹ mà nói là cha mẹ. Niết-bàn cũng vậy, theo thế tục mà nói ‘Chư Phật có Đại Niết-bàn’.

Hai là, nghiệp thanh tịnh. Nghiệp của tất cả phàm phu không thanh tịnh nên không có Niết-bàn. Nghiệp của chư Phật Như Lai thanh tịnh nên gọi là đại tịnh. Vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Ba là, thân thanh tịnh. Thân vô thường thì gọi là bất tịnh. Thân Như Lai thường hằng nên gọi là đại tịnh. Vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

⁵⁹⁹ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 23, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, phần 3, tr. 503a26.

Bổn là, tâm thanh tịnh. Tâm hữu lậu thì gọi là bất tịnh. Tâm Phật vô lậu nên gọi là đại tịnh. Vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam tử! Đó gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân [tu hành kinh Đại Niết Bàn như vậy thì thành tựu đầy đủ công đức thứ nhất.]”⁶⁰⁰

(15)

Lại nói:

“Này thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai không khởi phiền não, đó gọi là Niết-bàn. Sở hữu trí tuệ vô ngại đối với các pháp, đó là Như Lai. Như Lai không phải là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, đó gọi là Phật tánh. Thân tâm trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng vô biên a tăng kỳ cõi, không gì chướng ngại, đó gọi là hư không. Như Lai thường trụ, không có biến dịch, đó gọi là thật tướng. Vì những nghĩa này, Như Lai thật không rốt ráo [có nhập] Niết Bàn. Đó gọi là Bồ-tát [tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.]”⁶⁰¹

(16)

Lại nói:

“Bồ-tát Ca Diếp thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Phật tánh là thường, giống như hư không, vì sao Như Lai nói rằng, [Phật tánh] vị lai? Nếu Như Lai nói nhất-xiển-đề không có thiện pháp, nhưng hạng nhất-xiển-đề ấy đối với đồng học, đồng sư, cha mẹ, thân tộc, vợ con của họ đâu thể không sinh tâm ái niệm? Nếu họ sinh tâm ấy thì chẳng phải là thiện pháp ư?

Đức Phật dạy:

⁶⁰⁰ Ibid., tr. 503c07. Phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói đến 10 thứ công đức tu hành kinh Đại Niết-bàn.

⁶⁰¹ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 25, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, phần 5, tr. 514c25.

Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Ông hỏi vấn đề ấy hay lắm! Phật tánh giống như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sinh có ba thứ thân, đó là thân quá khứ, thân vị lai và thân hiện tại. Thân chúng sinh vị lai trang nghiêm đầy đủ thanh tịnh thì được thấy Phật tánh. Vậy nên Ta nói Phật tánh vị lai. Này thiện nam tử! Ta vì chúng sinh hoặc có khi nói ‘nhân là quả’⁶⁰², hoặc có lúc nói ‘quả là nhân’⁶⁰³. Vậy nên trong kinh nói, ‘mạng là ăn’, ‘thấy sắc gọi là xúc’. Thân vị lai tịnh nên nói Phật tánh.

Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật đã nói nghĩa như vậy, vì sao nói rằng, ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh’?

Này thiện nam tử! Phật tánh của chúng sinh tuy hiện tại không có, nhưng không thể nói ‘không có’. Như hư không, tánh chất tuy không có, nhưng hiện tại không được nói ‘không có’. Tất cả chúng sinh tuy lại vô thường, nhưng Phật tánh ấy thường trụ, không biến đổi. Vậy nên, ở trong kinh này, Ta nói rằng, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, giống như hư không chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Như hư không ấy có trong ngoài thì hư không chẳng gọi là một, là thường, cũng chẳng được nói rằng, ‘tất cả xứ đều có’. Hư không tuy lại chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, mà các chúng sinh thấy đều có nó. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy. Như lời ông nói, hạng nhất-xiển-đề có thiện pháp thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hạng nhất-xiển-đề nếu có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thủ nghiệp, cầu nghiệp, thí nghiệp, giải nghiệp, v.v. những nghiệp như vậy đều là tà nghiệp. Vì sao? Vì không cầu nhân quả vậy.

Này thiện nam tử! Như quả, rễ, thân, cành, lá, hoa của cây Ha-lê-lặc đều đáng, nghiệp của nhất-xiển-đề cũng lại như vậy.”⁶⁰⁴

⁶⁰² Nhân là quả, giống như người đời nói: ăn là mạng, bốn đại gọi là sắc.

⁶⁰³ Quả là nhân, giống như người đời nói: mạng là ăn, thấy sắc gọi là xúc. Sắc là sở tạo sắc: xanh, vàng, v.v. Xúc là bốn đại năng tạo. Sắc thật chẳng phải là xúc. Nói quả là nhân, cho nên ‘thấy sắc gọi là xúc’.

⁶⁰⁴ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 33, phẩm Bồ Tát Ca Diếp, tr. 562b26.

(17)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Như Lai đầy đủ trí lực biết các căn tánh, cho nên khéo hiểu và phân biệt các căn thượng, trung, hạ của chúng sinh. Như Lai biết người ấy chuyển hạ thành trung, biết người ấy chuyển trung thành thượng, biết người ấy chuyển thượng thành trung, biết người ấy chuyển trung thành hạ. Vì vậy nên biết, căn tánh của chúng sinh không có cố định. Vì không cố định nên đoạn thiện căn, đoạn rồi lại sinh. Nếu căn tánh của chúng sinh là cố định thì sẽ không việc trước đoạn [thiện căn], đoạn rồi lại sinh; cũng không nên nói rằng, ‘Hạng nhất-xiển-đề đọa vào địa ngục, thọ mạng một kiếp’. Này thiện nam tử! Thế nên Như Lai nói rằng, ‘Tất cả các pháp không có tướng cố định’.

Bồ-tát Ca Diếp thưa Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai đầy đủ trí lực biết các căn tánh, thì nhất định biết ông Thiện Tinh sẽ đoạn thiện căn. Vì nhân duyên gì mà cho phép ông ấy xuất gia?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam tử! Vào thuở trước, khi Ta mới xuất gia, em ta là Nan-đà, em họ Ta là A-nan, Đề-bà-đạt-đa, con Ta là La-hầu-la, những người như vậy đều theo Ta xuất gia tu đạo. Nếu Ta không cho ông Thiện Tinh xuất gia thì người ấy theo thứ tự sẽ được nối ngôi vua. Sức lực ông ấy tự tại thì sẽ hủy hoại Phật pháp. Do nhân duyên này nên ta cho ông ấy xuất gia tu đạo.

Này thiện nam tử! Tỳ kheo Thiện Tinh nếu chẳng xuất gia cũng đoạn thiện căn, ở vô lượng đều không có lợi ích. Nay ông ấy xuất gia rồi, tuy đoạn thiện căn nhưng có thể thọ trì giới, cúng dường cung kính bậc kỳ cựu trưởng túc và người có đức, tu tập Sơ thiên cho đến Tứ thiên. Đó gọi là thiện nhân. Thiện nhân như vậy có thể sinh ra thiện pháp. Thiện pháp đã sinh thì có thể tu tập đạo. Đã tu tập đạo thì sẽ

được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta cho ông Thiện Tinh xuất gia.

Này thiện nam tử! Nếu ta chẳng cho tỳ kheo Thiện Tinh xuất gia thọ giới thì mới chẳng được xưng Ta là Như Lai đầy đủ mười lực. (...)

Này thiện nam tử! Như Lai khéo biết chúng sinh thượng căn, trung căn và hạ căn như vậy. Thế nên xưng Phật đầy đủ trí lực biết các căn tánh.

Bồ-tát Ca Diếp thưa Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai đầy đủ trí lực biết các căn tánh thì có thể biết các căn thượng, trung, hạ của chúng sinh, lợi độn sai biệt, tùy người, tùy ý, tùy thời⁶⁰⁵, nên gọi là Trí lực biết các căn tánh của Như Lai. (...)

Hoặc có người nói rằng, người phạm bốn trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch, nhất-xiên-đề đều có Phật tánh. (...)

Như Lai Thế Tôn vì quốc độ, vì thời tiết, vì lời nói người khác, vì người, vì mọi căn tánh, nên nơi một pháp tạo ra hai thứ thuyết [là danh và nghĩa]. Đối với pháp, nơi một danh nói ra vô lượng danh, nơi một nghĩa nói ra vô lượng danh, nơi vô lượng nghĩa nói ra vô lượng danh.

Sao gọi là một danh nói ra vô lượng danh? Giống như Niết-bàn, cũng tên là Niết-bàn, cũng tên là Vô sinh, cũng tên là Vô xuất, cũng tên là Vô tác, cũng tên là Vô vi, cũng tên là Quy y, cũng tên là Quật trạch, cũng tên là Giải thoát, cũng tên là Quang minh, cũng tên là Đăng minh, cũng tên là Bi ngạn, cũng tên Vô úy, cũng tên là Vô thối, cũng tên là An xú, cũng tên là Tịch tịnh, cũng tên là Vô tướng, cũng tên là Vô nhị, cũng tên là Nhất hạnh, cũng tên là Thanh lương, cũng tên là Vô ám, cũng tên là Vô ngại, cũng tên là Vô tránh, cũng tên là Vô trược, cũng tên là Quảng

⁶⁰⁵ “Tùy người, tùy ý, tùy thời” nằm ở đoạn dưới: “Như Ta bảo Kiều Trần Như rằng, ‘Ông được pháp nên gọi là A Nhã Kiều Trần Như’. Vậy nên tùy người, tùy ý, tùy thời nên gọi là Trí lực biết các căn tánh của Như Lai.” Chánh văn được thay là: “Biết các căn của chúng sinh đời hiện tại, cũng biết các căn của chúng sinh đời vị lai.”

đại, cũng tên là Cam lộ, cũng tên là Cát tường. Đó gọi là một danh tạo ra vô lượng danh.

Sao gọi là một nghĩa nói ra vô lượng danh? Giống như Đế Thích, [cũng tên là Đế Thích, cũng tên là Kiền-thi-ca, cũng tên là Bà-tha-bà, cũng tên là Phú-lan-đà-la, cũng tên là Ma-khu-bà, cũng tên là Nhân-đà-la, cũng tên là Thiên Nhân, cũng tên là Xá-chi-phù, cũng tên là Kim Cương, cũng tên là Bảo Đỉnh, cũng tên là Bảo Tràng. Đó là một nghĩa nói ra vô lượng danh.]

Sao gọi là vô lượng nghĩa nói ra vô lượng danh? Như danh Phật Như Lai là Như Lai, nghĩa khác danh khác, cũng gọi là A-la-ha, nghĩa khác danh khác, cũng gọi là Tam-miêu Tam-phật-đà, nghĩa khác danh khác, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, cũng gọi là Chánh Giác, cũng gọi là Minh Hạnh Túc, cũng gọi là Đại Sư Tử Vương, cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Tịch Tĩnh, cũng gọi là Thí Chủ, cũng gọi là Đáo Bỉ Ngạn, cũng gọi là Đại Y Vương, cũng gọi là Đại Tượng Vương, cũng gọi là Đại Long Vương, cũng gọi là Thí Nhân, cũng gọi là Đại Lực Sĩ, cũng gọi là Đại Vô Úy, cũng gọi là Bảo Tụ, cũng gọi là Thương Chủ, cũng gọi là Đắc Thoát, cũng gọi là Đại Trượng Phu, cũng gọi là Thiên Nhân Sư, cũng gọi là Đại Phân-đà-lợi, cũng gọi là Độc Vô Đẳng Lữ, cũng gọi là Đại Phước Điền, cũng gọi là Đại Trí Tuệ Hải, cũng gọi là Vô Tướng, cũng gọi là Cụ Túc Bát Trí. Như vậy hết thấy nghĩa khác danh khác.

Này thiện nam tử! Đó gọi là trong vô lượng nghĩa nói vô lượng danh.

Lại có một nghĩa nói vô lượng danh. Cái gọi là Âm, cũng gọi là Âm, cũng gọi là Diên đảo, cũng gọi là Đế, cũng gọi là Tứ niệm xứ, cũng gọi là Tứ thực, cũng gọi là Tứ thức trụ xứ, cũng gọi là Hữu, cũng gọi là Đạo, cũng gọi là Thời, cũng gọi là Chúng sinh, cũng gọi là Vi thể, cũng gọi là Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là Tam tu: thân, giới và tâm, cũng gọi là Nhân quả, cũng gọi là Phiền não, cũng gọi là Giải thoát, cũng gọi là Thập nhị nhân duyên, cũng gọi là Thanh văn, Bích-chi Phật,

cũng gọi là Địa ngục, Nga quý, Súc sinh, Nhân, Thiên, cũng gọi là Quá khứ, Hiện tại, Vị lai. Đó gọi là một nghĩa mà nói vô lượng danh.

Này thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên trong rộng nói lược, trong lược nói rộng. Đệ nhất nghĩa để nói là Thế đế, nói Thế đế pháp là Đệ nhất nghĩa đế.”⁶⁰⁶

(18)

Lại nói:

“Ca Diếp lại nói: Bạch Đức Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa để cũng gọi là Đạo, cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi là Niết-bàn.”⁶⁰⁷

(19)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Ở trong kinh Ta nói, thân Như Lai có hai thứ: một là, Sinh thân; hai là, Pháp thân. Sinh thân tức là thân ứng hóa phương tiện. Thân như vậy thì có thể nói rằng có sinh già bệnh chết, dài, ngắn, trắng, đen, là đây, là kia, là hữu học, là vô học. Các đệ tử của Ta nghe lời đó rồi, không hiểu ý Ta, xướng rằng: ‘Đức Như Lai chắc chắn nói thân Phật là pháp hữu vi’.

Pháp thân tức là thân thường lạc ngã tịnh, vĩnh ly tất cả sinh già bệnh chết, chẳng trắng, chẳng đen, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng đây, chẳng kia, chẳng hữu học, chẳng vô học. Nếu Phật xuất thế hay không xuất thế, thì Pháp thân thường bất động, không có biến dịch. Này thiện nam tử! Các đệ tử của Ta nghe lời đó rồi, không hiểu ý Ta, xướng rằng: ‘Đức Như Lai chắc chắn nói thân Phật là pháp vô vi’.”⁶⁰⁸

⁶⁰⁶ Ibid., tr. 562c21-564a19.

⁶⁰⁷ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 17, phẩm Phạm Hạnh, tr. 465c02.

⁶⁰⁸ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 34, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 567a02.

(20)

Lại nói:

“Này thiện nam tử! Như Ta đã nói, mười hai bộ kinh, hoặc theo ý mình mà thuyết, hoặc theo ý người mà thuyết, hoặc theo ý mình người mà thuyết.⁶⁰⁹ (...)”

Này thiện nam tử! Như Ta đã nói, ‘Bồ-tát Thập trụ thấy ít phần Phật tánh’⁶¹⁰, đó gọi là theo ý người mà thuyết. Vì sao gọi là thấy ít phần? Vì Bồ-tát Thập trụ chứng đắc các tam muội: Thủ Lăng Nghiêm, v.v., ba ngàn pháp môn, thế nên tự biết rõ ràng sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà không thấy tất cả chúng sinh nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy Ta nói, ‘Bồ-tát Thập trụ thấy ít phần Phật tánh’.

Này thiện nam tử! Ta thường tuy nói rằng, ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh’, đó gọi là theo ý mình mà thuyết. ‘Tất cả chúng sinh không đoạn không diệt [giống như đèn cháy], cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác’⁶¹¹, đó gọi là theo ý mình mà thuyết. ‘Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì phiền não che phủ nên không thể được thấy’, Ta nói như vậy, ông nói cũng vậy. Đó gọi là theo ý mình người mà thuyết.

⁶⁰⁹ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 35, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 573a26.

⁶¹⁰ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 25, phẩm Bồ-tát Sư Tử Hống, tr. 525b12: “Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sinh tuy chẳng thể thấy, nhưng Bồ-tát Thập trụ thấy thiếu phần, Như Lai thấy hoàn toàn. Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh như ban đêm thấy sắc. Như Lai thấy Phật tánh như ban ngày thấy sắc.”

⁶¹¹ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 35, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 572b13: “Này thiện nam tử! Phật tánh của chúng sinh chẳng có, chẳng không. Vì sao? Phật tánh tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao? Vì hư không ở thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện thiện xảo nhưng không thể được thấy, mà Phật tánh có thể thấy. Thế nên, Phật tánh tuy có mà chẳng như hư không. Phật tánh tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ. Vì sao? Vì lông rùa, sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện thiện xảo nhưng không thể được sinh, mà Phật tánh có thể sinh ra. Thế nên, Phật tánh tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Như vậy, Phật tánh chẳng có, chẳng không, mà cũng có cũng không. Sao gọi là có? Tất cả đều có, là các chúng sinh này chẳng đoạn, chẳng diệt, như ngọn đèn cháy, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là có. Sao gọi là không? Tất cả chúng sinh hiện tại chưa có tất cả Phật pháp thường lạc ngã tịnh. Đó gọi là không. Có không hợp lại nên tức là Trung đạo. Thế nên Phật nói, ‘Phật tánh của chúng sinh chẳng có, chẳng không’.”

Này thiện nam tử! Như Lai hoặc có lúc vì một pháp mà thuyết vô lượng pháp.⁶¹²,

(21)

Lại nói:

“Nhất thiết giác gọi là Phật tánh. Bồ-tát Thập trụ không được gọi là Nhất thiết giác. Thế nên Bồ-tát ấy tuy thấy mà không rõ ràng.

Này thiện nam tử! Thấy có hai thứ: một là, mắt thấy; hai là, nghe thấy. Chư Phật Thế Tôn mắt thấy Phật tánh như xem quả A-ma-lặc ở trong lòng bàn tay. Bồ-tát Thập trụ nghe thấy Phật tánh nên không rõ ràng. Bồ-tát Thập trụ chỉ có thể tự biết chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam tử! Lại có mắt thấy, chư Phật Như Lai và Bồ-tát Thập trụ mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy, tất cả chúng sinh cho đến Bồ-tát Cửu địa nghe thấy Phật tánh. Bồ-tát nếu nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà tâm không sinh tín, thì không gọi là nghe thấy.

[Này thiện nam tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn thấy Như Lai thì cần phải tu tập mười hai bộ kinh, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết.]

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống thưa rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh không thể được biết tâm tướng của Như Lai thì phải quán sát thế nào để được biết?

Này thiện nam tử! Tất cả chúng sinh thật không thể biết tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quán sát để được biết thì có hai nhân duyên: một là, mắt thấy; hai là, nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp Như Lai sở hữu thì phải biết chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu quán sát khẩu nghiệp Như Lai sở hữu thì phải biết chính là

⁶¹² Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 35, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 573c14.

Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mao mà tất cả chúng sinh không thể sánh được thì phải biết chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu nghe âm thanh vi diệu tối thắng không đồng âm thanh chúng sinh sở hữu thì phải biết chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông Như Lai sở tác là vì chúng sinh hay vì lợi dưỡng. Nếu vì chúng sinh, không vì lợi dưỡng, thì phải biết chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu khi quán sát Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát chúng sinh là vì lợi dưỡng mà thuyết hay vì chúng sinh mà thuyết. Nếu vì chúng sinh, không vì lợi dưỡng, thì phải biết chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy.”⁶¹³

(22)

Tịnh Độ Luận nói:

“Thế Tôn con nhất tâm
Quy mạng hết mười phương
Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyện sinh An Lạc quốc. (...)
Quán tướng thế giới kia
Thắng hơn Tam giới đạo.
Cứu cánh như hư không
Quảng đại không biên tế.”

(23)

Chú Luận ghi:

“Công đức thành tựu Trang nghiêm thanh tịnh: Kệ tụng: **‘Quán tướng thế giới kia, Thắng hơn Tam giới đạo.’** Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Có người phàm phu mà phiền não thành tựu, cũng được sinh về tịnh độ

⁶¹³ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 27, phẩm Bồ-tát Sư Tử Hống, tr. 527c27-528a23.

kia. Những nghiệp trôi buộc của Tam giới hoàn toàn không lôi kéo họ được, đó là không đoạn phiền não mà được phần Niết-bàn, sao có thể nghĩ bàn được?”⁶¹⁴

(24)

Lại nói:

**“Chánh đạo đại từ bi
Thiện căn xuất thế sinh.**

Hai câu này là ‘công đức thành tựu Trang nghiêm tánh’. (...) ⁶¹⁵

Tánh là nghĩa ‘bản’. Nói tịnh độ này tùy thuận Pháp tánh, không trái Pháp bản. Sự thể đồng nghĩa với phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm. ⁶¹⁶

Lại nói, ‘Tích tập thành tánh’⁶¹⁷, ý nói Bồ-tát Pháp Tạng do tu tập các Ba-la-mật mà tích tập thành [trang nghiêm tánh của tịnh độ An Lạc].

Cũng nói, ‘Tánh là Thánh chủng tánh’, ý nói Bồ-tát Pháp Tạng ngộ Vô sinh nhẫn từ Thế Tụ Tại Vương Phật, địa vị bấy giờ được gọi là Thánh chủng tánh. Trụ trong tánh ấy, phát ra bốn mươi tám đại nguyện, tu tập và khởi tạo cõi này, bèn gọi là Tịnh độ An Lạc. Cõi ấy do nhân kia được thành. Từ trong quả mà nói đến nhân, nên gọi là Tánh.

⁶¹⁴ Chứng văn loại, mục (9).

⁶¹⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 836c18.

(...): “Vốn vì gì mà Đức Phật khởi sự trang nghiêm này? Thấy có quốc độ, vì có ái dục mà có Dục giới, vì có thiện định phan duyên [cảnh thượng diệu] và chán bỏ [cảnh hạ liệt] mà có Sắc giới và Vô sắc giới. Tam giới này đều do hữu lậu tà đạo sinh ra, ngủ mê trong đại mộng, không biết cầu thoát ra. Vì thế, Phật khởi đại bi tâm, ‘Nguyện khi tôi thành Phật, sẽ dùng Vô thượng Chánh kiến đạo để khởi quốc độ thanh tịnh, vượt khỏi tam giới.’”

⁶¹⁶ Câu này ý nói trong kinh Lục Thập Hoa Nghiêm, No. 278, được ngài Phật-đà Bạt-đà-la dịch vào đời Tấn, quyển 33, những sự lý được nói trong phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi đều là sự khởi hiện hành của vô lượng chủng tử vô lậu vốn sẵn có trong Pháp tánh. Sự sinh khởi của Tịnh độ An Lạc cũng giống như vậy.

⁶¹⁷ Đại Trí độ luận, quyển 67: “Hỏi: Tướng đất là cứng, cứ sao nói tánh? Đáp: Tướng ấy tích tập thành tánh. Thí như người giặt dũ, ngày ngày tập quen mãi thời thành tánh dũ.”

Lại nói, Tánh, có nghĩa là ‘tất nhiên’, hoặc là nghĩa ‘không biến đổi’. Như tánh biển là một vị, các sông đổ vào biển đều thành một vị, vị [mặn] của biển không theo các sông mà biến đổi. Lại như tánh chất thân thể con người là bất tịnh, dù có đưa đủ loại sắc hương, mỹ vị tốt đẹp vào trong thân cũng trở thành bất tịnh. Những người vãng sinh tịnh độ An Lạc, không ai có sắc bất tịnh, có tâm bất tịnh, rốt ráo đều đạt được Pháp thân vô vi thanh tịnh bình đẳng, vì tánh thanh tịnh của quốc độ An Lạc đã thành tựu.

Chánh đạo đại từ bi, thiện căn xuất thế sinh: là đại đạo bình đẳng vậy. Đạo bình đẳng, sở dĩ được gọi là chánh đạo, vì bình đẳng là thể tướng của các pháp. Vì các pháp bình đẳng nên phát tâm bình đẳng, phát tâm bình đẳng nên đạo bình đẳng, đạo bình đẳng nên đại từ bi bình đẳng. Đại từ bi là chánh nhân của Phật đạo, nên mới nói là ‘Chánh đạo đại từ bi’. Từ bi có ba duyên: một là, chúng sinh duyên, là tiểu bi; hai là, pháp duyên, là trung bi; ba là, vô duyên, là đại bi. Đại bi tức là thiện căn xuất thế vậy. Tịnh độ An Lạc sinh ra từ đại bi này, nên gọi đại bi này là căn bản của tịnh độ, nên mới nói ‘Thiện căn xuất thế sinh’.⁶¹⁸

(25)

“Hỏi: Khi nhìn vào bản nguyện lực của Bồ-tát Pháp Tạng và những bài kệ tán thán của Bồ-tát Long Thọ, họ dường như coi số lượng lớn chúng Thanh văn trong cõi nước kia là kỳ diệu, điều này có nghĩa gì?

Đáp: Thanh văn lấy thật tế làm chứng ngộ, từ đó không thể sinh mầm rễ tuệ giác của Phật. Tuy nhiên, với thần lực bất tư nghị của bản nguyện, Đức Phật A Di Đà nhiếp thủ và đưa họ sinh về Tịnh Độ, rồi lại dùng thần lực để phát khởi nơi họ tâm cầu Vô thượng đạo. Ví như loài chim độc rớt vào nước, cá của đều chết, loài tê giác chạm vào, các loài chết đều sống dậy. Cũng vậy, lẽ ra họ không thể sinh [mầm

⁶¹⁸ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kế Chú, quyển thượng, tr. 828b20.

rễ tuệ giác của tâm Phật] mà lại được sinh, đó thực sự là kỳ diệu. Trong năm thứ bất tư nghị, Phật pháp là tối bất khả tư nghị. Đức Phật có thể khiến hàng Thanh văn phát tâm cầu Vô thượng đạo, quả thật, đây là tối thượng bất khả tư nghị.”⁶¹⁹

(26)

Lại nói:

“Bất khả tư nghị lực⁶²⁰: tổng chỉ cái lực của mười bảy thứ công đức trang nghiêm ở quốc độ của Đức Phật kia thì bất khả tư nghị. Các kinh nói có năm thứ bất khả tư nghị: một là, chúng sinh nhiều ít thì không thể nghĩ bàn; hai là, nghiệp lực thì không thể nghĩ bàn; ba là, lực của loài rồng thì không thể nghĩ bàn; bốn là, thiên định lực thì không thể nghĩ bàn; năm là, Phật pháp lực thì không thể nghĩ bàn. Ở đây, Phật độ thì không thể nghĩ bàn, có hai thứ lực: một là, nghiệp lực, nghĩa là thiện căn xuất thế của Bồ-tát Pháp Tạng được thành bởi ‘đại nguyện nghiệp lực’⁶²¹; hai là, Chánh giác A Di Đà như Pháp vương được nhiếp bởi ‘thiện trụ trì lực’⁶²².”

(27)

Lại nói:

“Hiện thị tự lợi lợi tha:

Lược nói mười bảy thứ công đức về sự trang nghiêm quốc độ của Đức Phật A Di Đà kia, chỉ bày sự thành tựu đại công đức lực cho lợi ích tự thân Như Lai và sự thành tựu công đức lợi ích tha nhân.

⁶¹⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kệ Chú, quyển thượng, tr. 831a23.

⁶²⁰ Giải thích câu trong Tịnh Độ Luận: “Quán sát công đức trang nghiêm ở quốc độ của Đức Phật kia như thế nào? Công đức trang nghiêm ở quốc độ của Đức Phật kia là thành tựu bất tư nghị lực, như là tánh chất của ma-ni như ý bảo, tương tự pháp tương đối.” (tr. 231b26)

⁶²¹ Đại nguyện nghiệp lực, chính là đại nguyện, đại nghiệp và đại lực.

⁶²² Thiện trụ trì (善住持): Trụ, là an trụ. Trì, là gìn giữ. Thiện trụ trì là khéo an trụ và gìn giữ thế giới Cực Lạc, giống như một vị quốc vương sẵn có quyền lực, có thể an trụ và gìn giữ thế giới ấy.

Lược nói: nói công đức của tịnh độ kia là vô lượng, không phải chỉ có mười bảy thứ. Núi Tu-di nhét vừa hạt cải, lỗ chân lông chứa trọn biển lớn. Có phải núi hay biển có thần, lỗ chân lông hay hạt cải có lực? Cái làm nên thần lực mới có thần lực.”⁶²³

(28)

Lại nói:

“Thế nào là thành tựu công đức Bất hư tác trụ trì trang nghiêm?”

Kệ rằng:

Quán Phật Bản nguyện lực

Ai gặp không luống qua

Khiến được mau đầy đủ

Biển báu lớn công đức.⁶²⁴

Sự thành tựu công đức ‘Bất hư tác trụ trì trang nghiêm’: Đó là bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai. Nay lược nói tướng ‘hư tác’ không thể trụ trì, để nêu rõ nghĩa ‘bất hư tác trụ trì’. (...) ⁶²⁵ Nói ‘Bất hư tác trụ trì’, là y theo bốn mươi tám

⁶²³ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838c02.

⁶²⁴ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá, No. 1524, Bồ-tát Thế Thân tạo, tr. 232a15: “Quán sát công đức trang nghiêm của Đức Phật kia thành tựu như thế nào? Quán sát công đức trang nghiêm của Đức Phật kia thành tựu có tám thứ cần nên biết. Những gì là tám? (1) Tòa sen trang nghiêm; (2) Thân tướng trang nghiêm; (3) Lời nói trang nghiêm; (4) Tâm ý trang nghiêm; (5) Thánh chúng trang nghiêm; (6) Thượng thủ trang nghiêm; (7) Pháp Chủ trang nghiêm; (8) Bất hư tác trụ trì trang nghiêm.

[1] Tòa sen trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Vô lượng Đại Bảo Vương, Đài hoa sạch vi diệu”. [2] Thân tướng trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Tướng hảo chiếu một tầm, Sắc tướng vượt quần sinh”. [3] Lời nói trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Tiến Như Lai vi diệu, Phạm âm vang mười phương”. [4] Tâm ý trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Đồng đất nước gió lửa, Hư không vô phân biệt” Do không có phân biệt cho nên không có tâm phân biệt. [5] Thánh chúng trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Trời người chúng bất động, Biển trí thanh tịnh sinh”. [6] Thượng thủ trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Như vua núi Tu Di, Thắng diệu không ai bằng”. [7] Pháp Chủ trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Trời người chúng trượng phu, Cung kính quanh chiêm ngưỡng”. [8] Bất hư tác trụ trì trang nghiêm như thế nào? Kệ rằng: “Quán Phật bản nguyện lực, Ai gặp không luống qua, Sẽ khiến được mau đầy đủ, Biển báu lớn công đức”.

⁶²⁵ (...): “Có kẻ nhịn ăn nuôi người, mà lại gây sự trên thuyền; trữ vàng đầy kho, mà chẳng khỏi chết đói. Những sự như vậy, thấy ở khắp nơi. Có được mà chẳng làm để có được; yên ở mà chẳng giữ để yên ở, tất cả đều do hư vọng nghiệp gây ra, nên không có khả năng trụ trì.”

bản nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng, ngày nay là thần lực tự tại của A Di Đà Như Lai. Nguyện để thành lực, lực để tựu nguyện. Nguyện chẳng luống không, lực chẳng dối bày. Lực nguyện hợp nhau, rốt cuộc không sai, nên gọi là thành tựu.”⁶²⁶

(29)

Tán A Di Đà Phật Kệ nói: [Hòa thượng Đàm Loan tạo]

“Nam mô A Di Đà Phật.

{Thích danh: Bên cạnh Kinh, phụng tán Vô Lượng Thọ, cũng gọi An Dưỡng}

Thành Phật đến nay trải mười kiếp
Thọ mạng dài lâu thật vô cùng
Pháp thân vàng sáng khắp pháp giới
Chiếu cõi tối tăm nên đánh lễ.

Ánh sáng trí tuệ chẳng thể lường
Nên Phật lại hiệu Vô Lượng Quang
Hữu lượng các tướng đều sáng tỏ
Thế nên kính lạy Chân Thật Minh.

Giải thoát sáng trưng không hạn lượng
Nên Phật lại hiệu Vô Biên Quang
Được quang chạm đến lìa vô, hữu
Thế nên kính lạy Bình Đẳng Giác.

⁶²⁶ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 840a04-16. Hành Văn Loại, mục (93).

Mây sáng vô ngại như hư không
Nên Phật lại hiệu Vô Ngại Quang
Tất cả chất ngại đều thấu suốt
Thế nên kính lạy Nan Tư Nghị.

Thanh tịnh sáng suốt không có đối
Nên Phật lại hiệu Vô Đối Quang
Người gặp sáng này nghiệp hệ dứt
Thế nên kính lạy Tất Cánh Y.

Ánh sáng Phật chiếu vào bậc nhất
Nên Phật lại hiệu Quang Viêm Vương
Tam đồ đen tối mong được sáng
Thế nên kính lạy Đại Ứng Cúng.

Luồng ánh sáng sáng rõ siêu tuyệt
Nên Phật lại hiệu Thanh Tịnh Quang
Một khi sáng chiếu tội cấu hết
Đều được giải thoát nên đánh lễ.

Ánh từ quang khắp thí an lạc
Nên Phật lại hiệu Hoan Hỷ Quang
Sáng chiếu đến nơi được pháp hỷ
Cúi đầu đánh lễ Đại An Ủy.

Phật quang hay phá tối vô minh
Nên Phật lại hiệu Trí Tuệ Quang

Tất cả chư Phật chúng Tam Thừa
Đều cùng khen ngợi nên kính lạy.

Tất cả ánh sáng luôn khắp chiếu
Nên Phật lại hiệu Bất Đoạn Quang
Văn quang lực⁶²⁷ nên tâm không dứt
Đều được vãng sinh nên đánh lễ.

Sáng ấy ngoài Phật đâu thể lường
Nên Phật lại hiệu Nan Tư Quang
Mười phương chư Phật khen vãng sinh
Khen công đức ấy nên kính lạy.

Thần quang lia tướng chẳng có tên
Nên Phật lại hiệu Vô Xung Quang
Nhân sáng thành Phật sáng rực rỡ
Chư Phật khen ngợi nên đánh lễ.

Ánh sáng chói lòa hơn nhật nguyệt
Nên Phật hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang
Phật Thích Ca khen còn không hết
Nên con kính lạy Vô Đẳng Đẳng.

(...)

Bổn sư Long Thọ Ma-ha-tát

Bạc hình tượng chỉnh lý suy tàn

⁶²⁷ Văn quang lực (聞光力): Nghe và tin quang minh của Phật có tác dụng nhiếp thủ chúng sinh, như nghe trí tuệ quang minh của A Di Đà Như Lai có nguyện lực 'siêu thế hy hữu' và oai thần lực 'nhiếp thủ bất xả'.

Đóng cửa giáo tà, mở Chánh pháp
Là Diêm-phù-đề tắt cả mắt
Nói tiếp lời Phật, Hoan hỷ địa
Quy A Di Đà sinh An Dưỡng.

Con từ vô thủy theo ba cõi
Bánh xe hư vọng luôn hồi chuyển
Một niệm một thời đã tạo nghiệp
Đủ buộc sáu đường rớt tam đồ.
Xin nguyện từ quang hộ niệm con
Khiến con không mất Bồ-đề tâm
Con khen Phật tuệ công đức âm
Nguyện nghe mười phương người hữu duyên
Ai muốn được vãng sinh An Lạc
Khắp đều như ý không chướng ngại
Bao nhiêu công đức lớn hay nhỏ
Hồi thí tất cả cùng vãng sinh
Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang
Nhất tâm quy mạng con kính lễ.

Mười phương ba đời Vô lượng tuệ
Đồng nhờ nhất như hiệu Chánh giác
Hai trí đầy đủ, đạo bình đẳng
Nhiếp hóa tùy duyên nên như thế
Con về Tịnh độ A Di Đà
Tức là quy mạng các Phật độ
Con dùng nhất tâm khen một Phật

Nguyện khắp mười phương người vô ngại
Như thế mười phương vô lượng Phật
Cùng đều chí tâm đầu mặt lạy.”⁶²⁸

(30)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Hỏi: Tịnh quốc Di Đà là báo hay là hóa?”

Đáp: Là báo không phải hóa. Vì sao biết được? Như trong kinh Đại Thừa Đồng Tánh⁶²⁹ nói, Tây phương An Lạc là Báo độ và A Di Đà Phật là Báo Phật. Lại nữa, kinh Vô Lượng Thọ nói, vào thời Thế Nhiêu Vương Phật, tỳ kheo Pháp Tạng đã thực hành Bồ-tát đạo, phát bốn mươi tám lời nguyện, mỗi nguyện đều nói: “*Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương xưng niệm danh hiệu của tôi, [muốn sinh về nước tôi] hẳn đến mười niệm, mà không được vãng sinh, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*” Nay đã thành Phật, tức là cái thân đáp lại nhân đó. Lại nữa, trong Quán Kinh nói, ba hạng người thuộc Thượng phẩm, khi sắp mạng chung, đều được Đức Phật A Di Đà và các hóa Phật đến rước người ấy. Báo thân và hóa thân đều đến duỗi tay dắt dẫn, nên gọi là ‘cùng’. Dùng văn này làm bằng chứng để biết là Báo thân.

Nhưng Ứng thân và Báo thân là ‘nhãn mục dị danh’⁶³⁰. Trước dịch Báo thân là Ứng thân, sau dịch Ứng thân là Báo thân. Nói đến Báo thân, tức là nhân và hạnh không luống dối, chắc chắn sẽ được quả, do quả ứng với nhân, nên gọi là Báo. Lại nữa, do trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu tập vạn hạnh, chắc chắn sẽ được Bồ-đề, nay đã thành đạo, tức là Ứng thân. Ở đây, chư Phật quá khứ và hiện tại được lập

⁶²⁸ Tán A Di Đà Phật Kệ (讚阿彌陀佛偈), No. 1978, Đại sư Đàm Loan soạn.

⁶²⁹ Kinh Đại Thừa Đồng Tánh (大乘同性經), No. 673, Thiên Trúc Tam tạng Đô-na-da-xá dịch, 2 quyển. Xem quyển hạ.

⁶³⁰ Nhãn mục dị danh (眼目異名): Nhãn và mục, danh xưng tuy khác, trên thật chất là đồng một vật, là ý ‘danh dị thật đồng’, như tánh và tướng, nhất thiết (一切) và chư (諸).

qua ba thân, ngoài ba thân này không còn thân nào khác. Dù cho bất tận tám tướng⁶³¹ và danh hiệu nhiều như cát bụi, nhưng từ quan điểm bản thể, tất cả đều thuộc Hóa thân. Hiện nay, Đức Phật A Di Đà là Báo thân.

Hỏi: Đã nói về Báo. Báo thân là thường trụ, vĩnh viễn không sinh diệt, vì sao trong kinh Quán Âm Thọ Ký⁶³² nói, Đức Phật A Di Đà cũng có lúc nhập Niết-bàn, điều này giải thích ra sao?

Đáp: Nghĩa nhập hay không nhập, chỉ là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải thiên trí ba thừa nhắm đến, huống là tiểu phàm có thể hiểu được. Tuy nhiên, nếu người nào muốn biết, dám dẫn kinh Phật để minh chứng vì sao, thì như phẩm Niết-Bàn Phi Hóa trong Kinh Đại Phẩm Bát Nhã⁶³³ có nói:

“Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu có hóa nhân làm hóa nhân thì hóa nhân này có thật sự chẳng trống không?”

Tu-bồ-đề đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Không có. (...) ⁶³⁴

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Sắc tức là hóa. Thọ, tướng, hành, thức tức là hóa, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng tức là hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Nếu pháp thế gian là hóa, pháp xuất thế gian cũng là hóa: đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy bồ-đề phần, tám Thánh đạo phần, ba giải thoát môn, mười lực của

⁶³¹ Tám tướng thành đạo: Đâu suất thác sanh, nhập thai, trụ thai, sơ sinh, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, thị hiện Niết-bàn.

⁶³² Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký (觀世音菩薩授記經), No. 371, Sa-môn Đàm Vô Kiệt dịch: “Đức Phật dạy: Nay thiện nam tử! Đức Phật A Di Đà thọ mạng vô lượng trăm nghìn ức kiếp sẽ có lúc kết thúc. Nay thiện nam tử! Tương lai với kiếp số xa xôi không thể tính được, Đức Phật A Di Đà sẽ nhập Bát Niết-bàn. Sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp tồn tại ở đời bằng với thọ mạng của Phật. Sau đời diệt độ, số chúng sinh được độ đồng như số thọ mạng. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, hoặc có chúng sinh không trông thấy Phật, nhưng có các Bồ-tát được Niệm Phật Tam-muội, thường thấy Đức Phật A Di Đà.”

⁶³³ Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (摩訶般若波羅蜜經), No. 223, Cư-ma-la-thập dịch, quyển 29, phẩm Như Hóa thứ 87.

⁶³⁴ (...): “– Nay Tu Bồ Đề! Không ấy và hóa nhân, hai sự ấy chẳng hợp, chẳng tan, vì trống rỗng nên Không, chẳng nên phân biệt là trống không, là hóa. Tại sao? Vì hai sự ấy ở trong tánh Không đều không thể thủ đắc. Cái gọi là trống không, là hóa, vì sao?”

Phật, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, các pháp quả và các bậc Hiền thánh: đó là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Đại Bồ-tát, chư Phật. Bạch Đức Thế Tôn! Pháp ấy cũng là hóa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tất cả pháp đều là hóa, trong pháp ấy có pháp Thanh văn biến hóa, có pháp Bích-chi Phật biến hóa, có pháp Bồ-tát biến hóa, có pháp chư Phật biến hóa, có pháp phiền não biến hóa, có pháp nghiệp nhân duyên biến hóa. Do nhân duyên đó, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đều là hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các phiền não được đoạn trừ, thì gọi là quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật. Đoạn trừ tập chùng của các phiền não có phải đều là biến hóa chăng?

Phật dạy Tu-bồ-đề: Nếu tướng pháp có sinh diệt thì đều thuộc về biến hóa?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Vậy pháp nào không phải biến hóa?

Phật dạy: Pháp nào không sinh diệt thì pháp đó không phải biến hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Những pháp nào không sinh diệt, không phải biến hóa?

Phật bảo: Niết-bàn không có tướng đối gạt, là pháp không phải biến hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật thường nói các pháp là bình đẳng, không do Thanh văn làm ra, không do Bích-chi Phật làm ra, không do các vị Đại Bồ-tát làm ra, không do chư Phật làm ra. Có Phật hay không Phật, thì tánh các pháp thường Không, tánh Không tức là Niết-bàn. Vì sao Đức Phật lại nói một pháp Niết-bàn chẳng phải như hóa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp bình đẳng, không phải do Thanh văn làm ra, cho đến tánh Không tức là Niết-bàn. Nếu Bồ-tát mới phát tâm, nghe nói tất cả pháp đều rốt ráo tánh Không, cho đến Niết-bàn cũng đều như hóa, thì tâm vị đó sẽ khiếp sợ. Đó là vì Bồ-tát mới phát tâm mà phân biệt pháp sinh diệt là như hóa, pháp bất sinh bất diệt không phải như hóa.”

Nay dùng Thánh giáo này mà nghiệm biết, Đức Phật A Di Đà chắc chắn là hóa thân, về sau dù có nhập Niết-bàn, thì nghĩa này cũng không ngại. Người có trí tuệ nên biết như vậy.

Hỏi: Đức Phật A Di Đà và quốc độ của Ngài đã gọi là báo, pháp báo thật cao diệu, tiểu Thánh khó bước lên, thì phàm phu cầu chướng làm sao được nhập?

Đáp: Nếu bàn về chúng sinh cầu chướng thì thật khó ưa thích, nhưng nhờ cậy nguyện lực của Phật làm cường duyên, giúp cho chúng sinh năm thừa đều được nhập.”⁶³⁵

(31)

Lại nói:

“7. **‘Nay tôi thích sinh về Cực Lạc thế giới, chỗ của Đức Phật A Di Đà’**: Là phu nhân Vi Đề Hy chọn riêng theo sở cầu. Điều này cho thấy bản quốc Di Đà được hoàn thành bằng bốn mươi tám nguyện. Mỗi nguyện đều phát sinh thắng nhân tăng thượng. Nương vào nhân mà khởi thắng hạnh; dựa vào hạnh mà cảm được thắng quả. Nương vào quả mà cảm thành thắng báo; dựa vào báo mà cảm thành Cực Lạc. Nương vào lạc mà hiển thông bi hóa; dựa vào bi hóa mà mở cửa trí tuệ. Nhưng bi tâm là vô tận, trí cũng vô cùng; bi trí song hành, tức mở rộng cửa cam lộ, nhờ đó mà giáo pháp thấm nhuần, nhiếp khắp quần sinh. Các kinh điển khác khuyến khích [nguyện sinh Tịnh độ] thì nhiều vô kể, và các bậc Thánh đều đồng lòng chỉ dạy và khen ngợi. Nhờ nhân duyên này mà Đức Như lai mật ý bảo phu nhân tuyển chọn riêng.”⁶³⁶

(32)

⁶³⁵ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký, quyển 1, phần Huyền nghĩa, tr. 250b10-251a09.

⁶³⁶ Ibid., quyển 2, Tự phần nghĩa, tr. 258b19.

Lại nói:

“Tây phương vắng lặng, vui vô vi
Rốt ráo tiêu dao, là hữu vô
Đại bi huân tâm, đạo pháp giới
Phân thân lợi vật đẳng không khác.

Về đi thôi,
Cõi ma không thể dừng
Nhiều kiếp luôn luân chuyển
Sáu đường đều trải qua
Đến chỗ vui vô dư
Chỉ nghe tiếng sầu than
Sau khi bỏ thân này
Nhập thành Niết-bàn kia.”⁶³⁷

(33)

Lại nói:

“Cực Lạc vô vi, Niết-bàn giới
Tùy duyên tạp thiện e khó sinh
Bởi thế Như Lai tuyền yếu pháp
Dạy niệm Di Đà chuyên càng chuyên.”⁶³⁸

(34)

Lại nói:

⁶³⁷ Ibid., quyển 3, Định thiện nghĩa, tr. 263a17.

⁶³⁸ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 430c21. Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập, (選擇本願念佛集), No. 2608, Thượng nhân Nguyên Không soạn, tr. 17a27.

“Từ Phật tiêu dao quy tự nhiên
Tự nhiên tức là cõi Di Đà
Vô lậu, vô sinh lại là chân
Đi đến dừng luôn thường theo Phật
Chúng được vô vi Pháp tánh thân.”⁶³⁹

(35)

Lại nói:

“Di Đà diệu quả, hiệu là Vô thượng Niết-bàn.”⁶⁴⁰

(36)

Sư Cảnh Hưng nói:

“Ánh sáng Phật chẳng phải toán số biết được, nên là Vô lượng quang. Không điều kiện nào mà không soi chiếu, nên là Vô biên quang. Không có nhân và pháp nào có thể chướng ngại, nên là Vô ngại quang. Các Bồ-tát không sánh bằng, nên là Vô đối quang. Ánh sáng tự tại, không gì trên, nên là Viêm vương quang. Từ thiện căn vô tham của Phật mà hiện, cũng trừ hết tâm tham trước của chúng sinh, nên là Thanh tịnh quang. Từ thiện căn vô sân của Phật mà sinh, trừ được sân giận, lo buồn của chúng sinh, nên gọi là Hoan hỷ quang. Từ thiện căn vô si của Phật mà khởi, lại dứt trừ vô minh phàm tâm của chúng sinh, nên gọi là Trí tuệ quang. Thường quang của Phật hằng soi chiếu làm lợi ích, nên gọi là Bất đoạn quang. Ánh sáng ấy hàng Nhị thừa không lường biết được, nên gọi là Nan tư quang. Cũng chẳng phải các thừa khác có thể nói được, nên gọi là Vô xung quang. Ngày đêm thường soi chiếu không giống với hai vầng nhật nguyệt ở Ta-bà, nên là Siêu nhật nguyệt quang.

⁶³⁹ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sư Tán, quyển hạ, tr. 432b04.

⁶⁴⁰ Ibid., quyển hạ, tr. 437c05.

Đều là nhờ ánh sáng chạm thân, tức là nhờ Thân tâm nhu nhuyễn nguyện⁶⁴¹ mà có được.”⁶⁴²

(37)

Như vậy, từ lời dạy chân thật của Như Lai và luận giải của Tông sư, chúng ta biết rõ ràng, cõi tịnh An Dưỡng là **Báo độ chân thật**.

Chúng sinh hoặc nhiễm ở Ta-bà không thể thấy Phật tánh, vì bị che phủ bởi phiền não.

Kinh [Niết Bàn] nói: “Như Ta đã nói, Bồ-tát Thập trụ thấy ít phần Phật tánh.” Nên biết, đến được Phật độ An Lạc thì tức khắc Phật tánh hiển lộ. Điều này là nhờ bản nguyện lực hồi hướng [của Đức Phật A Di Đà].

Lại nữa, kinh [Niết Bàn] nói: “Thân chúng sinh vị lai trang nghiêm đầy đủ thanh tịnh thì được thấy Phật tánh.”⁶⁴³

(38)

“Khởi Tín Luận nói: ‘Nếu biết tất cả pháp, tuy thuyết mà không có chủ thể thuyết và đối tượng thuyết; tuy niệm mà không có chủ thể niệm và đối tượng niệm, thì thể là tùy thuận [chân như]. Tách rời niệm thì thể là đặc nhập [chân như].’

Đặc nhập là Chân như tam-muội vậy. Huống nữa, địa vị Vô niệm là ở bậc Diệu giác. Bởi vì nhận ra tâm là biết cái tướng bắt đầu sinh của tâm, nên nói rằng,

⁶⁴¹ Nguyện thứ 33 là Thân tâm như nhuyễn nguyện (身心柔軟願), còn gọi là Xúc quang nhu nhuyễn nguyện (觸光柔軟願): “Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sanh của vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương, được quang minh tôi chiếu đến thân, thân họ nhu nhuyễn hơn hẳn hàng thiên nhân. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁶⁴² Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán (無量壽經連義述文贊), No. 1748, Đời Tân La, Thích Cảnh Hưng dịch, 3 quyển, quyển trung, tr. 155c03. Giải thích đoạn kinh văn: “Vì thế nên Đức Phật Vô Lượng Thọ hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Tuệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xung Quang Phật và Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.”

⁶⁴³ Mục (16).

biết sơ tướng là vô niệm, không phải là sở tri của hàng Bồ-tát Thập Địa. Nay chúng ta còn chưa đạt giai vị Thập Tín thì phải y theo lời Đại sĩ Mã Minh, ‘từ thuyết nhập vào vô thuyết, từ niệm nhập vào vô niệm’⁶⁴⁴.”⁶⁴⁵

(39)

Xem xét chữ ‘Báo’, là do ‘Nhu Lai nguyện hải, thù báo quả thành độ’.

Tuy nhiên, ‘Nguyện hải’ có chân và có giả. Vì vậy, ‘Phật độ’ cũng có chân và có giả.

Do chánh nhân của ‘tuyển trạch bản nguyện’⁶⁴⁶ mà thành tựu Phật độ chân thật.

Báo Phật chân thật: Đại Kinh nói: “Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật.” Lại nữa, “Là ánh sáng vua trong các ánh sáng của chư Phật, là ánh sáng cực tôn trong các ánh sáng.”⁶⁴⁷ Tịnh Độ Luận nói: “Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai.”

⁶⁴⁴ Tùy thuận hữu thuyết, đắc nhập vô thuyết; tùy thuận hữu niệm, đắc nhập vô niệm.

⁶⁴⁵ Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận (念佛三昧寶王論), No. 1967, Sa-môn Phi Tích soạn, quyển hạ, tr. 142b02.

⁶⁴⁶ Chánh nhân của ‘tuyển trạch bản nguyện’: 1. Chỉ cho nguyện thứ 18, được gọi là ‘Tuyển trạch bản nguyện’, và ‘tuyển trạch bản nguyện’ có nghĩa là các nguyện còn lại không được chấp nhận. 2. Nguyện thứ 12 và nguyện thứ 13 được ngài Thân Loan đề cập ở mục (1) để định nghĩa Báo Phật chân thật và Báo độ chân thật. Tại sao mục (39) này lại đổi thành nguyện thứ 18? Đức Phật tự chứng là Quang minh nguyện và Thọ mạng nguyện, còn nguyện thứ 18 là lời nguyện dành cho tất cả chúng sinh. Chánh giác của Phật và chúng sinh vãng sinh thì ‘tương tức’, không hai không khác, nhưng để nói lên ‘biệt đức’ của Phật phải là nguyện thứ 18, đó là lý do các Tông sư xem nguyện thứ 18 là đền đáp nhân địa của Đức Phật A Di Đà. Mục (1) trình bày hai nguyện 12 và 13, và bây giờ đề cập đến nguyện thứ 18, nếu không, thì biệt đức của Pháp thân phương tiện (Ứng thân và Hóa thân) khó có thể hiển lộ.

⁶⁴⁷ Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Đà Nhân Đạo Kinh (佛說諸佛阿彌陀三耶三佛薩樓佛檀過度人道經), No. 362, Chi Khiêm dịch, quyển thượng, tr. 303a03: “Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà vô cùng tốt đẹp, ánh sáng tốt đẹp nhất trong mọi sự tốt đẹp, thật là khả ái không thể so sánh được, vì nó tuyệt diệu vô cực. Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà trong suốt, không gợn một vết nhơ, không giảm thiểu. Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà tuyệt đẹp, hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng gấp trăm ngàn vạn ức lần, là ánh sáng cực sáng trong các ánh sáng của chư Phật, là ánh sáng đẹp nhất trong các ánh sáng, là ánh sáng hùng vĩ nhất trong các ánh sáng, là ánh sáng khả ái nhất trong các ánh sáng, là ánh sáng vua trong các ánh sáng của chư Phật, là ánh sáng cực tôn trong các ánh sáng, là ánh sáng vô cực tối thượng trong các ánh sáng.”

Báo độ chân thật: Đại Kinh nói: “Quốc độ vô lượng quang minh”⁶⁴⁸, hoặc nói, “Quốc độ của các trí”. Tịnh Độ Luận nói: “Cứu cánh như hư không, Quảng đại không biên tế.”

Người vãng sinh: Đại Kinh nói: “Đều bẩm thọ tự nhiên cái thân hư vô, cái thể vô cực.”⁶⁴⁹ Tịnh Độ Luận nói: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh giác hoa hóa sinh.” Lại nữa, “[Không ai không phải là chánh giác tịnh hoa hóa sinh của A Di Đà Như Lai,] đồng một câu niệm Phật, không con đường nào khác.”⁶⁵⁰ Lại nữa, là ‘**Nan tư nghị vãng sinh**’⁶⁵¹ đó vậy.

Phật và độ giả tạm, dưới đây nên biết.

Đã biết [Phật và độ] chân thật và giả tạm đều là từ biển cả ‘Thù báo Đại bi nguyện’⁶⁵². Vì vậy biết rằng, cả hai đều là Báo Phật và Báo độ. Bởi vì Đức Phật giả tạm và quốc độ giả tạm có hàng ngàn sự khác biệt về nghiệp nhân, cho nên có hàng ngàn sự khác biệt về quốc độ. Chúng được gọi là ‘Hóa thân phương tiện’ và ‘Hóa độ phương tiện’.

Vì không biết phân biệt giữa chân thật và giả tạm nên chúng sinh hiểu lầm và đánh mất ân đức quảng đại của Như Lai.

Vì lý do này, Đức Phật chân thật và quốc độ chân thật được làm sáng tỏ ở đây. Đây là chánh ý của Chân tông.

Đối với giáo thuyết chân chính của các bậc thầy về Kinh và các bậc thầy về Luận, cũng như đối với sự giải thích nghĩa lý của các bậc thầy về Tịnh độ, ngưỡng

⁶⁴⁸ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác (佛說無量清淨平等覺經), No. 361, 4 quyển, Chi-lâu-ca-sấm dịch, quyển 2, tr. 288c06: “Họ có thể mau vượt đến, Thế giới tên An Lạc quốc, Cõi nước vô lượng ánh sáng, Cúng dường nơi vô số Phật.”

⁶⁴⁹ Chứng Văn Loại, mục (5).

⁶⁵⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 838b02. Xem Chứng Văn Loại, mục (7).

⁶⁵¹ Hành Văn Loại, mục (101).

⁶⁵² Thù báo đại bi nguyện hải (酬報大悲願海).

mong đại chúng cung kính và tin tưởng, đặc biệt có thể phụng trì. Nên biết điều này.

Chương 6: Hiển Tịnh Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại

Ngu ngốc Thích Thân Loan biên tập.

(1)

Kính nói về Hóa thân và quốc độ.

Phật là Đức Phật được thuyết trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Chân thân quán⁶⁵³ là quán tướng Phật vậy.

Độ là Tịnh độ được mô tả trong Quán Kinh. Chính là Giải mạn giới⁶⁵⁴ được nói trong Kinh Bồ Tát Xử Thai⁶⁵⁵. Cũng như Nghi thành Thai cung được đề cập trong Kinh Đại Vô Lượng Thọ.

⁶⁵³ Chân thân quán (真身觀): Là một trong 16 pháp quán được nói trong Quán Kinh. Khi quán tướng, lấy cái thân Như Lai biến pháp giới bình đẳng làm đối tượng, gọi là chân thân quán. Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho rằng, nếu quán tướng chân thân Đức Phật A Di Đà thì lập tức thấy tất cả chư Phật mười phương, cho nên một pháp quán tướng này còn gọi là Biến quán nhất thiết sắc thân tướng. Mười sáu quán môn là: nhật quán, thủy quán, địa quán, bảo thọ quán, bát công đức thủy quán, tổng quán, hoa toà quán, tượng quán, Phật chân thân quán, Quán thể âm quán, Đại thể chí quán, phổ tướng quán, tạp tướng quán, thượng bối quán, trung bối quán, hạ bối quán.

⁶⁵⁴ Biên địa giải mạn (邊地懈慢): Cứ theo Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản, thì Đức Phật A Di Đà hóa hiện ra hai cõi nước là Biên địa và Giải mạn. Biên địa là cõi nước dành cho những người tu hành mà lòng còn nghi ngờ trí của Phật được sinh đến. Giải mạn là gọi tắt của Giải mạn giới, là nơi dành cho người tu hành yếu môn (pháp môn trọng yếu) được sinh đến. Lại nữa, Biên địa tức là Nghi thành, Thai cung nói trong kinh Vô Lượng Thọ, là nơi của những người tự lực niệm Phật được sinh tới, đúng với điều nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà. Còn Giải mạn giới nói trong kinh Bồ tát xử thai, quyển 3, thì là nơi của những người tu muôn hạnh lành được sinh đến, đúng với điều nguyện thứ 19 của đức Phật A Di Đà. Giải mạn quốc (懈慢國), hay còn gọi là Giải mạn giới (懈慢界), cõi này nằm giữa cõi Ta-bà và Cực Lạc. Sinh vào nước này thì đắm nhiễm vào sự khoái lạc trong đó, nên lại khởi lên tâm kiêu mạn, giải đãi, chẳng chịu tiến tu để sinh lên Cực Lạc nên gọi là Giải mạn quốc. Như kinh Bồ Tát Xử Thai chép: "Ở phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề này mười hai ức na-do-tha, có Giải mạn giới. Quốc độ ấy khoái lạc... Chúng sinh phát ý trước sau muốn sinh về A Di Đà Phật quốc, nhưng đều đắm nhiễm sâu nặng Giải mạn quốc, chẳng thể tiến lên sanh về A Di Đà Phật quốc. Trong ức ngàn vạn chúng mới có một người có thể sinh về A Di Đà Phật quốc. Vì sao? Đều vì lòng biếng, kiêu mạn, chấp trước, tâm chẳng kiên cố."

⁶⁵⁵ Bồ Tát Xử Thai Kinh (菩薩處胎經): Cũng gọi là Bồ-tát Tòng Suất Thuật Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh (菩薩從兜術天降神母胎說廣普經), 7 quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào đời Hậu Tần, được xếp vào Đại Chánh Tạng, tập 12. Nội dung kinh này được phân ra 38 phẩm. Quyển 1, lời tựa trình bày Đức Phật vì A-nan vận thần thông mà hiện tướng trạng trong thai mẹ khiến cho A-nan biết ở trong thai cũng giống như cung trời. Hiện thân bồ-tát không bị dính bụi trần. Lúc bồ-tát ở mười phương nhóm họp, nghe Đức Phật ở trong thai thuyết pháp. Từ đầu đến phẩm thứ 34, Ngài ở trong thai thuyết pháp, hoằng dương tư tưởng tánh Không. Từ phẩm 35 trở về sau, Đức Phật thọ ký cho bồ-tát Di Lạc và dặn do phân xá-lợi xây tháp thờ cho vua tám nước, chư thiên v.v... Đồng thời phó chúc cho ngài Ca Diếp làm thượng thủ kiết tập kinh điển.

(2)

Những quần manh trong thế giới ô nhiễm và những hàm thức đầy ác độc do bản, đã từ bỏ chín mươi lăm thứ tà đạo và bước vào các pháp môn khác nhau – bất toàn hay viên mãn, tạm thời hay chân thật⁶⁵⁶ – thì người chân thành thì khó thấy, người thật tu thì hiếm có, người giả dối thì có nhiều và người rộng tuếch thì đầy dẫy. Thế cho nên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chỉ dạy về ân đức tạng⁶⁵⁷ để dụ dẫn biến cả ‘quần sinh’, và Đức Phật A Di Đà vốn phát những thệ nguyện để phổ hóa biến cả ‘chư hữu’.

⁶⁵⁶ Bán mãn quyền thật (半滿權實). Bán mãn nhị giáo (半滿二教): Còn gọi là Bán mãn giáo, Bán mãn nhị tự giáo (半滿二字教). Tức nói tắt của Bán tự giáo và Mãn tự giáo. Bán tự, nửa chữ, nguyên là chỉ chữ gốc trong tiếng Phạm, tức là tự mẫu; Mãn tự, cả chữ, thì chỉ văn tự đã được làm thành bởi các tự mẫu tập hợp lại. Luận Tỳ-già-la (毘伽羅論, Phạm: Vyākaraṇa) của Ấn độ cổ đại, là một cuốn sách về văn pháp nổi tiếng, trong năm chương, chương thứ nhất là Tất đàm nêu rõ bán tự giáo của các tự mẫu, còn nếu trao truyền toàn bộ cả năm chương thì thuộc về mãn tự giáo. Trong Phật giáo, ý ấy được chuyển dụng để chỉ chín bộ kinh của Tiểu thừa Thanh văn là Bán tự giáo, và chỉ các kinh điển Phương đẳng Đại thừa là Mãn tự giáo. Sự phân chia hai giáo Bán, Mãn đại khái cũng giống như cách phân loại hai thừa Đại, Tiểu vậy. Bán tự giáo căn cứ theo lời thí dụ trong kinh Niết-bàn (bản Bắc) quyển 5 và quyển 8 mà có; kinh Niết-bàn chép, cũng như dạy dỗ con trẻ, trước dạy nửa chữ, sau mới dạy cả chữ trong luận Tỳ-già-la. Đức Phật cũng thế, trước nói chín bộ kinh Tiểu thừa, sau mới nói các kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Ngoài những nghĩa được ghi trên, cứ theo Xuất tam tạng ký tập, quyển 1, Niết bàn kinh nghĩa ký, quyển 4 phần trên, giải thích là, nói các việc thế gian khiến sinh phiền não, gọi là Bán tự, còn nói các việc xuất thế gian khiến sinh các pháp thiện, gọi là Mãn tự. Xưa nay các sư phần nhiều gọi sự giải thích này là Giáo phán: 1. Tương truyền, Đàm-vô-sấm đời Bắc Lương và Tuệ Viễn đời Tùy, cho tạng Tiểu thừa Thanh văn là Bán tự giáo, tạng Đại thừa Bồ tát là Mãn tự giáo. 2. Do Bồ-đề-lưu-chi đời Bắc Ngụy lập ra, bảo giáo pháp mà đức Phật nói trong khoảng mười hai năm sau khi thành đạo, là Bán tự giáo, còn giáo pháp nói từ mười hai năm trở về sau, là Mãn tự giáo. 3. Trí Khải và Khuy Cơ cho rằng, ý hai giáo Bán, Mãn tức là hai thừa Đại, Tiểu. 4. Trạng Nhiên ở Kinh Khê thì đem phối với giáo của Thiên Thai, tức ba giáo Tạng, Thông, Biệt là Bán tự giáo, chỉ có Viên giáo là Mãn tự giáo. 5. Luận Niết bàn thì đem hai giáo phối với thuyết Tiệm giáo và Đốn giáo, nhưng Tiệm giáo ở đây là chỉ giáo Thanh văn, mà Đốn giáo là chỉ giáo Niết-bàn, chứ không liên quan gì đến giáo pháp đốn tiệm của Thiền tông đời sau. Tóm lại, hết thầy Phật giáo có thể được qui nạp thành hai giáo Bán, Mãn, hai giáo Quyền, Thật (quyền giả giáo và chân thật giáo, tức giáo pháp tạm thời và giáo pháp chân thật), vì thế, toàn bộ giáo thuyết Phật giáo cũng có thể được gọi chung là Bán mãn quyền thật.

⁶⁵⁷ Ân đức tạng: là lời nguyện tu các công đức mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chỉ rõ, đó là định tán, tam phước và chín phẩm để làm phương tiện cho sự vãng sinh Tịnh độ.

Có bi nguyện đã phát, gọi là ‘Tu chư công đức nguyện’, cũng gọi là ‘Lâm chung hiện tiền nguyện’, cũng gọi là ‘Hiện tiền đạo sinh nguyện’, cũng gọi là ‘Lai nghinh dẫn tiếp nguyện’, cũng có thể gọi là ‘Chí tâm phát nguyện nguyện’.⁶⁵⁸

(3)

Ở đây, hãy đến với bi nguyện được nêu trong Đại Kinh:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát Bồ-đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh, hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

(4)

Kinh Bi Hoa, phẩm Bồ Tát Bản Thọ Ký⁶⁵⁹ nói:

“Nguyện khi tôi thành ngôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ở vô lượng vô biên a-tăng-kỳ thế giới chư Phật khác, có chúng sinh nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà tu các thiện căn, muốn sinh về cõi tôi, khi họ lâm chung, tôi sẽ cùng đại chúng vây quanh ở trước mắt người đó. Người đó thấy tôi, liền được tâm hoan hỷ với tôi. Nhờ được thấy tôi nên lìa các chương ngại, lập tức xả thân mạng, sinh đến cõi tôi.”

(5)

Ở đây, Nguyện thành tựu văn [của Đại Kinh] chính là Tam bối văn⁶⁶⁰, và là Định tán, cửu phẩm văn của Quán Kinh.

⁶⁵⁸ Tu chư công đức nguyện (修諸功德願), Lâm chung hiện tiền nguyện (臨終現前願), Hiện tiền đạo sinh nguyện (現前導生願), Lai nghinh dẫn tiếp nguyện (來迎引接願), Chí tâm phát nguyện nguyện (至心發願願). Đó là nguyện thứ 19.

⁶⁵⁹ Kinh Bi Hoa (悲華經), No. 157, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch. Chánh văn ghi là ‘phẩm Đại Thí’ [thứ 3], nhưng đoạn trích dẫn ở phẩm Bồ-tát Bản Thọ Ký thứ 4, tr. 184b13.

(6)

Lại nữa, Đại Kinh nói:

“Lại còn cây đạo tràng của đức Vô Lượng Thọ Phật cao bốn trăm vạn dặm. Góc cây đạo tràng ấy chu vi năm ngàn do tuần, nhánh lá rợp bốn phía hai mươi vạn dặm. Cây ấy do tất cả những thứ báu tự nhiên hiệp thành, trang nghiêm với vua châu báu, nguyệt quang ma ni trì hải luân bảo. (...)

Này A-nan! Nếu hàng thiên nhân ở nước An Lạc thấy cây đạo tràng ấy thì được ba pháp nhãn: một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là vô sinh pháp nhãn.

Những sự ấy là đều do sức oai thần của đức Vô Lượng Thọ Phật, cũng là do sức bản nguyện, sức nguyện đầy đủ, sức nguyện sáng tỏ, sức nguyện kiên cố rất ráo của đức Vô Lượng Thọ Phật vậy. (...)

Ở nước An Lạc, những giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu đài đều toàn bảy báu trang nghiêm tự nhiên hóa thành. Lại còn có chân châu, minh nguyệt

⁶⁶⁰ Tam bối (三輩): Ba nhóm. Chỉ cho 3 hạng chúng sinh vãng sinh Tịnh độ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Đó là: (1) Thượng bối: Chúng sinh bỏ nhà lìa dục làm sa-môn, phát tâm bồ-đề, một lòng niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật ấy. (2) Trung bối: Chúng sinh phát tâm bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, vâng giữ trai giới, xây tháp tạo tượng, cúng dường sa-môn, treo phan thắp đèn, rải hoa đốt hương, nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật ấy. (3) Hạ bối: Những chúng sinh phát tâm bồ-đề, một lòng chuyên chú cho đến 10 niệm, nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật kia. Về Tam bối này và Cửu phẩm (9 bậc) nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có các giải thích khác nhau. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, quyển hạ, ngài Tuệ Viễn cho rằng chúng sinh của 3 bậc Thượng phẩm (Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ) hợp lại là Thượng bối, chúng sinh của 3 bậc Trung phẩm (Trung thượng, Trung trung, Trung hạ) hợp lại là Trung bối và chúng sinh của 3 bậc Hạ phẩm (Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ) hợp lại là Hạ bối. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của ngài Cát Tạng thì cho rằng những chúng sinh bậc Thượng trung phẩm nói trong Quán Kinh là Thượng bối, những chúng sinh của các bậc Trung thượng và Trung trung phẩm là Trung bối, còn những chúng sinh của bậc Hạ hạ phẩm là Hạ bối. Trong Du Tâm An Lạc Đạo, ngài Nguyên Hiểu cho rằng Biên địa thai sinh là một loại riêng chứ không nằm trong Cửu phẩm. Nhưng, trong Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán, quyển hạ, thì ngài Cảnh Hưng lại cho rằng, những chúng sinh Biên địa thai sinh nằm trong 2 phẩm Trung hạ và Hạ thượng, vì Tam bối Cửu phẩm không có tính cách rộng hẹp mà là thu nhiếp hết tất cả chúng sinh vãng sinh. Trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, quyển hạ, ngài Nguyên Chiếu cho rằng Tam bối của kinh Vô Lượng Thọ đều nêu rõ việc phát tâm bồ-đề, cho nên đều thuộc về ba phẩm Thượng của Quán Kinh, còn 3 phẩm Trung và 3 phẩm Hạ thì vì nhân hạnh khác nhau nên không được xếp vào. Tóm lại, về phía chủ trương Tam bối và Cửu phẩm giống nhau thì gồm có các ngài: Đàm Loan, Tuệ Viễn, Trí Khải, Cát Tạng, Pháp Vị, Long Hưng và Cảnh Hưng; còn phía cho Tam bối và Cửu phẩm khác nhau thì có các ngài: Nghĩa Tịch, Trí Viên, Nguyên Chiếu và Giới Độ. Hiện nay, tông Tịnh độ theo thuyết của ngài Đàm Loan chỉ có khai hợp là khác nhau mà thôi.

châu, năm trăm năm châu ma ni, và các châu báu làm thành dây hoa giảng che phía trên nhà.

Bốn phía nhà có những ao tắm bằng bảy báu hoặc rộng mười do tuần hoặc rộng hai mươi, ba mươi, nghìn đến hoặc rộng trăm ngàn do tuần, ngang rộng sâu cạn đều riêng một thứ. Trong ao, nước bát công đức lặn đầy trong thơm, mùi vị như cam lộ.”

(7)

Lại nói:

“Loài thai sinh đó, ở nơi cung điện, rộng trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần, họ thọ hưởng mọi sự khoái lạc tự nhiên như trên cõi trời Đạo Lợi vậy.

Lúc ấy Bồ-tát Di Lặc bạch Đức Phật: Bạch đức Thế Tôn! Duyên có gì mà người nước An Lạc có thai sinh và hóa sinh?

Đức Phật dạy: Này A-dật-đa! Nếu có chúng sinh, với tâm nghi hoặc mà tu các công đức, nguyện sinh về nước kia, thì là không hiểu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Với những trí ấy nghi hoặc chẳng tin, nhưng còn biết tin tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sinh về nước An Lạc. Chúng sinh ấy sinh về nước An Lạc, ở trong cung điện kia, thọ năm trăm tuổi, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ-tát và Thánh chúng Thanh văn. Vì thế nên quốc độ kia gọi là thai sinh.
(...)

Di Lặc nên biết, bậc hóa sinh thì có trí tuệ rộng lớn, còn hạng thai sinh thì trí tuệ thấp kém. (...)

Đức Phật bảo Di Lặc: Ví như Chuyển Luân Thánh Vương, có nhà tù bằng bảy thứ báu, trang hoàng đẹp đẽ, trần thiết giường mùng, treo các dây lọng. Nếu có hàng tiểu vương tử đắc tội với vua, liền bị giam vào trong đó, cột bằng khóa vàng. (...)

Đức Phật bảo Di Lặc: Những chúng sinh này cũng lại như thế, vì nghi hoặc Phật trí mà sinh vào thai cung kia. (...) Nếu chúng sinh ấy, biết tội lỗi mình, rất tự hối trách, cầu ròi chỗ ấy. (...)

Này A-dật-đa! Có Bồ-tát nào sinh lòng nghi hoặc đối với Phật trí thì mất lợi lớn.”

(8)

Như Lai Hội nói:

“Đức Phật bảo Di Lặc: Nếu có chúng sinh, thuận theo nghi hối, tích tập thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, bất tư nghị trí, vô đẳng trí, uy đức trí, quảng đại trí, nhưng với thiện căn của mình, không thể sinh tín. Vì nhân duyên ấy mà phải trú trong cung điện suốt năm trăm năm. (...)

A-dật-đa! Ông xem người thù thắng trí, họ nhờ quảng tuệ lực mà được hóa sinh ở nước Cực Lạc kia, ở trong hoa sen ngời kiết già. Ông xem hạng hạ liệt (...) không biết tu tập các công đức, nên không có nhân lành phụng sự Đức Phật Vô Lượng Thọ. Những người này đều là do duyên xưa nghi hối mà được như thế. (...)

Đức Phật bảo Di Lặc: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu có người thuận theo nghi hối, tích tập thiện căn, mong cầu Phật trí, cho đến quảng đại trí, nhưng với thiện căn của mình, không thể sinh tín. Do nghe danh hiệu của Phật mà khởi tín tâm, dù sinh về nước kia vẫn ở trong hoa sen không được xuất hiện. Những chúng sinh ấy ở trong thai hoa mà tưởng như đang ở trong cung điện, hoa viên.”

(9)

Đại Kinh nói:

“Còn hàng tiểu Bồ-tát và người tu tập công đức ít thì số đông chẳng thể kể nói, sẽ được sinh về nước ấy.”

(10)

Lại nói:

“Huống chi các Bồ-tát khác do thiện căn nhỏ được sinh về nước kia, không thể tính đếm được.”⁶⁶¹

(11)

Hòa thượng chùa Quang Minh giải thích:

“[Tuy được vãng sinh] phải ẩn trong hoa chưa ra ngoài, hoặc sinh vào biên giới, hoặc đọa vào thai cung.”⁶⁶²

(12)

Sư Cảnh Hưng nói:

“Do nghi ngờ Phật trí, tuy sinh về nước kia mà ở tại biên địa, không nhận sự Thánh hóa. Nếu bị thai sinh thì nên từ bỏ.”⁶⁶³

(13)

Vãng Sinh Yếu Tập⁶⁶⁴, do Thủ Lăng Nghiêm Viện Sa-môn Nguyên Tín⁶⁶⁵ soạn, dẫn lời giải thích của thiền sư Hoài Cảm:

⁶⁶¹ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai.

⁶⁶² Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 264a14.

⁶⁶³ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán, quyển hạ, tr. 169c23.

⁶⁶⁴ Vãng Sinh Yếu Tập (往生要集), 3 quyển (hoặc 6 quyển), do vị Tăng Nguyên Tín (Huệ Tâm Tăng Đô, 惠心僧都) soạn, thu tàng Đại chánh tạng, tập 84. Nội dung sách gom tập những yếu nghĩa vãng sanh trong hơn một trăm sáu mươi bộ kinh, luận, chú sớ để trình bày tư tưởng Tịnh độ. Sách được soạn thảo lần đầu tại Thủ Lăng Nghiêm Viện ở Hoàn Huyên, núi Tỷ Duệ vào tháng 11 năm Vĩnh Quán thứ hai (984), và hoàn thành vào tháng 4 năm sau. Nội dung của quyển sách này được chia thành mười môn: (1) Yếu lý uế độ, (2) Hân cầu tịnh độ, (3) Cực Lạc chứng cứ, (4) Chánh tu niệm Phật, (5) Trợ niệm phương pháp, (6) Biệt thời niệm Phật, (7) Niệm Phật lợi ích, (8) Niệm Phật chứng cứ, (9) Vãng sinh chư nghiệp, (10) Vấn đáp liệu giản. Trong đó, chánh tu niệm Phật môn trình bày phương pháp thật tiến niệm Phật, bao gồm ngũ niệm môn: lễ bái, tán thán, tác nguyện, quán sát, hồi hướng. Phương pháp tu hành niệm Phật cụ thể được mô tả trong Quán sát môn có thể được coi là trung tâm của cuốn sách này. Phương pháp cụ thể là chỉ ý nghĩa thân Phật tướng hảo của Đức Phật A Di Đà (tướng bạch hào và các đặc tướng khác), được kết hợp với giáo lý của Thiên Thai để tạo ra một hình ảnh đặc biệt về thân Phật, trong khi đối với những

“Hỏi: Kinh Bồ Tát Xử Thai, quyển hai⁶⁶⁶, nói: ‘Về phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề này mười hai ức na-do-tha có cõi nước tên là Giải Mạn, [dân trong quốc độ ấy ưa thích ca hát; y phục, trang sức, hương hoa, trang hoàng giường cửa bằng bảy báu. Đưa mắt về phía Đông thì giường báu cũng chuyển theo, nhìn về phía Tây, Nam, Bắc đều cũng chuyển như vậy.] Tất cả chúng sinh đều phát tâm muốn sinh về cõi Phật A Di Đà, nhưng họ đều bị đấm nhiễm quốc độ Giải Mạn, không thể tiến lên để sinh về cõi Phật A Di Đà. Trong ức ngàn vạn người thì có một người sinh về cõi Phật A Di Đà, vì sao?’ Lấy kinh này làm chuẩn, thì là nạn có thể được sinh?

Đáp: Quán Nghi Luận⁶⁶⁷ dẫn đoạn văn trước của Hòa thượng Thiện Đạo để giải thích nạn này, và hơn nữa, chính tác giả cũng nói thêm: Đoạn tiếp theo trong kinh nói, ‘Vì đều do họ giải đãi, ngã mạn, tâm không kiên định.’ Như vậy, người tạp tu là người có quyết tâm yếu ớt, cho nên họ bị sinh vào nước Giải Mạn. Nếu

chúng sinh không có khả năng hình dung ra thân Phật, phương pháp cứu độ là trì danh niệm Phật. Toàn bộ tư tưởng là cố gắng hợp nhất giáo lý Tịnh Độ với giáo lý Thiên Thai.

⁶⁶⁵ Nguyên Tín (源信, 942-1017): Là Cao Tăng Nhật Bản thuộc tông Thiên Thai, Tổ của dòng Huệ Tâm, thường gọi là Huệ Tâm Tăng Đô, người Đại Hòa (huyện Đại Lương). Sư lên núi Tỷ Duệ thờ Ngài Lương Nguyên làm Thầy, học rộng nhớ lâu, được nhiều người kính phục. Về sau, Sư sáng lập ra dòng Huệ Tâm rất có thể lực. Tác phẩm của Sư có đến hơn 70 bộ, 150 quyển, trong đó, nổi tiếng hơn cả là Nhất Thừa Yếu Quyết, Vãng Sinh Yếu Tập, Quán Tâm Lược Yếu Tập... đều được thu vào Huệ Tâm Tăng Đô toàn tập. Ngoài ra, trong những sách về mỹ thuật Tịnh độ giáo, tương truyền có rất nhiều tác phẩm của Sư, nhưng không có chứng cứ để khảo sát. Sư thị tịch vào niên hiệu Khoan Nhân năm đầu (1017) hưởng thọ 76 tuổi. Ngài Nguyên Tín được Tịnh độ Chân tông Nhật Bản tôn xưng là Đệ nhất Tổ. Tuy rằng thời gian kế tiếp cả hơn 200 năm sau mới có Đệ nhị Tổ là Ngài Pháp Nhiên ra đời.

⁶⁶⁶ Kinh Bồ Tát Xử Thai, quyển 3, phẩm 8: Bát chủng thân.

⁶⁶⁷ Tịnh Độ Quán Nghi Luận (淨土群疑論): Cũng gọi Thích tịnh độ quán nghi luận, Quán nghi luận, Quyết nghi luận. Tác phẩm, 7 quyển, do ngài Hoài Cảm soạn vào đời Đường, được thu vào Đại chánh tạng tập 47. Mục đích của sách này là giải đáp những điều hồ nghi về việc vãng sinh Tịnh độ được nêu ra trong Nhiếp Luận, Tam giai giáo, Duy thức học,...từ các đời Trần, Tùy về sau; là bộ Bách khoa toàn thư của tông Tịnh độ đương thời. Cứ theo lời tựa ở đầu quyển do ngài Bình Xương Mạnh tiến soạn, khi bản thảo luận này vẫn chưa được soạn xong thì ngài Hoài Cảm đã thị tịch, về sau do đồng môn là ngài Hoài Uẩn tiếp tục bổ sung để hoàn thành. Về tên sách thì ở Trung quốc xưa nay thường gọi là Quán Nghi Luận, Tống Cao Tăng Truyện gọi là Quyết Nghi Luận, Thụy Ứng San Truyện gọi là Vãng Sinh Quyết Nghi Luận. Toàn sách gồm 116 chương, được viết theo hình thức hỏi đáp. Ngài Hoài Cảm vốn là học giả tông Pháp tướng, về sau, sư theo ngài Thiện Đạo tu hạnh niệm Phật, chứng được tam muội niệm Phật. Kiến giải trong sách này và thích nghĩa của ngài Thiện Đạo, từ xưa đã được gọi là thuyết Thập ngũ đồng thập tam dị. Chỗ đặc sắc của sách này là đứng trên quan điểm Duy thức để giải thích những điều nghi.

không tạp tu mà chuyên hành nghiệp này⁶⁶⁸, thì tâm chí vững vàng, nhất định sẽ được sinh nước Cực Lạc. (...) Lại nữa, người sinh về Báo tịnh độ thì rất ít, người sinh về Hóa tịnh độ thì nhiều. Vì vậy, những lời dạy khác nhau trong kinh thật ra không trái ngược nhau.”⁶⁶⁹

(14)

Vì vậy, suy ngẫm về sự giải nghĩa của Hòa thượng Lăng Nghiêm, tôi thấy trong ‘Niệm Phật chứng cứ môn’, lời nguyện thứ mười tám là hiển thị biệt nguyện trong các biệt nguyện [của Đức Phật A Di Đà]⁶⁷⁰.

Ngài khuyến khích các căn định thiện và tán thiện được dạy trong Quán Kinh rằng, “Người ác cực trọng, không cách nào khác, chỉ xưng Di Đà, được sinh Cực Lạc.” Người đạo và kẻ tục của thế giới ác trước này nên khéo tự suy xét khả năng của mình. Nên biết điều này.

(15)

Hỏi: Sự khác biệt giữa ba tâm của Đại Bản (Đại Kinh)⁶⁷¹ và ba tâm của Quán Kinh⁶⁷² là gì?

Đáp: Theo ý kiến của thích gia (Thiền Đạo) và theo Vô Lượng Thọ Phật Quán Kinh, có cái nghĩa ‘hiển chương ẩn mật’⁶⁷³. Chữ ‘hiển’ có nghĩa là hiển bày

⁶⁶⁸ Chuyên tu Tây phương Tịnh độ nghiệp.

⁶⁶⁹ Tịnh Độ Quàn Nghi Luận, No. 1960, quyển 4, tr. 50c06.

⁶⁷⁰ Tịnh Độ Yếu Tập, Niệm Phật chứng cứ môn: “Trong 48 lời nguyện, đối với môn niệm Phật, biệt phát một nguyện rằng, ‘Nhẫn đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.’”

⁶⁷¹ Ba tâm của Đại Kinh tức là ba tâm của nguyện thứ 18: chí tâm, tín lạc tâm và dục sinh tâm.

⁶⁷² Ba tâm nói trong Quán Kinh: Một là, chí thành tâm; hai là, thâm tâm; ba là, hồi hướng phát nguyện tâm.

⁶⁷³ Hiển chương ẩn mật (顯彰隱密): Cũng gọi Hiển thuyết ẩn chương (顯說隱彰), Ẩn hiển (隱顯). Nêu rõ ý kín đáo trong kinh. Đây là tiếng dùng của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản. Hiển là bên ngoài sáng tỏ, Chương là làm cho bên trong được rõ ràng; Ẩn là ẩn giấu, Mật là ý kín đáo của Phật. Kinh Quán vô lượng thọ bên ngoài tuy nói về giáo nghĩa của yếu môn, trình bày rõ Định thiện và Tán thiện, nhưng bên trong lại ẩn chứa mật ý của Phật; mật ý ấy tức là thế nguyện rộng lớn của đức Phật A di đà. Trong 3 bộ kinh, ngoại trừ bộ Quán Kinh thì kinh A Di Đà cũng có nghĩa ẩn

các thiện định tán, khai mở ba bối và ba tâm. Tuy nhiên, hai thiện và ba phước⁶⁷⁴ không phải là nhân thực sự của Báo độ. Ba tâm của tất cả căn cơ là sự tự lợi khác nhau, chứ không phải ‘nhất tâm’ của sự lợi tha. Đó là ‘phương tiện lạ’ của Như Lai, là thiện căn ‘hân mộ Tịnh độ’. Đây là ý của kinh này, tức là nghĩa ‘hiển thuyết’ vậy.

Chữ ‘chương’ có nghĩa là tuyên dương hồng nguyện của Như Lai và truyền bá sự lợi tha thông nhập ‘nhất tâm’. Duyên nơi ác nghịch của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế mà biểu lộ sự mỉm cười, thương tưởng của Đức Thích Ca. Nhân do chánh ý chọn lựa đặc biệt của Vi Đề Hy mà mở ra tâm đại bi bản nguyện của Đức Di Đà. Đây là nghĩa ‘ẩn chương’ của kinh này.

Như vậy, Quán Kinh nói: “*Dạy tôi quán nơi nghiệp xít thanh tịnh.*”

Nói “*Ng nghiệp xít thanh tịnh*”, đó là bản nguyện thành tựu Báo độ.

Nói “*Dạy con tư duy*”, tức là phương tiện.

Nói “*Dạy con chánh thọ*”, tức là Kim cương chân tâm.

Nói “*Quán kỹ nước ấy thì tịnh nghiệp được thành*”, là nên quán biết bản nguyện thành tựu tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai.

Nói “*Nói rộng các pháp quán*”, là mười ba pháp quán.

Nói “*Bà là phạm phu, tâm tướng yếu kém*”, là tỏ rõ rằng căn cơ người ác được vãng sinh.⁶⁷⁵

hiển. Kinh A Di Đà là chân môn thiện bản và đức bản, nói rõ nhất tâm tự lợi, ẩn chứa mật ý đại tín tâm vô ngại của Phật. Còn kinh Vô Lượng Thọ thì không có nghĩa ẩn hiển, hễ nói giả thì tức là giả, mà chân tức là chân, là giáo nghĩa chân thật. Hiển thuyết, là nói theo ý người. Ẩn chương, là nói theo ý mình.

⁶⁷⁴ Quán Kinh: “Này Vi Đề Hy! Muốn sinh về nước kia nên tu ba phước: Một là, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ bậc Sư trưởng, có tâm nhân từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành. Hai là, thọ trì Tam Quy y, đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi. Ba là, phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên dạy sách tiến người tu hành. Ba sự như vậy gọi là tịnh nghiệp.”

⁶⁷⁵ Ngài Thân Loan đề xuất điều ngược lại với “Thiện nhân chánh cơ” của Pháp Nhiên và gọi nó là “Ác nhân chánh cơ”. Ngài Thân Loan xoay ngược lại lời của Pháp Nhiên rằng, “Kẻ ác còn được vãng sinh, huống là người hiền”, và nói: “Người hiền còn được vãng sinh, huống là người ác.” Nếu người ta có thể dựa vào sức mình để làm việc thiện và tu hành để đạt được giác ngộ và giải thoát, thì họ không cần Đức Phật A Di Đà. Vì vậy, để tiếp dẫn kẻ ác, Đức Phật, vì lòng từ bi, phải sẵn sàng cứu độ những hạng người thấp hèn nhất. Đặc biệt, những kẻ ác tạo nghiệp nên là mục tiêu cứu độ đầu tiên của Đức Phật A Di Đà. Kẻ ác không thể dựa vào tự lực tu hành đạt đến giải thoát, duy có

Nói “*Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ*”, đó là ‘các thiện định tán’, biểu thị giáo lý phương tiện.

Nói “*Nhờ oai lực của Đức Phật mà được thấy quốc độ ấy*”, đây là diễn tả ý ‘tha lực’.

Nói “*Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, các chúng sinh [trước ác, bất thiện, bị ngũ khổ bức ngặt, họ làm thế nào có thể được thấy A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới?]*”, tức là ‘chúng sinh vị lai’ biểu thị cho ‘vãng sinh chánh cơ’⁶⁷⁶.

Nói “*Nếu có hợp thì gọi là thô tướng*”, là nói ‘định quán’ khó thành.

Nói “*Nơi thân hiện tại được Niệm Phật tam-muội*”, là nói lợi ích của ‘định quán’ thành tựu. Đạt được Niệm Phật tam-muội là lợi ích của quán, tức lấy quán môn làm giáo lý phương tiện.

Nói “*Phát ba thứ tâm liền được vãng sinh*”, lại nói, “*Có ba hạng chúng sinh sẽ được vãng sinh*”, theo những đoạn này, liên quan đến ba bối, có ba hạng [chúng sinh]⁶⁷⁷ có ba tâm, và cũng có hai thứ vãng sinh⁶⁷⁸.

Khéo biết rằng, kinh này có nghĩa ‘hiển chương ẩn mật’.

lòng tin chân thật và nương nhờ vào tha lực bản nguyện, kẻ ấy mới có thể giải thoát, vì thế nên kẻ ác mới là đối tượng mà Đức Phật A Di Đà phát nguyện cần phải cứu độ. Chủ trương “Tuyệt đối tha lực”, ý nói chỉ cần niềm tin kiên cố đối với Đức Phật A Di Đà, thì bất kể là loại người nào nhất định sẽ được Phật cứu độ.

⁶⁷⁶ Trong lời nguyện thứ 18, Đức Phật A Di Đà nói với tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, “chúng sinh ở mười phương chí tâm tin ưa, muốn sinh về nước tôi, hãy đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Ngài lấy chúng sanh tội nghiệp và đau khổ làm đối tượng độ sinh, đưa họ thoát ly biển khổ sinh tử. Khi Đức Phật A Di Đà phát nguyện ở nhân vị, Ngài nói rõ với chúng ta: chúng sinh tội nghiệp là gì? Nó giống như chúng ta, không có căn lành, không có trí tuệ và không có ai nương tựa. Do đó, nguyện thứ 18 được lập cho những chúng sinh tội nghiệp và đau khổ như là đối tượng của sự cứu rỗi, chứ không phải được lựa chọn theo căn cơ cao thấp. Vãng sinh chánh cơ bao gồm Ác nhân chánh cơ và Thiện nhân chánh cơ.

⁶⁷⁷ Quán Kinh: “Còn có ba hạng chúng sinh sẽ được vãng sinh. Những gì là ba hạng? Một là, từ tâm bất sát, đủ các giới hạnh. Hai là, đọc tụng kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Ba là, tu hành Lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sinh Cực Lạc.”

⁶⁷⁸ Hai thứ vãng sinh: Một là, Hóa sinh; hai là, Thai sinh. Tuy nói là hai thứ vãng sinh nhưng thực ra đều là hóa sinh, không phải như cồi Ta-bà có noãn, thai, thấp, hóa, sinh ra từ tạp nghiệp, mà đều hóa sinh từ hoa sen thanh tịnh, như Vãng Sinh Luận nói, “Chánh giác hoa hóa sinh”. Tuy nhiên, để phân biệt sự cao thấp của hai loại vãng sinh, những người vừa vãng sinh, lập tức hoa nở thấy Phật, không phải ở trong hoa sen thì gọi là Hóa sinh. Còn những người vừa vãng sinh, không thể lập tức hoa nở thấy Phật, phải bị nhốt trong hoa sen một thời gian rồi mới thoát ra gọi là Thai sinh, giống như em bé ở cồi này lớn lên trong bào thai rồi chui ra.

Tôi sẽ bàn về sự giống nhau và khác nhau của ba tâm trong hai kinh, phải khéo suy lường.

Đại Kinh và Quán Kinh, theo nghĩa ‘hiển’ thì khác nhau, theo nghĩa ‘chương’ thì giống nhau. Nên biết điều này.

(16)

Do đó, Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Đức Ta-bà Hóa chủ nhận lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy, liền rộng mở yếu môn Tịnh độ, Đức An Lạc Năng nhân bày tỏ hoàng nguyện ‘biệt ý’⁶⁷⁹. Yếu môn đó chính là hai môn định và tán của Quán Kinh này. Định tức là dẹp lo để lắng tâm, tán tức là bỏ ác để tu thiện, hồi hướng hai hạnh này để cầu nguyện vãng sinh. Nói ‘hoàng nguyện’, như trong Đại Kinh nói: ‘Tất cả phàm phu thiện ác mà được vãng sinh thì đều nương vào đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên’.”⁶⁸⁰

(17)

Lại nói:

“Nay Quán kinh này, lấy Quán Phật tam-muội làm tông, cũng lấy Niệm Phật tam-muội làm tông, nhất tâm hồi nguyện vãng sinh Tịnh độ làm thể.

Nói về Đại giáo, Tiểu giáo.

Hỏi: Kinh này thuộc tạng nào trong hai tạng? Thuộc giáo nào trong hai giáo?

Đáp: Quán Kinh này thuộc Bồ-tát tạng và nhiếp về Đôn giáo.”⁶⁸¹

⁶⁷⁹ Đức Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện lớn, trước hết vì tất cả phàm phu, sau gồm cả Thánh nhân của Tam thừa. Nên biết, tông chỉ của Tịnh độ vốn vì phàm phu ngu ác, kiêm vì Thánh nhân.

⁶⁸⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 246b05.

⁶⁸¹ Ibid., quyển 1, tr. 247a18.

(18)

Lại nói:

“Lại nữa, nói ‘Nhu thị’, chỉ cho ‘pháp’, tức là hai môn định và tán. Thị, là một từ xác định, chúng sinh thực hành chắc chắn được lợi ích. Đây là nói rõ lời dạy của Đức Như Lai thì không có sai lầm, nên gọi là Như thị.

Lại nữa, nói ‘như’, tức là như ý chúng sinh, tùy tâm ưa thích mà Đức Phật liền hóa độ họ. Căn cơ và giáo pháp tương ứng, cũng gọi là ‘thị’, nên nói là Như thị.

Lại nữa, nói ‘Nhu thị’, là muốn nói rõ về lời dạy của Đức Như lai: Ngài nói tiêm đúng như tiêm, nói đốn đúng như đốn, nói tướng đúng như tướng, nói không đúng như không, nói nhân pháp đúng như nhân pháp, nói thiên pháp đúng như thiên pháp, nói tiểu đúng như tiểu, nói đại đúng như đại, nói phạm đúng như phạm, nói Thánh đúng như Thánh, nói nhân đúng như nhân, nói quả đúng như quả, nói khổ đúng như khổ, nói lạc đúng như lạc, nói xa đúng như xa, nói gần đúng như gần, nói đồng đúng như đồng, nói dị đúng như dị, nói tịnh đúng như tịnh, nói uế đúng như uế, nói tất cả pháp thì muôn ngàn sai biệt. Đức Như Lai thấy biết rõ ràng thấu đáo, tùy tâm chúng sinh mà khởi hạnh, làm lợi ích cho mỗi người theo những cách khác nhau. Nghiệp quả và các pháp là như thế đó, chúng không sai chạy, cũng gọi là ‘thị’, nên nói là Như thị.”⁶⁸²

(19)

Lại nói:

“Từ ‘Muốn sinh về nước kia’ cho đến ‘gọi là tịnh nghiệp’⁶⁸³, là phần khuyên tu hành ba thứ phước. Ở đây nói về căn cơ của tất cả chúng sinh, có hai thứ là: một

⁶⁸² Ibid., quyển 2, tr. 252a01.

⁶⁸³ Quán Kinh: “Này Vi Đề Hy! Muốn sinh về nước kia nên tu ba phước: Một là, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ bậc Sư trưởng, có tâm nhân từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành. Hai là, thọ trì Tam Quy y, đầy đủ các cấm giới

là, định; hai là, tán. Nếu y theo định thiện quán hạnh, tức là nhiếp lấy chúng sinh vẫn không hết, do đó mà Đức Như lai phương tiện mở bày ba thứ phước, để đáp ứng cho căn cơ tán động.”⁶⁸⁴

(20)

Lại nói:

“Lại, chân thật có hai loại: Tự lợi chân thật và Lợi tha chân thật.

Tự lợi chân thật cũng có hai loại:

(a) Trong tâm chân thật, chế ngự và xả bỏ các điều ác của mình và người, xả bỏ thế giới uế trược, đi đứng ngồi nằm tương đồng tất cả Bồ-tát chế ngự và xả bỏ các điều ác, tôi cũng như thế.

(b) Trong tâm chân thật, siêng tu các điều thiện của mình người, phàm Thánh.

[Lại nữa, ba nghiệp thân, khẩu, ý có sáu thứ:]

- (i) Khẩu nghiệp với tâm chân thật: khen ngợi y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà.
- (ii) Lại nữa, khẩu nghiệp với tâm chân thật: chán chê ba cõi sáu đường, hai báo y chánh khổ đau xấu ác của mình và người, và cũng khen ngợi tất cả chúng sinh thực hành ba nghiệp thiện lành. Đối với người chẳng có thiện nghiệp thì kính trọng nhưng không gần gũi, cũng không tùy hỷ.
- (iii) Lại nữa, thân nghiệp với tâm chân thật: chấp tay kính lễ, cúng dường tứ sự, v.v. y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà.

và chẳng phạm oai nghi. Ba là, phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên dạy sách tiến người tu hành. Ba sự như vậy gọi là tịnh nghiệp.”

⁶⁸⁴ Ibid., quyển 2, tr. 259a18.

- (iv) Lại nữa, thân nghiệp với tâm chân thật: coi thường chán bỏ tam giới sinh tử và hai báo y chánh của mình và người.
- (v) Lại nữa, ý nghiệp với tâm chân thật: tư tưởng quán sát, nhớ nghĩ y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà, như hiện ở trước mắt.
- (vi) Lại nữa, ý nghiệp với tâm chân thật: khinh rẻ chán bỏ tam giới sinh tử và hai báo y chánh của mình và người.

[Ba nghiệp bất thiện ắt phải xả bỏ với tâm chân thật. Lại nữa, nếu khởi ba nghiệp thiện thì phải thực hiện với tâm chân thật. Bất kể trong ngoài, sáng tối đều phải chân thật, đó gọi là Chí thành tâm.] (...)

Lại nữa, quyết định thâm tín: Đức Phật Thích Ca thuyết Quán Kinh này, ba phước, chín phẩm, định thiện và tán thiện là để chứng minh, khen ngợi y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà, khiến người ưa thích ngưỡng mộ. (...)

Lại nữa, thâm tâm thâm tín: quyết định kiến lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, dứt hẳn sự nghi ngờ sai lầm, đừng vì tất cả các biệt giải, biệt hành, dị học, dị kiến, dị chấp mà làm cho mình khuynh động thối thất. (...)

Tiếp theo, dựa vào hành mà lập tín. Nhưng hành có hai thứ: một là, chánh hành; hai là, tạp hành.

Chánh hành là hành giả chuyên y theo kinh Vãng Sinh mà thực hành, đó gọi chánh hành. Thực hành ấy như thế nào? Nhất tâm chuyên đọc tụng Quán Kinh, Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ; nhất tâm chuyên chú tư tưởng, quán sát, nhớ nghĩ hai báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc. Lễ bái thì nhất tâm chuyên lễ Đức Phật A Di Đà, xưng niệm thì nhất tâm chuyên xưng Đức Phật A Di Đà, ca ngợi cúng dường thì nhất tâm ca ngợi cúng dường Đức Phật A Di Đà, đó gọi là chánh hành.

Lại nữa, trong chánh hành này cũng có hai thứ:

Lại nữa, trong phần chánh hành này cũng có hai thứ:

(a) Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không kể thời gian lâu mau, niệm niệm bất xả, đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

(b) Nếu nương vào sự lễ bái, đọc tụng, v.v. thì gọi là Trợ nghiệp.

Ngoài hai hành chánh trợ này, các thiện hành khác của mình, đều gọi là Tạp hành.

Nếu tu cả hai hành chánh trợ, thì tâm thường gần gũi, nhớ nghĩ không ngừng, gọi là Vô gián hành. Nếu tu tạp hành, thì tâm thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng được sinh, nhưng được gọi là Sơ tạp hành.

Đó gọi là thâm tâm.

Ba là, hồi hướng phát nguyện tâm: là từ quá khứ đến đời nay, thân khẩu ý nghiệp của mình tu tập thiện căn thế gian và xuất thế gian, và tùy thuận thân khẩu ý nghiệp của người - tất cả phàm Thánh - tu tập thiện căn thế gian và xuất thế gian. Bằng cái tâm chân thật và thâm tín, đem thiện căn tu tập của mình và người thầy đều hồi hướng nguyện sinh quốc độ Cực Lạc, đó gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.”⁶⁸⁵ (...) ⁶⁸⁶

(21)

Lại nói:

“Định thiện hiền thị quán duyên.”⁶⁸⁷

⁶⁸⁵ Ibid., quyển 2, tr. 271a10-272b17.

⁶⁸⁶ (...): “Lại nữa, hồi hướng phát nguyện sinh [Cực Lạc] thì cần phải hồi hướng nguyện bằng cái tâm chân thật quyết định, khởi ý tưởng ‘được sinh’. Cái tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, thì có tiến thoái, tâm sinh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sinh.”

⁶⁸⁷ Ibid., quyển 2, tr. 252b01. Quán Kinh lục duyên (觀經六緣): Sáu nhân duyên Đức Phật nói kinh Quán Vô Lượng Thọ. Thuyết này được căn cứ vào Tự phần nghĩa trong Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo mà lập ra. Sáu nhân duyên ấy là: 1. Cấm phụ duyên (禁父緣): Thái tử A-xà-thế giam cấm vua cha, đó là nhân duyên Quán kinh hưng khởi. 2. Cấm mẫu duyên (禁母緣): Thái tử cấm cố mẫu hậu là Vi Đề Hy trong thâm cung 7 lớp cửa, đó là nhân duyên Phật nói pháp cho bà nghe. 3. Yếm khổ duyên (厭苦緣): Bà Vi Đề Hy bị giam cầm, chán ngán nỗi khổ của thế gian, đó là

(22)

Lại nói:

“Tán thiện hiển thị hành duyên.”⁶⁸⁸

(23)

Lại nói:

“Yếu nghĩa của Tịnh độ thì khó thấy.”⁶⁸⁹

(24)

Lại nói:

“Nhu Quán Kinh nói: Trước phải đầy đủ ba tâm ắt được vãng sinh. Những gì là ba:

(a) Chí thành tâm: thân nghiệp thì lễ bái Đức Phật A Di Đà, khẩu nghiệp thì tán thán, xưng dương Đức Phật A Di Đà, ý nghiệp thì chuyên niệm quán sát Đức Phật A Di Đà. Hễ ba nghiệp khởi lên đều phải chân thật, gọi là Chí thành tâm.

(b) Thâm tâm: tin biết tự thân là phàm phu có đủ phiền não, thiện căn ít ỏi, bị lưu chuyển trong ba cõi, không ra khỏi nhà lửa. Nay tin biết bản hoảng thế nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu mười tiếng một tiếng, thì nhất định được vãng sinh, và dù chỉ một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.

nhân duyên Đức Phật nói pháp cho bà nghe. 4. Hân tịnh duyên (欣淨緣): Bà Vi Đề Hy bị khổ não dày vò nên thích cầu về nơi an lạc thanh tịnh, đó là nhân duyên Đức Phật nói kinh này. 5. Tán thiện hiển hành duyên (散善顯行緣): Đức Phật nói về các pháp tán thiện (hiển hành) như Tam phước, Cửu phẩm, trong 3 pháp quán sau cùng của Thập lục quán để được vãng sinh Tịnh độ, đó cũng là nhân duyên Phật nói kinh này. 6. Định thiện thị quán duyên (定善示觀緣): Đức Phật nói về định thiện (quán môn) do tu 13 pháp quán trước trong Thập lục quán để được sinh về thế giới Cực lạc, đó là nhân duyên Phật nói kinh này.

⁶⁸⁸ Ibid., quyển 2, tr. 252a29.

⁶⁸⁹ Ibid., quyển 4, tr. 278b13.

(c) Hồi hướng phát nguyện tâm: đem tất cả thiện căn đã làm đều hồi hướng nguyện vãng sinh, nên gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.

Đầy đủ ba tâm này thì nhất định được vãng sinh. Nếu thiếu một tâm thì không được vãng sinh, như trong kinh Quán nói đầy đủ, nên biết.⁶⁹⁰

Lại nữa, các vị Bồ Tát đã ra khỏi sinh tử, những thiện pháp đã làm đều hướng cầu Phật quả, tức là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh cho đến cùng tận biên tế thời gian, tức là lợi tha. Thế nhưng, chúng sinh đời nay đều bị phiền não trói buộc, chưa thoát khỏi khổ đau của sinh tử và ba đường ác, phải tùy duyên khởi sự tu tập, tất cả thiện căn đều mau hồi hướng, nguyện vãng sinh quốc độ của Đức Phật A Di Đà. Đến quốc độ kia rồi thì không còn sự sợ hãi. Bốn pháp tu nói trên⁶⁹¹ tự nhiên nhậm vận, tự lợi lợi tha đều được đầy đủ, nên biết.⁶⁹²

(25)

Lại nói:

“Nếu như xả bỏ sự chuyên tâm mà tu tập nghiệp, thì trăm người tu, chỉ có được một hai người vãng sinh, ngàn người tu chỉ có năm ba người vãng sinh. Vì sao? Vì tập duyên loạn động làm mất chánh niệm, vì không tương ưng với bản nguyện của Phật, vì đi ngược với giáo lý, vì không thuận theo lời Phật dạy, vì buộc niệm không tương tục, vì ức tướng có gián đoạn, vì hồi hướng không ân cần chân

⁶⁹⁰ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, tr. 438c03.

⁶⁹¹ Bốn pháp tu là: (1) Cung kính tu, là cung kính lễ bái Đức Phật A Di Đà và tất cả Thánh chúng; (2) Vô dư tu: là chuyên xưng danh hiệu Đức Phật A Di Đà, chuyên niệm chuyên tưởng tất cả Thánh chúng, không xen lẫn nghiệp khác; (3) Vô gián tu: là cung kính lễ bái, xưng danh tán thán, ức niệm quán sát, hồi hướng phát nguyện, bằng tâm tâm tương tục, không cho nghiệp khác làm gián đoạn, không để tham, sân, các phiền não xen vô; (4) Trường thời tu: là ba pháp tu trên lấy trọn đời làm hạn kỳ, thế không ngưng nghỉ tu tập.

⁶⁹² Ibid., tr. 439a19.

thật; vì phiền não, tham sân, chur kiến đến làm gián đoạn, vì không có tâm hổ thẹn sám hối.⁶⁹³ (...)

Sám hối có ba phẩm: thượng, trung, hạ.

Thượng phẩm sám hối, nghĩa là các lỗ chân lông đều rỉ máu, hai mắt cũng rỉ máu. Đây gọi là thượng phẩm sám hối.

Trung phẩm sám hối, nghĩa là toàn thân nóng ran, mồ hôi tiết ra từ các lỗ chân lông, hai mắt rỉ máu. Đây gọi là trung phẩm sám hối.

Hạ phẩm sám hối, nghĩa là toàn thân nóng ran, hai mắt đẫm lệ. Đây gọi là hạ phẩm sám hối.

Ba phẩm này tuy có sự sai khác tức là do người từ lâu đã trồng thiện căn giải thoát phần, khiến cho đời nay kính Pháp, trọng Tăng, không tiếc thân mạng. Cho đến dù một tội nhỏ cũng như pháp sám hối thì có thể thấu tâm thấu tủy. Người nào có thể sám hối như đây, thì không kể lâu mau, bao nhiêu nghiệp chướng nặng nề đều diệt hết. Nếu không như vậy, mặc cho ngày đêm mười hai thời trôi nhanh, [khẩn cầu giải thoát] cuối cùng cũng là vô ích. Người không làm sự sám hối, nên biết: tuy không roi lệ, chảy máu, nhưng chỉ cần thấu đạt được chân tâm, thì cũng như [sự sám hối] đã nói ở trên.⁶⁹⁴”

(26)

Lại nói:

“Hoàn toàn chẳng chiếu nhiếp những người hành tạp nghiệp khác.”⁶⁹⁵

(27)

⁶⁹³ Ibid., tr. 439b19.

⁶⁹⁴ Ibid., tr. 447a14.

⁶⁹⁵ Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn (觀念阿彌陀佛相海三昧功德法門), gọi tắt là Quán Niệm Pháp Môn, No. 1959, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 25b02. Xem Tín Văn Loại, mục (96).

Lại nói:

“Như Lai xuất hiện nơi ngũ trược
Tùy nghi phương tiện độ quần sinh
Hoặc nói nghe nhiều mà được độ
Hoặc nói hiểu ít chứng tam minh
Hoặc dạy phước tuệ cùng trừ chướng
Hoặc dạy thiền niệm ngồi suy lường
Các thứ pháp môn đều giải thoát.”⁶⁹⁶

(28)

Lại nói:

“Muôn kiếp tu công thật khó liền
Một khi phiền não trăm ngàn khoảng
Nếu đợi Ta-bà chứng Pháp nhãn
Sáu đạo trần kiếp chưa biết ngày. (...)
Môn môn chẳng đồng gọi Tiệm giáo
Muôn kiếp khổ hạnh chứng vô sinh
Trọn đời cam kết chuyên niệm Phật
Phút chốc lâm chung Phật đến rước.
Trong một bữa ăn còn cách hờ
Làm sao muôn kiếp chẳng tham sân
Tham sân cản đường đến người trời
Ba ác, bốn thú được an thân.”⁶⁹⁷

⁶⁹⁶ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 435b07.

⁶⁹⁷ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 448c07, tr. 449a09.

(29)

Lại nói:

“Định tán đều hồi nhập nước báu
Tức là Như Lai phương tiện lạ
Vi Đề tức là tướng người nữ
Tham sân đầy đủ phàm phu vị.”⁶⁹⁸

(30)

Luận Chú nói:

“Tướng công đức chân thật: Có hai loại công đức: 1. Từ tâm hữu lậu mà sinh, không thuận pháp tánh, cái gọi là các thiện của phàm phu nhân thiên. Các quả báo của nhân thiên, mặt nhân mặt quả, đều là điên đảo, đều là hư dối, nên gọi là ‘công đức không thật’.”⁶⁹⁹

(31)

An Lạc Tập nói:

“Kinh Đại Tập, phần Nguyệt Tạng có nói: 'Trong thời mạt pháp của Đức Thế Tôn, ức ức chúng sinh khởi hạnh tu đạo, nhưng chưa có một người đắc đạo.' Nay đang thời kỳ mạt pháp, hiện trong ‘ngũ trược ác thế’, chỉ có một môn Tịnh độ là con đường thông suốt để vào đạo.”⁷⁰⁰

(32)

Lại nói:

⁶⁹⁸ Ibid., tr. 455c24.

⁶⁹⁹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kế Chú, quyển thượng, tr. 827c17. Xem Hành Văn Loại, mục (19).

⁷⁰⁰ An Lạc Tập, No. 1958, tr. 13c08.

“[Ở cõi này dùng nhiều thời gian tu thí, giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, mà] chưa mãi một muôn kiếp trở lên, thường không thoát khỏi nhà lửa, điền đảo sa đọa, nên gọi dụng công rất nhiều mà được quả báo đối trá.”⁷⁰¹

(33)

Tuy nhiên, theo Đại Bản⁷⁰², đó là siêu phát ‘nguyện phương tiện’ của chân thật, và theo Quán Kinh, đó là hiển lộ ‘giáo chân thật’ của phương tiện. Còn Tiểu Bản⁷⁰³ chỉ khai mở ‘chân môn’⁷⁰⁴, không có ‘thiện phương tiện’.⁷⁰⁵ Như vậy, ‘chân thật’ trong ba kinh lấy ‘tuyển trạch bản nguyện’ làm tông chỉ. Còn ‘phương tiện’ trong ba kinh tức là ‘tu chư thiện căn’ làm thiết yếu.

⁷⁰¹ Ibid., tr. 18c23.

⁷⁰² Kinh Đại Vô Lượng Thọ.

⁷⁰³ Kinh A Di Đà.

⁷⁰⁴ Theo ngài Thân Loan, Yếu môn (要門) chỉ cho nguyện thứ 19, và Chân môn (真門) chỉ cho nguyện thứ 20. Chân môn trong kinh A Di Đà tức là lấy ý nguyện ‘gieo trồng các đức bản’ làm nguyện, và cũng là ‘Nhất tâm’ (mà luận này đề cập) trong câu “Chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn”. Chân giả nhị môn (真假二門): Chân môn và Giả môn nói gộp lại. Thuật ngữ của Chân tông Nhật Bản dùng để phân giáo. Tức một pháp niệm Phật là Chân môn, còn muôn hạnh thiện khác là Giả môn. Giả môn, là pháp môn Định tán nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, tức Định thiện và Tán thiện thu nhiếp giáo pháp một đời vào môn hồng nguyện niệm Phật phương tiện, đây là ý trong nguyện thứ 19, gọi là Phương tiện giả môn. Chân môn, kinh A di đà nói danh hiệu thiện bản đức bản, tức kinh này bỏ muôn hạnh thiện khác, mà quay về một hạnh niệm Phật, để trừ tâm hoài nghi về tự lực, đây theo ý trong nguyện 20, gọi là Chân môn. Và hai môn này đều hòa nhập vào Tha lực hồng nguyện phương tiện thứ 18.

⁷⁰⁵ Theo Kinh Đại Vô Lượng Thọ, chân thật nằm ở nguyện thứ mười tám, “chí tâm tin ưa, muốn sinh về nước tôi, nhẫn đến mười niệm.” Từ ‘chân thật’ đó mà có ra [Như Lai] phương tiện nguyện’, tức là nguyện thứ 19 và nguyện thứ 20:

"Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát Bồ đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

"Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trồng những cõi công đức, chí tâm hồi hướng muốn sinh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

Sở dĩ các nguyện phương tiện được Đức Phật phát khởi là vì tâm chúng sinh muốn tu các công đức, trồng các đức bản. Thấy được tâm chúng sinh trong việc tu phước trồng đức, nên Đức Phật phát khởi hạnh nguyện, đó là phương tiện. Từ chân thật, nguyện phương tiện được siêu phát. Từ phương tiện, giáo chân thật được hiển lộ. Phương tiện là gì khi đề cập đến khái niệm chân thật và phương tiện? Phương tiện không có nghĩa là không chân thật. Đó là sự phát triển tâm vị tha của chân thật. Đây là ý nghĩa của Đại bi.

Y theo đây mà xét, ‘nguyện phương tiện’ có giả có chân, cũng có hành có tín. Nguyện, chính là nguyện của ‘lâm chung hiện tiền nguyện’⁷⁰⁶. Hành, chính là thiện của ‘tu các công đức’. Tín, chính là tâm của ‘chí tâm, phát nguyện, dục sinh’⁷⁰⁷.

Y theo hành và tín của nguyện ấy, hiển khai ‘phương tiện quyền giả’ của yếu môn Tịnh độ. Từ yếu môn này xuất sinh ba hành: chánh hành, trợ hành và tạp hành.

Đối với chánh hành và trợ hành, có chuyên tu và có tạp tu. Xét căn cơ thì có hai hạng: một là, định cơ; hai là, tán cơ.

Lại có hai thứ ‘ba tâm’, cũng có hai thứ vãng sinh. Hai thứ ‘ba tâm’: một là, ba tâm của định; hai là, ba tâm của tán.⁷⁰⁸ Định tâm và tán tâm là hai tâm khác nhau của tự lợi. Hai thứ vãng sinh: một là, tức vãng sinh; hai là, tiện vãng sinh.⁷⁰⁹ Tiện vãng sinh, chính là thai sinh biên địa, song thọ lâm hạ vãng sinh⁷¹⁰. Tức vãng sinh, chính là Báo độ hóa sinh.

⁷⁰⁶ Lâm chung hiện tiền nguyện (臨終現前願): Cũng gọi Lâm chung nghinh tiếp nguyện, Nhiếp thủ tu đức dục sinh nguyện, Lai nghinh dẫn tiếp nguyện, Thánh chúng lai nghinh nguyện, Hiện kỳ nhân tiền nguyện. Nguyện thứ 19 trong 48 nguyện của đức Phật A Di Đà, tức hành giả niệm Phật, phát tâm bồ đề, tu các công đức, nguyện sinh về Tịnh độ phương Tây, lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà và các Thánh chúng cùng đến trước tiếp dẫn.

⁷⁰⁷ Ba tâm tự lợi của Định thiện và tán thiện.

⁷⁰⁸ Tín tâm của hành giả dứt lo nghĩ và tín tâm của hành giả bỏ ác tu thiện.

⁷⁰⁹ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Bậc Thượng phẩm Thượng sinh: Nếu có chúng sinh nguyện sinh quốc độ kia, phát ba thứ tâm tức liền vãng sinh.” (上品上生者, 若有眾生, 願生彼國者, 發三種心, 即便往生. Thượng phẩm thượng sinh giả, nhược hữu chúng sinh, nguyện sinh bỉ quốc giả, phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sinh.) Tức tiện (即便): tức sử (即使), tóng sử (縱使), dù cho, thậm chí, ngay cả khi. Ở đây, tức tiện là lập tức, tức thì, ngay, liền. Tức và tiện đồng nghĩa. Tức vãng sinh là ‘Nan tư nghị vãng sinh’ của nguyện thứ 18. Tiện vãng sinh là ‘Song thọ lâm hạ vãng sinh’ của nguyện thứ 19.

⁷¹⁰ Song thọ lâm hạ vãng sinh (雙樹林下往生): Dưới rừng Song thọ vãng sinh. Lấy việc hóa thân của Phật Thích Ca nhập Niết-bàn ở rừng Sa-la song thọ để ví dụ về sự vãng sinh cõi Phương tiện hóa độ của Đức Phật A Di Đà, theo lời nguyện thứ 19 của Ngài. Trong Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyện Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán, quyển thượng, Đại sư Thiện Đạo nói có ba cái vui: Nan tư nghị vãng sinh lạc (Khó nghĩ bàn vãng sinh vui), Song thọ lâm hạ vãng sinh lạc (Dưới rừng Song thọ vãng sinh vui) và Nan tư vãng sinh lạc (Khó nghĩ vãng sinh vui). Do Phật lực ‘nan tư nghị’ của nguyện thứ 18 mà có được lợi ích nan tư nghị ‘tất chí diệt độ’ của nguyện thứ 11, nên gọi là Nan tư nghị vãng sinh, còn gọi là Đại Kinh vãng sinh. Y theo nguyện thứ 19, tu tự lực định tán chư hành, được lợi ích sinh về hóa độ Cực Lạc, như hóa thân Phật là Đức Thích Ca ở thành Câu-thi-na, dưới rừng Song lâm mà nhập diệt, nên gọi là Song thọ lâm hạ vãng sinh, còn gọi là Quán Kinh vãng sinh. Y theo nguyện thứ 20, bỏ các hạnh khác, chuyên cần

Trong Quán Kinh, chúng ta cũng thấy khía cạnh của ‘chân thật’. Đó là sự khai mở Kim cương chân tâm, qua đó sự ‘nhiếp thủ bất xả’ của Đức Phật A Di Đà được hiển lộ.

Như vậy, Đức Thích Ca Mâu Ni, bậc Thiện Thệ, giáo hóa chúng sinh trong cõi uế trước này, đã tuyên thuyết nguyện tâm ‘Chí tâm tín lạc’⁷¹¹, vì ‘Tín lạc’ là chánh nhân sinh về Báo độ chân thật. Do đó, Đại Kinh nói rằng ‘Tín lạc’.

Thệ nguyện của Như Lai không bị nghi cái xen lẫn, nên nói là ‘Tín’. Quán Kinh Quán gọi nó là ‘Thâm tín’. Đối chiếu với căn cơ ‘thiền tín’ nên gọi là ‘Thâm tín’. Tiểu Kinh gọi đó là ‘Nhất tâm’. Không có xen lẫn hai loại thực hành nên gọi là ‘Nhất’. Hơn nữa, về ‘Nhất tâm’, có thâm và có thiền. ‘Thâm’, là tâm lợi tha chân thật. ‘Thiền’, là tâm định tán tự lợi.

(34)

Theo ý của Tông sư [Thiền Đạo], nói rằng: “Nương vào tâm để khởi thắng hạnh, ngoài môn có tám muôn bốn ngàn, đốn hay tiệm đều phù hợp căn cơ chúng sinh, những ai tùy duyên tu tập đều được giải thoát.”⁷¹²

Nhưng đối với kẻ phàm ngu thường chìm đắm: định tâm khó tu, vì phải dứt tâm lo nghĩ; tán tâm khó hành, vì phải bỏ ác tu thiện. Vì vậy, ‘lập tướng trụ tâm’⁷¹³

tự lực niệm Phật, được vãng sinh tịnh độ, khoảng năm trăm năm, thai tạng nơi hoa sen, không thấy nghe Tam bảo, nên gọi là Nan tư vãng sinh, còn gọi là A Di Đà Kinh vãng sinh.

⁷¹¹ Nguyện thứ mười tám: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương ‘chí tâm tin ưa’ muốn sanh về nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác”, được gọi là “Chí tâm tín lạc nguyện”, là “Niệm Phật vãng sinh nguyện”, cũng là “Thập niệm tất sinh nguyện”.

⁷¹² Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 1, tr. 246b01.

⁷¹³ Lập tướng trụ tâm (立相住心): Đối lại với Vô tướng ly niệm (無相離念). Chỉ cho Sự quán, tức là kiến lập các tướng tốt đẹp của Phật rồi chú tâm vào đó mà quán tưởng thân Phật và cõi Tịnh độ. Lập tướng là nói về cảnh sở quán. Trụ tâm là nói về tâm năng quán. Đây là pháp môn trọng yếu của Tịnh độ giáo. Đức Phật vì chúng sinh phàm phu đời mạt pháp, mà lập ra tướng sai biệt báo độ, báo thân, v.v... để cho họ an trụ nơi hữu tâm hữu niệm mà quán tưởng cảnh ấy. Quán Kinh, định thiện nghĩa (Đại 37, 267 trung), nói: Môn quán này duy có chỉ phương lập tướng, trụ tâm mà quán cảnh, chứ không nói đến vô tướng ly niệm. Bởi vì đức Như lai đã biết trước, chúng sinh phàm phu ở đời mạt thế ô trược, lập tướng trụ tâm còn khó, huống hồ lìa tướng mà quán cảnh, thì cũng giống như người chẳng biết thuật gì mà muốn làm nhà giữa hư không.

còn khó thành. Cho nên nói, “Dù sống đến ngàn năm, mắt pháp chưa từng mở.”⁷¹⁴ Huống là ‘vô tướng ly niệm’, thực sự khó đạt được. Cho nên nói, “Đức Phật biết trước các phàm phu tội trước trong đời mắt pháp, ‘lập tướng trụ tâm’ còn không thể được, huống chi ly tướng mà cầu sự, giống như người không có phép thuật thần thông mà muốn xây một ngôi nhà giữa hư không.”⁷¹⁵

Nói ‘ngoài môn’ (門餘, môn dư): Môn (門), là bốn muôn tám ngàn giả môn. Ngoài (餘), là biên cả ‘Bản nguyện Nhất thừa’⁷¹⁶.

(35)

Giáo pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy trong suốt cuộc đời của Ngài, nhập Thánh chứng quả ở thế gian này, gọi là Thánh đạo môn⁷¹⁷, cũng được gọi là Nan hành đạo. Trong Thánh đạo môn này, có Đại thừa và Tiểu thừa, Tiệm giáo và đốn giáo; Nhất thừa, Nhị thừa và Tam thừa; Quyền giáo và Thật giáo, Hiển giáo và Mật giáo, Thụ xuất và Thụ siêu, đều là đạo lộ của Tự lực, Lợi tha giáo hóa địa, Phương tiện quyền môn.

Nhập Thánh chứng quả ở Tịnh độ An Dưỡng, gọi là Tịnh độ môn, cũng được gọi là Dị hành đạo. Trong Tịnh độ môn này, có hoành xuất, hoành siêu, giả chân, tiệm đốn, trợ hành, chánh hành, tạp hành, tạp tu, chuyên tu.

Chánh [hành], là năm thứ chánh hành.⁷¹⁸ Trợ [hành], là bốn thứ hành, ngoại trừ xưng danh. Tạp hành, là các hành khác ngoài chánh hành và trợ hành, gọi là tạp

⁷¹⁴ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 266b16.

⁷¹⁵ Ibid., quyển 3, tr. 267b11.

⁷¹⁶ Bản nguyện nhất thừa hải (本願一乘海).

⁷¹⁷ Thánh đạo môn (聖道門): Tịnh độ giáo chia Phật đạo làm hai môn là Thánh đạo môn và Tịnh độ môn. (1) Thánh đạo môn: Người ở thế giới này nhờ vào tự lực tu hành mà ngộ đạo thành Thánh, gọi là Thứ độ nhập Thánh (此土入聖), đó là Thánh đạo môn. (2) Tịnh độ môn: Người nương nhờ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sinh về Tịnh độ mà ngộ đạo, gọi là Bì độ nhập chứng (彼土入證), đó là Tịnh độ môn. Sự phân chia này là căn cứ vào thuyết của ngài Đạo Xước đời Đường được nói trong An Lạc Tập.

⁷¹⁸ Năm thứ chánh hành: đọc tụng, quán sát, lễ bái, xưng danh và tán thán cúng dường.

hành. Đây chính Tự lực giả môn⁷¹⁹, bao gồm hoành xuất, tiệm giáo, định tán, ba phước, tam bối, cửu phẩm. Hoành siêu, là ức niệm bản nguyện, tâm lý tách rời tự lực, đó gọi là Hoành siêu tha lực. Đây tức là chuyên trong chuyên, đốn trong đốn, chân trong chân, Nhất thừa trong các thừa. Đây chính là Chân tông.

Điều này đã nói xong trong Hiển Chân Thật Hành.

(36)

Khái niệm ‘Tạp hành’ và ‘Tạp tu’ là một, nhưng có ý nghĩa khác nhau.

Tạp, là nắm lấy và đi vào muôn hành. Ngược lại với năm thứ chánh hành, có năm thứ tạp hành⁷²⁰.

Tạp, là xen tạp những kiến giải và thực hành thuộc về nhân loại, chư thiên và Bồ-tát [mà nguyện sinh về Tịnh độ Cực Lạc].

Tạp hành vốn không phải nhân tố vãng sinh, chỉ là thiện hành ‘hồi tâm hồi hướng’⁷²¹, cho nên được gọi là ‘Tạp hành của Tịnh độ’.

Lại nữa, tạp hành có chuyên hành và chuyên tâm. Lại có, tạp hành có tạp tâm.

⁷¹⁹ Theo giáo nghĩa của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, Giả môn còn gọi là Bất hành niệm Phật pháp môn. Bằng tự lực tu các công đức mà vãng sinh, thì gọi là Giả môn. Trong nguyện thứ 19 có nói rằng, nếu người nào ngoài niệm Phật mà tu các hành, các thiện, muốn vãng sinh Cực Lạc, thì lúc lâm chung, Phật sẽ đến nghinh tiếp. Giả môn bắt nguồn từ pháp Định tán yếu môn đã nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, cũng tức là lấy Định tán nhiếp hết giáo pháp một đời của Phật, để nhập vào phương tiện thiện của Hoàng nguyện niệm Phật yếu môn. Y cứ nguyện thứ 19 mà thiết lập Phương tiện giả môn.

⁷²⁰ Ngũ tạp hành (五雜行): Năm thứ tạp hành đối lạ năm thứ chánh hành cho sự vãng sinh Tịnh độ Cực Lạc. Đó là: (1) Đọc tụng tạp hành: Ngoài việc đọc tụng các kinh thuộc Tịnh độ giáo như: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà để cầu vãng sinh, còn thọ trì đọc tụng tất cả kinh Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo, Mật giáo. (2) Quán sát tạp hành: Ngoài việc suy tư, quán tưởng, nhớ nghĩ về chánh báo, y báo trang nghiêm của cõi Tịnh độ Cực Lạc, còn quán xét tất cả sự lý của Đại Tiểu thừa và Hiển Mật giáo. (3) Lễ bái tạp hành: Ngoài việc lễ lạy đức Phật A Di Đà, còn lễ lạy tất cả Phật, Bồ tát và chư thiên. (4) Xưng danh tạp hành: Ngoài việc niệm danh hiệu của Phật A Di Đà, còn niệm danh hiệu của tất cả Phật, Bồ tát và chư thiên. (5) Tán thán cúng dường tạp hành: Ngoài việc ngợi khen cúng dường Phật A Di Đà, còn ngợi khen tất cả Phật, Bồ tát và chư thiên.

⁷²¹ Hồi tâm (迴心), theo nghĩa đen là xoay chuyển tâm trí của một người, để chuyển mục tiêu cuộc sống trước đây của một người thành một mục tiêu mới. Ngài Thân Loan không thường xuyên sử dụng từ ‘hồi tâm’, nhưng sử dụng nó như một từ đồng nghĩa với ‘tự lực’. Ngu Ngốc Sao (愚禿鈔), No. 2648, Thân Loan nói: “Nhất thừa viên mãn cơ tha lực, Tiệm giáo hồi tâm cơ tự lực.” (一乘圓滿機他力, 漸教迴心機自力).

Chuyên hành: chuyên tu một thiện pháp, nên gọi là chuyên hành.

Chuyên tâm: chuyên hồi hướng, nên gọi là chuyên tâm.

Tạp hành và tạp tâm: chur thiện kiêm hành, nên gọi là tạp hành. Định tâm và tán tâm xen lẫn, nên gọi là tạp tâm.

Về chánh trợ, có chuyên tu và tạp tu.

Về tạp tu, có chuyên tâm và tạp tâm.

Về chuyên tu, có hai thứ: một là, chỉ xưng danh hiệu Phật; hai là, có năm chuyên.

Về hành nghiệp, có chuyên tâm và tạp tâm.

Năm chuyên là: một chuyên lễ bái, hai chuyên đọc tụng, ba chuyên quán sát, bốn chuyên xưng danh, năm chuyên tán thán, đây gọi là năm chuyên tu.

Khái niệm ‘chuyên tu’ có một, nhưng có ý nghĩa khác nhau, tức là có định chuyên tu và có tán chuyên tu.

Chuyên tâm: là chuyên năm chánh hành mà không có hai tâm, nên gọi là chuyên tâm. Đây tức là định chuyên tâm, và cũng là tán chuyên tâm.

Tạp tu: trợ và chánh kiêm hành, nên gọi là tạp tu.

Tạp tâm: định tâm và tán tâm xen lẫn, nên gọi là tạp tâm.

Nên biết những điều này.

Đối với tất cả các hành của Tịnh độ, hòa thượng Đạo Xước gọi là ‘Vạn hành’⁷²², hòa thượng Thiện Đạo gọi là ‘Tạp hành’, thiền sư Hoài Cảm gọi là ‘Chư hành’⁷²³. [Trong việc sử dụng những thuật ngữ này,] hòa thượng Nguyên Tín y theo thiền sư Hoài Cảm, Thánh nhân Nguyên Không y theo hòa thượng Thiện Đạo.

Y cứ các bậc thầy về Kinh và các bậc thầy về Luận, trong tạp hành có ‘tạp hành tạp tâm’, ‘tạp hành chuyên tâm’ và ‘chuyên hành tạp tâm’. Và trong chánh

⁷²² An Lạc Tập: “Người tu muôn hạnh hồi hướng đều được vãng sinh.” “Một khi được vãng sinh thì ba học (giới, định, tuệ) tự nhiên thắng tiến, muôn hạnh đều đầy đủ.”

⁷²³ Tịnh Độ Quán Nghi Luận: “Còn tu các hành vãng sinh Tây phương, tuy có Thánh ngôn, nhưng kinh văn nói ít, niệm Phật được vãng sinh, thì giáo đó rất nhiều.”

hành có ‘chuyên tu chuyên tâm’, ‘chuyên tu tạp tâm’ và ‘tạp tu tạp tâm’. Đây đều là nghiệp nhân của Biên địa thai cung và Giải mạn giới, cho nên tuy sinh Cực Lạc mà không thấy Tam bảo, ánh sáng tâm Phật không chiếu soi và nhiếp thủ hành giả tu tạp nghiệp. Thệ nguyện ‘Giả lệnh’⁷²⁴ thật là thâm sâu biết bao!⁷²⁵ Giáo lý của Giả môn và thích nghĩa về Hân mộ [Cực Lạc] càng thêm sáng tỏ.

Ba tâm của ba kinh, theo Hiển nghĩa, chúng khác nhau; theo Ẩn nghĩa, chúng là một. Nghĩa ‘ba tâm là một hay khác’ đã trả lời xong.

(37)

Lại hỏi: ‘Ba tâm’ trong Đại Bản và Quán Kinh cùng với ‘nhất tâm’ trong Tiểu bản thì là một hay khác?

Đáp: Nay nói về thệ nguyện của ‘Phương tiện chân môn’⁷²⁶, có hành, có tín, cũng có chân thật, có phương tiện. Nguyện, chính là nguyện ‘thực chư đức bản’⁷²⁷.

⁷²⁴ Chỉ cho nguyện thứ 19, còn gọi là Lai nghinh dẫn tiếp nguyện: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh phát Bồ đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về cõi tôi, khi mạng sắp hết, nếu như tôi chẳng cùng đại chúng vây quanh, hiện ra trước mặt người ấy, chẳng giữ lấy Chánh giác.” (Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh phát bồ đề tâm tu chư công đức, chí tâm phát nguyện dục sanh ngã quốc, lâm thọ chung thời, giả lệnh bất dữ đại chúng vi nhiều hiện kỳ nhân tiền giả, bất thủ chánh giác. 設我得佛, 十方衆生發菩提心修諸功德, 至心發願欲生我國, 臨壽終時, 假令不與大衆圍遶現其人前者, 不取正覺.)

⁷²⁵ Tam nguyện chuyển nhập (三願轉入): Chuyển dần đến 3 nguyện. Đây là giáo nghĩa của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản. Tông này chủ trương từ Phương tiện giáo (phương tiện dẫn đến chân thật) đến Chân thật giáo là quá trình tín ngưỡng từ nguyện thứ 19 (yếu môn) trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà tiến đến nguyện thứ 20 (chân môn), rồi sau lại chuyển tiến đến nguyện thứ 18 (hoàng nguyện). Tức là: Trước hết, xả bỏ Thánh đạo giáo, nguyện sinh Tịnh độ (nguyện thứ 19); kế đến, xả bỏ các hạnh để chuyên tu niệm Phật (nguyện thứ 20); cuối cùng, quyết lìa bỏ tâm tự lực mà nương tựa vào nguyện tâm tha lực (nguyện thứ 18). Tam nguyện chuyển nhập bắt nguồn từ thuyết Hóa thân độ trong Giáo Hành Tín Chứng của ngài Thân Loan. Ngài Thân loan trình bày quá trình nhập tín của chính mình là từ nguyện thứ 19 qua nguyện thứ 20 mà chuyển vào nguyện thứ 18. Nhưng đối với Chân tông, vấn đề tín ngưỡng giáo chân thật có cần phải trải qua tiến trình Tam nguyện chuyển nhập hay không thì có nhiều thuyết khác nhau.

⁷²⁶ Phương tiện chân môn (方便眞門): Đây là pháp môn Tịnh độ vãng sinh thông qua sự ‘Tự lực niệm Phật’ mà dựa trên nguyện thứ 20 và Kinh A Di Đà. Về pháp, nó là Tha lực chân thật; về cơ, nó là Tự lực chứ không phải chân thật; cho nên gọi là chân môn, thay vì gọi là chân thật.

⁷²⁷ Nguyện thứ 20: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trồng những cội công đức, chí tâm hồi hướng muốn sanh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác.” (設我得佛, 十方衆生聞我名號, 係念我國, 殖諸德本, 至心迴向欲生我國, 不果遂者, 不取正覺. 設我成佛, 十方衆生聞我名號, 係念我國, 殖諸德本, 至心迴向欲生我國, 不果遂者, 不取正覺. 設我成佛, 十方衆生聞我名號, 係念我國, 殖諸德本, 至心迴向欲生我國, 不果遂者, 不取正覺. 設我成佛, 十方衆生聞我名號, 係念我國, 殖諸德本, 至心迴向欲生我國, 不果遂者, 不取正覺.)

Hành, ở đây có hai thứ: một là, thiện bản; hai là, đức bản. Tín, là cái tâm ‘chí tâm hồi hướng dục sinh’.

Nói về căn cơ, có định cơ và tán cơ.

Vãng sinh: Đây là ‘Nan tư vãng sinh’⁷²⁸.

Phật: Là Hóa thân.

Độ: Chính là Nghi thành thai cung.

Bằng cách lấy Quán Kinh làm mẫu mực, chúng ta biết rằng Kinh này (Tiểu kinh) cũng nên có cái nghĩa ‘Hiện chương ẩn mật’.

Về nghĩa ‘Hiện thuyết’, các bậc thầy về Kinh chê trách ‘tất cả các hành thiếu thiện’, khai thị ‘Chân môn của thiện bản đức bản’, cổ võ ‘tự lợi nhất tâm’, khích lệ ‘Nan tư vãng sinh’. Đó là theo Kinh dạy, “Đa thiện căn, đa công đức, đa phước đức nhân duyên”⁷²⁹. Giải thích rằng, “Chín phẩm đều về được bất thối.”⁷³⁰ Hoặc

⁷²⁸ Y theo nguyện thứ 20, bỏ các hạnh khác, chuyên cần tự lực niệm Phật, được vãng sinh tịnh độ, khoảng năm trăm năm, thai tạng nơi hoa sen, không thấy nghe Tam bảo, nên gọi là Nan tư vãng sinh, còn gọi là A Di Đà Kinh vãng sinh.

⁷²⁹ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ (佛說阿彌陀經義疏), No. 1761, do ngài Nguyên Chiếu thuật, tr. 361c01: “Do Đức Như Lai muốn nói về công đức trì danh, chê trách các điều thiện khác đều là ít thiện căn. Các việc bố thí, trì giới, xây chùa, đúc tượng, ngồi thiền, lễ tụng, sám niệm, khổ hạnh tất cả phước nghiệp, nếu không có chánh tín hồi hướng nguyện cầu, đều là thiện nhỏ, không phải nhân vãng sinh. Nếu y theo Kinh này, chấp trì danh hiệu thì chắc chắn được vãng sinh, vì biết xưng danh là nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Xưa giải thích điều này, mọi người còn do dự không quyết. Gần đây Tương Dương có bản kinh khắc trong bia đá, văn lý sâu xa phù hợp với căn cơ chúng sinh nên chúng sinh mới có tâm tin sâu. Bản Kinh đó chép: ‘Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói Đức Phật A Di Đà, mà nhất tâm bất loạn, chuyên trì danh hiệu, do xưng danh nên các tội tiêu diệt, tức là nhiều công đức, nhiều thiện căn, nhiều phước đức nhân duyên.’ (善男子, 善女人, 聞說阿彌陀佛, 一心不亂, 專持名號, 以稱名故, 諸罪消滅, 即是多功德, 多善根, 多福德因緣.)” Nhưng theo A Di Đà Kinh Sớ Sao (阿彌陀經疏鈔), Đại sư Vân Khê Châu Hoằng cho rằng 21 chữ trong bản khắc đá ở Tương Dương chỉ là lời giải thích kinh của tiền nhân, bị đưa nhầm thành chánh văn. (X22n0424, tr. 664b14)

Thạch khắc A Di Đà Kinh (石刻阿彌陀經): Kinh A Di Đà được khắc trên đá. Tức chỉ cho tấm bia trên đó có khắc kinh A Di Đà. Nổi tiếng nhất là tấm bia khắc Kinh A Di Đà dựng ở chùa Long Hưng, huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, người đời gọi là Tương Dương thạch kinh. Cứ theo điều A Di Đà Kinh thoát văn (阿彌陀經脫文條) trong Long Thư Tăng Quảng Tịnh Độ Văn, quyển 1 (Vạn Tục 107, 371 hạ) ghi: “Thạch khắc A Di Đà Kinh ở Tương Dương, do Trần Nhân Lăng ở đời Tùy viết chữ, nét chữ thanh thoát, mềm mại ai cũng ngắm nhìn. Từ ‘Nhất tâm bất loạn’ trở xuống có câu, ‘Chuyên xưng danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn phước đức nhân duyên.’ Bản lưu truyền đời nay bỏ mất 21 chữ này.” A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ Văn Trì Ký, quyển hạ (Vạn tục 33, 135 hạ) cũng nói: Triều tán lang Trần Nhân Lăng viết bia ở chùa Long Hưng tại Tương Châu; Bản triều điện soạn Lý Công, húy Hữu Văn, tự Quý Ích, từng làm quan ở đó, đem kinh Thạch khắc A Di Đà về Tiên Đường. Sớ chủ (Nguyên Chiếu) được bản kinh ấy vui mừng khôn xiết, liền khắc vào đá dựng ở phía sau Linh Chi đại điện, về sau bị thiêu hủy trong binh lửa, đáng buồn thay! Suy lại đời Lương, Trần cách đời Tấn chưa xa, có thể nghiệm biết được sự thật.

nói, “Không bằng niệm Phật đến Tây phương, ... Ba niệm năm niệm Phật đến đốn.”⁷³¹ Đây là Hiển nghĩa của kinh này, là phương tiện của chân môn.

Về nghĩa ‘Ẩn chương’, kinh mở bày ‘cái pháp khó tin’ của chân thật. Đây là làm cho rạn vỡ biển cả ‘bất khả tư nghị nguyện’, muốn đưa chúng sinh trở về biển cả ‘vô ngại đại tín tâm’. Quả thật, khuyên bảo thì hằng sa khuyên bảo, tin tưởng thì hằng sa tin tưởng, nên nói ‘rất khó’⁷³². Giải thích rằng, “Thực là Di Đà hồng thệ lớn, Làm cho phàm phu niệm liền sinh.” Ở đây là triển khai nghĩa ‘Ẩn chương’.

Kinh nói ‘Chấp trì’, cũng nói ‘Nhất tâm’. Chấp, nghĩa là cái tâm vững chãi và không chuyển đổi. Trì, nghĩa là không tán loạn, không quên mất. Nhất, nghĩa là ‘không hai’. Tâm, nghĩa là chân thật.

Trong Đại thừa tu-đa-la, kinh ấy là thể loại kinh ‘vô vấn tự thuyết’. Như vậy, lý do Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai xuất hiện ở thế gian và chánh ý hằng sa chư Phật chứng thành cùng hộ niệm, nằm ở kinh này.

Theo đó, các vị Đại sĩ tứ y truyền kinh⁷³³, cũng như các vị Tông sư Tịnh độ Tam quốc, hướng dẫn những kẻ tà ngộ của thế giới uế trược bằng cách khai mở cho họ Chân tông niệm Phật.

Căn cứ vào đây thì biết đời Tùy có Trần Nhân Lăng khắc kinh A Di Đà trên mặt bia, dựng ở chùa Long Hưng tại Tương Dương tỉnh Hồ Bắc; ngài Nguyên Chiêu đời Tống phỏng theo đó mà khắc lại, dựng ở phía sau điện Phật của chùa Sùng Phúc tại Linh Chi. Hiện nay, trong khuôn viên của Tôn tượng thần xã ở nước Trúc Tiên, Nhật Bản, cũng còn có bia kinh giống như vậy.

⁷³⁰ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 433b06: “Ta-bà cực khổ chẳng chỗ sinh, Cực Lạc vô vi thật là tinh. Chín phẩm đều về được bất thối, A-bệ-bạt-trí tức vô sinh, chẳng cứ sơ sinh không hạn cực, mười địa trở xuống kiếp khó cùng.”

⁷³¹ Ibid., quyển hạ, tr. 435b09: “Các thứ pháp môn đều giải thoát, không bằng niệm Phật đến Tây phương, Trọn cả một đời đến mười niệm, ba niệm năm niệm Phật đến đốn, Thực là Di Đà hồng thệ lớn, Làm cho phàm phu niệm liền sinh.”

⁷³² Kinh A Di Đà: “Xá-lợi-phất, các người nên biết, Như Lai đã ở trong thời kỳ dữ dội đầy cả năm thứ vấn đực mà làm việc khó làm, ấy là thực hiện tuệ giác vô thượng, lại nói cho cả thế giới cái pháp rất khó tin này thì đó là việc rất khó.”

⁷³³ Nhân tứ y (人四依): Cũng gọi là Tứ y Đại sĩ, Tứ y Bồ-tát. Bốn hạng người được nhân thiên nương tựa: 1. Người đủ phiền não tánh: Bạc Tam hiền và Tứ thiện căn. 2. Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm: Người chứng được quả Dự lưu, hoặc người chứng được quả Nhất lai. 3. A-na-hàm: Người chứng quả Bất hoàn. 4. A-la-hán: Bạc thánh chứng quả

Đại cương của ba kinh, tuy có cái nghĩa ‘Hiển chương ẩn mật’, nhưng mỗi bộ kinh đều lấy ‘tín tâm’ làm cơ sở để đi vào [giáo pháp]. Do đó, mỗi bộ kinh đều mở đầu bằng câu: “Nhu thị [ngã văn]...”

Nhu thị, là hình thái của ‘thiện tín’. Suy ngẫm về ba bộ kinh, tôi thấy rằng tất cả đều dạy, ‘Kim cương chân tâm’ là điều thiết yếu nhất. Chân tâm tức là Đại tín tâm. Đại tín tâm là hy hữu, tối thắng, chân thật và thanh tịnh. Vì sao? Biền cả ‘đại tín tâm’ vô cùng khó vào, vì từ Phật lực mà được phát khởi; Lạc bang chân thật cực kỳ dễ đến, vì nhờ nguyện lực mà liền vãng sinh.

Bây giờ, tôi sắp bàn về nghĩa ‘Nhất tâm là một hay khác’, và đây chính là điều tôi muốn nói. Nghĩa ‘Nhất tâm’ đã trả lời xong.

(38)

Người xuất gia và người tại gia của thế giới uế trược này nên nhanh chóng bước vào ‘Chân môn viên tu chí đức’⁷³⁴ và phát nguyện ‘Nan tư vãng sinh’.

Vô sinh. Bậc nội chứng Bồ-tát Đại thừa mà ngoại hiện tướng Thanh văn, truyền pháp hóa nhân. Niết Bàn Luận, ngài Thiên Thân cho Sơ địa là sơ y, địa thứ bảy và tám là nhị y, địa thứ tám và 8 là tam y, địa thứ mười là tứ y. Theo Thiên Thai Pháp Hoa Huyền Nghĩa, trước Ngũ thông địa là sơ y, sơ địa đến địa thứ năm là nhị y, địa thứ sáu và bảy là tam y; địa thứ tám, chín và mười là tứ y (là y Biệt giáo). Lại ngũ phẩm lục căn là sơ y, thập trú là nhị y; Thập hạnh và thập hồi hướng là tam y, Thập địa và Đẳng giác là tứ y (là y Viên giáo). Lại Di Lạc Thượng Sinh Sớ, quyển thượng, ngài Khuy Cơ cho rằng, trước Thập địa là sơ y, sơ địa đến địa thứ sáu là nhị y, địa thứ bảy, tám và chín là tam y, địa thứ mười là tứ y.

⁷³⁴ Đây là từ yếu môn (nguyện thứ 19) đi vào chân môn (nguyện thứ 20). Chí đức là danh hiệu và bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Nguyện thứ 20 còn gọi là Nhiếp thủ văn danh dục sinh nguyện, Nhiếp hạ phẩm nguyện, Văn danh hệ niệm tu phúc tức sinh nguyện, Chí tâm hồi hướng nguyện, Dục sinh quả toại nguyện. Tịnh Độ Hòa Tán (淨土和讚) nói: “Người định tán tự lực xưng danh, Chỉ quay về Bất quả toại nguyện, Dù không chỉ dạy mà tự nhiên, Sẽ được chuyển nhập chân như môn.” Nguyện thứ 20 dành cho những ai đã từ bỏ nguyện thứ 19 và đang tu tập pháp môn niệm Phật, nhưng chưa lia tâm tự tại, và những ai muốn nhờ công đức niệm Phật mà được vãng sinh. Nói cách khác, đó là thế nguyện cho những ai không biết rằng Đức Phật đã ban cho họ ước muốn niệm Phật, và những ai cố gắng hướng tâm niệm Phật của mình về Tịnh độ. Tâm hồi hướng công đức xưng danh gọi là tâm chí thành chân thật, và nguyện vãng sinh Tịnh độ là dựa vào tâm ấy. Lòng đại bi của Như Lai là phương tiện mời gọi hành giả tự lực, nhờ đó hành giả phát khởi tâm chí thành chân thật hướng về Phật. Đó là tự lực bên trong tha lực. Theo cách này, chấp trì danh hiệu được gọi là cội nguồn của thiện pháp (thiện bản) và cội nguồn của công đức (đức bản). Dựa trên nguyện thứ 20, Kinh A Di Đà khai thuyết cho sự tự lực niệm Phật và khuyến khích niệm Phật xưng danh theo bản nguyện Nhất thừa của Đức Phật.

Về phương tiện của chân môn, có thiện bản và đức bản, còn có định chuyên tâm, còn có tán chuyên tâm, còn có định tán tạp tâm.

Tạp tâm: phạm Thánh – dù là Đại thừa hay Tiểu thừa, tất cả [chúng sinh] thiện ác mà xung niệm danh hiệu với cái tâm xen tạp trợ nghiệp⁷³⁵ và chánh định nghiệp⁷³⁶, bởi vì, giáo là đốn, mà căn là tiệm cơ; hành thì chuyên, mà tâm thì xen tạp, nên gọi là Tạp tâm.

Định chuyên tâm hay tán chuyên tâm mà nguyện cầu bản nguyện lực bằng cái tâm tin tội phước, đó gọi là Tự lực chuyên tâm.⁷³⁷

Thiện bản: là gia danh của Như Lai. Gia danh ấy là vạn đức viên bị, là căn bản của tất cả thiện pháp, nên gọi là Thiện bản.

Đức bản: là đức hiệu của Như Lai. Đức hiệu ấy mà xung niệm một tiếng thì chí chí đức thành mãn, các tội lỗi đều chuyển hóa, là căn bản của đức hiệu [chư Phật] mười phương ba đời, nên gọi là Đức bản.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khai diễn ‘công đức tạng’⁷³⁸ để khuyến hóa chúng sinh trực thể ở mười phương. A Di Đà Như Lai vốn phát thệ nguyện ‘Quả toại’ để từ bi tiếp dẫn biển cả ‘chư hữu quần sinh’⁷³⁹.

⁷³⁵ Trợ nghiệp: bốn trong năm chánh hành: đọc tụng, lễ bái, quán sát và tán thán cúng dường.

⁷³⁶ Chánh định nghiệp: một trong năm chánh hành: xưng danh.

⁷³⁷ Đại Kinh nói: “Đức Phật dạy: Này A-dật-đa! Nếu có chúng sinh, với tâm nghi hoặc mà tu các công đức, nguyện sinh về nước kia, thì là không hiểu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Với những trí ấy nghi hoặc chẳng tin, nhưng còn biết tin tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sinh về nước An Lạc. Chúng sinh ấy sinh về nước An Lạc, ở trong cung điện kia, thọ năm trăm tuổi, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ-tát và Thánh chúng Thanh văn. Vì thế nên quốc độ kia gọi là thai sinh.”

⁷³⁸ Công đức tạng (功德藏): chỉ cho thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Như Kinh Đại Thừa Đà La Ni Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai, No. 937, có nói: “Khi ấy Thế Tôn bảo Đại tuệ Diệu Cát Tường Bồ-tát rằng: Các ông hãy lắng nghe! Từ đây về hướng Tây của Nam Diêm-phù-đề, vượt qua vô lượng cõi Phật, có một thế giới tên là Vô Lượng Công Đức Tạng. Quốc độ ấy mỹ lệ, trang nghiêm bằng các chất liệu quý báu, thanh tịnh thù thắng, an ổn vui sướng, vi diệu đệ nhất, vượt hơn các thế giới ở mười phương. Thế Giới Vô Lượng Công Đức Tạng ấy có Đức Phật hiệu là Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hiện nay vẫn còn ở thế giới ấy và khởi đại bi tâm vì chúng sinh mà diễn thuyết diệu pháp, khiến họ được lợi ích an lạc thù thắng.”

⁷³⁹ Chư hữu quần sinh hải (諸有群生海).

Đại nguyện từ bi đã có rồi, đó là ‘Thực chư đức bản nguyện’, còn gọi là ‘Hệ niệm định sinh nguyện’, còn gọi là ‘Bất quả toại giả nguyện’, cũng có thể gọi là ‘Chí tâm hồi hướng nguyện’.⁷⁴⁰

(39)

Trong Đại Kinh, Lời nguyện được nêu rõ:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi⁷⁴¹, trông những tội công đức, chí tâm hồi hướng muốn sinh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

(40)

Lại nói:

“Với những trí ấy nghi hoặc chẳng tin, nhưng còn biết tin tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sinh về nước An Lạc. Chúng sinh ấy sinh về nước An Lạc, ở trong cung điện kia.”

(41)

Lại nói:

*“Người nào không thiện bản
Chẳng được nghe kinh này
Người có giới thanh tịnh
Mới được nghe chánh pháp.”*

⁷⁴⁰ Nguyện thứ 20: Thực chư đức bản nguyện (植諸德本願, Nguyện Trồng các đức bản), Hệ niệm định sinh nguyện (繫念定生願, Nguyện Buộc niệm chắc được sinh), Bất quả toại giả nguyện (不果遂者願, Nguyện Chẳng được thỏa nguyện), Chí tâm hồi hướng nguyện (至心回向願, Nguyện Chí tâm hồi hướng).

⁷⁴¹ Chánh văn là hệ niệm ngã quốc (係念我國), là buộc sự nhớ nghĩ của mình vào Tịnh độ Cực Lạc mà không nhớ nghĩ gì khác, đầu gì khác đó là tốt hay xấu.

(42)

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở vô lượng quốc độ, nghe nói danh hiệu của tôi, đem thiện căn của mình hồi hướng Cực Lạc, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Bồ-đề.”

(43)

Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói:

“Người không có công đức ấy
Không được nghe tên kinh này
Chỉ người có giới thanh tịnh
Mới đến nghe chánh pháp này. (...)
Ác, kiêu mạn và giải đãi
Khó tin đối với pháp này
Ai từng gặp Phật đời trước
Ưa lắng nghe lời Thế Tôn. (...)
Khó thay làm được thân người
Phật tại thế càng khó gặp
Có tin tuệ chưa thể đạt
Nếu nghe thấy tinh tiến cầu.”⁷⁴²

(44)

Quán Kinh nói:

⁷⁴² Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác (佛說無量清淨平等覺經), No. 361, Chi-lâu-ca-sấm dịch, tr. 288c10.

“Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Này A-nan! Ông phải trì lời này cho tốt. Người trì lời này tức là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật.”

(45)

Kinh A Di Đà nói:

“Không thể chỉ đem chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sinh về cõi đó. [Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào] nghe nói đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của Ngài.”

(46)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Các hạnh khác tuy cũng gọi là thiện, nhưng so với hạnh Niệm Phật thì hoàn toàn không thể so sánh. Thế nên trong các kinh, mọi chỗ đều khen ngợi về công năng Niệm Phật. Như bốn mươi tám lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ nói chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật thì được sinh. Lại như kinh A Di Đà nói, chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, thì được sinh. Lại nữa, hằng hà sa số chư Phật trong mười phương chứng minh lời nói thành thật không hư dối. Lại nữa, trong đoạn văn ‘định thiện và tán thiện’ của kinh này (Quán Kinh)⁷⁴³, chỉ nêu chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật thì được sinh. Do đó, kinh nói về hạnh Niệm Phật chẳng phải chỉ có một. Nói rộng về Niệm Phật tam-muội xong.”⁷⁴⁴

⁷⁴³ Định thiện là 13 pháp quán, trong đó nổi bật nhất là pháp quán thứ 9 về quang minh của Đức Phật A Di Đà: “Quang minh chiếu khắp thập phương thế giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót.” Với 3 quán sau, dùng cái tâm tán loạn để tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm nên gọi là tán thiện. Nói ‘xưng danh’ thì chắc chắn nó ở trong định thiện và tán thiện. Đoạn lưu thông ở cuối kinh, Đức Phật ân cần dạy bảo tôn giả A-nan hoằng truyền pháp môn Niệm Phật: “Này A-nan! Người phải trì lời này cho tốt. Người trì lời này tức là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật.”

⁷⁴⁴ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, quyển 3, tr. 268a13.

(47)

Lại nói:

“Lại nữa, thâm tín là xác quyết rằng, kinh A Di Đà có nói, hằng hà sa số các Đức Phật ở mười phương đã chứng thật và khuyến khích tất cả phàm phu quyết định được sinh. (...)

Ngôn hạnh của Chư Phật không bao giờ trái ngược nhau. Giả sử hôm nay Đức Thích Ca dạy khuyên: “Tất cả các phàm phu, trọn một đời này, chuyên niệm chuyên tu, sau khi xả mạng, chắc sinh nước kia”, thì chư Phật mười phương cũng đồng khen ngợi, đồng khuyến khích, đồng chứng thật. Vì sao? Vì là đồng thể đại bi. Một Phật giáo hóa tức là tất cả Phật giáo hóa. Tất cả Phật giáo hóa tức là một Phật giáo hóa. Ngay trong kinh A Di Đà có nói: ‘Đức Phật Thích Ca khen ngợi các thứ trang nghiêm ở quốc độ Cực Lạc, lại khuyên tất cả phàm phu, một ngày hoặc bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, thì chắc được vãng sinh.’ Đoạn văn tiếp theo nói: ‘Hằng hà sa số chư Phật ở mười phương đều khen ngợi Đức Thích Ca ở trong thời kỳ đầy cả năm thứ ác trược: thế giới độc ác, chúng sinh độc ác, kiến thức độc ác, phiền não độc ác, thời kỳ thịnh hành tà ác và không có đức tin,⁷⁴⁵ lại có thể chỉ dạy và khen ngợi danh hiệu Đức Phật A Di Đà,

⁷⁴⁵ Lục ác (六惡): Chỉ cho sáu cái ác: Ác thời, Ác thế giới, Ác chúng sinh, Ác kiến, Ác phiền não, Ác tà vô tín thịnh thời. 1. Ác thời (惡時): Thời kỳ ác độc, chỉ cho ngũ trược ác thế (五濁惡世), và ở đây được hiểu là kiếp trược, tức thời kỳ vẫn đục đầy năm thứ ác độc sau đây. 2. Ác thế giới (惡世界): Thế giới độc ác, tức thế giới Ta-bà. 3. Ác chúng sinh (惡眾生): Chúng sinh độc ác, tức chúng sinh trược trong ngũ ác trược, nghĩa là do cái thấy vẫn đục (kiến trược), phiền não vẫn đục (phiền não trược) mà sinh ra tâm lý độc ác, tư tưởng độc ác, phiền não độc ác. 4. Ác kiến (惡見): Tức là kiến trược, tức kiến thức sai lầm, lấy năm lợi sử như thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến làm thể. 5. Ác phiền não (惡煩惱): Phiền não vẫn đục, là tâm lý độc ác, tức do duyên theo cảnh ngũ dục mà khởi các phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, v.v... 6. Ác tà vô tín thịnh thời (惡邪無信盛時): Thời kỳ trong đó những điều gian tà, độc ác, vô cảm, không có đức tin thịnh hành - từ gọi chung khi cường độ của năm trược tăng lên kịch liệt.

Tạp A-hàm, kinh Pháp Tướng Hoại, số 906: "Phật bảo: Đúng vậy, Ca-diếp, vì mạng trược, phiền não trược, kiếp trược, chúng sanh trược, kiến trược và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập." (Thích Đức Thắng dịch)

Kinh A Di Đà: "Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể làm được việc rất khó và hiếm có, ấy là ở trong quốc độ Ta-bà, vào thời kỳ đầy đầy năm thứ uế trược là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược và mạng trược

khuyến khích chúng sinh xưng niệm thì nhất định được vãng sinh.’ Đây là lời chứng thật của chư Phật mười phương.

Lại nữa, chư Phật mười phương sợ rằng chúng sinh không tin lời Đức Phật Thích Ca nói, nên các Ngài cùng đồng tâm, đồng thời, đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp Đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: “Chúng sinh các vị, nên tin tưởng những lời Đức Thích Ca đã nói, khen ngợi và chứng thật: ‘Tất cả phàm phu, không kể tội phước nhiều ít, thời gian xa gần, có thể suốt một trăm năm, thậm chí một ngày hoặc bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, thì chắc được vãng sinh, quyết không nghi ngờ’.” Thế nên, một Đức Phật nói ra thì tất cả Đức Phật đồng làm chứng cho lời thành thật ấy. Đây gọi là ‘tự nhân lập tín’^{746 747,748}.

(48)

Lại nói:

“Nhưng xét thâm ý của Phật nguyện, chỉ khuyên ‘chánh niệm xưng danh’, nghĩa ‘vãng sinh’ là gấp rút, không đồng với nghiệp ‘tạp tán’. Như kinh này và trong các bộ kinh, chỗ nào cũng rộng khen ngợi và khuyên dạy xưng danh được lợi ích thiết thực, nên biết.”⁷⁴⁹

mà Ngài có thể chứng đắc được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại nói cho cả thế giới cái pháp rất khó tin này thì đó là việc rất khó.”

⁷⁴⁶ Tự nhân lập tín (就人立信): Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca và các Đức Phật trong mười phương đều là người, là lấy con người để lập tín tâm. Chính Đức Phật A Di Đà nói, Ngài thành tựu bốn mươi tám nguyện, nhiếp thọ chúng ta nên gọi là Bốn sự, tin sâu dựa vào nguyện lực của Ngài thì chắc chắn được vãng sinh. Chính Đức Phật Thích Ca nói, tin sâu Ngài nói trong Quán Kinh chỉ rõ Tịnh độ Di Đà, tin sâu Ngài là giáo chủ của chúng ta. Chính các Đức Phật trong mười phương nói để chứng minh việc phàm phu vãng sinh là không sai, tin các Đức Phật là người làm chứng. Lại ở trong đó, tin bản nguyện của Đức Phật A Di Đà cũng như tin kinh Vô Lượng Thọ. Tin Đức Phật Thích Ca nói cũng có nghĩa là tin Quán Kinh. Tin các Đức Phật làm chứng cũng là tin kinh A Di Đà.

⁷⁴⁷ Xem Tín Văn Loại, mục (13).

⁷⁴⁸ Ibid., quyển 4, tr. 271b04-272a21.

⁷⁴⁹ Ibid., quyển 4, tr. 276c02.

(49)

Lại nói:

“Từ ‘Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Này A-nan! Ông phải trì lời này cho tốt...’ trở xuống: Đức Thích Ca phó chúc danh hiệu Đức Phật A Di Đà được lưu thông đến nhiều đời sau.

Từ trên đến đây tuy nói về lợi ích của Định thiện và Tấn thiện, nhưng xét thâm ý của Phật bản nguyện đối với chúng sinh, thì là nhất hướng chuyên xưng danh hiệu Đức Phật A Di Đà.”⁷⁵⁰

(50)

Lại nói:

“Cực Lạc vô vi, Niết-bàn giới
Tùy duyên tạp thiện e khó sinh
Bởi thế Như Lai tuyền yếu pháp
Dạy niệm Di Đà chuyên càng chuyên.”⁷⁵¹

(51)

Lại nói:

“Khi kiếp sắp hết, ngũ trược thịnh
Chúng sinh tà kiến rất khó tin
Chuyên chuyên dạy truyền quy Tây lộ
Vì người phá hoại vẫn như cũ
Nhiều kiếp đến nay thường như thế
Chẳng phải đời này mới tự ngộ

⁷⁵⁰ Ibid., quyển 4, tr. 278a22.

⁷⁵¹ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 430c21. Xem Chân Phật Độ Văn Loại, mục (32).

Chính do chẳng gặp duyên tốt thôi
Dẫn đến luân hồi khó được độ.”⁷⁵²

(52)

Lại nói:

“Các thứ pháp môn đều giải thoát
Không bằng niệm Phật đến Tây phương
Trọn cả một đời đến mười niệm
Ba niệm năm niệm Phật đến đón
Thực là Di Đà hoàng thế lớn
Làm cho phàm phu niệm liền sinh.”⁷⁵³

(53)

Lại nói:

“Tất cả Như Lai bày phương tiện
Cũng đồng ngày nay Thích Ca Tôn
Tùy cơ thuyết pháp đều lợi ích
Đều được ngộ giải nhập chân môn. (...)
Phật giáo nhiều môn tám vạn tư
Chính vì chúng sinh cơ chẳng đồng.
Muốn tìm chỗ an thân thường trú
Trước cầu yếu hạnh nhập chân môn.”⁷⁵⁴

⁷⁵² Ibid., quyển hạ, tr. 437a01.

⁷⁵³ Ibid., quyển hạ, tr. 435b09.

⁷⁵⁴ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 448c213 và tr. 449a07.

(54)

Lại nói:

“Gần đây, tôi tự thấy nghe người tăng kẻ tục ở khắp nơi, giải hành bất đồng, chuyên tạp sai khác. Giả sử người chuyên tu tác ý, thì mười người vãng sinh cả mười, còn người tu tạp không chí tâm, thì ngàn người không có một người vãng sinh.”⁷⁵⁵

(55)

Trong A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ, Luật sư Nguyên Chiếu nói:

“Do Đức Như Lai muốn nói về công đức trì danh, chê trách các điều thiện khác đều là ít thiện căn. Các việc bố thí, trì giới, xây chùa, đúc tượng, ngòai thiền, lễ tụng, sám niệm, khổ hạnh tất cả phước nghiệp, nếu không có chánh tín hồi hướng nguyện cầu, đều là thiện nhỏ, không phải nhân vãng sinh. Nếu y theo Kinh này, chấp trì danh hiệu thì chắc chắn được vãng sinh, vì biết xưng danh là nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Xưa giải thích điều này, mọi người còn do dự không quyết. Gần đây Tương Dương có bản kinh khắc trong bia đá, văn lý sâu xa phù hợp với căn cơ chúng sinh nên chúng sinh mới có tâm tin sâu. Bản Kinh đó chép: ‘Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói Đức Phật A Di Đà, mà nhất tâm bất loạn, chuyên trì danh hiệu, do xưng danh nên các tội tiêu diệt, tức là nhiều công đức, nhiều thiện căn, nhiều phước đức nhân duyên’.”⁷⁵⁶

(56)

Cô Sơn Sớ nói:

⁷⁵⁵ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, tr. 439b29.

⁷⁵⁶ A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ (阿彌陀經義疏), No. 1761, do ngài Nguyên Chiếu thuật, tr. 361c01.

“Chấp, nghĩa là chấp thọ⁷⁵⁷; trì, nghĩa là trụ trì⁷⁵⁸. Do tín lực mà chấp thọ ở trong tâm và do niệm lực mà trụ trì không quên mất.”⁷⁵⁹

(57)

Đại Bản nói:

“Đức Như Lai ra đời khó gặp khó thấy, kinh pháp của chư Phật khó được khó nghe. Các môn Ba-la-mật, các pháp thù thắng của Bồ-tát được nghe cũng khó. Gặp thiện tri thức nghe pháp mà làm được cũng là khó. Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn. Vì thế nên pháp của Ta, làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin thuận như pháp tu hành.”

(58)

Kinh Niết Bàn nói:

“Như trong kinh có nói, nhân của tất cả Phạm hạnh là thiện tri thức; tất cả Phạm hạnh tuy có vô lượng nhân, nhưng nếu nói thiện tri thức thì đã nhiếp hết thấy.

Như ta có nói, nhân của tất cả ác hạnh là tà kiến; tất cả ác hạnh tuy có vô lượng nhân, nhưng nếu nói tà kiến thì đã nhiếp hết thấy.

Hoặc nói, quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lấy tín tâm làm nhân. Nhân của Bồ-đề này tuy có vô lượng, nhưng nếu nói tín tâm thì đã nhiếp hết thấy.”⁷⁶⁰

⁷⁵⁷ Chấp thọ (執受): được tiếp thu (nhận). Những thứ được tâm và tâm sở nắm giữ làm điểm sở y.

⁷⁵⁸ Trụ trì (住持): an trụ và duy trì.

⁷⁵⁹ A Di Đà Kinh Sớ (阿彌陀經疏), No. 1760, còn gọi là Cô Sơn Sớ (孤山疏), do Ngài Trí Viên (976-1022) thuật,, tr. 355c02. Tác phẩm của Ngài Viên Trí chú giải gồm có: Văn Thù Bát Nhã Kinh, Di Giáo Kinh, Tâm Kinh, Thụ Ứng Kinh, Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Bất Tư Nghị Pháp Môn Kinh, Vô Lượng Nghĩa Kinh, Phổ Hiền Quán Kinh, A Di Đà Kinh, và Lăng Nghiêm Kinh. Vị Pháp sư này suốt đời chọn lựa và dồn tinh lực vào mười bộ kinh trên đây, viết chú giải cho cả mười kinh, người đời sau xưng tụng Ngài là Thập Sớ Pháp Sư.

⁷⁶⁰ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Đàm Vô Sấm dịch, quyển 35, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 573c24.

(59)

Lại nói:

“Thiện nam tử! Tín có hai thứ: một là, tín; hai là, cầu. Người như vậy tuy có tín tâm nhưng không thể tìm cầu, đó gọi là Tín không đầy đủ.

Tín lại có hai thứ: một là, tín sinh từ nghe; hai là, tín sinh từ tư duy. Tín tâm của người này từ nghe mà sinh, không từ tư duy mà sinh, đó gọi là Tín không đầy đủ.

Lại có hai thứ: một là, tín có đạo; hai là, tín có người đấng đạo. Tín tâm của người này tuy tin có đạo nhưng hoàn toàn không tin có người đấng đạo, đó gọi là Tín không đầy đủ.

Lại có hai thứ: một là, tín theo chánh; hai là, tín theo tà. Cho rằng có nhân quả, có Phật Pháp Tăng, đó gọi là tín theo chánh. Cho rằng không có nhân quả, tánh Tam bảo khác nhau, tin theo những lời tà vạy của ngoại đạo như Phú-lan-na, v.v., đó gọi là tín theo tà. Người ấy tuy tin Phật Pháp Tăng bảo nhưng không tin Tam bảo đồng nhất tánh tướng, tuy tin nhân quả nhưng không tin có người đấng đạo, đó gọi là Tín không đầy đủ. Người ấy thành tựu Tín không đầy đủ, [thọ giới cấm cũng không đầy đủ.]⁷⁶¹(...)

Thiện nam tử! Có bốn thiện sự nhận lấy ác quả. Những gì là bốn? một là, vì muốn hơn người nên đọc tụng kinh điển; hai là, vì lợi dưỡng nên giữ gìn giới cấm; ba là, vì muốn người khác lệ thuộc mà thực hành bố thí; bốn là, vì Phi tướng phi phi tướng xứ nên buộc niệm tư duy. Đó là bốn thiện sự chịu quả báo ác. Nếu người nào tu tập theo bốn thiện sự như vậy thì gọi là Chìm. Chìm rồi lại nổi, nổi rồi lại chìm. Vì sao gọi là Chìm? Vì ưa thích ba cõi. Vì sao gọi là Nổi? Vì thấy ánh sáng.

⁷⁶¹ Ibid., quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575b28.

Ánh sáng tức là nghe pháp, trì giới, bố thí, thiền định. Vì sao nổi trở lại chìm? Vì tăng trưởng tà kiến, sinh khởi kiêu mạn. Do đó, ở trong kinh, Ta nói kệ:

Nếu có chúng sinh thích chur hữu
Vì có tạo tác nghiệp thiện ác
Người ấy lạc mất đường Niết-bàn
Đó gọi tạm nổi rồi lại chìm.
Đi trong biển sinh tử tối tăm
Tuy được giải thoát xen phiền não
Người ấy lại chịu quả báo ác
Đó gọi tạm nổi rồi lại chìm.⁷⁶² (...)

Như Lai có hai thứ Niết-bàn: một là, hữu vi; hai là, vô vi. Niết-bàn hữu vi không có thường, lạc, ngã, tịnh. Niết-bàn vô vi có thường, lạc, ngã, tịnh.⁷⁶³ ”

[Lại có hai thứ giới: một là, thiện giới; hai là, ác giới. Thân khẩu ý thiện lành là thiện giới. Giới bò, giới chó, gọi là ác giới.] Người ấy thâm tín rằng, ‘hai thứ giới này đều có thiện quả’, đó gọi là Giới không đầy đủ. Người ấy không có đủ hai sự: tín và giới, nên sự ưa thích đa văn cũng không đầy đủ. Sao gọi là Nghe không đầy đủ? Mười hai bộ kinh do Như Lai thuyết giảng, chỉ tin sáu bộ, chưa tin sáu bộ, đó gọi là Nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy có thọ trì sáu bộ kinh này nhưng không thể đọc tụng, vì người khác giải thuyết, không chỗ lợi ích, đó gọi là Nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy thọ trì sáu bộ kinh này rồi, nhưng vì luận nghị, vì thắng tha, vì lợi dưỡng, vì chur hữu mà thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, đó gọi là Nghe không đầy đủ.⁷⁶⁴”

⁷⁶² Ibid., quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575b04.

⁷⁶³ Ibid., quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575b23.

⁷⁶⁴ Ibid., quyển 36, phẩm Bồ-tát Ca Diếp, tr. 575c21.

(60)

Lại nói:

“Thiện nam tử! Thiện tri thức chân thật bậc nhất là Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì thường lấy ba thứ thiện để điều phục và chế ngự. Những gì là ba? Một là, toàn lời dịu ngọt; hai là, toàn lời quở trách; ba là, vừa lời dịu ngọt vừa lời quở trách. Vì nghĩa ấy nên Bồ-tát, chư Phật chính là thiện tri thức chân thật.

Lại nữa, thiện nam tử! Phật và Bồ-tát là vị đại lương y nên gọi là thiện tri thức. Vì sao? Vì biết bệnh, biết thuốc, có thể tùy bệnh mà cho thuốc.

Ví như vị lương y thông thạo tám phép trị bệnh, trước hết phải xem tướng bệnh. Có ba tướng khác nhau là phong, nhiệt và thủy. Người bị bệnh phong thì cho uống dầu tô; người bị bệnh nhiệt thì cho uống nước đường phèn; người bị bệnh thủy thì cho uống nước gừng. Nhờ biết bệnh căn cho đúng thuốc liền khỏi bệnh, nên gọi là lương y.

Phật và Bồ-tát cũng như vậy, biết bệnh của phàm phu có ba loại: tham dục, sân khuê và ngu si. Người bệnh tham dục thì dạy họ quán tướng xương; người bệnh sân khuê thì dạy họ quán tướng từ bi; người bệnh ngu si thì dạy họ quán tướng mười hai duyên. Do nghĩa ấy nên chư Phật, Bồ-tát được gọi là thiện tri thức.

Thiện nam tử! Ví như vị thuyên sư khéo đưa người, nên được gọi là đại thuyên sư. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, đưa chúng sinh qua biển cả sinh tử. Do nghĩa ấy nên được gọi là thiện tri thức.”⁷⁶⁵

(61)

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Người nghĩ thiện tri thức

Sinh ta như cha mẹ

⁷⁶⁵ Ibid., quyển 25, phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát, tr. 511b11.

Nuôi ta như nhũ mẫu
Thêm ta bồi-đề phần.
Như y sư trị bệnh
Như trời rưới cam lộ
Mặt trời soi chánh đạo
Mặt trăng chuyển tịnh luân.”⁷⁶⁶

(62)

Lại nói:

“Như Lai đại từ bi
Xuất hiện ở thế gian
Khấp vì các chúng sinh
Chuyển vô thượng pháp luân.
Như Lai vô số kiếp
Cần khổ vì chúng sinh
Làm sao các thế gian
Báo đáp ân Đại sư?”⁷⁶⁷

(63)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Chỉ hận chúng sinh nghi chẳng nghi
Tịnh độ đôi mắt chẳng ngang hướng
Chớ luận Di Đà nhiếp chẳng nhiếp
Ý tại chuyên tâm hồi chẳng hồi. (...)

⁷⁶⁶ Kinh Hoa Nghiêm, No. 279, 80 quyển, Thật-xoa-nan-đà dịch, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 425c20.

⁷⁶⁷ Ibid., phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 326b24.

Hoặc nói từ nay đến Phật quả
Nhiều kiếp khen Phật báo Từ ân
Chẳng nhờ sức hoàng thệ Di Đà
Khi nào kiếp nào thoát Ta-bà? (...)
Nào ngờ ngày nay đến nước báu
Thật là sức Bản sư Ta-bà
Nếu chẳng Bản sư tri thức khuyên
Tịnh độ Di Đà làm sao nhập?
[Cái vui của Bát-chu tam-muội]
Được sinh Tịnh độ báo Từ ân.”⁷⁶⁸

(64)

Lại nói:

“Phật tại thế khó gặp
Người có tín tuệ khó
Gặp nghe pháp hy hữu
Đây lại rất là khó.
Tự tin, bảo người tin
Chuyển trong khó càng khó
Đại bi hóa rộng khắp
Chân thành báo Phật ân.”⁷⁶⁹

(65)

Lại nói:

⁷⁶⁸ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 450a14, tr. 451a20, và tr. 451a24.

⁷⁶⁹ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, tr. 442a02.

“Tới lui tha hương chẳng thể dừng
Theo Phật về nhà nơi bốn quốc
Tất cả hạnh nguyện tự nhiên thành. (...)
Buồn vui lẫn lộn, rất tự mừng
Chẳng do Thích Ca Phật khai ngộ
Di Đà danh nguyện khi nào nghe
[Cái vui của Bát-chu tam-muội]
Từ ân của Phật thật khó báo.”⁷⁷⁰

(66)

Lại nói:

“Mười phương sáu đường, đồng luân hồi này, tuần hoàn không ngừng, chìm
sóng ái nên chìm biển khổ. Phật đạo, thân người khó được nay đã được; Tịnh độ
khó nghe nay đã nghe, tín tâm khó phát nay đã phát.”⁷⁷¹

(67)

Thực sự biết rằng, người chuyên tu mà tạp tâm thì không có được đại khánh
hỷ tâm⁷⁷².

Do đó, Tông sư [Thiền Đạo] nói: “Không tương tục nghĩ nhớ việc báo ân
Phật. Tâm sinh khinh mạn, tuy tác nghiệp hạnh nhưng thường tương ưng với danh
lợi. Nhân ngã tự che, nên không thân cận, đồng hành với thiện tri thức. Ưa gần tạp
duyên, nên chướng ngại chánh hạnh vãng sinh của mình và người.”⁷⁷³

⁷⁷⁰ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sư Tán, quyển hạ, tr. 437a07 và 437a28.

⁷⁷¹ Ibid., quyển hạ, tr. 437c18.

⁷⁷² Xem Tín Văn Loại, mục (1).

⁷⁷³ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ, tr. 439b26.

Thật đáng buồn thay, từ vô thủy kiếp đến nay, những phàm phu uế chướng đã xen tạp giữa chánh hành và trợ hành, lẫn lộn giữa định tâm và tán tâm, nên họ không có thời hạn xuất ly.

Sự lưu chuyển luân hồi mà chúng ta trải qua, nó hơn cả số kiếp vi trần⁷⁷⁴, chúng ta không thể trở về nguyện lực của Phật, không thể bước vào biển cả ‘Đại tìn’. Thật là buồn thảm! thật là đau đớn!

Thánh giả – dù là Đại thừa hay Tiểu thừa, và tất cả thiện nhân, đem bản nguyện và gia hiệu làm thiện căn của mình, cho nên không thể sinh tìn, không hiểu Phật trí.⁷⁷⁵ Không biết rõ nhân duyên kiến lập thế giới Cực Lạc⁷⁷⁶, cho nên không thể đi vào Báo độ.

(68)

Vì vậy, Ngu Ngốc Thích [Thân] Loan, dựa vào sự giải nghĩa của Luận chủ [Thế Thân], y theo sự khuyến hóa của Tông sư [Thiện Đạo], từ lâu tôi rời khỏi ‘Giả môn của vạn hạnh chư thiện’, mãi từ bỏ ‘Song thọ lâm hạ vãng sinh’, hồi nhập ‘Chân môn của thiện bản đức bản’, và riêng phát tâm ‘Nan tư vãng sinh’.

Tuy nhiên, giờ đây tôi đã dứt khoát ra khỏi ‘Phương tiện chân môn’ để chuyển nhập biển cả ‘Tuyên trạch nguyện’, mau rời tâm ‘Nan tư vãng sinh’, muốn

⁷⁷⁴ Vi trần kiếp (微塵劫) là như đem đất của cõi Đại thiên nghiền thành bụi nhỏ, mỗi hạt bụi kể là một đại kiếp, gồm chung tất cả số kiếp của bụi đó, gọi là vi trần kiếp. Kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng diễn tả: “Ví như năm trăm ngàn vạn ức trăm triệu vô số đại thiên quốc độ, giả thiết có người đem nghiền thành bụi nhỏ, rồi đi về hướng đông, qua khỏi năm trăm ngàn vạn ức trăm triệu vô số quốc độ mới bỏ xuống một hạt bụi nhỏ ấy. Tuần tự như vậy mà đi về hướng đông và bỏ hết số bụi. Chư thiện nam tử, trong ý chư vị nghĩ thế nào, bao nhiêu quốc độ mà người ấy đi qua, có thể nào nghĩ và tính mà biết được số lượng hay không? (...) Bao nhiêu quốc độ ấy, được hay không được bỏ bụi xuống, đều đem hết ra mà nghiền làm bụi nữa, rồi mỗi hạt bụi giả thiết một thời kỳ, thì Như lai thành Phật đến nay, còn hơn số ấy đến trăm ngàn vạn ức trăm triệu vô số thời kỳ.”

⁷⁷⁵ Xem Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại, mục (8).

⁷⁷⁶ Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói: “Này A-nan! Chúng sinh sẽ sinh nước kia, tất cả là rất ráo Vô thượng Bồ-đề đến Niết-bàn xứ. Vì sao? Nếu là tà định tụ và bất định tụ, thì không thể biết rõ nhân duyên kiến lập thế giới Cực Lạc.” (tr. 97c16)

thỏa thích ‘Nan tư nghị vãng sinh’. Thệ nguyện ‘Quả toại’ thật là thâm sâu biết bao!

Rồi thì, tôi vào mãi Nguyện hải, thâm hiểu Phật ân. Để báo tạ Chí đức, tôi sưu tập những đoạn văn trọng yếu giản lược của Chân tông, hằng thường xưng niệm danh hiệu ‘bất khả tư nghị đức hải’⁷⁷⁷, càng yêu thích đây, riêng đầu đội đây.

(69)

Tôi tin biết rằng, chư giáo Thánh Đạo là giáo pháp thời Phật tại thế và thời kỳ Chánh pháp, nhưng chúng hoàn toàn không phù hợp với thời đại và căn cơ của thời kỳ Tượng pháp, Mạt pháp và Pháp diệt. Thời kỳ Chánh pháp đã qua rồi, và căn cơ cũng không còn phù hợp nữa.

Tình độ Chân tông, nghĩa là chúng sinh trước ác, bất kể họ thuộc thời kỳ Phật tại thế, Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp hay Pháp diệt⁷⁷⁸, đều được đại bi dẫn đạo.⁷⁷⁹

(70)

Dựa vào các bậc Thầy về Kinh và lật lại lời chú giải của Thầy [Thiện Đạo] về ‘Biện thuyết nhân sai biệt’, chép rằng:

“Các kinh khởi thuyết không ngoài năm loại: 1. Đức Phật thuyết; 2. Đệ tử Phật thuyết; 3. Thiên tiên thuyết; 4. Quỷ thần thuyết; 5. Biến hóa thuyết.”⁷⁸⁰

⁷⁷⁷ Bất khả tư nghị đức hải (不可思議德海). Cốt lõi của giáo nghĩa Chân tông là ‘Tín tâm chánh nhân’, ‘Tha lực tuyệt đối’ và ‘Xưng danh báo ân’. Giáo Văn Loại, mục (102), có kệ tụng: “Nhớ nghĩ Di Đà bản nguyện Phật, Tự nhiên tức thời nhập Tất định, Chỉ phải thường xưng Như Lai hiệu, Để báo ơn hồng thệ đại bi.”

⁷⁷⁸ An Lạc Tập, No. 1958, quyển thượng, nói: “Bởi thế, kinh Đại Tập Nguyệt Tạng chép: Năm trăm năm thứ nhất, sau khi Phật diệt độ, các đệ tử của ta học Tuệ được kiên cố. Năm trăm năm thứ hai, học Định được kiên cố. Năm trăm năm thứ ba, học Đa Văn đọc tụng được kiên cố. Năm trăm năm thứ tư, tạo lập chùa tháp, tu phước sám hối được kiên cố. Năm trăm năm thứ năm, bạch pháp ẩn trệ, lắm điều tranh cãi, chỉ có chút ít pháp lành được kiên cố.”

⁷⁷⁹ Hành Văn Loại, mục (102): “Tam bất tam tín dạy ân cần, Tượng, mạt, pháp diệt đồng bi dẫn.”

Như vậy, bốn loại [sau] được thuyết thì tín dụng không đủ. Ba bộ kinh [Tịnh độ] đây là Đại Thánh tự thuyết.

(71)

Luận Đại Trí Độ giải thích Tứ y như sau:

“Khi sắp nhập Niết-bàn, Phật dạy các Tỳ kheo: ‘Từ hôm nay nên y pháp không y người, nên y nghĩa không y ngữ, nên y trí không y thức, nên y kinh liễu nghĩa không y kinh bất liễu nghĩa.’

Y pháp: Pháp có mười hai bộ, nên y theo pháp ấy, không nên y theo người.

Y nghĩa: Trong nghĩa không có sự tranh cãi về tốt xấu, tội phúc, hư thật. Ngữ là để được nghĩa, nghĩa không phải ngữ. Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng để bảo cho người mê muội, nhưng người mê muội lại thấy ngón tay mà không thấy mặt trăng. Người kia lại nói với nó rằng, ‘Ta lấy ngón chỉ mặt trăng, là để cho người biết mặt trăng, sao người lại thấy ngón tay mà không thấy mặt trăng?’ Đây cũng như thế. Ngữ để chỉ nghĩa, nghĩa không phải là ngữ, cho nên nói ‘không nên y ngữ’.

Y trí: Trí hay so lường phân biệt thiện ác, còn thức thì thường tìm vui, không vào được chánh yếu, cho nên nói ‘không nên y thức’.

Y kinh liễu nghĩa: Trong các người có Nhất thiết trí, thì Phật là bậc nhất. Trong tất cả các kinh thư, thì Phật pháp là bậc nhất. Trong tất cả chúng, thì chúng Tỳ kheo Tăng là bậc nhất. Bồ thí thì được phước lớn, giữ giới được sinh thiên, đại loại như vậy là kinh liễu nghĩa.

⁷⁸⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 247a23.

Lại nói, ‘Trong chín mươi mốt kiếp, ba kiếp có Phật, các kiếp khác không có Phật, [chúng sinh] thật đáng thương xót’⁷⁸¹. Phật vì hạng người tội nặng không gieo trồng thiện căn thấy Phật đó, [nên nói ‘Phật ra đời khó gặp, như hoa cây Ưu-đàm-bát-la, lâu lâu mới có một lần’].”⁷⁸²

(72)

Như vậy, người xuất gia và người tại gia ở trước thế mạt đại nên thực hành pháp với ý thức rõ ràng về Tứ y.

(73)

Căn cứ vào mục đích của giáo lý chánh chân, và lật lại những lời dạy được trao truyền bởi các bậc cổ đức, tôi sẽ nói về chân giả liên quan đến Thánh đạo và Tịnh độ, cũng như những giáo huấn tà ngụy, dị chấp của ngoại giáo. Xác định thời đại Đức Thích Ca Như Lai nhập Niết-bàn, tôi sẽ giải thích đặc điểm của thời kỳ Chánh pháp, thời kỳ Tượng pháp và thời kỳ Mạt pháp.

(74)

Về điều này, Hòa thượng Đạo Xước chùa Huyền Trung nói:

“Thân người tu đạo phải tương tục chẳng dứt, trải qua một muôn kiếp mới chứng được địa vị Bất thối. Hàng phàm phu hiện nay được gọi là ‘Tín ngoại khinh

⁷⁸¹ Luận Đại Trí Độ nói: “Có chín ức nhà trong thành Xá-vệ, có ba ức nhà tận mắt trông thấy Phật, ba ức nhà tai nghe có Phật, mà mắt không thấy, ba ức nhà thì không nghe cũng không thấy. Phật ở tại Xá-vệ hai mươi lăm năm mà các chúng ấy còn không nghe không thấy, huống là ở xa? Lại nữa, Phật và A-nan đi vào thành Xá-vệ khát thực. Bấy giờ có một bà già nghèo đứng ở đường, A-nan bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn, người ấy đáng thương, xin Phật độ cho.’ Phật nói với A-nan: ‘Người ấy không có nhân duyên.’ A-nan thưa: ‘Phật đi đến gần, người ấy trông thấy tướng hảo quang minh, ắt phát tâm hoan hỷ, lấy đó làm duyên.’ Phật đi đến gần, người ấy liền xoay lưng lại với Phật, Phật đi qua cả bốn phía, người ấy liền cả bốn phía xoay lưng lại với Phật mà ngược mặt lên trời. Phật từ trên đi xuống, thì lại cúi mắt xuống đất. Phật từ dưới đất hiện lên, thì lấy hai tay che mắt không chịu thấy Phật. Phật nói với A-nan: ‘Còn muốn là nhân duyên gì nữa?’ Có hạng người như vậy, không có nhân duyên đặc độ nên không được thấy Phật. Vì vậy nên Phật nói: ‘Này A-nan! Phật khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát-la; giống như nước mưa tuy nhiều, khắp nơi đều có được, mà Ngạ quỷ thường chịu khát, không thể uống được.’” (tr. 125c05)

⁷⁸² Luận Đại Trí Độ, No. 1509, quyển 9, tr. 125a25.

mao'⁷⁸³, cũng gọi là ‘Giả danh’, cũng gọi là ‘Bất định tự’, cũng gọi là ‘Ngoại phạm phu chưa ra khỏi nhà lửa’⁷⁸⁴. Vì sao biết được? Căn cứ Kinh Bồ-tát Anh Lạc, có phân biệt đầy đủ ‘nhập đạo hành vị’⁷⁸⁵. Pháp [hành] như thế, nên gọi là Nan hành đạo.”⁷⁸⁶

(75)

Lại nói:

“Nói về nguyên do hưng khởi giáo pháp: Xét thời cơ thích hợp, khuyến quy hướng Tịnh độ: Nếu giáo hợp với thời và cơ, thì dễ tu dễ ngộ. Nếu cơ, giáo và thời trái nhau, thì khó tu khó nhập. Thế nên Kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Khi hành giả nhất tâm cầu đạo, Thườngng phải quán sát thời, phương tiện, Nếu không đúng thời, không phương tiện, Đó là bị mất, không có lợi.”⁷⁸⁷ Vì sao? Như dùi củi ướt để lấy lửa, lửa không thể có, vì không đúng thời. Như chặt cây khô để tìm nước, nước không thể có, vì không có trí.

⁷⁸³ Người có lòng tin không chắc thì gọi là “tín ngoại khinh mao” (信外輕毛), là niềm tin nhẹ như lông mao dễ bị gió tà kiến thổi bay.

⁷⁸⁴ Ngoại phạm (外凡) Đối lại: Nội phạm (內凡). Từ ngữ chỉ chung cho các giai vị phạm phu trong quá trình tu tập Phật đạo, tức là 1 trong những giai vị trước Kiến đạo. Thanh văn thừa lấy 3 giai vị Ngũ đình tâm, Biệt tướng niệm trụ và Tổng tướng niệm trụ (tức Tam hiền vị) làm Ngoại phạm; còn Bồ tát thừa thì lấy giai vị Thập tín phục nhẫn làm Ngoại phạm. Đại thừa nghĩa chương quyển 17, phần cuối (Đại 44, 810 trung) nói: Ngoại phạm nghĩa là những người ở trong đường lành (thiện thú) tìm chân lý ở bên ngoài; chưa thể dứt hình tướng bên ngoài để duyên theo chân tánh ở bên trong, cho nên gọi là Ngoại; chưa bỏ được thân phạm phu phần đoạn trong 6 đường, cho nên gọi là Phạm. Trong 4 giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên của Thiên thai tông thì Tạng giáo lấy Hiền vị (Ngũ đình tâm, v.v...) làm Ngoại phạm; Thông giáo lấy Can tuệ địa của Thập địa nói trong kinh Đại phẩm Bát-nhã làm Ngoại phạm; Biệt giáo lấy giai vị Thập tín trong 52 giai vị làm Ngoại phạm và Viên giáo thì lấy giai vị Quán hành ngũ phẩm trong Lục tức làm Ngoại phạm.

⁷⁸⁵ Nhập đạo hành vị (入道行位): Các giai đoạn tu tập đưa đến giác ngộ.

⁷⁸⁶ An Lạc Tập (安樂集), No. 1958, Đạo Xước soạn, quyển hạ, tr. 16b28. “Trong Câu Xá Luận cũng nói về Nan hành đạo và Dị hành đạo như sau: ‘Nan hành là phải tu hành trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, trong mỗi kiếp đều có đủ tư lương phước trí, lục độ ba-la-mật, tất cả các hạnh. Mỗi hạnh nghiệp đều có trăm ngàn việc khó làm mới hoàn thành được một giai vị, nên gọi là Nan hành đạo. Nếu có phương tiện đặc hữu có thể đưa đến giải thoát, gọi là Dị hành đạo.’ Pháp môn Tịnh độ khuyến người cầu sinh về Cực Lạc, tất cả hành nghiệp đều hồi hướng về cõi kia. Chỉ cần một lòng chuyên chú, thọ mạng đã dứt liền được vãng sinh về nước kia, được cứu cánh thanh tịnh, đâu có thể nói đây không phải là pháp dễ làm ư!” (tr. 16c07)

⁷⁸⁷ Chánh văn không có trong Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh (正法念處經), No. 721, mà nằm trong Tọa Thiền Tam Muội Kinh (坐禪三昧經), No. 614, quyển hạ, tr. 85c01.

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: ‘Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm thứ nhất, các đệ tử của Ta học tuệ được kiên cố; năm trăm năm thứ hai, học định được kiên cố; năm trăm năm thứ ba, học đa văn, đọc tụng được kiên cố; năm trăm năm thứ tư, tạo lập chùa tháp, tu phước, sám hối được kiên cố; năm trăm năm thứ năm, bạch pháp bị phế bỏ và mất đi, có nhiều tranh cãi, ít có thiện pháp được kiên cố.’
(...)

Tính đến thời gian bây giờ, chúng ta đang ở trong thời kỳ năm trăm năm thứ tư sau khi Đức Phật rời khỏi thế gian, chính là thời kỳ sám hối tu phước, là thời kỳ nên xưng danh hiệu của Phật. Nếu một niệm xưng danh ‘A Di Đà Phật’, tức tiêu trừ hết tội lỗi trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Một niệm còn như vậy, hướng chi là thường tu thường niệm, tức là người hằng sám hối vậy.’⁷⁸⁸

(76)

Lại nói:

“Bàn về sự trụ diệt của kinh điển: Một đời [giáo pháp] của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Chánh pháp năm trăm năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp mười ngàn năm.⁷⁸⁹ Khi chúng sinh giảm tận, kinh điển thầy đều diệt. ‘Đức Như Lai

⁷⁸⁸ An Lạc Tập, quyển thượng, tr. 4a26-b20.

⁷⁸⁹ Thuyết Chánh pháp 500 năm, Tượng pháp 1.000 năm, Mạt pháp 10.000 năm này dựa vào Kinh Đại Phương Quảng Đại Tập (大方等大集經, No. 397) và Kinh Ma-ha Ma-da (摩訶摩耶經, No. 383). Ngoài ra còn có thuyết Chánh pháp 500 năm, Tượng pháp 500 năm, Mạt pháp 10.000 năm, đây dựa vào Kinh Đại Thừa Tam Tụ Sám Hối (大乘三聚懺悔經, No. 1493). Lại có thuyết Chánh pháp 1.000 năm, Tượng pháp 500 năm, Mạt pháp 10.000 năm, đây dựa vào Kinh Bi Hoa (悲華經, No. 157). Lại có thuyết Chánh pháp 1.000 năm, Tượng pháp 1.000 năm, Mạt pháp 10.000 năm, đây dựa vào Kinh Đại Bi (大悲經, No. 380), và nó được trích dẫn trong Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận (釋淨土群疑論, No. 1960). Lại có thuyết năm thời kỳ, mỗi thời kỳ kéo dài 500 năm, là dựa vào Kinh Đại Phương Quảng Đại Tập (大方等大集月藏經, tức No. 397, phần Nguyệt Tạng), gồm có: Thiên định kiên cố, Giải thoát kiên cố, Đa văn kiên cố, Tạo tự kiên cố và Đấu tranh kiên cố. Lại có thuyết Ngũ trước ác thế, theo đó thế giới bị ô nhiễm bởi những bất tịnh của kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước. Năm dấu hiệu này cho thấy sự phổ biến về chiến tranh và thiên tai, sự thống trị của những giáo lý sai lầm, sự củng cố ham muốn, sự gia tăng của sự yếu đuối về tinh thần và thể chất, và sự rút ngắn tuổi thọ của con người (Kinh A Di Đà). Ý tưởng cuối cùng này đã phát triển thành lý thuyết về tuổi thọ của con người, theo đó tuổi thọ thay đổi tùy theo thời kỳ mà con người đang sống. Tuổi thọ của con người được cho là dao động trong khoảng từ 80.000 đến 10 năm, giảm dần theo sự gia tăng tội ác của thời đại.

thương xót chúng sinh thống khổ, đặc biệt lưu lại Kinh này, trụ thêm một trăm năm.^{790,791}

(77)

Lại nói:

“Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: ‘Trong thời Mạt pháp, ức ức chúng sinh khởi hạnh tu đạo, chưa có một người đắc đạo.’ Nay đang Mạt pháp, hiện là ngũ trước ác thế, chỉ có một môn Tịnh độ là con đường có thể thông nhập.”⁷⁹²

(78)

Vậy thì, quần sinh trong thế giới dơ bẩn và độc ác này, không biết sự thật của thời kỳ Mạt pháp, cứ chê bai oai nghi của Tăng Ni. Nhưng tất cả mọi người hiện nay, dù là tu sĩ hay tại gia, đều phải tự lượng sức mình.

(79)

Y cứ Ba thời của giáo pháp, chúng ta biết rằng Như Lai nhập bát Niết-bàn vào thời vua Mục vương năm thứ 53 (Nhâm Thân), vị vua thứ năm của nhà Chu.⁷⁹³ Từ năm Nhân Thân đó cho đến năm đầu tiên của thời đại Nguyên Nhân (Giáp

⁷⁹⁰ Kinh Vô Lượng Thọ: “Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, ta đem từ bi thương xót đặc biệt lưu kinh này, trụ lại một trăm năm. Nếu có chúng sinh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát.”

⁷⁹¹ An Lạc Tập, quyển hạ, tr. 18b15.

⁷⁹² An Lạc Tập, quyển thượng, tr. 13c08.

⁷⁹³ Về ngày đức Phật nhập Niết-bàn, các nước theo Phật giáo Đại thừa như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đều cho rằng đức Phật nhập diệt vào ngày 15 tháng 2 Âm lịch (riêng Nhật Bản đã đổi qua dùng Dương lịch) và gọi là ngày lễ Niết-bàn. Cho nên hàng năm đến ngày này các chùa đều cử hành pháp hội, treo bức tranh Đức Phật Niết-bàn và tụng kinh Niết-bàn, kinh Di Giáo đề tưởng niệm Ngài. Tại Trung Quốc, tư liệu ghi chép về hội Niết-bàn sớm nhất là Phật Tổ Thống Kỳ quyển 33. Sách này (Đại 49, 319 trung) viết: “Đức Như Lai nhập diệt vào ngày 15 tháng 2 Chu Mục Vương năm thứ 53, tại các già lam đều có thiết lễ cúng dường, gọi là Phật kỵ”. Tại Nhật Bản, hội Niết-bàn thông thường có thêm bốn pháp hội nữa là: Niết Bàn giảng, La Hán giảng, Di Tích giảng, và Xá Lợi giảng. Đơn giản nhất cũng phải tổ chức một trong bốn giảng này.

Chu Mục Vương (周穆王, 1027 TCN - 922 TCN) là vị quân chủ thứ năm của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông trị vì từ năm 976 TCN đến năm 922 TCN, tổng cộng 54 năm. Nhâm Thân là năm 949 TCN.

Thân)⁷⁹⁴ của chúng ta là 2.173 năm. Lại nữa, y cứ vào lời dạy của Kinh Hiền Kiếp⁷⁹⁵, Kinh Nhân Vương⁷⁹⁶, Kinh Niết Bàn, chúng ta đã đi vào thời kỳ Mạt pháp được 673 năm⁷⁹⁷.

(80)

Lật đọc Mạt Pháp Đăng Minh Ký⁷⁹⁸, có viết:

⁷⁹⁴ Thiên hoàng Go-Horikawa (Hậu Quật Hà Thiên hoàng 後堀河天皇, 22 tháng 3, 1212 – 31 tháng 8, 1234) là Thiên hoàng thứ 86 của Nhật Bản theo danh sách kế thừa truyền thống. Triều đại này kéo dài từ năm 1221 đến năm 1232. Niên hiệu Nguyên Nhân (Gennin) có 2 năm, từ 1224 đến 1225. Chánh văm ghi là 2183, kỳ thực là: 1224 + 949 = 2173.

⁷⁹⁵ Kinh Hiền Kiếp (賢劫經, Bhadrakalpikasūtra), No. 425, 8 quyển, Pháp Hộ dịch, còn có tên là Kinh Tam-muội Bạt-đà-kiếp, đời Tấn gọi là Kinh Hiền Kiếp Định Ý, trong đó có phẩm 20, Thiên Phật Danh Hiệu, nói về danh hiệu của một ngàn vị Phật trong Hiền kiếp.

⁷⁹⁶ Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa (仁王護國般若波羅蜜多經), còn gọi Nhân Vương Hộ Quốc Kinh, Nhân Vương Bát-nhã Kinh, Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật Hộ Quốc Kinh. Trong Đại chánh tạng hiện còn hai bản dịch, một là của Cưu-ma-la-thập, Phật Thuyết Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, No. 245; hai là của Bất Không, Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh, No. 246. Cả hai bản đều có hai quyển thượng và hạ.

⁷⁹⁷ Chánh văm là 683 năm, sửa lại là 673 năm (2173-1500 = 673). Tính đến năm 2023 là chúng ta đã đi vào thời kỳ Mạt pháp được 1.472 năm.

⁷⁹⁸ Mạt Pháp Đăng Minh Ký (末法燈明記, Mappō tōmyōki, The candle of the Latter Dharma), Tạng Ngoại, 1 quyển, vị Tăng Nhật Bản là Tối Trừng (最澄, 767-822) trước tác vào năm 801 (Enryaku, Diên Lịch, 延暦 20): Nhan đề có nghĩa là “Luận về ngọn đèn ở thời Mạt pháp.” Thời trước có những người cho rằng sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt, việc tu trì những giáo lý chân chính của ngài sẽ dần dần bị xao lãng, trải qua ba thời kỳ suy thoái từ Chánh pháp tới Tượng pháp và Mạt pháp. Trong sách này biện luận rằng vì những ngày mạt pháp đã gần kề, đừng nên loại bỏ những tăng sĩ nào không tu trì đầy đủ những giới luật của tự viện. Vì trong thời Mạt pháp, chỉ có những lời dạy bằng lời nói là tồn tại, trong khi thực hành không tồn tại và giác ngộ không thể đạt được, giới luật cũng vậy đã biến mất. Do đó, khẳng định rằng các tu sĩ đang vi phạm giới luật là vô nghĩa. Làm sao một thứ không tồn tại có thể bị vi phạm? Vì lý do tương tự, giới luật không thể được giữ. Mạt Pháp Đăng Minh Ký nói về điểm này: “Nếu có giới pháp thì có thể phạm giới, nhưng hiện nay không có giới pháp thì giới nào bị vi phạm? Đã không phạm giới thì sự giữ giới ít hơn bao nhiêu?” Sách này chỉ trích chủ trương của những tông phái Phật giáo bắt nguồn từ thời đại Nại Lương (Nara, 710-794) cho rằng cần phải tuân thủ nghiêm ngặt những giáo qui của Tiểu Thừa đối với những người xuất gia tu hành. Những ý kiến trong sách nhận được sự hoan nghênh từ những tông phái mới của thời đại Liêm Thương (Kamakura, 1185-1333) sau này, và nhiều nhà lãnh đạo tông giáo của thời đại đó đã trích dẫn tác phẩm này trong các sách của họ để biện minh cho tình trạng tu hành của tăng sĩ vào thời mạt pháp. Vì vậy có thể có đây là tác phẩm đã tạo ảnh hưởng quan trọng cho thái độ đối với giới luật tu hành của Phật giáo Nhật Bản về sau này.

Khi thể hiện ý thức sâu sắc về bản chất mong manh, ngu ngốc, vô minh của con người sống trong thời kỳ Mạt pháp, điều này dẫn đến sự cần thiết phải tự phản ánh bản thân và trải qua cảm giác ăn năn sâu sắc. Mạt Pháp Đăng Minh Ký, theo nghĩa này, không chỉ nhắm vào cộng đồng Phật giáo, mà còn nhắm vào những người tại gia nói chung, những người có xu hướng quên đi bản chất thực sự của họ trong khi coi thường các nhà sư trên danh nghĩa. Cảm giác khó chịu này gây ra bởi sự hiểu biết thực sự về bản thân đã đạt đến đỉnh điểm với Ngài Thân Loan, người tự xưng là Ngu Ngốc Thiện Tín (愚禿善信), trong đó Ngu có nghĩa là ‘ngu xuẩn’ hoặc ‘ngu dốt’, và thể hiện sự nhận thức về bản chất thực sự của mình.

“Một bậc Pháp vương là y trên bản thể nhất như, phòng hộ bằng đạo pháp để lưu phương giáo hóa. Một vị Nhân vương là dựa vào giang sơn tứ hải, trường tồn bằng yên định để cuổi gió rẽ sóng.”⁷⁹⁹

Nhân vương và Pháp vương, hỗ tương hiển lộ để khai thị chúng sinh. Chân đế và tục đế, đáp đối làm nhân để hoàng truyền giáo pháp. Thế nên, thư tịch huyền vi khắp gầm trời, quy hoạch tốt đẹp đầy bờ cõi.

Ngu Tăng chúng ta bị mắc vào lưới trời, cúi ngẩng trước pháp luật nghiêm khắc, không có chỗ nào yên nghỉ. Nhưng, pháp có ba thời, người có ba phẩm. Ý chỉ của hóa giáo và chế giáo⁸⁰⁰ y theo thời kỳ mà hưng thịnh hay suy tàn, và những lời chỉ trích hay khen ngợi được chấp nhận hoặc từ chối tùy thuộc vào mỗi người. Vận mệnh của ba thời cổ đại⁸⁰¹ phát sinh và suy giảm theo những cách khác nhau. Trí tuệ và giác ngộ của chúng sinh trong năm thời kỳ⁸⁰² sau khi Đức Phật nhập diệt cũng khác nhau. Làm sao dựa vào một con đường để cứu độ, đi theo một đạo lý để chinh đốn?

Do đó, chúng ta sẽ phân biệt kỹ lưỡng về Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp, và cố gắng làm rõ các Tăng sĩ đã tuân thủ hoặc vi phạm giới luật như thế nào. Có ba phần: trước hết là xác định Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp; tiếp theo là xác định Tăng sự trong việc trì giới hay phá giới; cuối cùng là giáo pháp được xem xét và so sánh với hành vi của Tăng sĩ.

⁷⁹⁹ Phạm vệ nhất như dĩ lưu hóa giả pháp vương. Quang trạch tứ hải dĩ thừa phong giả nhân vương. (範衛一如以流化者法王。光宅四海以乘風者仁王。)

⁸⁰⁰ Chánh văn là Hóa chế, chỉ cho Hóa giáo (化教) và Chế giáo (制教). Hai tạng kinh và luận nói chung về lý nhân quả để giáo hóa Tăng tục, gọi là Hóa giáo. Một tạng giới luật nói về giới pháp của tỳ kheo, chỉ cấm chế nội chúng, thì gọi là Chế giáo.

⁸⁰¹ Tam cổ (三古): Cổ đại của Trung Quốc được chia thành ba thời kỳ: Thượng cổ, Trung cổ và Hạ cổ. Mỗi thời kỳ được đại diện bởi một nhà hiền triết: Thượng cổ có Phục Hy (伏羲), Trung cổ có Văn Vương (文王) và Hạ cổ có Khổng Tử (孔子).

⁸⁰² Năm thời kỳ, mỗi thời kỳ kéo dài 500 năm: Thiên định kiên cố, Giải thoát kiên cố, Đa văn kiên cố, Tạo tự kiên cố và Đấu tranh kiên cố.

Đầu tiên là xác định Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp: Có những lý thuyết khác nhau về vấn đề này. Hãy thử trình bày một thuyết: Ngài Đại Thừa Cơ⁸⁰³ trích dẫn Kinh Hiền Kiếp rằng:

*“Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Chánh pháp kéo dài năm trăm năm và Tượng pháp kéo dài một ngàn năm. Sau thời gian 1.500 năm này, giáo lý của Đức Thích Ca Mâu Ni sẽ hoàn toàn biến mất.”*⁸⁰⁴

Kinh này không đề cập đến thời kỳ Mạt pháp. Theo những thuyết khác, [thời kỳ Chánh pháp kéo dài một ngàn năm. Tuy nhiên,] vì chư Ni không tuân theo Bát kinh pháp⁸⁰⁵ và giải đãi nên [chánh] pháp không kéo dài thêm [năm trăm năm]. Do vậy chúng ta không theo thuyết này.

Lại nữa, Kinh Niết Bàn nói:

⁸⁰³ Khuy Cơ (窺基, 632-682): sơ tổ của Pháp Tướng Tông Trung Quốc, xuất thân vùng Trường An (長安), Kinh Triệu (京兆) nhà Đường, họ là Úy Trì (尉遲), tự Hồng Đạo (洪道), còn được gọi là Linh Cơ (靈基), Thừa Cơ (乘基), Đại Thừa Cơ (大乘基), Cơ Pháp Sư (基法師), tục xưng là Từ Ân Đại Sư (慈恩大師), Từ Ân Pháp Sư (慈恩法師) và tông phái của ông được gọi là Từ Ân Tông (慈恩宗).

⁸⁰⁴ Quán Di Lạc Thượng Sinh Đâu Suất Thiên Kinh Tán (觀彌勒上生兜率天經贊), No. 1772, 2 quyển, Khuy Cơ soạn, tr. 278b16.

⁸⁰⁵ Bát kinh pháp đối với Tỳ kheo ni là điều nhất định không thể vượt qua, để duy trì một nửa chánh pháp còn lại, để giữ gìn sự thanh khiết và Thánh thiện giữa hai giáo hội, Tăng già và Tỳ kheo ni, ở hiện tại và tương lai. Bát kinh pháp là:

(1) Một Tỳ kheo ni, dầu có trăm tuổi hạ khi gặp thầy Tỳ kheo mới thọ giới Cụ túc cũng phải chào hỏi, đánh lễ và thực hành tất cả những bốn phận thích nghi đối với vị Tỳ kheo.

(2) Một Tỳ kheo ni không được khiển trách hay nặng lời đối với một vị Tỳ kheo trong bất kỳ trường hợp nào.

(3) Tỳ kheo ni không được ngăn Tỳ kheo xét tội, thuyết giới, tự tứ hay nói lỗi của Tỳ kheo. Trái lại, Tỳ kheo được quyền cử tội Tỳ kheo ni.

(4) Muốn thọ trì Cụ túc giới phải thông qua hai bộ Tăng: Tỳ kheo ni và Tỳ kheo

(5) Nếu Tỳ kheo ni phạm tội hữu dư (Tăng tàn) thì phải đến trước hai bộ Tăng thực hành pháp Ý hỷ (Ma-na-đỏa 摩那埵) trong thời gian nửa tháng.

(6) Nửa tháng phải đến bên Tỳ kheo tăng cầu cầu dạy bảo.

(7) Không được an cư kiết hạ ở địa phương nào không có Tỳ kheo ở.

(8) Khi an cư xong, phải đến Tỳ kheo tăng cầu ba sự tự tứ: thấy, nghe và nghi.

“Trong thời kỳ [Tượng pháp và]⁸⁰⁶ Mạt pháp, có chúng đại Bồ-tát 120.000 vị gìn giữ cho pháp không bị diệt mất.”⁸⁰⁷

Vì câu kinh này nói đến các Bồ-tát thượng vị, nên không liên quan đến cuộc thảo luận ở đây.⁸⁰⁸

Hỏi: Nếu đúng như vậy, hành sự của Tăng sĩ trong khoảng thời gian 1.500 năm này là gì?

Đáp: Y theo Kinh Đại Thuật có nói:

‘Sau khi Phật nhập Niết-bàn, năm trăm năm đầu tiên, tôn giả Ca-diếp cùng bảy vị Hiền thánh tăng⁸⁰⁹ lần lượt hộ trì chánh pháp không cho diệt mất.

Năm trăm năm sau, chánh pháp diệt tận [, chỉ còn giáo pháp tương tợ].⁸¹⁰

Sáu trăm năm sau, 95 thứ ngoại đạo sẽ xuất hiện và tranh giành lẫn nhau, nhưng Mã Minh xuất thế và khuất phục các ngoại đạo.

Bảy trăm năm sau, Long Thọ xuất thế và phá hủy những ngọn cờ của tà kiến.

Tám trăm năm sau, các Tỳ kheo sẽ buông thả phóng túng và chỉ có một hai người đắc đạo quả.

Chín trăm năm sau, tôi trai làm Tỳ kheo, tôi gái làm Tỳ kheo ni.

⁸⁰⁶ Nhân Vương Bát Nhã Kinh Sớ (仁王般若經疏), No. 1707, Cát Tạng soạn, tr. 357c24.

⁸⁰⁷ Kinh Đại Bát Niết-bàn, No. 374, quyển 18, phẩm Phạm Hạnh, tr. 474a04: “Bấy giờ, trong nước [Câu-thiểm-di] ấy có mười hai vạn Đại Bồ-tát khéo gìn giữ pháp Ta. Sao có thể nói rằng pháp Ta diệt mất? Khi ấy ở trong cõi Diêm-phù-đề không có một tỳ kheo nào là đệ tử của ta. Ma Ba-tuần dùng lửa lớn đốt cháy tất cả kinh điển hiện có.”

⁸⁰⁸ Thượng vị là chư vị Bồ-tát, hạ vị là phàm phu.

⁸⁰⁹ Sau tôn giả Ma-ha Ca-diếp là bảy vị tôn giả: A-nan, Ưu-ba-cúc-đa, Phú-lâu-na, Thi-la-nan-đà, Thanh Liên Hoa Nhân, Ngưu Khẩu và Bảo Thiên.

⁸¹⁰ Kinh Ma Ha Ma Da: “Tôn giả A-nan tuân lệ: –Trước kia tôi từng nghe Đức Thế Tôn nói việc chánh pháp đời sau: Sau khi Ta Niết-bàn, Ma-ha Ca-diếp cùng A-nan kết tập Tạng pháp, hết thấy việc đều xong Ma-ha Ca-diếp sẽ vào diệt tận định trong núi Lang Tích. Tôi cũng sẽ được quả chứng, lần lượt theo sau nhập Niết-bàn, đem chánh pháp giao phó cho Ưu-ba-cúc-đa. Khéo nói pháp yếu như Phú-lâu-na rộng nói pháp độ người, trở lại khuyến hóa vua A-thâu-ca, làm cho pháp Phật có được lòng tin vững chắc. Đem xá-lợi Phật thờ khắp tám vạn bốn ngàn tháp. Sau hai trăm năm Tỳ kheo Thi-la-nan-đà giảng nói pháp yếu ở Diêm-phù-đề độ mười hai ức người. Ba trăm năm sau, Tỳ kheo Thanh Liên Hoa Nhân giảng nói pháp độ nửa ức người. Bốn trăm năm sau, Tỳ kheo Ngưu Khẩu giảng nói pháp yếu độ chúng vạn người. Năm trăm năm sau, Tỳ kheo Bảo Thiên giảng nói pháp độ hai vạn người, tám bộ chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Ngang đây chánh pháp sẽ diệt tận.” (tr. 1013b22)

Một ngàn năm sau, giảng nói bất tịnh quán, Tỳ kheo sẽ phẫn nộ không muốn nghe.

Một ngàn một trăm năm sau, Tăng ni lấy vợ lấy chồng, hủy báng Tỳ-ni.

Một ngàn hai trăm năm sau, các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni làm phi Phạm hạnh, có con cái [, nam làm Tỳ kheo, nữ làm Tỳ kheo ni].

Một ngàn ba trăm năm sau, áo cà sa thay đổi màu trắng.

Một ngàn bốn trăm năm sau, bốn bộ đệ tử giống như kẻ thợ săn, đem bán vật dụng của Tam bảo.

Một ngàn năm trăm năm sau, hai Tỳ kheo ở nước Câu-thiểm-di sẽ tranh chấp đúng sai và cuối cùng giết hại nhau, kết quả là giáo pháp sẽ được cất giữ ở long cung.⁸¹¹

Đoạn này cũng được tìm thấy trong Kinh Niết Bàn, quyển 18, Kinh Nhân Vương, và các kinh khác. Theo những đoạn kinh này, sau 1.500 năm, sẽ không có giới luật, thiên định và trí tuệ. Vì vậy, Kinh Đại Tập, quyển 51, nói:

‘Sau khi Ta diệt độ, năm trăm năm đầu, các chúng Tỳ kheo ở trong pháp Ta, Giải thoát được kiên cố. (Sơ đắc Thánh quả gọi là giải thoát.) Năm trăm năm nữa, trong chánh pháp Ta, Thiên định [tam-muội] được trú kiên cố. Năm trăm năm nữa, đọa tụng Đa văn được trú kiên cố. Năm trăm năm nữa, ở trong pháp Ta, nhiều sự tạo lập chùa tháp được trú kiên cố. Năm trăm năm nữa, đấu tranh kiện cáo, bạch pháp ẩn trệ, tổn giảm kiên cố.’⁸¹²

Đoạn này có nghĩa là, trong ba thời kỳ năm trăm năm đầu tiên, ba pháp Giới, Định, Tuệ được an trú kiên cố. Nói cách khác, trong phần trích dẫn trên, Chánh

⁸¹¹ Kinh Đại Thuật (大術經) tức là Kinh Ma Ha Ma Da (摩訶摩耶經), No. 383. Sách Tây Vực Ký ghi: “Ma-ha Ma-da, Đường dịch là Đại thuật, hoặc gọi là Đại huyển.” Thân mẫu của Đức Phật có đại huyển thuật: “Sửa từ hai nhũ hoa chảy ra như hoa sen trắng, chảy vào trong miệng của Đức Như Lai,” nên gọi là đại thuật. Lược dẫn, quyển hạ, tr. 1013b23-1014a03. Đây là thuyết Chánh pháp 500 năm, Tượng pháp 1.000 năm, Mạt pháp 10.000 năm.

⁸¹² Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập (大方等大集經), No. 397, quyển 55, tr. 363a29.

pháp kéo dài 500 năm và Tượng pháp kéo dài 1.000 năm. Khoảng thời gian ‘tạo lập chùa tháp’ trở đi là thuộc thời kỳ Mạt pháp.

Thế nên, trong Kim Cương Bát Nhã Luận Hội Thích, ngài Đại Thừa Cơ viết: ‘Chánh pháp năm trăm năm, Tượng pháp một ngàn năm. Sau 1.500 năm này, chánh pháp diệt tận.’⁸¹³

Nên biết, thời kỳ sau đó là thuộc về Mạt pháp.

Hỏi: Nếu đúng như vậy, chính xác đời nay thuộc về thời kỳ nào?

Đáp: Có nhiều thuyết liên quan đến niên đại sau Phật nhập diệt, hãy nêu ra hai thuyết:

Đầu tiên, Pháp sư Pháp Thượng⁸¹⁴ và những người khác, dựa trên Chu Thư Dị Ký⁸¹⁵, nói rằng: ‘Đức Phật nhập diệt vào năm thứ 53 (Nhâm Thân, 949 TCN) đời Mục Vương Mãn, vị vua thứ năm của triều đại Chu.’

⁸¹³ Kim Cương Bát Nhã Luận Hội Thích (金剛般若論會釋), No. 1816, 3 quyển, Khuy Cơ soạn, quyển thượng, lược dẫn tr. 736a17.

⁸¹⁴ Pháp Thượng (法上, Hōjō, 495-580): vị tăng sống dưới thời Bắc Triều, xuất thân vùng Triều Ca (朝歌, thuộc Huyện Kì [淇縣], Hà Nam [河南]), họ Lưu (劉), lúc 9 tuổi đã đọc được Kinh Niết Bàn, sớm có chí xuất trần. Năm lên 12 tuổi, ông theo xuất gia với Thiền Sư Đạo Dược (道藥), chuyên tâm cầu đạo, thông hiểu kinh luận, người đời gọi là Thánh Sa Di. Sau ông nương Luật Sư Huệ Quang (慧光) thọ Cụ Túc giới, tinh thông nghĩa lý, tuyên giảng Thập Địa Kinh Luận (十地經論), Lăng Già Kinh (楞伽經), Niết Bàn Kinh (涅槃經), v.v., và soạn văn sớ cho các bộ kinh này. Năm 40 tuổi, ông vân du giáo hóa ở Hoài Châu (懷州), Vệ Châu (衛州). Nhân có vị đại tướng nhà Ngụy Cao Trừng (高澄) thỉnh cầu, ông vào kinh đô nhà Nghiệp nhậm chức Tăng Thống. Đến khi nhà Bắc Tề hưng thịnh, vua Văn Tuyên Đế (文宣帝, tại vị 550-559) tôn ông lên làm Quốc Sư, thường hầu hạ cung phụng như Phật. Suốt hai thời đại Ngụy và Tề, trong gần 40 năm ông đã quản lý hơn 40.000 ngôi chùa và khoảng 20 vạn tăng ni. Vị Thừa Tướng nước Cao Cú Lệ (高句麗) mến mộ danh tiếng của ông, cho chư tăng đến hỏi về ngày tháng đản sanh của đức Phật, Phật Giáo được truyền vào Trung Quốc, v.v. Đến thời kỳ pháp nạn diệt Phật hủy Thích của vua Võ Đế thời Bắc Chu, ông phải ẩn náu dưới hình thức thế tục. Vào năm thứ 2 (580) niên hiệu Đại Tượng (大象), sau khi tụng kinh Duy Ma và Thắng Man xong, ông thị tịch, hưởng thọ 86 tuổi. Trước tác ông để lại cho hậu thế có Tăng Nhất Số Pháp (增一數法) 40 quyển, Đại Thừa Nghĩa Chương (大乘義章) 6 quyển, Phật Tính Luận (佛性論) 2 quyển, Chúng Kinh Luận (眾經論) 1 quyển, v.v. Môn đệ của ông có Huệ Viễn (慧遠), Pháp Tồn (法存), Đạo Thận (道慎), Linh Dụ (靈裕), Dung Trí (融智), v.v.

⁸¹⁵ Chu Thư Dị Ký (周書異記): Chu Thư là sách lịch sử của triều đại Chu. Vào thời nhà Chu, lịch sử được chia thành các loại khác nhau, và ghi chép về các sự kiện đặc biệt được gọi là Dị Ký. Chu Thư Dị Ký là một tác phẩm Phật giáo được viết vào thời nhà Tùy và nhà Đường, khi cuộc tranh cãi giữa Phật giáo và Đạo giáo rất gay gắt, kể về hai đời vua Tây Chu tiên đoán về sự ra đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần nhằm đời Chu Chiêu Vương thứ 24, có ánh sáng năm sắc chiếu khắp bầu trời trùm cả phương Tây. Quan thái sử Tô Điền nói rằng: Có Bậc Thánh Nhân sinh ra ở phương Tây (Tây Vực). Ngày rằm tháng hai năm Nhâm Thân, nhằm đời Chu Mục Vương thứ 53, vào sáng sớm thấy có mống trời dài 12 đạo suốt từ Nam đến Bắc, quan thái sử Hồ Đa nói rằng: Đó là tướng bậc Đại Thánh nhân ở phương Tây qua đời.”

Nếu chấp nhận lý thuyết này, thì từ năm Nhâm Thân đến năm Diên Lịch 20 (Tân Ty, 801) của chúng ta là 1.750 năm.

Thứ hai, Phí Trường Phòng⁸¹⁶ và những người khác, dựa vào Kinh Xuân Thu⁸¹⁷, biên niên sử của nước Lỗ, nói: ‘Đức Phật nhập diệt vào năm thứ tư (Nhâm Tý, 609 TCN) đời vua Khuông Vương Ban⁸¹⁸, vị vua thứ 20 của nhà Chu.’

Nếu chấp nhận lý thuyết này, thì từ năm Nhâm Tý đến năm Diên Lịch 20 (Tân Ty, 801) của chúng ta là 1.410 năm.

Như vậy, thời nay là giai đoạn cuối của thời kỳ Tượng pháp, và hành sự của giai đoạn ấy đã giống Mạt pháp. Trong thời kỳ Mạt pháp, chỉ có ngôn giáo mà không có thực hành và chứng ngộ. Nếu có giới pháp thì có thể có phá giới. Nhưng đã không có giới pháp, do phá giới gì mà nói là phá giới? Phá giới còn không có, huống hồ là trì giới!

Vì thế Kinh Đại Tập nói: ‘Sau khi Phật Niết-bàn, Tỳ kheo vô giới đầy cả Nam Thiệm Bộ châu, v.v.’⁸¹⁹

⁸¹⁶ Phí Trường Phòng (費長房): Danh tăng Trung quốc sống vào đời Tùy, người Thành đô. Sư học rộng, giỏi văn chương, thông hiểu cả Nho, Phật, Bách gia. Vào thời Bắc Chu, Vũ đế (543-578) phá hủy Phật giáo, sư bị cưỡng bức hoàn tục, tìm nơi ở ẩn. Khi nhà Tùy nổi lên, phục hưng Phật giáo, thiết lập đạo tràng dịch kinh, sư vâng sắc chỉ giữ chức Bút thợ trong dịch trường. Những kinh do sư ghi chép gồm có: Kinh Đại phương đẳng đại tập nhật tạng, do ngài Na-liên-đề-lê-da-xá dịch, kinh Lực trang nghiêm tam muội; kinh Phật bản hành tập, do ngài Xà-na-quật-đa dịch, kinh Thiện tư đồng tử, kinh Di thức, kinh Quán sát chư pháp hành, kinh Thương chủ thiên chủ sở vấn. Sư nhận thấy mục lục các kinh qua các đời bị tản mạn, thất lạc, năm tháng thì lộn xộn, thiếu sót, nên sư soạn bộ Lịch đại tam bảo kỷ 15 quyển là tư liệu tham khảo quan trọng cho các bộ mục lục kinh điển ở đời Đường. Nhưng trong bộ sách này có nhiều tài liệu được dẫn dụng lầm lẫn, như chuẩn tắc biên soạn Nhập tạng lục, Đại tiểu thừa kinh lục rất thiên vị và sai lạc, bị các bộ Mục lục kinh đời sau phê bình. Hơn nữa, trong sách này, tác giả đã đem quá nửa các kinh điển mà các bộ Kinh lục trước đó, như Xuất tam tạng kí tập, đã xếp vào loại các kinh điển mất tên người dịch, gán cho các nhà dịch kinh nổi tiếng đời trước, điều này đặc biệt bị các nhà học giả cận đại công kích. Bộ Lịch đại tam bảo kỷ này hiện được thu vào Đại chính tạng tập 49, No. 2034.

⁸¹⁷ Xuân Thu (春秋), cũng được gọi là Lân Kinh (麟經), là bộ biên niên sử của nước Lỗ viết về giai đoạn từ năm 722 TCN tới năm 481 TCN, tức là từ Lỗ Ẩn công năm thứ nhất đến Lỗ Ai công năm thứ 14. Đây là văn bản lịch sử Trung Quốc sớm nhất còn lại và được ghi chép theo thể biên niên. Văn bản được đánh giá cực kỳ súc tích, và nếu bỏ toàn bộ phần truyện, nội dung sẽ dài khoảng 16.000 chữ, vì thế chỉ có thể hiểu được nghĩa của nó với sự hỗ trợ của những truyện của các học giả thời xưa, đặc biệt theo truyền thống Tả truyện.

⁸¹⁸ Chu Khuông Vương (周匡王, trị vì 612 TCN - 607 TCN), tên thật là Cơ Ban (姬班), là vị vua thứ 20 của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông là con trai của Chu Khoảnh Vương (周頃王) – vua thứ 19 nhà Chu. Sử ký không ghi chép các sự kiện xảy ra dưới thời Chu Khuông vương ở ngôi. Năm 607 TCN, Chu Khuông Vương mất. Ông ở ngôi 6 năm. Em ông là Cơ Du (姬瑜) lên nối ngôi, tức là Chu Định Vương (周定王).

Hỏi: Trong các kinh và luật, chế định người phá giới không được phép nhập chúng. Ngay cả người phá giới đã vậy, huống chi người vô giới. Nhưng bây giờ bàn thêm ‘Mạt pháp thì vô giới’, há không có vết thương mà tự cảm thấy đau sao?

Đáp: Lý lẽ này không đúng. Hành sự [của Tỳ kheo] trong thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt Pháp được ghi trong nhiều kinh điển. Ai ở thời kỳ đó - dù là nội giáo hay ngoại đạo, dù là tu sĩ hay cư sĩ - mà chưa đọc nó? Há có lối sống sai lầm, tham cầu cho tự thân mà che giấu chánh pháp của sự hộ trì quốc độ⁸²⁰?

Tuy nhiên, trong thời kỳ Mạt pháp mà chúng ta đang bàn ở đây, chỉ có Danh tự Tỳ kheo⁸²¹. Những Danh tự Tỳ kheo là chân bảo của thế gian, là đại phước điền⁸²². Trong thời mạt pháp, nếu có người trì giới, thì đó là sự quái dị, giống như ‘con hổ giữa chợ’. Ai sẽ tin vào điều này?

Hỏi: Những sự thể của thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp đã được thấy trong các kinh điển. Tuy nhiên, ‘Danh tự Tỳ kheo của thời kỳ Mạt pháp là chân bảo của thế gian’ có phải xuất từ Thánh điển?

Đáp: Kinh Đại Tập [Nguyệt Tạng], quyển 9, có ghi: ‘Vị như vàng ròng là báu vô giá. Nếu không có vàng ròng thì bạc là báu vô giá. Như không có bạc thì đồng thau là báu vô giá. Nếu không có đồng thau thì đồ báu giả tạo là vô giá. Nếu không có đồ báu giả tạo thì các thứ đồng đỏ, kẽm, bạch lập⁸²³, chì, thiếc là những báu vô giá. Cũng như thế, so với hết thấy mọi vật trong thế gian, thì Phật bảo là vô

⁸¹⁹ Chánh văn ‘Phật niết bàn hậu vô giới mãn châu’ (佛涅槃後無戒滿州).

⁸²⁰ Quốc độ chỉ cho cõi Diêm-phù-đề.

⁸²¹ Thập tụng luật 1 (Đại 23, tr.2a): có bốn hạng Tỳ kheo: 1. Danh tự Tỳ kheo, 2. Tự xưng Tỳ kheo, 3. Hành khất Tỳ kheo, 4. Phá phiền não Tỳ kheo. Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ nại da (Đại 23, tr.629c-630a) có năm hạng Tỳ kheo: 1. Danh tự Tỳ kheo, 2. Tự ngôn Tỳ kheo, 3. Hành khất Tỳ kheo, 4. Phá phiền não Tỳ kheo, 5. Bạch tứ yết-ma cụ túc Tỳ kheo. Tứ phần luật 1 (Đại 22, tr 571a) có 8 hạng Tỳ kheo: 1. Danh tự Tỳ kheo, 2. Tương tự Tỳ kheo, 3. Tự xưng Tỳ kheo, 4. Thiện lai Tỳ kheo, 5. Hành khất Tỳ kheo, 6. Trước cát tiệt y Tỳ kheo, 7. Phá kết sử Tỳ kheo. 8. Thọ Đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu đắc xứ sở Tỳ kheo.

⁸²² Danh tự Tỳ kheo là chân bảo của thế gian, là đại phước điền. Vì sao? Vì họ đem lại sự lợi ích lớn lao cho nhiều chúng sinh, và vì gợi lại hình ảnh của Đức Phật khi tại thế.

⁸²³ Bạch lập (白鑠): kim loại pha lẫn giữa chì và thiếc, dễ nóng chảy, dùng trong việc hàn các kim loại khác.

thượng. Như không có Phật bảo thì bậc Duyên giác là vô thượng. Nếu không có Duyên giác thì bậc A-la-hán là vô thượng. Như không có A-la-hán thì Hiền thánh chúng khác là vô thượng. Nếu không có Hiền thánh chúng thì phàm phu đặc định là vô thượng. Nếu không có đặc định thì người trì giới thanh tịnh là vô thượng. Nếu không có trì giới thanh tịnh thì Tỳ kheo trì giới nhiễm ô là vô thượng. Nếu không có trì giới nhiễm ô thì Tỳ kheo trên danh tự, cạo bỏ râu tóc, thân mặc cà sa là vô thượng; nếu so với 95 thứ ngoại đạo thì là bậc nhất, nên xứng đáng nhận sự cúng dường của thế gian để làm phước điền cho họ. Vì sao? Vì họ có thể chỉ rõ cho chúng sinh về những điều đáng kinh sợ. Nếu có sự hộ trì, nuôi dưỡng, an trí họ, thì những thí chủ ấy chẳng bao lâu được trú nơi nhĩ địa.⁸²⁴

Trong đoạn này nói đến tám loại báu vô giá: Như Lai, Duyên giác, Thanh văn (A-la-hán) và ba quả đầu (Tu-đàn-hoàn, Tu-đàm-hàm, A-na-hàm); phàm phu đặc định, Tỳ kheo trì giới, Tỳ kheo phá giới, và Tỳ kheo danh tự vô giới.

Đây là những báu vật vô giá của các thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Bốn báu đầu tiên thuộc về thời kỳ Chánh pháp, ba báu tiếp theo thuộc về thời kỳ Tượng pháp, và báu cuối cùng thuộc về thời kỳ Mạt pháp. Do đây biết rõ, người phá giới và người vô giới đều là chân bảo của thế gian.

Hỏi: Đọc đoạn kinh trên, thấy Phá giới Tỳ kheo và Danh tự Tỳ kheo đều là chân bảo. Vì sao trong Kinh Niết Bàn và Kinh Đại Tập lại nói, ‘*Nếu quốc vương và đại thần cúng dường Tỳ kheo phá giới, thì đất nước khởi lên tam tai*⁸²⁵, cuối

⁸²⁴ Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập (大方等大集經), No. 397, quyển 55, tr. 363b10. Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh (大集月藏經) là quyển 9. Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh gồm 10 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá dịch vào đời Tùy. Cũng gọi Đại phương đẳng Đại tập Nguyệt Tạng Kinh, gọi tắt: Nguyệt Tạng Phần, Nguyệt Tạng Kinh, thu vào Đại chánh tạng tập 13. Kinh này tuy là một bộ phận của kinh Đại Tập, nhưng rất đầy đủ, cho nên có thể được xem như một kinh riêng biệt. Nội dung kinh này ghi chép sự tích đức Phật đầu tiên giáo hóa các Bồ-tát Tỳ kheo ở núi Khu-la-đế, rồi hóa độ Ma vương, Ba tuần, A-tu-la, Trời, Rồng, Quỷ thần v.v. khiến họ quy y Phật pháp. Chúng hội trong kinh này rất đông và đủ loại, như 600 vạn Hữu học Vô học, 80 ức na do tha trăm nghìn quyển thuộc của Đại Bồ-tát, chư Thiên, quỷ thần v.v... Ngoài ra, còn ghi chép cả thuật chiêm tinh, lịch sử, địa lý của 16 nước ở Ấn Độ và các nước Tây Vực. Về tư tưởng Phật pháp diệt tận thì miêu tả rất tỉ mỉ.

⁸²⁵ Tam tai: thủy tai, hỏa tai và binh tai.

cùng vị ấy bị sinh vào địa ngục.’ Người phá giới đã vậy, huống chi người vô giới. Như vậy, đối với một vị Tỳ kheo phá giới, Như Lai có lúc chê bai, có lúc khen ngợi, trong lời nói của Phật có cái lỗi nhận định trái ngược hay không?

Đáp: Lý ấy không đúng. Trong kinh Niết Bàn và các kinh khác, chỉ chế định phá giới trong thời kỳ Chánh pháp, chứ không nói đến các Tỳ kheo thời kỳ Tượng pháp và Mạt pháp. Mặc dù các học xứ là như nhau, nhưng đôi khi có khác, tùy thời mà chế định và khai hứa. Đây là ý định của Đại Thánh. Nơi Đức Phật Thế Tôn, không có lỗi của hai nhận định trái ngược.

Hỏi: Nếu quả như vậy thì làm sao biết kinh Niết Bàn và các kinh khác ngăn cấm phá giới trong thời kỳ Chánh pháp và nó không áp dụng cho Tỳ kheo thời kỳ Tượng pháp và Mạt pháp?

Đáp: Như đã dẫn tám thứ chân bảo được dạy trong Kinh Đại Tập, thì đây là bằng chứng. Vì tùy theo thời đại, tất cả Tỳ kheo đều được coi là vô giá. Tuy nhiên, Tỳ kheo nào phá giới trong thời kỳ Chánh pháp, làm ô uế Tăng đoàn thanh tịnh, thì Phật nghiêm cấm không cho nhập chúng. Thế nên, trong kinh Niết Bàn, quyển ba, có nói:

‘Nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc cho các quốc vương, đại thần, tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các quốc vương và bốn bộ chúng nên khuyên răn, khích lệ những người tu học khiến được tăng trưởng giới – định – tuệ. Nếu có người không học ba phẩm pháp này mà lười biếng, phá giới, hủy hoại chánh pháp, thì quốc vương, đại thần, bốn bộ chúng nên trừng trị nghiêm khắc. Như vậy, các quốc vương, đại thần, v.v. được vô lượng công đức. (...) [Tỳ kheo giữ gìn giới pháp cũng vậy, thấy có người phá giới, hủy hoại chánh pháp liền quả trách, cử tội, đuổi đi. Có Tỳ kheo trì giới thấy người phá hoại chánh pháp nếu bỏ qua không khiến trách, cử tội, đuổi đi, thì nên biết Tỳ kheo ấy là giặc trong

pháp Phật; nếu khiển trách, cử tội, đuổi đi, thì Tỳ kheo ấy] là đệ tử Thanh văn chân thật của Ta. Nên biết, người ấy được phước vô lượng.’⁸²⁶

[Lại nữa, Kinh Đại Tập, quyển 28 nói: ‘*Nếu có quốc vương thấy chánh pháp bị diệt mà không bảo hộ thì tất cả thiện căn tu tập thí, giới, tuệ trong vô số kiếp đều sẽ bị mất. Nước ấy sẽ gặp tam tai, tất cả thiện thân bỏ đi nơi khác, dân chúng không tuân theo lời vua, các nước láng giềng thường xâm phạm, lửa dữ nổi lên, mưa bão, lũ lụt cuốn trôi dân chúng, hoàng thân quốc thích mưu toan chiếm đoạt, không bao lâu nhà vua bị bệnh nặng, sau khi chết bị đọa vào địa ngục.*’ Đòng kinh ấy, quyển 31, nói: ‘*Đức Phật dạy: Đại vương bảo hộ một vị Tỳ kheo như pháp tu hành, không bảo hộ vô lượng các Tỳ kheo xấu ác. Ta nay chỉ cho phép hai hạng người thủ hộ [vật của chúng Tăng]: Tỳ kheo A-la-hán đủ tám giải thoát và người đắc quả Tu-đà-hoàn.*’]

Những lời văn chế định như vậy xuất hiện ở nhiều nơi trong kinh điển. Rõ ràng những lời văn chế định ấy đều chỉ cho thời kỳ Chánh pháp, không phải là những lời dạy cho thời kỳ Tượng pháp và Mạt pháp. Sở dĩ nói vậy là vì chánh pháp không được thực hành trong thời kỳ Tượng pháp và Mạt pháp. Không có pháp nào để hủy hoại, sao gọi là hủy pháp; không có giới nào bị phá vỡ, sao gọi là phá giới? Hơn nữa, trong thời kỳ như vậy, không có sự thực hành chánh pháp nào để một đại vương bảo hộ. Do đâu có ra tam tai và do đâu đánh mất giới - tuệ? Lại nữa, trong thời kỳ Tượng pháp và Mạt pháp, không có ai chứng quả. Tại sao nói chỉ cho phép hai bậc Thánh thủ hộ? Nên biết, những lời dạy trong các đoạn kinh trên đều đề cập đến thời kỳ Chánh pháp, khi giới luật được tuân giữ, vì chỉ khi đó mới có thể phạm giới.

Tiếp theo, liên quan đến 1.000 năm của thời kỳ Tượng pháp, trong 500 năm đầu tiên, trì giới dần giảm và phá giới dần tăng. Mặc dù các giới được tuân giữ và

⁸²⁶ Kinh Đại Bát Niết-bàn, No. 374, quyển 3, phẩm Thọ Mạng, tr. 381a28.

các hành được thực hiện, nhưng không có sự chứng quả. Do đó, kinh Niết Bàn, quyển bảy, nói rằng:

‘Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Như Phật đã nói có bốn thứ ma. Những điều ma thuyết và những gì Phật thuyết, con làm thế nào mà phân biệt được? Có những chúng sinh chạy theo ma hạnh và có những chúng sinh thuận theo lời Phật, những người như vậy làm sao biết được?’

Đức Phật bảo Ca-diếp: Bảy trăm năm sau khi Ta nhập niết bàn, ma Ba-tuần sẽ dần mạnh lên và sẽ không ngừng hành động để phá hoại chánh pháp của Ta. Ví như một người thợ săn mặc áo nhà sư, ma Ba-tuần cũng như vậy. Khi mang hình tướng Tỳ kheo, hình tướng Tỳ kheo ni, hình tướng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đại loại như vậy (...), [ma sẽ nói:] Các Tỳ kheo được phép nhận giữ của cải, tô tở, bò, cừu, voi, ngựa, kể cả ấm vạc đồng sắt, chậu đồng lớn nhỏ và các đồ dùng sinh hoạt; họ có thể làm ruộng trồng trọt, mua bán đổi chác, tích trữ lúa gạo. Vì lòng đại bi, thương xót chúng sinh, Đức Phật cho phép họ tham gia những hoạt động như vậy. Tất cả các kinh và luật như vậy đều là ma thuyết.’⁸²⁷

Đã nói, ‘Bảy trăm năm sau khi Ta nhập niết bàn, ma Ba-tuần sẽ dần mạnh lên’, cho nên biết rằng, lúc bấy giờ các Tỳ kheo sẽ dần tham chứa tám vật bất tịnh⁸²⁸. Việc tạo ra những giáo thuyết sai lầm là công việc của ma vương. Trong những kinh này chỉ rõ niên đại, nói đủ hành sự [của các Tỳ kheo], không nên nghi ngờ. Tôi đã nêu một đoạn văn, người khác theo đó mà biết.

⁸²⁷ Kinh Đại Bát Niết-bàn, No. 374, quyển 7, phẩm Như Lai Tánh, tr. 402c22.

⁸²⁸ Bát bất tịnh vật (八不淨物) Tám vật không sạch. Chỉ tám việc bị giới luật cấm các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni không được nuôi giữ, tích chứa hoặc làm, đó là: vàng, bạc, tô tở, bò, dê, kho tàng, buôn bán và canh tác. Ngoài ra, một thuyết khác về tám vật không sạch là: ruộng vườn, trồng trọt, thóc lúa, người hầu, cầm thú, tiền của, ấm đồng, ngà voi, vàng, giường trang sức và các vật quý báu.

Kế đến, trong nửa sau của thời kỳ Tượng pháp, việc trì giới sẽ giảm ít và việc phá giới sẽ tăng nhiều. Do đó, trong kinh Niết Bàn, quyển sáu, có nói rằng: ‘...’,⁸²⁹

Lại nữa, Kinh Thập Luân nói:

‘*Nếu theo pháp Ta xuất gia mà tạo tác ác hành. [Tỳ kheo như vậy là mù tối không thấy.] Đây không phải sa-môn mà tự xưng sa-môn, không phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Tỳ kheo tu hành ác pháp như thế còn có thể khai thị giáo hóa cho tất cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều được tất cả kho tàng công đức thiện pháp, vì chúng sinh mà làm thiện tri thức. Tuy không có ‘ít muốn biết đủ’, nhưng cạo bỏ râu tóc, đắp mặc pháp phục, do nhân duyên này họ có thể làm cho chúng sinh tăng trưởng thiện căn, và có thể khai thị thiện đạo cho chư thiên và loài người. [Cho nên Tỳ kheo theo Ta xuất gia, nếu trì giới hay phá giới, Ta đều không cho phép Chuyển luân Thánh vương, đại thần, tể tướng dùng hình phạt giam cầm, cắt bỏ tay chân, cho đến đoạn mạng.] Huống nữa là Tỳ kheo phá giới, tuy là người chết nhưng vẫn còn cái lực của giới. Giống như ngưu hoàng⁸³⁰, con bò đã chết nhưng người ta thu giữ nó. Cũng như xạ hương⁸³¹, con cây hương đã chết vẫn hữu dụng.*’⁸³²

⁸²⁹ Kinh Đại Bát Niết-bàn, No. 374, quyển 6, phẩm Như Lai Tánh, tr. 396c17-402c11.

⁸³⁰ Ngưu hoàng (牛黄, Calculus Bovis): sạn mật của trâu, bò. Theo Y học cổ truyền, ngưu hoàng có vị đắng, tính bình, hơi có độc. Quy vào 2 kinh tâm và can. Có tác dụng thanh nhiệt giải độc, tức phong chỉ kinh, hóa đàm khai khiếu. Ngưu hoàng được dùng trị các chứng sốt cao mê man, phát cuồng, thần trí hôn mê, trúng phong bất tỉnh, chân tay co quắp; động kinh; đặc biệt chứng kinh phong co giật ở trẻ con; chứng hầu họng sưng đau, lở loét, miệng lưỡi lở, ung thư đỉnh độc, ôn nhiệt bệnh.

⁸³¹ Xạ hương (麝香) là một chất đặc lớn nhỏ được lấy ra từ hạch ở sát dương vật của con cây hương đực trên 3 tuổi và có tên khoa học là Moschus moschiferus L. thuộc họ hươu xạ (Moschidae). Xạ hương là một dược liệu quý thu được từ tuyến của hươu xạ đực. Từ xa xưa, người ta không chỉ dùng xạ hương như một chất định hương nước hoa mà còn được sử dụng trong y học với nhiều tác dụng chữa bệnh. Qua nhiều thực nghiệm cho thấy xạ hương tốt cho người bệnh đột quỵ và thần kinh.

⁸³² Đại Phương Quảng Thập Luân Kinh (大方廣十輪經), No. 410, 8 quyển, quyển 3, tr. 694a17.

Như chúng ta thấy, [trong kinh Niết Bàn] có nói, ‘*Trong rừng Ca-la-ca, có một loại cây tên là Trấn-đầu-ca*’⁸³³. Ví dụ này cho thấy thời kỳ Tượng pháp đã suy tàn, và ‘phá giới trước thế’ chỉ có một hai Tỳ kheo trì giới.

Lại nói: ‘*Tỳ kheo phá giới, tuy là người chết nhưng vẫn còn cái lực của giới, giống như xạ hương*⁸³⁴, *con cây hương đã chết vẫn hữu dụng. Vị ấy làm bậc thiện tri thức của chúng sinh.*’

Chúng ta biết rõ rằng, trong thời kỳ này, dần cho phép [Tỳ kheo] phá giới [vẫn] là ruộng phước cho thế gian. Điều này giống đoạn kinh Đại Tập ở trên.

⁸³³ Kinh Đại Bát Niết-bàn, No. 374, quyển 6, phẩm Như Lai Tánh, tr. 401a11: “Ví như trong rừng Ca-la-ca có nhiều cây cối rậm rạp, nhưng ở trong rừng ấy chỉ có một giống cây tên Trấn-đầu-ca, mà quả của nó giống như quả cây Ca-la-ca, không thể phân biệt. Vào mùa quả chín, có một cô gái đến hái. Cô hái được chỉ một phần là quả Trấn-đầu-ca mà đến mười phần là quả Ca-la-ca. Cô chẳng biết việc ấy, liền mang hết ra chợ bán. Có những đứa nhỏ ngu dại chẳng biết phân biệt, mua lấy những quả Ca-la-ca, ăn xong thì chết.

Những người có trí nghe được chuyện ấy, bèn hỏi cô gái ấy rằng: ‘Cô hái những quả ấy ở đâu mang lại đây?’ Lúc ấy, cô gái liền nói ra chỗ hái quả. Những người ấy liền nói rằng: ‘Chỗ ấy có rất nhiều cây Ca-la-ca, nhưng chỉ có một cây Trấn-đầu-ca mà thôi.’ Biết như vậy rồi liền cười chê bỏ đi.

Thiện nam tử! Ở trong đại chúng, tám pháp bất tịnh cũng lại như vậy. Trong chúng này có rất nhiều người thọ dụng tám pháp ấy, chỉ có một người thanh tịnh trì giới, chẳng thọ nhận tám pháp bất tịnh. Mặc dầu biết rằng những người khác nhận và chứa vật phi pháp, nhưng người ấy cũng làm việc với họ, chẳng rời bỏ họ, như cây Trấn-đầu-ca duy nhất đứng giữa rừng kia.

Có vị Ưu-bà-tắc thấy trong chúng Tăng có nhiều người không theo đúng pháp, cho nên đối với tất cả đều chẳng cung kính cúng dường. Người ấy nếu muốn cúng dường, trước hết nên hỏi rằng: ‘Đại đức! Tám việc như vậy có nên nhận và chứa không? Phật có cho phép không? Nếu nói rằng Phật cho phép, thì những người như vậy có được chung cùng với người thanh tịnh mà thi hành các pháp bố-tát, yết-ma và tự tứ không?’

Vị Ưu-bà-tắc ấy hỏi như vậy rồi, chúng Tăng đều đáp: ‘Đức Phật vì lòng thương xót, có cho phép chứa tám việc như vậy.’ Vị Ưu-bà-tắc ấy nói: ‘Ở Tinh xá Kỳ Hoàn có những Tỳ kheo nói, Phật cho phép chứa vàng, bạc. Lại có những Tỳ kheo khác nói, Phật không cho phép chứa. Những Tỳ kheo nói ‘cho phép’ và những Tỳ kheo nói ‘không cho phép’, hai nhóm Tỳ kheo ấy chẳng ở chung, chẳng thuyết giới chung và chẳng tự tứ với nhau, cho đến chẳng uống nước chung một dòng sông. Và đồ vật lợi dưỡng họ cũng chẳng hưởng chung. Như vậy, vì sao các vị lại nói rằng Phật có cho phép? Đức Phật là bậc Thiên Trung Thiên, đấng Ngài có cho phép nhận đi nữa thì chúng Tăng cũng chẳng nên chứa trữ. Nếu có vị nào thọ nhận, thì chớ nên cùng chúng thuyết giới, tự tứ, yết-ma, làm Tăng sự với vị ấy. Nếu cùng với vị ấy mà thuyết giới, tự tứ, yết-ma, làm Tăng sự, thì khi chết sẽ đọa vào địa ngục, cũng như những người ăn quả Ca-la-ca liền bị chết.’”

⁸³⁴ Xạ hương (麝香) là một chất đặc lớn nhờn được lấy ra từ hạch ở sát dương vật của con cây hương đực trên 3 tuổi và có tên khoa học là *Moschus moschiferus* L. thuộc họ hươu xạ (*Moschidae*). Xạ hương là một dược liệu quý thu được từ tuyến của hươu xạ đực. Từ xa xưa, người ta không chỉ dùng xạ hương như một chất định hương nước hoa mà còn được sử dụng trong y học với nhiều tác dụng chữa bệnh. Qua nhiều thực nghiệm cho thấy xạ hương tốt cho người bệnh đột quỵ và thần kinh.

Tiếp theo, sau khi kết thúc thời kỳ Tượng pháp, hoàn toàn là vô giới. Thấy biết thời vận, vì muốn cứu chúng sinh Mạt thế, Đức Phật ca ngợi những người xuất gia trên danh tự, tuyên bố họ là ruộng phước cho thế gian. Kinh Đại Tập, quyển 52, có nói:

‘Nếu mạt thế sau này, trong chánh pháp của Ta, người nào cạo bỏ râu tóc, thân mặc cà sa, nhưng hủy phá cấm giới, hành không như pháp, thì chỉ là Tỳ kheo danh tự. Tỳ kheo danh tự phá giới như thế, nếu có người đàn-việt xả thí cúng dường, hộ trì nuôi dưỡng, Ta nói người ấy có được vô lượng a-tăng-kỳ đại phước đức.’⁸³⁵

Lại nữa, Kinh Hiền Ngu nói:

‘Mạt thế tương lai, khi pháp sắp diệt tận, Tỳ kheo nuôi vợ giầu con, nhưng bốn người trở lên là chúng Tăng danh tự, nên phải lễ kính, xem như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, v.v.’⁸³⁶

Lại nói:

‘Nếu đánh chửi người phá giới, vô giới, thân mặc cà sa cạo tóc, thì tội đồng với tội làm thân muôn ức Đức Phật chảy máu.’⁸³⁷

‘Nếu có chúng sinh theo pháp Ta mà xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, giả như không trì giới, thì những người ấy đã thực hiện xong sự ấn chứng cho Niết-bàn ấn.’⁸³⁸

Cho đến Kinh Đại Bi nói:

⁸³⁵ Kinh Đại Phương Đăng Đại Tập, quyển 55, tr. 363b05.

⁸³⁶ Kinh Hiền Ngu (賢愚經), No. 202, 10 quyển, Tuệ Giác dịch, quyển 12, phẩm 57: Ba-bà-lê, tr. 434a19.

⁸³⁷ Lấy ý từ Kinh Đại Tập quyển 53 và 54. Tứ Phần Luật San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao (四分律刪繁補闕行事鈔), No. 1804, Sa-môn Đạo Tuyên soạn, thiên 9: Thầy Trò Nhiếp Giữ Nhau, tr. 33c05: “Kinh Đại Tập chép: Nếu đánh chửi người phá giới, vô giới, thân mặc cà sa cạo tóc, thì tội đồng với tội làm thân muôn ức Đức Phật chảy máu.”

⁸³⁸ Kinh Đại Phương Đăng Đại Tập, quyển 53, phẩm Nhẫn Nhục, tr. 354a26.

‘Trong đời vị lai, khi giáo pháp sắp diệt tận, sẽ có các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, sau khi xuất gia trong giáo pháp của Ta, nắm tay trẻ nít cùng nhau rong chơi, từ quán rượu này đến quán rượu khác, sống trong giáo pháp của Ta mà làm việc phi phạm hạnh. Tuy họ sống với nhân duyên rượu, nhưng ở Hiền kiếp này, tất cả đều sẽ đắc Bát Niết-bàn. (...)

Ở trong kiếp này sẽ có một ngàn Đức Phật ra đời, vì nhân duyên ấy mà kiếp này được gọi là Hiền kiếp. Nay A-nan! Sau khi Như Lai diệt độ, trong Hiền kiếp này, sẽ còn 996 Đức Phật ra đời: đầu tiên là Đức Phật Câu Lưu Tôn, thứ tư là Ta, sau đó là Di Lặc sẽ thay Ta, cho đến cuối cùng là Lô Chí Như Lai. Thứ tự như thế, ông nên biết.

Nay A-nan! Ở trong giáo pháp của Ta, giả sử có người tánh là sa-môn mà làm ô nhiễm hạnh sa-môn, tự xưng là sa-môn vì có hình tướng giống sa-môn, mặc áo cà sa. Trong Hiền kiếp này, kể từ Di Lặc đứng đầu cho đến cuối cùng là Lô Chí Như Lai, những vị sa-môn ở chỗ của các Đức Phật như vậy, đều an trú cảnh giới Vô dư Niết-bàn, tuân tự sẽ đắc nhập Bát Niết-bàn, không sót một ai. Vì sao? Nay A-nan! Tất cả những vị sa-môn ấy đã có một lần xưng danh hiệu Phật, một đời sinh tín tâm, những công đức đã tạo đó không bao giờ hư mất.

Nay A-nan! Như Lai dùng Phật trí quán sát pháp giới, không có điều gì mà không biết.’⁸³⁹

Tất cả những kinh này đều chỉ rõ niên đại, cho rằng những Tỳ kheo trên danh tự ở đời Mạt pháp tương lai đều là những vị thầy đáng được tôn trọng. Nếu đem văn bản chế định của thời kỳ Chánh pháp mà chế định cho Tăng sĩ trên danh tự của thời kỳ Mạt pháp, thì giáo lý và căn cơ sẽ rơi vào thế đối lập; con người và giáo pháp sẽ không còn phù hợp nữa. Theo đó, Tứ Phần Luật nêu rõ:

⁸³⁹ Kinh Đại Bi, quyển 3, phẩm 8: Lễ Bái, tr. 958a09.

‘Phi chế lại chế, đã chế thì đoạn tam minh’⁸⁴⁰. [Thế Tôn] đã ký thuyết⁸⁴¹ việc này là có tội.’⁸⁴²

Trên đây đã trích dẫn các kinh văn phân phối theo các thời kỳ giáo pháp đã xong.

Sau cùng, tôi sẽ nêu giáo pháp để so sánh. Mạt pháp là như thế [trong bản chất] thì chánh pháp [đương nhiên] hủy hoại. Do đó, ba nghiệp thân miệng ý không thể được điều chỉnh, bốn uy nghi đi đứng ngồi nằm đều bị vi phạm.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: [*‘Bấy giờ người đạo kẻ tục xây chùa cát tháp, cúng dường Tam Bảo, nhưng không sinh tâm kính trọng. Thịnh Tăng đến ở chùa, nhưng không cúng dường cơm nước, y phục, đồ nằm, thuốc thang, trái lại mượn có lấy xin đồ ăn của Tăng, không sợ một mai rớt vào ba đường khổ. Bấy giờ, hết thầy người tục, bắt luận sang hèn, chỉ muốn trong chúng Tăng làm điều bất lợi, xâm tổn não loạn. Bọn người như thế mãi đạo trong tam đồ.’*]⁸⁴³

Di Giáo Pháp Luật nói: [*‘Nếu người xuất gia sử dụng ngựa xe một ngày thì trừ bớt 500 ngày trai; một năm có 360 ngày sử dụng, tính ra trừ bớt 18 vạn ngày trai. Xá-lợi-phất thưa hỏi Đức Phật: Vì sao Tỳ kheo sử dụng ngựa xe một ngày mà trừ bớt năm trăm ngày trai? Đức Phật dạy: Tỳ kheo là người biết rõ luật cấm,*

⁸⁴⁰ Tam minh: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lộ tận minh.

⁸⁴¹ Ký thuyết (記說): xác nhận.

⁸⁴² Chánh văn là ‘Chế phi chế giả tắc đoạn tam minh’ (制非制者則斷三明). Ở đây có chỗ làm lẫn. Theo Tứ Phần Luật là ‘Phi chế nhi chế, thị chế tiện đoạn’ (非制而制, 是制便斷). Tứ Phần Luật (四分律), No. 1428, phần Tạp Pháp, chương Tỳ Ni Tăng Nhất: “Đức Phật bảo các tỳ kheo: Nếu tỳ kheo nào, ‘phi chế mà chế, chế ấy liền đoạn’, thì những việc làm như vậy dần dần khiến cho giới bị hủy hoại, khiến nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, khiến diệt chánh pháp. Nếu tỳ kheo nào, ‘phi chế không chế, chế ấy không đoạn’, thì như vậy lần lần khiến cho giới thành tựu, lợi ích nhiều người, không tạo ra các nghiệp khổ, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các Thầy, phi chế không được chế, đã chế không được đoạn, nên tùy theo giới luật đã chế mà học.” (tr. 990c02) Chế (制, paññatti): quy định. Chế có tùy chế, bất tùy phạm chế (quy định không căn cứ theo vi phạm đã xảy ra), biến xứ chế (quy định cho tất cả mọi trường hợp), nhất phần chế (quy định có giới hạn), cộng thông chế (quy định chung cho cả hai bộ), bất cộng thông chế (quy định riêng cho mỗi bộ), nhất bộ chế, lưỡng bộ chế. Phi chế: không phải Phật chế định.

⁸⁴³ Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh (像法決疑經), No. 2870, 1 quyển, tr. 1337b11.

người khác trông thấy sinh tâm bài báng, khiến cho người ta mang tội, trừ người già yếu bệnh tật tạm thời sử dụng thì không phạm.’]⁸⁴⁴

Kinh Tỳ Kheo Ứng Cúng Pháp Hành nói: [*‘Đệ tử của Ta nếu thọ thỉnh riêng biệt, thì người ấy nhất định mất Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, không gọi là Tỳ kheo. Người ấy không được đi trên đất của quốc vương, uống nước của quốc vương. Có năm trăm đại quý thường án trước mặt người ấy mà bảo với nhau rằng, đó là Tỳ kheo bầy kiếp không gặp Phật, Phật không trao tay, không được thọ nhận tài vật của thí chủ. Năm ngàn đại quý đi sau người ấy mắng rằng, đó là tên giặc lớn của Phật pháp.’]*

Kinh Lộc Tử Mẫu nói: [*‘Biệt thỉnh năm trăm A-la-hán, cũng không được gọi phước điền. Nếu cúng thí cho một Tỳ kheo tương tự xấu ác được vô lượng phước.’]⁸⁴⁵*

Kinh Nhân Vương nói: [*‘Này đại vương! Trong đời vị lai, quốc vương, thái tử, vương tử, bốn bộ đệ tử, hành xử ngang ngược với đệ tử Phật, chế ra cấm giới như pháp bạch y, như pháp binh nô. Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni ghi tên làm sứ giả*

⁸⁴⁴ Pháp Uyển Châu Lâm (法苑珠林), No. 2122, Đạo Thế soạn, tr. 958a10.

⁸⁴⁵ Thập Luật Tụng, Tụng thứ tám, Pháp tạng nhất: “Lúc đó Phật cùng năm trăm A-la-hán vào thành Thủ Ba, đến nhà Trưởng giả Thư-tỳ-kiền-noa thọ phần thức ăn rồi đến bên ao A-nậu-đạt thọ thực. Lộc Tử mẫu nghe tin này rồi sinh tâm tín kính bèn đến chỗ Phật đánh lễ rồi bạch Phật rằng: Thế Tôn, con nay đến chỗ Phật xin biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán ngày mai đến nhà con thọ thực, Phật im lặng nhận lời. Lộc Tử mẫu biết Phật đã nhận lời liền đánh lễ, hữu nhiều rồi đi. Về nhà, ngay trong đêm đó lo sửa soạn các món ăn ngon, sáng hôm sau trải tòa rồi đến bạch Phật biết thời, Trưởng Lão A-nan đến nhận lấy phần thức ăn của Phật mang về. Lúc đó năm trăm vị A-la-hán mỗi người tự dùng thần túc đi đến nhà của Lộc Tử mẫu, có người vào từ cửa sổ, có người từ trên hư không hiện xuống, có người từ dưới mặt đất hiện lên, có người hiện ra ngay trên chỗ ngồi... Lộc Tử mẫu thấy chúng Tăng ngồi xong liền tự tay dâng thức ăn cúng dường. Lúc đó A-nan mang thức ăn về, rót nước rồi trao thức ăn cho Phật, Phật thọ thực xong, A-nan thu bát rồi bạch Phật: Thế Tôn, hôm nay Lộc Tử mẫu biệt thỉnh năm trăm A-la-hán thọ thực. Phật hỏi: Trong Tăng có thỉnh một Tỳ kheo nào không? Đáp là không có. Phật nói: Nếu Lộc Tử mẫu ở trong Tăng có thỉnh một Tỳ kheo nào thì thân sau sẽ được đại công đức, đại quả báo và được đại lợi ích. Lúc đó tất cả khắp nơi xa gần đều nghe biết Phật nói là nếu ở trong Tăng có thỉnh một người nào thì sẽ được đại phước đức hơn là biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán.”

Trong Tăng đoàn có sự đi thọ biệt thỉnh thì Đức Phật cho là điều tuyệt đối không được. Nếu Tỳ kheo thọ sự biệt thỉnh của thí chủ thì thí chủ sẽ sinh tâm thiên ái, chuyên tâm riêng thỉnh một mình vị ấy, không nghĩ đến sự cung kính cúng dường thập phương Tăng. Như thế, vì thí chủ bố thí cúng dường không được phổ biến nên mất hẳn phước đức vô biên, vô hạn cần phải được. Đồng thời, chẳng những phá hoại phép tắc, thứ tự thọ thỉnh chúng tăng của đức Như Lai chế định, lại còn tự mình bị tội lỗi xâm đoạt đồ cúng dường của mười phương Tăng. Đã phá hoại phép tắc của Như Lai, lại thêm tổn hại lợi ích cho mình, cho người thì chúng Tăng không nên tiếp thọ sự biệt thỉnh.

cho quan lại, thì đều chẳng phải đệ tử của Ta, vì đó là pháp binh nô. Lập thống quan để quản lý Tăng chúng, coi xét Tăng tịch; các Tăng sĩ lớn nhỏ bị ràng buộc với nhau, như pháp ngục tù, như pháp binh nô, nên biết khi ấy Phật pháp không còn bao lâu, sẽ bị hoại diệt.]^{846,847}

(81)

Ở đây, dựa trên Tu-đa-la, xem xét và xác định những chân giả [liên quan đến Thánh đạo và Tịnh độ], cũng như những giáo huấn tà ngụy, dị chấp của ngoại giáo.

(82)

Kinh Niết Bàn nói:

“Người quy y nơi Phật
[Thật gọi Ưu-bà-tắc]
Không bao giờ quy y
Những thiên thần nào khác.”⁸⁴⁸

(83)

Kinh Bát Chu Tam Muội nói:

“Nếu Ưu-bà-di nghe Tam-muội này mà muốn tu học, thì phải giữ năm giới, tự quy nơi ba [ngôi báu]. Những gì là ba? Tự quy mạng Phật, quy mạng Pháp, quy mạng Tỳ kheo Tăng, không được thờ ngoại đạo, không được bái chư Thiên, không được cúng quỷ thần, không được coi ngày tốt xấu, [không được đùa bỡn, không được buông lung có sắc tướng, không được có tâm tham dục, phải luôn nhớ bổ thí,

⁸⁴⁶ Kinh Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật, quyển hạ, phẩm Chúc Lụy, tr. 833c13.

⁸⁴⁷ Toàn mục mục (80) là trích dẫn từ sách Mạt Pháp Đăng Minh Ký của Đại sư Tối Trừng trước tác. Các đoạn kinh trong ngoặc [], ngài Thân Loan chỉ kể tên mà không trích dẫn nguyên văn.

⁸⁴⁸ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 8, phẩm Như Lai Tánh, tr. 409c19.

ura thích muốn nghe kinh, gắng sức học hỏi, kính trọng bậc thiện sư, tâm luôn chuyên chú, không được lười biếng, nếu có vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đến phải cung kính mời ngồi, cúng dường thực phẩm.]”⁸⁴⁹

(84)

Lại nói:

“Ưu-bà-di muốn học Tam-muội
Kính giữ năm giới chớ sai phạm
Phụng sự thiện sư xem như Phật
Không được bái thiên, thờ cúng thần.”

(85)

Kinh Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng, quyển 8, phẩm Quý Vương Ba-tuần Tinh Tú, phần 2 trong 8, ⁸⁵⁰ nói:

“Bấy giờ, Khur-lô-sát-tra⁸⁵¹ bảo chư thiên: – Mỗi tháng đều có một chủ đương, các vị làm sao cứu giúp bốn loại chúng sinh. Những gì là bốn? Loài trên mặt đất: loài người, các loài rồng, dạ-xoa, và xa hơn nữa là bò cạp. Tất cả những chúng sinh như vậy sẽ được cứu mà không có ngoại lệ. Để mang lại an lạc cho tất cả chúng sinh, tôi đã bố trí các ngôi sao trong chòm sao của chúng. Mỗi trong số

⁸⁴⁹ Kinh Bát Chu Tam Muội, No. 417, phẩm Tứ Bối, tr. 901b12.

⁸⁵⁰ Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh (大乘大方等日藏經).

⁸⁵¹ Khur-lô-sát-tra (佉盧虱吒, Kharostha, Kharostī) : Cũng gọi là Khur-lô-sát-tra (佉路瑟吒), Khur-lô-sát-để (佉盧虱底), Khur lô tra (佉盧吒), gọi tắt là Khur-lô (佉盧), Ca-lưu (迦留), Lô-tra (盧吒). Hán dịch: Lư thần (驢脣), Cường dục hồng (強鵠鴻). Tên một vị tiên trong truyền thuyết của Ấn độ cổ đại. Cứ theo kinh Đại phương đẳng đại tập quyển 41, thì vào đầu kiếp Hiền, phu nhân của vua thành Chiêm ba tham đắm sắc dục, bà vào trong vườn giao hợp với lừa (lư) sinh được 1 con, thân người mặt lừa, bà ta sợ hãi đem bỏ đi, nhưng nhờ phúc lực đứa bé chỉ dừng lại ở giữa hư không chứ không rơi xuống. Lúc đó có một La sát nữ tên là Lư thần, trông thấy, động lòng thương xót, đưa đứa bé về núi Tuyết nuôi dưỡng và đặt tên là Khur-lô-sát-tra. Lớn lên, đứa bé rất xinh đẹp, phúc hậu, chỉ đôi môi là giống lừa, tu khổ hạnh thành tiên, nên gọi là Lư thần tiên nhân (vị tiên môi lừa). Sau, vị tiên này nói cho chư thiên và long thần nghe về sự vận hành của các vị tinh tú.

này có sự phân chia không gian và thời gian riêng, cho đến phút⁸⁵², giờ. Tôi sẽ giải thích từng chi tiết. Tùy theo quốc độ và hướng đi của các chòm sao mà những sự nghiệp tạo tác cũng theo đó tăng trưởng.

Khur-lô-sát-tra đối trước đại chúng chấp tay nói rằng: – “Tôi đã đặt mặt trời và mặt trăng, các mùa hàng năm và các thiên thể lớn và nhỏ vào đúng vị trí của chúng. Sáu mùa là gì? Tháng Giêng và tháng Hai là thời gian ấm áp. Tháng Ba và tháng Tư là thời điểm gieo hạt. Tháng Năm và tháng Sáu là thời điểm mưa. Tháng Bảy và tháng Tám là thời điểm chín muồi. Tháng Chín và tháng Mười là thời gian lạnh giá. Tháng Mười một và tháng Chạp là thời điểm tuyết rơi nhiều. Do đó, mười hai tháng được chia thành sáu mùa.

Hơn nữa, có đại tinh tú, trong đó có tám ngôi sao chính, đó là: sao Mộc, sao Hỏa, sao Thổ, sao Kim, sao Thủy, mặt trời, mặt trăng và sao Hà-la-hầu.⁸⁵³ Ngoài ra, có 28 tiểu tinh tú: các chòm sao trải dài từ chòm sao Mão đến chòm sao Vị. Tôi đã sắp xếp chúng theo thứ tự như vậy và đã giải thích quy luật về vị trí của chúng. Tất cả chư vị hãy nhìn và lắng nghe! Tất cả đại chúng, những suy nghĩ của chư vị là gì? Các phương pháp mà tôi xếp đặt chúng có đúng không? Các hoạt động và sự vận hành của 28 chòm sao⁸⁵⁴ và 8 ngôi sao có làm chư vị thích thú hay không? Những người nói là đúng và những người nói là sai, mỗi người đều tuyên bố quan điểm của mình.

Bấy giờ, tất cả trời, người, tiên nhân, A-tu-la, rồng và Khẩn-na-la đều chấp tay, bày tỏ cảm xúc: – Như nay Đại tiên là bậc tối tôn trọng trong chư thiên và loài người, cho dù các rồng, A-tu-la cũng không ai hơn được, là bậc có trí tuệ từ bi đệ

⁸⁵² Mặt-hô-la (摸呼羅, muhūrta): Đơn vị thời gian. Hán dịch là ‘tu du’ (須臾, giây lát), 1/30 của ngày đêm (48 phút).

⁸⁵³ Sao Mộc: Tuế tinh (歲星). Sao Hỏa: Huỳnh Hoạch Tinh (熒惑星). Sao Thổ: Trấn Tinh (鎮星). Sao Kim: Thái Bạch Tinh (太白星). Sao Thủy: Thần (辰星). Mặt trời: Nhật Tinh (日星). Mặt trăng: Nguyệt Tinh (月星). Sao Hà-la-hầu (荷羅睺星): ngôi sao vận hành nhật thực, nguyệt thực.

⁸⁵⁴ Nhị thập bát tú (二十八宿) là cách gọi của 28 chòm sao (宿) nằm trên bầu trời theo cách chia trong thiên văn học phương Đông cổ đại.

nhất, trải qua vô lượng kiếp không quên thương xót tất cả chúng sinh nên có được phước báo, thệ nguyện tròn đầy, công đức như biển, biết rõ tất cả sự việc ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong trời người không ai có trí tuệ như vậy. Những quy luật và sự vận hành của ngày và đêm, của sát-na và giờ, của các ngôi sao lớn và nhỏ, của trăng tròn khuyết và chu kỳ của năm. Tất cả chúng tôi đều thích thú với điều này và tìm thấy sự an lạc trong đó. Lành thay, Đại đức! đã tạo sự an ổn cho chúng sinh.

Khi ấy, tiên nhân Khur-lô-sát-tra nói thêm rằng: – Những phương tiện như chu kỳ của một năm bao gồm mười hai tháng, và quy luật chi phối các vì sao chính và phụ, cũng như sát-na và giờ, tất cả đều đã được giải thích rồi. Lại nữa, an trí bốn vị Thiên đại vương ở bốn mặt của núi Tu-di, mỗi mặt có một đại vương cai quản chúng sinh ở phương đó. Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc, trong cõi này có rất nhiều Dạ-xoa. Thiên vương Tỳ-lưu-trà-câu ở phương Nam, trong cõi này có rất nhiều Cru-bàn-trà. Thiên vương Tỳ-lưu-bác-xoa ở phương Tây, trong cõi này có rất nhiều loài rồng. Thiên vương Đề-đầu-lệ-trá ở phương Đông, trong cõi này có rất nhiều Càn-thát-bà. Ở bốn phương và bốn góc thấy đều ủng hộ những vị Thiên vương này. Tất cả hòn đảo và thành ấp cũng an trí các quý thần thủ hộ.

Khi tiên nhân Khur-lô-sát-tra nói pháp xong, chư thiên, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, v.v., tất cả đại chúng đều xưng ‘Lành thay’, hoan hỷ vô lượng. Lúc ấy, trời, rồng, dạ-xoa, A-tu-la, v.v., ngày đêm cúng dường cho Khur-lô-sát-tra. Về sau qua vô lượng đời, có một tiên nhân tên là Già-lực-già xuất hiện ở đời, một lần nữa giảng dạy các định luật chi phối các tinh tú, tháng đủ, tháng thiếu, và những điều cơ bản về thời tiết. Bây giờ, có tiên nhân Quang Vị đã thuyết giảng những điều trên. Các long vương ở núi Khur-lô-đề, trú xứ của Thánh

nhân, tôn trọng cung kính tiên nhân Quang Vị, dốc hết tâm lực của loài rồng mà cúng dường.”⁸⁵⁵

(86)

Kinh Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng, quyển 9, phẩm Niệm Phật Tam-muội, thứ 10, nói:

“Bấy giờ, tất cả các loài rồng đều tin lời Bồ-tát Quang Vị, chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng. Thấy vậy, ma Ba-tuần càng khổ sầu, tức giận, bức tức, nói kệ. (...) Nói kệ xong, trong chúng của ma Ba-tuần, có một ma nữ tên là Lý Âm, từng gieo trồng các đức bản ở quá khứ, nói lời rằng:

– Sa-môn Cù-đàm là bậc phước đức, có tiếng tăm lớn. Chúng sinh nào nghe danh hiệu Phật, nhất tâm quy y, thì tất cả các ma đối với chúng sinh ấy không thể làm hại. Huống nữa là chúng sinh được gặp Phật, nghe Pháp, thấy Tăng, được các thứ ‘phương tiện tuệ giải’ rộng sâu. Phụ vương nay muốn sinh khởi ác tâm đối với Phật và người học Phật đạo nhưng trọn không thể được.

Ma vương nói:

– Sa-môn Cù-đàm hiểu thấu chân như, trí tuệ rộng lớn, ở trong pháp Không thâm nhập kiên cố, tự đã độ thoát biển lớn sinh tử.

Ma nữ thưa:

– Như cha vừa nói, ‘Nếu người ở trong pháp Không mà ngộ nhập thực tế, thì dù trong chốc lát, ngàn vạn ức tất cả ma quân trọn không thể làm hại’. Hiện nay Như Lai khai mở con đường Niết-bàn, con muốn đến đó quy y nơi Phật.

Liên vì cha mà nói kệ:

Bậc thắng loài người ly tướng chấp

Như như thường trú tôn trong trời

⁸⁵⁵ Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, quyển 42, phần Nguyệt Tạng, phẩm Ma Vương Ba-tuần Tinh Tú, tr. 282a13-b28.

Đạt bờ giác, thành trì trí tuệ
Con nay muốn đến quy y Phật.
Tu học ba đời các Phật pháp
Độ thoát tất cả khổ chúng sinh
Khéo nơi các pháp được tự tại
Tương lai nguyện con sẽ như Phật.

Bấy giờ, Ly Âm nói kệ ấy rồi, trong vương cung của cha, có năm trăm ma nữ chị em quyền thuộc, tất cả đều phát tâm Bồ-đề. Lúc đó, ma vương thấy năm trăm ma nữ ở trong cung của ông đều quy y Phật, phát tâm Bồ-đề, khiến ông càng sầu khổ, tức giận, lo sợ. (...) Vào lúc đó, năm trăm ma nữ vì ma Ba-tuần mà nói kệ:

Có chúng sinh nào quy y Phật
Không hề lo sợ trước ngàn ma
Huống gì muốn thoát dòng sinh tử
Đến được bờ Niết-bàn vô vi.
Những ai đem dâng một hương hoa
Nắm rải Tam bảo Phật Pháp Tăng
Huống nữa người quyết cầu làm Phật.
Phát tâm kiên cố và dũng mãnh
Tất cả chúng ma không thể hoại
Những ai tinh thành giữ một giới
Lại còn chí tâm đến bên Phật
Nghe nhận một câu pháp vi diệu. (...)
Chúng con quá khú vô lượng ác
Tất cả đều diệt không còn sót
Chí thành chuyên tâm quy y Phật rồi
Quyết được Chánh đẳng Bồ-đề quả.

Ma vương nghe các ma nữ nói kệ, lại càng tức giận, sợ hãi, khỏ sở, tiều tụy, ưu sầu, ngồi một mình trong cung.

Lúc ấy, đại Bồ-tát Quang Vị⁸⁵⁶ nghe Phật thuyết pháp, tất cả chúng sinh đang ở trước Phật lìa hết phan duyên, được bốn Phạm hạnh, từ hư không xuống đến chỗ Phật. Bồ-tát Quang Vị cùng đại chúng của Ngài đến nơi, lạy Phật, đi quanh chỗ Phật ba vòng, lui đứng một bên. (...)

[Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Quang Vị:

– Thiện nam tử, lắng nghe, lắng nghe! Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc nam nữ có tín tâm, muốn ở Tam thừa và trong đạo khác, nguyện mau chứng đắc Niết-bàn, hết tất cả khổ; muốn mọi điều nghe được nắm giữ nơi tâm, tất cả thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh; muốn hộ trì Phật pháp, muốn cầu các thứ lợi ích, được đầy đủ các thức ăn mặc; tự tại, thù thắng, đoan chánh, đại lực; quyền thuộc đông nhiều, đất nước an bình giàu mạnh, chức vị cao được người tôn kính, thông minh trí tuệ tối tôn tối thắng, đủ bốn oai nghi, thích tu thí, giới và tọa thiền; có được các Tam-muội, kể cả tất cả Tam-muội của trời Hữu đánh của cõi Vô sắc; lại cũng ưa thích bốn hạnh Phạm thiên và ưa thích người tu đà-la-ni, thì mong được các thứ chúng sự như vậy. Nhưng ác nghiệp của người ấy kiên cố, nặng nề, các nghiệp chướng ngại, phiền não chướng ngại, cho đến muốn sinh cõi Phật thanh tịnh, thì những chướng ngại không phát sinh. Bởi nếu có những chướng ngại như vậy thì các thứ thiện nguyện không được xứng ý vừa lòng. Muốn cho các thứ ác nghiệp mau chóng diệt tận, thì chúng sinh này nên] tắm gội sạch sẽ, ăn mặc tươm tất, trường trai chay tịnh, chớ ăn cay hôi, nơi tịch tịnh xứ trang nghiêm đạo tràng, chánh niệm kiết già, kinh hành hoặc thiền tọa, nhớ nghĩ thân tướng Phật không cho loạn tâm, cũng không phan duyên nghĩ việc nào khác; hoặc một ngày đêm, hoặc bảy ngày đêm, không tác nghiệp gì khác, chí tâm niệm Phật, cho đến thấy Phật,

⁸⁵⁶ Sự thay đổi từ 'tiên nhân Quang Vị' trong phẩm phẩm Ma Vương Ba-tuần Tinh Tú thành 'Bồ-tát Quang Vị' trong phẩm Niệm Phật Tam-muội tiếp theo có một ý nghĩa quan trọng, đó là sự quy nhập Phật giáo từ ngoại đạo.

niệm nhỏ thấy Phật nhỏ, niệm lớn thấy Phật lớn⁸⁵⁷, cho đến vô lượng niệm thì thấy sắc thân Phật vô lượng vô biên. [Sắc thân Phật ấy có ba mươi hai tướng, ở mỗi một tướng, vừa niệm vừa quán đều phải rõ ràng. Theo tướng được thấy mà thấy ánh sáng xanh, và ở trong tướng sáng ấy, chuyên tinh buộc niệm, không cho tâm loạn.]”⁸⁵⁸

(87)

Kinh Nhật Tạng, quyển 10, phẩm Hộ Tháp thứ 13 nói:

“Ma Ba-tuần cùng quyến thuộc tám mươi ức chúng đi đến chỗ Phật, vây quanh trước sau, đến rồi, chạm chân đánh lễ Đức Thế Tôn, nói kệ như vậy:

Phật Lương Túc Tôn thắng trong đời
Tự được tịch diệt và dạy người
Nhẫn nhục, tinh tiến, thương chúng sinh
Chúng con ngu si khởi ác ý.
Không biết các nghiệp hành quá khứ
Chỉ Phật Thế Tôn biết rõ hết
Gồm cả thân tâm và quốc độ
Khiến tâm con lìa những mê hoặc.
Chư Phật ba đời đại từ bi
Nhận con lễ sám những tai ương
Pháp Tăng hai bảo cũng như vậy

⁸⁵⁷ Đại sư Ấn Quang dạy: “Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba nghiệp thân - khẩu - ý giúp đỡ lẫn nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Người nâng vật nặng còn phải hô to tiếng để trợ lực, huống là muốn nhiếp tâm để chứng tam muội ư? Vì thế, kinh Đại Tập nói: ‘Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.’ Cổ đức cho rằng, ‘Niệm lớn tiếng sẽ thấy thân Phật lớn hơn, niệm nhỏ tiếng sẽ thấy thân Phật nhỏ hơn’. Hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn trầm, nếu chẳng nhờ vào sức thân khẩu lễ niệm mà mong được nhất tâm thật chẳng thể được!” (Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Gia Ngôn Lục)

⁸⁵⁸ Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 43, phần Nhật Tạng, phẩm Niệm Phật Tam Muội, tr. 284b23. Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh (大乘大方等日藏經), quyển 9, phẩm Niệm Phật Tam Muội thứ 10.

Chí tâm quy y không ai khác.
Hôm nay chúng con xin cúng dường
Cung kính tôn trọng Thế Đạo Sư
Các ác đoạn tận không sinh nữa
Suốt đời quy y pháp Như Lai.

Ma Ba-tuần nói kệ này rồi, bạch Phật: – Thế Tôn! Như Lai đối với con và các chúng sinh không hai, tâm thường hoan hỷ, từ bi, nhẫn nại.

Phật nói: – Đúng vậy.

Bấy giờ, ma Ba-tuần sinh tâm đại hoan hỷ và thanh tịnh, lại ở trước Phật, chạm chân đánh lễ sát dưới chân cúi lạy nơi chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng, cung kính chấp tay, đứng sang một bên, chiêm ngưỡng Thế Tôn với tâm không chán đủ.”⁸⁵⁹

(88)

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Nguyệt Tạng, quyển 5, phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín thứ 8, phần thượng, nói:

“Này chư nhân giả! Nhân duyên lia xa tà kiến thì có được mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Tâm tánh ô nhu, lương thiện; bạn bè hiền lành.
2. Tin tưởng có nghiệp báo, cho dù bị đoạt mạng cũng không khởi điều ác.
3. Quy kính Tam bảo, không tin nơi thiên thần.
4. Luôn có chánh kiến, không chọn sao hạn, ngày tháng, kiết hung.
5. Thường sinh cõi nhân thiên, lia xa các đường ác.
6. Có tâm hiền thiện, được người tốt khen ngợi.
7. Vứt bỏ thế tục, thường cầu Thánh đạo.

⁸⁵⁹ Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 45, phần Nhật Tạng, phẩm Hộ Tháp thứ 13, tr. 295c28. Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh, quyển 10, phẩm Hộ Tháp thứ 13.

8. Lìa thường kiến và đoạn kiến, tin vào pháp nhân duyên.
9. Thường gặp gỡ với người có chánh tín, chánh hành, chánh phát tâm.
10. Được sinh nơi đường thiện.⁸⁶⁰

Đem thiện căn lìa xa tà kiến này hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người ấy mau chóng viên mãn sáu ba-la-mật, ở cõi Phật Thiện Tịnh mà thành Chánh giác. Được Bồ-đề rồi, nơi cõi Phật kia, chúng sinh được trang nghiêm bằng tất cả thiện căn và công đức trí tuệ. Sinh về nước ấy thì không tin thiên thần, lìa nỗi sợ rơi vào đường ác, ở nước ấy mạng chung thì sinh trở lại đường thiện.”⁸⁶¹

(89)

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Nguyệt Tạng, quyển 6, phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín thứ 8, phần hạ, nói:

“Phật xuất thế rất khó
 Pháp và Tăng cũng khó
 Chúng sinh tịnh tín khó
 Lìa các nạn cũng khó
 Thương xót chúng sinh khó
 Tri túc bậc nhất khó

⁸⁶⁰ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo: “Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa tà kiến thì liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười pháp? 1. Được tâm ý ưa thích chân thật, bạn bè cũng chân thật. 2. Tin tưởng sâu xa vào nhân quả, nên thà chết chứ không làm việc ác. 3. Chỉ quy y Phật, chẳng theo vị trời nào khác. 4. Tâm chánh kiến, ngay thẳng, dứt hẳn tất cả lưới nghi về lý số tốt xấu. 5. Thường được sinh trong hàng trời, người chẳng còn rơi vào đường ác. 6. Vô lượng phước đức và trí tuệ dần dần tăng thêm. 7. Hoàn toàn xa lìa nẻo tà, đi theo con đường của bậc Thánh. 8. Không dấy khởi thân kiến, xả bỏ các nghiệp ác. 9. An trụ trong sự nhận biết không chướng ngại. 10. Chẳng rơi vào các hoạn nạn.” Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng ghi: “Này chư nhân giả! Còn thế nào là giới luật thanh tịnh bình đẳng? Như tất cả thế gian và xuất thế gian, có những thiện đạo và Niết-bàn lạc, thì giới luật là căn bản. Đem nhân duyên ấy mà được an trú Thanh văn địa, Bích-chi-Phật địa và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giới luật thanh tịnh bình đẳng ấy, đó là mười thiện nghiệp đạo: lìa xa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời hai chiều, nói lời độc ác, nói lời thù dật, tham lam, sân hận và tà kiến.” Sau đó là sự giải thích từng thiện nghiệp. So sánh thì thấy có sự tương đồng.

⁸⁶¹ Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 50, phần Nguyệt Tạng, phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín, tr. 334c06. Đại Phương Đẳng Nguyệt Tạng Kinh, quyển 5, phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín.

Được nghe chánh pháp khó
Năng tu bậc nhất khó
Biết được khó, bình đẳng
Ở đời thường thọ lạc
Mười bình đẳng xứ này
Bậc trí sẽ mau biết. (...)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các chúng ác quỷ thần xong, trong chúng ác quỷ thần kia, có một số ác quỷ thần trước đây đã phát khởi niềm tin xác quyết đối với Phật pháp. Tuy nhiên, thời gian sau họ gần gũi với ác tri thức, tâm lý thấy lỗi người khác, do nhân duyên ấy mà được sinh làm ác quỷ thần.”⁸⁶²

(90)

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, quyển 6, phần Nguyệt Tạng, phẩm Thiên Vương Hộ Trì thứ 9, nói:

“Bấy giờ, Đức Thế Tôn, nhằm chỉ rõ cho thế gian được biết, nên hỏi vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương:

– Này Đại phạm Thiên vương! Nơi bốn châu thiên hạ này, ai là người có thể làm được việc hộ trì nuôi dưỡng?

Vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương thưa:

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Đâu-suất-đà Thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn vị Thiên tử nơi cõi Đâu-suất-đà sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Bắc Uất-đơn-việt. Tha hóa tự tại Thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn vị Thiên tử nơi cõi Tha hóa tự tại sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Đông Phát-bà-đề. Thiên vương Hóa lạc cùng với vô lượng trăm ngàn vị Thiên tử nơi cõi Hóa lạc sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu

⁸⁶² Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 51, phần Nguyệt Tạng, phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín, tr. 334c06. Đại Phương Đẳng Nguyệt Tạng Kinh, quyển 6, phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín.

Nam Diêm-phù-đề. Thiên vương Tu-dạ-ma cùng với vô lượng trăm ngàn vị Thiên tử nơi cõi Tu-dạ-ma sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Tây Cù-đà-ni.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn Dạ-xoa chúng sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Bắc Uất-đơn-việt. Đề-đầu-lại-tra Thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn Càn-thát-bà chúng sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Đông Phát-bà-đề. Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn Cru-bàn-trà chúng sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Nam Diêm-phù-đề. Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn Long chúng sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Tây Cù-đà-ni.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Bắc] tam thiên đồng nữ⁸⁶³, sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Bắc Uất-đơn-việt. Thiên tiên thất tú là sao Hư, sao Ngụy, sao Thất, sao Bích, sao Khuê, sao Lâu và sao Vị. Tam diệu là Trấn tinh, Tuế tinh và Huỳnh hoặc tinh. Tam thiên đồng nữ là Cru-bàn, Di-na và Mê-sa.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Trong Thiên tiên thất tú ấy, ba ngôi sao Hư, Ngụy và Thất là thổ cảnh của Trấn tinh, và Cru-bàn là Thần⁸⁶⁴; hai ngôi sao Bích và Khuê là thổ cảnh của Tuế tinh, và Di-na là Thần; hai ngôi sao Lâu và Vị là Huỳnh hoặc tinh thổ cảnh, và Mê-sa là Thần.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Như vậy là Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Bắc] tam thiên đồng nữ ấy sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Bắc Uất-đơn-việt.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Đông] tam thiên đồng nữ sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Đông Phát-bà-đề. Thiên tiên thất tú là sao Mão, sao Tắt, sao Tuy, sao Sâm, sao Tỉnh, sao Quý và sao Liễu. Tam diệu là sao Thái

⁸⁶³ Thiên tiên (天仙) chỉ cho Tiên nhân Khư-lô-sắt-tra (佉盧虱吒), người đầu tiên xếp đặt các chòm sao. Thất tú (七宿) chỉ cho bảy ngôi sao của mỗi phương Đông, Bắc, Tây, Nam, cộng thành Nhị thập bát tú. Tam diệu (三曜), chỉ cho các ngôi sao lớn hơn được phối trí với các chòm sao ở bốn phương. Tam thiên đồng nữ (三天童女): Hoàng đạo mà mặt trời di chuyển quanh năm được chia thành mười hai cung hoàng đạo. Có mười hai cung điện ở bốn hướng Đông, Tây, Nam và Bắc, người ta cho rằng ở mỗi phương, tức ba cung điện, có ba đồng nữ cai trị.

⁸⁶⁴ Thần (辰): chỉ cho 12 tinh tú cung (星宿宮) hay Nhị thập thần (十二辰), là 12 cung hoàng đạo của Trung Quốc.

bạch tinh, Tuế tinh và Nguyệt tinh. Tam thiên đồng nữ là Tỳ-lợi-sa, Di-thâu-na và Yết-ca-trá-ca.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Trong Thiên tiên thất tú ấy, hai ngôi sao Mão và Tất là thổ cảnh của Thái bạch tinh, và Tỳ-lợi-sa là Thần. Ba ngôi sao Tuy, Sâm và Tinh là thổ cảnh của Tuế tinh, và Di-thâu-na là Thần. Hai ngôi sao Quỷ và Liễu là thổ cảnh của Nguyệt tinh, và Yết-ca-trá-ca là Thần.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Như vậy là Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Đông] tam thiên đồng nữ ấy sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Đông Phát-bà-đề.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Nam] tam thiên đồng nữ sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Nam Diêm-phù-đề. Thiên tiên thất tú là sao Tinh, sao Trương, sao Dục, sao Chấn, sao Giác, sao Cang và sao Đê. Tam diệu là Nhật tinh, Thần tinh và Thái bạch tinh. Tam thiên đồng nữ là Tỳ-ha, Ca-nhã và Đâu-la.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Trong Thiên tiên thất tú ấy, ba ngôi sao Tinh, Trương và Dục là thổ cảnh của Nhật tinh, và Tỳ-ha là Thần. Hai ngôi sao Chấn và Giác là thổ cảnh của Thần tinh, và Ca-nhã là Thần. Hai ngôi sao Cang và Đê là thổ cảnh của Thái bạch tinh, và Đâu-la là Thần.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Như vậy là Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Nam] tam thiên đồng nữ ấy sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Nam Diêm-phù-đề.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Thiên tiên thất tú, Tam diệu, [Tây] tam thiên đồng nữ sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Tây Cù-đà-ni. Thiên tiên thất tú là sao Phòng, sao Tâm, sao Vĩ, sao Cơ, sao Đẩu, sao Ngưu và sao Nữ. Tam diệu là Huỳnh hoặc tinh, Tuế tinh và Trấn tinh. Tam thiên đồng nữ là Tỳ-ly-chi-ca, Đản-nậu-bà và Magià-la.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Trong Thiên tiên thất tú ấy, hai ngôi sao Phòng và Tâm là thổ cảnh của Huỳnh hoặc tinh, và Tỳ-lợi-chi-ca là Thần. Ba ngôi sao Vĩ,

Cơ và Đầu là thổ cảnh của Tuất tinh, và Đàn-nậu-bà là Thần. Hai ngôi sao Ngu và Nữ là thổ cảnh của Trấn tinh, và Ma-già-la là Thần.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Như vậy là Thiên tiên thất tú, Tam diêu, [Tây] tam thiên đồng nữ ấy sẽ hộ trì nuôi dưỡng châu Tây Cù-đà-ni.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Trong bốn châu thiên hạ ấy thì châu Nam Diêm-phù-đề là thù thắng. Vì sao? Vì con người ở châu ấy dũng mãnh, thông tuệ và Phạm hạnh luôn hòa hợp. Chư Phật Ba-già-bà cũng xuất thế nơi cõi ấy. Do vậy mà bốn vị đại Thiên vương, đối với cõi ấy luôn gia tăng gấp bội sự hộ trì nuôi dưỡng.

Cõi Diêm-phù-đề có mười sáu nước lớn, đó là: (1) Nước Ương-già Ma-già-đà, nước Bàn-già Ma-già-đà, nước A-bàn-đa, nước Chi-đề. Bốn nước lớn này, Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng với chúng Dạ-xoa vây quanh lo việc hộ trì nuôi dưỡng. (2) Nước Ca-thi, nước Đô-tát-la, nước Bà-tha, nước Ma-la, bốn nước lớn này, Đề-đầu-lại-trá Thiên vương cùng với chúng Càn-thát-bà vây quanh lo việc hộ trì nuôi dưỡng. (3) Nước Cưu-la-bà, nước Tỳ-thì, nước Bát-già-la, nước Sơ-na, bốn nước lớn này, Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương cùng với chúng Cưu-bàn-trà vây quanh lo việc hộ trì nuôi dưỡng. (4) Nước A-thấp-bà, nước Tô-ma, nước La-tô-trá, nước Cam-mãn-xà, bốn nước lớn này, Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương cùng với Long chúng vây quanh lo việc hộ trì nuôi dưỡng.

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Ở quá khứ, Thiên tiên [Khu-lô-sát-tra] đã hộ trì nuôi dưỡng, nên bốn châu thiên hạ đây cũng đều được phân bố đặt để như thế. Về sau này, tùy theo từng quốc độ, với những thành ấp, thôn xóm, chùa tháp, rừng cây, vườn cảnh, gò mả, hang núi, đồng rộng, sông suối, ao hồ, cho đến đảo châu báu trong biển, đền thờ các vị thần - các chúng Long, Dạ-xoa, La-sát, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na, Ca-trá phú-đơn-na, đều được sinh ra ở đó, hoặc noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Họ cư trú ở những nơi đó nhưng không có lãnh thổ riêng. Họ chưa nhận được chỉ dẫn từ người khác. Vì vậy, chúng con cầu xin Đức Phật phân bố các vị quý thần này, an trí họ khắp cõi Diêm-phù-đề, để họ hộ trì những

vùng đất này và hộ trì tất cả chúng sinh. Chúng con muốn tùy hỷ với họ khi nhận được sự chỉ dạy này.”

Đức Phật nói:

– Này Đại Phạm! Đúng như chỗ ông đã nêu bày.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn sáng tỏ thêm nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Vì thị hiện thế gian
Đạo sư hỏi Phạm vương
Nơi bốn thiên hạ này
Ai hộ trì nuôi dưỡng.
Như thế Thiên sư, Phạm
Chư Thiên vương đứng đầu
Đâu-suất, Tha hóa thiên
Hóa lạc, Tu-dạ-ma.
Luôn hộ trì nuôi dưỡng
Như bốn thiên hạ này
Tứ vương cùng quyền thuộc
Cũng lại thường hộ trì.
Hai mươi tám tinh tú
Và dùng mười hai thần
Mười hai Thiên đồng nữ
Hộ trì bốn thiên hạ.
Tùy nơi chốn sinh ra
Chúng Rồng, Quỷ, La-sát
Chẳng nhận từ tha giáo
Trở lại đây hộ trì.
Chúng Thiên thần sai biệt
Xin Phật dạy phân bố

Vì thương xót chúng sinh

Thắp sáng đèn chánh pháp.

Bấy giờ, Đức Phật nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng:

– Nay Đại sĩ liễu tri thanh tịnh! Ở Hiền kiếp này, lúc đầu thọ mạng của con người là bốn vạn năm. Thời này, Đức Phật Cưu-lưu-tôn xuất hiện thế gian. Đức Như Lai ấy đã vì vô lượng a-tăng-kỳ, ức na-do-tha, trăm ngàn chúng sinh mà chuyển bánh xe chánh pháp để đưa họ thoát sinh tử luân chuyển, tránh xa đường ác, gần quen đường thiện và đi vào quả giải thoát.

Đức Phật Cưu-lưu-tôn đã đem bốn châu thiên hạ này phó chúc cho vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương, cùng các vị Tha hóa tự tại Thiên vương, Hóa lạc Thiên vương, Đâu-suất-đà Thiên vương, Tu-dạ-ma Thiên vương, để họ hộ trì, nuôi dưỡng, thương xót đến chúng sinh; làm cho Tam bảo không đoạn tuyệt, luôn được hưng thịnh [ở thế gian]; khiến cho sinh khí của trái đất, sinh lực của chúng sinh và tinh túy của chánh pháp được cứu trụ và tăng trưởng; nhằm giúp các chúng sinh dứt bỏ ba đường ác, hướng về ba đường thiện. Đức Phật Cưu-lưu-tôn đã đem bốn châu thiên hạ này phó chúc cho Đại phạm và chư Thiên vương. Như vậy, kiếp này dần trôi qua đi đến diệt tận; chư Thiên, nhân loại cũng đi đến diệt tận; tất cả thiện nghiệp và bạch pháp đều tận diệt, chỉ còn tăng trưởng cái đại ác, chìm ngập trong phiền não.

Khi thọ mạng của con người còn ba vạn năm, Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni xuất hiện thế gian. Đức Phật đó đã đem bốn châu thiên hạ này phó chúc cho vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương, cùng các vị Tha hóa tự tại Thiên vương, cho đến Tứ Đại Thiên vương và các quyến thuộc, để họ hộ trì, nuôi dưỡng, kể cả việc họ sẽ làm cho tất cả chúng sinh dứt bỏ ba đường ác, hướng về ba đường thiện. Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni đã đem bốn châu thiên hạ này phó chúc cho Đại phạm và chư Thiên vương. Như vậy, kiếp này dần trôi qua đi đến diệt tận; chư

Thiên, nhân loại cũng đi đến diệt tận; tất cả thiện nghiệp và bạch pháp đều tận diệt, chỉ còn tăng trưởng cái đại ác, chìm ngập trong phiền não.

Khi thọ mạng của con người còn hai vạn năm, Đức Ca-diếp Như Lai xuất hiện thế gian. Đức Phật đó đã đem bốn châu thiên hạ này phó chúc cho vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương, cùng các vị Tha hóa tự tại Thiên vương, Hóa lạc Thiên vương, Đâu-suất-đà Thiên vương, Tu-dạ-ma Thiên vương, Kiền-thi-ca Đế thích, cho đến Tứ Đại Thiên vương và các quyền thuộc, để họ hộ trì, nuôi dưỡng, kể cả việc họ sẽ làm cho tất cả chúng sinh dứt bỏ ba đường ác, hướng về ba đường thiện. Đức Ca-diếp Như Lai đã đem bốn châu thiên hạ này phó chúc cho Đại phạm, Tứ Đại thiên vương, v.v., và phó chúc cho chư Thiên tiên chúng, Thất diệp⁸⁶⁵, Thập nhị thiên đồng nữ, Nhị thập bát tú⁸⁶⁶, v.v. để họ hộ trì, nuôi dưỡng.

⁸⁶⁵ Thất diệp (七曜): Chỉ cho 7 thiên thể: Mặt trời, mặt trăng, sao Hỏa, sao Thủy, sao Mộc, sao Kim và sao Thổ. Theo kinh Tú Diệp, quyển thượng, thì phần tinh tú của Thất diệp bay lên trời, phóng ra ánh sáng cùng khắp, phần linh thiêng thì giáng xuống, coi về các việc tốt xấu, lành dữ ở nhân gian. Thất diệp gồm: 1. Nhật tinh: Mặt trời (Āditya). 2. Nguyệt tinh: Mặt trăng (Soma). 3. Hỏa tinh: Sao Huỳnh hoặc (Avgāraka). 4. Thủy tinh: Sao Thần (Phạm: Budha). 5. Mộc tinh: Sao Tuế (Brhaspati). 6. Kim tinh: Sao Thái bạch (Śukra). 7. Thổ tinh: Sao Trấn (Śanaīścara). Thông thường, 7 sao này được dùng về phương diện lịch pháp và chiêm tinh. Bảy sao này thêm 2 thực tinh là La hầu (Rāhu) và Kế đô (Ketu) thì gọi là Cửu chấp hoặc Cửu diệp. Chấp Diệp gọi tắt của Cửu chấp Thất diệp. Pháp tu cúng tế Thất diệp gọi là Thất diệp cúng.

⁸⁶⁶ Nhị thập bát tú (二十八宿, s: aṣṭāvimsati nakṣatrāṇi): 28 ngôi sao vận hành trong 1 tháng, thuyết 28 ngôi sao này vốn xuất phát từ Ấn Độ. Hơn nữa, trong kinh điển Phật Giáo cũng có đề cập đến như Ma Đăng Già Kinh (摩登伽經) quyển thượng, Đại Tập Kinh (大集經) quyển 41, Tú Diệp Kinh (宿曜經), v.v. Kinh Ma Đăng Già (s: Śārdūlakarṇāvadāna, 摩登伽經, Hán dịch khoảng thế kỷ thứ 3) liệt kê 28 ngôi sao như sau (theo thứ tự tên tiếng Phạn, tên Hán dịch, số ngôi sao, hình tướng):

(1) Kṛttikā: Mão (昴), 6, đao cắt. (2) Rohiṇī: Tất (畢), 5, cỗ xe. (3) Mṛgaśīras: Tuy (觜), 3, đầu nai. (4) Ārdrā: Sâm (參), 1, hạt châu trên đầu. (5) Punarvasu: Tỉnh (井), 2, chân người. (6) Puṣya: Quỷ (鬼), 3, cái bình. (7) Āśleṣā: Liễu (柳), 5, lưới câu cong hay đầu rắn. (8) Maghā: Tinh (星), 6, khúc cong con sông. (9) Pūrva Phalgunī: Trương (張), 2, chân người. (10) Uttara Phalgunī: Dực (翼), 2, chân người. (11) Hasta: Chấn (軫), 5, bàn tay. (12) Citrā: Giác (角), 1, hạt châu trên đầu. (13) Svāti: Cang (亢), 1, hạt châu trên đầu. (14) Viśākhā: Đê (氐), 4, sừng trâu. (15) Anurādhā: Phòng (房), 4, vòng châu. (16) Jyeṣṭhā: Tâm (心), 3, lúa mạch. (17) Mūlā: Vĩ (尾), 9, con bò cạp. (18) P. Āṣādhā: Ky (箕), 4, bước chân trâu. (19) U. Āṣādhā: Đấu (斗), 4, chân voi. (20) Abhijit: Ngưu (牛), 3, đầu bò. (21) Śravaṣa: Nữ (女), 3, lúa mạch. (22) Dhaniṣṭhā: Hư (虛), 4, chim bay. (23) Śatabhiṣā: Nguy (危), 1, hạt châu trên đầu. (24) P. Bhādrapadā: Thất (室), 2, chân người. (25) U. Bhādrapadā: Bích (壁), 2, chân người. (26) Revati: Khuê (奎), 1, hạt châu trên đầu. (27) Aśvinī: Lâu (婁), 2, đầu ngựa. (28) Bharāṇī: Vị (胃), 3, cái đỉnh.

Tuy nhiên, 28 ngôi sao của Ấn Độ và Trung Quốc không có mối quan hệ về mặt ngôn ngữ, mỗi bên tự phát triển theo cách của mình. Về phương diện chiêm tinh và lịch pháp, 12 cung đóng vai trò quan trọng nhất. Sau khi Mật Giáo phát triển, tín đồ Phật Giáo đã kết hợp 12 cung và 28 ngôi sao lại với nhau. Như trong Tú Diệp Kinh có đề cập

Này Đại sĩ liễu tri thanh tịnh! Như vậy là lần lượt đến nay, nơi thế gian ác độc đầy dẫy sự đấu tranh do bởi kiếp trước, phiền não trước, chúng sinh trước, đại ác phiền não trước, và khi thọ mạng của con người chỉ còn trăm năm, thì tất cả bách pháp diệt tận, trái lại, tất cả sự độc ác các thứ pháp xấu ác phủ mờ cả thế gian. Cũng như nước biển có một vị mặn bao trùm, mùi vị đại phiền não đầy khắp thế gian, tập hợp những bè đảng xấu ác, tay cầm đầu lâu người, máu nhuộm lòng bàn tay, cùng nhau sát hại.

Trong thời đại chúng sinh độc ác như thế, Ta nay xuất hiện thế gian, dưới cội Bồ-đề, sơ thành Chánh Giác, đã thọ dụng bữa ăn đầu tiên do hai thương gia Đề-vị (Tapussa) và Ba-lợi (Bhallika) dâng cúng. Chính là sự cúng dường ấy, nên đối với cội Diêm-phù-đề này, đã từng phân bố các chúng Thiên, Long, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, Dạ-xoa để hộ trì, nuôi dưỡng. Do đó, với cuộc đại tập hợp này, tất cả chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát, không sót một vị, ở các cõi Phật trong mười phương, đều đi đến hội họp.

Ở Phật độ Ta-bà này, những cõi gồm lại có trăm ức nhật nguyệt, trăm ức Tứ thiên hạ, trăm ức Tứ đại hải, trăm ức Thiết vi sơn và Đại Thiết vi sơn, trăm ức Tu-di sơn, trăm ức Tứ A-tu-la thành, trăm ức Tứ Đại Thiên vương, trăm ức Tam thập tam thiên, cho tới trăm ức Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy nói sơ số lượng cõi ở Phật độ Ta-bà, Ta ở những cõi đó mà làm Phật sự.

Ở Phật độ Ta-bà này, tất cả chư vị, từ Phạm Thiên vương và quyền thuộc, Ma Thiên vương, Tha hóa tự tại Thiên vương, Hóa lạc Thiên vương, Đâu-suất-đà Thiên vương, Tu-dạ-ma Thiên vương, Đế Thích Thiên vương, Tứ Đại Thiên vương, A-tu-la vương, Long vương, Dạ-xoa vương, La-sát vương, Càn-thát-bà vương, Khẩn-na-la vương, Ca-lâu-la vương, Ma-hầu-la-già vương, Cưu-bàn-trà vương, Nga quý vương, Tỳ-xá-già vương, Phú-đơn-na vương, Ca-trá phú-đơn-na

sự cấu thành pháp chiêm tinh của Mật Giáo, và tên tiếng Phạn của chúng phần lớn được dịch trực tiếp từ Thiên Văn Học Tây phương, hay có ảnh hưởng du nhập trực tiếp từ Thiên Văn Học ấy.

vương, cùng với hết thầy quyền thuộc có mặt đông đủ nơi cuộc đại tập hợp này, đều vì nghe pháp. Kể cả chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát và chư vị Thanh văn của Phật độ Ta-bà này, tất cả không sót, thầy đều đi đến tập hội này, cũng vì nghe pháp.

Ta nay vì đại chúng đã tập hội về đây mà hiển thị giáo pháp sâu xa của Phật. Lại vì hộ trì thế gian, nên đã dùng cõi Diêm-phù-đề này làm nơi tập hợp chúng quý thần, phân bố họ để hộ trì, an trí họ để nuôi dưỡng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại hỏi vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương:

– Nay Đại phạm Thiên vương! Chư Phật quá khứ đã từng đem bốn đại châu thiên hạ phó chúc cho ai để làm công việc hộ trì nuôi dưỡng?

Đại Phạm thiên thưa:

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Chư Phật quá khứ đã từng đem bốn đại châu thiên hạ này phó thác cho tôi và Kiều-thi-ca nhận lãnh công việc hộ trì. Nhưng tôi đã có lỗi là không nêu rõ tên mình cùng tên của Đế Thích, chỉ nêu tên các vị Thiên vương khác và các vị cai quản Nhị thập bát tú, Thất diệu, Thập nhị thần⁸⁶⁷ trong công việc hộ trì nuôi dưỡng.

Lúc này, vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương cùng với Kiều-thi-ca Đế Thích cung kính đánh lễ nơi chân Phật và thưa:

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Đại Đức Tu-già-đà! Chúng tôi nay xin tạ lỗi. Chúng tôi như những đứa trẻ ngu si không trí, ở nơi trước Đức Như Lai đã không nêu rõ tên mình. Kính xin Đại Đức Bà-già-bà dung thứ! Kính xin Đại Đức Tu-già-đà dung thứ! Cũng mong chư vị đại chúng về đây dung thứ. Chúng tôi đối với cảnh

⁸⁶⁷ Thập nhị thần (十二辰): Cũng là Thập nhị thiên đồng nữ, tức 12 Chi, Tý (子), Sửu (丑), Dần (寅), Mão (卯), Thìn (辰), Tỵ (巳), Ngọ (午), Mùi (未), Thân (申), Dậu (酉), Tuất (戌) và Hợi (亥). Xưa kia, người ta dùng 12 Chi này để ghi giờ, ngày, tháng và năm. Như trong Chu Lễ (周禮), chương Xuân Quan (春官), Phùng Tướng Thị (馮相氏), có đoạn: “Chưởng thập hữu nhị tuế, thập hữu nhị nguyệt, thập hữu nhị thần, thập nhật, nhị thập hữu tinh chi vị, biện kỳ tự sự, dĩ hội thiên vị (掌十有二歲、十有二月、十有二辰、十日、二十有八星之位、辨其敘事、以會天位, nắm trọn 12 năm, 12 tháng, 12 giờ, 10 ngày, phương vị của 28 ngôi sao, biết rõ thứ tự của chúng, để hợp với vị trí của trời).”

giới và ngôn thuyết giáo lệnh, có được chỗ tự tại, để hộ trì nuôi dưỡng, cho đến khiến chúng sinh hướng về đường thiện.

Chúng tôi ở nơi Đức Phật Curu-luu-tôn từng thọ nhận lời chỉ dạy, để làm cho dòng giống của Tam bảo sáng ngời. Dưới sự chỉ dạy của Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni và Đức Phật Ca-diếp, chúng tôi lại nhận được những chỉ dạy tương tự, khiến cho dòng giống của Tam Bảo sáng ngời. Điều này là để sinh khí của trái đất, sinh lực của chúng sinh và tinh túy của vị đề-hồ chánh pháp được cứu trụ và tăng trưởng. Cũng như hôm nay, chúng tôi ở trước Đức Thế Tôn, cung kính thọ nhận sự chỉ dạy, đối với cảnh giới và ngôn thuyết giáo lệnh, có được chỗ tự tại, để dứt trừ hết thảy mọi sự tranh giành xung đột và mất mùa đói kém, kể cả việc làm cho dòng giống của Tam bảo không bị đoạn tuyệt, ba thứ tinh khí được cứu trụ và tăng trưởng, ngăn chặn chúng sinh có hành động ác độc, hộ trì nuôi dưỡng chúng sinh thực hành chánh pháp, giúp chúng sinh dứt trừ ba đường ác, hướng về ba đường thiện, cũng để làm cho Phật pháp trụ thế lâu dài, nói chung là siêng năng làm công việc hộ trì.

Đức Phật nói:

– Lành thay, lành thay! Diệu trượng phu! Các ông nên làm như thế.

Bấy giờ, Đức Phật nói với trăm ức vị Đại phạm Thiên vương:

– Những việc hành pháp, trụ pháp, thuận pháp, từ bỏ điều ác ấy, nay đều phó chúc vào tay chư vị. Nay chư vị Hiền thủ! Đối với trăm ức Tứ châu thiên hạ, nơi mỗi một cảnh giới và ngôn thuyết giáo lệnh, có được chỗ tự tại, chư vị thấy những chúng sinh tệ ác, thô lỗ, não hại nào, với người khác không chút thương xót, không lo sợ về đời sau, xúc não tâm trí của hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, ngay cả xúc não tâm trí của loài súc sinh. Bằng cách này, họ tạo nhân duyên sát sinh, kể cả tạo nhân duyên tà kiến. Thông qua những hành động này, họ tạo ra những trận mưa gió trái thời tiết, kể cả làm cho sinh khí của trái đất, sinh lực của chúng sinh

và tinh túy của chánh pháp bị tổn giảm. Chư vị phải ngăn chặn họ, và hướng dẫn họ trú nơi thiện pháp.

Như có những chúng sinh, người muốn được điều thiện, người muốn có chánh pháp, người muốn vượt đến bờ bên kia sinh tử, người có sự tu hành bố thí ba-la-mật cho đến tu hành bát-nhã ba-la-mật, người có sự hành pháp và trú pháp, người vì hành pháp mà quản lý công việc, đối với những chúng sinh đó, chư vị phải nên hộ trì nuôi dưỡng.

Như có những chúng sinh, thọ trì đọa tụng, vì người khác diễn thuyết các thứ kinh luận giải thoát, thì chư vị nên giúp cho chúng sinh đó phương tiện niệm trì để có được kiên cố lực, thể nhập trí tuệ ‘những gì được nghe không quên’, tin tưởng các pháp tướng, khiến lìa sinh tử, tu Tám Thánh đạo, tương ứng với Tam-muội căn⁸⁶⁸.

Như có những chúng sinh, ở nơi cảnh giới của chư vị, trú pháp Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na, là phương tiện thứ lớp, cùng tương ứng với các Tam-muội, từ đó tinh cần mong cầu ba thứ Bồ-đề, thì chư vị phải nên ngăn chặn [điều ác], hộ trì và nhiếp thọ họ, siêng làm việc xả thí, chớ để họ thiếu thốn.

Như có chúng sinh thực hành bố thí bằng cách bố thí đồ ăn thức uống, y phục, đồ nằm, thuốc men trị bệnh, thì chư vị phải nên giúp cho những thí chủ ấy có được năm thứ lợi tăng trưởng. Những gì là năm? 1. Thọ mạng tăng trưởng; 2. Của cải tăng trưởng; 3. An lạc tăng trưởng; 4. Hành thiện tăng trưởng; 5. Trí tuệ tăng trưởng. Chư vị trong đêm dài [sinh tử] được lợi ích an lạc; nhờ nhân duyên ấy, chư vị có thể thực hiện viên mãn sáu Ba-la-mật, không bao lâu sẽ thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Bây giờ, vị chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương làm thượng thủ, cùng với trăm ức chư vị Phạm Thiên vương, thấy đều thưa:

⁸⁶⁸ Tam-muội căn, tức là định căn: Trong tâm không có thác loạn, không còn niệm tưởng, hằng chuyên tinh nhất ý, gọi là Tam-muội căn.

– Đúng vậy, đúng vậy! Kính bạch Đại Đức Bà-già-bà! Chúng tôi, mỗi người nơi cảnh giới của mình, đối với những chúng sinh tệ ác, thô lỗ, nã hại mà với người khác không chút thương xót, không lo sợ về đời sau, ... chúng tôi sẽ ngăn chặn họ, và giúp cho những thí chủ ấy tăng trưởng năm sự.

Đức Phật nói:

– Lành thay, lành thay! Chư vị nên làm như vậy.

Bấy giờ, lại có tất cả chư Bồ-tát Ma-ha-tát, tất cả chư đại Thanh văn, tất cả chư thiên, loài rồng, kể cả nhân loại và phi nhân loại, thảy đều ca ngợi [chư vị Thiên vương]:

– Lành thay, lành thay! Đại hùng mãnh sĩ! Chư vị làm việc như thế là để chánh pháp trụ thế lâu dài, khiến cho mọi chúng sinh được lìa xa đường ác, mau hướng về đường thiện.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn sáng tỏ thêm nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Ta bảo với Nguyệt Tạng
Vào đầu Hiền kiếp này
Cru-luru Phật phó chúc
Chư Phạm, bốn thiên hạ.
Ngăn chặn tất cả ác
Chánh pháp nhãn sáng ngời
Lìa bỏ mọi đường ác
Hộ trì người hành pháp.
Không đoạ giống Tam bảo
Ba tinh khí tăng trưởng
Dùng dứt các đường ác
Khiến hướng về đường thiện.
Câu-na-hàm Mâu-ni
Lại phó chúc Đại phạm

Tha hóa, Hóa lạc thiên
Cho tới Tứ Thiên vương.
Sau đây, Phật Ca-diếp
Lại phó chúc Phạm thiên
Hóa lạc cùng Tứ thiên
Đế Thích, Hộ thế vương.
Quá khứ chư Thiên tiên
Vì lợi các thế gian
An trí các diệu tú
Khiến hộ trì nuôi dưỡng.
Đến nơi ác trược thế
Khi bạch pháp tận diệt
Riêng Ta giác Vô thượng
An trí giúp nhân dân.
Nay ở trước đại chúng
Thường xuyên nhiễu loạn Ta
Phải nên bỏ thuyết pháp
Để yên Ta hộ trì.
Chư Bồ-tát mười phương
Hết thấy đến tập hội
Thiên vương cũng đến đây
Phật quốc độ Ta-bà.
Ta hỏi Đại Phạm vương
Xưa ai người hộ trì?
Đế Thích, Đại Phạm thiên
Chỉ thị Thiên vương khác.
Bấy giờ Thích, Phạm vương

Tạ lỗi, thưa Đạo sư
Chúng tôi, nơi vương xứ
Ngăn chặn tất cả ác.
Rạng ngời giống Tam bảo
Tăng trưởng ba tinh khí
Ngăn chặn tổ chức ác
Hộ trì đoàn thể thiện.”⁸⁶⁹

(91)

Kinh Đại Phương Đẳng Nguyệt Tạng, quyển 7, phẩm Chư Quý Đắc Kính Tín, thứ 10, nói:

“Bấy giờ, lại có trăm ức chư quý câu hội đồng thờ, từ chỗ ngời đứng dậy, chấp tay hướng Phật, đánh lễ dưới chân Phật, và thưa Phật rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn! Chúng tôi cũng sẽ phát đại dũng mãnh, hộ trì nuôi dưỡng chánh pháp của Phật, làm rạng rỡ dòng giống của Tam bảo, để trụ thế lâu dài, làm cho sinh khí của trái đất, sinh lực của chúng sinh và tinh túy của chánh pháp được tăng trưởng. Nếu có Thanh văn đệ tử của Thế Tôn mà trú pháp, thuận pháp, ba nghiệp tương ưng mà tu hành, thì chúng tôi thấy đều hộ trì nuôi dưỡng, tất cả nhu yếu không cho thiếu thốn. (...)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn sáng tỏ thêm nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nơi cõi Ta-bà này
Lúc mới vào Hiền kiếp
Như Lai Câu-lưu-tôn
Đã phó chúc Tứ thiên
Đế Thích, Phạm Thiên vương

⁸⁶⁹ Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 51, phần Nguyệt Tạng, phẩm Chư Thiên Vương Hộ Trì, tr. 341c13-344a27.

Khiến hộ trì, nuôi dưỡng
Giống Tam bảo rạng ngời
Tăng trưởng ba tinh khí.
Câu-na-hàm Mâu-ni
Phó chúc Tứ thiên hạ
Phạm, Thích, chư Thiên vương
Khiến hộ trì, nuôi dưỡng.
Phật Ca-diếp cũng thế
Phó chúc Tứ thiên hạ
Phạm, Thích, Hộ thế vương
Hộ trì người hành pháp.
Quá khứ chư Tiên chúng
Cùng với chư Thiên tiên
Tinh, thần, các tú diệu
Cũng phân bố phó chúc.
Ta xuất ngũ ác thế
Hàng phục chúng ma oán
Tạo được đại tập hội
Hiện rõ chánh pháp Phật.
Chư Thiên cùng khuyến thỉnh
Phân bố Tứ thiên hạ.
Ta hỏi Đại Phạm thiên
Xưa ai nhận phó chúc
Phạm thiên chẳng tự xưng
Cùng với Thiên Đế Thích
Xem khắp chư Thiên rồi
Sau đó sám tạ Phật.

Hết thầy các Thiên chúng
Đều cùng thừa với Phật
Chúng tôi ở vương xứ
Đều hộ trì chánh pháp
Rạng rỡ dòng Tam bảo
Tăng trưởng ba tinh khí
Khiến dứt mọi bệnh dịch
Đói kém cùng chiến tranh.”⁸⁷⁰

(92)

Phẩm Thiên Vương Đề-đầu-lại-trá Hộ Trì, nói:

“Đức Phật nói:

– Nhật Thiên tử, Nguyệt Thiên tử! Chư vị đối với chánh pháp của ta đã hộ trì nuôi dưỡng, khiến cho chư vị được trường thọ, không có mọi suy yếu, lo lắng.

Bấy giờ, lại có hàng trăm ức chư vị Thiên vương Đề-đầu-lại-trá, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa, Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, Thiên vương Tỳ-sa-môn, tất cả đồng thời cùng với quyến thuộc từ nơi chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay kính lễ, thưa với Phật rằng:

– Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Chúng tôi nơi mỗi một Tứ thiên hạ của mình, xin siêng làm việc hộ trì nuôi dưỡng Phật pháp, khiến cho dòng giống của Tam bảo rạng ngời và trụ thế lâu dài, ba thứ khí chất tinh thuần thấy đều tăng trưởng. (...)”⁸⁷¹

“(…) – Thưa Đại Đức Bà-già-bà! Chúng tôi kể từ hôm nay xin thành tâm dốc sức thu phục những chúng sinh có tâm xấu ác, siêng năng thực hiện việc hộ trì

⁸⁷⁰ Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 52, phần Nguyệt Tạng, phẩm Chư Quỷ Đắc Kính Tín, thứ 10, tr. 345a19-346a067.

⁸⁷¹ Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 52, phần Nguyệt Tạng, phẩm Thiên Vương Đề-đầu-lại-trá Hộ Trì, thứ 11, tr. 346c05.

phương Bắc phần thứ tư của cõi Diêm-phù-đề. Tôi nay cùng với vị thượng thủ là Tỳ-sa-môn Thiên vương đồng tâm hộ trì chư Phật pháp ở phương Bắc của cõi Diêm-phù-đề.”⁸⁷²

(93)

Kinh Đại Phương Đẳng Nguyệt Tạng, quyển 8, phẩm Nhãn Nhục, thứ 16, nói:

“Đức Phật nói:

– Đúng vậy, đúng vậy! Như những gì chư vị nói. Nếu có chúng sinh yêu mình, chán khổ, cầu vui, phải nên hộ trì chánh pháp của chư Phật, nhờ đó sẽ được vô lượng phước báo.

Nếu có chúng sinh, vì chánh pháp của Ta mà xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, giả như không trì giới, thì những người ấy đã thực hiện xong sự ấn chứng cho Niết-bàn ấn. Còn như xuất gia mà không giữ giới, lại đem các thứ phi pháp làm nã hại, nhục mạ, hủy báng kẻ khác, thậm chí tự tay cầm cả dao gậy để đánh đập chém giết, hoặc cướp đoạt y bát và chiếm lấy các thứ vật dụng sinh hoạt, người ấy đúng là đã hủy hoại Báo thân chân thật của ba đời chư Phật, đã móc bỏ con mắt cả con mắt của chư thiên và nhân loại⁸⁷³. Người ấy rõ ràng là muốn chánh pháp của chư Phật và dòng giống Tam bảo biến mất, khiến cho chư thiên và nhân loại không được lợi ích, rơi vào địa ngục, vì ba đường ác đầy dẫy và tăng trưởng. (...)

⁸⁷² Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 52, phần Nguyệt Tạng, phẩm Tỳ-sa-môn Thiên vương, thứ 14, tr. 350a21-351a06.

⁸⁷³ Thiên nhân nhãn mục (天人眼目): con mắt của nhân thiên, sự chỉ đạo của nhân gian giới và thiên thượng giới. Thiên Nhân Nhãn Mục (人天眼目) là tác phẩm Thiền tông Trung Quốc, có 3 quyển hay 6 quyển, do Hối Nham Trí Chiêu (晦巖智昭) nhà Tống biên soạn, san hành vào năm thứ 15 (1188) niên hiệu Thuần Hy (淳熙). Để cho mọi người biết rõ tông yếu của Ngũ Gia (五家, 5 tông phái lớn) ở Trung Quốc, tác phẩm này nêu lên cương lĩnh các tông phái do chư vị tiên đức đề xướng và thấu lục những niêm đề, kệ tụng của liệt vị cổ đức.

Bấy giờ, trong những vị đến dự pháp hội, lại có tất cả chư Thiên, Long, cho đến tất cả Ca-tra phú-đơn-na, nhân loại và phi nhân loại, thấy đều chấp tay, nói lời như vậy:

– Đối với tất cả Thanh văn đệ tử của Phật, kể cả những vị không thọ trì cấm giới, cạo bỏ râu tóc và mặc mảnh cà sa, chúng tôi đều xem là bậc sư trưởng, dốc lòng hộ trì nuôi dưỡng, mọi thứ cần dùng không cho thiếu thốn. (...) Nếu như chư Thiên, Long, cho đến Ca-tra phú-đơn-na, đối với tất cả Thanh văn đệ tử của Phật, mà gây tạo những sự nhiễu loạn, như cướp đoạt phần tinh khí nơi thân của người ấy, thậm chí ác tâm nhìn chăm chăm người ấy, hợp nhau tác động lên chư Thiên, Long, Ca-tra phú-đơn-na kia, khiến mọi căn thân của bọn họ đều bị thiếu giảm, xấu xí, không có xứ sở để nương tựa. Chúng tôi sử dụng thế lực của sở nguyện để thực hiện điều ấy. Những xứ sở chúng tôi du hành đến, dừng chân hoặc trú ngụ, chúng tôi đều khiến cho bọn họ không được cùng ở, cùng ăn uống, kể cả cùng vui đùa với chúng tôi. Sự trừng phạt là như thế đấy.”⁸⁷⁴

(94)

Lại nói:

“Lià các việc coi bói tướng, tu tập chánh kiến, quyết định thâm tín tội phước nhân duyên.”⁸⁷⁵

(95)

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói:

“Các loại ma kia⁸⁷⁶, các loại quỷ thần kia⁸⁷⁷, các loại tà đạo kia⁸⁷⁸, đều có đồ chúng, mỗi một tự xưng là thành đạo Vô thượng. Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong

⁸⁷⁴ Đại Phương Đăng Đại Tập Kinh, quyển 53, phần Nguyệt Tạng, phẩm Nhãn Nhục, thứ 16, tr. 354a24-355c15.

⁸⁷⁵ Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, quyển 24, phẩm Thập Địa, tr. 549a07.

⁸⁷⁶ Các loại ma: hạng trên là ma vương, hạng giữa là ma dân, và hạng dưới là ma nữ.

đòi mạt pháp, có nhiều loại ma kia, có nhiều loại quỷ thần kia, có nhiều loại tà đạo kia, chúng đầy đầy thế gian. Chúng hành động tham dâm, giả làm thiện tri thức, khiến các chúng sinh sa vào hầm ái kiến, bỏ mất đường Bồ-đề. Chúng tự nói rằng, ăn thịt cũng được đạo Bồ-đề. Chúng lên núp gian dối, xưng là thiện tri thức, mỗi người tự cho là đã được pháp của thượng nhân, lừa gạt người không biết, dọa dẫm khiến họ đánh mất tâm trí. Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.

[A Nan, chúng sinh lục đạo trong thế giới như thế, tuy nơi thân tâm không còn sát, đạo, dâm, cả ba hạnh đã được viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì Tam-ma-đề không được thanh tịnh,] thành giống ma ái kiến và mạt giống Như Lai”⁸⁷⁹

(96)

Kinh Quán Đảnh nói:

“Đó là ba mươi sáu bộ thần vương⁸⁸⁰. Chư thiện thần này, cùng với vạn ức hằng hà sa quý thần làm quyến thuộc, sẽ thay phiên nhau bảo vệ những người thọ nhận Tam quy.”⁸⁸¹

⁸⁷⁷ Các loại quỷ thần: hạng trên là đại lực quỷ, hạng giữa là phi hành dạ-xoa và các loài quỷ soái, và hạng dưới là địa hành la-sát.

⁸⁷⁸ Các loại tà đạo: hạng trên là tinh linh, hạng giữa là yêu mi, hạng dưới là người tà đạo bị các loài quỷ mi dựa nhập.

⁸⁷⁹ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, No. 945, quyển 6, tr. 131c19, 132a07 và 132b04. Ngài Thân Loan gom ba đoạn (trừ lòng dâm, trừ lòng sát và trừ lòng trộm cắp) thành một đoạn.

⁸⁸⁰ Tam thập lục bộ thần vương (三十六部神王): Cũng gọi Tam thập lục thiện thần. Chỉ cho 36 vị thiện thần theo truyền thuyết do trời Đế Thích sai xuống nhân gian để che chở cho loài người, đồng thời tiếp nhận Tam quy của thiện nam, tín nữ. Đó là: 1. Di lật đầu bắt la bà (Hán dịch: Thiện Quang), coi về tật bệnh. 2. Di lật đầu bà ha sa (Thiện Minh), chủ việc đau đầu. 3. Di lật đầu bà la ba (Thiện Phương), coi về việc lạnh nóng. 4. Di lật đầu chiên đà la (Thiện Nguyệt), coi về việc đầy bụng. 5. Di lật đầu đà lợi xa (Thiện Kiến), chủ về bệnh ung nhọt. 6. Di lật đầu a lâu ha (Thiện Cung), coi về bệnh điên cuồng. 7. Di lật đầu bà già đế (Thiện Xả), chủ việc ngu si. 8. Di lật đầu tất đế đá (Thiện Tịch), chủ về việc sân khuể. 9. Di lật đầu bồ đề tát (Thiện Giác), chủ việc dâm dục. 10. Di lật đầu đề bà la (Thiện Thiên), coi về tà quỷ. 11. Di lật đầu ha ba đế (Thiện Trụ), chủ về thương vong. 12. Di lật đầu bắt nhược la (Thiện Phước), coi về việc mờ mả. 13. Di lật đầu bật xà già (Thiệt Thuật), chủ việc 4 phương. 14. Di lật đầu già lệ bà (Thiện Đế), chủ việc oán gia. 15. Di lật đầu la xà già (Thiện Vương), coi việc trộm cắp. 16. Di lật đầu tu càn đà (Thiện Hương), coi việc nợ nần. 17. Di lật đầu đàn na ba (Thiện Thí), coi việc giặc cướp. 18. Di lật đầu chi đa na (Thiện Ý), chủ về việc dịch độc. 19. Di lật đầu la ba na (Thiện Cát), coi về việc ngũ ôn. 20. Di lật đầu bát bà đà (Thiện sơn), coi việc trùng độc. 21. Di lật đầu tam ma đà (Thiện Điều), coi việc chú liên. 22. Di lật đầu lệ đế đà (Thiện Bị), coi việc qua lại. 23. Di lật đầu ba lợi đà (Thiện Kính), chủ việc dắt dẫn nhau. 24. Di lật đầu ba lợi na (Thiện Tịnh), coi về việc các

(97)

Kinh Địa Tạng Thập Luân nói:

“Cụ chánh quy y: Rời xa tất cả vọng chấp cát hung⁸⁸², hoàn toàn không quy y tà thần, ngoại đạo.”⁸⁸³

(98)

Lại nói:

“[Có người hoặc thọ tam quy, hoặc thọ năm giới, sinh tâm nghi ngờ Phật, Pháp, Tăng, hoặc quy y theo thầy ngoại đạo,] hoặc chấp đủ thứ, hoặc ít hoặc nhiều các tướng cát hung, cúng tế quỷ thần. Hoặc lại có người đối với chánh pháp như Lai thuyết, hoặc chánh pháp tương ứng với Thanh văn thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Độc giác thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Đại thừa mà phỉ báng, ngăn chặn, tự mình không tin nhận, còn làm cho người khác nhầm chán, gây chướng ngại người khác đọc tụng, ghi chép, thậm chí gây trở ngại một bài tụng chánh pháp. Như vậy, gọi là chẳng phải tội căn bản, cũng chẳng phải tội Vô gián, nhưng sinh đại tội ác nghiệp cực trọng, gần với tội Vô gián. Người này nếu chưa sám hối trừ diệt đại tội ác nghiệp như vậy thì không cho xuất gia và thọ giới Cụ

đăng xấu ác. 25. Di lật đầu kiên già địa (Thiện Phẩm), coi việc đòi nợ độc hại. 26. Di lật đầu ti lê đà (Thiện Kết), chủ việc khủng bố. 27. Di lật đầu chi đà na (Thiện Thọ), chủ việc ách nạn. 28. Di lật đầu già lâm ma (Thiện Du), chủ việc sinh nở. 29. Di lật đầu a lưu già (Thiện Nguyên), chủ việc quan huyện. 30. Di lật đầu xà lợi đà (Thiện Nhân), chủ việc miêng lưỡi. 31. Di lật đầu a già đà (Thiện Chiếu), chủ việc lo buồn. 32. Di lật đầu a sa ha (Thiện Sinh), chủ việc bát an. 33. Di lật đầu sa hòa la (Thiện Chí), chủ việc quái gỡ. 34. Di lật đầu ba lợi na (Thiện Tạng), chủ việc ghen ghét. 35. Di lật đầu chu đà na (Thiện Âm), chủ việc nguyên rửa. 36. Di lật đầu vi đà la (Thiện Diệu), chủ việc yếm đảo.

⁸⁸¹ Phật Thuyết Quán Đảnh Kinh (佛說灌頂經), No. 1331, 12 quyển (Kinh khác nhau), Tam tạng Bạch-thi-lê-mật-đa-la dịch, quyển 3, Phật Thuyết Quán Đảnh Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Chú Kinh (佛說灌頂三歸五戒帶佩護身呪經), tr. 502b12.

⁸⁸² Kinh Địa Tạng Thập Luân, No. 411, quyển 9, phẩm Thiện Nghiệp Đạo: “Rời xa tất cả vọng chấp cát, hung, thường kiến, đoạn kiến, ngã kiến và ngã sở kiến.”

⁸⁸³ Ibid., quyển 6, phẩm Hữu Y Hành, tr. 753c05.

túc. Nếu cho xuất gia và thọ giới Cụ túc, thì Thầy [thế độ] liền mắc tội, nên đuổi người ấy ra khỏi pháp của Ta.”⁸⁸⁴

(99)

Kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội nói:

“Không hưởng đến thừa nào khác, không lễ bái trời nào khác.”⁸⁸⁵

(100)

Kinh Bản Nguyện Dược Sư: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân có đức tin thuần tịnh, cho đến hết đời, không thờ vị trời nào khác, [chỉ nhất tâm quy y Phật Pháp Tăng, thọ trì cấm giới, như năm giới, mười giới, bốn trăm giới của Bồ-tát, hai trăm năm mươi giới của Tỳ kheo, năm trăm giới của Tỳ kheo ni.]”

(101)

Lại nói:

“Lại tin thầy bà yêu nghiệt của tà ma ngoại đạo thuộc phạm vi thế gian nói vớ vẩn về họa phước, nên đâm ra sợ hãi, dao động. Tâm thì không tự chánh nó lại, lại đi bói hỏi để tìm lấy tai họa. Giết hại sinh vật mà giải tấu thần minh, van vái yêu quái để xin làm phước giúp đỡ mong muốn thêm tuổi nhưng chung cục không thể đạt được. Ngu si mê lầm, tin theo cái thấy cong và ngược, nên làm chết mình

⁸⁸⁴ Ibid., quyển 3, phẩm Vô Y Hành, tr. 737b25-c07.

⁸⁸⁵ Kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội (集一切福德三昧經), No. 382, 3 quyển, Cư-ma-la-thập dịch, quyển trung, tr. 994a23. Kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bí Mật Tạng (大方廣如來祕密藏經), No. 821, quyển thượng, nói: “Thiện nam tử! Những gì là Nhất thiết trí tâm kiên cố? Thiện nam tử! Nhất thiết trí tâm kiên cố có bốn. Gì là bốn? Đó là: Không niệm thừa khác, không lễ trời khác, không phát tâm khác và chí ý không chuyển. Lại nói kệ tụng: Không sinh niệm thừa khác, Lễ Phật không lễ trời, Không sinh dục tâm khác, Không lễ ngoại phàm phu, Khi tu hành pháp ấy, Nhất thiết trí tâm kiên, Chẳng ma và ngoại đạo, Thuận tiện như lông tóc.”

một cách ngang trái, nhập vào địa ngục, không có kỳ hạn thoát ra. (...)Thứ tám, một cách ngang trái trúng chết bởi thuốc độc, ếm vái, chú thư, quỷ khởi thi.”⁸⁸⁶

(102)

Kinh Bồ Tát Giới nói:

“Cái phép của người xuất gia là không lạy quốc vương, không lạy cha mẹ, không lạy bà con, không lạy quỷ thần.”⁸⁸⁷

(103)

Kinh Phật Bản Hạnh Tập, quyển 42, phẩm Ưu-bà-tu-na, nói:

“Thuở ấy, ba anh em Ca-diếp có người cháu gọi bằng cậu, tu theo Phạm chí Loa Kê, tên là Ưu-ba-tu-na, sống trên một hòn núi gọi là A-tu-la, thường cùng với hai trăm năm mươi đệ tử Phạm chí Loa Kê tu học đạo tiên. Ưu-ba-tu-na nghe ba người cậu của mình và các đệ tử đi đến bên Đại Sa-môn, tất cả đều cạo bỏ râu tóc xuất gia. Nghe vậy, vị ấy hết sức kinh ngạc, rất đỗi bất bình mà la lên: ‘Các ông cậu ta thật lạ thay! Bao năm nay tế tự thần lửa, giờ đây bỗng nhiên theo làm đệ tử Sa-môn. Ta nay đến đó quở trách mới được. Vì có gì làm điều bất thiện như vậy?’

Rồi vị ấy đi đến chỗ ba người cậu, hậm hực trong lòng, ghen hờn không nói thành lời. Đến nơi thấy ba người cậu đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa. Thấy vậy, vị ấy đỗi với ba người cậu mà nói kệ:

Các cậu uông thờ lửa trăm năm
Lại còn uông tu pháp khổ hạnh
Ngày nay đồng bỏ pháp tu ấy
Giống như rắn nọ bị lột da.

⁸⁸⁶ Kinh Dược Sư, Thượng nhân Thích Trí Quang dịch.

⁸⁸⁷ Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới (梵網經菩薩戒), No. 1484, Cư-ma-la-thập dịch, Thượng nhân Thích Trí Quang Việt dịch.

Lúc ấy ba người cậu Ca-diếp dùng kệ đáp lại người cháu Ưu-ba-tư-na:

Cậu khi xưa uổng thờ thần lửa
Cũng luống uổng tu pháp khổ hạnh
Các cậu ngày nay bỏ pháp ấy
Thật như rắn nọ bị lột da.⁸⁸⁸

(104)

Luận Khởi Tín nói:

“Hoặc có chúng sinh không có sức thiện căn, thì bị các tà ma, ngoại đạo, quỷ thần mê hoặc phá rối. Như trong lúc tọa thiền, chúng hiện hình làm cho sợ hãi, hoặc hiện ra nam nữ xinh đẹp, người ngồi thiền nên niệm cảnh giới duy tâm, thì những sự biến hiện ấy tan biến, không thể nào quấy phá. Hoặc chúng hiện ra hình dáng chư thiên, hình dáng Bồ-tát hoặc cả hình dáng Như lai, tướng tốt đầy đủ. Với hình dáng ấy, chúng nói thần chú, nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ; hoặc nói bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán không thân, không nhân không quả, hoàn toàn vắng lặng là Niết-bàn chân thật. Hoặc chúng làm cho người tu thiền biết được đời trước của mình, biết việc quá khứ, biết việc vị lai, được tha tâm thông, được biện tài vô ngại, có thể làm cho người tu thiền này ham thích danh vọng và quyền lợi thế gian. Hoặc chúng làm cho người tu thiền này, khi giận khi mừng, tính tình bất thường; làm cho có nhiều lòng từ ái, ngu nhiều, bịnh nhiều; hoặc làm cho sinh tâm giải đãi, hay là đột nhiên tinh tiến rồi nghỉ bỏ liền, sinh lòng bất tín, hoài nghi, lo nghĩ. Hoặc chúng làm cho bỏ lối tu hành thù thắng cũ, lại tu các tạp nghiệp, hay là mắc vào nhiều thứ ràng buộc về thế sự. Chúng cũng làm cho người tu thiền này được những thiền định tương tự phần nào, nhưng toàn là thiền định của ngoại đạo, không phải thiền định chân thật. Có

⁸⁸⁸ Kinh Phật Bản Hạnh Tập, No. 190, 60 quyển, Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa dịch, quyển 42, phẩm Ưu-bà-tư-na, tr. 851a15.

khi chúng làm cho những người ngồi thiền này ở trong thiền định một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày, được ăn uống những thứ tự có và thơm ngon, cơ thể và tâm trí đều vui đẹp, không đói không khát, làm cho những người này sinh ra đam mê; chúng cũng làm cho những người này ăn uống không chừng mực, khi nhiều khi ít, nhan sắc biến đổi.

Do những nghĩa đó, người tu hành thường phải dùng trí tuệ mà quán sát, chớ để tâm mình sa vào lưới ma, phải siêng tu chánh niệm, đừng ham đừng vướng mới thoát nổi những chướng ngại trên đây, toàn do nghiệp cũ mà có.

Nên biết, mọi thứ thiền định của ngoại đạo toàn là bắt nguồn từ tâm lý ngã kiến, ngã ái và ngã mạn, vì còn ham thích danh vọng, quyền lợi và tôn kính của thế gian.”

(105)

Luận Biện Chánh do Thích Pháp Lâm soạn. Thiên Mười dụ chín châm là để trả lời luận điểm ‘Mười dị chín mê’ của Lý đạo sĩ:

“[Dụ thứ nhất:]

– Dị thứ nhất của ngoại, nói: Thái Thượng Lão Quân thác thân ở ngọc nữ Huyền Diệu, bỏ nách bên trái mà sinh. Thích Ca Mâu Ni gá thai phụ nhân Ma-da, mở hông bên phải mà ra.

– Dụ thứ nhất của nội, nói: Lão Quân vì nghịch với thường nên mới gá mục nữ mà ra bên trái, còn Đức Thế Tôn thuận hóa, nên nhân Thánh mẫu mà sinh bên phải.

Khai Sĩ⁸⁸⁹ nói: “Căn cứ Lô Cảnh Dụ⁸⁹⁰, Đái Sơn⁸⁹¹, Vi Sử Huyền⁸⁹², v.v. tập giải Ngũ Thiên Văn⁸⁹³, và vua Nguyên Đế thời Nam Lương, Chu Hoằng Chánh⁸⁹⁴,

⁸⁸⁹ Luận Biện Chánh, quyển 2, có nhắc đến Khai sĩ Tổng Trì (總持開士), ‘bậc hiện sinh nơi đời ngũ trước, theo gót tứ y’.

v.v. trong các loại Khảo Nghĩa, cho rằng: Thái thượng có bốn, đó là Tam Hoàng⁸⁹⁵ và Nghiêu Thuấn vậy.”

Ý nói thời Thượng cổ có vị vua đức lớn, đi đến và ở trên muôn dân nên gọi là Thái thượng.

Trong Trang Tử Chú, Quách Tượng⁸⁹⁶ nói: “Thời đó người hiền làm vua, còn tài chẳng xứng đời thì làm thần.”

⁸⁹⁰ Lô Cảnh Dụ (慮景裕): Người Bắc Ngụy, tự Trọng Nhụ (中孺), biệt hiệu Bạch Đầu (白頭), ông chuyên Công kinh học, viết bình luận về Chu Dịch, Thượng Thư, Hiếu Kinh, Luận ngữ, Lễ Ký. Ông từng bị quân của Cao Hoan (thừa tướng của Hiếu Vũ Đế Bắc Ngụy) bắt bỏ tù. Ở trong tù, ông đọc kinh Cao Vương Quán Thế Âm (高王觀世音經) một ngàn biến, chịu trăm hình mà không chết. Do sự việc này mà quyển kinh ấy được lưu thông ở đời. Sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên (感應篇彙編), quyển 3, nói: “Lô Cảnh Dụ bị nhốt vào ngục, do chuyên tụng Tâm Kinh mà tự thoát gông cùm.”

⁸⁹¹ Lão Tử Nghĩa Sớ (老子義疏), 9 quyển, do Đái Sơn (戴詵) soạn.

⁸⁹² Vi Tiết (韋節, 496~569): Một đạo sĩ thời Bắc triều, tự là Xử Huyền (處玄), người Đổ Lăng (杜陵), Kinh Triệu (京兆) (nay là huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây).

⁸⁹³ Đạo Đức Kinh (道德經) là một tác phẩm triết học của Lão Tử (còn gọi là Lý Nhĩ 李耳) thời kỳ Xuân Thu. Nó còn được gọi là Đạo Đức Chân Kinh (道德真經), Lão Tử (老子), Ngũ Thiên Ngôn (五千言), Lão Tử Ngũ Thiên Văn (老子五千文). Đây là một bộ tác phẩm Cổ đại Trung Quốc, có trước chư tử phân gia thời Tiên Tần, và là nguồn tư tưởng triết học quan trọng của Đạo giáo. Đạo Đức Kinh gồm có 81 chương với khoảng 5000 chữ Hán, chia làm 2 phần: Thượng Kinh và Hạ Kinh. Thượng Kinh gồm 37 chương, bắt đầu bằng câu: "Đạo khả Đạo phi thường Đạo" (道可道, 非常道.). Thượng Kinh luận về chữ Đạo nên được gọi là Đạo Kinh. Hạ Kinh gồm 44 chương, bắt đầu bằng câu: "Thượng Đức bất Đức thị dĩ hữu Đức" (上德不德, 是以有德). Hạ Kinh luận về chữ Đức nên được gọi là Đức Kinh.

⁸⁹⁴ Chu Hồng Chánh (周弘正, 496-574), tự Tư Hành (思行), người ở An Thành, Nhữ Nam (nay là phía đông nam Nhữ Nam, Hà Nam), đại thần của Nam triều, cháu đời thứ 9 của Quang Lộc Đại phu Chu Nghị (周顛, 269-322) thời Đông Tấn. Năm mười tuổi, ông thông thạo Lão Tử và Chu Dịch. Sách trước tác có: Chu Dịch Giảng Sớ 16 quyển; Luận Ngữ Sớ 11 quyển, Trang Tử Sớ 8 quyển, Lão Tử Sớ 5 quyển, Hiếu Kinh Sớ 2 quyển, Văn Tập 20 quyển.

⁸⁹⁵ Tam Hoàng (三皇), dùng để chỉ đến ba vị quân chủ đầu tiên mang tính chất huyền huyền và thần thánh. Theo truyền thuyết, ba vị này được cho là thần tiên hoặc bán thần, những người đã sử dụng các phép màu để giúp dân. Do phẩm chất cao quý nên họ sống lâu và thời kỳ cai trị của họ hòa bình thịnh vượng. Theo Sử ký Tư Mã Thiên, Tam Hoàng là: Thiên Hoàng - trị vì 18.000 năm; Địa Hoàng - trị vì 11.000 năm; Nhân Hoàng - trị vì 45.600 năm. Theo Vận Đẩu Xu (運斗樞) và Nguyên Mệnh Bao (元命苞), Tam Hoàng là: Phục Hy, Nữ Oa và Thần Nông. Đây là thuyết thường thấy nhất của Tam Hoàng.

⁸⁹⁶ Chánh văn là Quách Trang (郭莊). Quách Tượng (郭象, khoảng 252-312), tự Tử Huyền, triết học gia, huyền học gia thời Tây Tấn, không rõ năm sinh năm mất. Thời kỳ đầu nhậm chức Tư đồ chuyên (người giúp việc cho quan Tư đồ), rồi là lịch quan hoàng môn thị lang, Mục trưởng sử Dự Châu, Thái phó chủ bộ. Thái úy Vương Diễn giao du với Quách Tượng thường nói: “Nghe Quách Tượng nói chuyện tựa sông treo thác dội, trút đổ mà không hề vơi cạn.” (Thính tượng ngữ, như huyền hà tả thủy, chú nhi bất kiệt. 聽象語, 如懸河瀉水, 注而不竭.) Trang Tử Chú (莊子注) là tác phẩm của Quách Tượng, nối tiếp chú giải Trang Tử của Hướng Tú (向秀). Cuối thời Vĩnh Gia (307-313), Tượng bị bệnh chết.

Lão Tử chẳng phải Đế chẳng phải Hoàng, chẳng tại giới hạn của tứ chủng, có điển cứ gì, tạm xưng là Thái thượng ư?

Xét Huyền Diệu [Nội Thiên] của Đạo gia, đến các kinh Trung Đài, Chu Thao, Ngọc Trát, kể cả Xuất Tái Ký, đều nói: Lão là do Lý mẫu sinh ra, chẳng nói có ngọc nữ Huyền Diệu. Đã chẳng phải chánh thuyết, rất giả đàm nói sai nhầm vậy.

Tiên Nhân Ngọc Lục nói: “Tiên nhân không vợ, Ngọc nữ không chồng, tuy thọ thân hình nữ mà trọn không sinh sản.”

Nếu có điểm ấy thì thật đáng vui mừng, nhưng có sao Sử Ký⁸⁹⁷ không văn từ, Chu Thư⁸⁹⁸ chẳng biên chép? Cầu hư, trách thật, tin lời của kẻ uốn nắn dối vọng vậy.

Lễ Ký nói: “Lui quan, không địa vị, là dời sang trái (bị giáng chức).”

Luận Ngữ nói: “Vạt áo bên trái, chẳng phải lễ vậy.”

Nếu lấy trái hơn phải, có sao Đạo sĩ hành đạo chẳng xoay bên trái mà lại chuyển bên phải? Chiếu thư của nước nhà đều nói: “Như Hữu” (如右), chính là lẽ thường thuận theo trời vậy. (...)

– Dị thứ tư của ngoại: Ngày của Văn Vương⁸⁹⁹, Lão Quân làm tông sư cho sự hưng thịnh của nhà Chu. Thời Trang Vương⁹⁰⁰, Thích Ca làm giáo chủ ở nước Kế Tân⁹⁰¹.

⁸⁹⁷ Sử Ký (史記) của Tư Mã Thiên (司馬遷) được viết từ năm 109 TCN đến 91 TCN, ghi lại lịch sử Trung Quốc trong hơn 2500 năm từ thời Hoàng Đế thần thoại cho tới thời ông sống. Vì là văn bản lịch sử Trung Quốc có hệ thống đầu tiên, nó ảnh hưởng cực lớn tới việc chép sử và văn chương Trung Quốc sau này. Tư Mã Thiên xếp các chương của Sử ký thành 5 phần khác nhau: Bản kỷ, Biểu, Thư, Thế gia và Liệt truyện.

⁸⁹⁸ Chu Thư (周書) là một sách lịch sử theo thể kỷ truyện trong 24 sách lịch sử Trung Quốc (Nhị thập tứ sử) do Lệnh Hồ Đức Phân đời Đường làm chủ biên, cùng Sâm Văn Bản và Thôi Nhân Sư tham gia viết và biên soạn chung vào năm Trinh Quán thứ 3 (năm 629), đến năm Trinh Quán thứ 10 (năm 636) thì hoàn thành. Tổng cộng có 50 quyển, bao gồm Bản kỷ 8 quyển, Liệt truyện 42 quyển, không có Chí, Biểu, sách ghi chép lịch sử hưng thịnh và suy vong của Tây Ngụy và Bắc Chu thời Nam Bắc triều.

⁸⁹⁹ Chu Văn vương (周文王), một thủ lĩnh bộ tộc Chu cuối thời nhà Thương. Ông là người đã xây nền móng triều đại nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc.

– Dự thứ tư của nội: Bá Dương⁹⁰² giữ chức quan nhỏ, sung làm thủ thư Tạng sử, chẳng ở ngày của Văn Vương, cũng chẳng phải bậc thầy cho sự hưng thịnh của nhà Chu. Đức Mâu Ni, địa vị là Thái tử, bản thân chứng Đặc tôn, nhằm năm hưng thịnh của Chiêu Vương, làm giáo chủ ở cõi Diêm-phù. (...)

– Dự thứ sáu của ngoại: Lão Quân xuất hiện nơi đời, mới đầu từ ngày của Văn Vương thời nhà Chu, mãi đến thời của Khổng Khâu. Thích Ca mới hạ sinh, mở đầu từ nhà của Tịnh Phạn, tương đương với đời Trang Vương ở Trung Hoa.

– Dự thứ sáu của nội: Ca-diếp sinh năm Đinh Mão ở đời Hoàng Vương, chung cùng vào năm Nhâm Ngọ ở đời Cảnh Vương, tuy mãi đến thời của Khổng Khâu, nhưng chẳng sinh ở thời Cơ Xương. Đức Điều Ngự đản sinh năm Giáp Dần thời Chiêu Vương, chung cùng năm Nhâm Thân ở đời Mục Vương, phải là nối dõi của Tịnh Phạn vốn xuất phát trước đời Trang Vương.

Khai sĩ bảo: Khổng Tử đến Chu thấy gặp Lão Đam mà hỏi Lễ, Sử Ký biên ghi rõ đủ, còn làm thầy của Văn Vương thì không có điển chứng. Nói xuất phát ở cuối thời nhà Chu, việc ấy có thể tìm, còn ở đầu thời nhà Chu thì Sử văn chẳng ghi. (...)

– Dự thứ bảy của ngoại: Lão Quân lúc mới sinh ở thời nhà Chu, về già đến Lưu Sa, không lường biết rốt cùng như thế nào, chẳng biết đến sở nào. Còn Thích Ca sinh ở nước Tây, chung cùng ở Đê Hà kia, đệ tử đánh vàng ngực, bọn người Hồ rống khóc than.

– Dự thứ bảy của nội: Lão Tử sinh ở Lại Hương, chết chôn tại Hòe Lý, rõ ràng Tần Dật đến viếng điệu, trách ở Hình tròn trời; còn Cù Đàm xuất sinh tại cung

⁹⁰⁰ Chu Trang Vương (周莊王, trị vì: 696 TCN - 682 TCN), tên thật là Cơ Đà (姬佗), là vị vua thứ 15 của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc.

⁹⁰¹ Kế Tân (罽賓): Một đất nước cổ xưa ở phía tây bắc Ấn Độ. Nó được cho là tương ứng với Kashmir hoặc Gandhara.

⁹⁰² Bá Dương (伯楊), tự là Lão Tử.

vua kia, ẩn tạc Hạc thọ ấy, truyền lưu ở đời Minh Đế thời nhà Hán, bí tạng ở sách của Lan đài.

Khai sĩ bảo: Trang Tử, Nội Thiên⁹⁰³ nói, “Lão Đam chết. Tàn Dật đến điếu, khóc gào ba tiếng rồi bước ra. Học trò hỏi: Không phải bạn của thầy sao? Phải. Vậy thì, điếu như vậy coi được không? Được chứ! Trước kia, đó là bạn ta thật. Nay thì không phải vậy nữa. Lúc nãy ta vào điếu, thấy có người già khóc như khóc con, có người trẻ khóc như khóc cha. Mới đầu cho là người ấy vậy, mà nay chẳng phải vậy. Người xưa gọi đó là Hình thể trốn Trời⁹⁰⁴.” Trốn nghĩa là ẩn, Trời nghĩa là khỏi trời buộc. Hình nghĩa là thân thể. Nói mới đầu cho Lão Tử là tiên ẩn hình khỏi trời buộc, nay thì chẳng phải vậy. Ôi! Đó, dua nịnh lấy tình của người, nên chẳng khỏi chết, chẳng phải bạn ta vậy.

Mười dụ của nội, đáp lại mười dị của ngoại:

1. Theo sinh có hơn kém.
2. Lập giáo có cạn sâu.
3. Đức vị có cao thấp.
4. Hóa duyên có rộng hẹp.
5. Thọ yếu có dài ngắn.
6. Hóa tích có trước sau.
7. Đòi đời có ẩn hiện.

⁹⁰³ Trang Tử viết Nam Hoa Kinh (南華經) hay Nam Hoa Chân Kinh (南華真經). Theo Hán Thư Nghệ Văn Chí, thì Nam Hoa Kinh khởi đầu có 52 thiên. Sau này Quách Tượng dồn lại còn có 33 thiên. Ba mươi ba thiên lại chia làm 3 phần (theo bản Quách Tượng): Nội thiên, Ngoại thiên và Tạp thiên. Nội thiên (內篇) gồm 7 thiên: (1) Tiêu diêu du (逍遙游); (2) Tề vật luận (齊物論); (3) Dưỡng sinh chủ (養生主); (4) Nhân gian thế (人間世); (5) Đức sung phù (德充符); (6) Đại tông sư (大宗師); (7) Ứng đế vương (應帝王). Ngoại thiên (外篇) gồm 15 thiên: (8) Biên mẫu (駢拇); (9) Mã đề (馬蹄); (10) Khư khiếp (胠篋); (11) Tại hựu (在宥); (12) Thiên địa (天地); (13) Thiên đạo (天道); (14) Thiên vận (天運); (15) Khắc ý (刻意); (16) Thiện tánh (繕性); (17) Thu thủy (秋水); (18) Chí lạc (至樂); (19) Đạt sinh (達生); (20) Sơn mộc (山木); (21) Điền tử phương (田子方); (22) Trí bắc du (知北游). Tạp thiên (雜篇) gồm 11 thiên: (23) Canh tang sở (庚桑楚); (24) Từ vô quỷ (徐無鬼); (25) Tắc dương (則陽); (26) Ngoại vật (外物); (27) Ngụ ngôn (寓言); (28) Nhượng vương (讓王); (29) Đạo chích (盜跖); (30) Duyệt kiếm (說劍); (31) Ngư phụ (魚父); (32) Liệt ngự khấu (列禦寇); (33) Thiên hạ (天下).

⁹⁰⁴ Độn thiên chi hình (遁天之形).

8. Tướng tốt có ít nhiều.
9. Oai nghi có đồng dị.
10. Pháp môn có đốn tiệm. (...)

– Dị thứ nhất của ngoại, ‘Theo sinh tả hữu’:

Ngoại luận rằng: Thánh nhân ứng vết khác với phàm phu kia, hoặc cưỡi rồng voi để vào bào thai, chọt mở nách hông mà sinh ra đời. Tuy là không liên quan lưỡng khí, chẳng nhờ gá song thân, đến cả sai khác về tả hữu, hơn kém ấy là dị thứ nhất vậy.

– Dụ thứ nhất của nội, ‘Theo sinh có hơn kém’:

[Mẹ của Lý Thị tức là Bình Thị ở Lại hương, Lão Tử đến mà gá chất. Phu nhân Ma-da tức là Vương hậu của vua nước La Vệ, Thích Ca nhân đó mà giáng thân.]

Nội dụ rằng: Vạt áo bên tả là chỗ tôn quý của Nhung Địch, mệnh lệnh bên hữu⁹⁰⁵ là nơi kính chuộng của Trung Hoa.

Nên sách Xuân Thu nói: “Gia khanh⁹⁰⁶ không có mệnh, mà giới khanh⁹⁰⁷ có đó, chẳng phải bên tả ư?”⁹⁰⁸

Sử Ký nói: “Lận Tương Như⁹⁰⁹ có công lớn, địa vị bên hữu của đại tướng quân Liêm Pha⁹¹⁰, Pha xấu hổ về điều đó⁹¹¹”. Lại nói: “Trương Nghi⁹¹², tướng bên

⁹⁰⁵ Ở Trung Quốc, lễ phải được tôn trọng nên mệnh lệnh từ trên gọi là hữu mệnh (右命).

⁹⁰⁶ Gia khanh (冢卿): Tiếng vua gọi bày tôi, chỉ chức quan trong triều đình ngày xưa.

⁹⁰⁷ Giới khanh (介卿): Thứ khanh 次卿, phó khanh 副卿, chức quan ở dưới bậc chính khanh, gia khanh.

⁹⁰⁸ Thời cổ đại, lấy hữu làm tôn (cao), lấy tả làm ti (thấp).

⁹⁰⁹ Lận Tương Như (蘭相如), thường phiên âm là Lạn Tương Như, là chính khách nước Triệu thời Chiến Quốc trong lịch sử Trung Quốc, nổi tiếng là người giỏi ứng xử để giữ uy tín của nước Triệu trong chur hầu.

⁹¹⁰ Liêm Pha (廉頗, 327 TCN - 243 TCN) là danh tướng thời Chiến Quốc trong lịch sử Trung Quốc. Ông từng làm tướng nước Triệu, nước Ngụy và nước Sở.

⁹¹¹ Lận Tương Như có công phò tá vua Triệu hội kiến vua Tần ở Dẫn Trì khiến nước Tần không dám chèn ép nước Triệu nên được vua Triệu phong làm thượng khanh, địa vị trên cả Liêm Pha. Liêm Pha bất mãn nói: “Ta là tướng nước Triệu, phá thành đánh trận có công to, trái lại Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi lập công mà địa vị ở trên ta. Hơn nữa, Tương Như vốn người thấp hèn, ta xấu hổ không mặt mũi nào ngồi ở dưới ông ta.” Và ông rêu rao rằng: “Ta gặp Tương Như, quyết làm nhục ông ta.” Tương Như nghe vậy, chủ động tránh không gặp Liêm Pha. Về sau,

hữu Tàn mà bên tả Ngụy; Tê Thủ⁹¹³, tướng bên hữu Hàn mà bên tả Ngụy.” Bởi nói chẳng tiện vậy.

Lễ Ký nói: “Tả đạo bày loạn, giết đó.” Há chẳng phải bên hữu hơn mà bên tả kém ư?

Cao Sĩ Truyện của Hoàng Phủ Mật⁹¹⁴ nói: “Lão Tử là tướng phụ của Sở, nhà ở phía tả ngạn Oa Thủy, thờ thầy Thường Tung Tử. Lúc Thường Tung bị bệnh, Lão Tử biết được liền đến thăm.”⁹¹⁵ Kê Khang⁹¹⁶ bảo: “Lý Nhĩ⁹¹⁷ theo Quyên Tử học phép thuật của Cừ Tiên, kiểm các sách của Thái sử công⁹¹⁸ v.v.” Chẳng nói

ông nghe mọi người nói lại lời Tương Như giải thích rằng: “Oai như vua Tàn mà Tương Như dám gào thét ở giữa triều đình, làm nhục cả quần thần. Tương Như tuy hèn nhát há sợ Liêm tướng quân sao. Nhưng ta nghĩ rằng nước Tàn sở dĩ mạnh, không đem binh lính đánh Triệu vì có ta cùng Liêm tướng quân. Nay hai con hổ đánh nhau, thế nào cũng không sống được cả, cho nên ta phải làm như thế, vì nghĩ đến việc cấp bách của nước nhà trước mà gác việc thù riêng đó thôi.” Liêm Pha nghe vậy ân hận, nhận ra lỗi của mình. Ông bèn cởi trần, mang roi nhờ tân khách đưa đến cửa nhà Lạn Tương Như tạ tội, nói: “Kẻ hèn mọn này không biết tướng quân rộng lượng đến thế!” Rồi từ đó hai người vui vẻ làm bạn sống chết có nhau.

⁹¹² Trương Nghi (張儀, 373 TCN - 310 TCN), tước hiệu là Vũ Tín Quân (武信君), người đời tôn xưng là Trương Tử (張子), là một nhà du thuyết nổi tiếng thời Chiến Quốc trong lịch sử Trung Quốc. Ông sử dụng tài chính trị và tài thuyết phục của mình mà gây dựng nên sự nghiệp. Ông là đại diện tiêu biểu của phái Tung hoành gia, đề xướng chính sách Liên hoành, chống lại việc Hợp tung của Tô Tần và Công Tôn Diễn.

⁹¹³ Công-tôn Diễn (公孫衍, 360 TCN-300 TCN), còn gọi là Tê Thủ (犀首), là chính khách đời Chiến Quốc, thuộc học phái Tung hoành gia, là một trong những người cầm đầu đường lối hợp tung (tung thân) lập liên minh các nước miền đông chống nước Tàn.

⁹¹⁴ Hoàng Phủ Mật (皇甫謐, 215-282) là một học giả nổi tiếng với những thành tựu trên các lĩnh vực lịch sử, đạo đức, văn học và y học của Trung Hoa.

⁹¹⁵ Khi Lão Tử đến bên giường bệnh, Thường Tung mở miệng rồi lấy tay chỉ lên miệng mà hỏi Lão Tử: “Lưỡi của ta vẫn còn chứ?” Lão Tử cảm thấy rất kỳ lạ, nghĩ rằng: “Lẽ nào thầy của mình mắc bệnh nên nhầm lẫn rồi, sao lại hỏi như vậy? Nếu không có lưỡi, làm sao thầy có thể nói chuyện được?” Thường Tung hỏi tiếp: “Còn răng của ta thì sao?” Lúc này, Thường Tung đã không còn chiếc răng nào. Lão Tử cũng trả lời đúng như vậy. Thường Tung nói: “Con biết ta vì sao lại hỏi như vậy không?” Lúc này Lão Tử mới hiểu được, thầy đang muốn điểm ngộ cho mình: “Lưỡi mềm nên mới còn tồn tại, răng cứng chắc nên mới bị rụng mất. Rất nhiều việc trên thế gian đều như vậy.” Sau này, trong cuốn Đạo Đức Kinh, Lão Tử viết: “Trong thiên hạ không gì mềm yếu hơn nước, thế mà nó lại công phá được tất cả những gì cứng rắn. Chẳng chi hơn nó, chẳng chi thay thế được nó. Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh, thiên hạ ai cũng biết thế, mà chẳng ai làm được. Cho nên Thánh nhân nói: ‘Dám nhận lấy như nhuốc của quốc gia, mới có thể làm chủ xã tắc, ai dám gánh chịu tai họa của quốc gia, mới có thể làm vua thiên hạ.’” Lời ngay nghe trái tai.”

⁹¹⁶ Kê Khang (嵇康, 223-262) tự là Thúc Dạ (叔夜), người đất Chí, nước Bái (nay là phía tây huyện Túc, tỉnh An Huy). Kê Khang xuất thân hàn vi, có quan hệ về hôn nhân với hoàng thất Tào-Ngụy. Ông sở trường về đoàn văn nhưng về thơ (đặc biệt là thơ tứ ngôn 4 câu) rất hay, song lại thường nhuộm màu sắc tư tưởng Lão, Trang.

⁹¹⁷ Lý Nhĩ (李耳), tên của Lão Tử.

⁹¹⁸ Thái sử công thư (太史公書): tức là cuốn Sử Ký của Tư Mã Thiên.

Lão Tử vạch nách bên tả mà sinh. Đã không chánh xuất, thì không thể thừa nhận, tin tưởng vậy.

Hiển nhiên rằng, việc khua đao và vẩy bút là sự khởi đầu của võ văn; năm khí chất thuần khiết⁹¹⁹ và ba vật thể phát sáng⁹²⁰, là sự khởi đầu của âm dương. Do đó, Thích môn xoay chuyển phía hữu mà phù hợp với hoạt động của con người. Trương Lăng⁹²¹ đi đường phía tả mà tén nghịch với đạo lý của trời. Vì sao? Đức Thích Ca khởi Vô duyên từ, ứng hóa người hữu duyên. Nói về dấu tích ấy, (...)

Đức Thích Ca Mâu Ni đứng một mình trên trời dưới đất, chiếm vị trí tôn kính nhất, là bậc siêu việt ba cõi sáu đường, sự siêu tuyệt của Ngài được mọi người kính trọng.

[– Dị thứ mười của ngoại, ‘Thuyết quy thuận nghịch’:]

Ngoại Luận rằng: Lão Quân lập ra khuôn phép: duy hiếu duy trung, cứu đời độ người, cực từ cực ái. Do đó, Thanh giáo mãi truyền tụng, trăm vua không sửa đổi, Huyền phong luôn bao trùm, muôn xưa không sai khác. Vì vậy, trị nước trị nhà, khái thức⁹²² thường nhiên. Thích giáo bỏ nghĩa bỏ thân, bất nhân bất hiếu. Xà Vương giết cha, nói trớ không lỗi; Điều Đạt bán anh, không nghe mắc tội. Lấy đó để hướng dẫn kẻ phạm, thêm lớn điều ác, dùng đó làm khuôn phép cho đời, sao lại sinh thiện? Đó là điều khác thứ mười về nghịch thuận.

[– Dụ thứ mười của nội, ‘Pháp môn có đôn tiệm’:]

⁹¹⁹ Ngũ khí (五氣): phân làm nội và ngoại. Nội là thân thể: tim, gan, lá lách, phổi và thận. Ngoại là kim, mộc, thủy, hỏa và thổ. Ngũ khí còn là: Tinh, Thần, Hồn, Phách, Ý.

⁹²⁰ Tam quang (三光): là mặt trời, mặt trăng và tinh tú.

⁹²¹ Trương Lăng (張陵, 34 – 156), biểu tự Phụ Hán (輔漢), được xem là người đã sáng lập ra giáo phái Ngũ Đấu Mễ Đạo cùng Chánh Nhất Đạo trong Đạo giáo Trung Quốc. Trong Đạo giáo, Trương Lăng cũng được gọi là Trương Đạo Lăng (張道陵), Tổ Thiên Sư (祖天師), Trương Đạo Lăng Thiên sư (張道陵天師) hoặc Chánh Nhất chân nhân (正一真人). Tương truyền ông dùng hồ để cưỡi, lại được lưu truyền cùng với Cát Huyền, Hứa Tổn cùng Tát Thủ Kiên hợp gọi là Tứ đại Thiên sư (四大天師).

⁹²² Khái thức (楷式): mẫu mực, phép tắc

Nội Luận rằng: Nghĩa, là sự thấp kém của đạo đức; Lễ, là sự yếu đuối của trung tín. Lòng nhân nhỏ nhất bị giễu cợt như thân phận người đàn bà thường, và lòng hiếu lớn lao được tung hô cho những kẻ giàu có. Hơn nữa, cười hát khi thấy người khác gặp bất hạnh, không phải sự khoan dung của Trung Quốc, và gõ chén trong đám tang chẳng phải những tập tục của Hoa Hạ. {Mẹ của Nguyên Nhung chết, cười trên hòm mà ca, Khổng Tử đến trợ tang, chẳng dèm chê. Tử Tang chết, Tử Cống đến viếng điệu, bốn người con cùng trông thấy nhìn mà cười. Vợ Trang Tử chết, ông ta gõ chén mà hát ca}. Thế nên, giáo đó lấy hiếu, thì phải kính thiên hạ mà làm người cha; giáo đó dùng trung, thì phải kính thiên hạ mà làm quân vương. Hóa khắp muôn nước, mới rõ đức nhân cao lớn của Minh quân; hình tủa bốn biển, thật là bày tội trung hiếu của Thánh vương.

Kinh Phật nói: “Thức thể luân hồi, sáu nẻo không ai không là cha mẹ; sinh tử biến dịch, ba cõi người nào nhận rõ oán thân?”

Lại nói: “Vô minh che tuệ nhãn, đến đi trong sinh tử, đi đến để tạo tác, làm cha con lẫn nhau, một số oán thân làm tri thức, một số tri thức làm oán thân.”

Do đó, Sa-môn xả thế tục hướng đến chân, đồng đều vạn loại trong thuộc tánh của trời; bỏ vinh hoa tức là đạo, ngang bằng hàm hữu nơi thân thích của mình. {Thực hành cái tâm chân chánh cùng khắp, bình đẳng cái ý thân thuộc cùng khắp}. Và lại, Đạo chuộng thanh hư, đó là trọng ân ái; Pháp quý bình đẳng, đó là chọn oán thân, há chẳng phải mê hoặc? Thế lực đua tranh thì cách xa thân thuộc, văn sử ghi rõ việc này. Tề Hoàn Công⁹²³ và Sở Mục Vương⁹²⁴, là hạng ấy vậy. Muốn đem lòng Thánh, há chẳng sai lầm ư? Đó là điềm kém thứ mười của Đạo. (...)

⁹²³ Tề Hoàn công (齊桓公, 715 TCN - 7 tháng 10, 643 TCN), tên thật là Khương Tiểu Bạch (姜小白), là vị quân chủ thứ 16 của nước Tề - chư hầu nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông trị vì từ năm 685 TCN đến năm 643 TCN, tổng cộng 42 năm. Tề Hoàn công là vị quân chủ chư hầu xưng bá chủ đầu tiên thời Xuân Thu. Ông thường được xếp vào hàng đầu tiên của danh sách Ngũ bá. Sự nghiệp của ông bắt đầu khi Công Tôn Vô Tri sát hại anh trai Tề Tương công và chiến thắng trong việc tranh đoạt ngôi vị với Công tử Củ (公子糾). Sau khi đăng vị, ông báí Quản Trọng làm Tướng quốc, sử dụng chính sách quân chính hợp nhất, binh dân hợp nhất, quốc lực của nước Tề trở nên cường thịnh. Năm 679 TCN, ông triệu tập các nước chư hầu để hội minh, trở thành vị Bá chủ đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa thời Tiên Tần. Khi đó Hoa Hạ chư hầu bị áp chế bởi các chư hầu, Quản Trọng đã đề xuất Tôn vương Nhung di

Nhị Hoàng⁹²⁵ thống hóa {Kinh Tu-di Tứ Vức nói: Bò-tát Ứng Thanh là Phục Hy, Bò-tát Cát Tường là Nữ Oa.}, mở đầu gìn giữ thuần phong. Tam Thánh⁹²⁶ lập ngôn {Kinh Không Tịch Sở Vấn nói: Ca-diếp là Lão Tử, Nhu Đồng là Khổng Tử, Quang Tịnh là Nhan Hồi.}, hưng khởi rồi cuối cùng đạ̣m bạc. Ý chỉ của Huyền hưng nhất⁹²⁷, Hoàng Lão⁹²⁸ dồi dào luận đạ̣m đó. Văn hiến của thi thư lễ nhạc, Chu Khổng⁹²⁹ thẩm thiết giáo dục đó. Sáng tỏ tánh khiêm nhậ̃n và gìn giữ tâm chất trực là thêm thang chứng Thánh. Tam úy⁹³⁰, ngũ thường⁹³¹ là nguyên nhân tiệ̣m tiến

(尊王攘夷), Bắc kích Sơn Nhung, Nam phạt nước Sở, do đó Tề Hoàn công chân chính trở thành Trung Nguyên bá chủ, đượ̣c Thiên tử nhà Chu phong thưởng và làm lễ chính thức.

⁹²⁴ Sở Mục vương (楚穆王, trị vì 625 TCN-614 TCN[1][2]), tên thật là Hùng Thương (熊商) hay Mị Thương (𤝵商), là vị vua thứ 24 của nước Sở - chư hầu nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông là con trưởng của Sở Thành vương, vốn đượ̣c vua cha phong làm thái tử. Năm 627 TCN, Sở Thành vương yêu quý con thứ là công tử Chúc. Thương Thần dò xét em Thành vương là Mị Giang biết vua cha muốn phế mình, bèn bàn mưu với Phan Sùng đem quân đánh vào cung Sở Thành vương, ép cha mình phải tự tử, rồi tự lập làm vua, tức là Sở Mục vương. Ông phong cho Phan Sùng làm thái sư.

⁹²⁵ Chỉ cho Phục Hy (伏羲) và Nữ Oa (女媧).

⁹²⁶ Chỉ cho Lão Tử (老子), Khổng Tử (孔子), Nhan Hồi (顏回).

⁹²⁷ Huyền hưng nhất (玄虛沖一): Lời dạy đưa người ta hợp nhất với đạo vô vi, tự nhiên, không vị kỷ.

⁹²⁸ Hoàng Lão Đạo (黃老道) là tiền thân của Thái Bình Đạo (太平道), một giáo phái của Đạo giáo. Hoàng là Hoàng Đế, Lão là Lão Tử. Tư tưởng Hoàng Lão bắt nguồn từ các Đạo gia thuộc học phái Tắc Hạ thời Chiến Quốc, đến đầu đời Tây Hán nó biến thành một trào lưu triết học và chính trị mạnh, chủ trương thanh tĩnh vô vi, cho dân nghỉ ngơi, nới tay trị dân. Đến đời Đông Hán, học phái này trở thành tôn giáo, thờ Hoàng Đế và Lão Tử. Chịu ảnh hưởng của Hoàng Lão Đạo, Trương Giác (張角) nổi lên, tự xưng là Đại Hiền Lương Sư (大賢良師), sáng lập Thái Bình Đạo, phát động khởi nghĩa gọi là Hoàng Cân khởi nghĩa mà sử gọi là giặc Khăn Vàng.

⁹²⁹ Chu là Chu Công. Khổng là Khổng Tử. Chu Công (周公), tên thật là Cơ Đán (姬旦), còn gọi là Thúc Đán (叔旦), Chu Đán (週旦) hay Chu Văn công (周文公), là công thần khai quốc nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông có công giúp Chu Vũ vương Cơ Phát lập ra nhà Chu, giành quyền thống trị Trung Hoa từ tay nhà Thương. Chu Công xác lập đẳng cấp trong xã hội gồm có: thiên tử - chư hầu - khanh, đại phu - sĩ. Chế độ đẳng cấp này đượ̣c giai cấp thống trị các triều đạ̣i sau tiếp nhận và chịu ảnh hưởng sâu sắc. Ông có nhiều cống hiến trong việc định ra lễ nghi và nhạc trong triều đình. Ông đề ra các thể chế như phong tước, triều kiến, thăm hỏi, tang lễ, cúng tế... Đề ra quy định về trang phục như "ngũ phục" (5 loại quần áo mặc khi có tang), "ngũ lễ", tân, quân, gia, tam tông tứ đức... làm cho quan hệ đẳng cấp có tôn ti trật tự, bảo đảm ổn định xã hội. Ông đề ra quy định chặt chẽ về nhạc dùng và điệu múa ở các đẳng cấp khác nhau: hội hè, yến tiệc, hôn thú, ma chay... phải có kiểu riêng. Chế độ lễ nhạc mà Chu Công soạn ra tương đối hoàn chỉnh, giúp cho xã hội ổn định trật tự và phát triển. Lễ nhạc mà ông soạn ra cũng có ảnh hưởng sâu sắc đến các triều đạ̣i sau này.

⁹³⁰ Tam úy (三畏). Luận ngữ: “Khổng Tử nói: Người quân tử sợ ba điều: sợ mệnh trời, sợ bậc đạ̣i nhân, sợ lời nói của thánh nhân. Kẻ tiểu nhân không biết mệnh trời nên không sợ, mà còn khinh lờn bậc đạ̣i nhân, giụ̃c cột lời nói của thánh nhân”.

⁹³¹ Ngũ thường (五常): nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

làm trời người. Những lời dạy này mặc nhiên phù hợp với chân lý của Đức Phật, nhưng chúng không soi sáng và thảo luận một cách đúng đắn về nó. Nó giống như hỏi đường nơi người câm điếc, quơ chỉ phương hướng mà chẳng biết bao xa; hỏi bến ở loài thỏ ngựa, biết băng qua sông mà chẳng lường cạn sâu. Nhân đó mà suy luận, triều đại nhà Ân và nhà Chu là thời điểm thuận lợi cho việc truyền bá giáo lý của Đức Thích Ca Mâu Ni. Tình huống này giống như lửa dữ sáng rực, một đứa trẻ không thể nhìn thẳng vào ngọn lửa rực cháy, hay một người yếu đuối không thể chăm chú lắng nghe tiếng sấm sét dữ dội. Vì vậy, sông hồ nước dâng trào, Chiêu Vương lo sợ Đức Phật ra đời; mây cầu vòng đổi màu, Mục Hậu mừng vui bậc Thánh ảm mắt. {Chu Thư Dị Ký nói: Ngày mồng tám tháng tư năm thứ 24 đời Chiêu Vương, sông rạch ao suối nước đều dâng trào. Ngày Rằm tháng hai năm thứ 52 đời Mục Vương, gió bão bỗng nhiên dấy khởi, cây cối đổ gãy, trời râm mây đen tối, có cầu vòng sắc trắng quái lạ hiện lên vậy.} Đâu có thể vượt sông Thông mà bảm hóa, vượt núi Tuyết mà thành tâm. Kinh Tịnh Danh nói: “Đó là lỗi của người mù, chẳng phải lỗi của mặt trời và mặt trăng.”⁹³² Ngay cả ông muốn luận nghị đến tận cùng lỗ đục ấy, chỉ sợ tổn thương tánh hồn độn của ông.⁹³³ Nó ngoài tầm hiểu biết của ông. Đó là mù tối thứ nhất vậy. (...)

Châm thứ hai của nội, ‘Kiến tạo tượng tháp’:

Từ vua Minh Đế thời Hậu Hán trở xuống đến thời nhà Tề, nhà Lương, có hơn hai trăm người, bao gồm các hàng vương công, thủ mục, thanh tín sĩ nữ, và cả Tỳ kheo, Tỳ kheo ni v.v... đã cảm nhận sâu sắc Chí Thánh, tận mắt nhìn thấy ánh sáng thân kỳ.

⁹³² Kinh Duy Ma Cật, phẩm Phật Quốc.

⁹³³ Trang Tử Nam Hoa Kinh, chương Ứng Đế Vương: “Vua Nam Hải tên là Mau Lẹ; vua Bắc Hải tên là Thành Linh; vua Trung Ương tên là Hồn Độn [tức không phân biệt]. Một hôm Mau Lẹ và Thành Linh gặp nhau ở xứ của Hồn Độn, được Hồn Độn tiếp đãi trọng hậu, muốn đáp lòng tốt đó, bàn với nhau: ‘Người ta ai cũng có bảy lỗ để thấy, nghe, ăn và thở; mà anh Hồn Độn không có một lỗ nào cả, tội mình thử đục cho anh có đủ lỗ đi.’ Thế là mỗi ngày họ đục một lỗ, tới ngày thứ bảy Hồn Độn chết.” Điều này nói lên ý nghĩa rằng, mỗi sự vật đều có đặc tính riêng của nó, nếu cứ ép buộc giống nhau thì ngược lại sẽ không tốt. Bản chất của mỗi người là điều quan trọng nhất, không cần phải thay đổi bản chất đó.

Đến như thấy dấu chân ở Vạn sơn⁹³⁴, tượng nổi ở Hồ Độc⁹³⁵. Dưới Thanh [Lương] đài nhìn dáng vẻ mãi nguyệt⁹³⁶, ngoài Ung môn thấy hình ảnh tướng luân⁹³⁷. Nam Bình vương được ứng vào thụy tượng⁹³⁸, Văn Tuyên đế cảm mộng

⁹³⁴ Pháp Uyển Châu Lâm: “Đời Đông Tấn, tượng Phật tự qua núi: Ngày mồng tám tháng tư, niên hiệu Ninh Khang thứ ba (375) thời vua Hiếu Vũ đời Đông Tấn, sa-môn Thích Đạo An ở chùa Đàn Khê, Tương Dương, là người có đức hạnh sáng ngời, nổi tiếng trong thiên hạ, đã đúc tượng Phật Vô Lượng Thọ bằng đồng pha vàng cao một trượng sáu, tôn trí tại ngôi tinh xá ở phía tây bên ngoài thành. Đến tháng chạp năm sau, việc trang trí mới hoàn thành. Bấy giờ Trấn quân tướng quân Quách Khôi, thứ sử Ung châu vừa đến Tương châu tu tạo công đức. Đêm ấy, tượng đi về hướng tây, băng qua ngọn Vạn sơn, để lại một dấu chân trên đá. Đạo tục trong làng đến xem đều kính phục. Sau đó, thỉnh đá về làng cúng dường. Vào đêm ấy, tượng cũng đến trước cửa chùa, mọi người đều kính ngạc. Khôi liền đổi tên chùa là Kim Tượng.”

⁹³⁵ Thích Ca Phương Chí, ngài Đạo Tuyên soạn, quyển hạ có ghi: “Vào năm Kiến Hưng thứ nhất (313) thời vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp) thời Tây Tấn, có 2 tôn tượng bằng đá trôi nổi bồng bềnh trên sông Ngô Tùng. Các ngư dân nghi đó là Thần biển nên mới thỉnh thầy đồng cốt chú nguyện để nghinh thỉnh, sóng gió trên sông trở nên nổi mạnh. Những người kính thờ Hoàng Lão cho đó là Thiên sư, lại sang nghinh thỉnh, sóng gió cũng nổi dậy như trước. Có cư sĩ Chu Ưng; người ở Ngô huyện vốn có tâm chí thành kính tin Phật cùng với Bạch Ni ở chùa Đông Linh và vài người kính tin đến cửa sông Hồ Độc để nghinh thỉnh đó. Sóng gió tự nhiên vắng lặng. Từ xa trông thấy 2 người đến, mới là tôn tượng đá đứng cao 7 thước, bưng đi trong sóng lên thiết đặt tại chùa Thông Huyền, có khắc minh trên lưng tôn tượng, một tên là Duy Vệ và một tên là Ca-diếp, chẳng lường biết vào đời vua nào mà dấu vết chữ in rõ ràng.”

⁹³⁶ Truyền thuyết kể rằng hai nhà sư từ Tây Vực là Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp-lan, cùng với Thái Âm và những người khác, du hành từ Tây Vực đến Trung Quốc để hoằng pháp trên một con ngựa trắng, mang theo Phật tượng đồ và cuộn giấy Kinh Tứ Thập Nhị Chương, đó là ngày 30 tháng Chạp, năm thứ 10 niên hiệu Vĩnh Bình (67). Thái Âm dâng thư của quốc vương nước Ưu Điền và tượng Phật Thích Ca, Đông Hán Minh Đế ngạc nhiên khi thấy bức tượng giống hệt Người Vàng trong giấc mơ của mình, sợ vui muôn phần, sai người vẽ lại nhiều bức và cất giữ chúng tại Thanh Lương đài ở Nam Cung và tại Hiến Tiết Thọ lăng ở Cao Dương môn. Đây là lần đầu tiên những bức tượng Phật được vẽ lại trong lịch sử Trung Quốc. Hình ảnh Đức Phật được miêu tả trong các cuộn kinh do Thái Âm mang về cũng chính là hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được vua Ưu Điền khắc từ gỗ đàn hương vào những năm đó.

⁹³⁷ Hoàng đế nhà Minh thời Hậu Hán đã cho xây dựng Bạch Mã Tự bên ngoài Ung môn (cửa phía Tây của Lạc Dương). Ấn Độ gọi Phật tháp là Tốt-đổ-ba, tạo thành bởi đài tháp, thân tháp bát úp, bảo sang và tướng luân. Tướng luân 相輪 (còn gọi Thừa lộ bàn 承露盤, Lộ bàn 露盤, Luân cái 輪蓋) là kiến trúc hình trụ được xếp chồng lên nhau trên phần “bình đầu” của tháp Phật. Phần nền của tướng luân là hình bát úp. Kế đến là phần thỉnh hoa (thọ hoa). Tiếp đến là luân cái gồm 9 luân xếp chồng lên nhau. Trên cùng là bảo châu. Các đỉnh tháp ở Ấn Độ đều có kiểu dáng như thế. Tại Trung Quốc, Nhật Bản tuy thân của bảo tháp có hình dáng khác nhau nhưng cấu trúc đỉnh tháp vẫn không thay đổi.

⁹³⁸ Pháp Uyển Châu Lâm: “Đời Lương, sa-môn Thích Tăng Hộ: Sư vốn người Kế-tân, xuất gia từ thuở nhỏ, chuyên tâm tu tập, giới hạnh tinh nghiêm, sau trụ ở chùa Ân Khâu thuộc núi Thạch Thành nước Kế-tân. Phía bắc chùa có vách núi xanh biếc, dựng đứng, cao mấy mươi trượng, trung tâm mặt vách có hình hào quang của Phật, phía trên có cây cối um tùm, xòe tàng rợp bóng. Mỗi lần sư đi kinh hành đến vách núi này đều thấy ánh sáng tỏa chiếu, lại nghe tiếng ca tụng hòa với tiếng đàn, tiếng sáo. Thế là, sư nâng lư hương phát nguyện đợc vách núi tạo tượng Phật cao mười trượng, mô phỏng theo thánh dung của tượng Di-lặc cao nghìn thước, khiến cho người phàm phu có duyên đồng gặp được ba pháp hội của Đức Phật Di-lặc. Niên hiệu Kiến Vũ (494-497) đời Tề, sư tập hợp đạo tục khởi công tạo tượng. Trải qua hơn một năm, mới hoàn thành phần thô của khuôn mặt thì sư ngã bệnh rồi mất. Đến đời Lương, niên hiệu Thiên Giám thứ sáu (507) có Lục Hàm người quận Ngô làm Huyện lệnh Thi Phong lên kinh. Trên đường đi, ông ngủ lại ở Diệm Khê, gặp lúc mưa gió mịt mù, mọi người đều khiếp sợ. Vừa chợt mắt thì ông chợt mộng thấy ba vị đạo nhân đến bảo: “Nếu tâm thành, niềm tin kiên cố thì tự nhiên an ổn. Thái tử Kiến An mắc bệnh chưa khỏi, nếu tiếp tục hoàn thành bức tượng đá do Tăng Hộ tạo thì bệnh thái tử sẽ lành. Lý sâu kín này chân thật không dối, nên báo cho người biết”. (...) Bất chợt Hàm nhớ lại rõ ràng giấc mộng ngày xưa, vị tăng vừa rồi

răng Thánh⁹³⁹. Tiêu Hậu một lần đúc mà thành tợ⁹⁴⁰, Tống Hoàng bốn lần mô phỏng mà chẳng xong.⁹⁴¹ Các loại như vậy thật lắm nhiều, không thể nêu bày đầy đủ hết. Đâu có thể vì mình không mất đó mà bài xích sự có linh ứng kia ư?

Nhưng mà Đức không gì không hoàn bị, cho đó là Niết-bàn; Đạo không gì không thông suốt, gọi đó là Bồ-đề; trí không gì không cùng khắp, xưng đó là Phật-đà. Dùng Hán ngữ đây mà phiên dịch Phạm ngôn kia, thì ‘Phật’ kia và đây, rõ ràng đáng tin vậy. Làm sao biết rõ? Phật-đà, Hán ngữ là Đại giác; Bồ-đề, Hán ngữ là Đại đạo; Niết-bàn, Hán ngữ là Vô vi. Ông trọn ngày đập trên đất Bồ-đề mà chẳng biết Đại đạo, tức dị hiệu của Bồ-đề; bả hình trong cảnh Đại Giác mà chưa rõ Đại Giác, tức thích danh của Phật-đà. Vì vậy, Trang Chu nói: “Chỉ khi nào mới biết rằng đã qua một đại mộng.”⁹⁴²

Trang Tử Chú của Quách Gia nói: “Bậc Đại giác là Thánh nhân vậy. Bậc Đại giác mới biết đại hoạn, lo nghĩ cho những người ô mê còn chưa tỉnh ngộ.”

chính là vị tăng thứ ba mà ông thấy trong giấc mộng ở Diệm Khê. Hàm bèn vội vàng đến trình lên Kiến An vương. Vương tâu lên vua, vua sắc thính luật sư Tăng Hựu chuyên lo việc tạo tượng. Vua rất tin tưởng và vô cùng vui mừng, xả bỏ tài sản, nguyện hoàn thành pho tượng. (...) Khởi công tạo tượng vào mùa xuân niên hiệu Thiên Giám mười hai (513) đến mùa xuân niên hiệu Thiên Giám mười lăm (516) thì hoàn thành. Tòa cao năm trượng, tượng đứng cao mười trượng. Trước khám tạo đài ba tầng, có lầu gác, điện đường và nhiều hạng mục khác để cúng dường. Quan khách bốn phương tấp nập từ vạn dặm mang hương hoa đến cúng dường. Khi tượng hoàn thành, Kiến An vương hết bệnh và sau cải phong là Nam Bình vương.”

⁹³⁹ Vào năm Nguyên Huy thứ 3 (475) đời Lưu Tống, ngài Pháp Hiến thời Nam triều qua Tây Vực thỉnh kinh, đến nước Vu Điền được một chiếc răng Phật và 15 viên xá lợi vốn từ nước Ô Trành truyền đến. Sau khi về nước, sư trụ ở Kiến Nghiệp (nay là Nam kinh) – Vương đô của nhà Tề – giữ kín răng Phật để cúng dường lễ bái một mình. Năm Vĩnh Minh thứ 7 (489), Văn Tuyên đế nhân cảm mộng mới đem việc này nói cho mọi người biết.

⁹⁴⁰ Tiêu hậu là Tề Cao đế, húy là Tiêu Đạo Thành. Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 100: “Tề Thái Tổ Cao Đế, tay viết kinh Pháp Hoa, miệng tụng kinh Bát-nhã, ngày mùng 8 tháng 4 thường đúc tượng bằng vàng, ngày 1 tháng 7 tổ chức lễ Vu Lan cho các chùa, cung cấp cho ba trăm vị Tăng, xây dựng hai chùa Trắc Khí và Chỉ Quán.”

⁹⁴¹ Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 100: “Tống Thái Tông-Minh Đế, tạo ra pho tượng bằng vàng cao một trượng tám, sau khi giải trai cảm được xá lợi của Phật, xây dựng chùa Hoằng Phổ Trung, mời các danh Tăng duy trì Phật pháp.” Ban đầu đúc tượng một trượng tám, sau bốn lần không thành, nên đổi làm tượng cao một trượng tư mới thành tợ.

⁹⁴² Nam Hoa Chân Kinh, Nội Thiên, Tề Vật Luận: “Có người nằm mộng thấy được uống rượu ăn tiệc, tỉnh dậy tiếc mà khóc; lại có người nằm mộng thấy mình khóc rồi thức dậy vui như đi săn. Mà hai hạng người đó trong khi nằm mộng không biết rằng mình nằm mộng, đôi khi nằm mộng thấy rằng mình nằm mộng, tới khi tỉnh mới biết rằng mình nằm mộng. Và chỉ khi nào đại giác (thức tỉnh lớn) mới biết rằng đã qua một đại mộng (giấc mộng lớn). Bọn ngu tự cho mình là tỉnh khi coi vua là quý, còn kẻ chăn trâu là hèn. Thật là cố chấp!”

Lại nói: “Phu Tử cùng đệ tử vân du trong mộng, chưa thể quên lời mà được Thần giải, nên chẳng phải là bậc Đại giác vậy.”

Người quân tử nói: “Đàm luận của Khổng Khâu chỉ đến đây thôi.”

Niết-bàn tịch chiếu, không thể dùng thức để biết, không thể nắm bắt bằng trí, thì đường ngôn ngữ cắt đứt, chỗ tâm hành không còn, nên quên lời vậy. Pháp thân là do ba điểm và bốn đức làm thành⁹⁴³. Nó uy nghi, thanh thoát, không lụy phiền, nên xưng là giải thoát. Đó là thần giải nên dứt đại hoạn vậy. Phu Tử được coi như Thánh, nhưng thua xa vì suy cử công huân với Phật. Vì sao? Căn cứ hai bộ lục cổ xưa, Lưu Hướn⁹⁴⁴ nói: “Kinh Phật lưu truyền đến Trung hạ, một trăm năm mươi năm sau, Lão Tử mới nói năm ngàn vạn tự.” Trong trường hợp này, cả Trang Tử và Lão Tử đều biết [và vay mượn] những gì được dạy trong kinh Phật. Có thể nghiệm chứng điều này trong lời dạy của họ. [Như Khổng Tử có nói: “Dịch, chính là vô vi, vô tư, tịch nhiên chẳng động, đến lúc cảm ứng thì thông suốt được mọi việc trong thiên hạ. Nếu không phải là cái thần tốt bậc trong thiên hạ thì cái gì có thể sánh với điều ấy?”⁹⁴⁵] (...)

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Người chẳng trì giới thì các trời giảm ít, A-tu-la hưng thịnh đông nhiều, rồng thiện không sức lực, rồng ác có sức lực. Rồng ác có sức lực thì giáng mưa đá phi thời, mưa gió dữ dội, năm thứ lúa thóc không được mùa, bệnh dịch đua nhau nổi dậy, nhân dân đói kém, tàn hại lẫn nhau. Nếu người

⁹⁴³ Bốn đức là thường, lạc, ngã và tịnh. Bốn đức này là quả của Niết-bàn. Ba y là bát-nhã, giải thoát và pháp thân. Ba y này là thể của niết-bàn. Theo cách viết tiếng Phạn thì chữ ‘Y’ (伊) chỉ là ba cái chấm (tam điểm). Một chấm ở trên biểu thị cho pháp thân. Hai chấm ở dưới: chấm bên trái biểu thị cho bát-nhã, chấm bên phải biểu thị cho giải thoát. Đây là căn cứ theo năng y, sở y mà luận. Kinh Niết-bàn ghi: “Đức Như Lai tuyên bố: ‘Nay Ta an trú trong ba pháp như thế là vì các chúng sinh, gọi là nhập niết-bàn.’”

⁹⁴⁴ Lưu Hướn (劉向, 77 TCN – 6 TCN), tự Tử Chính, tên thật là Canh Sinh, về sau đổi thành Hướn, dòng dõi tôn thất nhà Hán, người huyện Bái, quận Bái, Dự Châu, Trung Quốc. Là học giả, nhà chính trị thời Tây Hán. Trước tác để lại khá nhiều gồm Biệt lục, Tân tự, Thuyết uyển, Liệt nữ truyện, Liệt tiên truyện, Hồng Phạm ngũ hành. Đồng thời còn biên soạn và hiệu đính Chiến Quốc sách, Sở Từ.

⁹⁴⁵ Kinh Dịch, Hệ từ thượng: Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi至尊, 其孰能與於此? (易無思也，無為也，寂然不動，感而遂通天下之故，非天下之至尊，其孰能與於此?)

trì giới thì phần nhiều các trời tăng thêm có đủ oai quang, A-tu-la giảm bớt, rồng ác không sức lực, rồng thiện có thêm sức lực. Rồng thiện có sức lực thì gió mưa thuận thời, bốn khí hòa sương, mưa ngọt đúng lúc, trăm thứ lúa thóc được mùa, nhân dân an lạc, giặc giã chấm dứt, bệnh dịch chẳng lây lan.”

Người quân tử nói: “Thái Tiêu Ân Thư, Vô Thượng Chân Thư, v.v. của Đạo sĩ, có nói: “Vô thượng Đại đạo quân⁹⁴⁶ ngự trị tại núi Ngọc Kinh, trong cõi trời Đại La, trên năm mươi lăm lớp vô cực, nơi có đài bảy báu, giường vàng ghế ngọc, chỗ tiên đồng ngọc nữ hầu canh, ở ngoài ba cõi và ba mươi ba tầng trời.”

Căn cứ Thần Tiên Ngũ Nhạc Đồ nói: “Đại Đạo Thiên Tôn ngự ở đô Thái Huyền, châu Ngọc Quang, quận Kim Chân, huyện Thiên Bảo, hương Nguyên Minh, lý Định Chí, chỗ không có tai họa.”

Kinh Linh Thư nói: “Đại La là cõi trời trên năm ức năm vạn năm ngàn năm trăm năm mươi lăm lớp trời.

Ngũ Nhạc Đồ nói: “Đô (都), là đồ (睹, thấy) vậy. Thái thượng Đại đạo là bậc thần minh quân, trung đạo của đạo, giữ tĩnh lặng, ngự ở kinh đô Thái Huyền.”

Chư Thiên Nội Âm nói: “Trời cùng các Tiên gióng trống của Lâu Đô, yến hội triều đình để vui cùng Đạo Quân.”

Mục lục kinh của Đạo sĩ tâu trình lên Tống Minh Đế đều nói y theo mục lục của Lục Tu Tĩnh⁹⁴⁷, đạo sĩ đời Tống, nhưng xét kiểm chỉ có 1.228 quyển [kinh thư, phương dược, phù đồ của Đạo giáo]. Nó vốn không có tên Tạp thư của Chư tử, mà

⁹⁴⁶ Vô thượng Đại đạo quân (無上大道君) là Thái thượng Lão quân (太上老君), tôn hiệu một vị thần tiên tối cao trong Đạo giáo Trung Quốc, là một trong Tam Thanh. Thông thường Thái thượng Lão quân được đồng nhất với Lão Tử, tuy nhiên trong Đạo giáo thì Lão Tử chỉ là một hoá thân giáng trần của Thái thượng Lão quân.

⁹⁴⁷ Lục Tu Tĩnh (陸修靜, 406-477), tự là Nguyên Đức, quê ở Đông Thiên, Ngô Hưng (nay là huyện Ngô Hưng của Chiết Giang), Trung Quốc, là một đạo sĩ, người đã thực hiện cải cách Nam Thiên Sư Đạo, nhánh phía nam của Ngũ Đẩu Mễ Đạo.

Đạo sĩ nay liệt kê có 2.040 quyển, trong đó đa phần lấy từ mục lục của Hán thư Nghệ Văn Chí⁹⁴⁸, có 884 quyển là kinh luận của Đạo giáo. (...)

Đào Chu⁹⁴⁹ là Phạm Lãi, người thân cận theo hầu Việt vương Câu Tiễn. Vua tôi thấy đều bị bắt giam tù ở nhà Ngô, ăn phần uống nước tiểu cũng đành cam chịu. Lại nữa, con Phạm Lãi bị giết ở Tề Phụ. Nếu Phạm Lãi đã có thuật biến hóa, tại sao không biến hóa để thoát khỏi?

Căn cứ Đạo Lập Thiên Địa Ký nói: “Lão Tử thác sinh trong bụng của Hoàng hậu U Vương⁹⁵⁰. Nói cách khác, Lão Tử là con của U Vương⁹⁵¹. Lại nói: “Bản thân làm Trụ sử.” Nói cách khác, Lão Tử là bày tôi của U Vương. Hóa Hồ Kinh nói: “Lão Tử ở Hán triều làm Đông Phương Sóc⁹⁵².” Nếu xét vậy, biết U Vương bị Khuyển Nhung⁹⁵³ giết hại, đâu có thể chẳng mền thương vua cha mà cho thần phù để khiến vua cha không bị giết ư? (...)

⁹⁴⁸ Nghệ Văn Chí (藝文志) là sách tổng thuật các học phái, nguồn gốc các học khoa, ghi chép tình hình tàng thư của hoàng gia thời Tây Hán, là văn hiến trọng yếu của lịch sử văn hoá cổ đại Trung Quốc.

⁹⁴⁹ Đào Chu (陶朱) là tác giả của Biến Hóa Thuật Kinh (變化術經).

⁹⁵⁰ Thân hậu (申后; ? - ?) hay còn gọi Thân Khương (申姜), là Vương hậu đầu tiên của Chu U vương trong lịch sử Trung Quốc, vua thứ 12 của nhà Chu. Bà là mẹ Chu Bình vương, vị vua đời sau. Hai mẹ con bà bị phế do Chu U vương sủng ái mỹ nhân Bao Tự. U vương phế và phế cả ngôi thái tử của Nghi Cửu - con trai bà, lập con của Bao Tự làm thái tử. Nhờ cha bà là Thân hầu liên thủ với quân Khuyển Nhung, con trai bà được khôi phục quyền kế vị và lên ngôi năm 770 TCN.

⁹⁵¹ Chu U vương (周幽王, 800 TCN - 771 TCN), tên là Cơ Cung Tinh (姬宮涅), là vị vua thứ 12 của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông cũng là vị vua cuối cùng của thời kỳ Tây Chu.

⁹⁵² Đông Phương Sóc (東方朔, 154 TCN - 93 TCN), là một học giả nổi tiếng ở tỉnh Sơn Đông, cùng thời với Tư Mã Thiên và dưới thời Hán Vũ Đế Lưu Triệt.

⁹⁵³ Khuyển Nhung (犬戎) là một bộ lạc dân tộc thiểu số nằm ở phía tây bắc Trung Quốc cổ đại (nay thuộc khu vực Ninh Hạ, phía đông Cam Túc) hoạt động vào thời nhà Chu và các triều đại sau này, Ngôn ngữ của họ thuộc chi nhánh ngữ tộc Tạng-Miến, ngữ hệ Hán-Tạng. Năm 771 TCN, Thân Hầu mời Khuyển Nhung cùng tiến đánh Chu U Vương, chiếm cứ thủ đô Cảo Kinh của nhà Chu, giết chết Chu U Vương, bắt sống Bao Tự, sau đó rút lui khi được nhà Chu hối lộ một khoản tiền, Cửu đỉnh bị cướp, đô thành bị cướp phá nặng nề.

Đã tham khảo mục lục của Lục Tu Tĩnh rồi, nhưng nó không có bản chánh, sao nói bậy quá vậy! Lục Tu Tĩnh làm danh mục đã là sự lừa dối lớn, mà Huyền Đô Lục [dựa vào đó] lại là sự lừa dối kết hợp với sự lừa dối vậy.”⁹⁵⁴

(106)

Lại nói:

“Trong Đại Kinh nói: ‘Đạo có 96 thứ, chỉ có một đạo Phật là chánh đạo, ngoài ra, 95 thứ đều là ngoại đạo.’ Trẫm bỏ ngoại đạo đề phụng thờ Như Lai. Nếu công khanh nào có thể cùng vào thế nguyện này, thì mỗi người tự có thể phát tâm Bồ-đề. Lão Tử, Chung Công, Khổng Tử tuy là đệ tử Đức Như Lai, hướng dẫn người khác nhưng đã đi sai đường rồi. Những lời dạy của họ chỉ là thiện của thế gian, chẳng thể rời xa phàm trần mà thành Thánh. Công khanh bá quan, hầu vương tôn thất, nên bỏ ngụy trở về chân, xả tà vào chánh. Thế nên, kinh giáo trong luận Thành Thật nói: ‘Nếu tâm phụng sự ngoại đạo sâu nặng, tâm phụng sự Phật pháp thường nhẹ, thì là tà kiến. Nếu tâm bình đẳng như nhau, thì là vô ký, không tương ứng với thiện hay ác. Còn tâm phụng sự Phật lớn mạnh, tâm phụng sự Lão Tử yếu kém, mới thật là Thanh tín.’ Nói về Thanh tín. Thanh, có nghĩa là trong sạch cả trong lẫn ngoài, tất cả cấu uế và hoặc lụy đã được loại bỏ hoàn toàn. Tín, có nghĩa là phó thác bản thân cho điều đúng đắn và thoát khỏi tà kiến. Vì vậy, người ta

⁹⁵⁴ Biện Chánh Luận (辯正論), No. 2110, 8 quyển, ngài Pháp Lâm (572-640) đời Đường soạn, quyển 6 – quyển 8, tr. 524c26 – 547a16. Vào thời vua Cao Tổ nhà Đường, đạo sĩ Lý Trọng Khanh soạn luận Thập Dị Cửu Mê, Lưu Tiến Hỷ soạn luận Hiến Chánh, dèm chê Phật giáo là bỏ lễ nghĩa thân tộc, bất nhân bất hiếu. Phần đông người thời bấy giờ tin theo thuyết ấy. Đáp lời thỉnh của quan Hữu bộc xạ Đỗ Như Hối, ngài Pháp Lâm mới soạn bộ luận này để bác lại hai bộ luận trên. Trong tác phẩm của mình, ngài Pháp Lâm trích dẫn rất nhiều sách sử Phật điển để chứng minh rằng Phật giáo vượt trội hơn Đạo giáo. Nội dung chia làm 12 thiên gồm: (1) Tam giáo trị đạo; (2) Thập đại phụng Phật; (3) Phật đạo tiên hậu; (4) Thích lý sư tư; (5) Thập dụ; (6) Cửu châm; (7) Khí vi đạo bản; (8) Tín hủy giao báo; (9) Phẩm tảo chúng thư; (10) Xuất đạo ngụy mậu; (11) Lịch đại tương thừa; (12) Quy tâm hữu địa; nói về lòng tin Phật của các bậc Đế vương, hoàng tộc cho đến các danh thần trải qua các đời, các vấn đề như đạo Phật có trước hay Đạo giáo có trước, rồi đến các kinh điển và giáo lý ngụy tạo của Đạo giáo v.v... Trong 12 thiên thì thiên thứ 5 là Thập dụ và thiên thứ 6 là Cửu châm là nhằm bác lại luận điệu của đạo sĩ Lý Trọng Khanh trong luận Thập Dị Cửu Mê. Ở cuối quyển có phụ thêm thư của soạn giả gửi quan Thượng thư Hữu bộc xạ Thái Quốc Công.

thường gọi là ‘đệ tử của Đức Phật có đức tin thanh tịnh’. Những đức tin khác đều là tà kiến, chúng không thể được gọi là Thanh tín. (...)

Hãy loại bỏ những lời dạy sai lầm của Lão Tử và đi vào những lời dạy chân chánh của Pháp lưu!⁹⁵⁵

(107)

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

“Thượng phương chư Phật như hằng sa
Đưa ra tướng lưới trùm Ta-bà
Thập ác, ngũ nghịch, nhiều nghi báng
Tin tà, thờ quỷ, nuôi thần ma
Vọng tưởng xin ơn gọi có phước
Tai chướng hoạn nạn chuyển càng nhiều
Mấy năm nằm bệnh liệt giường chiếu
Điếc đui, chân gãy, tay co quắp
Phụng thờ thần minh được báo này
Vì sao không bỏ, niệm Di Đà.”⁹⁵⁶

(108)

Pháp Giới Thứ Đệ⁹⁵⁷ của Thiên Thai nói:

“Một là, quy y Phật. Kinh [Đại Niết Bàn] nói: ‘Người quy y nơi Phật, [Chánh gọi Ưu-bà-tắc,] Trọn đời không quy y, Các thiên thần nào khác.’⁹⁵⁸

⁹⁵⁵ Biện Chánh Luận, quyển 8, tr. 549c01.

⁹⁵⁶ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 434c11.

⁹⁵⁷ Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn (法界次第初門): Gọi tắt là Pháp Giới Thứ Đệ. Tác phẩm, 3 quyển, do ngài Trí Khải soạn vào đời Tùy, được thu vào Đại chánh tạng, tập 46. Nội dung sách này trình bày giáo nghĩa A-tỳ-đàm và danh mục của các pháp, đồng thời, nói rõ về thứ lớp sâu cạn của các giáo học để làm thêm bậc cho những người tu tập Tam quán. Từ Sơ môn Danh sắc đến Tam niệm xứ tổng cộng gồm 60 Sơ môn. Tam Quy là Sơ môn thứ 13.

Lại nói: ‘Người quy y nơi Phật, Quyết không đọa đường ác.’⁹⁵⁹

Hai là, quy y Pháp, nghĩa là nên quy y và thực hành những gì bậc Đại Thánh đã dạy, dù đó là giáo hay lý.

Ba là, quy y Tăng, nghĩa là tâm quy y những người xuất gia và thực hành đúng giáo lý của Ba thừa. Thế nên Kinh [Đại Niết Bàn] nói: ‘Trọn đời không quy y, Các ngoại đạo nào khác.’

(109)

Đại sư Từ Vân nói:

“Về pháp cúng tế, ở Thiên Trúc có kinh Vệ-đà, ở Trung Quốc có sách nghi lễ tế tự, nhưng vẫn chưa dẫn đến sự giải thoát thế gian, mà chỉ là quyền phương tiện để luận bàn chân, khuyên nhủ tục.”⁹⁶⁰

(110)

Pháp sư Đế Quán⁹⁶¹ ở Cao Ly nói:

“Ngạ quỷ đạo, Phạn ngữ là ðề-lê-đa. Ngạ quỷ đạo ở khắp cả các cõi. Những người có phước đức thì làm thần trong núi, rừng, gò má, miếu thờ. Những kẻ không phước đức thì ở chỗ chẳng sạch, chẳng được ăn uống, luôn bị đánh đập, ngăn sông, lấp biển, chịu khổ vô lượng. Những chúng sinh nào có tâm ý siểm

⁹⁵⁸ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 8, phẩm Như Lai Tánh, tr. 409c15.

⁹⁵⁹ Kinh Tạp A-hàm, kinh số 1192, Tập Hội.

⁹⁶⁰ Lạc Bang Văn Loại (樂邦文類), No. 1969A, quyển 2, tr. 168a12.

⁹⁶¹ Sa-môn Đế Quán (諦觀): Vị cao tăng người Cao Ly sống vào khoảng thế kỷ thứ X Tây lịch. Sư tinh thông pháp giáo quán của tông Thiên Thai, rất có đạo hạnh, được Quốc vương Cao Ly quý trọng. Vào cuối đời Đường đầu đời Ngũ đại, Trung Quốc bị loạn lạc liên miên, hầu hết sách vở của tông Thiên Thai đã bị mất mát. Ngô Việt Vương là Tiền Hoằng Thực muốn phục hưng giáo pháp Thiên Thai, mới sai sứ đến Cao Ly cầu thỉnh. Khoảng năm Kiến Long (960 - 962) đời vua Thái Tổ nhà Bắc Tống, sư phụng mệnh Quốc vương Cao Ly đem các bộ Thiên Thai đến Trung quốc. Sư tới viện Truyền giáo ở Loa Khê trên núi Thiên Thai, tham lễ đại sư Nghĩa Tịch của tông Thiên Thai đương thời, ngay lời nói của ngài Nghĩa Tịch, sư có chỗ tỉnh ngộ, liền lễ ngài làm thầy. Sau đó, sư ở lại Loa Khê được 10 năm thì viên tịch. Sư có tác phẩm: Thiên Thai Tứ Giáo Nghi.

cuồng⁹⁶², gây tạo ngũ nghịch và thập ác ở hạ phẩm, thì nhận chịu cái thân của nga quỷ đạo.”⁹⁶³

(111)

Pháp sư Thần Trí⁹⁶⁴ giải thích:

“Nga quỷ đạo: Nga, chỉ cho sự đói khát liên tục. Quỷ, chỉ cho sự trở về. Thi Tử nói: “Người xưa gọi người chết là ‘quy nhân’ (歸人, người trở về).” Lại nữa, nhân thân được gọi là quỷ (鬼), địa thần được gọi là kỳ (祇) ... Về hình thức, họ có thể giống con người hoặc giống động vật. Tâm không chánh trực, gọi là siểm cuồng.”⁹⁶⁵

(112)

Luật sư Đại Trí nói:

⁹⁶² Theo Duy Thức Luận, siểm là sự cong vạy vì để dối gạt người nên làm ra dáng vẻ. Người siểm khúc thường muốn che mắt người, uốn cong theo thời thế, giả bày phương tiện để lung lạc tình ý của người, hoặc che dấu khuyết điểm của mình, không chịu nhận sự khuyên răn của thầy bạn. Cuồng là sự nguy trá với mục đích thu hoạch lợi lộc, danh dự mà giả trang đạo đức. Kẻ giả trang đạo đức thường nghĩ mưu chước trong lòng, đa phần hiện tướng không thật với mục đích tà mạng.

⁹⁶³ Thiên Thai Tứ Giáo Nghi (天台四教儀), No. 1931, Sa-môn Đế Quán sao lục, tr. 776a25.

⁹⁶⁴ Thần Trí (神智, 1042-1091). Danh tăng Trung quốc, sống vào đời Bắc Tống, người ở Bình Dương, Ôn Châu, họ Diệp, pháp danh Tùng nghĩa, tự Thúc Đoan, thụy Thần Trí. Sư xuất gia năm 8 tuổi, 17 tuổi, tụng kinh Pháp hoa được độ làm tăng, theo học ngài Phù tông Kế trung ở Tứ minh. Về sau, sư trụ các chùa: Đại Vân, Chân Bạch, Ngũ Phong, Bảo Tích, Diệu Quả ... người đến theo học rất đông. Trong các tập giải do sư chú thích bổ sung, sư ước đoán kinh Phật theo ý mình để nghị luận tông phái khác, như bàn về việc vọng phán Hoa Nghiêm của ngài Hiền Thủ, luận về việc chuyên dùng Duy Thức của ngài Từ Ân, bài bác sự hoang đường trong việc truyền thừa giữa 28 vị Tổ Thiền tông. Về già, sư trụ ở chùa Thọ Thánh, phát huy tông phong rực rỡ. Tuy sư xuất thân từ phái Sơn Gia nhưng lại khác với Sơn Gia chính thống, dùng nghĩa của chính mình làm nòng cốt, cho nên người đời sau gọi sư là Hậu sơn ngoại. Năm Nguyên Hựu thứ 6 (1091), sư tịch, hưởng dương 50 tuổi. Sư có các tác phẩm: Tam đại bộ bổ chú, 14 quyển; Quang minh văn cú tân ký, 7 quyển; Quán kinh sơ vãng sinh ký, 4 quyển; Thập bát nhị môn viên thông ký, 3 quyển; Thiên thai tứ giáo nghi tập giải, 3 quyển; Tịnh danh lược ký, 10 quyển; Sưu huyền ký, 3 quyển; Kiến Phật tổ thống ký, 21 quyển.

⁹⁶⁵ Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Giải (天台四教儀集解), X57n0976, Sa-môn Thích Tùng Nghĩa soạn.

“Thần, là quỷ thần. Họ thuộc về bốn cõi: chư thiên, A-tu-la, quỷ và địa ngục.”⁹⁶⁶

(113)

Luật sư Giới Độ nói:

“Ma là chúng sinh ở đường ác.”⁹⁶⁷

(114)

Ma Ha Chi Quán, phần Quán ma sự cảnh, ghi:

“2. Nói về Ma phát tướng: Điểm chung là ‘quản lãnh (chủ) và quyền thuộc’ (dân) đều gọi là ma. Tìm kỹ điểm khác biệt, không ngoài ba thứ: một là, nịnh dịch quỷ; hai là, thời mị quỷ; ba là, ma-la quỷ. Ba thứ phát tướng, mỗi một khác nhau.”⁹⁶⁸

(115)

Ngài Nguyên Tín dựa vào Luận Chỉ Quán, nói:

“Ma dựa vào phiền não để cản trở Bồ-đề. Quỷ gây ra bệnh dữ để tước đoạt mạng căn.”

(116)

Luận Ngũ nói:

⁹⁶⁶ Vu Lan Bồn Kinh Sớ Tân Ký (孟蘭盆經疏新記), X21n0372, 2 quyển, đời Đường Tông Mật sớ, đời Tống Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu (Đại Trí) ký.

⁹⁶⁷ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Phù Tân Luận (觀無量壽經扶新論), X22n0419, 1 quyển, đời Nam Tống Luật sư Giới Độ thuật.

⁹⁶⁸ Ma-ha Chi Quán (摩訶止觀), No. 1911, 10 quyển, Trí Khải thuyết, quyển 8, tr. 115a19.

“Quý Lộ hỏi đạo thờ quỷ thần. Không tử đáp: Chưa biết đạo thờ người, sao biết được đạo thờ quỷ thần?”⁹⁶⁹

(117)

Suy ngẫm riêng tôi, thấy rằng trong Thánh đạo chư giáo, việc thực hành và chứng ngộ từ lâu phé bỏ; còn ở Tịnh độ Chân tông, con đường dẫn đến chứng ngộ hiện đang hưng thịnh.

Tuy nhiên, chư vị Thích môn ở các tự viện đã thiếu cái nhìn sâu sắc về giáo lý, không biết gì về cánh cửa chân giả. Các vị Nho lâm ở kinh đô Lạc Dương thì bối rối về việc thực hành, không phân biệt được con đường chánh tà. Vì vậy, các học đồ của Hưng Phước Tự đã dâng tờ tấu trạng lên Thái thượng Thiên hoàng⁹⁷⁰ {hiệu Hậu Điều Vũ Viện, húy Tôn Thành} và Kim thượng⁹⁷¹ {hiệu Thổ Ngự Môn Viện, húy Vi Nhân}, vào thượng tuần Trọng Xuân, Thánh lịch Thừa Nguyên, năm Đinh Mão (1207).⁹⁷²

⁹⁶⁹ Luận Ngữ, XI.11 Tiên Tiến. “Lại hỏi: Con xin mạo muội hỏi về sự chết. Đáp: Sự sống còn chưa biết, sao biết được sự chết?”

⁹⁷⁰ Hậu Điều Vũ Thiên hoàng (後鳥羽天皇, Go-Toba-tennō, 6 tháng 8 năm 1180 – 28 tháng 3 năm 1239) là vị Thiên hoàng thứ 82 của Nhật Bản, theo Danh sách Thiên hoàng truyền thống. Ông ở ngôi từ năm 1183 đến năm 1198. Thụy hiệu của vị Thiên hoàng ở thế kỷ XII này là Hậu Điều Vũ Thiên hoàng, được đặt theo thụy hiệu của Thiên hoàng Toba (Điều Vũ Thiên hoàng) và hậu (後, go). Từ go trong tiếng Nhật cũng có thể được dịch là "người thứ hai"; và trong một số tư liệu cổ, vị Thiên hoàng này cũng được viết là "Điều Vũ đệ nhị" hay "Điều Vũ II".

⁹⁷¹ Thổ Ngự Môn Thiên hoàng (土御門天皇, Tsuchimikado-tennō, 3 tháng 1 năm 1196 – 6 tháng 11 năm 1231) là Thiên hoàng thứ 83 của Nhật Bản theo danh sách kế thừa truyền thống. Triều Tsuchimikado kéo dài từ năm 1198 đến năm 1210. Kim thượng là tiếng xưng Hoàng đế tại vị.

⁹⁷² Trinh Khánh (貞慶, Jōkei, 1155-1213) chính là tác giả của Hưng Phước tự tấu trạng (興福寺奏狀, Kōfuku-ji Sōjō, The Kōfukuji Petition) trong đó phê phán Pháp Nhiên (法然, Hōnen) theo quan điểm vốn có của giới Phật giáo. Trinh Khánh là người đã học Pháp Tướng tông ở Hưng Phước Tự, sau đó ở ẩn trong Lạp Trí Tự (笠置寺, Kasagidera). Về điểm này ông cũng giống Pháp Nhiên vì cùng là Độn thế tăng (遁世僧), nhưng ông vừa là người tạo nên sự phát triển mới của Pháp Tướng Duy thức học, vừa mở rộng tín ngưỡng Di Lạc, nên có vị trí quan trọng trong giới Phật giáo lúc bấy giờ. Bản tấu Hưng Phước tự tấu trạng đã phê phán những người tu tập niệm Phật trong giáo đoàn của Hōnen là khuếch trương tà giáo với lời răn Tạo ác vô ngại, làm đảo lộn trật tự xã hội và yêu cầu nhà nước phải đình chỉ hoạt động của họ.

Chương đầu của Bản tấu trạng đã chỉ trích 9 điều như sau: (1) Không có sắc chỉ hứa khả của triều đình mà tự xưng là Tông Niệm Phật; (2) Vẽ ra đồ hình Nhiếp Thủ Bất Xả Mạn-trà-la mà phỉ báng hành giả của Thánh Đạo Môn; (3) Quy y theo chỉ một Đức Phật A Di Đà, còn các Phật khác, đặc biệt là Đức Thích Tôn thì không lễ bái (nghĩa là khinh

Chúa thượng và quan hạ đã quay lưng với pháp và làm trái với nghĩa, trở nên tức giận và cay đắng. Kết quả là, Pháp sư Nguyên Không – Đại Tổ hưng long Chân tông [ở Nhật Bản] – và một số môn đồ của ông, không nhận được bất kỳ sự cân nhắc kỹ lưỡng nào về tội ác [được cho là] của họ, đã bị kết án tử hình, hoặc bị tước bỏ Tăng nghi, đặt tên họ [thế tục] và bị đày đi xa.

Do đó, bây giờ tôi không phải là Tăng sĩ, cũng không phải là một người đời. Vì lý do này, tôi đã lấy chữ ‘Ngốc’ làm họ của mình. Thầy Nguyên Không và các đệ tử đã bị đày đến các châu khác nhau, trải qua thời gian 5 năm [lưu đày].

Niên hiệu Kiến Lịch (建曆), ngày 17 tháng 11 năm Tân Mùi (1211), dưới thời trị vì của hoàng đế Thủ Thành Thánh Đại, Nguyên Không nhận được lệnh ân xá của hoàng gia và trở về Lạc Dương (Kyoto). Sau đó, Thầy sống ở kinh đô, vùng Đại Cốc (Ōtani), phía bắc Điều Bộ Dã (Toribeno), chân núi phía tây Đông Sơn (Higashiyama). Kiến Lịch thứ hai, năm Nhâm Thân (1212), vào giữa trưa ngày 25 tháng Giêng, ngài Nguyên Không viên tịch. Những dấu hiệu tốt lành [xảy ra lúc đó], quá nhiều để ghi ra đây, có thể xem trong biệt truyện của ngài.

(118)

Tôi, Ngu Ngốc Thích Thân Loan, đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni, đã từ bỏ tạp hành và quy y Bản nguyện vào niên hiệu Kiến Nhân (建仁), năm Tân Dậu (1201).

Niên hiệu Nguyên Cửu (元久), năm Ất Sửu (1205), Thầy Nguyên Không, với tâm từ bi, đã cho phép tôi sao chép Tuyển Trạch Bản Nguyện.

thị Đức Thích Tôn); (4) Xem thường các thiện căn khác ngoài niệm Phật; (5) Không lể lạy chư vị Thần minh; (6) Chỉ chọn niệm Phật mà thôi, ngoài ra thì bỏ hết các hạnh khác; (7) Trong niệm Phật thì phải lấy quán niệm làm gốc, lấy đa niệm làm nguồn, nhưng lại ngộ nhận mà chỉ có giới hạn trong việc ‘niệm bằng miệng’ thôi; (8) Lấy việc pháp giới làm Tông mà đón nhận chúng đạo tục vào; (9) Việc làm phát triển hạnh chuyên tu niệm Phật mà không lập cước trên sự tương tức của phép vua và Phật pháp thì sẽ đem đến loạn lạc cho đất nước.

Cùng năm đó, vào ngày 14 tháng 4, Đạo sư tự tay viết bên trong quyển Tuyền Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập⁹⁷³, với dòng chữ, “Nam mô A Di Đà Phật – Vãng sinh chi nghiệp, niệm Phật vi tiên” và chữ “Thích Xước Không”⁹⁷⁴ [, tên ngài ban cho tôi].

Ngày hôm đó, sự thỉnh cầu mượn bức chân dung của Thầy được chấp nhận và tôi đã sao chép lại.

⁹⁷³ Tuyền Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập (選擇本願念佛集, Senchakuhongannembutsushū): tông điển căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản, thuật về yếu chỉ sâu xa của bốn nguyện do đức Phật A Di Đà tuyển chọn, và thuyết về việc pháp môn Niệm Phật là giáo lý tương ứng với thời mạt pháp; do Nguyên Không (源空, Genkū, tức Pháp Nhiên [法然, Hōnen, 1133-1212]) soạn, 1 quyển; được soạn thuật vào năm 1198 (Kiến Cửu 建久 thứ 9) thể theo lời thỉnh cầu của Cửu Điều Kiên Thật (九條兼實, Kujō Kanezane). Thông thường, tác phẩm này được gọi tắt là Tuyền Trạch Tập (選擇集, Senchakushū). Cơ sở soạn thuật Tuyền Trạch Tập được xem như có trong tác phẩm Nghịch Tu Thuyết Pháp (逆修說法) cũng như Tam Bộ Kinh Thích (三部經釋); cho nên nó được hình thành trước khi đem ra giảng thuyết ở Đông Đại Tự (東大寺, Tōdai-ji) vào năm đầu (1190) niên hiệu Kiến Cửu. Bản thảo hiện tồn ở Lô Sơn Tự (廬山寺), Kyoto; đầu đề hàng chữ “Tuyền Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập (選擇本願念佛集)”, “Nam Mô A Di Đà Phật, Vãng Sanh Chi Nghiệp Niệm Phật Vi Tiên (南無阿彌陀佛、往生之業念佛為先)” tương truyền do chính tay Nguyên Không viết. Nội dung của thư tịch này được chia làm 16 chương: (1) Nhị Môn Chương (二門章), (2) Nhị Hạnh Chương (二行章), (3) Bốn Nguyện Chương (本願章), (4) Tam Bối Chương (三輩章), (5) Niệm Phật Lợi Ích Chương (念佛利益章), (6) Đặc Lưu Chương (特留章), (7) Nhiếp Thủ Chương (攝取章), (8) Tam Tâm Chương (三心章), (9) Tứ Tu Chương (四修章), (10) Hóa Tán Chương (和讚章), (11) Ước Đối Chương (約對章), (12) Phó Chúc Chương (付囑章), (13) Đa Thiện Chương (多善章), (14) Chứng Thành Chương (証誠章), (15) Hộ Niệm Chương (護念章), (16) Ân Cần Chương (慇懃章). Hầu hết các chương đều có trích dẫn văn trong 3 bộ kinh của Tịnh Độ, thuật rõ ý kinh theo giải thích của Đại Sư Thiện Đạo (善導), nêu rõ yếu chỉ đức Phật A Di Đà tuyển chọn chỉ một hạnh Niệm Phật trong muôn vàn pháp môn của Phật đạo, và chính đó là pháp môn duy nhất có thể giúp chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc (s: Sukhāvātī, 極樂). Căn cứ của chủ trương này thông qua quá trình chọn lựa ba tầng, được thể hiện mang tính lý luận; tức làm sáng tỏ vấn đề chính một hạnh Xưng Danh (xưng tán danh hiệu) là Chánh Định Nghiệp. Nhờ chuyên tu Chánh Định Nghiệp này mà được an tâm, như trong đoạn văn khai tông của Quán Kinh Sớ (觀經疏) có giải thích lập trường căn bản là: “Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Di Đà, chẳng kể xa gần thời gian khi đi đứng nằm ngồi, người không xả từng niệm, đây gọi là Nghiệp Chánh Định; vì lẽ thuận theo nguyện của đức Phật kia.” Tuyền Trạch Tập có thể được xem như là thư tịch làm sáng tỏ một cách có hệ thống nội dung khai tông của Tịnh Độ Tông. Sau khi Nguyên Không qua đời, sách này được khai bản, nhưng gặp phải khá nhiều phản hưởng mạnh, như Cao Biện (高辨) ở Mẫu Vĩ (柺尾, Tsugao), Định Chiếu (定照) ở Tinh Hạ (并覆, Namie), v.v., bị phía Thánh Đạo Môn công kích mãnh liệt. Tuy nhiên, chính tác phẩm này đã mang lại ảnh hưởng vô cùng to lớn cho Phật Giáo Liên Thương. Tuyền Trạch Tập được truyền thừa như là điển tịch trọng yếu của chư Tổ; nhưng chung quanh việc giải thích của môn hạ Nguyên Không về thư tịch, lại nảy sinh đối lập, và cuối cùng phát triển thành nhiều dòng phái khác nhau. Chính sự đối lập này càng tăng lên thì nhiều sách chú thích về thư tịch này càng xuất hiện, thậm chí lên đến 521 bộ. Riêng trong Chơn Tông đã có 266 bộ. Nguyên bản hiện được bảo tồn tại Lô Sơn Tự. Tuyền Trạch Tập được thu tập vào trong Pháp Nhiên Thượng Nhân Toàn Tập (法然上人全集) của Thạch Tĩnh Giáo Đạo (石井教道, Ishi Kyōdō), Tịnh Độ Tông Toàn Thư (淨土宗全書). [Thích Nguyên Tâm - Phật Học Tinh Tuyền]

⁹⁷⁴ Thích Xước Không (釋緯空).

Cùng năm đó, vào ngày 9 tháng Bảy nhuận, Đạo sư đã khắc dòng chữ “Nam mô A Di Đà Phật” trong bản sao bức chân dung, và viết một đoạn văn diễn tả chân giáo:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương nguyện sinh vào nước tôi, xưng danh hiệu tôi, nhĩn đến mười tiếng, nương nguyện lực của tôi, nếu như không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

Đức Phật kia nay đã thành Phật. Nên biết rằng, bản thế trọng nguyện chẳng phải vô ích, chúng sinh xưng niệm thì chắc chắn được vãng sinh.”

Hơn nữa, vì tên tôi “Xước Không” đã được đổi theo sự chỉ bảo trong một giấc mơ, nên cùng ngày đó, Thầy đã tự tay viết thư pháp tên mới của tôi. Lúc ấy, Bản sư Thánh nhân được 73 tuổi.

Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập được biên soạn theo thỉnh cầu của Thiền Định Bác Lục⁹⁷⁵ {Nguyệt Luân điện, Kiên Thật, pháp danh Viên Chiếu}.

Trọng yếu giản lược của Chân tông và nghĩa lý uyên áo của niệm Phật đã được tập hợp trong tác phẩm này. Điều này khiến người đọc dễ dàng hiểu được. Quả thật, tác phẩm này là hoa văn hy hữu tối thắng, là bảo điển vô thượng thâm thâm.

Qua nhiều năm tháng, ngàn vạn người thọ nhận giáo lý của Thầy, nhưng dù họ có là thân hay sơ với Thầy, thì rất ít người có cơ hội đọc và chép cuốn sách này. Tuy nhiên, trên thực tế tôi đã sao chép đồ thư và chế tác chân ảnh của Thầy. Đây là đức hạnh của ‘chuyên niệm chánh nghiệp’ và là biểu hiện của ‘quyết định vãng sinh’.

⁹⁷⁵ Thiền Định Bác Lục (禪定博陸): tức Đằng Nguyên Cửu Điều Kiên Thật (藤原九條兼實, Kujō Kaneyane, 1149-1207): vị công gia sống vào khoảng cuối thời Bình An và đầu thời Liêm Thương, vị Tổ của dòng họ Cửu Điều, quy y với Pháp Nhiên Thánh nhân, người đi vào thiền định của Phật môn. Nhờ sự hậu thuẫn của Tướng Quân Nguyên Lại Triều (源賴朝, Minamoto-no-Yoritomo), nên ông được cử lên làm chức Nhiếp Chính, sau thì làm chức Quan Bạch (關白, Kampaku). Ông rất giỏi về Thư Đạo, Hòa Ca; trong nhật ký thì ông lấy tên là Ngọc Diệp (玉葉) và tự xưng là Nguyệt Luân Quan Bạch (月輪關白) hay Bác Lục Quan Bạch (博陸關白).

Vì vậy, cố nén những giọt nước mắt vừa buồn vừa vui, tôi ghi lại những hoàn cảnh đã dẫn đến [việc tôi biên soạn tác phẩm này].

Mừng thay, tâm trí tôi cắm rễ vào Phật địa Hoàng thế, ý nghĩ tôi chảy trong Pháp hải Nan tư. Tôi ý thức sâu xa lòng bi mẫn của Như Lai, và tôi thành tâm tôn kính cái ơn sâu dày của Sư giáo.

Sự mừng vui càng sâu, lòng chí hiếu càng nặng. Vì vậy, tôi đã sao chép sự giảng giải của Chân tông và chọn lấy điểm tinh yếu của Tịnh độ. Chỉ nhớ đến ơn sâu của Đức Phật, tôi không thấy hổ thẹn khi người ta chế nhạo.

Cầu mong những ai thấy và nghe tác phẩm này – hoặc tín thuận làm nhân, hoặc nghi báng làm duyên – hãy công bố tín lạc [của mình] nơi nguyện lực và hiển lộ diệu quả [của Phật] nơi An Dưỡng.

(119)

An Lạc Tập nói:

“Tôi đã tập hợp những lời chân thật để giúp người tu tập được lợi ích vãng sinh. Vì sao? Vì muốn cho người sinh trước dẫn đường người sau, và người sinh sau bắt chước người trước. Như vậy, người vãng sinh liên tục không cùng, nguyện chẳng ngừng nghỉ, để cạn kiệt biển cả ‘sinh tử vô biên’.”⁹⁷⁶

(120)

Do đó, các Tăng sĩ và cư sĩ ở thời kỳ Mạt pháp nên tín kính tôn trọng [giáo lý này]. Nên biết điều này.

(121)

Như kệ tụng trong Kinh Hoa Nghiêm nói:

⁹⁷⁶ An Lạc Tập (安樂集), No. 1958, Đạo Xước soạn, quyển thượng, tr. 4b29.

“Nếu ai thấy Bồ-tát
Tu hành những công hạnh
Khởi tâm thiện, bất thiện
Bồ-tát đều nhiếp lấy.”⁹⁷⁷

Chuyển dịch xong ngày 9/9/2023 (25/7/Quý Mão)

Đệ tử Quảng Minh chí tâm đánh lễ Thập phương Thương trú Tam bảo,
nguyện xin Pháp bảo này lưu thông để chúng sinh được lợi ích vãng sinh.

Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sinh
Đều trọn thành Phật đạo.
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

⁹⁷⁷ Kinh Hoa Nghiêm, No. 279, quyển 75, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 412c25.

